TRỊNH VĨNH THƯỜNG

CHINH CHIẾN VÀ TỪ BỎ

NGHIÊN CỨU QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC ĐỜI MINH

NGUYỄN PHÚC AN
Dịch và khảo chú

征戰與棄守：明代中越關係研究

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỊNH VĨNH THƯỜNG

CHINH CHIẾN VÀ TỪ BỎ

NGHIÊN CỨU QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC ĐỜI MINH

征戰與棄守：明代中越關係研究

NGUYỄN PHÚC AN
Dịch và khảo chú

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục lục

- Lời tựa của Tác giả 9

Chương I: QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRƯỚC ĐỜI MINH 13

Chương II: QUAN HỆ TRUNG QUỐC - AN NAM THỜI KỲ NHÀ MINH ĐỜI HỒNG VŨ (1368-1398) 37

1. Tiếp xúc ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc những năm đầu đời Hồng Vũ 39
2. Thái độ xử lý vấn đề chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành của Minh Thái Tổ 48
3. Đối sách của Minh Thái Tổ trong việc phế lập nội bộ An Nam và những tranh chấp biên giới Việt - Trung 56
4. Lời kết.....64

Chương III: MINH THÀNH TỔ XUẤT BINH AN NAM VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT QUẬN HUYỆN Ở ĐẤT ẤY 67

1. Lời đầu.....69
2. Đầu đuôi chuyện ghét nhau giữa nhà Minh và họ Hồ ở An Nam 70

3. Sự điều động và tiến công của quân Minh và phân tích nguyên do bại vong của họ Hồ 91

4. Luận về nguyên nhân khiến Minh Thành Tổ dụng binh ở An Nam 113

5. Về vấn đề đặt An Nam làm quận huyện..... 129

6. Lời kết..... 141

Chương IV: AN NAM DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA TRUNG QUỐC ĐỜI MINH VĨNH LẠC (1407-1424)..... 143

1. Lời đầu..... 145

2. Nổi dậy và bình định Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng..... 147

3. Những cuộc nổi dậy trên toàn cõi An Nam 170

4. Luận bàn về căn nguyên nổi dậy ở An Nam..... 196

5. Lời kết..... 219

Chương V: MINH TUYÊN TÔNG TỪ BỎ AN NAM 223

1. Lời đầu..... 225

2. Sự nổi dậy và mở rộng của Lê Lợi..... 225

3. Sự bại lui và rút khỏi An Nam của quân Minh..... 246

4. Lựa chọn từ bỏ An Nam của Minh Tuyên Tông cùng với việc khôi phục quan hệ Việt Nam - Trung Quốc..... 265

5. Lời kết..... 276

Chương VI: CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT
CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI
CHÍNH QUYỀN HỌ MẠC Ở AN NAM
ĐỜI MINH GIA TĨNH (1522-1542) 281

1. Lời đầu..... 283

2. Diễn biến cục diện chính trị ở An Nam
trước đời Minh Gia Tĩnh và quá trình quật khởi
của Mạc Đăng Dung..... 287

3. Thái độ của Minh Thế Tông đối với cục diện chính trị
ở An Nam: từ thờ ơ đến dụng binh..... 293

4. Tranh luận về việc dụng binh An Nam
của các quan viên từ trung ương đến địa phương..... 299

5. Mạc Đăng Dung đến hàng và ngoại giao bí mật..... 314

6. Lời kết..... 330

Chương VII: KẾT LUẬN..... 333

- Phụ lục..... 339
- Phụ lục của người dịch..... 340
  - Phụ lục 1: Hịch văn Trương Phụ kể 20 tội ác
  của Hồ Quý Ly.....
  - Phụ lục 2: Chiếu lệnh của Minh Thành Tổ
  đổi An Nam thành quận Giao Chỉ .....
  - Phụ lục 3: Thân minh giáo hoá bảng văn .....
  - Phụ lục 4: Áng văn Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.....

- Mục lục Tài liệu tham khảo 372
  - 〔一〕中國古籍.....
  - 〔二〕越南古籍.....
  - 〔三〕近人著作.....
- Thư mục Tài liệu tham khảo của người dịch 386

Chương I

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TRƯỚC ĐỜI MINH

Khu vực miền Bắc Việt Nam, thời cổ xưa gọi là Giao Chỉ 交趾, trong các thư tịch Tiên Tần[1] nhắc đến, thì được đề cập nhiều. Ví dụ như *Mặc Tử - Tiết dụng* nói: "Ngày xưa, vua Nghiêu trị vì thiên hạ, về phía Nam vỗ yên đến Giao Chỉ, về phía Bắc hàng phục đến U Đô[2], phía Đông và Tây thì đến cả nơi mặt trời mọc lên và lặn xuống, chẳng đâu không chinh phục."[3] Lại như *Hoài Nam Tử - Chủ Thuật Huấn* nói: "Xưa Thần Nông trị vì thiên hạ... phía nam đất ấy đến tận Giao Chỉ."[4] Nhưng ghi chép này cho thấy dân tộc Hán 漢 sinh sống ở lưu vực sông Hoàng Hà 黃河, từ thời kỳ Tiên Tần sớm sủa đã bắt đầu chú ý đến vùng đất Hoa Nam 華南. Khi lịch sử bước vào triều đại nhà Tần 秦, thì quan hệ Việt Nam - Trung Quốc mới chính thức được triển khai. Sau khi nhà Tần tiêu diệt sáu nước xong thì tích cực mở rộng về phương Nam, chính vào năm Tần Thuỷ Hoàng thứ 33 (214 TCN) lệnh cho các tướng Đồ Thư 屠睢, Nhậm Hiệu 任囂, Triệu Đà 趙佗 thống lĩnh đại quân tiến đánh khu vực Lưỡng Quảng 兩廣, cuối cùng thì thiết lập ba quận: Nam Hải 南海, Quế Lâm 桂林 và Tượng Quận 象郡. Để tăng cường phòng thủ, Tần Thuỷ Hoàng đã đưa 50 vạn dân xuống phía Nam để làm mạnh biên cương.[5] Trên thực tế, khu

1. Tiên Tần 先秦: thuật ngữ nói đến thời kỳ trước khi Tần Thuỷ Hoàng 秦始皇 thống nhất Trung Quốc lập ra nhà Tần. (NPA)
2. U Đô 幽都: là khu vực Bắc Kinh 北京, Thiên Tân 天津 ngày nay. (NPA)
3. *Mặc Tử* 墨子, quyển 6, (*Nhị thập nhị tử* 二十二子, quyển 3), Nxb Tiên Tri, 1976, tr. 180. Nguyên văn: 《墨子・節用》：「古者堯治天下，南撫交趾，北降幽都，東西至日所出入，莫不賓服。」
4. Cao Dụ 高誘, *Hoài Nam Tử* 淮南子, quyển 9, (*Nhị thập nhị tử* 二十二子, quyển 9), Nxb Tiên Tri, 1976, tr. 347-348. Nguyên văn: 《淮南子・主術訓》：「昔者神農之治天下……其地南至交趾。」
5. *Hoài Nam Tử*, quyển 18, tr. 820-821, chép Tần Thuỷ Hoàng "thấy món lợi sừng tê, ngà voi, ngọc phỉ thuý, châu ngọc của người Việt, bèn sai uý Đồ Thư phát 50 vạn quân... đánh nhau với người Việt." Nguyên văn: 利越之犀角、象齒、翡翠、珠璣，乃使尉屠睢發卒五十萬爲五軍……與越人戰。

vực miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ chưa hoàn toàn bị người Tần thống trị. Cho đến cuối đời nhà Tần thiên hạ đại loạn, tướng nhà Tần là Triệu Đà mới thừa thế cắt chia Lưỡng Quảng, tự xưng là Nam Việt Vương 南越王, đồng thời trong năm Tần Nhị Thế 秦二世 thứ 3 (207 TCN) mới xua quân đánh chiếm Giao Chỉ, vùng đất Giao Chỉ bị người Trung Quốc 中國 khống chế, Hán hoá cũng bắt đầu triển khai từ lúc này.[1]

Họ Triệu Nam Việt truyền qua bốn đời đến Ai Đế Triệu Hưng 哀帝趙興, có ý nội thuộc nhà Hán, bị thừa tướng người Việt là Lữ Gia 呂嘉 phản đối, giết Nam Việt Vương và sứ giả nhà Hán.[2] Vào năm Nguyên Đỉnh 元鼎 thứ 5 (112 TCN), Hán Vũ Đế 漢武帝 sai Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức 伏波將軍路博德 thống suất đại quân xuống phía Nam bình loạn, thừa cơ chiếm lĩnh Lưỡng Quảng, chia miền Bắc Việt Nam làm 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân 九真, Nhật Nam 日南, đồng thời đặt thứ sử 刺史 thống lĩnh các nơi ấy.[3] Bắt đầu từ lúc này, miền Bắc Việt

1. Sử Việt xưng Triệu Đà là người mở nước (khai quốc giả 開國者), ca tụng ông "lấy *Thi, Thư* mà hoá huấn quốc tục, lấy nhân, nghĩa mà đoàn kết lòng người, dạy dân trồng trọt, nước giàu dân mạnh. (Nguyên văn: 以詩書而化訓國俗，以仁義而團結人心，教民耕種，國富兵強。) Trần Kinh Hoà 陳荊和 hợp hiệu bản, *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書, quyển thủ, Tùng san trung tâm văn hiến Đông Dương Đại học Tokyo, tập thứ 42, năm Chiêu Hoà thứ 60, tr. 84.
2. Trần Kinh Hoà hiệu hợp bản, *Đại Việt sử lược* 大越史略, quyển 1, Sở Nghiên cứu Asia Đại học Soka, năm Chiêu Hoà 62, tr. 84.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngoại kỷ toàn thư, quyển II, kỷ nhà Triệu, *Thuật Dương Vương* chép: "Bấy giờ nước Việt ta sai ba quan sứ đem 300 con trâu, 1000 chung rượu và sổ hộ của 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam đến xin hàng; Lộ Bác Đức nhân đó cho ba người ấy làm thái thú ở 3 quận để trị dân như cũ. Từ Đó [nhà Hán] lấy đất chia làm 9 quận là: Nam Hải (quận của nhà Tần, nay là đất Quảng Đông nhà Minh), Thương Ngô (nhà Đường gọi là Ích Châu, xưa là Âu Lạc, đất của nước Việt ta), Uất Lâm (nhà Tần là quận Quế Lâm, Hán Vũ đế đổi làm tên này), Hợp Phố (nhà Tần là Tượng Quận, nay thuộc Liêm Châu), Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (đều là Tượng Quận thời Tần), Châu Nhai, Đạm Nhĩ (đều ở trong biển lớn). Từ đấy nhà Hán bắt đầu đặt Thứ sử, Thái thú." (Nguyên văn: 時，我越令三使者牽牛三百頭，携酒一千鍾，持交趾、九真、日南三郡戶籍迎降。路博德因拜三使者爲三郡太守，治民如故。遂以其地爲南海（秦故郡。今明廣東是也）。蒼梧（唐曰益州，古甌貉，我越之地）。鬱林（秦桂林郡，漢武更名）。合浦（秦象郡，廉州之屬郡）。交趾、九真、日南（秦象郡）。珠涯、儋耳（並在大海中）。九真。

Nam trở thành quận huyện của Trung Quốc, nhưng "vẫn còn tục man di, bất cập sách vở chữ Hán."[1]

Để đẩy mạnh sự Hán hoá 漢化 trên đất Giao Chỉ, ngoài việc tích cực di dân, đưa "tội phạm Trung Quốc, cho chúng ở tạp lẫn vào trong ấy" ra, nhà Hán còn xây dựng trường học, dạy cho dân bản địa ở đấy những điều có liên quan đến lễ nghi Trung Quốc.[2] Điều đáng tiếc là, quan lại nhà Hán phần lớn đều không hiểu việc phủ dụ dân ở vùng biên, kết quả dẫn đến việc chị em Trưng Trắc 徵側 và Trưng Nhị 徵貳 người Giao Chỉ hợp quần chúng lại khởi nghĩa tấn công thành quách chiếm lấy đất đai, tự lập làm Vương.[3] Đời Đông Hán năm Kiến Vũ 建武 thứ 18 (năm 42 SCN), Quang Vũ Đế 光武帝 sai Phục ba tướng quân Mã Viện 馬援, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí 樓船將軍段志 thống lĩnh một vạn quân binh xuống phía Nam bình loạn, giết chị em họ Trưng và định ước phép chế cai trị với người Việt. Nhưng lòng kháng cự nhà Hán của người Việt vẫn chưa được dẹp bỏ, trong thời gian bị thống trị bởi nhà Đông Hán 東漢, những cuộc nổi loạn ở khu vực Giao Chỉ không ngừng xảy ra.[4]

自是漢始置刺史、太守。) Chế độ nhà Hán đặt Thứ sử cai trị một châu, Thái thú cai trị một quận (quận là cấp dưới của châu). Tham khảo: Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, Hà Văn Tấn hiệu đính, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1697), Nxb Khoa học Xã hội, Đông A phát hành, 2010, tr. 95; 孫曉主編，《大越史記全書》（標點校勘本），四冊，西南師範大學出版社和人民出版社，2015，頁62。(NPA)

1. Trương Kính Tâm 張鏡心, *Ngự giao ký* 馭交記, Tùng thư tập thành sơ biên, Thương vụ ấn thư quán, 1935, tr. 5. Nguyên văn: 猶仍夷俗，不及漢文書。
2. Phạm Diệp 范曄, *Hậu Hán thư* 後漢書, quyển 86, *Nam man tây nam di liệt truyện* 南蠻西南夷列傳, Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 1965, tr. 2836. Nguyên văn: 中國罪人，使雜居其間。
3. Phạm Diệp 范曄, *Hậu Hán thư* 後漢書, quyển 86, *Nam man tây nam di liệt truyện* 南蠻西南夷列傳, sđd, tr. 2836.
4. Theo *Hậu Hán thư, Nam man tây nam di liệt truyện* ghi chép, các năm xảy ra những cuộc nổi loạn lần lượt 5 lần vào các năm: Vĩnh Nguyên 永元 thứ 12 (năm 100 SCN), Vĩnh Hoà 永和 thứ 2 (năm 137 SCN), Kiến Khang 健康 nguyên niên (năm 144 SCN), Vĩnh Thọ 永壽 thứ 3 (năm 157 SCN), và Quang Hoà 光和 nguyên niên (năm 178 SCN).

Cuối đời Đông Hán, Khăn Vàng khởi nghĩa,[1] vùng đất Trung Nguyên bạo loạn bất an. Giao Chỉ ở phương Nam xa xôi, dưới sự cai quản hữu hiệu của thái thú Sĩ Nhiếp 士燮, thì nơi này quả nhiên "cương vực vô sự, nhân dân đều lạc nghiệp."[2] Sĩ Nhiếp được người Việt xưng là "Sĩ Vương" 士王, có thể thấy địa vị của ông được tôn sùng rất cao. Ngoài ra, Đào Hoàng 陶璜 nước Ngô 吳 đời Tam Quốc[3], Đỗ Viện 杜瑗[4] và Đỗ Tuệ Độ 杜慧度[5] đời

1. Khởi nghĩa Khăn Vàng, chữ Hán có nhiều tên gọi khác nhau: Hoàng cân chi loạn 黃巾之亂, Hoàng cân khởi nghĩa 黃巾起義, Hoàng cân dân biến 黃巾民變 hay Hoàng kháp tặc loạn 黃帢賊亂, là một cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại nhà Hán đang thối nát, được cầm đầu bởi Hoàng Giác 張角, và hai em là Trương Bảo 張寶, Trương Lương 張梁. Còn được biết là một trong những cuộc bạo động về tổ chức tôn giáo có quy mô lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc (đạo Lão), bắt đầu từ đời Hán Linh Đế 漢靈帝 năm Quang Hoà thứ 7 (184), mãi cho đến năm 205, thì thế lực càng lúc càng suy yếu, cuối cùng Trương Yên chính thức đầu hàng Tào Tháo, được phong làm An Quốc đình hầu. Hoạt động của khởi nghĩa Khăn Vàng mới chấm dứt, kéo dài trong khoảng 20 năm. (NPA)
2. *Đại Việt sử lược*, quyển 1, tr. 30-31. Nguyên văn: 疆場無事，民皆樂業。
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Vua Ngô cho Đào Hoàng làm Thứ sử trì tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự. Dưới thời các tướng quân châu mục trước kia, các quận Vũ Bình, Cửu Đức, Tân Xương, địa thế hiểm trở, người Di Lão hung tợn, đã mấy đời không chịu thần phục, Hoàng đi đánh, dẹp yên được mở thêm đất, đặt 3 quận, và hơn 30 huyện ở các nước phụ thuộc với quận Cửu Chân. Sau vua Ngô lấy Hoàng làm Đô đốc Vũ Xương, cho Thái thú Hợp Phố là Tu Nguyên thay. Dân địa phương đến hàng nghìn người xin lưu Hoàng lại, bởi thế cho Hoàng trở về nhiệm sở cũ... Hoàng ở châu 30 năm, tỏ ra người có ân có uy, được người địa phương yêu mến. Đến khi chết, cả châu khóc thương như mất cha mẹ hiền. Nguyên văn: 吳主以璜爲刺史，持節都督交州諸軍事、前將軍、州牧。武平、九德、新昌土地險阻，夷獠勁悍，歷世不賓。璜征討平之。開置三郡及九郡屬國三十餘縣。吳徵璜爲武昌都督，以合浦太守修元代之。土人請留璜以千數，於是遣還舊任。……璜在州三十年，威惠素著，爲殊俗所慕。及卒，舉州啼哭，如喪慈親。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 105-106; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁81。(NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Canh Thìn [380] (Tấn Vũ Đế, Xương Minh, Thái Nguyên năm thứ 5. Mùa Đông, tháng 10, Thái thú Cửu Chân là Lý Tốn chiếm châu làm phản. Tân Tị, [381], (Tấn Thái Nguyên năm thứ 6), Thái thú Giao Châu là Đỗ Viện chém được Lý Tốn, trong cõi lại được yên, thăng cho Viện làm thứ sử Giao Châu. (Viện người Chu Diên nước ta. Sách *Giao Chỉ chí* chép vào mục nhân vật nước ta, xếp sau Sĩ Nhiếp). Nguyên văn: 庚辰（晉武帝昌明太元五年）。冬十月，九真太守李逊據州反。辛巳（晉太元六年），交州太守杜瑗斬李逊，州境乃平。進瑗爲交州刺史。（瑗，我國朱鳶人。《交趾志》著在我國人物類，在士王之後。）Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 107; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁83。(NPA)
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Khi Thứ sử Đỗ Viện chết, vua Tấn cho con là Tuệ Độ thay làm Thứ sử. Chiếu thư chưa đến nơi, Tuân đã đánh phá Hợp Phố,

Tấn 晉... đều là những người có thể bảo vệ biên cương và vỗ an muôn dân.

Đến thời kỳ Nam Bắc Triều 南北朝, người Việt lại không muốn yên chịu trạng thái đó, thỉnh thoảng lại có ý đồ cát cứ tự lập. Như năm Tống Thái Thuỷ 宋泰始 thứ 4 (468) Lý Trường Nhân 李長仁 chiếm cứ Giao Châu tự xưng thứ sử[1]; năm Tề Kiến Nguyên 齊建元 nguyên niên (479) Lý Thúc Hiến 李叔獻 từ chối không triều cống[2]; năm Lương Đại Đồng 梁大同

---

tiến thẳng đến Giao Châu. Tuệ Độ đem các quan văn võ ở châu phủ chống nhau với Tuân ở Thạch Kỳ, đánh tan được... Tuệ Độ ở Giao Châu, mặc áo vải, ăn cơm rau, cấm thờ nhảm, sửa nhà học, năm đói kém thì lấy lộc riêng để chẩn cấp. Làm việc cẩn thận chu đáo cũng như việc nhà, lại dân sợ mà yêu. Cửa thành đêm vẫn mở, ngoài đường không ai nhặt của rơi. Khi Tuệ Độ chết, tặng chức Tả tướng quân, cho con là Hoằng Văn làm Thứ sử. Nguyên văn: 刺史杜瑗卒。晉帝以其子慧度爲刺史代之。詔書未至，循攻破合浦，逕向交州。慧度率州府文武拒循于石碕，破之……慧度在州，布衣蔬食，禁淫祠，修學校。歲饑以私祿賑給之。爲政織密，一如治家。吏民畏而愛之。城門夜開，道不拾遺。慧度卒，贈左將軍，以其子弘文爲刺史。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 107; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁83-84。(NPA)

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Mậu Thân, [468] (Tống Minh Đế Úc, Thái Thuỷ năm thứ 4). Mùa Xuân, tháng 3, Thứ sử Lưu Mục ốm chết. Người châu là Lý Tường Nhân giết những bộ thuộc của châu mục đem từ Trung Quốc sang rồi chiếm giữ châu làm phản, tự xưng là Thứ sử. Nguyên văn: 戊申（宋明帝彧泰始四年）。春三月，刺史劉牧卒。州人李長仁殺州牧北來部曲，遂據州反，自稱刺史。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 108; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁86。(NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Kỷ Mùi [479] (Tống Thuận Đế Chuẩn, Thăng Minh năm thứ 3; Tề Cao Đế Tiêu Đạo Thành, Kiến Nguyên năm thứ 1)... Mùa thu, tháng 7, vua Tề lấy Lý Thúc Hiến làm Thứ sử Giao Châu. Thúc Hiến là em con chú con bác của Trường Nhân. Trước đó khi Thứ sử Trường Nhân chết, Thúc Hiến thay lĩnh việc châu, vì thấy hiệu lệnh chưa được thi hành cho nên sai sứ sang xin nhà Tống cho giữ chức Thứ sử. Nhà Tống lấy Thái thú Nam Hải là Thẩm Hoán làm Thứ sử Giao Châu, cho Thúc Hiến làm Ninh Viễn quân tư mã, giữ chức Thái thú hai quận Vũ Bình và Tân Xương. Thúc Hiến đã được mệnh lệnh của triều đình [nhà Tống], lòng người phục theo bèn đem quân giữ nơi hiểm, không chịu thu nạp Thẩm Hoán. Hoán lưu lại ở Uất Lâm, rồi chết. Vua Tề bèn cho Thúc Hiến làm Thứ sử, vỗ yên đất phương Nam. Năm ấy nhà Tống mất. Giáp Tý, [484], (Tề Vũ Đế Di, Vĩnh Minh năm thứ 2). Lý Thúc Hiến nhận mệnh xong liền cắt đứt việc cống hiến. Vua Tề muốn đánh. Nguyên văn: 己未（宋順帝準昇明三年，齊高帝蕭道成建元元年）.....秋七月，齊帝以李叔獻爲交州刺史。叔獻，長仁之從弟也。初，叔獻代領州事，以號令未行，遣使求刺史于宋。宋以南海太守沈渙爲刺史，以叔獻爲寧遠軍司馬、武平、新昌二郡太守。叔獻

thứ 7 (541) Lý Bí 李貴 tự xưng Nam Việt Đế南越帝(Việt sử gọi là Nam Đế, tức đời Tiền Lý Nam Đế前李南帝 - NPA), dựng nước hiệu là Vạn Xuân 萬春[1]. Sau đó, tướng của Lý Bí là Triệu Quang Phục 趙光復 tự lập, sử Việt gọi là Triệu Việt Vương 趙越王[2]; thời Nam Trần 南陳, lại có Lý Phật Tử 李佛子 xưng đế, sử Việt gọi là Lý Nam Đế 李南帝 (Việt sử gọi là Hậu Lý Nam Đế 後李南帝 - NPA).[3]

Sự hình thành cục diện tự lập cát cứ này, chủ yếu là do việc phân rã chính quyền ở Trung Nguyên 中原 gây ra. Do đó, ngay sau khi thống nhất Trung Nguyên, thì nhà Tuỳ 隨 năm Nhân Thọ 仁壽 thứ 4 (604) phát động 27 doanh đại quân xuống phía Nam, dùng vũ lực để giải quyết vấn đề Lý Phật Tử, vùng đất Giao Chỉ

既得朝命，人心服從，遂發兵守險，不納渙。渙留鬱林卒。即以叔獻爲刺史，撫安南土。是歲宋亡。甲子〈齊武帝頤永明二年〉，李叔獻既受命而斷割貢獻，齊帝欲討之。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 109; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁86。(NPA)

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Vua họ Lý tên huý là Bí (còn có âm Bôn), người Thái Bình [phủ Long Hưng. Tổ tiên là người Bắc, cuối đời Tây Hán khổ về việc đánh dẹp, mới tránh sang ở đất phương Nam, được 7 đời thì thành người Nam. Vua có tài văn võ, trước làm quan với nhà Lương, gặp loạn, trở về Thái Bình. Bấy giờ bọn thú lệnh tàn bạo hà khắc, Lâm Ấp cướp phá ngoài biên, vua dấy binh đánh đuổi được, xưng là Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên. Nguyên văn: 帝姓李，諱賁，龍興太平人也。其先北人，西漢末苦於征伐，避居南土，七世遂爲南人。有文武才。初仕梁，遭亂，歸太平。時守令暴刻，林邑寇邊，帝起兵攻逐之，稱爲南帝，國號萬春，郡龍邊。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 110; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁88。(NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Vua họ Triệu, tên huý là Quang Phục, là con Triệu Túc, người huyện Chu Diên, uy tráng dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công, được trao chức Tả tướng quân. Nam Đế mất, bèn xưng vương, đóng đô ở Long Biên, sau dời sang Vũ Ninh. Nguyên văn: 王姓趙，諱光復，趙肅之子，朱鳶縣人，威壯勇烈，從南帝征伐有功，拜左將軍。南帝薨。乃稱王，都龍編，邊武寧。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 112; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁91。(NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 4 chép: Vua họ Lý, tên huý là Phật Tử, là tướng người họ của Tiền [Lý] Nam Đế, đuổi Triệu Việt vương, nối vị hiệu của Nam Đế, đóng đô ở thành Ô Diên, sau dời đến Phong Châu. Nguyên văn: 帝姓李，諱佛子，前南帝族將也。逐趙越王，襲南帝位號，都嗚鳶，遷峯州。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 113; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁93。(NPA)

lại trở thành quận huyện của Trung Quốc. Nhưng, kể từ khi Lý Bí tự lập nhà nước cho đến khi Lý Phật Tử hàng nhà Tuỳ, thì Giao Chỉ đã thoát ly Trung Quốc, độc lập hơn 60 năm. Kinh nghiệm tự thành lập một quốc gia này, cùng với việc chống cự lại thái độ của chính quyền Trung Nguyên, cùng với sự nâng cao văn hoá khu vực Giao Chỉ mà dần dần được gia tăng mạnh lên, đặc biệt là trong tình hình hỗn loạn của Trung Nguyên, trong thời khắc suy yếu bất ổn của chính quyền trung ương, thái độ thoát khỏi Trung Nguyên càng rõ ràng. Thái độ đó chính là cơ sở để dân tộc Việt Nam sau này hướng đến việc xây dựng một quốc gia độc lập.

Đến đời nhà Đường, sức mạnh quốc gia của Trung Quốc lên cao, kinh tế phồn vinh thịnh đạt, vùng đất Giao Chỉ dưới sự thống trị có sức mạnh của đế quốc Thịnh Đường 盛唐. Đường Điều Lộ 唐調露 nguyên niên (679), Giao Châu Đô Đốc Phủ 交州都督府 đổi làm An Nam Đô Hộ Phủ 安南都護府. Từ đó trở đi, miền Bắc Việt Nam có tên là "An Nam"安南. Nhà Đường hầu như không coi An Nam là vùng đất "hoá ngoại"[1], từ việc Khương Công Phụ 姜公輔[2] người Nhật Nam châu Ái, vào thời Đường Đức Tông 唐德宗 làm quan đến chức Gián nghị đại phu

1. Hoá ngoại 化外, tức là vùng đất hoá ngoại (hoá ngoại chi địa), theo tư duy người Trung Hoa thời xưa vùng hoá ngoại là vùng mà văn minh không tới được, chưa được khai hoá. Với tư tưởng phân biệt Hoa và Di, người Trung Hoa cho rằng nơi Thiên tử ở là trung tâm của văn minh mở rộng chu vi ra xa dần qua các tầng: Thiên tử - Nội thần - Ngoại thần - Triều cống quốc - Hoá ngoại. Do đó những vùng đất như Đài Loan, Hải Nam, Tân Cương, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ở Đông Nam Á đều thuộc vùng hoá ngoại. (NPA)

2. Khương Công Phụ, người xã Sơn Ổi (nay là xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá), huyện Định Yên, quận Cửu Chân. Cha là Đĩnh, em là Công Phục, đều đỗ tiến sĩ đời Đường. Công Phục làm quan đến Bắc quận thái thú (*Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 5, tờ 6a, chép làm đến Bắc Bộ thị lang). Công Phụ hay làm văn, có bài *Bạch Vân chiếu xuân hải* (Mây trắng chiếu bể xuân) được đời Đường tôn làm kiệt tác (chép theo *Việt sử tiêu án*, quyển 1, tờ 46a). Công Phụ đỗ tiến sĩ đời vua Đức Tông nhà Đường (780-802; *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 5, tờ 5a, chép Công Phụ làm quan từ năm Hưng Nguyên thứ nhất, tức năm 784), được bổ chức hiệu thư lang, vì bài chế sách khác thường được bổ chức tả thập di hàn lâm học sĩ (chép theo *An Nam Chí [Nguyên]*, quyển 3, trang 178; *Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 5, tờ 5a, chép là hữu thập di). Tham khảo: Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố, *Đại Nam dật sử & sử ta so với sử tàu*, Nxb Khoa học xã hội, 2019, tr. 30.

đồng trung thư môn hạ bình chương sự 諫議大夫同中書門下平章事 có thể lấy làm bằng chứng.[1] Điều không thể phủ nhận đó là, sự kiện phản loạn ở An Nam thỉnh thoảng cũng xảy ra; như năm Điều Lộ nguyên niên (679), có sự loạn của Lý Tự Tiên 李嗣先 và Đinh Kiến 丁建[2], năm Khai Nguyên 開元 thứ 10 (722) có sự loạn Hắc Đế Mai Thúc Loan 黑帝梅叔鸞[3], năm Trinh Nguyên 貞元 thứ 7 (791) có sự loạn Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng 布蓋大王馮興[4] và năm Nguyên Hoà 元和

1. Trịnh Vĩnh Thường, *Sự hưng thịnh và suy thoái của văn học chữ Hán ở An Nam*漢文文學在安南的興替, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1987, tr. 45-49.
2. Bản gốc tác giả viết Đinh Liên 丁連, tra lại *Toàn thư* phát hiện là Đinh Kiến 丁建, có lẽ tác giả nhìn nhầm chữ Kiến 建ra chữ Liên 連, tiện đây đính chính. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5 chép: Đinh Hợi, [687], (Đường Trung Tông Triết, Tự Thánh năm thứ 4). Mùa Thu, tháng 7, các hộ người Lý ở Lĩnh Nam theo như lệ cũ nộp nửa thuế, Đô hộ Lưu Diên Hựu bắt phải nộp cả. Các hộ người Lý mới oán giận, mưu làm loạn. Lý Tự Tiên làm chủ mưu, Diên Hựu giết đi. Dư đảng là bọn Đinh Kiến họp quân vây phủ thành. Trong thành binh ít không chống nổi, đóng cửa thành cố giữ để đợi quân cứu viện. Đại tộc ở Quảng Châu là Phùng Tử Do muốn lập công, đóng quân không đến cứu, Kiến giết Diên Hựu. Sau Tư mã Quế Châu là Tào Trực Tĩnh đánh giết được Kiến. Nguyên văn: 丁亥（唐中宗哲嗣聖四年）。秋七月，嶺南俚戶舊輸半課，都護劉延祐使之全輸。俚戶始怒，謀作亂。李嗣先爲謀主，延祐殺之。其餘黨丁建等合眾圍府城。城中兵少不支，嬰壘待援。廣州大族馮子由幸立功，按兵不出。建殺延祐。後桂州司馬曹直靜攻建，殺之。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 116; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁99。(NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5 chép: Nhâm Tuất, [722], (Đường Huyền Tông, Long Cơ, Khai Nguyên năm thứ 10). Tướng giặc là Mai Thúc Loan chiếm giữ châu, xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân nói là 30 vạn. Vua Đường sai nội thị Tả giám môn vệ tướng quân là Dương Tư Húc và Đô hộ là Nguyên Sở Khách đánh dẹp yên được. Nguyên văn: 壬戌（唐玄宗隆基開元十年），賊帥梅叔鸞 州，稱黑帝，外結林邑、真臘人等，眾號三十萬。唐帝遣內侍左監門衛將軍楊思勗、都護光楚客討平之。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 116; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁100。
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5 chép: Tân Mùi, [791], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, An Nam đô hộ phủ là Cao Chính Bình làm việc quan bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ, tháng 4, người ở Đường Lâm thuộc Giao Châu (Đường Lâm thuộc huyện Phúc Lộc) là Phùng Hưng dấy binh vây phủ. Chính Bình lo sợ mà chết [...] Hưng nhân đó vào đóng ở phủ trị, chưa được bao lâu thì chết. Con là An tôn xưng làm Bố Cái Đại Vương (tục gọi cha là Bố, mẹ là Cái, cho nên lấy [Bố Cái] làm hiệu). Nguyên văn: 辛未（唐貞元七年）。春，安南都護府高正平爲政重斂。夏四

thứ 14 (819) có loạn Dương Thanh 楊清[1]... Những sự kiện nổi loạn này tuy không hề lay chuyển nhà Đường về việc quản trị An Nam, nhưng cũng phản ánh được tâm thái của người An Nam muốn thoát khỏi sự thống trị của Trung Quốc.

Năm Đường Đại Trung 大中 thứ 12 (858) Nam Chiếu 南詔[2] hai lần công đánh An Nam, nhân dân lãnh đủ mọi thống khổ của chiến tranh, còn nhà Đường thì không đủ sức để đảm bảo được sự an toàn cho quận huyện xa xôi này. Mười năm sau, triều nhà Đường mới khôi phục lại sự thống trị của mình đối với vùng đất An Nam. Lúc này, người An Nam đã mất đi lòng tin về năng lực của chính quyền trung ương nhà Đường. Những năm cuối đời Đường có hiện tượng cát cứ phiên trấn, cho thấy rõ ra sự rời rã từng ngày của chính quyền Trung Nguyên, đây chính là một thời cơ về cả mặt không gian, thời gian rất tốt để vùng đất An Nam xa xôi đi đến con đường độc lập.

月，交州唐林人（唐林在福祿縣）。馮興起兵圍府。政平以憂死……因居府治，未幾卒。子安尊爲布盖大王（俗謂父曰布，母曰盖，故以爲名焉）。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 117; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁101。

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5 chép: Kỷ Hợi, [819], (Đường Nguyên Hoà năm thứ 14). Mùa đông, tháng 10, Đô hộ là Lý Tượng Cổ vì tham bạo hà khắc mất lòng dân chúng. Tướng của Cổ là Dương Thanh đời đời làm tù trưởng Man, khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) nhà Đường làm Thứ sử Hoan Châu, Tượng Cổ vẫn kiêng dè, gọi cho làm nha tướng, đến đây sai đi đánh người Man ở Hoàng Động. Thanh nhân thấy lòng người oán giận Tượng Cổ, đang đêm trở về đánh úp châu, chiếm được, giết Tượng Cổ (Thanh là người Giao Châu, Tượng Cổ là người tôn thất nhà Đường). Vua Đường sai Quế Trọng đánh Dương Thanh mà không thắng. Thanh vào trong người Man Lão làm loạn, cướp phá phủ thành, Đô hộ Lý Nguyên Gia đánh không được, dụ không đến. Do đấy người Man Hoàng Động dẫn Hoàng Vương vào cướp. Nguyên văn: 己亥（唐元和十四年）。冬十月，都護李象古以貪縱苛刻失眾心，其將楊清世爲蠻酋，唐開元間爲驩州刺史。象古忌之，召爲牙將，至是令討黃洞蠻。清因人心怨怒，夜還襲州，陷之，殺象古（清，交州人。象古，唐宗室人。）詔桂仲攻清，不克。清入諸蠻獠中作乱，剽畧城府。都護李元嘉攻之，不克，誘之，不來。由是黃洞蠻引環王入寇。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 118; 孫曉主編，《大越史記全書》，頁102。(NPA)

2. Nam Chiếu tức người Nam Man 南蠻. (NPA)

Trung Quốc sau khi nhà Đường mất nước, xảy ra cục diện chia năm xẻ bảy, thế lực vùng đất An Nam cũng thừa cơ hội đó mà nổi lên tranh cạnh; lần lượt có Khúc Hạo 曲顥, Khúc Thừa Mỹ 曲承美, Dương Đình Nghệ 楊延藝, Kiều Công Tiễn 矯公羨, Ngô Quyền 吳權, Dương Tam Kha 楊三哥, Ngô Xương Văn 吳昌文... nổi lên tranh đoạt quyền thống trị.[1] Người chiến thắng hoặc xưng là Tiết độ 節度 của triều đình, hoặc tự lập lên làm Vương, thực chất là giai đoạn quá độ đi từ nội thuộc hướng đến độc lập. Đặc biệt là vào thời Ngô Quyền (939-944), kẻ thống trị nhà Nam Hán khu vực Lưỡng Quảng là Lưu Ẩn/Yểm 劉龑,[2] từng lấy con trai mình là Lưu Hồng Thao 劉洪操 làm Tiết độ sứ Tĩnh Hải 靜海節度使 xuất quân đi đánh Ngô Quyền, kết quả là Lưu Hồng Thao bị giết chết, quân Nam Hán quay về trong thảm bại. Việt sử xưng Ngô Quyền là "làm nên công tái tạo, đứng đầu các vua."[3] Đến thời khắc này, Trung Quốc đã mất quyền chủ tể về phía An Nam.

Vào lúc nhà Tống宋mới vừa thành lập, điều phải đối diện đó là một Trung Quốc phân rẽ, nhiệm vụ hàng đầu của nhà Tống là phải tích cực nỗ lực vào công cuộc thống nhất Trung Quốc. Huống hồ, miền Bắc còn bị đe dọa bởi Cường Liêu 強遼 và Tây Hạ 西夏, mối quan tâm của nhà Tống nằm ở phương Bắc. Năm Tống Khai Bảo 開寶 thứ 4 (971), sau khi Tống Sư tiêu diệt Nam

1. Xem *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5, các kỷ: *Kỷ Nam Bắc phân tranh, Kỷ nhà Ngô (Tiền Ngô vương, Dương Tam Kha, Hậu Ngô vương, Ngô sứ quân)*, bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 123-127. (NPA)
2. Tác giả viết Lưu Yểm 劉龑 (chữ 龑 tra không thấy âm đọc Hán Việt, đoán đọc là *yểm*). Tra trong *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Lưu Ẩn 劉隱. Dịch giả Châu Hải Đường trong khi dịch *An Nam truyện* cũng chép là Lưu Ẩn. Tra trong *Tống sử* 宋史, thấy chép Lưu Trắc 劉陟 kèm chú thích của người hiệu đính: "Lưu Trắc: nguyên tác viết 'Lưu Ẩn'. Nhưng Lưu Ẩn lúc này đã chết, sửa theo *Tống hội yếu phiên di* 宋會要蕃夷, tứ chi nhị thập, *Thông khảo* 通考 quyển 330 *Tứ di khảo* 四夷考." Tham khảo: Châu Hải Đường dịch và biên soạn, *An Nam truyện (ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa)*, Nxb Hội nhà văn, Tao Đàn phát hành, 2018, tr. 21; 脫脫，《宋史》，卷488，〈列傳第二百四十七・外國四・交趾〉，中華書局，1977，頁14057. (NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Ngoại kỷ*, quyển 5, tr. 171-172. Nguyên văn: 再造之功以成，爲諸王之冠。

Hán, bèn vội vã giải quyết các vấn đề chính quyền các khu vực: Nam Đường 南唐, Ngô Việt 吳越, Bắc Hán 北漢... nhưng lại chưa có kế hoạch đánh lấy An Nam xa xôi miền biên viễn. Khi Triệu Tống 趙宋[1] theo đuổi công nghiệp thống nhất Trung Quốc, Đinh Bộ Lĩnh 丁部領 người Động Hoa Lư 華閭洞 An Nam dẹp loạn cục diện cát cứ của 12 sứ quân vào năm Tống Khai Bảo nguyên niên (968), thống nhất miền bắc Việt Nam. Đinh Bộ Lĩnh tự xưng là "Đại Thắng Minh Hoàng Đế" 大勝明皇帝, đổi niên hiệu là "Thái Bình" 太平, quốc hiệu là "Đại Cồ Việt" 大瞿越.[2]

Từ lúc này trở về sau, ý thức quốc gia của An Nam càng được xác lập. Nhưng, nhận thức sâu sắc của họ là An Nam đối diện với một Trung Quốc lớn mạnh, một Trung Quốc đã từng thống trị An Nam hơn 1.000 năm. Do đó, trong quá trình giao thiệp qua lại giữa nhà cai trị An Nam với Trung Quốc, họ luôn luôn không tự xưng mình là Hoàng Đế. Chính vì đối diện với một Nam Hán thực lực hơi yếu ớt, nhưng vẫn định vị thân phận ngoại phiên, để bảo vệ sự tôn nghiêm của bản thân, Đinh Bộ Lĩnh đã khéo léo lấy con trai mình là Đinh Liễn 丁璉 làm Tiết độ sứ đi thỉnh cầu Tiết việt 節鉞[3], Nam Hán chủ là Lưu Trường 劉鋹 phong cho Đinh Liễn làm Tĩnh Hải tiết độ sứ.[4] Mãi cho đến khi Tống bình định Nam Hán, Đinh Bộ Lĩnh theo đó mới sai Đinh Liễn sang cống nội phụ, đương nhiên nhà Tống biết rõ việc Đinh Bộ Lĩnh xưng vương, có ý muốn dập tắt khí thế ngụt lửa của Đinh Bộ Lĩnh, cho nên mới lấy Đinh Bộ Lĩnh làm Giao Châu Tiết độ sứ 交州節度使, lấy Đinh Liễn làm các chức Kiểm hiệu Thái sư xung

1. Triệu Khuông Dận 趙匡胤 tức Tống Thái Tổ 宋太祖 lập ra nhà Tống, do đó còn gọi là Triệu Tống. (NPA)
2. *Đại Việt sử lược*, quyển 1, tr. 42; *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 1, tr. 180. Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, *Kỷ nhà Đinh*, sđd, tr. 129-132. (NPA)
3. Tiết việt hay còn gọi là "phù tiết" 符節, "phủ tiết" 斧鉞 là đại diện quyền lực của hoàng đế thời phong kiến ban phong cho tướng soái, như một sự ủy quyền, thừa nhận. (NPA)
4. Lương Đình Nam 梁廷楠, *Nam Hán thư* 南漢書, Nxb Quảng Đông Nhân Dân, 1981, tr. 76.

Tĩnh Hải quân tiết độ sứ, An Nam đô hộ.[1] Hiển nhiên, nhà Tống vẫn chưa có kế hoạch đưa quân vào An Nam.

Đến năm Khai Bảo thứ 8 (975), vào năm này đúng vào lúc nhà Tống tiêu diệt Nam Đường, đồng thời chuẩn bị tiến đánh Ngô Việt, phải chăng là có suy nghĩ đến sự ổn định của phương Nam? Năm ấy, nhà Tống ban lời chiếu trong đó có câu "vốn mộ Hoa phong, chẳng quên nội phụ" tiến phong Đinh Bộ Lĩnh làm "Giao Chỉ Quận Vương".[2] Đây là lần đầu tiên vương triều Trung Quốc lấy "vương hiệu" để ban xưng cho người cai trị khu vực An Nam.[3] Tuy nhiên tên gọi "Quận Vương" cũng có chút mơ hồ, nhưng địa vị tự chủ của An Nam cũng nhờ đó mà được xác lập. Nói cách khác, An Nam không những được độc lập trên thực chất, mà còn được nhà Tống thừa nhận sự tự chủ ấy, từ đó Trung Quốc mất đi quyền thống trị trên vùng đất này.[4]

---

1. Thoát Thoát 脱脱, *Tống sử* 宋史, *An Nam truyện* 安南傳, Trung Hoa thư cục, 1977, tr. 14058.
   Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, quyển 1, *Kỷ nhà Đinh* chép: Kỷ Tỵ, năm thứ 2 (969), (Tống Khai Bảo năm thứ 2). Tháng 5 nhận, phong con trưởng là Liễn làm Nam Việt vương... Nhâm Thân, [Thái Bình] năm thứ 3 (972), (Tống Khai Bảo năm thứ 5). Sai Nam Việt vương Liễn sang sứ thăm nhà Tống. Quý Dậu, [Thái Bình] năm thứ 4 (973), (Tống Khai Bảo năm thứ 6). Nam Việt vương Liễn đi sứ về. Nhà Tống sai sứ sang phong cho vua làm Giao Chỉ Quận Vương, Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ. Nguyên văn: 己巳二年（宋開寶二年）閏五月，封長子璉爲南越王。……壬申三年（宋開寶五年）。遣南越王璉聘于宋。癸酉四年（宋開寶六年）。南越王璉使還。宋遣使封帝爲交趾郡王，璉檢校太師、靜海軍節度使、安南都護。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, *Kỷ nhà Đinh*, sdd, tr. 130. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁120-121。(NPA)
2. Thoát Thoát 脱脱, *Tống sử* 宋史, *An Nam truyện* 安南傳, Trung Hoa thư cục, 1977, tr. 14058.
3. *Ngự giao ký*, quyển 2, tr. 20.
4. Sách *Tống sử*, quyển 488, *Ngoại Quốc 4, Giao Chỉ* chép có điều khác với sử nước ta chép, như sau: Niên hiệu Trinh Minh nhà Lương, thổ hào Khúc Thừa Mỹ chuyên giữ đất ấy, nạp khoản quy thuận Mạt đế, nhân đó bèn trao tiết việt cho Thừa Mỹ. Bấy giờ Lưu Ẩn [Trắc] chuyên quyền ở vùng Lĩnh Biểu, sai tướng là Lý Tri Thuận đánh Thừa Mỹ, bắt được, bèn kiêm tính đất ấy. Sau, Dương Đình Nghệ, Thiệu Hồng cùng được nhận chức Quảng Nam Thự, rồi kế làm Giao Chỉ Tiết độ sứ. Thiệu Hồng chết, châu tướng là Ngô Xương Ngập bèn giữ chức ấy. Xương Ngập chết, em là Xương Văn lại kế tập. Đầu niên hiệu Càn Đức, Xương Văn chết, bọn Tham mưu Ngô Xử Bình, Phong Châu Thứ sử Kiều Tri Hộ, Vũ Ninh châu Thứ sử Dương Huy, Nha tướng Đỗ Cảnh

Điều không thể phủ nhận đó là, Trung Quốc đời nhà Tống vẫn giữ dã tâm đối với An Nam, điều này có thể chứng minh bằng sự kiện kể ra sau đây. Chính là vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (979), sau khi nhà Tống đã hoàn thành nhiệm vụ thống nhất

---

Thạc tranh nhau tự lập. Mười hai châu trong địa hạt đại loạn, bộ dân hò nhau tụ tập, nổi lên làm giặc, đánh phá Giao Châu. Trước kia, Dương Đình Nghệ lấy nha tướng là Đinh Công Trứ cho nắm chức Hoan Châu Thứ sử kiêm Ngự phiên đô đốc, Bộ Lĩnh tức là con trai của Trứ vậy. Công Trứ chết, Bộ Lĩnh nối chức. Đến đây, Bộ Lĩnh cùng con là Liễn đem quân đánh bại bọn Xử Bình, đảng giặc tan vỡ, trong địa bàn đều yên, dân Giao Châu cho là có ơn đức, bèn suy tôn Bộ Lĩnh làm Giao Châu soái, hiệu là Đại Thắng vương, đặt con trai là Liễn làm Tiết độ sứ. Được ba năm, thì (Bộ Lĩnh) nhượng vị cho Liễn. Liễn lập được bảy năm, nghe tin Lĩnh Biểu đã bình định, bèn sai sứ đến cống phương vật, dâng biểu nội phụ. Triều đình xuống chỉ lấy Quyền Giao Châu Tiết độ sứ Đinh Liễn làm Kiểm hiệu thái sư, sung Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ. Lại chiếu lấy Tiến phụng Trịnh Tú, Vương Thiệu Tộ cùng làm Kiểm hiệu Tả tán kỵ thường thị kiêm Ngự sử đại phu. Năm Khai Bảo thứ tám (975), (Bộ Lĩnh) sai sứ đến cống tê, voi, hương liệu. Triều đình bàn chuyện trọng sủng Bộ Lĩnh, (vua) giáng chiếu rằng: *"Đem đất đến theo vua, mới được suy tôn ân tín; Dẫn tôn tộc phụng quốc, cũng nên sủng chuộng gia phong. Đoái trông ngoại thần xa thẳm; Mà nêu thịnh điển vẻ vang. Bộ Lĩnh ngươi nối đời hào tộc, gìn giữ phương xa; vốn mộ Hoa phong, chẳng quên nội phụ. Nay, chín châu hợp nhất, Ngũ Lĩnh thanh bình, chẳng ngại sóng khơi, mừng dâng cống vật. Hơn nữa lại sai con đến chầu xưng phiên thuộc. Đặc ban ân lớn, khen nghĩa làm răn. Mong ngươi trường thọ, nhận sủng chương này. Khá ban cho Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu Thái sư, phong Giao Chỉ quận vương."* Nguyên văn: 梁貞明中，土豪曲承美專有其地，送款於末帝，因授承美節鉞。時劉陟擅命嶺表，遣將李知順伐承美，執之，乃並有其地。後有楊廷藝、紹洪皆受廣南署，繼爲交趾節度使。紹洪卒，州將吳昌岌遂居其位。昌岌死，其弟昌文襲。乾德初，昌文死，其參謀吳處玭、峰州刺史矯知護、武寧州刺史楊暉、牙將杜景碩等爭立，管內一十二州大亂。部民嘯聚，起爲寇盜，攻交州。先是，楊廷藝以牙將丁公著攝歡州刺史兼御蕃都督，部領即其子也。公著死，部領繼之。至是，部領與其子璉率兵擊敗處玭等，賊黨潰散，境內安堵，交民德之，乃推部領爲交州帥，號曰大勝王，署其子璉爲節度使。凡三年，遜璉位。璉立七年，聞嶺表平，遂遣使貢方物，上表內附。制以權交州節度使丁璉以檢校太師充靜海軍節度使、安南都護。又詔以進奉使鄭琇、王紹祚並爲檢校左散騎常侍兼御史大夫。開寶八年，遣使貢犀、象、香藥。朝廷議崇寵部領，降制曰：「率土來王，方推以恩信；舉宗奉國，宜洽于封崇。眷拱極之外臣，舉顯親之茂典。爾部領世爲右族，克保遐方；夙慕華風，不忘內附。屬九州混一，五嶺廓清，靡限溟濤，樂輸琛贐。嘉乃令子，稱吾列藩。特被鴻私，以旌義訓。介爾眉壽，服茲寵章。可授開府儀同三司、檢校太師，封交趾郡王。」Tham khảo: Châu Hải Đường dịch và biên soạn, *An Nam truyện (ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa)*, sđd, tr. 21-23; 脫脫，《宋史》，卷488，〈列傳第二百四十七・外國四・交趾〉，sđd, 頁14057-14058. (NPA)

Trung Quốc rồi, bèn phát động cuộc chiến tranh với An Nam. Lúc này, trong nước An Nam xảy ra chính biến, Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn lần lượt bị thí (giết chết),[1] Thập đạo tướng quân Lê Hoàn 十道將軍黎桓 đưa con trai thứ của Đinh Bộ Lĩnh là Đinh Nhuệ 丁睿 lên làm vua, trên thực tế là muốn khống chế chính quyền An Nam.[2] Tống Thái thường Bác sĩ Tri Ung châu 宋太常博士知邕州 Hầu Nhân Bảo 侯仁寶 dâng sớ chỉ trích "nước ấy loạn, có thể đưa quân chủ lực để chiếm lấy đất ấy." Nhà Tống cũng hy vọng có thể khôi phục lại quyền thống trị của mình đối với An Nam,[3] do đó mượn cớ Lê Hoàn chiếm quyền, xua quân xuống phương Nam, kết quả bị Lê Hoàn đánh bại, Hầu Nhân Bảo tử trận. Lê Hoàn xưng đế như cũ, nhà Tống bất đắc dĩ tiến phong cho Lê Hoàn là Giao Chỉ quận vương vào năm Thuần Hoá 淳化 thứ 4 (993).

Họ Lê truyền được 3 đời thì bị Lý Công Uẩn 李公蘊 soán đoạt, mãi đến đời Tống Hy Ninh 熙寧 thứ 8 (1075), Lý Càn Đức[4] đương chính ở An Nam. Lúc này chính sách mới mà Vương An Thạch 王安石 đưa ra thi hành mất lợi, tập trung mở cõi biên cương, hoặc mượn chiến công để chuyển tầm nhìn của người trong nước. Còn hai người lần lượt nhậm chức Tri châu ở Quế Châu 桂州 là Thẩm Khởi 沈起 và Lưu Di 劉彝 đều hợp tác theo Vương An Thạch trong mọi chuyện, một lòng đánh chiếm, cố ý gây sự, cấm "người Giao Châu buôn bán với châu huyện".[5] An Nam vương Lý Càn Đức cả giận, phát đại quân đi đánh phương Bắc ở hai châu Khâm 欽 và Liêm 廉, lại hãm Ung Châu 邕州, tuỳ tiện giết chóc. Nhà Tống sai Quách Quỳ

1. Thí 弑 là hành động kẻ dưới giết người trên, thuộc hạ giết chủ chủ nhân, bề tôi viết vua, con giết cha. (NPA)
2. *Đại Việt sử lược*, quyển 1, tr. 43.
3. Tham khảo Lữ Sĩ Bằng 呂士朋, *Tống đại Trung-Việt quan hệ niên biểu* 宋代中越關係年表, *Đông Hải đại học học báo* 東海大學學報, quyển 2, kỳ 1, tr. 173.
4. Lý Càn Đức 李乾德 tức là đời Lý Nhân Tông 李仁宗 (1066-1128) vua đời thứ tư nhà Lý, trị vì nước Đại Việt 56 năm (1072-1128). (NPA)
5. Tham khảo Lữ Sĩ Bằng 呂士朋, *Tống đại Trung-Việt quan hệ niên biểu*, tldd, tr. 195-196.

郭逵 và Triệu Tiết 趙卨[1] thống lĩnh mấy chục vạn quân binh tấn công vào An Nam, nhưng gặp phải thời tiết nóng chướng, quân binh "chết mất quá nửa, số còn lại đều bệnh hoạn tiều tuỵ."[2] Nhà Tống bất đắc dĩ phải tiếp nhận lời xin của Lý Càn Đức "phụng biểu ban giáng", binh nhà Tống tổn thất binh tướng lui về, sau trận chiến lần này, cảm tình dân tộc của người An Nam càng phất lên cao ngất tràn trề. Tướng lĩnh của họ là Lý Thường Kiệt 李常傑 trong lúc chống cự với quân Tống đã bất chợt buông ra lời ca: "Nam Quốc sơn hà Nam đế cư, tiệt nhiên phân định tại thiên thư. Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, nhữ đẳng hành khan thủ bại hư."[3], bèn trở thành một ngọn cờ tinh thần cho dân tộc An Nam.[4]

1. Bản gốc tác giả viết Triệu Oa 趙咼, tra *Toàn thư* viết Triệu Tiết 趙卨, nhân đấy đính chính. (NPA)
2. Tham khảo Lữ Sĩ Bằng 呂士朋, *Tống đại Trung-Việt quan hệ niên biểu*, tlđd, tr. 199; *Ngự giao ký*, quyển 2, tr. 25.
3. Nguyên Hán văn: 南國山河南帝居，截然分定在天書。如何逆虜來侵犯，汝等行看取敗虛。
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 3, *Kỷ nhà Lý - Nhân Tông hoàng đế* chép sự kiện này như sau: Ất Mão, [Thái Ninh] năm thứ 4 [1075], (Tống Hy Ninh năm thứ 8) [...] Vương An Thạch nhà Tống cầm quyền, tâu [với vua Tống] rằng nước ta bị Chiêm Thành đánh phá. Quân còn sót lại không đầy vạn người, có thể dùng kế chiếm lấy được. Vua Tống sai Thẩm Khởi và Lưu Di làm Tri Quế Châu ngầm dấy binh người Man động, đóng thuyền bè, tập thuỷ chiến, cấm các châu huyện không được mua bán với nước ta. Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tông Đản đem hơn 10 vạn binh đi đánh. Quân thuỷ, quân bộ đều tiến. Thường Kiệt đánh các châu Khâm, Liêm; Đản vây châu Ung, Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) phá tan được, chém Thủ Tiết tại trận. Tri Ung châu là Tô Giám cố thủ không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chồng bao đất trèo lên thành. Thành bị hạ. Giám cho gia thuộc 36 người chết trước, chôn xác vào hố, rồi châm lửa tự đốt chết. Người trong thành cảm ân nghĩa của Giám, không một người nào chịu hàng, giết hết hơn 5 vạn 8 nghìn người, cộng với số người chết ở các châu Khâm, Liêm thì đến hơn 10 vạn. Bọn Thường Kiệt bắt sống người ba châu ấy đem về [...] Bính Thìn, [Thái Ninh] năm thứ 5 [1076], (từ tháng 4 về sau là niên hiệu Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 1; Tống Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, nhà Tống sai Tuyên phủ sứ Quảng Nam là Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Vua sai Lý Thường Kiệt đem quân đón đánh, đến sông Như Nguyệt đánh tan được. Quân Tống chết hơn 1 nghìn người. Quách Quỳ lui quân, lại lấy châu Quảng Nguyên của ta (người đời truyền rằng Thường Kiệt làm hàng rào theo dọc sông để cố thủ [...] Đinh Tị, [Anh Vũ Chiêu Thắng] năm thứ 2 [1077], (Tống Hy Ninh

Đến Nam Tống Thiên An Giang Tả, khi sức nước yếu nhiều và bất an, đương nhiên không có ý đồ gì đối với An Nam nữa. Nhưng An Nam vẫn giữ lễ phiên thuộc, triều cống không ngơi, có lẽ thái độ cung cẩn của An Nam đã cảm động đến Tống thất, vào năm Nam Tống Thuần Hi 淳熙 NNguyên niên (1174), nhà Tống tiến phong Giao Chỉ quận vương Lý Thiên Tộ 李天祚 làm An Nam quốc vương[1], ban quốc ấn.[2] An Nam kể từ khi Ngô

---

năm thứ 10). [...] Tháng 3, lại đem đại binh sáng đánh hai châu Khâm và Liêm nước Tống, nói lấy tiếng rằng nhà Tống thi hành phép thanh miêu, tàn hại dân Trung Quốc, cho nên đem quân sang hỏi tội để cứu giúp nhau. Mùa đông, tháng 12, Triệu Tiết nhà Tống sang xâm lấn, không được lại đem quân về [...] Kỷ Mùi [1079] [...] Nhà Tống đem Thuận Châu trả cho ta (tức là châu Quảng Nguyên, nhà Tống đổi làm Thuận Châu) [...] Đinh Mão [1087] [...] Nhà Tống phong vua làm Nam Bình Vương. Nguyên văn: 乙卯四年（宋熙寧八年）.....宋王安石秉政，上言以爲我國爲占城所破，餘眾不滿萬人，可計取之。宋命沈起、劉彝知桂州，漸起蠻峒兵，緣舟船，習水戰，禁州縣不與我國貿易。帝知之，命李常傑、宗亶領兵十餘萬擊之。水步並進。常傑陷欽、廉等州，亶圍邕州，宋廣西都監張守節將兵來救。常傑迎擊於崑崙關（今明廣西大南寧府是），破之，斬守節于陣。知邕州蘇緘固守不下。我軍攻之四十餘日，囊土傳城而登城，遂陷。緘令其家屬三十六人先死，藏屍於坎中，縱火自焚死。城中感緘恩義，無一人降者。盡屠五萬八千餘人，并欽、廉州死亡者幾十餘萬人。常傑等俘虜三州人而還。.....丙辰五年（四月以後英武昭勝元年，宋熙寧九年）春三月，宋令廣南宣撫郭逵爲招討使，趙卨副之，總九將軍合占城、真臘來侵。帝命李常傑領兵逆擊，至如月江大破之。宋兵死者千餘人。郭逵退，復取我廣源州。.....丁巳英武昭勝二年（宋熙寧二年）冬十二月，宋趙卨來侵不克，乃還。.....己未四年。宋以順州歸我〈即廣源，宋改順州〉。丁卯。宋封帝爲南平王。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, *Kỷ nhà Lý*, sđd, tr. 172-174. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁187-190。(NPA)

1. Chỗ này *Tống sử* chép khác *Đại Việt sử ký toàn thư*. *Tống sử* chép năm 1174 "tiến phong Thiên Tộ làm An Nam quốc vương", nhưng *Đại Việt sử ký toàn thư* lại chép rằng được phong trước đó 10 năm (tức là vào năm 1164): Giáp Thân, [Chính Long Bảo Ứng] năm thứ 2 [1164], (Tống Hưng Long năm thứ 2) [...] Nhà Tống phong vua làm An Nam Quốc Vương, đổi Giao Chỉ làm An Nam quốc. Nguyên văn: 甲申二年（宋興隆二年）.....宋封帝爲安南國王，改交趾爲安南國。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, *Kỷ nhà Lý*, sđd, tr. 201. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁233。(NPA)
2. Sách *Tống sử*, quyển 488, *Ngoại Quốc 4, Giao Chỉ* chép: Tháng Hai, năm Thuần Hi nguyên niên (1174), tiến phong Thiên Tộ là An Nam quốc vương, gia hiệu Thủ Khiêm công thần. Năm thứ hai (1175), ban tặng An Nam quốc ấn. Năm thứ ba (1176), tặng An Nam quốc lịch nhật. Nguyên văn: 淳熙元年二月，進封天祚安南國王，加號守謙功臣。二年，賜安南國印。三年，賜安南國曆日。Tham khảo: Châu Hải Đường dịch & biên soạn, *An Nam truyện (ghi chép về Việt Nam trong chính sử*

Quyền xưng vương năm nhà Tấn 晉 Thiên Phúc 天福 thứ 4 (939), trên thực tế đã thoát ly sự thống trị của Trung Quốc, nhưng rốt cuộc cũng phải cần trải qua 235 năm mới được Trung Quốc chính thức thừa nhận vị trí một quốc gia độc lập. Có thể thấy, vương triều Trung Quốc có một gút mắc khiến người ta khó thể hiểu nổi đối với khu vực An Nam này.

Nhà Lý ở An Nam trị nước được hơn 200 năm thì bị Trần Nhật Cảnh 陳日暻[1] soán ngôi, lúc bấy giờ vào năm Nam Tống Bảo Khánh 寶慶 nguyên niên (1225). Vào năm Nam Tống Thuần Hựu 淳祐 thứ 12 (1252), đại quân Mông Cổ 蒙古 vào xâm chiếm Tứ Xuyên 四川, tiến vào đóng đô ở khu vực Vân Nam 雲南, đồng thời thuận đường tiến xuống phía Nam tới tận An Nam, mục đích là muốn đi từ An Nam rồi tiến lên phía Bắc để tấn công Quảng Tây 廣西, phối hợp với đại quân của Hốt Tất Liệt 忽必烈 tấn công Ngạc Châu 鄂州.[2] Nhưng do khí hậu An Nam nóng chướng, quân Mông Cổ chỉ lưu lại có 9 ngày thì rời khỏi An Nam, về đóng ở Vân Nam. Sau khi Hốt Tất Liệt lên ngôi, triều Nguyên 元 bắt đầu thắt chặt hơn trong việc khống chế An Nam. Chính vào năm Nguyên Trung Thống 中統 thứ 3 (1262) nhà Nguyên lấy Nột Lạt Đinh 納剌丁 làm Đạt Lỗ Hoa Xích (Darughachi)[3] (Giám trị trưởng quan), đeo hổ phù, đi lại giữa An Nam và Trung Quốc. Đồng thời xuống chiếu dụ An Nam 6 việc: "1. Quân trưởng phải đích thân sang chầu; 2. Đưa con em sang làm tin; 3. Biên dân số; 4. Đưa ra quân dịch; 5. Nạp tô thuế; 6. Vẫn đặt chức Đạt Lỗ Hoa Xích để cai trị."[4] Đủ thấy, triều

---

Trung Quốc xưa), sdd, tr. 43-44; 脫脫，《宋史》，卷488，〈列傳第二百四十七・外國四・交趾〉，sdd, 頁14071. (NPA)

1. Tức Trần Cảnh, sử liệu Trung Quốc ghi là Trần Nhật Cảnh. (NPA)
2. Tống Liêm 宋濂, *Nguyên sử* 元史, *An Nam*, Trung Hoa thư cục, 1976, tr. 4634; Đồng thời tham khảo Lữ Sĩ Bằng, *Nguyên đại chi Trung-Việt quan hệ* 元代之中越關係, *Đông Hải đại học học báo*, quyển 8, kỳ 1, tr. 11-12.
3. Một chức quan của đế chế Mông Cổ, làm công việc hành chánh và thu thuế. (NPA)
4. *Nguyên sử, An Nam*, sdd, tr. 4635. Nguyên văn: 一、君長親朝；二、子弟 入質；三、編民數；四、出軍役；五、輸納稅賦；六、仍置達魯花赤統治 之。

đình nhà Nguyên có ý muốn trực tiếp cai trị An Nam. Họ Trần ở An Nam đương nhiên là không chịu tuân hành, chỉ tiếp đãi sứ giả nhà Nguyên một cách cho có mà thôi.

Đến đời Nguyên năm Chí Nguyên thứ 18 (1281), dưới áp lực của nhà Nguyên buộc "Quân trưởng phải đích thân sang chầu", vua An Nam là Trần Nhật Tuấn 陳日燇[1] sai khiến chú mình là Trần Di Ái 陳遺愛 đi thay sang Trung Quốc triều kiến Nguyên Thế Tổ 元世祖. Lúc này, nhà Nguyên vừa mới hoàn thành nhiệm vụ thống nhất Nam Tống, rất không hài lòng về cách xử sự của Trần Nhật Tuấn, Hốt Tất Liệt quyết định đổi lập Trần Di Ái làm An Nam quốc vương,[2] đồng thời lệnh cho Sài Xuân 柴椿 dẫn theo 1.000 binh lính hộ tống Di Ái về nước.[3] Điều không thể phủ nhận là Hốt Tất Liệt vốn có dã tâm đối với An Nam, đây chính là gút mắc trong lòng của nhà thống trị các vương triều Trung Quốc.

Sau khi Trần Di Ái về đến An Nam, không những không nắm được quyền bính mà còn bị Trần Nhật Tuấn định tội, cũng vì điều này mà quan hệ của nhà Nguyên với họ Trần ở An Nam rạn nứt. Nhà Nguyên quyết định dùng hành động quân sự để giải quyết vấn đề An Nam. Vào tháng 12 năm Nguyên Chí Nguyên thứ 21 (1284), nhà Nguyên sai Thoát Hoan 脫歡 thống lĩnh đại quân giả mượn cớ mượn đường An Nam xuất binh đánh Chiêm Thành 占城 (miền Trung Việt Nam), thừa thế tấn công kinh thành

1. Chữ 燇 không có âm Hán Việt, đọc theo dị thể 焌 âm Tuấn. Trần Nhật Tuấn tức là Trần Nhân Tông 陳仁宗, *Nguyên sử* chép là Trần Nhật Tuấn. Dịch giả Châu Hải Đường phiên âm là Tốn (Trần Nhật Tốn). (NPA)
2. *An Nam chí lược* và *Nguyên sử* chép "phong Di Ái làm An Nam quốc vương", nhưng *Đại Việt sử ký toàn thư* lại chép khác: "Tân Tị, [Thiệu Bảo] năm thứ 3 [1281], (Nguyên Chí Nguyên năm thứ 18) [...] Sai chú họ là Trần Di Ái (tức Trần Ải) và Lê Mục, Lê Tuân sang Nguyên. Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, cho Mục làm Hàn lâm học sĩ, Tuân làm Thượng thư, lại sai Sài Xuân đem 1.000 quân hộ tống về nước." Nguyên văn: 辛巳三年（元至元十八年）.....遣從叔陳遺愛（即陳隘）黎目、黎荀如元。元立遺愛爲老侯，授目爲翰林學士，荀爲尚書，復使柴椿以兵千人護送還國。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, *Kỷ nhà Lý*, sđd, tr. 236. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁288。(NPA)
3. *Nguyên sử, An Nam*, sđd, tr. 4640; *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 5, sđd, tr. 354.

Thăng Long 升龍 (Hà Nội 河內) của nước An Nam, một đại tướng Mông Cổ khác là Toa Đô 唆都 thì thống lĩnh đại quân từ Chiêm Thành tiến lên phía Bắc, An Nam nhanh chóng bị người Mông Cổ chiếm lĩnh. Nhưng Trần Nhật Tuấn không vì vậy mà chịu khuất phục, ngài đã tổ chức quân dân dốc toàn lực kháng cự quân Nguyên. Mùa Hè kịp đến, Toa Đô tử trận, Thoát Hoan rút quân về Trung Quốc.[1] Lần chiến bại này không hề khiến cho nhà Nguyên từ bỏ kế hoạch xâm lược An Nam, Hốt Tất Liệt đổi phong cho tông thất họ Trần đã đầu hàng quân Nguyên là Trần Ích Tắc 陳益稷 làm An Nam quốc vương, lại một lần nữa sắm sửa đại quân tiến đánh An Nam.

Hai năm sau, tức là vào tháng 11 năm Chí Nguyên thứ 24 (1287), quân Nguyên chia làm hai đường thuỷ Quảng Tây và Vân Nam tiến công An Nam, trải qua chiến dịch hơn 10 lần, cuối cùng quân Nguyên đã hội binh được ở thành Thăng Long quốc đô An Nam. Nhưng đội thuyền cung cấp tiếp tế của quân Nguyên bị tập kích ở gần cửa biển Vân Đồn 雲屯, quân lương và quân nhu bị ngắt cung ứng. Đến tháng 2 năm Chí Nguyên thứ 25 (1288), các tướng lĩnh quân Nguyên đang ngồi giữ ở thành Thăng Long thương nghị và quyết định lui về phương Bắc, nguyên nhân là "thời tiết đã nóng, e là lương thực cạn kiệt quân binh mệt nhọc, không có gì để lấy làm lâu dài được."[2] Trong khi quân Nguyên trên đường rút lui, quân An Nam thừa thế đột kích, quân Nguyên không còn sức chống đỡ, toàn quân chết sạch. Tướng nhà Nguyên là Ô Mã Nhi 鳴馬兒 bị bắt làm tù binh, Trấn Nam Vương 鎮南王 Thoát Hoan may mắn thoát được về Quảng Tây. Sau khi nhà Nguyên trải qua hai lần thảm bại, đã không còn sức lực để tiếp tục xuất binh An Nam, còn họ Trần cũng đã cho sứ thần sang cống, chịu giữ lễ phiên thuộc. Như vậy, vào cuối đời nhà Nguyên thì hai nước không còn chiến tranh quy mô lớn nữa.

---

1. *Nguyên đại chi Trung-Việt quan hệ*, tldd, tr. 25-30.
2. *Nguyên sử, An Nam*, sđd, tr. 4648. Nguyên văn: 天時已熱，恐糧盡師老，無以支久；*Nguyên đại chi Trung-Việt quan hệ*, tldd, tr. 33-37.

Hốt Tất Liệt

Trải qua nhiều lần chiến tranh với hai triều Tống và Nguyên, An Nam vẫn có thể duy trì bảo vệ được vị trí một quốc gia độc lập, ngoài những điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà ra, tính cách dân tộc kiên cường bất khuất của họ, đối diện với sự uy hiếp của Trung Quốc, càng được thể hiện ra bên ngoài. Tinh thần dân tộc của Việt Nam đã trở thành một sức mạnh không thể bỏ qua. Nhưng những nhà thống trị các vương triều Trung Quốc coi trọng lịch sử, tiếc nuối sự thống trị của mình đối với An Nam trong quá khứ, và hơn thế nữa là một bức bối lịch sử không thể nào phủi sạch được. Sự thống trị của hai nhà Đường, Hán ở khu vực An Nam tượng trưng cho một thời đại toàn thịnh của Trung Quốc, bất cứ một nhà cầm quyền nào có lòng tấn công chiếm giữ, đều lấy cớ thu phục vùng đất đã mất làm mục tiêu. Chính bức bối này, khiến cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam tồn tại đầy ắp những mâu thuẫn và đối lập, quan hệ của đôi bên không ổn định. Đến đầu đời nhà Minh 明, sự xung đột và chiến tranh như thế này càng có xu hướng trở nên kịch liệt hơn, những khốn khổ do chiến tranh gây ra, khiến Trung Quốc phải nhìn lại một lần nữa địa vị của An Nam.

Chương II

QUAN HỆ TRUNG QUỐC - AN NAM THỜI KỲ NHÀ MINH ĐỜI HỒNG VŨ (1368-1398)

1. Tiếp xúc ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc những năm đầu đời Hồng Vũ

Sau khi Minh Thái Tổ 明太祖[1] lên ngôi hoàng đế, bèn tích cực phái sứ giả ra nước ngoài, tranh thủ sự ủng hộ, thờ triều nhà Minh làm chính sóc 正朔, tiếp nhận sách phong 冊封của nhà Minh. Mục đích đương nhiên là để làm mạnh địa vị chính thống của vương triều mới ở Trung Quốc, đồng thời làm suy yếu ảnh hưởng của người Mông Cổ đến các quốc gia ở chung quanh trong gần trăm năm qua. Tháng 12 năm Hồng Vũ 洪武 nguyên niên (1368), Minh Thái Tổ sai Tri phủ Hán Dương 漢陽 là Dịch Tế 易濟 ban chiếu cho An Nam nói rõ rằng: "Đã thừa chính thống", đồng thời nhấn mạnh "Đế vương trị vị thiên hạ, phàm là như nhật nguyệt sáng soi, không phân biệt xa gần, mà đều đối xử bằng một lòng nhân như nhau."[2] chính thức mở màn cho mối quan hệ giữa triều đại nhà Minh với họ Trần ở An Nam.

Từ rất sớm, vào lúc Chu Nguyên Chương và Trần Hữu Lượng 陳友諒 đang tranh đấu với nhau, An Nam đã phái sứ giả lên phương Bắc vào Trung Quốc để do thám tình hình.[3] Sử nhà Minh cũng đề cập trong khi quân Minh bình định Lưỡng Quảng, Quốc vương Trần Nhật Khuê 陳日煃[4] bèn có ý phái sứ giả đến xin nội phụ, nhưng sự việc còn mắc lại bởi áp lực quý tộc Mông Cổ Lương vương 梁王 còn trấn thủ ở Vân Nam nên vẫn

---

1. Minh Thái Tổ tức là Chu Nguyên Chương 朱元璋 (1328-1398), người mở ra triều đại nhà Minh ở Trung Quốc, ở ngôi 31 năm (1368-1398), niên hiệu Hồng Vũ/Võ 洪武. (NPA)
2. Hạ Nguyên Cát 夏原吉, *Minh Thái Tổ thực lục* 明太祖實錄, quyển 37, *Hồng Vũ nguyên niên thập nhị ngoạt Nhâm Thìn*, Bản hiệu in của Sở nghiên cứu ngôn ngữ lịch sử viện nghiên cứu trung ương, 1962, tr. 751.
3. Trần Kinh Hoà hiệu hợp bản, *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 7, sđd, tr. 431.
4. Trần Nhật Khuê (còn có âm Khuế) tức là Trần Dụ Tông 陳裕宗 (1336-1369), vị hoàng đế thứ 7 triều đại nhà Trần nước ta, ở ngôi 28 năm (1341-1369), sử Trung Quốc xưng Trần Dụ Tông là Trần Nhật Khuê. Dụ Tông là con thứ 10 của vua Trần Minh Tông 陳明宗 và là em của vua Trần Hiến Tông 陳憲宗. (NPA)

gác lại.[1] Kỳ thực, An Nam đang cẩn thận quan sát chuyển biến của Trung Quốc. Hiện tại, Trần Hữu Lượng đã chết, thế lớn của nhà Nguyên đã mất, Chu Nguyên Chương trở thành kẻ thắng lợi mới, một vương triều người Hán được xác lập trở lại. Do lời lẽ trong chiếu thư triều đình nhà Minh ban xuống ôn hoà, huống hồ xây dựng quan hệ với triều Minh, có thể cân bằng được áp lực của Lương vương, quý tộc Mông Cổ vẫn còn chiếm giữ Vân Nam, điều này cũng thúc đẩy cho An Nam phái Thiếu trung đại phu Đồng Thời Mẫn 同時敏, Chính đại phu Đoàn Đễ 段悌, Lê Thế An 黎世安 đến Trung Quốc triều cống và cầu phong vào năm Hồng Vũ thứ 2 (1369).[2]

Tháng 6 năm ấy, sứ giả An Nam đến Nam Kinh 南京, Minh Thái Tổ đánh giá cao việc An Nam tiên phong quy phụ cầu phong, ngoài việc ban yến tiếp đãi sứ giả ra, đồng thời ra lệnh cho Hàn lâm thị độc học sĩ 翰林侍讀學士 là Trương Dĩ Ninh 張以寧, Điển bạ 典簿 là Ngưu Lượng 牛諒 sang An Nam sách phong Trần Nhật Khuê (Dụ Tông) làm An Nam quốc vương, ban ấn bạc mạ vàng núm hình lạc đà.[3] Điều này có nghĩa là địa vị chính thống của triều đại nhà Minh đã xác nhận cho ngoại phiên, vả lại có thể mượn việc An Nam vào cống cầu phong, chiếu dụ các phiên quốc ở bên ngoài. Lúc bấy giờ, sứ giả nhà Minh đi túa ra bốn phương, "trên thực tế thì các phiên quốc đến giao thiệp ký ước cũng không nhiều lắm."[4] Nguyên nhân chủ yếu là, các phiên quốc bên ngoài

1. Trương Đình Ngọc 張廷玉, *Minh sử* 明史, *An Nam truyện* 安南傳, Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 1974, tr. 8309. Trong đó chép: Năm Hồng Vũ nguyên niên (1368), vua nước ấy là Nhật Khuê nghe tin Liệu Vĩnh Trung bình định Lưỡng Quảng, định sai sứ sang nạp khoản, nhưng vì Lương vương (nhà Nguyên) đang ở Vân Nam nên còn chưa được. Nguyên văn: 洪武元年，王日烜聞廖永忠定兩廣，將遣使納款，以梁王在雲南未果。Tham khảo: Châu Hải Đường dịch & biên soạn, *An Nam truyện (ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa)*, sdd, tr. 82. (NPA)
2. Trương Đình Ngọc, *Minh sử, An Nam truyện*, sdd, tr. 8309.
3. Trương Đình Ngọc, *Minh sử, An Nam truyện*, sdd, tr. 8309.
4. Trương Dịch Thiện 張奕善, *Minh đế quốc dữ Nam hải chính lược* 明帝國與南海政略, *Đông Nam Á sử nghiên cứu luận văn tập* 東南亞史研究論集, Đài Loan học sinh thư cục, 1976, tr. 22.

Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng Đế

Chu Nguyên Chương qua nét vẽ của Dao Văn Hàn 姚文翰
vẽ vào năm Thanh Càn Long thứ 53 theo lệnh vua Càn Long

vẫn còn có lòng e sợ người Mông Cổ nhà Nguyên.[1] Dưới sức ép của Lương vương ở Vân Nam, An Nam tiên phong ngoại di tiến cống, hành động này được Minh Thái Tổ khen ngợi, có thể nói như vậy, mối quan hệ của triều đình nhà Minh với An Nam được mở ra trong bầu không khí hoà nhã.

Thái độ của Minh Thái Tổ đối với các nước phiên thuộc ở bên ngoài, đi ngược lại với chính sách lấy vũ lực khuất phục thiên hạ của người Mông Cổ. Năm Hồng Vũ thứ 4 (1371) Minh Thái Tổ bèn thể hiện cho triều đình hiểu rõ chính sách đối ngoại của ngài, ngài nói: "Các nước man di bên ngoài, có gây hại ở Trung Quốc, không thể không thảo phạt; không gây hại cho Trung Quốc, không được tuỳ tiện tự ý khởi binh... ngươi không gây hoạ cho Trung Quốc, trẫm quyết không thảo phạt."[2] Do đó, "trẫm quyết không thảo phạt" đã trở thành chỉ thị tối cao cho chính sách của triều đình nhà Minh đối với An Nam trong niên gián Hồng Vũ, còn An Nam cũng được liệt vào trong danh sách "các di quốc không chinh phạt".[3] Mặc dù như vậy, một khi

1. Trương Dịch Thiện chỉ ra rằng: "Trong khoảng thời gian từ khi đế quốc Nguyên lung lay lớn cho đến năm Hồng Vũ thứ 14, cố nhiên có không ít phiên quốc ở Nam hải cung nghĩa cho đến triều cống tân triều đế quốc Minh, nhưng cũng e sợ ngập ngừng không dám quyết, cho rằng hễ một khi đã quy thuận rồi mà lỡ như chính quyền tân triều không ổn, sự trả thù bằng vũ lực của đế quốc Nguyên sẽ theo đó mà đến, bằng chứng còn trong sự thực lịch sử tàn khốc trước đây, sự lo sợ sót lại vẫn còn đó, không thể không cẩn thận suy nghĩ thêm." (Tham khảo *Minh đế quốc dữ Nam hải chính lược*, tldd, tr. 115-116).
2. Lữ Bản 呂本, *Minh Thái Tổ bảo huấn* 明太祖寶訓, quyển 6, Bản hiệu in của Sở nghiên cứu ngôn ngữ lịch sử Viện nghiên cứu trung ương, 1967, tr. 485-486. Nguyên văn: 海外蠻夷之國，有爲患於中國者，不可不討；不爲中國患者，不可輒自興兵……彼不爲中國患者，朕決不伐之。
3. Theo [Minh] Mao Thoại Trưng 茅瑞徵, *Hoàng Minh Tượng tư lục* 皇明象胥錄, *Mục lục* 目錄, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, *Tứ bộ tùng san quảng biên* 四部叢刊廣編, quyển 17, 1981, liệt kê ra "Tổ huấn bất chinh chư di" 祖訓不征諸夷 gồm có: Triều Tiên, Nhật Bản, Đại Tiểu Lưu Cầu, An Nam, Chân Lạp, Xiêm La, Chiêm Thành, Tô Môn Đáp Lạt, Tây Dương, Java, Bành Hanh, Bách Hoa, Tam Phật Tề, Bột Nê. Bên phải có 15 nước. Chức chưởng sở tải lại có các nước Toả Lí, Tây Dương Toả Lí, Lãm Bang, Đàm Ba Tu, Văn Đạt Na. Nguyên văn: 朝鮮、日本、大小琉球、安南、真臘、暹羅、占城、蘇門答剌、西洋、爪哇、彭亨、百花、三佛齊、浡泥。右凡十五國。職掌所載又有瑣里、西洋瑣里、覽邦、淡巴須、文達那諸國。

Việt Nam và Trung Quốc tiếp xúc với nhau thì bóng tối bắt đầu dần hình thành, sự kiện dính dáng đến cuộc đấu tranh quyền lực trong nội bộ An Nam. Năm Hồng Vũ thứ 2 (1369), Trương Dĩ Ninh, Ngưu Lượng sang phong cho Trần Nhật Khuê (Trần Dụ Tông) làm An Nam quốc vương. Bọn Trương Dĩ Ninh đợi cho đến khi đã đến An Nam rồi, Trần Nhật Khuê đã mất,[1] tân quốc vương là Trần Nhật Kiên 陳日煙 (còn có tên là Trần Nhật Lễ 陳日禮)[2] kế vị, sử Việt ta gọi Trần Nhật Kiên là Hôn Đức Công 昏德公. Ông là con thứ của Cung Túc vương Trần Dục 恭肅王陳昱 anh trai Trần Nhật Khuê, nhưng không phải là con ruột, lúc này, Trần Dục qua đời đã lâu.[3] Do đó, sự kế vị của Nhật Lễ mang ý nghĩa là vương triều An Nam sắp sửa sẽ có một cuộc đấu tranh để giành đoạt quyền thế. Nhà Minh bị kéo vào trong cuộc với vai trò là quốc tông chủ.

1. *Minh sử, An Nam*, tr. 8310. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tr. 437 chép Trần Dụ Tông mất vào ngày 25 tháng 5 năm Đại Trị 大治 thứ 12 (Minh Hồng Vũ thứ 2, 1369).
2. Sử Việt ta chép là Dương Nhật Lễ 楊日禮. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Kỷ Dậu, [Đại Trị] năm thứ 12 [1369], (từ tháng 6 trở đi là Dương Nhật Lễ, Đại Định năm thứ 1; Minh Hồng Vũ năm thứ 2). Mùa hạ tháng 5, ngày mồng 1, nhật thực. Ngày 25, vua [Dụ Tông] băng ở chính tẩm, miếu hiệu Dụ Tông. Ngày vua sắp băng, vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống [...] Tháng 6, ngày 10, mưa to, gió lớn. Ngày 15, Hiến Từ hoàng thái hậu sai người đón con thứ của cố Cung Túc Đại vương Dục là Nhật Lễ lên ngôi. Đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ 1. Nhật Lễ là con người làm trò tên là Dương Khương. Mẹ Nhật Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (trò có tích "Vương Mẫu hiến bàn đào", mẹ Nhật Lễ đóng vai Vương Mẫu, nên lấy tên làm hiệu), đương có thai, Dục thấy nàng xinh đẹp, nên lấy làm vợ. Đến khi đẻ, Dục nhận làm con mình. Lúc này, thái hậu bảo các quan rằng: "Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại sớm lìa đời. Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư?". Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua. Truy phong cho Dục là Hoàng thái bá. Nguyên văn: 己酉十二年（六月以後楊日禮大定元年，明洪武二年夏五月），朔，日食。二十五日，帝崩于正寢，廟號裕宗。臨崩之日，以無嗣，詔迎日禮入繼統。..... 六月十日，大雨暴風。十五日，憲慈皇太后使人迎故恭肅大王昱庶子日禮即位，改元大定元年。日禮優人楊姜子，其母號王母者爲傳戲時傳有王母献蟠桃，日禮母爲之，因以爲號方有娠，昱悅其艷色，納之，及生，以爲己子。至是太后謂群臣曰：「昱嫡長不得位，且早棄世，日禮非其子耶。」遂迎立之，追封昱爲皇太伯。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 296-297. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁375-376。(NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, tr. 437.

Trần Nhật Kiên chính thức nhận sách phong là An Nam quốc vương của nhà Minh vào tháng 8 năm Hồng Vũ thứ 3 (1370),[1] chiếu văn đại khái nói rằng: "Lệnh cho người là Nhật Kiên kế tập phong làm An Nam quốc vương, ban cho ấn vàng. Than ôi! Cái tình thân phụ tử, đã cẩn thận kế thừa cơ nghiệp ấy, cái nghĩa quân thần, vẫn giữ mãi ở nơi phiên."[2] Vì Trần Nhật Kiên được nhà Minh chính thức sách phong làm An Nam quốc vương,[3]

1. Ứng Giả 應檟, Thương Ngô Tổng đốc quân môn chí 蒼梧總督軍門志, *Minh Đại sử tịch vựng san* 明代史籍彙刊, quyển 23, Đài Loan học sinh thư cục, 1970, tr. 1634, viết: "Mùa thu, tháng 8, bọn Vương Liêm và Lâm Đường Thần đến An Nam, Nhật Kiên và bồi thần ra đón ở ngoài ô, phụng ngự chế văn ở kiệu hoa đón vào... Hôm sau, Lâm Đường Thần mang chiếu và ấn giao cho, Nhật Kiên dẫn quần thần quỳ hướng mặt về phương Bắc mà nhận lấy. Nguyên văn: 秋八月，王濂、林唐臣等至安南，日煙與陪臣出迎於郊，奉御製文於彩輿迎入.....翌日，林唐臣等捧詔印授之，日煙率其臣北面跪受。

2. Trương Kính Tâm, *Ngự giao ký*, quyển 3, sđd, tr. 34. Nguyên văn: 命爾日煙襲封安南國王，授以金印。於戲！父子之親，既謹承其基業，君臣之義，尚永守于蕃方。

3. Sự kiện nhận sách phong An Nam quốc vương này trong *Đại Việt sử ký toàn thư* không nhắc đến, mà chỉ nói rằng: Nhà Minh sai Ngưu Lượng, Trương Dĩ Ninh sang tặng ấn vàng và sắc rồng, gặp lúc Dụ Tông từ trần. Nguyên văn: 明遣牛諒、張以寧賫金印龍章來，適裕宗晏駕。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 297. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁376。 Bản dịch của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu dịch "long chương"龍章là "sắc rồng" không hiểu rõ nghĩa là gì, theo nghĩa "long chương" là hình dạng con rồng, do đó *Toàn thư* chỉ chép sự kiện ban ấn vàng, còn sách phong "An Nam quốc vương" không được đề cập; trong *Minh thực lục* thì có chép sự kiện này: Lại sai Chủ sự bộ Lại Lâm Đường Thần mang chiếu thư phong Nhật Kiên làm Quốc vương An Nam. Chiếu rằng: "Trẫm lấy danh chính thống, cai trị thiên hạ, nghĩ đến nước An Nam các ngươi, biết tôn kính hâm mộ Trung Quốc; năm ngoái Quốc vương Trần Nhật Khuê dâng biểu xưng thần, Trẫm sai sứ mang chiếu thư và ấn, phong làm Quốc vương An Nam. Sứ đến gần biên giới, thì được tin Nhật Khuê mất. Nay Thế tử Nhật Kiên có thể theo chí của người trước nên mệnh đặc sứ khảo xét điển lệ nối dõi. Bởi vậy mệnh ngươi Nhật Kiên thế tập, phong làm Quốc vương An Nam; trao cho ấn vàng, cũng được ban 40 tấm lụa ỷ hoa kim tuyến. Bọn Thuấn Khâm cùng kẻ dưới quyền 14 người được ban lụa ỷ, lụa bạch, có phân biệt". Nguyên văn: 又遣吏部主事林唐臣賫詔封日煙爲安南國王，詔曰：「朕躬膺正統，撫有天下，睠爾安南，素知尊慕中國。去歲國王陳日烓奉表稱臣，朕遣使賫詔印仍封爲安南國王，使至近境，而日烓已逝。今世子日煙，能繼前誌，專使請命，考於典禮，宜嗣其位。是用命爾日煙襲封安南國王，授以金印。」仍賜織金文綺紗穀四十匹，舜欽以下十四人賜綺帛各有差。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, tập 1, Nxb Hà Nội, Omega phát hành, 2019, tr. 86 và nguyên bản chữ Hán tr. 342. (NPA)

nhìn từ góc độ mối quan hệ tông phiên truyền thống, địa vị của Trần Nhật Kiên được xác nhận bởi thiên tử (hoàng đế), được che chở bảo vệ, không được tuỳ tiện soán đoạt. Rất tiếc, Trần Nhật Kiên nhận sách phong làm An Nam quốc vương của nhà Minh chưa đầy một tháng thì bị tông thất của nhà Trần chỉ trích "rượu chè dâm dật, hằng ngày chỉ rong chơi, thích các trò hát xướng, muốn đổi lại họ là Dương",(1) thế là nổi lên cuộc đoạt quyền. Tháng 11 năm ấy, anh trai của Trần Nhật Kiên là Cung Định vương Trần Phủ 恭定王陳暊 (sử nhà Minh gọi là Trần Thúc Minh 陳叔明) khởi binh, hạ lệnh phế Trần Nhật Lễ làm Hôn đức công, sau đó, Trần Nhật Lễ bị bộ hạ của mình giết chết. Cung Định vương Trần Phủ (Trần Thúc Minh) lên ngôi hoàng đế vào ngày 15 tháng 11, tức là Trần Nghệ Tông 陳藝宗. Cuộc chính biến Trần Thúc Minh khiến cho mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc vừa mới mở màn thì ngay tức thì gặp phải rắc rối.

Mùa đông năm Hồng Vũ thứ 4 (1371), Trần Thúc Minh sai sứ cống voi và phương vật, nhằm do thám ý hướng của triều Minh. Tháng 2 năm Hồng Vũ thứ 5 (1372), sứ giả An Nam đến Nam Kinh, Lễ bộ chủ sự Tăng Lỗ phát hiện tên quốc vương trong biểu văn là Trần Thúc Minh chứ không phải là Trần Nhật Kiên, bèn chất vấn sứ giả, thì mới biết là chính quyền An Nam đã thay đổi. Minh Thái Tổ rất không hài lòng, nói: "Man Di nơi hải đảo giảo hoạt như vậy!" và từ chối cống vật của An Nam.(2) Lần đầu tiên Minh Thái Tổ dùng từ với ngữ khí mạnh bạo chỉ trích Trần Thúc Minh soán ngôi, và cho rằng "loạn thần tặc tử, theo vương pháp là phải giết." Rồi lấy "Đại quân mười vạn, chia làm hai đường thuỷ và lục tiến vào, chính danh đến thảo phạt để cho man di tứ phía thấy rõ" hòng uy hiếp. Đòi Trần Thúc Minh lập tức phải "chọn

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, tr. 438. Nguyên văn: 縱酒淫逸，日事宴遊，好爲雜技之戲，欲復姓楊。
2. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ ngũ niên nhị nguyệt Bính Tuất*, quyển 72, tr. 1327. Nguyên văn: 島夷何狡獪如是！

người hiền trong thân thuộc Nhật Kiên mà lập lên".[1] Sự kiện Thúc Minh có thể nói là sự phiền toái trong quan hệ hai nước Việt Nam - Trung Quốc những năm đầu đời Hồng Vũ nhà Minh, cũng chính là sự thí nghiệm cực lớn trong chính sách đối với toàn bộ Nam hải của Minh Thái Tổ. Vì "sau khi Thái Tổ sáng lập nhà Minh, việc đầu tiên là cần phải phá vỡ bức tường nghi ngại lo sợ giữa Trung Quốc nhà Nguyên và Nam hải của các nước phiên thuộc ở Nam hải, nếu không thì sẽ không thể nào xây dựng một mối quan hệ bình thường nào cả."[2] Minh Thái Tổ xử lý như thế nào "sự kiện Thúc Minh" không những có ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến mối quan hệ của nhà Minh Trung Quốc với các nước Nam hải, do đó, các phiên quốc ở bên ngoài có liên quan đều đang chống mắt quan sát đợi xem chính sách đối ngoại của nhà Minh Trung Quốc.

Về sự cảnh cáo của Minh Thái Tổ, đương nhiên là Trần Thúc Minh không hề tuân thủ xử lý. Tháng Giêng năm Hồng Vũ thứ 6 (1373), Trần Thúc Minh lại sai sứ giả là Đàm Ứng Ngang 譚應昂 đến Trung Quốc để giải thích, đồng thời tạ tội cầu phong. Đàm Ứng Ngang cố gắng nói là thực ra Trần Nhật Kiên bệnh chết, Trần Thúc Minh là do người trong nước suy tôn đưa lên làm quốc vương. Rõ ràng là Minh Thái Tổ không hài lòng về lời giải thích của An Nam, nhưng ngài vẫn chấp nhận cho. Điều này có thể biết được thông qua việc ngài chỉ "lệnh cho người trong nước để tang cho Nhật Kiên, còn Thúc Minh vẫn cứ dùng ấn vương trước đây để trông coi việc nước",[3] chứ không hề phong Trần Thúc Minh làm quốc vương ngay lập tức. Nhà Minh không phát động đại quân mười vạn đến đặng chính danh, "để cho man di tứ phía thấy rõ", rõ ràng là không muốn làm lớn sự việc ra, để tránh

1. *Ngụ giao ký*, quyển 3, tr. 34.
2. Trương Dịch Thiện, *Minh đế Nam hải ngoại giao sứ tiết khảo, Đông Nam Á sử nghiên cứu luận tập*, tr. 115.
3. *Minh sử, An Nam*, sđd, tr. 8310. Nguyên văn: 命國人爲日燈服，而叔明姑以前王印視事。

ảnh hưởng đến sách lược đối ngoại toàn bộ cục diện. Huống hồ, nhà Minh lúc bấy giờ vẫn còn đang trong thời kỳ đầu lập nước, khí thế của nhà Nguyên ở phương Bắc vẫn còn đang thịnh, cuộc chiến thống nhất vẫn đang trong tư thế tiến hành. Bất luận như thế nào đi nữa, cuối cùng rồi thì Minh Thái Tổ cũng có thể giữ gìn cẩn trọng nguyên tắc đối ngoại do mình đặt ra là "ngươi không gây hoạ cho Trung Quốc, trẫm quyết không thảo phạt", khiến cho "sự kiện Thúc Minh" được hoá giải, trên thực tế là cởi bỏ đi vấn đề can thiệp vào nội chính của các nước phiên thuộc. Mối quan hệ Việt Nam và Trung Quốc trải qua bước ngoặt này, cơ hồ lại tiến về phía trước mà phát triển ổn định.

2. Thái độ xử lý vấn đề chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành của Minh Thái Tổ

Năm Hồng Vũ thứ 7 (1374), Trần Thúc Minh sai sứ đến tạ ân Trung Quốc, song tự cho rằng mình lớn tuổi, thỉnh cầu nhường ngôi cho em trai ngài là Trần Thoan 陳煓,[1] nhà Minh đồng ý thỉnh cầu của Trần Thúc Minh.[2] Trên thực tế, Trần Thúc Minh đã lập em trai mình là Trần Thoan làm Hoàng thái tử vào tháng 4 năm Hồng Vũ thứ 5 (1372),[3] và chính thức nhường ngôi vào tháng 11.[4] Mục đích việc làm này của Trần Thúc Minh, là để tránh phiền hà trách cứ của nhà Minh. Tuy rằng ngài nhường ngôi và tự xưng là Thượng hoàng 上皇, nhưng vẫn còn nắm giữ thực quyền để khống chế vận mệnh của An Nam.

Lúc bấy giờ, cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành vẫn đang diễn ra một cách kịch liệt. Tháng 12 năm Hồng Vũ thứ 9

1. Trần Thoan tức là Trần Duệ Tông 陳睿宗, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép ông tên là Kính 暎, và việc nhường ngôi vào năm Hồng Vũ thứ 6 (1373), có lẽ sự kiện nhường ngôi là trước khi sai sứ thần sang Trung Quốc thỉnh xin. (NPA)
2. *Minh sử, An Nam*, sđd, tr. 8311.
3. Đính chính, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép Nghệ Tông lập em trai mình là Thoan (Cung Tuyên Đại vương Kính) làm Hoàng thái tử vào tháng 4 năm Tân Hợi (Minh Hồng Vũ năm thứ 4, 1371), và nhường ngôi vào tháng 11 năm sau (1372). (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, sđd, tr. 442-443.

(1376), quốc vương An Nam là Trần Thoan đích thân thống lĩnh 12 vạn đại quân tiến đánh Chiêm Thành, đây là lần thân chinh thứ hai của ngài, lần thứ nhất là vào tháng 12 năm Hồng Vũ thứ 6 (1373). Tiếc rằng trong cuộc chiến lần thứ hai, ngài không may tử trận ở Chiêm Thành. Nhà Minh rất không hài lòng về sự việc An Nam xuất binh đánh Chiêm Thành, và chỉ trích rằng "An Nam cậy sức mạnh, muốn diệt Chiêm Thành, nhưng ngược lại dẫn đến thất bại."[1] Trên thực tế, cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành, từ lúc Minh Thái Tổ lên ngôi thì cũng đã được nghe biết, song ngài cũng từng sai sứ giả đi khuyến dụ hai nước thôi binh vào tháng 12 năm Hồng Vũ thứ 2 (1369),[2] nhưng không đạt được

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, sđd, tr. 445-447; *Minh sử, An Nam*, sđd, tr. 8311.

2. *Minh thực lục* chép: Ngày 1 tháng Chạp năm Hồng Vũ thứ 2 [30/12/1369] Sai Biên tu viện Hàn lâm La Phục Nhân, Chủ sự bộ Binh Trương Phúc mang chiếu thư dụ An Nam và Chiêm Thành rằng: "Trẫm vốn xuất thân từ bình dân, nhân thiên hạ loạn bèn khởi binh để bảo vệ làng xóm, không ngờ hào kiệt theo rất đông. Trẫm cầm binh vài năm, đất đai ngày càng mở rộng, quân lính cường thịnh, được thần dân tôn lên làm vua trị vì thiên hạ, nối dòng chính thống, đến nay đã được ba năm. Các nước ngoài đến triều cống thì An Nam là nước đầu tiên, thứ đến Cao Ly, rồi Chiêm Thành; tất cả đều dâng biểu xưng thần, hợp với chế độ xưa, khiến Trẫm rất vui lòng. Mới đây Chiêm Thành sai Bình chương Bồ Đán Ma Đô đến cống, tâu rằng An Nam mang binh đến xâm nhiễu, Trẫm xem tờ trình tâm không được yên. Nghĩ rằng hai nước các ngươi từ xưa đến nay, cương vực đã định sẵn, đó là ý trời, không thể cậy mạnh mà làm càn. Huống đất đai các ngươi, cách xa Trung Quốc hết núi đến biển, còn lời nói về sự xâm nhiễu, phải trái ra sao, trong một lúc Trẫm khó mà biết được. Các ngươi được truyền đời nối dõi đã lâu, việc giữ đất an dân, trên thuận theo đạo trời, tôn kính Trung Quốc; những việc này Vương trước của các ngươi đã để lại lời dạy bảo, không đợi Trẫm dụ mới biết. Trẫm là chủ thiên hạ, việc đáng làm là trị loạn, dẹp nguy; nay sai sứ đi quan sát sự việc, hiểu dụ các ngươi phải sợ trời, thủ phận. Nếu như cả hai dùng binh, năm này qua năm khác không ngừng, làm độc hại sinh linh, thượng đế hiếu sinh sẽ không bằng lòng; e rằng trên thì trời ghét, dưới thì lòng dân oán hận, mối hoạ sẽ không tránh được. Vương hai nước hãy nghe lời Trẫm, tuân theo đạo lý, yên phận mình để con cháu các ngươi được hưởng phúc lâu bền, há lại không tốt đẹp hơn ư! Khi chiếu thư tới, hai nước hãy tuân mệnh bãi binh." Nguyên văn: 十二月壬戌朔，遣翰林院編儲羅復仁、兵部主事張福齊招諭安南、占城國王，詔曰：「朕本布衣，因天下亂，起兵保鄉里，不期豪傑雲從，朕將之數年，辟土日廣，兵甲強盛，遂爲臣庶擁戴，君臨天下，以承正統。於今三年，海外諸國入貢者，安南最先，高麗次之，占城又次之，皆能奉表稱臣，合於方制，朕甚嘉焉。近占城遣平章蒲旦麻都來貢，言'安南以兵侵擾'，朕觀之，心有不安。念爾兩國，自古及今，封疆有定分，不可強而爲一，此天意也。況爾等所居之地，相

hiệu quả như mong muốn, hai nước vẫn chiến tranh không thôi. Đối mặt với việc chiến tranh giữa các phiên quốc với nhau, Minh Thái Tổ cũng cho thấy rõ là có chút bất lực.

Ngài cho rằng các nước phiên thuộc "biên cương có định phân chia cắt, không được cậy mạnh mà làm càn", ngài phản đối bất cứ hành vi xâm chiếm nào giữa các nước phiên thuộc với nhau, huống hồ giữa các nước phiên thuộc với nhau "nói về chuyện xâm nhiễu, phải trái ra sao thì nhất thời khó mà biết được."(1) Cho thấy, ngài vẫn giữ lập trường siêu nhiên coi các nước phiên thuộc ở bên ngoài như là những người bạn cùng lòng nhân. Cũng như một số học giả từng nói, đây chính là một chính sách đối ngoại "không thiên vị không dựa dẫm".(2) Minh Thái Tổ cho rằng hoàng đế Trung Quốc với thân phận là "thiên hạ chủ" 天下主, nên gánh vác trách nhiệm "trị loạn chống nguy", nhưng làm thế nào mới có thể duy trì được sự sống chung hoà bình giữa các nước phiên thuộc đây chứ? Hình như ngài cũng không có được một biện pháp nào mạnh bạo và hữu hiệu, chỉ có thể vỗ về qua loa để đôi bên biết "đạo sợ trời, thủ phận" mà thôi. Nếu như các nước

---

去中國越山隔海，所言侵擾之事，是非一時難知。以朕詳之，爾彼此世傳已久，保土安民、上奉天道、尊事中國，爾前王必有遺訓，不待諭而知者。朕爲天下主，治亂持危理所當行，今遣使往觀其事，諭以畏天守分之道。如果互執兵端，連年不解，荼毒生民，上帝好生，必非所悅。恐天變於上，人怨於下，其禍有不能逃者。二國之君，宜聽朕言，各遵其道，以安其分，庶幾爾及子孫皆享福於永久，豈不美歟？」詔至，兩國皆聽命罷兵。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 77-78 và nguyên bản chữ Hán tr. 325-326. (NPA)

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị niên thập nhị nguyệt Nhâm Tuất*, quyển 47, tr. 934. Nguyên văn: 「封疆有定分，不可強而爲一。」；「所言侵擾之事，是非一時難知。」

2. Vương Canh Vũ 王賡武 nói: "Hồng Vũ đế tỉ mỉ cẩn thận không thiên vị không dựa dẫm vào ai trong cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành, đây là một sự so sánh mới mẻ và rõ ràng đối với chính sách mà người Mông Cổ thời kỳ Hốt Tất Liệt cai trị yêu cầu An Nam phải viện trợ nhà Nguyên chinh phạt Chiêm Thành." (Vương Canh Vũ, *Minh sơ dữ Đông Nam Á dịch quan hệ - bối cảnh luận thuật* 明初與東南亞的關係——背景論述, trong Dao Nam 姚楠 biên tập, *Đông Nam Á dữ Hoa nhân - Vương Canh Vũ giáo sư luận văn tuyển tập* 東南亞與華人——王賡武教授論文選集, Nxb Trung Quốc Hữu Nghị, 1987, tr. 23.

phiên thuộc không thể tuân thủ bổn phận mà "chấp binh lửa với nhau", vậy thì chỉ còn cách để trời trừng phạt vậy. Cũng như chính ngài nói "e rằng trên thì trời ghét, dưới thì lòng dân oán hận, mối hoạ sẽ không tránh được".[1] Điều cần phải chú ý là, Minh Thái Tổ không có suy nghĩ phải dùng đến quân sự để xen vào giải quyết chuyện chiến tranh giữa các nước phiên thuộc, điều này hoàn toàn khác với ngữ khí mà ngài nói sẽ phải dùng đến mười vạn đại quân để giải quyết sự kiện soán ngôi ở An Nam. Từ đó có thể thấy, Minh Thái Tổ không hề thiên vị hay dựa dẫm bên nào đối với cuộc chiến tranh giữa các nước phiên thuộc, đều nhìn bằng thái độ của một lòng nhân, đồng thời trên nguyên tắc là không dùng vũ lực xen vào trong. Do đó, trong thời kỳ những năm Hồng Vũ, cuộc chiến tranh giữa An Nam với Chiêm Thành về cơ bản được xử lý trên nguyên tắc nêu trên.

Do nhà Minh không có hành động quân sự nào về thực tế để ngăn chặn, do đó mà cuộc chiến tranh giữa An Nam với Chiêm Thành vẫn cứ tiếp tục tiến hành. Vào tháng 3 nhuần năm Hồng Vũ thứ 4 (1371), trong khi ở An Nam Trần Thúc Minh vừa lật đổ chính quyền Trần Nhật Kiên (Nhật Lễ), Chiêm Thành bèn phát động một cuộc chiến tranh với quy mô lớn, đánh thẳng vào thủ đô Hà Nội,[2] "đốt phá cung điện, cướp lấy con gái, ngọc lụa đem về."[3] hành động của Chiêm Thành đã kích động một cuộc chuẩn bị chiến tranh tích cực của An Nam nhằm để báo thù, từ đó trở về sau, hai nước chiến tranh không thôi. Chiêm Thành ngày càng cảm thấy bất an về sự uy hiếp đến từ An Nam, vào tháng 7 năm Hồng Vũ thứ 4 quốc vương là A Đáp A Giả 阿荅阿者 (sử Việt ta gọi là Chế Bồng Nga 制蓬莪) sai sứ giả là Đáp Ban Qua Nông

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị niên thập nhị nguyệt Nhâm Tuất*, quyển 47, tr. 934; *Minh sử, Chiêm thành*, sđd, tr. 8384. Nguyên văn: 天變於上，人怨於下，其禍有不能逃者。
2. Đôi khi tác giả dùng tên gọi địa danh hiện giờ cho người đọc nước ngoài tiện hình dung, ở đây tức là kinh đô Thăng Long lúc bấy giờ. (NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 7, tr. 442. Nguyên văn: 焚毀宮殿，虜掠女子玉帛以歸。

答班瓜農 đến Trung Quốc, tố cáo việc xâm nhiễu giết chóc của An Nam, thỉnh cầu nhà Minh cấp cho binh khí để tự vệ.[1]

Nhưng mà, về cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành, về cơ bản thì nhà Minh theo nguyên tắc không tham dự, không thiên vị, chỉ là một lần nữa kêu gọi hai nước bãi binh giảng hoà, về chuyện thỉnh cầu binh khí của Chiêm Thành thì từ chối thẳng.[2] Từ đó có thể thấy rằng, đối với những nước phiên thuộc Minh Thái Tổ thực chất không có hành vi "ỷ mạnh ức hiếp yếu" và "lấy đông người hiếp đáp cô quả", không hề có dã tâm muốn xâm lược các nước lân bang và các nước phiên thuộc.[3] Chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành không thôi, thái độ của Minh Thái Tổ thì vô cùng rõ ràng, ngài lại tỏ rõ cho các đại thần trong triều đình thấy, "năm ngoái An Nam dâng biểu tâu rằng Chiêm Thành xâm phạm biên giới, năm nay Chiêm Thành lại tâu là An Nam quấy nhiễu biên cương. Hai nước đều thờ triều đình, không rõ hai bên ai đúng ai sai. Nay sai người đến dụ hai bên nên bãi binh để yên dân, không được xâm lấn lẫn nhau".[4] Tiếc là, chỉ thị khuyên nhủ lẫn nhau tốt đẹp ấy của đại hoàng đế, về phía An Nam và Chiêm Thành mà nói, chỉ là một vài từ lệnh ngoại giao mà thôi, không có sức ép buộc, hai nước vẫn giao chiến như cũ.

Đến năm Hồng Vũ thứ 5 (1372) Trần Thúc Minh chính thức nhường ngôi cho Trần Thoan (Trần Duệ Tông), ngoài mục đích là tránh né sự trách cứ phiền toái của nhà Minh Trung Quốc ra, mà còn muốn tăng cường đối phó với Chiêm Thành. Do đó, sau khi Trần Thoan lên ngôi bèn tích cực trù bị cho việc thân chinh

---

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tứ niên thất nguyệt Ất Hợi,* quyển 67, tr. 1261.
2. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tứ niên thất nguyệt Ất Hợi,* quyển 67, tr. 1261.
3. Tham khảo Ngô Tập Hoa 吳緝華, *Minh đại kiến quốc đối ngoại đích cơ bản thái độ cập quyết sách* 明代建國對外的基本態度及決策, *Đông phương văn hoá* 東方文化, số 1-2, Đại học Hong Kong, 1978, tr. 184-193.
4. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ lục niên thập nhị nguyệt Kỷ Dậu,* quyển 86, tr. 1525. Tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 96. Nguyên văn: 前年安南表言占城犯境，今年占城復稱安南擾邊。二國皆事朝廷，未審彼此曲直，其遣人往諭二國，各宜罷兵息民，毋相侵擾。

Chiêm Thành. Tháng 12 sang năm (1373), ngài đích thân thống lĩnh đại quân tiến đánh Chiêm Thành, song kết quả của cuộc chiến không làm cho người ta hài lòng. Ngài hạ lệnh tu tạo chiến thuyền, tuyển lựa lấy dân đinh sung quân, lại tuyển lựa những người tinh thông võ nghệ và có tài thao lược để làm tướng quân.[1] Qua hơn hai năm trời chuẩn bị, vào tháng 12 năm Hồng Vũ thứ 9 (1376), ngài quyết định một lần nữa đích thân thống lĩnh 12 vạn đại quân tiến đánh Chiêm Thành. Lúc bấy giờ cuộc chiến giữa An Nam và Chiêm Thành cũng sẵn sàng như là cung đã lên tên, chỉ cần có lệnh là bắn ra ngay. Triều thần An Nam không tán thành việc thân chinh của Trần Thoan (Trần Duệ Tông), Ngự sử trung tán Lê Tích 御史中贊黎錫, Ngự sử đại phu Trương Đỗ 御史大夫張杜 đã từng dâng sớ can gián không nên.[2] Trần Thoan không nghe, ngày 23 tháng Giêng năm Hồng Vũ thứ 10 (1377) đại quân An Nam đánh vào cửa biển Hỗn Thi Nại[3] của Chiêm Thành, ngày 24 Trần Thoan bị hãm ở trong trận, bị người Chiêm Thành giết chết, An Nam bại lui. Chiêm Thành thừa thắng

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, tr. 444-447, chép sự kiện này như sau: Ất Mão, [Long Khánh] năm thứ 3 [1375], (Minh Hồng Vũ năm thứ 8). Mùa xuân, tháng Giêng, lấy Khu mật viện đại sứ Lê Quý Ly làm Tham mưu quân sự. Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược, thì không cứ là người tôn thất, đều cho làm tướng coi quân [...] Mùa thu, tháng 8, làm sổ quân, thải bớt người già yếu, lấy người mạnh khoẻ bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, các xá Thanh Hoá, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ. Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc. (Người dâng thóc) được ban tước theo thứ bậc khác nhau [...] [Bính Thìn] tháng 6, xuống chiếu cho các quân sắm sửa khí giới, thuyền chiến để chuẩn bị việc thân chinh Chiêm Thành [...] Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Nguyên văn: 乙卯三年明洪武八年春正月以樞密大使黎季犛參謀軍事。詔選官員有能練習武藝通韜畧者，不必宗室，並除軍將。.....秋八月，定軍籍，汰出老劣，以壯者充補。凡清化、乂安戶舍借功者，並充軍伍。 詔諸路富人進粟，賜爵有差。.....〔丙辰〕六月，詔諸軍脩戰器戰艦，以侯親征占城之役。.....十二月，帝親征占城，領軍十二萬發京師。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 304-305. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 386-388. (NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 7, tr. 444-447.
3. Nguyên văn là "Thi Nại Hỗn cảng khẩu" 尸耐混港口, người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* bản sđd cho rằng "chữ 'Hỗn' có lẽ là thừa. Cửa Thi Nại nay là cảng Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định". (NPA)

phát động sức tấn công, ngày 11 tháng 6, một lần nữa xua quân tấn công Hà Nội [Thăng Long], nhưng bị quân thủ của An Nam đánh lui. Năm này, Trần Thúc Minh sai sứ đi Trung Quốc báo tin tử của Trần Thoan, giấu giếm nói rằng Trần Thoan đi tuần ở biên cương không may chết chìm, đồng thời báo cáo rằng lấy con trai trưởng của Trần Thoan là Trần Vĩ 陳煒[1] (tức là Trần Phế Đế 陳廢帝) làm người kế thừa. Đương nhiên nhà Minh biết thực tình, Minh Thái Tổ phái Trung quan Trần Năng sang xem xét, đồng thời cảnh cáo Trần Thúc Minh "chớ gây hấn mà chuốc hoạ."[2]

Sau khi Trần Vĩ lên ngôi, đổi niên hiệu là Xương Phù 昌符, song mối quan hệ giữa An Nam và Chiêm Thành không hề được cải thiện. Kể từ sau khi Trần Thoan tử trận, Chiêm Thành thừa thắng bèn nhiều lần xâm nhiễu An Nam. Về việc chinh chiến giữa An Nam và Chiêm Thành, Minh Thái Tổ vẫn áp dụng chính sách không tham dự và không thiên vị. Nhưng đối với hành động xâm nhiễu của Chiêm Thành đối với An Nam thì ngài tỏ vẻ rất không hài lòng. Vào tháng 9 năm Hồng Vũ thứ 13 (1380), Minh Thái Tổ gửi một bức chiếu thư với lời lẽ rất uyển chuyển, nhưng có ý trách cứ quốc vương Chiêm Thành là A Đáp A Giả (tức Chế Bồng Nga), chiếu thư nói rằng: "Chỉ biết rằng, mới đây An Nam ra quân bại bởi Chiêm Thành; rồi Chiêm Thành thừa thắng vào nước An Nam đánh phá, An Nam bị nhục đã nhiều. Nếu từ nay trở về sau, Vương có thể giữ vững bờ cõi, thờ trời, lo cho dân thì phúc lộc lâu dài vậy. Nếu không thì quanh năm khổ chiến, hai bên thắng thua vốn không thể biết; 'cò trai đánh nhau, ngư ông được lợi', ngày sau hối hận thì đã muộn rồi!" Đây là lần Minh Thái Tổ chỉ trích Chiêm Thành một cách rõ ràng về vấn đề chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành, nhưng cũng chỉ giới hạn bởi "khuyên răn hai ba

1. Trần Vĩ tức là Phế Đế, Việt sử ta chép ngài tên huý là Hiện 晛. (NPA)
2. Theo *Minh sử* ghi chép rằng "Thoan xâm lấn Chiêm Thành, bại vong. Em trai là Vĩ thay ngôi." (tr. 8311) Kỳ thực thì, Trần Vĩ tức là Trần Hiện, Việt sử gọi là Trần Phế Đế, ngài không phải là em trai Trần Thoan, mà là con trai trưởng của Thoan. (Xem *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, tr. 453).

lần" mà thôi.[1] Cũng bởi nhà Minh không có hành động thực tế nào để chấm dứt chiến tranh, trong mười năm ấy, Chiêm Thành đã phát động năm lần xâm nhiễu vào An Nam.[2]

Ngày 23 tháng Giêng năm Hồng Vũ thứ 23 (1390), quốc vương Chiêm Thành là A Đáp A Giả (Chế Bồng Nga) thống lĩnh hơn trăm chiến thuyền tiến vào An Nam, kết quả là bị hải quân An Nam dùng hoả thống[3] bắn chết.[4] Theo sau cái chết của A Đáp A Giả, Chiêm Thanh do Các Thắng 閣勝 (Việt sử gọi là

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ thập tam niên cửu nguyệt Quý Sửu,* quyển 133, tr. 2118. Nguyên văn: 「曩者安南出兵，敗於占城。占城乘勝入安南之國，安南之辱已甚。王能保境息民，則福可長享；如必驅兵苦戰，勝負不可知，而鷸蚌相持，漁人得利，他日侮之，不亦晚乎。」；「戒之再三」。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép 5 lần Chiêm Thành xâm nhiễu An Nam vào các năm:
   - Đinh Tị, [Long Khánh] năm thứ 5 [1377], (Minh Hồng Vũ năm thứ 10). Tháng 6, ngày 11, Chiêm Thành vào cướp. (丁巳（明洪武十年）六月十一日，占城入。)
   - Mậu Ngọ, [Xương Phù] năm thứ 2 [1378], (Minh Hồng Vũ năm thứ 11). Tháng 6, giặc [Chiêm Thành] đánh vào sông Đại Hoàng. (戊午（昌符二年明洪武十一年），六月，犯大黃江。)
   - Canh Thân, [Xương Phù] năm thứ 4 [1380], (Minh Hồng Vũ năm thứ 13). Tháng 3, [Chiêm Thành] lại cướp các nơi ở Thanh Hoá. (庚申（四年明洪武十三年三月），寇清化等處。)
   - Nhâm Tuất, [Xương Phù] năm thứ 6 [1382], (Minh Hồng Vũ năm thứ 15). Mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành vào cướp Thanh Hoá. (壬戌（六年明洪武十五年春二月），占城入寇清化。)
   - Quý Hợi, [Xương Phù] năm thứ 7 [1383], (Minh Hồng Vũ năm thứ 16), Mùa hạ, tháng 6, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cùng với thủ tướng La Ngai dẫn quân đi bộ theo chân núi, từ trấn Quảng Oai dò đường đến đóng ở sách Khổng Mục. Kinh sư kinh động. (癸亥（七年明洪武十六年夏六月），占城主制蓬莪與首將羅皚引眾陸行山脚，由廣威鎮哨路，屯孔目冊，京師震駭。)

   Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 306-310. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 388-395. (NPA)
3. Hoả thống là binh khí thời xưa, như súng bắn ra lửa. (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là bại trận (chiến bại 戰敗) chứ không chết. (NPA)
   Minh sử chép: "Lúc bấy giờ A Đáp A Giả lỗi đạo, đại thần Các Thắng có lòng không theo mưu kế. Năm 23 giết vua tự lập. Sang năm phái thái sư dâng biểu đến cống, vua ghét sự bội nghịch của hắn, khước từ không nhận. Sau năm 30, lại liên tiếp đến cống." Nguyên văn: 時阿苔阿者失道，大臣閣勝懷不軌謀。二十三年弒王自立。明年遣太師奉表來貢，帝惡其悖逆，卻之。至三十年後，復連入貢。(*Minh sử, Chiêm Thành*, tr. 8385). Kỳ thực, vua Chiêm Thành là A Đáp A Giả chết trong trận chiến xâm nhiễu ở An Nam. (Xem *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, tr. 464).

La Ngai 羅皚) nắm quyền, thế lực không còn mạnh như trước, và thế là mối quan hệ khẩn trương giữa An Nam và Chiêm Thành chuyển dần sang trạng thái ôn hoà.[1] Sau khi cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành được yên định, thì nội bộ An Nam lại đang tiến hành một cuộc tranh giành quyền lực.

3. Đối sách của Minh Thái Tổ trong việc phế lập nội bộ An Nam và những tranh chấp biên giới Việt - Trung

Thì ra từ khi Trần Vĩ (Trần Đế Hiện) lên ngôi trở đi, ngoài việc phải ứng phó với sự uy hiếp của Chiêm Thành ra, còn phải đối mặt với cuộc tranh giành quyền lực hết sức kịch liệt ở trong nước. Ngay lúc này, ngoại thích là Lê Quý Ly 黎季犛 rất được thượng hoàng Trần Thúc Minh tín nhiệm, thế lực không ngừng lên cao, đã đến mức có thể làm khuynh đảo địa vị trong triều ngoài nội. Tháng 12 năm Hồng Vũ thứ 21 (1388), quốc vương Trần Vĩ đang thương lượng với thân tín để làm suy giảm quyền lực của Quý Ly, kết quả là bị Lê Quý Ly phát giác, đồng thời xúi giục thượng hoàng Trần Thúc Minh phế Trần Vĩ, đổi lập con út của mình là Trần Ngung 陳顒 lên làm vua, sau đó Trần Vĩ bị Lê Quý Ly giết hại. Trần Ngung chỉ là một đứa trẻ mới lên 10, sau khi lên ngôi đổi niên hiệu là Quang Thái 光泰, tức là Trần Thuận Đế 陳順帝.[2]

Trần Ngung tức là Trần Nhật Côn 陳日焜 mà *Minh sử* nhắc đến. Phần *An Nam truyện* trong *Minh sử* chỉ rõ ra rằng: "Lúc bấy giờ quốc tướng là Lê Quý Ly cướp lấy quyền bính! Phế vua ấy

1. G. Coedes, "but in February 2390 Che Bong Nga (制蓬峨) was assassinated, and his armies fell back. His successor, La Ngai (羅皚) (1390-1400), had to hand back the provinces to the north of the Col des Nuages. Viet-nam had been seved; but the dynasty only lasted for another ten years", *The making of South East Asia*, translated by H.M.Wright, London Ronteedge and Kegan Paul, 1966, p.205. (Dịch: nhưng vào tháng 2 năm 1390 Chế Bồng Nga bị ám sát, quân đội của ông lui về. Người kế vị của ông, La Khải (1390-1400) trả lại các tỉnh đến phía Bắc Đèo Hải Vân (Col des Nuages). Việt Nam được bảo toàn; nhưng triều đại này chỉ tồn tại trong 10 năm nữa).
2. Phan Thanh Giản 潘清簡, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目, *Trần Thuận Tông Quang Thái nguyên niên* 陳順宗光泰元年, Bản ảnh ấn Thư viện trung ương quốc lập, 1969, tr. 1370.

là Vĩ, kế thì giết đi, lập con của Thúc Minh là Nhật Côn làm chủ việc nước. Vẫn giả danh Vĩ vào cống, triều đình không biết và thu nhận."[1] Sự việc An Nam giả danh Trần Vĩ vào cống, mãi đến năm Hồng Vũ thứ 26 (1393) mới bị nhà Minh phát giác, Minh Thái Tổ hạ lệnh cho cửa khẩu ở Quảng Tây không được cho phép sứ đoàn triều cống của An Nam vào, thực thi hành động "tuyệt cống"[2] để chế tài An Nam, mối quan hệ Việt Nam và Trung Quốc lại một lần nữa rơi vào hoàn cảnh khó khăn.[3] Hành động "tuyệt cống" của triều đình nhà Minh ở Trung Quốc, quả nhiên khiến cho nhà cầm quyền An Nam cực kỳ lo lắng bất an, họ tìm mọi cách để hy vọng có thể khôi phục lại mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Năm Hồng Vũ thứ 27 (1394), đoàn sứ giả An Nam do Nguyễn Quân dẫn đầu, đổi đi đường vào cửa biển Quảng Đông triều cống, quan viên cửa biển không biết nguyên nhân trong cuộc, bèn để cho đoàn sứ giả vào Trung Quốc. Minh Thái Tổ rất không hài lòng về cách xử lý của Quảng Đông, chỉ trích quan viên phụ trách:

---

1. *Minh sử, An Nam truyện*, sđd, tr. 8311. Nguyên văn: 時國相黎季犛竊柄！廢其主焯，尋弑之，立叔明子日焜主國事。仍假焯名入貢，朝廷不知而納之。*Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập nhị niên thập nguyệt Ất Dậu*, quyển 198, tr. 2971. Chép: Ngày Ất Dậu, Trần Vĩ nước An Nam sai bồi thần Nguyễn Đồng Thúc đến cống đồ uống rượu bằng vàng, bạc và sản vật địa phương. Ban cho Đồng Thúc cùng người tuỳ tùng tiền giấy có sai biệt. Lúc này Trần Vĩ đã bị viên Tướng quốc là Lê Nhất Nguyên (Lê Quý Ly - NPA) giết. Nhất Nguyên sợ triều đình mang quân đánh nên giấu việc này; vẫn giả danh Vĩ sai Đồng Thúc đến cống. Nguyên văn: 乙酉，安南陳煒陪臣阮同叔來貢方物及金銀器皿。賜同叔及其從人鈔有差。時陳煒已爲其國相黎一元所弑。一元恐朝廷討之乃匿其事；仍假煒名遣同叔來貢。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 122-123 và nguyên bản chữ Hán tr. 440. (NPA)
2. Tuyệt cống 絕貢: cắt đứt việc dâng cống phẩm. (NPA)
3. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập lục niên tứ nguyệt Bính Thân*, quyển 233, tr. 3314. *Minh thực lục* chép: Ngày 22 tháng 4 năm Hồng Vũ thứ 26. Ban chiếu cấm nước An Nam triều cống. Lúc bấy giờ An Nam phế và giết vua. Bèn cấm triều cống. Lại ra lệnh Đô Chỉ huy sứ ty, Bố chính sứ ty Quảng Tây kể từ nay không tiếp nhận sứ An Nam đến. Nguyên văn: 詔絕安南國朝貢。時安南弑主廢立。故絕之。仍命廣西都指揮使司、布政使司自今勿納其來使。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 126 và nguyên bản chữ Hán tr. 444. (NPA)

"Không xin lệnh trước, mà tiếp nhận sứ giả ấy." lại hạ lệnh cho Lễ bộ "khước từ những cống vật ấy, không nhận."[1] Tuy An Nam có lo lắng về thái độ cứng rắn của triều đình nhà Minh, nhưng không hề từ bỏ cơ hội khôi phục nền bang giao. Vào tháng 5 năm Hồng Vũ thứ 28 (1395), An Nam lại phái sứ giả vượt quan ải triều cống, lần này thì thành công, nhà Minh lại nhận lấy cống vật mà sứ đoàn đến cống cho Trung Hoa.[2] Qua đó có thể thấy rằng, tuy Minh Thái Tổ "ghét kẻ ấy thí nghịch",[3] nhưng vẫn giữ tròn chính sách ngoại giao "ngươi không gây hoạ cho Trung Quốc, trẫm quyết không thảo phạt" do mình định ra, hoá giải phong ba trên mặt ngoại giao Việt Nam và Trung Quốc lần này.

Sự kiện lần này được hoá giải nhẹ nhàng, tin rằng là có liên quan đến việc triều đình nhà Minh dự bị thảo phạt Triệu Tông Thọ 趙宗壽 ở Long Châu 龍州 Quảng Tây. Lần xuất binh chinh phạt tiễu trừ này được quyết định vào tháng 5 năm Hồng Vũ thứ 28.[4] Do Long Châu ở gần biên cảnh An Nam, nếu như ngoại giao của hai nước Việt Nam và Trung Quốc vẫn không bình thường, thì khi quân Minh tiến vào Quảng Tây sẽ có thể gây hiểu nhầm cho An Nam mà nổ ra xung đột; và nếu như An Nam thông đồng với Triệu Tông Thọ của Long Châu, thì sự nổi loạn ở khu vực phía Tây Nam có thể sẽ mở ra lớn hơn nữa. Với suy nghĩ vừa nêu trên, trước tiên nhà Minh cho phép sứ đoàn An Nam vào nộp cống, khôi phục quan hệ ngoại giao của hai nước, sau đó thì vào tháng 8 năm ấy phái Lễ bộ thượng thư 禮部尚書 Nhâm Hanh Thái 任亨泰 và Giám sát Ngự sử 監察御史 Nghiêm Chấn Trực 嚴震直 đi sứ An Nam, giải thích cho An Nam biết rõ việc sắp sửa xuất

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập thất niên ngũ nguyệt Giáp Dần,* quyển 233, tr. 3401.
2. *Minh sử, An Nam truyện,* sđd, tr. 8311. Thí nghịch: làm điều trái nghịch, xảng bậy giết vua. (NPA)
3. Thí nghịch 弑逆: Thí là hành động kẻ dưới giết người trên, thuộc hạ giết chủ nhân, bề tôi giết vua, con giết cha; nghịch là phản nghịch. Thí nghịch: làm điều trái nghịch, xảng bậy giết vua. (NPA)
4. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập bát niên ngũ nguyệt Ất Tỵ,* quyển 238, tr. 3473.

binh Long Châu.[1] Qua lời giãi bày của nhà Minh, hai nước khôi phục trở lại quan hệ bình thường, đến lúc này thì Lê Quý Ly mới có thể yên tâm.[2]

Lúc bấy giờ, Lê Quý Ly chuyên chính, độc chiếm đại quyền, họ Trần như bù nhìn. Lê Quý Ly áp dụng chính sách sợ nhưng không kính trọng đối với nhà Minh. Chúng ta có thể nhìn thấy được qua sự việc sau đây. Trước khi triều đình nhà Minh xuất binh đánh Long Châu đã từng sai Hình bộ Thượng thư 刑部尚書 Dương Tĩnh 楊靖 đi sứ An Nam, yêu cầu cung ứng tám vạn thạch gạo lương cho quân Minh, nhưng Lê Quý Ly chỉ cung ứng cho một vạn thạch, sau đó qua nhiều lần Dương Tĩnh trần tâu, mới được An Nam cung ứng hai vạn thạch gạo.[3] Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Trong thời gian Nhâm Hanh Thái xuất sứ, từng yêu cầu An Nam xuất binh năm vạn, voi 50 thớt, lương thực 50 vạn thạch. Sau đó Trung Quốc lại sai sứ yêu cầu dâng tăng nhân, nữ nhân xoa bóp, hoạn quan đưa sang Trung Quốc, Lê Quý Ly đều ứng phó bằng cách "mỗi loại một ít".[4] Từ đó có thể thấy, trong thời gian Lê

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập bát niên ngũ nguyệt Mậu Thìn,* quyển 240, tr. 3486.
2. *Minh sử, An Nam truyện,* sđd, tr. 8311.
3. *Minh sử, An Nam truyện,* sđd, tr. 8311. Hoàng đế lại sai Hình bộ thượng thư Dương Tĩnh dụ bảo sai chuyển tám vạn thạch gạo đến nuôi quân ở Long Châu. Quý Ly chuyển một vạn thạch, tặng một ngàn lạng vàng, hai vạn lạng bạc, nói đường bộ đến Long Châu hiểm trở, xin cho chuyển đến động Bằng Tường. Tĩnh không thể nghe, sai chuyển hai vạn thạch đến sông Đà Hải. Sông cách Long Châu chỉ nửa ngày đường. Tĩnh nhân tâu lên rằng: "Nhật Côn tuổi nhỏ, việc nước đều do cha con Quý Ly quyết định, mới dám có ý chần chừ nghe ngóng như vậy." Bấy giờ, Hoàng đế thấy Tông Thọ đã nạp khoản, dời quân sang chinh phạt các tộc man ở Hướng Vũ, bèn dụ Tĩnh, sai chuyển hai vạn thạch gạo cho quân, mà miễn cho số vàng bạc dâng hiến. Nguyên văn: 帝又遣刑部尚書楊靖諭令輸米八萬石，餉龍州軍。季犛輸一萬石，饋金千兩、銀二萬兩，言龍州陸道險，請運至憑祥洞。靖不可，令輸二萬石於洮海江，江距龍州止半日。靖因言：「日焜年幼，國事皆決季犛父子，乃敢觀望如此。」時帝以宗壽納款，移兵征向武諸蠻，遂諭靖令輸二萬石給軍，而免其所饋金銀。Châu Hải Đường dịch & biên soạn, *An Nam truyện (ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Quốc xưa)*, sđd, tr. 86. (NPA); Xem thêm Trương Dịch Thiện, *Minh đế quốc Nam hải ngoại giao sứ tiết khảo.*
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 470.

Quý Ly nắm quyền bính ở An Nam, đối với những yêu cầu của nhà Minh thì phần lớn đều là ngoài mặt thì đồng ý còn trong lòng thì phản đối. Trên thực tế, giữa đời Hồng Vũ nhà Minh trở về sau thì quan hệ Việt Nam và Trung Quốc luôn luôn không được vui vẻ, lý do không ngoài ba việc: một là, cuộc chiến giữa An Nam và Chiêm Thành không thôi; hai là, việc soán đoạt trong nội chính An Nam liên tiếp; ba là, có sự lấn cấn ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Tranh chấp biên giới Việt Nam và Trung Quốc đã mở màn từ năm Hồng Vũ thứ 14 (1381). Nguyên nhân dẫn đến sự kiện này là do Quảng Tây Tư Minh phủ 思明府 chỉ trích huyện Thoát 脫 và huyện Động 峒 An Nam xâm lấn các trại ở Vĩnh Bình 永平 gây ra. Tuy Minh Thái Tổ từng phê chỉ thị "từ nay An Nam vào cống thì không nhận" để cảnh cáo tội An Nam xâm nhiễu biên cương[1] nhưng An Nam vẫn cống theo lệ thường chứ không bị ảnh hưởng bởi việc này. Cũng như *Minh sử* chép: "Vĩ sợ, sai sứ sang tạ tội, nhiều năm liền đem cống những người hoạn quan, vàng bạc, mâm kim sắc tía, chung uống rượu bằng vàng, cùng voi ngựa."[2] "Nhiều năm liền" vào cống cho thấy sự qua lại của Việt Nam và Trung Quốc không hề dẫn đến trở ngại bởi lần rắc rối biên cương này, nhưng lại tăng lên theo hành động đoạt quyền của Lê Quý Ly, đồng thời Minh Thái Tổ cũng tăng cường cảnh giác đối với biên cương trong những năm cuối đời,[3] bầu không khí biên cương Việt Nam và Trung Quốc ngày càng trở nên khẩn trương, tranh chấp hầu như là không thể nào tránh khỏi.

---

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ thập tứ niên lục nguyệt Bính Thìn*, quyển 137, tr. 2168-2169. Nguyên văn: 自今安南入貢並勿納。
2. *Minh sử, An Nam truyện*, sdd, tr. 8311. Nguyên văn: 煒懼，遣使謝罪，頻年貢奄豎、金銀、紫金盤、黃金酒尊，象馬之屬。
3. Vương Canh Vũ chỉ ra rằng: "Trong hai năm cuối cùng khi Hồng Vũ đế đương nắm chính quyền, ngài luôn luôn quan sát tất cả biến thuỳ mà mình sở hữu. Ngài yêu cầu dọc tuyến biên cương phía Bắc phải tăng cường cảnh giác và giới hạn, đồng thời chú ý mật thiết để bình định các lần chiến dịch phản loạn của các bộ lạc ở khu vực phía Tây Nam; ngài cảnh cáo An Nam không được can thiệp vào Quảng Tây, đồng thời một lần nữa nghiêm cấm việc buôn bán với bên ngoài của tư nhân cư ngụ ở duyên hải Trung Quốc." (xem *Đông Nam Á dữ Hoa nhân - Vương Canh Vũ giáo thụ luận văn tuyển tập*, tr. 26).

Minh Hồng Vũ năm thứ 29 (1396), thổ quan Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành 黃廣成 tâu với triều đình rằng An Nam xâm chiếm đất biên: "Cuối đời nhà Nguyên nhiễu loạn, người Giao Chỉ đem binh công phá trại Vĩnh Bình, sau đó dời trụ đồng vượt hơn hai trăm dặm, xâm đoạt 5 huyện thuộc đất Tư Minh là Khâu Ôn, Như Ngao, Khánh Viễn, Uyên và Thoát, ép dân ở theo đó, thuế hằng năm của năm huyện này đều do thổ quan nộp thay."[1] Kỳ thực, chuyện này cũng cùng một việc mà phủ Tư Minh năm Hồng Vũ thứ 14 chỉ rằng "An Nam ở hai huyện Thoát và Động công đánh các trại ở Vĩnh Bình", cũng tức là bảo rằng, các thuộc đất mà phủ Tư Minh nêu ra, vào cuối đời nhà Nguyên đã bị An Nam xâm chiếm. Nói cách khác, sự tranh chấp cương giới giữa phủ Tư Minh và An Nam đã tồn tại suốt kể từ khi nhà Minh mới dựng nước trở đi, nhưng vào đầu những năm Hồng Vũ thì Minh Thái Tổ vì vỗ yên di quốc xa xôi nên chưa để tâm truy cứu mà thôi. Giữa đời Hồng Vũ về sau, tuy phủ Tư Minh từng thỉnh cầu triều đình nhà Minh ban ra trách lệnh cho An Nam trả lại đất đai xâm lấn, nhưng Minh Thái Tổ chỉ ban lệnh "tuyệt kỳ cống" rồi cho qua, chứ không sử dụng hành động thực tế. Điều thật kỳ lạ đó là, đến cuối đời Minh Thái Tổ, ngài lại thay đổi thái độ đối với bốn phía man di sang xu hướng cứng rắn,[2] điều này cơ hồ như có liên quan đến sự chuyển biến trong cục diện chính trị ở An Nam. Tháng

1. *Minh sử, Quảng Tây thổ ty,* quyển 318, sđd, tr. 8234. Nguyên văn: 元季擾亂，交人以兵攻破永平寨，遂越銅柱二百餘里，侵奪思明屬地丘溫、如敖、慶遠、淵、脫等五縣，逼民附之，以是五縣歲賦皆土官代輸。

2. Minh Hồng Vũ năm thứ 30 (1397), trong thư khiển trách sự thất lễ và vong ân phụ nghĩa của Tam Phật Tế của nhà Minh Trung Quốc từng cảnh cáo: "Nếu như hoàng thượng nổi giận, sai một lượt mười vạn binh tướng, vượt biển hỏi tội, dễ như trở bàn tay vậy." Nguyên văn: 倘皇上震怒，使一偏將將十萬眾，越海問罪，如覆手耳。(Xem *Minh Thái Tổ thực lục*, tr. 3672-3673) Vương Canh Vũ cho rằng, "phải chăng bức thư này là một sự dự báo cho biết sẽ dùng đến vũ lực?" lại chỉ ra: "năm 1397 tinh thần bất định và lo lắng bất an khác hẳn với lúc Hồng Vũ hoàng đế trấn định năm 1371 đưa ra chính sách rõ ràng tự nhiên." (xem *Đông Nam Á dữ Hoa nhân - Vương Canh Vũ giáo thụ luận văn tuyển tập, Minh sơ dữ Đông Nam Á dịch quan hệ - bối cảnh luận thuật,* tr. 25-26). Từ đó có thể thấy, thái độ của Minh Thái Tổ lúc cuối đời đối với man di bốn phía có chút lo lắng không nguôi.

12 năm Hồng Vũ thứ 27 (1394), thượng hoàng Trần Thúc Minh qua đời, Lê Quý Ly đổi làm "Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế" 輔政該教皇帝.[1] Năm Hồng Vũ thứ 30 (1397), nhà Minh quyết định sai Trần Thành 陳誠, Lữ Nhượng 呂讓 đi sứ An Nam, ra lệnh giao trả các vùng đất đai xâm chiếm ở phủ Tư Minh.

Trần Thành thảo luận với quan viên An Nam về chuyện trả đất, không được thuận lợi như dự tính. Trần Thành e rằng người dịch nói không tới ý, do đó mới đích thân viết thư cho quốc vương An Nam là Trần Nhật Côn để giao thiệp, lời lẽ trong thư có ý uy hiếp rằng: "Bởi vậy sửa sai sẽ gặp may mắn, đó là trường hợp năm ngoái của Triệu Tông Thọ tại Long Châu; ngoan cố gặp tai ương là việc các tộc Man tại Nam Đan, Phụng Nghị mấy năm gần đây; những điều này thể nghiệm rõ ràng ai cũng nghe, ai cũng biết. Vương nên tránh tai ương, đón may mắn bằng cách trả lại đất, không những tông miếu xã tắc được yên, mà dân cả nước cũng được hạnh phúc. Bỏ cơ hội này không lo, không chịu nhường và ngoan cố đến cùng, thì cuối cùng sẽ gặp hoạ; chấp sự nên tính liệu."[2] Nhưng An Nam không hề bị Trần Thành doạ sợ, lúc này quyền bính của vua An Nam là Trần Nhật Côn (Trần Thuận Tông) đã rớt đài, và sắp sửa bị Lê Quý Ly soán đoạt. Lê Quý Ly tính tình háo thắng, tranh sức với Trần Thành không chịu nhượng bộ. Ly đứng tên Trần Nhật Côn mà trả lời thư rằng: "Vào đời đầu triều Nguyên, Khâu Ôn đã là đất của tiểu quốc, phủ Tư Minh lại bảo rằng vào cuối đời Nguyên nhiễu loạn, [người tiểu quốc] vượt cột

1. Tức là người giúp coi triều chính và dạy dỗ vua. (NPA)
2. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn,* quyển 250, tr. 3622. Nguyên văn: 改過致祥，往歲龍州趙宗壽之事是也；吝過召殃，近歲南丹、奉議諸蠻酋是也。是皆明效大驗，所共知聞者。王能避殃迎祥，歸其侵地，豈惟宗祐之安，亦一國生民之幸地。釋此不圖，爭而不讓，是爲怙終自禍矣。惟執事圖之。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, quyển 1, sđd, tr. 137-138; xem thêm Trần Thành 陳誠 trước, Châu Liên Khoan 周連寬, *Tây Vực hành trình ký, Tây Vực phiên quốc chí*西域行程記、西域番國志, *Dữ An Nam biện minh Khưu Ôn địa giới thư* 與安南辨明丘溫地界書, Bắc Kinh, Trung Hoa thư cục, 1991, tr. 140-149.

đồng hơn 200 dặm để xâm chiếm năm huyện trong đó có Khâu Ôn. Xem vậy những lời của người Tư Minh không đủ để tin."[1]

An Nam từng đem vàng bạc các thứ để hối lộ Trần Thành, bị Trần Thành từ chối, trong tình hình không còn kế nào để tính, Lê Quý Ly trực tiếp viết thư gửi cho Hộ bộ cứ theo lý mà tranh giành. Trong thư Ly không ngần ngại phản bác thổ quan Tư Minh là Hoàng Quảng Thành không phải, và lời lẽ có phần ngạo mạn chỉ ra rằng: "Thời Hán, năm Kiến Vũ thứ 19 (43) sai Mã Viện đến Giao Chỉ đánh dẹp người con gái họ Trưng lập cột đồng, tính đến nay đã hơn 1350 năm; dưới một ngàn năm gò lũng đã biến đổi, ai mà biết được cột đồng ở đâu?"[2] Lại chỉ trích Hoàng Quảng Thành rằng "Cứ bảo rằng đã hỏi người già là Hoàng Bá Nhan, và ông ta nói như vậy. Bá Nhan người cùng phủ Tư Minh, há lại không cùng theo ý muốn của quan phủ sao? Dù hỏi một ngàn Bá Nhan sẽ có gì đáng tin chứ?"[3] Qua ngữ khí trong thư có thể thấy, hình như Lê Quý Ly không có ý thoái nhượng. Cuối cùng còn chỉ ra rõ hơn: "Nếu hạ quốc xâm chiếm thì trả lại có khó gì! Nay không xâm chiếm lấy gì mà thoái hoàn. Năm huyện này là của hạ quốc, đời nối đời truyền lại; đất để lại phải giữ vững, đâu dám đem đất đai của tổ tiên mà giao cho Tư Minh."[4]

---

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn,* quyển 250, tr. 3622. Nguyên văn: 當元之初，丘溫已爲小國之地，思明乃謂當元季擾亂，始越銅柱二百餘里，而來侵其丘溫等五處。觀此，則思明人之言不足信也。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 138.
2. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn,* quyển 250, tr. 3622. Nguyên văn: 漢建武十九年（西元43年），馬援討交趾徵氏女立銅柱，時至今一千三百五十餘歲，千載之下陵谷遷變，誰復能辨？Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 141.
3. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn,* quyển 250, tr. 3625. Nguyên văn: 拘問老人黃伯顏供說云云者。伯顏亦思明人，豈不同其願欲？雖千伯顏將可信耶？
4. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn,* quyển 250, tr. 3625. Nguyên văn: 苟有侵占，豈難退還。今不侵占，何以退還？此五縣者乃下國世世相傳所守之地，惟知固守，何敢以先世所守之地而付之思明？

Minh Thái Tổ rất không hài lòng về sự trả lời của An Nam, sau đó lập tức triệu tập quần thần thương nghị đối sách, có quan viên cho rằng An Nam "kháng cự đối nghịch lệnh triều đình, đáng thảo phạt." Sau cùng Minh Thái Tổ phán: "Bọn man di tranh với nhau, từ xưa đến nay vẫn có như vậy, bọn chúng ngoan cố bất phục, cuối cùng sẽ mang hoạ, hãy chờ xem!"[1] Lần tranh chấp biên cương giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc này, cũng có thể là một hành động Minh Thái Tổ muốn thăm dò xem thử hiện trạng và thực hư của An Nam như thế nào, hoặc chỉ là một thái độ để vỗ yên thổ quan phủ Tư Minh là Hoàng Quảng Thành. Ngài hiểu rất rõ, các vùng đất Khưu Ôn sự thực là đã thuộc về An Nam sở hữu vào đời nhà Nguyên, rất rõ ràng để thấy là Minh Thái Tổ vẫn giữ vững chính sách đối ngoại mà ngài đã đặt ra, chứ không hề có ý dùng vũ lực để giải quyết.

4. Lời kết

Trong những năm đời Hồng Vũ, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc nhiều lần rơi vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng cuối cùng cũng đều có thể hoá nguy thành an, không đến nỗi phải dấy động can qua, chúng ta không thể không thừa nhận một điều là Minh Thái Tổ đã thay đổi được tính cách mà nhà Nguyên đã dùng vũ lực để đàn áp thiên hạ. Đương nhiên, những người Mông Cổ đã bị Minh Thái Tổ đánh đuổi, thế lực vẫn chưa hoàn toàn bị chẻ nhỏ, điều này tạo nên một sự uy hiếp lớn đối với việc quốc phòng nơi biên cương phía Bắc đời nhà Minh. Minh Thái Tổ lo sợ và đề phòng người Mông Cổ lại cuộn đất quay trở lại, nên tâm sức chú ý thiên nặng về phía Bắc là điều có thể hiểu được. Do đó, đối với những nước nhỏ không có sức uy hiếp ở phía Nam, đương nhiên ngài sẽ không

---

Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 141.

1. *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ tam thập niên nhị nguyệt Giáp Thìn*, quyển 250, tr. 3626. Nguyên văn: 蠻夷相爭，自古有之。彼恃頑不服，終必取禍，姑待之。 Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 142.

tuỳ tiện dụng binh, để tránh tình trạng người Mông Cổ thừa cơ hội nước hư yếu mà xâm nhập. Vì vậy, cho dù trong nước An Nam nhiều lần xảy ra tình trạng soán đoạt, rồi thêm việc chiến tranh với Chiêm Thành không thôi, lại hơn thế nữa là tranh chấp đất đai với phủ Tư Minh... Nhưng Minh Thái Tổ đều không có cớ gì để đánh An Nam, không phải là không thể, mà là không làm thôi. Cao Đại 高岱 người đời Minh từng nói rằng: "Cứ như các tướng hùng hổ đương thời, dựa vào cái uy bách chiến, đối với những nước tiểu di bé tí ấy há khó thể chế ngự ư, như thế chỉ làm nhọc Trung Quốc hơn mà thôi. Ngươi đã không đủ để làm hại Trung Quốc đã đành, hà tất lại gây đồ thán cho con đỏ của ta, để chuốc lấy cái điều vô ích kia chứ."[1] Trên thực tế, trong quan niệm trị quốc của Minh Thái Tổ, không hề có dã tâm khuếch trương ra các nước bên ngoài, ngài một lòng muốn xây dựng một đế quốc nông dân ổn định. Chứ không hề giống như người đời sau này là Lê Chính Phủ 黎正甫 nói: "Bởi vì có ý đợi tương lai sức nước giàu mạnh, khi nhân dân khang lạc, chỉ cần một hành động là có thể tiêu diệt chúng, thì cái đại nghiệp của Hán Vũ có thể thành được."[2]

Chế độ triều cống mà Minh Thái Tổ xây dựng, chủ yếu là xác lập một trật tự mới mà thế giới coi Trung Quốc là trung tâm. Trong chế độ mới này, Trung Quốc lấy việc coi ngoại phiên như "cùng một lòng nhân" làm nguyên tắc. Trung tâm quốc phòng của nhà Minh nằm ở phương Bắc, đối với các nước ở Nam hải, về cơ bản được liệt vào trong "các di quốc không chinh phạt" (bất chinh chư di 不征諸夷). Và dưới chính sách "ngươi không gây hoạ cho Trung Quốc, trẫm quyết không thảo phạt", cho dù thái độ của An Nam đối với Trung Quốc có phần rất không cung thuận, nhưng Minh Thái Tổ vẫn giữ lấy cái gốc quốc sách đã định, để cho

1. Cao Đại, *Hồng du lục* 鴻猷錄, quyển 6, "Bách bộ tùng thư tập thành chi 16" 百部叢書集成之16, Nxb Văn nghệ, tr. 20. Nguyên văn: 夫以當時熊虎之將，席百戰之威，其於蕞爾小夷豈爲難克，然於敝中國多矣。彼既不足爲中國患則已，又何必塗炭吾赤子而邀無益之功邪。
2. Lê Chính Phủ, *Quận huyện thời đại chi An Nam* 郡縣時代之安南, Thượng Hải thương vụ ấn thư quán, 1945, tr. 141.

dân có thể giảm nhẹ gánh nặng mà yên ổn làm ăn, hai nước bình yên vô sự với nhau trong vòng 30 năm. Nhưng Minh Thái Tổ qua đời, tình hình trong nước Trung Quốc nghịch chuyển, Chu Đệ 朱棣[1] phát động nội chiến, thành công đoạt ngôi. Dưới sự thống trị của Minh Thành Tổ, vị hoàng đế có thế lực mạnh này, bầu không khí hoà bình giữa Việt Nam và Trung Quốc không còn có thể duy trì được nữa.

1. Tức Minh Thành Tổ 明成祖 (1359-1424), vua đời thứ 3 nhà Minh. (NPA)

Chương III

MINH THÀNH TỔ XUẤT BINH AN NAM VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT QUẬN HUYỆN Ở ĐẤT ẤY

1. Lời đầu

Minh Hồng Vũ năm thứ 2 (1369), Chu Nguyên Chương bắt đầu xây dựng đất nước, họ Trần ở An Nam tiên phong đưa sứ từ ngoại di vào cống, do đó rất được Minh Thái Tổ coi trọng. Chính sách đối ngoại của Minh Thái Tổ, chủ yếu là nghiêm phòng người Mông Cổ ở phương Bắc cuốn đất quay lại. Đối với các nước ở hải ngoại, thì áp dụng chính sách hoà bình "quyết không thảo phạt", An Nam cũng được liệt vào một trong danh sách "các di quốc không chinh phạt".[1] Chính sách này đã hoá giải được ý đồ dụng binh đối với An Nam đã tồn tại từ đời Nam Hán và hai triều Tống-Nguyên.

Nhưng trong đời Minh Hồng Vũ, mối quan hệ giữa nhà Minh và các vua họ Trần không thư thả vui vẻ gì. Vì Trần Thúc Minh (Trần Nghệ Tông) giết vua An Nam là Trần Nhật Kiên (Hôn Quốc Công) do nhà Minh sách phong rồi tự lập, một thời khiến cho Minh Thái Tổ có ý định muốn xuất binh.[2] Giữa đời Hồng Vũ, ngoại thích họ Trần là Lê Quý Ly nắm quyền tự phế tự lập, cũng khiến cho Minh Thái Tổ không hài lòng, hạ lệnh với hành động "tuyệt cống" để chế tài An Nam.[3] Đến những năm cuối đời Hồng Vũ, vì thổ quan Hoàng Quảng Thành phủ Tư Minh ở Quảng Tây lại tố cáo An Nam xâm chiếm đất biên, mới khiến cho quan hệ của hai nước càng trở nên xấu đi.

Điều may mắn là, Minh Thái Tổ đối mặt với khó khăn giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, không hề sử dụng hành động quân sự để giải quyết. Ngài vẫn tôn trọng quốc sách đối ngoại "ngươi không gây hoạ cho Trung Quốc, trẫm quyết không thảo phạt" do mình đặt ra. Do đó, trong những năm đời Hồng Vũ, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc tuy không mấy thân

1. Xem chú thích số 3 trang 43. (NPA)
2. Trương Kính Tâm, *Ngự giao ký*, quyển 3, sđd, tr. 34.
3. Hạ Nguyên Cát, *Minh Thái Tổ thực lục, Hồng Vũ nhị thập lục niên tứ nguyệt Bính Thân*, quyển 227, sđd, tr. 3314.

thiện cho lắm, nhưng nhìn chung cũng có thể được coi là sống trong một bầu không khí hoà bình. Nhưng cục diện hoà bình yên tĩnh này đã thay đổi kịch liệt theo sự soán ngôi của Minh Thành Tổ.

2. Đầu đuôi chuyện ghét nhau giữa nhà Minh và họ Hồ ở An Nam

Cái chết của Minh Thái Tổ phải chăng là cung cấp một cơ hội lớn để đẩy mạnh việc soán ngôi của Hồ Quý Ly? Điều này có thể nói là không có căn cứ gì để chứng minh được. Nhưng vào ngày 28 tháng 2 năm Kiến Văn 建文 thứ 2 (1400) của nhà Minh, Lê Quý Ly soán ngôi tự lập rốt cuộc đã trở thành một sự thật lịch sử. Sau khi ông lên ngôi, lập tức đổi quốc hiệu là Đại Ngu 大虞, đổi sang họ Hồ 胡, sử Việt xưng là nhà Hồ. Quý Ly tự nhận mình là "dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tế Ngu Thuấn làm thuỷ tổ", sử thần An Nam là Phan Phu Tiên 潘孚先 chê rằng "cái tội dối trời để tiếm ngôi thực không gì to bằng!"[1] Lê Quý Ly có phải là dòng dõi của Ngu Thuấn hay không, tổ tiên của Ly có phải là người Chiết Giang 浙江 Trung Quốc hay không? Thời đại biến thiên, nói miệng mà khó chứng minh được, thực sự khiến cho người đời tin phục. Nhưng nhìn về các mặt cải cách kể từ sau khi Lê Quý Ly nắm lấy quyền bính vào cuối đời nhà Trần, đặc biệt là sự đổi mới và sáng kiến trên phương diện văn hoá, Quý Ly cho người ta một ấn tượng rằng ông là một người theo chủ nghĩa dân tộc, là một nhà đề xướng tích cực cho văn hoá dân tộc An Nam.[2]

Lê Quý Ly từng làm *Minh đạo thập tứ thiên* 明道十四篇 đại khái là lấy Chu Công 周公 làm Tiên Thánh 先聖, lấy Khổng Tử 孔子 làm Tiên Sư 先師. Văn miếu đặt Chu Công ở chính giữa nhìn về hướng Nam, Khổng Tử đặt ở phía bên nhìn về hướng Tây. Ông chất vấn nghi ngờ lời lẽ trong sách *Luận ngữ* 論語,

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sdd, tr. 478. Nguyên văn: 胡公滿之後，祚虞舜之所自出。誣世僭竊之罪莫大焉！
2. Thomas Hodgkin, *Vietnam: The Revolutionary Path*. Macmillan press, 1981, tr. 54.

Minh Thành Tổ qua nét vẽ của Dao Văn Hàn 姚文翰
vẽ vào năm Thanh Càn Long thứ 53 theo lệnh vua Càn Long

lại chỉ trích "Hàn Dũ là đạo Nho"[1] và phê bình "các người như Chu Mậu Thúc 周茂叔 (Chu Đôn Di 周敦頤), Trình Hạo 程顥, Trình Di 程頤, Dương Thì 楊時, La Trọng Tố 羅仲素 (La Tùng Ngạn 羅從彥), Lý Diên Bình 李延平 (Lý Thích 李侗), Chu Tử 朱子 (Chu Hi 朱熹), học rộng nhưng tài sơ, không đi sát với sự việc, mà chỉ là cóp nhặt vét mót".[2] Từ đó có thể thấy, Lê Quý Lý là một nhà lãnh đạo chính trị có chủ kiến. Trên thực tế, ngài mượn việc phê bình văn hoá Nho gia để cổ vũ cho cảm tình dân tộc, để xác lập phương hướng An Nam hoá Nho học, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông từng ban chiếu dụ khen ngợi về những kiến giải của Quý Ly. Nhưng những quan viên chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng Nho gia trong triều đình An Nam, như Quốc tử trợ giáo 國子助教 là Đoàn Xuân Lôi 段春雷 và Hành khiển 行遣 Đào Sư Tích 陶師錫, vì phản đối Lê Quý Ly hạ bệ lời nói của Khổng Tử mà bị lưu đày hoặc giáng chức.[3] Hơn thế nữa Lê Quý Ly còn đem sách *Thượng thư - Vô dật thiên* 尚書・無逸篇 dịch sang chữ Nôm喃để dạy cho Trần Thuận Tông đang hơn 10 tuổi, lại làm *Quốc ngữ thi nghĩa tính tự* 國語詩義并序[4] để dạy cho hậu phi và cung nhân.[5]

---

1. Đạo Nho 盜儒: đạo ở đây là trộm đạo chứ không phải là đạo học. (NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 467-468.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói bàn thế là không phải, bị đày đi châu gần [...] [Xuân Lôi] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự." Nguyên văn: 國子助教段春雷上書言其不可，流近州。.....詞連行遣陶師錫嘗見其書，降爲中書侍郎，同知審刑院事。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 319. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 408. (NPA)
4. Thực ra là sách tên *Quốc ngữ thi nghĩa* và bài tựa sách, *Quốc ngữ thi nghĩa* tức là tập giải thích và dịch sách *Kinh thi* bằng quốc ngữ (chữ Nôm), "sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình không theo tập truyện của Chu Tử." Nguyên văn: 冬十一月，季犛作《國語詩義》并序，令女師教后妃及宮人學習。序中多出己意，不從朱子集傳。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 321. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 412. (NPA)
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 470-471.

Từ đó có thể thấy, Lê Quý Ly là một nhà thống trị tích cực đẩy mạnh văn hoá dân tộc, đây là hiện tượng chưa từng xảy ra kể từ sau khi Việt Nam thoát ly Trung Quốc để độc lập. Đem học thuyết Nho gia giải thích lại và dùng chữ Nôm để dịch ra có thể nói là một hành động hết sức sáng tạo, cũng là một cuộc vận động mang tính chất chủ nghĩa dân tộc phản đối lại quan niệm coi chữ Hán là truyền thống. Trong tác phẩm *Việt Nam sử lược sơ cảo* 越南史略初稿[1] của nhà sử học Việt Nam đương đại là Minh Tranh,[2] viết rằng: "Hồ Quý Ly chính là một chiến sĩ tiên phong trong việc dùng chữ Nôm để truyền bá tư tưởng mới... thậm chí những sắc lệnh và chiếu thư mà triều đình gửi đi đến các lộ, Hồ Quý Ly cũng hạ lệnh buộc phải sử dụng chữ Nôm."[3] Minh Tranh nhấn mạnh

1. Tức *Sơ thảo lịch sử Việt Nam*. (NPA)
2. Minh Tranh 明崢 tức là Khuất Duy Tiễn (1915-2002). Ông Khuất Duy Tiễn sinh ngày 3-4-1915 tại thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mỹ, tổng Tường Phiêu, huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây cũ; nay là thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp bằng tiểu học Pháp Việt, năm 1930 ông lên Hà Nội theo học hết năm thứ nhất bậc Thành chung tại trường Thăng Long, rồi phải nghỉ học vì gia đình nghèo túng quá. Năm 1936, ông vào Vĩnh Long làm công cho một hiệu buôn vài ba tháng, rồi vào học lớp y tá ở Bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn - Chợ Lớn. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936. Năm 1938, ông lãnh đạo cuộc bãi công lớn của hộ lý, y tá, y sĩ, bác sĩ ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Từ tháng 9-1938 đến tháng 6-1939, ông tham gia viết báo *Tin tức* của Đảng xuất bản công khai do Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) làm Chủ nhiệm chính trị và Trần Huy Liệu làm chủ bút và viết báo *Đời nay*. Ông Minh Tranh (Khuất Duy Tiễn) đã có nhiều đóng góp tích cực cho nền sử học cách mạng Việt Nam và khoa học xã hội với trên 40 cuốn sách về chính trị, xã hội, lịch sử được xuất bản; trong đó có những cuốn sách đã được dịch ra Trung văn, xuất bản ở Trung Quốc như *Sơ thảo lịch sử Việt Nam* (Bắc Kinh, 1956), *Tìm hiểu lịch sử phát triển xã hội Việt Nam* (Bắc Kinh, 1963). Với các bút danh: Minh Tranh, Văn Phong, Minh Chân, ông là tác giả của trên 50 luận văn khoa học đã công bố trên Tập san *Văn Sử Địa* và tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, tạp chí *Học tập* về các vấn đề lịch sử, văn học, chính trị. Ngoài ra, ông còn viết hàng chục bài báo trên nhiều tờ báo như *Học tập, Thống nhất, Nhân Dân, Cứu quốc, Văn nghệ*, v.v... Ông bị bệnh và mất ngày 15-8-2002 ở Hà Nội, hưởng thọ 88 tuổi. (Tham khảo thêm về Minh Tranh qua bài viết của người nhà ông là Khuất Minh Trí ở trang: http://hokhuatvietnam.org/news/vi/news/Doi-tac/ONG-KHUAT-DUY-TIEN-tuc-MINH-TRANH-nha-su-hoc-va-la-mot-can-bo-lao-thanh-cach-mang-29/)
3. Minh Tranh; Phạm Hùng Khoa 范宏科 dịch, *Việt Nam sử lược sơ cảo*, Bắc Kinh, Tam Liên, 1958, tr. 128. Trong tình hình không tìm thấy sách gốc bằng tiếng Việt, nên người dịch tạm thời dịch lại từ trích dẫn bản dịch bằng tiếng Trung Quốc của tác phẩm *Sơ thảo lịch sử Việt Nam* nói trên. (NPA)

cải cách của Quý Ly "không chỉ đánh dấu cuối thế kỷ 14 đến đầu thế kỷ 15, ý thức dân tộc tương đối cao của nhân dân nước ta, đồng thời còn đánh dấu yêu cầu mãnh liệt về sự phát triển xã hội đương thời."[1] Lập luận này hoàn toàn phù hợp với sự thực.

Mặc dù Lê Quý Ly là một người có lòng đặc biệt và sâu sắc về chủ nghĩa dân tộc như vậy, sau khi đoạt được quyền bính chính trị, ông lại nhấn mạnh mình là dòng dõi của Ngu Thuấn,[2] cho rằng tổ tiên vốn là người Trung Quốc qua cách làm ta "vốn không phải là dân tộc Việt", mãi vẫn khiến cho người ta bối rối và khó mà hiểu nổi, cũng không phù hợp với nguyên tắc mà các nhà thống trị An Nam nên làm. Quý Ly là người thông minh, đương nhiên biết được việc đổi họ sẽ dẫn đến rắc rối của người phản đối, không có được hiệu quả thống trị. Vậy tại sao ông ta lại khôi phục lại họ Hồ? Có lẽ tổ tiên Quý Ly vốn dĩ họ Hồ, nhưng mục đích của việc Quý Ly khôi phục họ Hồ không phải vì nhớ tổ nhớ tông, mà chỉ là bước xâu chuỗi với nước tông chủ để đạt được sự tín nhiệm trong việc hợp pháp quyền thống trị An Nam. Lập luận mà Quý Ly tự xưng mình là người Chiết Giang, dòng dõi Ngu Thuấn cơ hồ như có ý muốn rút ngắn quan hệ với nhà thống trị triều Minh, vì Chu Nguyên Chương "tổ tiên ở đất Bái", khi chưa

---

1. Minh Tranh; Phạm Hùng Quý 范宏貴 dịch, *Việt Nam xã hội phát triển sử nghiên cứu* 越南社會發展史研究 (tức *Tìm hiểu lịch sử phát triển xã hội Việt Nam*), Bắc Kinh, Tam Liên, 1963, tr. 70. Trong tình hình không tìm thấy sách gốc bằng tiếng Việt, nên người dịch tạm thời dịch lại từ trích dẫn bản dịch bằng tiếng Trung Quốc của tác phẩm *Sơ thảo lịch sử Việt Nam* nói trên. (NPA)
2. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Quý sang làm Thái thú Diễn Châu. Sau đó, làm nhà ở hương Bào Đột châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý, [có người] lấy công chúa Nguyệt Đích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hoá, làm con nuôi tuyên uý Lê Huấn, từ đấy lấy Lê làm họ mình. Quý Ly là cháu bốn đời của Huấn. Nguyên văn: 季釐字理元，自推其先祖胡興逸本浙江人，五季後漢時來守演州。其後家居本州之泡突鄉，因爲寨主。至李時娶月的公主，生月端公主。至十二代，孫胡廉徙居清化大吏鄉，爲宣尉黎訓養子，自此以黎爲姓。季釐其四世孫也。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 324-325. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 417. (NPA)

lập quốc từng tự xưng là Ngô Vương 吳王. Tư Mã Thiên 司馬遷 từng nói: "Ta đọc cổ văn Xuân Thu, biết rằng vua Ngu của Trung Quốc là anh em của Câu Tiễn, Phù Sai ở đất Kinh Man."[1] Vua Ngu là "anh em của Câu Tiễn, Phù Sai ở đất Kinh Man" bèn trở thành chủ tâm của Lê Quý Ly. Thêm nữa là cái tên xấu "Lê Quý Ly", trên dưới triều Minh, ai ai cũng biết, đổi họ thay tên có lẽ sẽ dễ dàng che mắt được những chuyện cũ, lấy lòng tin ở Trung Quốc.

Sau khi Lê Quý Ly soán đoạt nhà Trần, để làm mạnh lên sự thống trị của ông, đối nội thì giết hại bừa bãi tông thất họ Trần và những kẻ đối nghịch với mình; đối ngoại thì tích cực dặn dò và sắp xếp, để đảm bảo rằng chính quyền của mình được sự chấp thuận của nhà Minh. Do đó, Quý Ly soán Trần không đầy nửa năm bèn nhường ngôi cho con thứ của mình là Hán Thương 漢蒼 (sử nhà Minh gọi là Hồ Đê 胡奎) và xưng là Thái thượng hoàng, đương nhiên quyền triều chính vẫn nắm chắc ở trong tay ông. Nguyên do nào khiến cho Lê Quý Ly lập con thứ Hán Thương mà không lập con trưởng Nguyên Trừng 元澄 là một thiên tài quân sự?[2] Điều này cũng chính là để lấy lòng tin cho một cuộc sắp đặt của nhà Minh. Quý Ly quyết định truyền ngôi cho Hồ Hán Thương vào hai tháng trước khi soán ngôi nhà Trần, và thông qua sự đồng ý của con trai trưởng là Nguyên Trừng.[3] Quý Ly nhường ngôi

---

1. Takigawa Kametaro 瀧川龜太郎, *Sử ký hội chú khảo chứng* 史記會注考證, Nxb Hồng Thị, 1981, quyển 31, tr. 548. Nguyên văn: 余續春秋古文，乃知中國之虞與荊蠻句吳兄弟也。
2. Lê Nguyên Trừng (Minh sử gọi là Lê Trừng) là một chuyên gia quân sự, có thể chế súng thần công, việc cải cách các loại binh khí đầu đời Minh có liên quan mật thiết với vị vương tử An Nam này. Có thể tham khảo Trương Tú Dân 張秀民, *Minh đại Giao Chỉ nhân tại Trung Quốc chi cống hiến* 明代交趾人在中國之貢獻 (đăng trong Bao Tồn Bằng 包遵彭 biên tập, *Minh đại quốc tế quan hệ* 明代國際關係, Minh sử luận tùng chi thất 明史論叢之七, Học sinh thư cục, 1968).
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 477. Canh Thìn, [Kiến Tân] năm thứ 3 [1400] [...] Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm thái tử. Trước đây, Quý Ly định lập Hán Thương nhưng chưa quyết, mới mượn cái nghiên đá mà nói rằng: "Thử nhất quyển kỳ thạch, hữu thì vi vân vũ dĩ nhuận sinh dân" (Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuần thấm sinh dân), bảo con trưởng là Trừng đối lại để xem chí hướng ra sao. Trừng đối lại rằng: "Giá tam thốn

cho Hán Thương thực sự là một sự sắp đặt chu đáo và cẩn thận, vì Nguyên Trừng và Hán Thương là hai anh em cùng cha khác mẹ. Hán Thương do Huy Ninh công chúa 徽寧公主 con gái của Trần Minh Tông 陳明宗 sinh ra, do đó họ Hồ có thể thanh minh với nhà Minh rằng họ Hồ tuyệt tự, tạm nắm quyền quốc sự, là cháu ngoại họ Trần cầu phong. Sử gia nhà Lê Ngô Thì Sĩ 吳時仕 luận về cách mà Lê Quý Ly truyền ngôi cho Hán Thương là để "tiện đặt lời nói với nhà Minh" 便其告明之詞[1] có thể nói là một lời phê bình sắc sảo.

Trong khi Lê Quý Ly đang soán đoạt ngôi vị nhà Trần, cũng là lúc Minh Yến Vương 明燕王 Chu Đệ đang tiến hành cùng một loại sự nghiệp tương tự. Yến Vương Chu Đệ ở Bắc Kinh mượn cớ "thanh quân trắc, tịnh quốc nạn" 清君側靖國難,[2] phát động cuộc nội chiến, cho đến tháng 7 năm Kiến Văn thứ 4 (1402), ngài mới thuận lợi lên ngôi hoàng đế. Sau khi Minh Thành Tổ lên ngôi, bèn sai sứ giả chiếu dụ cho các nước An Nam, Xiêm La, Java, Lưu Cầu, Nhật Bản, Tây Dương, Tô Môn Đáp Lạt, Chiêm Thành về việc duy tân đổi niên hiệu.[3] Sứ giả nhà Minh Ổ Tu 鄔脩 đến An Nam vào tháng 2 năm Vĩnh Lạc 永樂 nguyên niên (1403), khi ấy Lê Quý Ly đã truyền ngôi cho Hồ Hán Thương. Tháng 4 năm ấy, sứ giả của Hồ Hán Thương đến Trung Quốc, dâng biểu

---

tiểu tùng, tha nhật tác đống tác lương dĩ phù xã tắc" (Cây thông nhỏ mới ba tấc kia, ngày sau làm rường cột để chống nâng xã tắc). Bấy giờ ý mới quyết định. Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua nhường ngôi. Nguyên văn: 庚辰〔建新〕三年，明建文二年春正月，黎季犛立其子漢蒼爲太子。初，季犛欲立漢蒼而未決，假名硯爲語曰：「此一卷奇石，有時爲雲爲雨，以潤生民，」使長子澄對，以觀其志。澄對曰：「這三寸小松，他日作棟作梁，以扶社稷，」意遂決。二月二十八日，黎季犛逼帝禪位。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 326-327. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 421-422. (NPA)

1. Ngô Sĩ Liên 吳士連, *Đại Việt sử ký tiền biên* 大越史記前編, *Trần Thiếu Đế nhuận Hồ* 陳少帝附閏胡, quyển 9, Trần Kiến Tân tam niên 陳建新三年, Bắc Thành học đường khắc bản 北城學堂刻本.
2. Nghĩa là thanh trừ những nghịch thần phản trắc bên cạnh vua, giữ yên tai nạn cho nước nhà. (NPA)
3. Trương Phụ, *Minh Thái Tông thực lục, Hồng Vũ tam thập ngũ niên cửu nguyệt Đinh Hợi*, quyển 12, sdd, tr. 205.

và cống vật, đồng thời chúc mừng Minh Thành Tổ lên ngôi hoàng đế, An Nam muốn nhân cơ hội tốt này mượn danh nghĩa "cháu ngoại họ Trần" mà dâng biểu cầu phong.

Việc Hồ Hán Thương cầu phong, Lễ bộ cho rằng "di quốc ở xa xôi mờ ám khó tin được".[1] Kiến nghị nên sai sứ giả đi điều tra quan sát thực tình. Ngày 15 tháng 4, Minh Thành Tổ sai Hành nhân 行人 Dương Bột 楊渤 đến An Nam để hỏi tra xem phải chăng họ Trần đã tuyệt tự và Hồ Hán Thương lên ngôi là thành thật hay gian trá, kết quả của cuộc điều tra đúng như những gì Hồ Hán Thương nói. Ngày 5 tháng 11, Hồ Hán Thương sai sứ giả theo Dương Bột vào triều giải thích, đồng thời trình lên tấu chương của bồi thần và kỳ lão nói rằng: "Hồ Đê quả thực là cháu ngoại, thuở nhỏ ở trong cung, lại cung thuận cẩn thận thờ kẻ trên; nên được dân chúng thành tâm suy tôn quyền trông coi việc quốc sự."[2] Đương nhiên đây là những lời nguỵ tạo tô điểm của cha con Quý Ly, nhưng dù sao cũng được Minh Thành Tổ chấp nhận, phong Hồ Hán Thương làm An Nam quốc vương.

Trên thực tế, sự việc mà cha con Lê Quý Ly lộng quyền chính họ Trần đã được triều đình nhà Minh biết vào đời Hồng Vũ. Lúc bấy giờ, Hình bộ thượng thư là Dương Tĩnh từng chỉ rõ: "Nhật Côn (Trần Thuận Tông) tuổi còn nhỏ, việc nước đều do cha con Quý Ly quyết định."[3] Do đó khi Minh Thành Tổ lên ngôi, chắc chắn là có biết sự kiện cha con Lê Quý Ly soán đoạt ngôi vị ở An Nam. Đương nhiên, Minh Thành Tổ bản thân phạm việc không phải, làm thế nào để minh chính tội đó? *Minh thông giám* 明通鑑 dẫn *Tam biên* 三編 ngự phê rằng: "An Nam đã liệt vào phiên quốc sách phong, việc soán ngôi thí vua liên tiếp xảy ra,

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên tứ nguyệt Đinh Mùi,* quyển 19, sdd, tr. 337.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên thập nhất nguyệt Mậu Tuất,* quyển 25, sdd, tr. 464. Nguyên văn: 胡奎其外孫，少依王所，亦能恭順小心，勤於事上。是以眾人誠心推奎權理國事。
3. *Minh sử, An Nam truyện,* sdd, tr. 8312.

theo vương pháp đương nhiên là phải thảo phạt. Nhưng Thành Tổ khởi binh ở Yên đế[1], bản thân đã dám làm chuyện không phải, ngài được nước cũng từ đó, có khác gì với chuyện cha con Hồ Đê chứ? Thành Tổ có ý muốn chỉ rõ tội đó, nhưng tự mình cảm thấy xấu hổ với đạo đức, làm thế nào có thể nói nên lời!"[2] Vì Thành Tổ có sự hổ thẹn này, do đó, ngày 24 tháng 11 nhuận năm ấy bèn sai sứ giả đến phong cho Hồ Hán Thương làm An Nam quốc vương.[3] Như vậy, sự sắp đặt cầu phong của cha con Lê Quý Ly, thừa cơ hội khi Chu Đệ mới vừa soán ngôi mà định được, đạt được hiệu quả hoàn toàn mỹ mãn. Nhưng sự xung đột giữa nhà Minh và họ Hồ, lại vì việc nhà Minh can thiệp vào cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành mà mở màn.

Thì ra sau khi Lê Quý Ly soán ngôi, bèn tích cực củng cố Tây Đô 西都ở Thanh Hoá 清化 đồng thời tăng cường thắt chặt

---

Yên đế 燕邸: chỗ ở của vua, vương, quan ở kinh sư trước đây. (NPA)

Hạ Nhiếp 夏燮, *Minh thông giám* 明通鑑, quyển 14, Đài Loan thế giới thư cục, 1978, tr. 632. Nguyên văn: 安南既列藩封，其篡弒相尋，固王法所必討。然成祖自燕邸稱兵，身冒不韙，其得國所自，與胡奄父子亦何甚逕庭？成祖既欲明正其罪，然自返慚德，何以爲辭！

Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên thập nhị nguyệt Đinh Mão, quyển 25, tr. 470. Ngày Đinh Mão, sai bọn Lang trung bộ Lễ Hạ Chỉ Thiện mang chiếu chỉ đến An Nam phong Hồ Đê làm Quốc vương An Nam. Chiếu rằng: "Mọi sinh linh được trời đất che chở đều là con đỏ của ta; đặt ra ty, mục cai trị nhằm hợp với lòng dân. Xưa kia đất An Nam các ngươi là quận nơi biên giới, nhà Tống thể theo lòng dân bèn phong tước Vương để cai trị; nước các ngươi sát với Trung châu nên ảnh hưởng nền thanh giáo. Khi vua cha của Trẫm, Thái tổ Hoàng đế mới lên ngôi, nước ngươi đầu tiên đến quy phụ. Trẫm nối ngôi lớn, ngươi Hồ Đê cũng dốc lòng thành tận tuỵ với chức vụ. Tâu rằng trước đây họ Trần bị tuyệt tự, ngươi là cháu ngoại lo việc tế tự đến nay được bốn năm. Hỏi han dân chúng, lời khai cũng tương đồng, nên đặc cách mệnh ngươi làm Quốc vương An Nam. Ô hô! Làm điều thiện được ban tốt lành, đạo trời sáng tỏ. Hãy thờ nước lớn, khoan dung với kẻ dưới, tỏ sự chí thành. Hãy kính theo!" Nguyên văn: 丁卯，遣禮部郎中夏止善等齎詔往安南封胡奄爲安南國王。詔曰：「覆載之中皆朕赤子；立之司牧　順民情。昔爾安南邊隅列郡，宋因眾志肇錫王封，密邇中州向慕聲教。朕　皇考太祖皇帝臨御之初，率先歸附。朕嗣大寶，爾胡奄輸誠效職。奏謂前國王陳氏嗣絕，爾以外孫主祀於今四年。詢之於眾所言亦同，特命爾爲安南國王。於戲！作善降祥，厥有顯道，士大恤下，往罄乃誠。欽哉。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 152 và nguyên bản chữ Hán tr. 486. (NPA)

việc mở rộng phương Nam, để phòng bị người nhà Minh xâm nhập, cũng vì vậy mà nhiều lần phát binh xâm chiếm các vùng biên cương phía Bắc Chiêm Thành. Tháng 12 năm Minh Kiến Văn thứ 2 (1400), Quý Ly phát động 15 vạn đại quân chinh phạt Chiêm Thành. Năm ấy quốc vương Chiêm Thành là La Ngai (sử nhà Minh gọi là Các Thắng) qua đời, con trai của ông ta là Ba Đích Lại 巴的吏 (sử nhà Minh gọi là Chiêm Ba Đích Lại 占巴的賴) kế vị, sức nước càng suy yếu, thế là An Nam tăng cường kế hoạch Nam xâm. Tháng 7 năm Minh Kiến Văn thứ 4 (1402), An Nam đánh mạnh vào Chiêm Thành, thôn tính các nơi Cổ Luỹ 古壘, chia làm bốn châu Thăng 升, Hoa 華, Tư 思, Nghĩa 義, đặt an phủ sứ cai quản các hạt ấy.[1]

Tháng 7 năm Minh Vĩnh Lạc nguyên niên (1403), quốc vương Chiêm Thành là Chiêm Ba Đích Lại sai sứ giả đến triều cống Trung Quốc, đồng thời tố cáo với nhà Minh về chuyện An Nam xâm lược.[2] Hồi ban đầu khi Minh Thành Tổ lên ngôi, để ổn định sức ảnh hưởng của mình đối với ngoại di, kế đó vào tháng 8 phái khiển Hành nhân Lữ Nhượng, Khưu Trí đi sứ An Nam, sắc dụ Hồ Hán Thương phải "bỏ việc binh đao, hoà hiếu."[3]

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 480-481.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên thất nguyệt Bính Thân*, quyển 21, sđd, tr. 400. Quốc vương Chiêm Thành Chiêm Ba Đích Lại sai sứ là bọn Bà Phủ Tức dâng biểu văn viết trên vàng lá, triều cống sản vật địa phương. Lại nói rằng Chiêm Thành giáp giới với An Nam, mấy lần bị nước này xâm lược khổ sở; xin giáng sắc dụ để răn đe. Thiên tử chấp thuận, lại ban cho sứ giả tiền giấy, bộ y phục hoa văn. Nguyên văn: 占城國王占巴的賴遣使婆甫郎等奉金葉表文來朝貢方物。且言其國與安南接壤數苦其侵掠，請降敕戒，諭 上可之，賜其使鈔幣及織文綺襲衣。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 149 và nguyên bản chữ Hán tr. 480. (NPA)
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên bát nguyệt Quý Sửu,* quyển 22, sđd, tr. 408. Sắc dụ Hồ Đê nước An Nam: "Trẫm coi sóc vạn phương, thể theo đạo trời mà cai trị, một vật không được yên chỗ cũng là lỗi ở ta. Nay Chiêm Thành nói rằng cùng với nước ngươi đất đai tiếp giáp; ngươi mấy lần hưng binh xâm lăng, giết người, cướp đoạt tài vật; người dân Chiêm Thành khốn khổ vì sự độc hại của các ngươi. Phàm đất đai hai nước truyền từ thời xưa, do Thiên tử làm chủ, sao lại cậy mạnh vượt chiếm! Làm ác thì gặp hoạ, lời răn đã có từ xưa. Nay tha cho, việc đã qua không xét tới; từ nay trở về sau phải giữ gìn biên cảnh, bỏ việc binh đao, hoà hiếu thì hai nước sẽ được hưởng phúc.

Ngay lúc ấy, Hồ Hán Thương một mặt thỉnh cầu sắc phong của nhà Minh, một mặt đem hai mươi vạn đại quân đánh Chiêm Thành.[1] Lúc bấy giờ, nhà Minh có can thiệp vào chuyện chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành hay không? Theo sử Việt chép, trong lúc hải quân An Nam rút lui ra khỏi Chiêm Thành, gặp phải 9 chiếc tàu chiến Trung Quốc đang tiến đến cứu viện cho Chiêm Thành ở trên biển.[2] Nhưng sử nhà Minh không chép việc này, 9 chiếc thuyền mà sử Việt nhắc đến, hình như không phải vốn đến viện trợ cho Chiêm Thành chống trả An Nam.

Nguyên nhân là vào tháng 11 nhuận năm Vĩnh Lạc nguyên niên (1403), khi nhà Minh sách phong Hồ Hán Thương làm An Nam quốc vương, vẫn chưa biết được việc An Nam đem 20 vạn đại quân công đánh Chiêm Thành. Nếu biết, thì làm gì có chuyện dễ dàng sách phong Hồ Hán Thương làm quốc vương chứ? Chín chiếc thuyền này có lẽ là đoàn thuyền sứ giả phụng mệnh đi sứ ngoại phiên đến Chiêm Thành do Hành nhân Giảng Tân Hưng 蔣賓興 và Vương Xu 王樞 dẫn đầu[3] vào mùng 8 tháng 8 năm

---

Hãy kính theo!" Nguyên văn: 朕君臨萬方，體天爲治。一物失所時予之辜。今占城言與爾鄰壤；爾屢興兵侵其土地，殺其人民，剽掠財物；占城之人因爾荼毒。夫兩國土地傳自先世而主於天子，何得恃強逾越！爲惡受禍，古有明戒。然事已在赦，前茲不深究。自今宜保境安民，息兵修好則兩國並受其福爾。其欽哉！Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, quyển 1, tr. 150 và nguyên bản chữ Hán tr. 482. (NPA)

1. Tham khảo Mã Tư Bội La 馬司培羅, Phùng Thừa Quân dịch, *Chiêm Ba sử* 占婆史, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1973, tr. 103; và *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, tr. 483.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, tr. 482. Chiêm Thành cầu cứu nhà Minh. Người Minh đi 9 chiếc thuyền vượt biển sang cứu. Các quân ta trở về gặp quân Minh ở ngoài biển. Người Minh bảo Nguyên Khôi rằng phải mau rút quân về, không được ở lại lâu. Nguyên Khôi từ Chiêm Thành trở về bị Quý Ly quở trách vì không giết hết được quân Minh. Nguyên văn: 占城求救於明，明人駕海船九艘來救，諸軍還，遇諸海外，明人謂元瑰曰：「可速班師，不可久留。」元瑰自占城回，季釐責以不能盡戮明人之故。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sdd, tr. 331. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 426. (NPA)
3. *Minh Thái Tổng thực lục,* quyển 22, tr. 408 chép: Ngày mồng 8 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ nhất. Ngày Quý Sửu, sai quan đến Triều Tiên, An Nam, Chiêm Thành, Tiêm La, Lưu Cầu, Chân Lạp, Trảo Oa, Tây Dương, Tô Môn Đáp Lạt; ban cho các nước này vải

Vĩnh Lạc nguyên niên.[1] Do đoàn thuyền đi sứ do tổ chức thuyền biển có vũ trang, mới dẫn đến việc hiểu nhầm của An Nam, cũng vì vậy mới khiến cho Hồ Hán Thương mau chóng sai sứ dâng biểu tạ tội.[2] Mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung quốc trong năm này, có thể coi là diễn ra trong bầu không khí hoà thuận, họ Hồ cũng đạt được nguyện vọng là được nhà Minh sách phong làm An Nam quốc vương. Nhưng, chưa đến sang năm, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc lại rơi vào bước đường khó khăn trùng trùng.

---

nhung, gấm dệt kim tuyến, văn ỷ, sa, lụa là, có sai biệt. Hành nhân Lữ Nhượng, Khâu Trí đi sứ An Nam, Án sát phó sứ Nhàn Lương Phụ, Hành nhân Thẩm Thiện đi sứ Trảo Oa, Tây Dương, Tô Môn Đáp Lạt, Cấp sự trung Vương Triết, Hành nhân Thành Vụ đi sứ Tiêm La; Hành nhân Tưởng Tân Hưng, Vương Khu [Xu] đi sứ Chiêm Thành, Chân Lạp; Hành nhân Biên Tín, Lưu Nguyên đi sứ Lưu Cầu; Đãi chiếu [viện] Hàn lâm Vương Diên Linh, Hành nhân Thôi Bân sứ Triều Tiên. Mỗi người được ban một số bộ áo tơ gai, 25 đĩnh tiền giấy; đi sứ Triều Tiên được cấp thêm một bộ quần áo cùng mũ da cừu. Nguyên văn: 癸丑，遣官往賜朝鮮、安南、占城、暹羅、琉球、真臘、爪哇、西洋、蘇門答剌諸番國王絨綿織、金文綺紗羅，有差。行人呂讓、丘智使南安，按察副使聞良輔、行人寗善使爪哇、西洋，蘇門答剌、給事中王哲、行人成務使暹羅，行人蔣賓興、王樞使占城、真臘，行人邊信劉元使琉球，翰林待詔王延齡、行人崔彬使朝鮮，人賜紵絲衣一襲、鈔二十五錠使、朝鮮者加衣一襲及皮裘狐帽。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 150 và nguyên bản chữ Hán tr. 481. (NPA)

1. Tham khảo thêm ở Yamamoto Tatsuro 山本達郎, *An Nam sử nghiên cứu* 安南史研究 [1], Nxb Yamakawa, 1950, tr. 275.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nguyên niên thập nhị nguyệt Tân Sửu*, quyển 26, sđd, tr. 538. Ngày Tân Sửu, Hồ Đê nước An Nam sai sứ chúc mừng ngày lễ Nguyên đán, tiến cống sản vật địa phương và dâng biểu chương tạ tội như sau: "Nhận được sắc thư trách thần vì gây việc binh với Chiêm Thành, Thần tội rất nặng, được ơn lớn như trời đất tha cho không tru phạt, thần cảm thấy xấu hổ và sợ sệt không kể xiết. Nay xin nghiêm cẩn bãi binh, an dân, đáp lại lời dạy của thánh Thiên tử". Thiên tử cho rằng biết hối lỗi, ban sắc dụ khuyến khích. Lúc bấy giờ tuy đã có chiếu phong Hồ Đê [làm] Quốc vương An Nam; nhưng trong biểu chương không xưng Vương, do bởi chiếu mệnh chưa tới nơi. Nguyên văn: 辛丑，安南胡奎遣使賀明年正旦，進方物。且上章謝罪，曰"伏蒙敕書諭臣占城構兵事，臣罪深重，荷　天地大德赦而不誅不勝慚懼，自今以往謹當息兵安民以仰副。　聖訓　上以其能改過賜敕，慰勉之。時已有詔封胡奎爲安南國王，其上章不稱王者，詔命未至故也。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 153 và nguyên bản chữ Hán tr. 488. (NPA)

Năm Vĩnh Lạc thứ 2 (1402) mối quan hệ giữa nhà Minh và họ Hồ chuyển nhanh xuống thấp, tình thế cực kỳ bất lợi cho cha con Lê Quý Ly. Đầu tiên là, Tri phủ của phủ Tư Minh Quảng Tây là Hoàng Quảng Thành tố cáo An Nam trong những năm gần đây lại khởi binh xâm chiếm các nơi châu Lộc 祿州, châu Tây Bình 西平州, trại Vĩnh Bình 永平 thuộc Tư Minh.[1] Hiển nhiên, Hoàng Quảng Thành bất mãn chính sách xử lý liên quan đến việc tranh chấp đất biên giới giữa Tư Minh với An Nam vào đời Hồng Vũ, lúc ấy, Minh Thái Tổ dùng lời "cứ đợi xem" 姑俟之 để giảng hoà tranh chấp biên giới Việt Nam và Trung Quốc.[2] Còn về việc tố cáo của Hoàng Quảng Thành thì Thành Tổ nhanh chóng phản ứng, sắc dụ sứ giả An Nam "nếu không phải là đất An Nam, thì nhanh chóng trả lại."[3] Mùng 1 tháng 8 năm ấy, Chiêm Thành phái khiển sứ giả đến Trung Hoa để tấu việc An Nam xâm lược,[4] lại thỉnh xin lệ thuộc Trung Quốc.[5] Sau khi Minh Thành

1. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên tứ nguyệt Quý Dậu*, quyển 30, sđd, tr. 538. Tri phủ Tư Minh, Quảng Tây, Hoàng Quảng Thành tâu: "Bản phủ tiếp giáp với An Nam; châu Lộc, châu Tây Bình, trại Vĩnh Bình đều là đất cũ của tổ tiên thần. Năm gần đây, An Nam mấy lần mang binh xâm lấn rồi chiếm lấy. Nay gặp thánh nhân cai trị, nếp cũ được tôn trọng; nghĩ đến đất đai của thần truyền từ nhiều đời, hy vọng Thiên tử anh minh soi xét cương vực, ra chỉ dụ bắt trả lại thì thật may mắn. Thiên tử chấp thuận. Nguyên văn: 廣西思明府知府黃廣成奏：「本府與安南；接壤祿州、西平州、永平寨皆先臣故地。邇歲，安南屢興兵侵奪遂遽有之。今遇　聖人悉遵舊制，思臣土地累世相傳，伏望天恩明其疆域，諭使歸還不勝幸甚。上納之。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 153-154 và nguyên bản chữ Hán tr. 490. (NPA)
2. *Minh sử, An Nam truyện*, quyển 321, tr. 8312.
3. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên lục nguyệt Mậu Tí*, quyển 32, tr. 569. Nguyên văn: 如非安南地，則速歸之。
4. Sự kiện này *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là "Trước đó Chiêm Thành đã cống ta hai con voi đen và trắng và dâng đất để xin hoãn quân, rồi lại nói đối với nhà Minh là họ Hồ lấn đất và bắt cống voi. Đến đây, nhà Minh sai sứ sang trách hỏi, nên đưa biếu voi." Nguyên văn: 先是，占城既貢白黑象，及獻地以求緩師，既而又詭辭告明，謂胡氏侵地，及邀取貢象。至是，明遣使責問，故遣之。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 332. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 427. (NPA)
5. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên bát nguyệt Canh Ngọ*, quyển 33, tr. 582-583.

Tổ nghe được chuyện này, vô cùng phẫn nộ, mùng 3 tháng 8 sai sứ trách Hồ Hán Thương là "trái lễ phóng túng" xâm lược Chiêm Thành, rồi lại chỉ trích An Nam "phóng túng không kiêng kỵ" xâm lược các nơi của phủ Tư Minh, đồng thời uy hiếp họ Hồ phải "nhanh chóng sửa những cái sai trước, nếu không thì sẽ không có lợi cho An Nam đâu."(1)

Mối quan hệ Việt Nam và Trung Quốc rơi vào tình trạng căng thẳng vì Chiêm Thành liên tiếp tố cáo. Minh Thành Tổ lên ngôi nhờ thủ đoạn soán ngôi, do đó làm thế nào để xây dựng địa vị được tôn trọng ở các nước tứ di là điều cực kỳ quan trọng, vì vậy đối với thái độ trái lễ của cha con Lê Quý Ly, bắt đầu chuyển sang hướng cứng rắn. Cha con họ Hồ cũng cảm nhận được áp lực của nhà Minh. Một mặt họ Hồ sai sứ giả cống hai con voi trắng và đen để tạ tội; một mặt "đóng thuyền đinh sắt" để chuẩn bị cho chiến tranh.(2) Mùi của chiến tranh càng lúc càng trở nên kịch liệt.

Tháng 8 năm này, có thể nói là cha con họ Hồ gặp phải vận rủi. Đầu tháng, cựu thần nhà Trần An Nam là Bùi Bá Kỳ 裴伯耆 học theo cách của Thân Bao Tư,(3) trốn sang Trung Quốc, cầu xin nhà Minh xuất binh phò lập con cháu họ Trần.(4) Về những lời trần tình của Bùi Bá Kỳ, Minh Thành Tổ cho thấy được sự quan tâm và đồng tình của mình, ra lệnh cho Hữu ty sắp xếp cái ăn cái mặc để ổn định. Lúc bấy giờ, hình như Minh Thành Tổ chưa có ý định sử dụng hành động ngay tức thì. Ngày 28 tháng 8, Quân dân Tuyên uý sứ Lão Qua(5) là Đao Tuyến Ngạt 刀線歹, sai sứ giả hộ tống một vị tự xưng là cháu của vua An Nam trước tên là Trần Thiên Bình đến 陳天平(6) Trung Quốc. Trần Thiên Bình

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên bát nguyệt Nhâm Thân*, quyển 33, tr. 583.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 8, sđd, tr. 484.
3. Thân Bao Tư 申包胥 là quan lại người nước Sở đời Xuân Thu - Chiến Quốc. Trong khi nước Sở bị nước Ngô tàn phá, Thân Bao Tư sang nước Tần cầu viện, xin nước Tần sai quân sang giúp nước Sở, nước Sở được khôi phục. (NPA)
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên bát nguyệt Ất Hợi*, quyển 33, tr. 584-585.
5. Lão Qua 老撾: Lào. (NPA)
6. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Trần Thiêm Bình 陳添平. (NPA)

tố cáo cha con Lê Quý Ly soán ngôi tiếm hiệu họ Trần, thỉnh cầu Trung Quốc giúp ông ta phục quốc.[1] Sự xuất hiện của Trần Thiên Bình khiến cho Minh Thành Tổ thay đổi thái độ với cha con họ Trần.

Tháng 12 năm ấy, sứ giả của Hồ Hán Thương đến Nam Kinh, Minh Thành Tổ ra lệnh cho Lễ bộ dẫn ra mắt Trần Thiên Bình với sứ giả An Nam. Tình hình sứ giả An Nam trông thấy Trần Thiên Bình, theo *Minh Thái Tông thực lục* chép: "Sứ giả nhận ra cháu Vương cũ, nên kinh ngạc sụp xuống vái, cảm động khóc. Bùi Bá Kỳ lên tiếng trách vì đại nghĩa, sứ giả kinh hoàng không đáp được."[2] Để hiểu rõ hơn về sự thay đổi thái độ đối với An Nam của Minh Thành Tổ, buộc phải khảo thuật sơ lược về thân phận của Trần Thiên Bình, để hiểu rõ nguyên nhân trong và ngoài.

Trong tư liệu lịch sử nhà Minh không đề cập đến tình hình khi mà cựu thần họ Trần Bùi Bá Kỳ gặp gỡ Trần Thiên Bình, về việc sứ giả An Nam khi gặp Trần Thiên Bình "kinh ngạc sụp xuống vái" rồi "cảm động khóc", điều này có thể dễ dàng hiểu được. Vì sứ giả họ Hồ phần lớn đều là cựu thần họ Trần, trong lúc vận nước nhiều nguy khốn, cựu thần di lão được gặp gỡ tại thiên triều, sao mà không cảm động rơi lệ chứ? Các sứ giả vốn dĩ là sẽ không như *Thực lục* 實錄 chép rằng "nhận ra cháu Vương cũ (Trần Thiên Bình)" mà "kinh ngạc sụp xuống vái". Vì Trần Thiên Bình không phải là dòng dõi họ Trần, các sứ giả biết được điều này. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* chép, Trần Thiên Bình vốn tên là Nguyễn Khang 阮康, là gia thần của Nhân Tĩnh vương Trần Nguyên Đĩnh 仁靖王陳元挺. Lúc bấy giờ, Quý Ly quyền khuynh đảo từ trong triều cho đến ngoài dân dã, phế và giết Trần Đế Hiện cùng những người thân cận vua. Trần Nguyên Đĩnh, Nguyễn Khang

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên bát nguyệt Đinh Dậu*, quyển 33, tr. 594-596.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên thập nhị nguyệt Nhâm Thìn*, quyển 37, tr. 636. Nguyên văn: 使者識其故王之孫也，皆錯愕下拜，有感泣者。而裴伯者亦責使者以大義，皆惶恐不能對。

phụ trách bắt bớ tặc đảng, nhưng vì "bị cưỡng bức theo chúng thì không bị tội, Nguyễn Đĩnh và Trần Tôn nhảy xuống sông tự tử, Khang thì chạy trốn sang nước Minh, nói dối là con cháu họ Trần, đổi tên là Thiên Bình."[1] Việt sử chỉ rõ ràng Thiên Bình chính là Nguyễn Khang, không phải dòng dõi họ Trần, chỉ là một gia nô.

Vậy thì, triều đình nhà Minh phải chăng có nghi ngờ về thân phận của Trần Thiên Bình? Hay là như một số học giả lập luận, bảo rằng vào tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 2 (1404) Minh Thành Tổ đã có ý định muốn xâm lược An Nam rồi, còn thân thế của Trần Thiên Bình và biểu văn dâng lên, đều là do nhà Minh nguỵ tạo ra để làm cái cớ khởi binh.[2] Không thể kiêng nể mà không nói, nhà Minh có ý phò lập Trần Thiên Bình, để đạt được mục đích khống chế An Nam. Có một chuyện khiến cho người ta rất không hiểu, đó là khi nhà Minh quyết định hộ tống Trần Thiên Bình về nước, Thân Bao Tư học thói người xưa và Bùi Bá Kỳ "điếu phạt chi sư" lại không đi cùng. Tại sao lại như vậy chứ? Điều này cho thấy Bùi Bá Kỳ và Trần Thiên Bình không có thoả thuận. Điều này là vì Bùi Bá Kỳ biết rõ việc triều đình nhà Minh muốn phò lập một người vốn dĩ không phải là hậu duệ nhà họ Trần, tin chắc rằng Bùi Bá Kỳ đã cho thấy sự phản đối của mình đối với cách làm của nhà Minh. *Đại Việt sử ký toàn thư* từng cho thấy sự "không biết" của Bùi Bá Kỳ với thân phận của Trần Thiên Bình.[3] Điều này cho thấy giữa Trần Thiên Bình, Bùi Bá Kỳ và triều đình nhà Minh có tồn tại mâu thuẫn.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 463-465. Nguyên văn: 詹從罔治，元挺、陳蓀赴水死，康北走明國 ，詐稱陳氏子孫，改名添平。
2. Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, tr. 285; và A.B.Woodside, *Early Ming Expansionism (1406-1427): China's Abortive Conquest Of Vietnam, Paper On China,* Volume 7, Cambridge University, 1988.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 497. Bá Kỳ (người Phù Hội, Hạ Hồng) vốn là phe Trần Khát Chân, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của Nam triều, trốn sang nước Minh, vừa gặp tên Trần Vương nguỵ là Trần Thiêm Bình đến trước, người Minh hỏi có biết không, Bá Kỳ trả lời là không biết. Nguyên văn: 伯耆（下洪扶内人）本陳渴真黨，稱南朝忠義臣，出亡明國，會見僞陳王添平先到。明人問識否，伯耆以不知對。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 340. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 440. (NPA)

Trần Thiên Bình (Nguyễn Khang) là một người có dã tâm. Minh Hồng Vũ thứ 23 (1390), sau khi Nguyễn Khang bị Lê Quý Ly "cưỡng bức theo chúng thì không bị tội", bèn lưu vong ra nước ngoài. Kể từ lúc đó, Nguyễn Khang bèn bắt đầu theo đuổi hoạt động chống trả Lê Quý Ly. Sau đó, từ Lão Qua (Lào) vào Trung Quốc để cầu xin triều đình nhà Minh xuất binh, trước sau đã 20 năm trời. Trong khoảng thời gian đủ dài này, Nguyễn Khang từng được thuộc hạ của mình khích ở chỗ trung nghĩa, đội lên làm chúa, để thảo phạt Quý Ly, tin chắc rằng đây là tình hình mà Nguyễn Khang phải đối mặt sau khi Lê Quý Ly tàn sát tông thất và soán ngôi. Lúc bấy giờ, từ vị trí một gia nô họ Trần, Nguyễn Khang bèn biến thành một hậu duệ họ Trần, đổi tên là Trần Thiên Bình để hiệu triệu các chí sĩ trung nghĩa. Trong quyển sách *Đại Việt hoá tệ chí toàn* 大越貨幣志全 do người Nhật Enomoto Buno 榎本文城 biên thuật, chép phần "Thiên Bình thông bảo" 天平通寶 có giải thích là tiền đồng do "kẻ phản bội" (bạn đồ 叛徒) Thiêm Bình đúc ra.[1] Tin rằng Trần Thiên Bình đã từng dùng thân phận hậu duệ họ Trần mà xây dựng một chính quyền lâm thời ở khu vực biên giới Lão Qua - An Nam, đồng thời được Lão Qua trợ giúp.

Sau khi họ Hồ lập quốc, bèn tích cực củng cố Tây Đô ở Thanh Hoá, rồi lại phát động cuộc chiến tranh quy mô lớn với Chiêm Thành. Đây cũng chính là để mở rộng không gian hoạt động ở phía Nam, để phòng bị cho một cuộc tràn xuống phía Nam của nhà Minh. Nhưng những hành động xâu chuỗi của họ Hồ, lại khiến cho Lão Qua ở phía Tây Nam cảm thấy bất an. Đao Tuyến Ngạt của Lão Qua quyết định hộ tống Trần Thiên Bình đến nước Minh xin binh trợ giúp, cho thấy rằng Lão Qua cảm thấy lo lắng với chính sách khuếch trương mà Lê Quý Ly đang thực hiện ở phương Nam. Do Trần Thiên Bình được sự giúp đỡ, ủng hộ của Tuyên uý sứ Lão Qua là Đao Tuyến Ngạt, ông ta lại từng xây dựng

1. Enomoto Buno 榎本文城, *Đại Việt hoá tệ chí toàn*, bản chép tay tiếng Nhật, Tân Á nghiên cứu sở tàng.

chính quyền họ Trần, ngoài mặt dễ dàng khiến cho nhà Minh tin tưởng. Do đó, người viết tin rằng việc mà "Trần Thiên Bình dâng biểu" không phải là do nhà Minh cố ý sắp đặt ra. Nhưng về thân phận của Trần Thiên Bình, thì nhà Minh có nghi ngờ gì chăng? Ta tin chắc rằng Bùi Bá Kỳ đã từng đưa ra lời dị nghị. Sau đó, quân Minh hộ tống Trần Thiên Bình về nước mà Bùi Bá Kỳ lại không theo cùng, ít nhiều có thể cho thấy được giữa nhà Minh và Bùi Bá Kỳ đã có chút mâu thuẫn và đối lập. Sau cùng, nhà Minh quyết định lợi dụng Trần Thiên Bình để làm giảm quyền lực của Lê Quý Ly, đây chính là điểm tính toán sơ suất của Minh Thành Tổ.

Sau khi Minh Thành Tổ biết sứ giả An Nam "kinh ngạc sụp xuống vái" Trần Thiên Bình, bèn chỉ trích An Nam rằng "cả nước đều là tội nhân" 一國皆罪人.[1] Điều này cho thấy Minh Thành Tổ sẽ truy cứu chuyện cha con họ Hồ soán ngôi họ Trần tự lập làm vua. Ngày 17 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405), nhà Minh phái Giám sát Ngự sử Lý Kỳ đi sứ An Nam, chỉ trích họ Hồ là "làm việc soán thí đoạt ngôi, tội ác tày trời không kể siết, còn việc chiếm các đất như châu Lộc chỉ là việc nhỏ mà thôi",[2] yêu cầu họ Hồ giải thích cặn kẽ chi tiết. Ngay giữa lúc giao thiệp về chuyện soán ngôi của họ Hồ với nhà Minh, cuộc cạnh tranh biên giới Việt Nam và Trung Quốc, từ phủ Tư Minh của Quảng Tây nới rộng ra đến châu Ninh Viễn của Vân Nam,[3] cũng nhân dịp đó nhà Minh phái sứ giả cảnh cáo An Nam "tâu bày sự thật". Áp lực của Trung Quốc đang từng bước tăng mạnh, họ Hồ cũng thấy được việc này, để tránh sứt mẻ với nhà Minh, cũng thay đổi lập trường quyết liệt cứng nhắc về đất đai biên cảnh vào thời

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên thập nhị nguyệt Nhâm Thìn,* quyển 37, sđd, tr. 636.
2. *Minh Thái Tông thực lục,* quyển 38, tr. 644-645. Theo: Lý Kỳ đi sứ An Nam, Việt sử đều chép vào năm Hồ Khai Đại thứ 2 (Minh Vĩnh Lạc thứ 2, 1404). Còn *Quốc triều điển vựng* 國朝典彙, *Binh bộ - An Nam* 兵部、安南, quyển 168, Đài Loan học sinh thư cục, 1965, tr. 1926, cũng chép vào năm Vĩnh Lạc thứ 2. Ở đây theo *Minh Thái Tông thực lục.*
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tam niên nhị nguyệt Nhâm Thân,* quyển 39, tr. 651.

Minh Thái Tổ. Lê Quý Ly ra lệnh Hành khiển Hoàng Hối Khanh 黃晦卿 làm cát địa sứ 割地使, đem 19 thôn ở đất Cổ Lâu 古樓 trả cho Tư Minh phủ.[1] Điều này chắc chắn là để làm giãn bầu không khí khẩn trương ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc mà Quý Ly phải tiến hành bước nhượng bộ này.

Về việc liên tiếp trách móc của nhà Minh, họ Hồ biết là thế nào rồi thì nhà Minh cũng xua binh xuống phía Nam, do đó họ Hồ càng tích cực làm tốt công tác chuẩn bị nghinh chiến. Hồ Hán Thương hạ lệnh "cho những nơi đầu nguồn ở các trấn nộp gỗ làm cọc... đưa đến cho các quân đóng cọc ở các cửa biển và những nơi xung yếu trên sông Cái để phòng giặc phương Bắc." Vào tháng 6, "đặt 4 kho quân khí. Không kể là quân hay dân, hễ ai khéo nghề đều sung vào làm việc." Tháng 9, "sai Thái thú Đông lệ Hoàng Hối Khanh đốc suất dân phu đắp thành Đa Bang để chống giặc." Lại ra lệnh "truyền An phủ sứ các lộ về triều, cùng với các quan ở kinh họp bàn nên đánh hay nên hoà."[2] Từ đó có thể thấy, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đang ở trong tình trạng cơn mưa trên núi sắp đến thì gió thốc cả toà nhà.

Tháng 6 năm ấy, Hồ Hán Thương sai sứ thần Nguyễn Cảnh Chân 阮景真 theo Lý Kỳ đến Trung Quốc tạ tội, lên tiếng rằng "xin đón Thiên Bình về thờ làm vua; các xứ châu Lộ, các trại Mãnh Mạn cũng ra lệnh trả lại, đã sai người đến các xứ đó để giao cắt đất đai."[3] Đây chính là kế sách hoãn binh của Quý Ly.[4] Để tiến bước hiểu rõ về động thái của An Nam, ngày 11 tháng 7, nhà Minh lại

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 485.
1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 485-487. Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 333-334. 「各鎮源頭納椿木……送各軍植諸海口，及大江要處，以防北寇。」；「置軍器四庫，不問軍民，凡有巧藝者，皆充役。」；「遣東路太守黃晦卿督民夫築多邦城，以捍賊。」；「諸路安撫使赴闕，與京官會議，或戰或和。」
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh lạc tam niên lục nguyệt Canh Dần,* quyển 43, tr. 687-688. Tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 163. Nguyên văn: 迎歸天平，以君事之。其祿州等處，猛、慢等寨亦即令退還，已遣人往各處交割地界。
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, tr. 487.

sai sứ giả là Nhiếp Thông 聶聰 đi sứ An Nam, đồng thời hứa với Hồ Hán Thương rằng: "Nếu ngươi thành tâm, trừ bỏ sai trái cũ, đưa Thiên Bình về tôn lên làm vua, Trẫm sẽ đặt người làm Thượng công, phong cho quận lớn, mãi mãi nối truyền con cháu."[1] Quan sát từ chỗ này, Minh Thành Tổ vẫn chưa có ý phát động chiến tranh, chẳng qua chỉ là có ý muốn phò lập Trần Thiên Bình để làm suy giảm quyền lực của cha con Lê Quý Ly mà thôi. Tháng 12, Nhiếp Thông về nước, ra sức nói cho Hồ Hán Thương đã "thành tâm tuân theo mệnh lệnh" 誠心恭命, Minh Thành Tổ tin là thật, sau đó sai Quảng Tây Tổng binh quan Chinh Nam Tướng quân Đô đốc Đồng tri Hàn Quan 廣西總兵官征南將軍都督同知韓觀, Tả Phó Tướng quân Đô đốc Thiêm sự Hoàng Trung 左副將軍都督僉事黃中 và Hữu Phó tướng quân Đô đốc Thiêm sự Lữ Nghị 右副將軍都督僉事呂毅, lựa 5.000 tinh binh hộ tống Trần Thiên Bình về nước.[2]

Ngày 16 tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), Hoàng Trung dẫn 500 binh mã hộ tống Trần Thiên Bình về đến Khưu Ôn biên giới An Nam, nhưng Hồ Hán Thương không đích thân ra nghinh tiếp, chỉ phái Hoàng Hối Khanh thay mặt đến. Khi triều đình nhà Minh hộ tống quân đi đến trạm Cần, do đường núi hiểm trở, cây rừng chằng chịt, lại gặp phải mưa to, một lúc sau thì quân mất hàng mất ngũ. Đột nhiên, họ Hồ phục binh tứ phía, lớn tiếng hô hào truy sát Thiên Bình. Quân Hồ có hơn mười vạn, Trần Thiên Bình bị bắt, quân Minh bị thương vong và bị bắt cũng rất nhiều. Quân họ Hồ chặt đứt cầu, Hoàng Trung không thể tiến về phía trước, dân binh thoái lui về Quảng Tây.[3] Sau đó, Trần Thiên Bình

1. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh lạc tam niên thất nguyệt Giáp Thìn,* quyển 44, tr. 693. Tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 163. Nguyên văn: 果誠心應朕，盡改前非，迎還天平，以君事之。朕建爾上公，封以大郡，傳之子孫，永世無窮。
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc tam niên thập nhị nguyệt Canh Thìn*, quyển 49, tr. 740.
3. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tam nguyệt Bính Ngọ,* quyển 52, tr. 782. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép sự kiện này vào tháng 4. Người dịch bổ sung, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Bính Tuất, [1406], (Hán Thương Khai Đại năm thứ 4, Minh Vĩnh Lạc năm

bị Hồ Hán Thương xử tử lăng trì[1], quan nhà Minh bắt được phát vãng đi làm ruộng ở Nghệ An hoặc làm gia nô.[2]

Ngày 11 tháng 4, Hoàng Trung tấu báo về chuyện họ Hồ cướp và giết Trần Thiên Bình. Minh Thành Tổ nổi trận lôi đình bảo với Thành quốc công Chu Năng 成國公朱能 rằng: "Tên tiểu xú nước nhỏ bé kia tội ác đầy trời, dám ngầm mai phục, mưu gian kế độc; Trẫm lấy lòng thành dung nạp, lại bị lừa dối; đến vậy mà không diệt đi thì binh dùng để làm gì?"[3] Trong khoảnh khắc này Minh Thành Tổ bèn quyết định xuất binh An Nam. Tuy rằng sau sự việc này thì Hồ Hán Thương có phái sứ giả đi giải thích với nhà Minh, nhưng triều đình nhà Minh không chấp nhận.[4] Việc họ Hồ sai sứ giả sang, *Minh Thái Tông thực lục* không có chép, tin rằng khi sứ giả An Nam đến Trung Quốc, nhà Minh đã quyết định hưng sư khởi binh. Đến lúc này, mối quan hệ giữa nhà Minh và họ Hồ hoàn toàn đổ vỡ, không dựa vào vũ lực thì không thể nào giải quyết được những vấn đề đang tồn tại.

---

thứ 4). Mùa hạ, tháng 4, nhà Minh sai Chinh Nam tướng quân Hữu quân đô đốc đồng tri là Hàn Quan và Tham tướng đô đốc đồng tri là Hoàng Trung đem 10 vạn quân ở Quảng Tây sang xâm lược, mượn cớ đưa tên Trần Vương nguỵ là Thiêm Bình về nước. Quân dừng lại ở địa đầu biên giới không đi. Nguyên văn: 丙戌（漢蒼開大四年，明永樂四年夏四月），明遣征南將軍右軍都督同知韓觀，參將都督同知黃中領廣西兵十萬來侵，假送僞陳王添平還國。觀留界首不行。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 334. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 430. (NPA)

1. Lăng trì 凌遲: hay còn gọi là tùng xẻo, hình phạt xử tử vô cùng tàn khốc, khi đó tội phạm sẽ bị xẻo từng miếng thịt cho đến chết. (NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 488.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Quý Mùi*, quyển 53, tr. 796. Nguyên văn: 簒爾小醜，罪惡滔天，猶敢潛伏奸謀，肆毒如此。朕推誠容納，乃爲所欺，此如不誅，兵則奚用？Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 168.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, tr. 488. Hán Thương sai An phủ sứ Tam Giang là Trần Cung Túc sang nhà Minh cầu hoà và giải thích sự việc Thiêm Bình, Thông phán Ái Châu là Mai Tú Phu làm phó sứ, Thiêm phán Tưởng Tư làm tòng sự. Nhà Minh giữ họ lại, sau bắt được hai [cha con] họ Hồ mới thả về. Nguyên văn: 漢蒼遣三江安撫使陳恭肅如明求和，且解添平事，愛州通判枚秀夫副之，僉判蔣資爲從事。明留之，後獲二胡，始放還。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 335. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 431. (NPA)

3. Sự điều động và tiến công của quân Minh và phân tích nguyên do bại vong của họ Hồ

Sự kiện Hồ Hán Thương giết Trần Thiên Bình là một trải nghiệm căng thẳng nhất trong 4 năm kể từ khi Minh Thành Tổ lên ngôi. Để giữ gìn địa vị chí tôn của một vị hoàng đế và sự ham muốn cá nhân, Thành Tổ quyết định dấy binh Nam chinh, chia ra hai đường binh tiến công An Nam.[1] Chu Đệ (Thành Tổ) dựa vào vũ lực mà đoạt được ngôi vị, đặc biệt mẫn nhuệ[2] đối với hành động quân sự. Khi Hàn Quan, Hoàng Trung, Lữ Nghị và 5.000 binh hộ tống Thiên Bình về nước, ngài đã từng ra chỉ thị "càng nên tính toán cơ sự mà tiến thoái, không được sơ suất khinh hốt".[3] Tiếc thay, quân hộ tống phụ lòng mong đợi của Minh Thành Tổ. Trong ba tháng kể từ sau khi xảy ra sự kiện Trần Thiên Bình, bèn tổ chức một đoàn quân viễn chinh An Nam hùng mạnh. Đoàn quân viễn chinh này được tổ chức bởi 22 lãnh tụ quân sự cấp tướng quân có sức chiến đấu nhất lúc bấy giờ. Quan Tổng binh do Thành quốc công Chu Năng đảm nhiệm, Tả Phó Tướng quân là Tây bình hầu 西平侯 Mộc Thạnh 沐晟 của Vân Nam, Hữu Phó Tướng quân là Tân thành hầu 新城侯 Trương Phụ 張輔, chia làm hai đường tiến công Vân Nam và Quảng Tây.[4] Đồng thời lấy Hình bộ Thượng thư Hoàng Phúc

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Quý Mùi,* quyển 53, tr. 796. Hoàng thượng thị triều xong, ngự tại cửa Hữu Thuận, triệu Thành Quốc công Chu Năng, Tân Thành hầu Trương Phụ đến và dụ rằng: "Tên giặc họ Lê [Hồ] ở An Nam tội ác cùng cực, trời đất không dung, nay mệnh các ngươi mang binh đến đánh. Bọn ngươi từ tỉnh Quảng Tây tiếp vào, Tây Bình hầu từ tỉnh Vân Nam." Nguyên văn: 上視朝罷，御右順門，召成國公朱能、新城侯張輔謂之曰：「安南黎賊，罪大惡極天地所不容。今命爾等將兵討之，爾等由廣西入，西平侯由雲南入。」Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII,* sđd, quyển 1, tr. 170 và nguyên bản chữ Hán tr. 525. (NPA)
2. Mẫn nhuệ 敏銳: lanh lợi, thông minh, sắc bén, tinh nhuệ. (NPA)
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tam niên thập nhị nguyệt Canh Thìn,* quyển 49, tr. 741. 尤宜審度事機，以爲進退，不可疏忽。
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên lục nguyệt Tân Mão,* quyển 56, tr. 822-823. Các tướng lãnh chinh phạt An Nam lần này gồm có những người như sau:
   - Tổng binh quan - Thành quốc công Chu Năng, đeo ấn Chinh Di Tướng quân.

黃福 phụ trách quỹ vận lương hướng, Đại Lý tự khanh Trần Hợp 陳洽 thương nghị kế sách quân sự. Và người bị lơ đi trong khi hộ tống Trần Thiên Bình là Bùi Bá Kỳ cũng theo quân Nam chinh.

Trong lúc này, Thành Tổ đã hoàn thành các việc như tập kết quân đội ở các nơi và trưng thu lương đầy đủ. Đây là một vụ điều động quân sự hùng hậu. Theo tư liệu *Minh Thái Tông thực lục* cho thấy, sự tập kết Nam chinh lần này, các nơi được động viên gồm có: Vân Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Chiết Giang, Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Sơn Đông... Tổng số quan quân có 225.000 người.[1] Trong đó còn có cả 34.000 đội thổ binh của dân tộc thiểu số Tây Nam hợp thành. Nhưng Trương Phụ vào An Nam tuyên xưng rằng "Hoàng thượng nổi giận, đem 80 vạn quân, thảo trừ nghịch tặc."[2] Các học giả đều cho rằng Trương Phụ nói "80 vạn quân" là

- Tả Phó Tướng quân - Tây Bình hầu Mộc Thạnh, đeo ấn Chinh Di Phó Tướng quân.
- Hữu Phó Tướng quân - Tân Thành hầu Trương Phụ.
- Tả Tham tướng - Phong Thành hầu Lý Bân. (左參將—豐城侯李彬)
- Hữu Tham tướng - Vân Dương bá Trần Húc. (右參將—雲陽伯陳旭)
- Tán quân sự - Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn. (贊軍事—兵部尚書劉儁)
- Thần cơ Tướng quân - Chỉ huy Đồng tri Trình Khoan, Chỉ huy Thiêm sự Chu Quý. (神機將軍—指揮同知程寬、指揮僉事朱貴)
- Du kích Tướng quân - Chỉ huy Đồng tri Mao Bát Đan, Chu Quảng, Chỉ huy Thiêm sự Vương Thứ. (遊擊將軍—指揮同知毛八丹、朱廣，指揮僉事王恕)
- Hoành hải Tướng quân - Đô Chỉ huy Đồng tri Lỗ Lân, Đô Chỉ huy Thiêm sự Vương Ngọc,
- Chỉ huy sứ Cao Bằng. (橫海將軍—都指揮同知魯麟、都指揮僉事王玉、指揮使高鵬)
- Ưng Dương Tướng quân - Đô đốc Thiêm sự Lữ Nghị, Đô Chỉ huy sứ Chu Anh, Đô Chỉ huy Đồng tri Giang Hạo, Đô Chỉ huy Thiêm sự Phương Chính. (鷹揚將軍—都督僉事呂毅、都指揮使朱英、都指揮同知江浩、都指揮僉事方政)
- Phiêu kỵ Tướng quân - Đô đốc Thiêm sự Chu Vinh, Đô Chỉ huy Đồng tri Kim Minh, Đô Chỉ huy Thiêm sự Ngô Vượng, Chỉ huy Đồng tri Lưu Tháp. (驃騎將軍—都督僉事朱榮、都指揮同知金銘、都指揮僉事吳旺、指揮同知劉塔)

1. *Minh Thái Tông thực lục*, quyển 53, tr. 797; quyển 54, tr. 801-805; quyển 55, tr. 814-816; quyển 56, tr. 828; quyển 57, tr. 838.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên thập nguyệt Ất Mùi,* quyển 60, tr. 869. Nguyên văn: 皇上震怒，特將八十萬，討除逆賊。

Trương Phụ
(Anh Quốc Công Định Hưng Trương Trung Liệt Vương)

phô trương một con số quá mức, để khoe mẽ uy lực thanh thế.[1] Nhưng nếu chúng ta suy nghĩ đến việc sắp đặt trường kỳ để chống quân Minh của cha con Hồ Quý Ly, đồng thời có lời hô hào 700 vạn binh đinh, còn quân Minh chỉ mất thời gian có 8 tháng trời (từ ngày 10 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1405) đến ngày 12 tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407)) thì đã bắt được cha con họ Hồ và trọng thần của chúng, hoàn toàn chiếm lĩnh An Nam. Do đó, mặc dù "80 vạn quân" không phải là con số thực, nhưng số lượng quân Minh chinh phạt An Nam tất nhiên nhiều hơn con số 225.000 mà *Minh Thái Tông thực lục* đã chép.

Trên thực tế, quân Minh vào An Nam có thể nói là thế lực như chẻ tre, đào núi lấp biển đảo ngược hai đô Đông và Tây của An Nam. Ngày 30 tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), sau chiến dịch Hàm Tử Quan 鹹子關, hầu như toàn bộ An Nam đều bị khống chế bởi tay quân Minh, cha con họ Hồ đành phải trốn chạy tản mác khắp nơi. Đây là cục diện đảo lộn chưa từng xảy ra qua những cuộc chiến tranh Trung Quốc - Việt Nam từ đời Tống - Nguyên trở lại, nếu không có được một sức mạnh quân sự hùng mạnh, có thể sẽ không có được kết quả chiến đấu huy hoàng như thế này. Trong thời gian những năm Gia Tĩnh 嘉靖 nhà Minh, vì cống sứ An Nam không đến cống và có sự việc Mạc Đăng Dung 莫登庸 soán đoạt ngôi vị, Minh Thế Tông 明世宗 ra chỉ lệnh cho triều thần nghị bàn hội họp, phát binh chinh tiễu. Kết quả, dẫn đến

1. Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, tr. 310; Jung-Pang Lo, *"Intervention In Vietnam: A Case Study Of The Foreign Policy Of The Early Ming Government"*, *Thanh Hoa học báo* 清華學報, quyển 8 mới, kỳ 1-2, tháng 8-1970, tr. 173.

một cuộc tranh luận lớn "phạt hay không phạt" giữa các đại thần triều đình với nhau. Trong đó Nam Kinh Hộ bộ Tả Thị lang Đường Trụ 唐胄, vì ngân khố quốc gia không đủ, ông cho rằng 7 phần 10 là không thể đánh. Một là "đánh giặc vốn ở sức tài sản, số cử đi là 10 tướng lĩnh năm Vĩnh Lạc thứ 4, thống lĩnh 80 vạn quân binh ở Lưỡng Kinh, Hồ, Mân, Chiết, Quảng, Ba Thục, Kiến Xương, Vân, Quý".(1) Rõ ràng, Đường Trụ cho rằng con số 80 vạn là thực số, để làm chứng cứ phản đối việc xuất binh An Nam.

Đồng thời, tri phủ Liêm Châu phủ 廉州府 là Trương Nhạc 張岳 cũng chỉ ra rõ trong *Luận chinh An Nam sơ* 論征安南疏 của ông rằng "trong năm Vĩnh lạc dùng 80 vạn binh vào Giao Chỉ, nay chia làm đôi cũng có đến 40 vạn" rồi nhắc lại trong *Luận giao sự dữ tuần án lưỡng ty* 論交事與巡按兩司 rằng "(trong năm Vĩnh Lạc) tướng soái nếu không phải là hầu bá thì là đô đốc, thế mạnh mà lắm mưu, lại có dư kinh nghiệm trăm chiến của cuộc chiến Tĩnh Nan, dùng tính chất của kẻ cầm cương mà dạy chúng, còn dùng binh 80 vạn."(2) Hữu Đô ngự sử Mao Bá Ôn 毛伯溫 cũng nói: "Trước đây, Tổng binh quan Trương Phụ chinh phạt An Nam, thống lĩnh 80 vạn binh."(3) Qua những lập luận này, đều là những lời điều trần do những người đời Gia Tĩnh nhà Minh để khuyên gián Minh Thế Tổ về việc xuất binh đánh An Nam. Rất khó mà tưởng tượng, nếu họ dám dùng con số 80 vạn quân giả tạo ấy để làm chứng cứ thực chất mà bàn luận, họ sẽ gặp phải hậu quả gì?

---

1. Lý Văn Phụng 越嶠書, *Việt kiệu thư* 越嶠書, quyển 12, bản sao, Đại học Trung văn Hong Kong giữ, tr. 19.
   Lưỡng Kinh 兩京: Bắc Kinh 北京, Nam Kinh 南京; Hồ 湖: Hồ Nam 湖南, Hồ Bắc 湖北; Mân 閩: Phúc Kiến 福建; Chiết 浙: Chiết Giang 浙江; Quảng 廣: Quảng Đông 廣東, Quảng Tây 廣西, Ba Thục 巴蜀: Tứ Xuyên 四川; Kiến Xương 建昌: Giang Tây 江西; Vân 雲: Vân Nam 雲南; Quý 貴: Quý Châu 貴州. (NPA)
2. Trương Nhạc, *Tiểu sơn loại cảo* 小山類稿, (theo ảnh ấn bộ *Văn Uyên Các tứ khố toàn thư* 文淵閣四庫全書, quyển 1272), quyển 8, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1986, tr. 382.
3. Mao Bá Ôn, *Mao Đông Đường tập* 毛東唐集, (theo ảnh ấn bộ *Hoàng Minh kinh thế văn biên* 皇明經世文編, Lộ Đường khắc bản, quyển 11), quyển 1, Nxb Đài Bắc Quốc Liên thủ thư, 1964, tr. 14.

Phải biết rằng hơn 20 vạn quân mà *Minh Thái Tổng thực lục* nhắc đến, kỳ thực đều là quân đội vệ sở của các quân khu bên ngoài Kinh Vệ, chứ không bao gồm quân đội trong kinh. Minh Thành Tổ dùng quân của vệ sở các nơi hơn 20 vạn để xuất binh chinh phạt nước ngoài, chứ không dùng đến quân kinh thành thực sự khiến cho người ta khó thể tưởng tượng được. 80 vạn quân mà Đường Trụ nói đến, bao gồm quân kinh của "lưỡng kinh" ở trong đó; Vương Thế Trinh cũng nói trong *An Nam truyện* rằng: "Phát bộ binh kỵ binh, thuyền sư và thổ xá đạt quan của các vệ ở Kinh Vệ, Chiết Giang, Hồ Quảng, Nhị Quảng, Vân Quý, Tứ Xuyên chạy gấp rút theo mệnh lệnh, tổng cộng có 80 vạn quân thảo phạt An Nam."(1) Hiển nhiên quân "Kinh Vệ" của "Lưỡng Kinh" mới là chủ lực của 80 vạn đại quân. Ngô Hàm 吳晗 cũng nói trong *Minh đại đích quân binh* 明代的軍兵: "Đầu đời nhà Minh định đô ở Nam Kinh, tập hợp vệ binh tinh nhuệ trên toàn quốc ở kinh sư, có chuyện là sử dụng quân kinh làm chủ lực, điều động vệ quân ở các nơi để phù trợ." Lại bảo "Minh Thành Tổ và Tuyên Tông sáu lần đánh Mông Cổ, quân kinh là một bộ phận tinh nhuệ nhất của toàn bộ quân binh."(2) Tin rằng chinh phạt An Nam cũng không ngoại lệ.

Minh Thành Tổ từng chỉ thị cho Chu Năng trên phương diện dùng số người rằng: "Xưa nước Tần chinh phạt nước Sở, Vương Tiễn cho rằng nếu không phải là 60 vạn người thì không được, Lý Tín ngăn dùng 20 vạn, rốt cuộc bị Sở đánh bại. Sau đó Tần quay lại nghe lời Tiễn, dùng 60 vạn người, bèn diệt được nước Sở. Khí lực của Lê tặc (chỉ Quý Ly), tuy không dám bì với nước Sở, nhưng theo như trẫm liệu định, tất phải kịp lúc ra lệnh một số lượng lớn, mới có thể thành công."(3) Tuy nhiên, đoạn văn

1. Vương Thế Trinh 王世貞, *An Nam truyện*, (theo ảnh ấn *Kỷ lục vựng biên* 紀錄彙編 Minh khắc bản, quyển 5), Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1969, tr. 12.
2. Ngô Hàm, *Độc sử tráp ký* 讀史箚記, Bắc Kinh Tam Liên, 1979, tr. 105.
3. Lê Văn Phụng, *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 16-17. Nguyên văn: 昔秦伐楚，王翦以爲非六十萬人不可，李信止用二十萬，竟爲楚所敗。後秦復從翦言，用六十萬人，乃遂滅楚命。黎賊（指季犛）氣力，雖不敢擬楚，然以朕料之，必得臨行所命大數，乃可成功。

này cũng không thể hiện cho thấy con số chuẩn xác theo như "số lượng lớn" ấy, nhưng chí ít cũng phản ánh được điều rằng Thành Tổ không dám khinh địch. Nếu như suy xét đến việc lúc bấy giờ An Nam chế tạo "vũ khí" lớn mạnh,[1] để làm sao phòng bị được vũ khí của An Nam, mà quân Minh đã từng phải mất một giai đoạn để nghiên cứu.[2] Thêm sự thực là nhiều lần dụng binh với An Nam ở hai triều Tống và Nguyên, đều thất bại ra về, đương nhiên Minh Thành Tổ phải lấy đó mà làm gương. Có lý do để tin rằng, Thành Tổ nói "kịp lúc ra lệnh một số lượng lớn" tức là lời ám chỉ quân kinh. Đây là quân chủ lực để tấn công An Nam, tuy không thể biết được con số thực sự ấy một cách chuẩn xác, nhưng có thể liên kết với cách tổ hợp quân Minh mà Ngô Hàm đã nói "có chuyện là sử dụng quân kinh làm chủ lực, điều động vệ quân ở các nơi để phù trợ" mà minh chứng.

Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam, nguyên nhân đa đoan và phức tạp, một trong số đó là thực hiện nhiệm vụ nước tông chủ bảo hộ nước phiên thuộc. Chiêm Thành vừa mới gửi thư tố cáo An Nam xâm lược, và có chuyện ép Chiêm Thành thần thuộc An Nam. Quốc vương Chiêm Thành là Chiêm Ba Đích Lại từng trình tâu với nhà Minh là "nguyện dâng nạp quốc thổ, xin phái lại sứ sang cai trị."[3] Đương nhiên, chẳng qua Chiêm Thành muốn mượn lực lượng Trung Quốc để đánh cha con Lê Quý Ly ở An Nam. Chiêm Thành hết sức mong mỏi là Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam, để làm giãn bớt tình hình căng thẳng và bất an ở biên cương phía Bắc Chiêm Thành. Vì kể từ sau khi Quý

1. Đầu đời nhà Minh binh khí của An Nam tiên tiến hơn nhà Minh. *Minh sử - Binh chí* nói: "Xưa gọi đại bác, đều dùng máy bắn đá. Đầu đời nhà Nguyên được đại bác Tây Vực, đánh thành Thái Châu nước Kim, bắt đầu dùng lửa. Nhưng cách chế tạo không truyền, đời sau cũng ít dùng. Đến Minh Thành Tổ bình định Giao Chỉ, được phép súng đại bác thần cơ, đặc biệt để ở doanh thần cơ học tập." (*Minh sử*, sđd, tr. 2263). Nguyên văn: 古所謂礮，皆以機發石。元初得西域礮，攻金蔡州城，始用火。然造法不傳，後亦罕用。至明成祖平交阯，得神機槍礮法，特置神機營肄習。
2. *Minh sử*, sđd, tr. 2263.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị niên bát nguyệt Canh Ngọ*, quyển 33, tr. 582.

Ly soán ngôi, bèn tích cực sắp xếp ở Tây Đô, củng cố và mở rộng về phía Nam, do đó mà thường có xung đột với Chiêm Thành. Sự thực, cuộc chiến tranh giữa An Nam và Chiêm Thành, từ khi nhà Minh mở nước trở đi chưa từng dừng lại. Minh Thành Tổ đã xuất binh đánh An Nam, đương nhiên phải kéo theo nước phiên thuộc này để siết chặt An Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), nhà Minh sai sứ đội quân tiên phong 600 người đến Chiêm Thành để liên kết.[1] Ngày 14 tháng 8 năm ấy, quốc vương Chiêm Thành Chiêm Ba Đích Lại sai cháu trai của mình đến triều cống, đồng thời xin binh thảo phạt An Nam.[2] Ngày 26 tháng 8, Minh Thành Tổ lại sai Nội quan Mã Bân thông báo cho quốc vương Chiêm Thành là Chiêm Ba Đích Lại đầu đuôi gốc ngọn có liên quan đến việc xuất binh đánh An Nam, đồng thời ra lệnh cho Chiêm Thành phải trong tình trạng nghiêm binh, phòng cha con Lê Quý Ly trốn thoát.[3] Liên minh Trung Quốc và Chiêm Thành đến đây hoàn thành. Như vậy, cha con họ Lê Quý Ly rơi vào trong la võng của Thành Tổ; phía Bắc có 80 vạn đại quân hô hào xuống phương Nam, phía Nam có liên Minh Trung - Chiêm ngăn chặn trốn thoát.

Cha con họ Hồ biết rõ về việc giết Trần Thiên Bình tất nhiên sẽ chọc giận nhà Minh, do đó từng sai sứ đến Trung Quốc để cầu hoà, nhưng không được như ý, sứ giả thì bị nhà Minh bắt giữ. Họ Hồ cũng từng phái thám tử đến phương Bắc trinh sát quân tình Trung Quốc, nhưng thám tử bị Đô ty Quảng Đông bắt

1. *Minh Thái Tông thực lục* chép: Ngày 13 tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406). Sắc cho ty Đô chỉ huy Quảng Đông tuyển 600 quân tinh nhuệ, cùng hai Thiên hộ, sáu Bách hộ có khả năng đảm đương công tác; lãnh lương thực, khí giới, binh giáp theo đường biển đến Chiêm Thành phối hợp với quân mã để phòng chặn giặc họ Lê. Nguyên văn: 敕廣東都指揮司選精銳軍士六百人，以能幹千戶二員，百戶六員，領之具器甲糗糧，由海道往占城會合軍馬防遏黎寇。Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 182 và nguyên bản chữ Hán tr. 558. (NPA)
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên thất nguyệt Canh Ngọ*, quyển 57, tr. 839.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên bát nguyệt Canh Tý*, quyển 58, tr. 848; và *Vĩnh Lạc tứ niên bát nguyệt Nhâm Tý*, tr. 852.

được.[1] Đây là trải nghiệm lớn nhất mà họ Hồ ở An Nam gặp phải trong 4 năm kể từ khi lên ngôi. Mối quan hệ khẩn trương giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc từ giữa đời Hồng Vũ trở về sau luôn luôn tăng cường, đến khi Minh Thành Tổ đăng cơ, rốt cuộc rồi chiến tranh cũng nổ ra.

Ngày Ất Mùi tháng 10 năm nhà Minh Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), nhà Minh hô hào 80 vạn đại quân tấn công An Nam. Hữu Phó Tướng quân Trương Phụ dẫn quân tiến công từ cửa Bằng Tường 憑祥 Quảng Tây vào, Tả Phó Tướng quân Mộc Thạnh dẫn quân tấn công từ Mông Tự 蒙自 Vân Nam tràn xuống phía Nam, cuộc đại chiến Trung - Việt chính thức bắt đầu. Lúc bấy giờ, quan Tổng binh Chu Năng bị mất ở Long Châu thuộc Quảng Tây, Minh Thành Tổ lấy Trương Phụ đeo ấn Chinh Di Tướng quân xung Tổng binh quan. Theo: Quá trình quân Minh tấn công họ Hồ, liệt kê một bảng biểu theo thứ tự nhật chí tiến quân, đồng thời sau bảng nhật chí sẽ phụ thêm "Bản đồ tuyến đường tiến quân An Nam vào năm Minh Vĩnh Lạc thứ tư (1406)" để giúp hiểu rõ hơn.[2]

---

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên cửu nguyệt Mậu Ngọ,* quyển 59, tr. 855-856. Ty Đô Quảng Đông giải tên trinh sát của giặc họ Lê bị bắt tại châu Khâm; bèn sắc dụ bọn quan Tổng binh Thành Quốc công Chu Năng rằng: "Giặc đã cho người đến vùng biển Quảng Đông trinh sát, e rằng lực lượng ta đều dồn nơi chỗ ngươi, vùng biển thiếu sự canh phòng. Vậy ngươi hãy cẩn thận đề phòng, không được sơ suất." Nguyên văn: 敕總兵官成國公朱能等曰：「賊已遣人於廣東緣海偵，伺慮其知海道無兵並力於爾，宜加意慎防，不可忽略。」Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, *Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sdd, quyển 1, tr. 184 và nguyên bản chữ Hán tr. 566. (NPA)
2. "Bảng nhật chí tiến quân của nhà Minh thảo phạt cha con Hồ Quý Ly" chủ yếu sử dụng tư liệu *Việt kiệu thư* của Lý Văn Phụng biên, quyển 10, *Thư sơ di văn* 書疏移文 chép, phụ các sử liệu biên định trong *Bình định giao Nam lục* 平定交南錄 của Khưu Tuấn 丘濬, *Minh Thái Tông thực lục, Đại Việt sử ký toàn thư.* Còn "Bản đồ tuyến đường tiến quân An Nam vào năm Minh Vĩnh Lạc thứ tư (1406)" vẽ trên bản đồ gốc *Huyện Phủ Châu của nhà Minh* 明の府州縣 trong sách *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc* ベトナム中國關係史.

Phụ lục bảng 1:

"Bảng nhật chí tiến quân của nhà Minh thảo phạt cha con Hồ Quý Ly"

Năm	Tháng	Ngày	Tình hình tiến quân
Minh Vĩnh Lạc thứ 4, Hồ Khai Đại năm thứ 4 (1406)	10	9	Quân Trương Phụ từ Bằng Tường, Quảng Tây tấn công Ba Luỹ quan 坡壘關, Mộc Thạnh từ Mông Tự, Vân Nam tràn xuống nước Nam.
		10	Phụ truyền hịch thanh minh thảo phạt 20 tội lớn của cha con Quý Ly, công phá ải Lưu quan 隘留關.
		11	Quân của Phụ công phá Kê Linh quan 雞翎關 (cửa ải Chi Lăng 支陵), trại thượng có hơn 3 vạn quân Hồ.
		12	Bộ đội tiên phong của quân Phụ tiến đóng các nơi Xương Giang 昌江, Thị Kiều 市橋... Trinh sát quân giáp ranh huyện Gia Lâm 嘉林 bờ bắc sông Phú Lương 富良, đại quân hạ doanh trại ở giữa Cần Trạm 芹站 và Tân Phúc 新福.
		18	Phụ sai Phiêu kỵ Tướng quân đến doanh Mộc để kiểm tra quân tín.
		24	Phá quân Hồ trại thượng Tổ Phong 祖峰.
		26	Mộc sai Đô Chỉ huy đến doanh Phụ kiểm tra quân tín.

	11	1	Đại quân hai đường hội quân ở huyện Lập Thạch 立石.
		5	Công phá trại Khốn Ngô 困吾huyện Tân Phúc. An Nam Khiêm phán Đặng Nguyên 鄧原, Mạc Thuý 莫邃, Mạc Viễn 莫遠 người Nam Sách 南策 quy phụ. Trinh sát được quân binh thuỷ lục của họ Hồ hô hào 700 vạn, cố thủ lưỡng đô. Đại quân đóng đồn nghiêm chỉnh đợi ở bờ Bắc sông Phú Lương.
		14	Quân Minh bơi thuyền tập kích thuyền Hồ, giết trăm quân Hồ.
	12	6	Quân Mộc từ thượng du qua sông, tiến đóng bờ Bắc sông Thao 洮, đối luỹ với thành Đa Bang 多邦城.
		12	Quân Phụ tấn công thành Đa Bang, quân Hồ bại trận, thương vong thảm hại trầm trọng.
		13	Quân Minh truy đuổi quân Hồ đến núi Tản Viên 傘員山.
		14	Quân Minh công thành Thăng Long, Đông Đô của họ Hồ, quân giữ thành vứt giáp trốn chạy. Quân Minh tiến đóng phía Đông Nam thành, dụ gần đó ý điếu dân phạt tội, nhân dân nối gót lại phụ. Phụ lên kế hoạch công phá Tây Đô.
		16	Quân Hồ dựa vào các nơi ở núi Thiên Kiện 天健, phản công bằng thuyền biển.
		18	Trinh sát nơi ẩn náu cha con Quý Ly.
Minh Vĩnh Lạc thứ 5, Hồ Khai Đại thứ 5 (1407)	1	1	Quân Minh tiến đến sông Chú, đánh con kế Quý Ly là Hồ Đỗ 胡杜.

		6	Quân Hồ cự chiến ở các nơi núi Khốn Mai 困枚, sông Vạn Kiếp 萬劫, núi Phổ Lai 普賴.
		7	Quân Minh công đánh Bàn Than 盤灘, Hồ Đỗ bại chạy đến cửa Muộn 悶, lúc ấy cha con Quý Ly đang ở sông Hoàng Giang 黃江.
		12	Quân Mộc theo sông Phú Lương xuống phía Nam bằng hai đường thuỷ bộ, đến gần sông Mộc Hoàn 木丸 hạ trại.
		14	Thuyền giá quân Hồ ngược dòng lên thượng lưu, đến mặt sông Mộc Hoàn, bị quân Minh đánh bại. Quân Hồ lui giữ cửa Muộn.
		16	Từ mùng 7-16 tháng Giêng, quân Minh liên tiếp thắng lợi, tổng cộng chém đầu 37.390 người.
	2	1	Phụ sai Mạc Thuý tuyên bố ý tốt, tìm dòng dõi họ Trần lập làm vua.
		9	Quân Phụ tiến đóng cửa Muộn. Quý Ly, Hán Thương rút về cửa biển Đại An 大安, con trưởng Lê Trừng cự chiến ở bãi cửa biển.
		20	Mạc Thuý dẫn vạn dân thổ nhân, hơn 500 chiếc thuyền theo quân Minh chinh tiễu. Phụ và Thịnh nghị quyết rút về Đông Đô, đóng quân nghiêm trận ở Hàm Tử quan.
	3	8	Quân Hồ lui về Hoàng Giang, đợi thời cơ về Bắc.
		10	Mạc Thuý cùng kỳ lão Doãn Bái 1.120 người chỉ quân môn cầu nội phụ Trung Quốc, xin trở lại làm quận huyện như xưa. Phụ lập tức sai người về tấu.

		30	Thuỷ lục quân Hồ về Bắc, thuyền lớn nhỏ nối nhau liên tiếp không dứt. Phụ và Thịnh dẫn quân thuỷ lục cùng tiến, từng viện Hàm Tử quan. Quân Minh chiến đấu hăng hái đánh bại quân Hồ, chém hàng vạn cái đầu, thu được chiến thuyền, thuyền biển hơn vạn chiếc. Chiến dịch này, toàn bộ quân Hồ chìm, cha con Quý Ly lui về giữ Thanh Hoá.
	4	19	Phụ lại tấu lên, xin lập quận huyện.
		22	Quân Minh đuổi cùng giết tận cha con Quý Ly bằng hai đường thuỷ lục, Phụ dẫn quân từ Thanh Hoá tiến, Mạc Thuý đuổi theo ven biển.
		23	Quân Minh tiến đến Lỗi Giang 磊江 Thanh Hoá, phá được Tây Đô của họ Hồ, chém hơn vạn thủ cấp.
		29	Cha con Quý Ly trốn đến cửa biển Điển Sử 典史, thuộc hạ khuyên Quý Ly tự thiêu chết vì nước, bị Quý Ly giết. Đại quân Minh qua châu Cửu Chân 九真.
	5	3	Quân Phụ tiến đến hạ trại ở huyện Trà Long 茶龍 châu Diễn 演州, cha con Quý Ly ẩn náu ở sông sâu Nghệ An.
		7	Quân Minh bắt được em trai Quý Ly là Lê Quý Tỳ 黎季貔.
		8	Quân Minh thuỷ lục cùng tiến đuổi bắt cha con Quý Ly.
		9	Cha con Quý Ly trốn đến phủ Tân Bình 新平府.
		10	Liễu Thăng 柳昇 đuổi đến cửa biển Kỳ La 奇羅, bắt được tượng quân Quý Ly.

		11	Quân Minh hạ trại ở huyện Bàn Thạch 盤石 Nghệ An, liền nhau hơn 130 dặm. Vĩnh Ninh 永寧 vệ quân binh Vương Sài Hồ 王柴胡 bắt được Quý Ly ở bãi Chỉ Chỉ 止止, Lý Bảo 李保 bắt được Tả tướng quốc Lê Trừng (con trưởng Quý Ly) ở cửa biển Kỳ La. Ngày hôm ấy, Hồ Đỗ cũng bị quân Minh bắt được.
		12	Mạc Thuý Đầu mục Nguyễn Như Khanh bắt Đại Ngu quốc vương Hồ Hán Thương và con Thương là Nhuế 芮 ở núi Cao Vọng 高望山.
		18	Trương Phụ dẫn mã bộ quân đến dụ Chiêm Thành bình định các sự việc có liên quan đến An Nam.
	6	1	Thành Tổ xuống chiếu đưa An Nam về làm quận huyện của Trung Quốc, lập ba ty để cai trị.
	9	5	Quân Minh giải những người bắt được đến Kinh. Quý Ly, Hán Thương, Hồ Đỗ hạ ngục, xá cho con là Trừng, Nhuệ...
Minh Vĩnh Lạc thứ 6 (1408)	3	22	Thành Tổ được tin Trương Phụ ban sư về nước.

Phụ lục bản đồ 1:

"Bản đồ tuyến đường tiến quân An Nam vào năm Minh Vĩnh Lạc thứ tư (1406)"

Chú thích các điểm trên bản đồ:

Chú thích bản đồ **Quân Minh tiến công ⟶ quân Hồ rút lui ⇢**	
Chú	**Sự kiện và địa điểm**
1	Trận ải Lưu quan
2	Trận Kê Linh quan (Chi Lăng)
3	Quân Minh hội sư huyện Lập Thạch
4	Trận thành Đa Bang
5	Quân Minh tiến đóng Đông Đô (Đông Quan)
6	Trận Bàn Than, con kế của Quý Ly là Hồ Đỗ rút lui
7	Trận Mộc Hoàn giang, quân Hồ lui giữ cửa Muộn
8	Quân Hồ hội binh đánh Hàm Tử quan, đại bại, cha con họ Hồ lui giữ Thanh Hoá, quân Minh thuỷ lục tiến đánh
9	Trận Lỗi Giang, quân Minh đánh Tây Đô
10	Quân Minh đóng ở huyện Bàn Thạch, Nghệ An
11	Bắt Quý Ly và con trưởng Lê Trừng và Hồ Đỗ
12	Bắt Đại Ngu quốc vương là Hồ Hán Thương
Hình nền lấy từ Bản đồ phụ lục sách *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*	

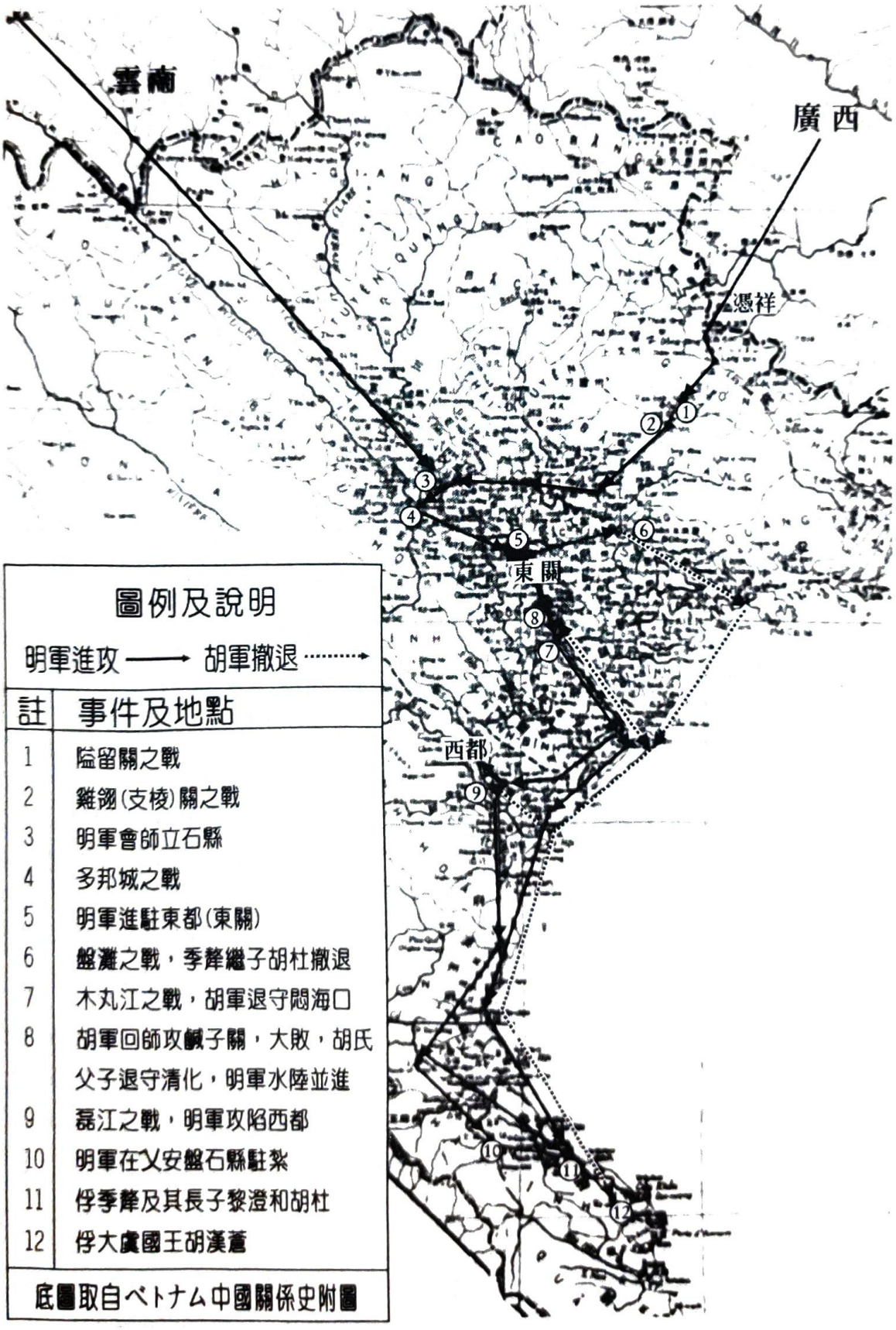
雲南
廣西
憑祥
東關
西都
圖例及說明
明軍進攻 ——→ 胡軍撤退 ·····→
註 事件及地點
1 隘留關之戰
2 雞翎(支棱)關之戰
3 明軍會師立石縣
4 多邦城之戰
5 明軍進駐東都(東關)
6 盤灘之戰，季犛繼子胡杜撤退
7 木丸江之戰，胡軍退守悶海口
8 胡軍回師攻鹹子關，大敗，胡氏父子退守清化，明軍水陸並進
9 磊江之戰，明軍攻陷西都
10 明軍在乂安盤石縣駐紮
11 俘季犛及其長子黎澄和胡杜
12 俘大虞國王胡漢蒼
底圖取自ベトナム中國關係史附圖

Nhà Minh hô hào 80 vạn đại quân đánh vào An Nam, tiến đánh sâu vào hai đô Đông và Tây, bắt được cha con Quý Ly. Sự yếu ớt của quân Hồ khiến người ta khó có thể tin được. Nếu bàn về sự phòng bị và sắp đặt của họ Hồ, có lẽ không đến nỗi rơi vào tình cảnh tệ hại này. Theo lời của Mạc Thúy 莫邃 người An Nam đã quy phụ quân Minh nói: họ Hồ dựng rào chắn bằng gỗ dọc sông phía Bắc và tăng cường đắp thành Đa Bang, rào thành liên tiếp nhau hơn 900 dặm, chạy đến các phủ ở Thái Nguyên, hơn hai trăm vạn người dân cố thủ; lại thêm việc đóng cọc gỗ ở bờ Nam sông Phú Lương và các cửa biển để phòng thuỷ quân công đánh; rồi xếp đặt tượng trận[1] ở nhiều nơi, hơn thế nữa còn hô hào cả 700 vạn quân thuỷ lục phòng thủ ở các nơi.[2] Công tác phòng ngự của họ Hồ có thể nói là cực kỳ nghiêm ngặt và cẩn thận, thêm việc chuẩn bị tác chiến trong một thời gian dài, thực sự mà nói quân Minh không dễ dàng đạt được thắng lợi.

Trong lịch sử quân đội Trung Quốc đánh An Nam, phần nhiều là binh bại trở về, rất ít khi thắng lợi khải hoàn. Lần này thế lực quân Minh như chẻ tre, bắt sống cha con Quý Ly, khiến người ta cảm thấy ngạc nhiên kỳ lạ. Nhà sử học Việt Nam thời cận đại Hoàng Cao Khải nói: "Quân Minh lấy được Đông Đô, chiếm cứ Hàm Tử quan, không thể ngăn nổi."[3] Điều này cho thấy cha con Lê Quý Ly không được nhân dân ủng hộ. Sự thất bại của Lê Quý Ly có thể nói là do mất lòng dân, ông ta biết rõ những sự thực này. Năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405), trong khi Hồ Hán Thương và tướng lĩnh ở các lộ thương thảo về việc chiến đấu hay cầu hoà với nhà Minh, con trai trưởng của Quý Ly là Nguyên Trừng đã chỉ ra rõ: "Thần không sợ đánh chiến, nhưng chỉ e là lòng dân không theo mà thôi."[4] Điều mà Lê Nguyên Trừng lo lắng nhất đó là chính quyền họ Hồ

1. Tượng binh, voi chiến. (NPA)
2. *Việt kiệu thư*, quyển 10, sđd, tr. 5-6.
3. Hoàng Cao Khải 黃高啟, *Việt sử yếu* 越史要, chương 19, Duy Tân Giáp Dần Đông tân tuyên, tr. 49b.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 487. Nguyên văn: 臣不怕戰，但怕民心之從違耳。

không được lòng dân, chưa đoàn kết được toàn dân để chống địch. Sử thần nhà Lê (An Nam) là Ngô Sĩ Liên bàn về việc này cũng từng cho rằng: "Thiên mệnh ở tại lòng dân, lời của Trừng rất sâu sắc về điều cốt yếu đó."[1] Trên thực tế, sự thất bại của cha con Lê Quý Ly chính là không đoàn kết được toàn dân chống quân Minh.

Lê Quý Ly thí vua soán ngôi, tàn sát tông thất và đại thần triều đình, liên tiếp giết hại và thảm sát kịch liệt, cách làm này rất dễ gây sự bất mãn trong nhân dân. Như giặc cướp Nguyễn Nhữ Cái 阮汝蓋 khi nghe tin Lê Quý Ly soán ngôi, lập tức "chiêu dụ dân lành được hơn vạn người, hoạt động ở các xứ Lập Thạch, sông Đáy, Lịch Sơn, sông Đà, Tản Viên, cướp bóc bừa bãi, các châu huyện không sao chống được."[2] Dòng dõi họ Trần cũng mưu giết Quý Ly, khôi phục nhà Trần.[3] Để tiến thêm một bước đánh vào những người phản đối, Lê Quý Ly đã "đặt tuần điếm, ngày đêm tuần tra và canh giữ" ở các thôn xã, lại thi hành chính sách giám sát lẫn nhau trong nhân dân.[4] Từ đó về sau, ai cũng lo lắng thấy nguy, không dám tin tưởng nhau. Như vậy thì làm thế nào có thể đoàn kết được toàn dân đối phó với giặc bên ngoài chứ? Sau khi Lê Quý Ly soán ngôi lại không để cho dân yên nghỉ, nhiều lần phát động chiến tranh với Chiêm Thành. Để hoàn thành nguyện vọng "làm sao để có được một trăm vạn binh để chống giặc phương Bắc", đã xét hộ tịch trong cả nước để trưng bị quân binh, người dân "từ 15 tuổi trở lên, và 60 tuổi trở xuống" đều phục dịch.[5] Do đó, người dân bị ép buộc đi quân dịch xa xôi, những người ôm lòng oán giận càng lúc càng đông.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 487. Nguyên văn: 天命在乎民心，澄之言深得其要。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 477. Nguyên văn: 招誘良民，得眾萬餘，往來立石、底江、歷山、沱江、傘圓等處，恣行侵掠，州縣不能制。
3. Phạm Phi Kiến 范丕建, *Nam thiên trung nghĩa lục* 南天忠義錄, (Trần Khánh Hạo 陳慶浩 biên, *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* 越南漢文小說叢刊, "Bút ký tiểu thuyết loại" 筆記小說類, Viện Viễn Đông Paris xuất bản, Đài Loan Học Sinh thư cục ấn hành, 1987), *Trần triều nhập ngũ nhân* 陳朝廿五人, tr. 47.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 476.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 479.

Lê Quý Ly là một nhà chấp chính có tinh thần cách tân, trong thời gian ông nắm chính quyền đã từng phát động liệt tục những cuộc vận động cải cách, mục đích của việc này đương nhiên là để củng cố quyền lực và tài vật của người chấp chính, nhưng việc đó đã khiến cho giai cấp được lợi ích cảm thấy phản cảm. Quy định về phép "giới hạn số gia nô" mà họ Hồ đưa ra "có sai biệt theo phẩm cấp, số người dư ra thì phải dâng lên."[1] Còn về phép "hạn chế danh điền (ruộng có người đứng tên)", trong đó quy định "Đại Vương, Trưởng Công chúa, không hạn chế số ruộng. Còn thứ dân thì hạn chế số ruộng còn 10 mẫu... số ruộng dư ra thì phải dâng lên cho triều đình."[2] Lê Quý Ly vốn muốn xoay chuyển tình hình xu thế lũng đoạn điền thổ và gia nô của địa chủ và tông thất kể từ giữa đời nhà Trần trở lại. Nhưng, cốt ý của ngài không phải là muốn giải phóng gia nô, cũng không phải là muốn phân phối lại ruộng đất, mục đích là "lập ra phép này để cướp ruộng đất của dân mà thôi."[3] Mục đích lớn nhất của Lê Quý Ly là "giảm tổn ruộng đất và gia nô, để ức chế bớt thế lực của họ (tông thất họ Trần)."[4] Từ đó cho thấy, dưới chính sách giảm ruộng hạn chế gia nô này, số dư ra phải đem dâng cho triều đình. Nói một cách khác, gia nô biến thành quốc nô.[5] Còn ruộng dâng lên, đương nhiên là trở thành tài sản của họ Hồ.

Rốt cuộc phải chăng họ Hồ có giống như lời của nhà sử học Việt Nam Minh Tranh nói: "Ruộng đất vượt quá mức giới hạn quy làm của công. Cách làm này, Hồ Quý Ly muốn bắt chước

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 480.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 473.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 475.
   Chú thích của người dịch: Lời này vốn dĩ của Hành khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà, nhưng Ly nghe được, bèn giáng chức Lân xuống làm Hộ bộ thượng thư, điều này cho thấy việc Lân cũng nói trúng tim đen của Quý Ly, nên Ly nổi giận phạt Lân. (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 480.
5. Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam chủ biên, Phòng nghiên cứu và giảng dạy Khoa ngôn ngữ phương Đông Trường Đại học Bắc Kinh dịch, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1 (dịch theo bản của Nxb Khoa học xã hội Hà Nội năm 1971, Bắc Kinh, Nxb Nhân dân, 1977), tr. 261. Bản gốc tiếng Việt, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội, 1971.

thời xưa, cũng chính là có ý để nhân dân canh tác và thu tô thuế." Lại bảo rằng "một khi nông dân có đất canh tác, cho dù là ruộng đất ấy không thuộc về quyền sở hữu của họ, nhưng cuộc sống của họ cũng sẽ tốt hơn phần nào."[1] Nhưng *Đại Việt sử ký toàn thư* không chép việc họ Hồ đem ruộng công cho người nghèo khổ không có ruộng cày thuê. Ngược lại, vào năm Hồ Khai Đại thứ 2 (1404), Hồ Hán Thương hạ lệnh "các lộ biên chế những người không có ruộng cày vào đội người nghèo khổ."[2] Tuy không có sử liệu nào nói rõ tính chất công việc của "đội người nghèo khổ", nhưng có thể suy luận rằng, trong chính sách giới hạn ruộng đất, số ruộng đất mà quốc gia sở hữu được tất nhiên là tăng gấp bội, và "đội người nghèo khổ" không có ruộng cày này rất có thể là sẽ trở thành lực lượng sản xuất nông trang cho quốc gia.

Nói một cách khác, những người không có ruộng cày trước đây là những tá điền của địa chủ tông thất, giờ thì biến thành tá điền của quốc gia, cuộc sống cũng không thấy có gì cải thiện. Do biên chế thành "đội" cho thấy rõ là nó có tính lưu động và tính tập thể, điều này phù hợp với tình hình ruộng cày của nhà nước phủ khắp cả nước. Sử thần nhà Lê là Ngô Thì Sĩ từng bàn về Lê Quý Ly rằng "không thể làm cho người nghèo không bị thất sở mà lại gọi rõ là đội cùng đinh, để làm nhục những người không có ruộng. Chính sách phiền toái là việc làm của người mất nước, không một việc gì có thể coi được."[3] Từ đó có thể thấy, chính sách hạn nô, hạn điền của họ Hồ, ngoài người thống trị được lợi ra, các tầng lớp khác đều chịu sự bóc lột, đặc biệt là địa chủ ở giai cấp thứ dân, nhiều nhất chỉ có thể sở hữu 10 mẫu ruộng, điều này đương nhiên sẽ dẫn đến sự bất mãn và phản đối của giai cấp địa chủ.

---

1. Minh Tranh, *Việt Nam sử lược sơ cảo*, sđd, tr. 128.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 485.
3. *Đại Việt sử ký tiền biên*, quyển 9, "Hồ Khai Đại năm thứ 2", sđd. Bản dịch tiếng Việt tham khảo bản dịch của Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội, 1997, tr. 517. Nguyên văn: 不能使貧者無失所，而明號曰窮人隊，以辱其無田。煩細之政，亡國所爲，一無足觀。

Họ Hồ từng tiến hành cải cách tiền tệ. Năm nhà Minh Hồng Vũ thứ 29 (1396), phát hành tiền giấy "Thông bảo hội sao" 通寶會鈔,[1] ra lệnh ép người dân dùng tiền đồng đổi lấy tiền giấy.[2] Đây là ghi chép về việc phát hành tiền giấy đầu tiên của An Nam, ít nhiều cũng phản ánh được nhu cầu phát triển của thị trường. Nhưng, mục đích quan trọng nhất khiến Quý Ly phát hành tiền giấy đó là phải thu về tiền đồng để chế tạo vũ khí, để ứng phó với áp lực quân sự đến từ phía nhà Minh.[3] Tuy nhiên, cải cách tiền tệ của ngài đưa ra không được tiến hành thuận lợi cho lắm, rất nhiều thương buôn từ chối nhận tiền giấy. Lê Quý Ly nhiều lần cảnh cáo "cất giữ riêng tiền đồng, bị coi như tội làm giả". Vậy việc cải cách tiền tệ đã gây ra phản cảm cho thương buôn và tầng lớp thị dân.[4]

Hình vẽ tiền giấy Thông Bảo Hội Sao do một nhà sưu tập vẽ lại

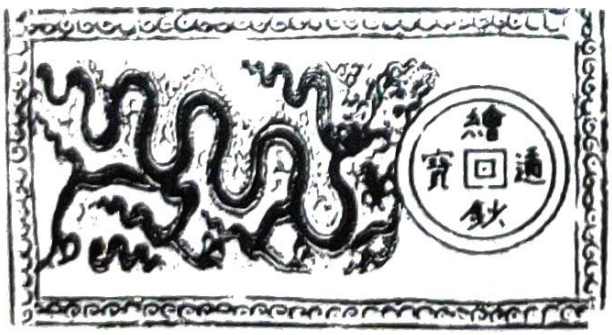

"Thông Bảo Hội Sao"

1. Thể thức tiền giấy: Giấy 10 đồng vẽ rong; 30 đồng vẽ sóng; 1 tiền vẽ mây; 2 tiền vẽ rùa; 3 tiền vẽ lân; 5 tiền vẽ phượng; 1 quan vẽ rồng. Tham khảo, Đỗ Văn Ninh, *Tiền cổ Việt Nam,* Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 471.
3. *Lịch sử Việt Nam,* [tập 1], sđd, tr. 261.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 482.

Họ Hồ tích cực phát triển văn hoá dân tộc và mở rộng chữ Nôm, vốn dĩ không thể chỉ trích quá đáng, cũng có chỗ đáng cho ta tán dương. Tiếc là, bất cứ một sự cách tân nào cũng đều gặp phải sự phản đối, đây là điều hiển nhiên. Lê Quý Ly là một người háo thắng, nhưng lại là một người không biết đoàn kết người khác để đạt được mục đích chính trị. Về cơ bản thì mô hình tổ chức vương triều An Nam có nguồn gốc từ Trung Quốc, tức là thông qua chế độ khoa cử để tuyển lựa nhân tài, và nội dung khoa cử vẫn lấy tư tưởng Nho gia làm chủ yếu. Do đó, những phần tử trí thức trưởng thành dưới chế độ khoa cử, chắc chắn đều là những người thừa kế học thuyết nhà Nho truyền thống, họ cũng là giai cấp quan lại được lợi ích trong cơ cấu thống trị. Mà Lê Quý Ly đã từng làm ra *Minh đạo thập tứ thiên* để hạ bệ Khổng Tử, phê bình Hàn Dũ là kẻ đạo Nho,[1] và Chu Hy thì không đi sát với sự việc, mà chỉ là cóp nhặt vét mót.[2] Những lời bàn luận và thái độ này, đương nhiên khiến cho giới trí thức bất mãn. Sử thần nhà Lê là Ngô Sĩ Liên từng phê bình Lê Quý Ly rằng "cũng không biết lượng sức mình."[3] Điều này phản ánh đúng vào thái độ của người có học ở An Nam. Theo sau việc soán ngôi của Lê Quý Ly, tình hình phản kháng của giới trí thức càng lúc càng kịch liệt.

Những lập luận trên đây, khiến cho chúng ta càng hiểu rõ hơn về ý nghĩa thực sự của câu nói mà con trai trưởng Lê Quý Ly là Nguyên Trừng từng lo lắng "Thần không sợ đánh chiến, nhưng chỉ e là lòng dân không theo mà thôi." Sử thần nhà Lê An Nam là Lê Sung bình luận về trách nhiệm chính trị của cha con họ Hồ trong *Việt giám thông khảo tổng luận* 越鑑通考總論 rằng: "Hồ Quý Ly dựa thế thân thích ở hậu cung mà chứa chất tội ác gian thần, thả sức bạo ngược hại dân, lừa dối vua để cướp ngôi báu, tội đầy oán chất, trong nước lìa lòng... Hồ Hán Thương nối ngôi

1. Xem chú thích 1, tr. 72. (NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 467.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 468.

thoán đoạt, bạo chính hại dân. Người Minh xâm lăng, cõi bờ thất thủ, xã tắc tan hoang."[1] "Trong nước lìa lòng" cho thấy rõ ràng là một vết thương chí mạng của Quý Ly, điều này cũng là cơ hội tốt để cho quân Minh dễ dàng đạt được thắng lợi.

Nếu không phải vì Lê Quý Ly không được lòng dân, thì cuộc tấn công của quân Minh sẽ gặp phải một cuộc chiến phấn đấu gian khổ như hai triều Tống và Nguyên, thành công hay thất bại vẫn chưa thể dự liệu được?[2] Sau khi quân binh Trương Phụ vào An Nam, bèn kể 20 tội ác của cha con Lê Quý Ly, đồng thời "viết lời bảng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa."[3] Quân Minh phất cờ "điếu dân phạt tội, hưng diệt kế tuyệt" 弔民伐罪, 興滅繼絕[4] xuống phương Nam, để có tác dụng chia rẽ lòng dân An Nam. Do đó điểm mà quân Minh đạt được là quân Hồ "không còn bụng dạ chiến đấu nữa", vả lại "kinh lộ phần nhiều đã theo giặc (chỉ quân Minh) làm phản".[5] Bọn Mạc

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Việt giám thông khảo tổng luận,* quyển thủ, tr. 91. Nguyên văn: 胡季犛倚掖庭之親，稔姦臣之惡，肆虐以暴其民，欺君而篡其位。罪盈怨積，海內離心……胡漢蒼承篡國之後，行暴民之政，明人南侵而關河失守，社稷爲虛。
2. Trương Bửu Lâm, *Patterns Of Vietnamese Response To Foreign Intervention: 1585-1900,* Monograph Series No.11, *Southeast Asia Studies,* Yale University, 1967, tr. 34. "Chinese attempts to conquer Vietnam in the 15th and 18th centuries occurred when Chinese troops entered Vietnam with pretenders to the Vietnamese throne: The Tran and the Le. On both occasions, the Vietnamese population was dramatically divided into those who supported the new dynasty and those who remained loyal to the old family." (Dịch: Trung Quốc cố gắng chinh phục Việt Nam vào thế kỷ 15 và 18. Khi quân binh Trung Quốc tiến vào Việt Nam với những kẻ giả danh ngai vàng của Việt Nam: Trần và Lê. Cả hai lần, dân chúng Việt Nam chia rẽ sâu sắc thành hai nhóm, một ủng hộ cho triều đại mới và một vẫn trung thành với triều đình cũ).
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 8, sđd, tr. 489. Bản dịch Ngô Đức Thọ... sđd, tr. 336. Nguyên văn: 以木牌書其榜，順流放下，諸軍見者，謂其必然，且厭胡氏苛政，罔有戰心。
4. Nghĩa là: Ủy lạo thương xót dân chúng, phạt kẻ có tội, "điếu dân phạt tội" xuất phát từ trong *Kinh thư* 書經; chấn hưng lại sự đã bị tiêu diệt. (NPA)
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 493.

Thuý thì "uý thân hiệu nghĩa, dẫn hơn vạn dân thổ nhân, hơn 500 chiếc thuyền, nguyện theo quan quân chinh tiễu."[1]

Từ đó có thể thấy, họ Hồ đã đi đến bước đường cùng bị toàn dân từ bỏ, thế thì làm sao không thất bại cho được? Quân Minh đã công chiếm An Nam trong tình thế có lợi như vậy.

4. Luận về nguyên nhân khiến Minh Thành Tổ dụng binh ở An Nam

Ngòi nổ để cho Minh Thành Tổ dụng binh An Nam, đương nhiên là được châm ngòi từ sự kiện Trần Thiên Bình bị cha con Quý Ly giết. Nhưng, chúng ta có thể thông qua hịch văn mà Trương Phụ chinh phạt họ Hồ, để biết rõ hơn về nguyên nhân bối cảnh mà nhà Minh xuất binh đánh An Nam. Bài hịch văn dài lê thê kể 20 tội ác như sau:

1. Cha con Lê Quý Ly hai lần giết Quốc vương An Nam để chiếm nước này; đó là tội thứ nhất.

2. Chúng giết sạch con cháu nhà Trần; tội thứ hai.

3. Không tuân theo lịch Chính sóc của triều đình, tiếm gọi tên nước Đại Ngu, xưng càn tôn hiểu kỷ nguyên là Thánh Nguyên; tội thứ ba.

4. Xem người trong nước như cừu thù, đặt hình pháp tàn bạo giết kẻ vô tội, vơ vét thuế má, trưng thu phiền hà; bóc lột không ngừng khiến dân đói khổ, hoặc chết vùi nơi ngòi rãnh, hoặc bỏ trốn nơi tha phương; tội thứ tư.

5. Chúng vốn họ Lê, bội phản tổ tông đổi sang họ khác; tội thứ năm.

6. Lấy cớ bà con với họ Trần, xưng tạm quyền quốc sự để lừa dối triều đình; tội thứ sáu.

---

1. *Việt kiệu thư*, quyển 10, sđd, tr. 10. Nguyên văn: 委身效義，領土人萬人餘，船五百餘隻，願同官軍征剿。

7. Nghe tin cháu Quốc vương cũ tại kinh sư, giả dối xin đem về nước để tôn lên làm vua. Triều đình bỏ qua lỗi cũ, chấp nhận lời xin; rồi lập mưu gian, chống cự Thiên binh, cản trở Thiên sứ; tội thứ bảy.

8. Cháu Quốc vương An Nam bị bức bách trốn tránh, trải qua nguy hiểm vạn phần chết một phần sống; được Thiên tử thương xót tư cấp và cho hộ tống về nước. Cha con giặc họ Lê không biết cảm động hối hận, bèn dẫn dụ để giết. Việc làm nghịch với trời, huỷ diệt đạo lý; tội thứ tám.

9. Châu Ninh Viễn đời đời triều cống Trung Quốc. Giặc họ Lê cậy mạnh chiếm 7 trại; rồi cai trị dân chúng, giết cả nam lẫn nữ; tội thứ chín.

10. Giết rể của Thổ quan Điêu Cát Hãn là Điêu Mãnh Mạn; bắt con gái y để dễ bề sai khiến, đòi nạp tiền, phục dịch trăm thứ; tội thứ mười.

11. Uy hiếp bức bách Thổ quan các xứ phục dịch, phát binh bắt bớ dân Di khiến họ sợ phải bỏ trốn; tội thứ mười một.

12. Xâm chiếm đất thuộc phủ Tư Minh, châu Lộc, châu Tây Bình, trại Vĩnh Bình. Triều đình sai sứ đòi lại, thì dùng lời lẽ chống chế, chỉ trả lại không đến hai hoặc ba phần mười; tội thứ mười hai.

13. Sau khi trả đất, lại sai đồ đảng đến cướp giết mệnh quan của triều đình tại châu Tây Bình, cùng mưu cướp phá tại tỉnh Quảng Tây; tội thứ mười ba.

14. Trong lúc Quốc vương Chiêm Thành là Chiêm Ba Đích Lại đang lo việc tang cha, bèn mang quân đến đánh các đất Cách Liệt, châu cũ của Chiêm Thành; tội thứ mười bốn.

15. Lại đánh bốn châu của Chiêm Thành tại Bản Đạt Lang, Bạch Hắc, cướp bắt dân chúng và súc vật; tội thứ mười lăm.

16. Lại mang quân đến Chiêm Thành, bắt hơn 100 con voi, cùng chiếm các đất Chiêm như Sa Ly Nha; tội thứ mười sáu.

17. Chiêm Thành đã là Phiên thần của Trung Quốc, nhận ấn chương phẩm phục của triều đình. Giặc họ Lê lại tự chế ấn mạ vàng bạc, cửu chương, phẩm phục, dây đeo ngọc để ép ban cho; tội thứ mười bảy.

18. Quốc vương Chiêm Thành chỉ tôn kính nhà Minh, không tôn trọng An Nam. Vì lý do này nên một năm hai lần, mang binh đến đánh; tội thứ mười tám.

19. Thiên sứ cùng sứ Chiêm Thành đến nước này. Giặc họ Lê dùng binh cướp lại bến cảng Thi Côn Nại [Thi Nại]; tội thứ mười chín.

20. Triều cống Trung Quốc không dùng Bồi thần. Sai những tội nhân giả mạo làm quan chức đi sứ, thái độ khinh mạn bất kính; tội thứ hai mươi.[1]

Vương Canh Vũ phân tích 20 tội rằng: "Tám tội trạng đầu có thể nói là những tranh luận về mặt đạo đức và ý thức tư tưởng, năm điều tiếp theo đề cập đến vấn đề an toàn, năm điều tiếp theo nữa là việc xâm lược của An Nam đối với một nước phiên thuộc khác, hai điều cuối cùng là sự mạo phạm đến cá nhân hoàng đế. Do đó, có bốn vấn đề thúc đẩy Vĩnh Lạc đế sử dụng hành động cứng rắn và mạnh bạo." Ông Vương tiếp tục chỉ ra "nhìn dưới góc độ của một nước bị công kích, một bảng tội trạng chi chít, cho thấy mức độ quyền tông chủ mà Trung Quốc muốn có, đã đạt đến mức từ chối cho nước phiên thuộc quyền hành động tự do và độc lập."[2] Quan điểm của ông Vương Canh Vũ có thể phản ánh được từ sự kiện chính quyền họ Hồ quyết định giết Trần Thiên Bình. Đây là lựa chọn quan trọng mà nhà Hồ ở An Nam bảo vệ "tự do và độc lập" của họ.

---

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên thập nguyệt Ất Mùi,* quyển 66, sđd, tr. 686-670. Nguyên văn làm thành phụ lục cuối sách. Bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 187-189.
2. Dao Nam, *Đông Nam Á dữ Hoa nhân - Vương Canh Vũ giáo sư luận văn tuyển tập*, sđd, tr. 50.

Trong một thời gian dài trở lại, An Nam có kinh nghiệm phong phú trong việc đối phó với những sự can thiệp đến từ Trung quốc. Vào thời nhà Nguyên, quốc vương An Nam là Trần Nhật Huyên 陳日烜 (Trần Thánh Tông 陳聖宗) từ chối đến Trung Quốc cận kiến,[1] Nguyên Thế Tổ đã phong cho tông thất An Nam đã hàng nhà Nguyên là Trần Ích Tắc làm An Nam quốc vương, đồng thời ra lệnh cho Trấn Nam vương Thoát Hoan đem đại quân hộ tống Trần Ích Tắc về nước, tiến hành vũ lực để phò lập chính quyền thân Nguyên, kết quả đưa đến một cuộc đại chiến giữa hai nước Việt - Trung.[2] Lê Quý Ly gặp phải một vấn nạn tương tự, từng thương thảo đối sách với các đại thần triều đình, trong đó "có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang là Nguyễn Quân cho nên tạm hoà, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn."[3] Đương nhiên, quyết định cuối cùng của lần thương nghị này là phản kháng sự can thiệp của Trung Quốc, mới xảy ra sự kiện giết Trần Thiên Bình.

Ngày 16 tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), nhà Minh sai Quảng Tây Đô đốc Thiêm sự Hoàng Trung dẫn 5.000 binh tinh nhuệ hộ tống Trần Thiên Bình về nước. Khi quân Minh tiến vào đến Cần Trạm An Nam, quân Hồ đột nhiên phục kích, giết Trần Thiên Bình. Tướng soái họ Hồ phụ trách hành động lần này lớn tiếng nói: "Di quốc xa xôi không dám chống đại quốc, mạo phạm quân vương. Do Thiên Bình thực sự là kẻ tiểu nhân sơ viễn, không phải thân thuộc của họ Trần, mà dám tuỳ tiện nguỵ tạo việc ấy, để mê hoặc thánh thượng nghe theo, làm nhọc quân binh đi lại, giết chết còn chưa hết tội. Nay may bắt được và giết đi, cảm ơn

1. Cận 覲: Hành động đến chầu, đến hầu của kẻ dưới đối với người trên, của nước phiên thuộc đến thiên triều.
2. Sở nghiên cứu lịch sử Viện khoa học xã hội Trung Quốc biên soạn, *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên* 古代中越關係史資料選編, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, 1982, tr. 264.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 8, sđd, tr. 487. Bản dịch Ngô Đức Thọ... tr. 334. Nguyên văn: 有勸戰勿爲他日之患。北江鎮撫阮均以爲姑和之，從他所好，以緩師可也。

thiên tử. Vua tôi đã dâng biểu tạ tội."[1] Rõ ràng họ Hồ muốn việc "đã thành sự thực" để duy trì quyền thống trị của An Nam. Vốn sở dĩ Minh Thành Tổ sách phong Hồ Hán Thương làm An Nam quốc vương, và không phải là ngài thực sự không biết chuyện thí vua soán ngôi của cha con Lê Quý Ly. Nhưng, ngại cái điều mình cũng nhờ soán ngôi mới có được thiên hạ, bản thân dám làm điều không phải, đối mặt với việc soán ngôi của cha con Quý Ly, không tiện công khai làm rõ cho chính đáng tội ấy, vả lại phải theo thời thế mà phong cho họ Hồ làm vương. Sau đó, cựu thần nhà Hồ là Bùi Bá Kỳ và Trần Thiên Bình tự xưng là dòng dõi họ Trần lần lượt đến Trung Quốc, thỉnh cầu nhà Minh xuất binh chấn hưng lại sự đã bị tiêu diệt, khôi phục vương triều nhà Trần, hoàng đế Minh Thành Tổ mới quyết định phò lập Trần Thiên Bình. Cho dù là Minh Thành Tổ có biết hay không việc nguỵ trá của Trần Thiên Bình, mục đích của ngài là muốn phò lập một chính quyền An Nam bị khống chế bởi nhà Minh là một điều rất rõ ràng, mượn việc này để làm suy yếu đi sức mạnh của Lê Quý Ly đã khống chế chính quyền An Nam kể từ giữa đời Hồng Vũ trở lại đây.

Vào thời gian đầu, Minh Thành Tổ mong muốn giải quyết việc soán ngôi giết vua của cha con Quý Ly trong cách làm hoà bình, để làm tròn trách nhiệm nước tông chủ. Do đó, khi họ Hồ tấu xin "đón Thiên Bình về, lập làm vua",[2] Minh Thành Tổ bèn vui vẻ sai sứ bảo đảm với họ Hồ: "Trẫm sẽ đặt người làm Thượng công, phong cho quận lớn, mãi mãi nối truyền con cháu."[3] Từ những lời nói này, có thể thấy được là Minh Thành Tổ không có dự định sẽ truy cứu tội trạng trước đây của cha con họ Hồ. Nhà Minh dùng 5.000 binh hộ tống Trần Thiên Bình về nước, chỉ cho thấy nhà Minh ủng hộ Trần Thiên Bình và hăm doạ ngăn chặn cha

1. *Ngự giao ký*, quyển 4, sđd, tr. 48. Nguyên văn: 遠夷不敢抗大國，犯王師。緣天平實疏遠小人，非陳氏親屬，而敢肆其巧僞，以惑聖聽，勞師旅，死有餘責。今幸得而殺之，以謝天子。吾王即當上表待罪。
2. *Ngự giao ký*, quyển 4, sđd, tr. 46.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh lạc tam niên thất nguyệt Giáp Thìn*, quyển 44, tr. 693.

con họ Hồ. Tiếc thay, Minh Thành Tổ không ngờ được chuyện Lê Quý Ly sẽ dùng hạ sách giết Trần Thiên Bình. Họ Hồ đã đồng ý đón Trần Thiên Bình về, rồi nay lại giết chết trên đường về, rõ ràng là đang khiêu khích uy tín của Minh Thành Tổ. Việc này đương nhiên có liên quan đến cá tính háo thắng bộp chộp của Lê Quý Ly. Có lẽ, Lê Quý Ly hiểu quá rõ về chính sách đối ngoại bảo thủ của nhà Minh vào đời Hồng Vũ, tưởng là Minh Thành Tổ cũng không khác gì mấy; hoặc giả, Lê Quý Ly tưởng là Thành Tổ mới vừa lên ngôi, địa vị chưa ổn định, không dám tuỳ tiện buông lời khởi binh xâm lược phương Nam. Nếu như Lê Quý Ly từng có cách nghĩ này, hiển nhiên là đã đánh giá thấp trí tuệ và năng lực của Minh Thành Tổ. Không quá một năm, cha con Lê Quý Ly bèn nếm đủ nhục nhã của sự thảm bại và bị bắt.

Sau khi Minh Thành Tổ được tin Trần Thiên Bình bị giết, bèn quyết ý hưng binh chinh phạt An Nam. Trong bài viết *Minh đế quốc dữ Nam hải chính lược,* Trương Dịch Thiện đã miêu tả về cá tính của Minh Thành Tổ như sau: "Bình sinh tính của Thành Tổ kiêu ngạo bất khuất, là một vị quân chủ có mưu lược lớn và tính toán hùng mạnh, sự bó buộc tổ huấn chỉ giới hạn ở quân vương bậc trung hạ, tuyệt đối không thể khiến chúng nghe theo. Chinh phạt An Nam, đơn thuần là vấn đề không nể mặt đại hoàng đế."[1] Minh Thành Tổ là một người kiêu hùng "kiêu ngạo bất khuất", nếu không thì ngài cũng sẽ không liều lĩnh làm chuyện soán ngôi đoạt quyền đại bất kính ấy. *Minh Thái Tổ bảo huấn* đối với ngài mà nói chỉ là một quyển sách mà thôi, lời giáo hối dạy dỗ "quyết không thảo phạt" trong sách ấy, đương nhiên là ngài sẽ không để tâm. Nhưng, chúng ta nghĩ cặn kẽ một chút, ngoài thể diện của một đại hoàng đế ra, Minh Thành Tổ quyết định động viên hô hào 80 vạn đại quân để chinh phạt An Nam, phải chăng còn có ý đồ gì đó khác?

---

1. Trương Dịch Thiện, *Đông Nam Á sử nghiên cứu luận văn tập*, sđd, tr. 54.

Chu Đệ nhờ soán đoạt mà được thiên hạ, do đó kể từ khi lên ngôi trở đi, lòng người vẫn chưa được bình định thuần phục. Để ổn định ngôi đế, ngài muốn lấy hình phạt tàn khốc để cảnh cáo những kẻ chống đối mình, như việc giết Phương Hiếu Nhụ 方孝孺 cùng những người có liên quan đến mấy trăm người.(1) Nhưng, những kẻ dị nghị sau lưng vẫn còn rất nhiều. Do đó, Minh Thành Tổ tăng cường trừng phạt đối với những kẻ phỉ báng.(2) Nói chung, trong đầu đời Vĩnh Lạc, dân tình không được yên ổn chỉnh đốn, thần dân trung trính ủng hộ Huệ Đế, thỉnh thoảng đều tụ lại mà phản kháng.(3) Thậm chí, đến sau bốn năm Minh Thành Tổ lên ngôi hoàng đế, thế lực phản kháng vẫn dấy động trùng trùng. Ngày 21 tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), Minh Thành Tổ nói với Viễn chinh An Nam Tổng binh là Chu Năng rằng: "Có thể tăng thêm vào trong quân lệnh một điều: Phàm có lời nói điêu ngoa về triều đình và sự vụ trong quân, cho phép trói những người ấy lại, đều có trị tội theo pháp luật. Lệnh này vì gần đây dư đảng của Tế Thái 齊泰 và Hoàng Tử Trừng 黃子澄 buông lời phỉ báng, e là lời truyền bá đến đó, hoặc loạn lòng quân, khiến cho chúng không thể dụng mệnh, tốt nhất là cấm mà trị."(4) Do đó, có thể thấy, Chu Đệ vẫn chưa được ngồi yên trên chiếc ngai rồng. Rốt cuộc nhân dân, quân quan ở các nơi, đặc biệt là khu vực quân đội ở phía Nam, trung thành với ngài được bao nhiêu? Tin rằng đó là chuyện vướng mắc suốt của Thành Tổ.

---

1. *Minh sử*, quyển 141, sđd, tr. 4020. Phương Hiếu Nhụ (1357-1402), tự là Hi Trực 希直, Hi Cổ 希古, hiệu là Tốn Chí 逊志, là một người giỏi văn chương, đại thần nhà Minh, đồng thời vừa là một nhà tư tưởng, nhà văn... Làm quan đời Hồng Vũ, sau khi Minh Thái Tổ băng hà, Huệ Đế lên ngôi, theo lời của Thái Tổ triệu Hiếu Nhụ vào kinh trao trọng trách, làm đến chức Hàn lâm Tự giảng và Hàn lâm Học sĩ. Yến Vương Chu Đệ dấy binh cướp ngôi, Hiếu Nhụ không hàng phục, từ chối viết chiếu lên ngôi, bị Chu Đệ giết thập tộc, người liên luỵ bị giết lên đến 873 người, Hiếu Nhụ chịu đau thương, cuối cùng cũng không khuất phục, bị lăng trì xử tử. (NPA)
2. *Minh sử*, quyển 94, tr. 2320.
3. Chu Hồng 朱鴻, *Minh Thành Tổ dữ Vĩnh Lạc chính trị* 明成祖與永樂政治, Chương 4, Đại học Sư phạm Đài Loan, Chuyên san Nghiên cứu lịch sử 17, 1988.
4. *Việt kiệu thư*, quyển 2, tr. 15.

Có học giả nói, nhà Minh xuất quân đánh An Nam, là vì kinh tế nhà Minh đã khôi phục trở lại phồn vinh, có sức mở rộng ra bên ngoài. Nhưng, vết thương do chiến dịch Tĩnh Nan gây ra, không thể nào có thể bình phục trong một thời gian ngắn như vậy. Chúng ta biết rằng, sau khi kết thúc chiến tranh, "thiên hạ mệt mỏi bởi binh biến, còn phương Bắc thì điêu tàn thảm hại", "về phía bắc sông Hoài, cỏ mọc um tùm", các quận Bắc Bình "nhiều năm liên tiếp binh cách, dân chúng ở đó ăn mặc không đủ."[1] Đây là một bức chân dung tả thực vào đầu đời Vĩnh Lạc. Tin chắc rằng, kinh tế lúc bấy giờ vẫn rơi vào hoàn cảnh khốn khó. Nhưng trong bài viết *Intervention in Vietnam* của mình, Jung-Pang Lo cho rằng, khi Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam, kinh tế nhà Minh đã khôi phục trở lại, đồng thời cho thấy một cảnh tượng phồn vinh. Căn cứ và ý kiến của ông Jung-Pang Lo rất đáng được thảo luận.[2]

---

1. Trương Hoa 張華, *Lược luận Minh Thành Tổ đích lịch sử địa vị* 略論明成祖的歷史地位, *Nam Kinh Đại học học báo* 南京大學學報, Triết học xã hội khoa học, 1983, kỳ 3.

2. Trong bài viết *Intervention in Vietnam: A Case Study Of The Foreign Policy Of The Early Ming Government*, Jung-Pang Lo nói: When the Yung-lo Emperor became the ruler of China in 1403 his first problem was also the rebuilding of the economy of the empire after the widespread devastation in the three years of civil war. By energetic efforts of the new ruler the recovery was fast and by 1405 China was back on her feet again. As the History of the Ming stated, at the time of reconquest of Annam "the empire was rich and Prosperous and there were surpluses from the revenue. After the shipment of several million piculs of grain to the capital there was still abundant accumulation in the prefectural and country granaries so that the grain spoilt and could not be eaten. The annual tribute of silver came to over 300,000 taels", tr. 165. (Dịch: Khi Vĩnh Lạc đế trở thành người thống trị Trung Quốc vào năm 1403, vấn đề đầu tiên của ông vẫn là xây dựng lại nền kinh tế của triều đại sau một cuộc tàn phá lan rộng trong ba năm nội chiến. Bằng những nỗ lực hăng hái của một người cai trị mới, sự hồi phục diễn ra nhanh chóng và năm 1405, Trung Quốc đã trở lại trên đôi chân của mình. Như sử liệu của nhà Minh đã nói, tại thời điểm tái chinh phục An Nam, "triều đại đã rất giàu có và thịnh vượng, đồng thời có những khoản thặng dư từ doanh thu. Sau khi vận chuyển bao triệu lương thực về kinh đô, vẫn còn chất đầy trong các kho lương ở các nơi trong nước, đến nỗi thóc hỏng và không ăn được. Số lượng bạc cống hằng năm lên đến 300.000 lượng.") Đoạn tường thuật của ông Lo dịch từ *Minh sử*, quyển 78, "Thực hoá" 食貨 (2). Ông Lo căn cứ vào đoạn trích dẫn này để cho rằng khi triều đình nhà Minh xuất binh đánh An Nam, thì kinh tế của nhà Minh đã khôi phục phồn vinh, "Now the economy

Trên thực tế, nền kinh tế trong thời kỳ đầu đời Vĩnh Lạc không hề giàu có thịnh vượng. Trong bài viết *Hạ Trung Tĩnh Công Nguyên Cát truyện* 夏忠靖公原吉傳của Khưu Tuấn 丘濬 đời Minh, đã miêu tả về tình hình kinh tế lúc bấy giờ như sau: "Quân Tĩnh Nan vừa mới yên, kho lương trong phủ rỗng không, không còn chứa gì cả. Một thời ban cho công thần, thưởng cho sĩ tốt, phong lớn cho thân phiên, từng đặt võ vệ, đặt thêm bách ti, lại triệu tập nho sinh trong thiên hạ mấy trăm người vào quán các, biên tập đại điển. Chưa bao lâu lại sai 25 tướng quân, dấy lên chiến dịch An Nam, sai nội quan chế tạo tàu thuyền lớn ở biển Tây Nam, để đi đến các nước phiên ở Tây Nam. Phí tổn tài vật sử dụng, tính đến ức vạn, đều lấy và cấp ở Hộ bộ. Ngài (Hạ Nguyên Cát) ngày đêm lo lắng nhọc lòng, tu bổ kinh doanh, chỉ e phật lòng bề trên, mà hạch sách tài sản của dân."(1) Cho thấy,

---

of China had recovered and there was prosperity in the land." (tr. 171). Phải chăng ông Lo đã có sự hiểu nhầm về văn bản gốc? Sau đây xin dẫn lại bản gốc: "Trong đời Vĩnh Lạc, đã chiếm được Giao Chỉ, dùng lụa, sơn, tô mộc, lông chim chả, quạt giấy, trầm hương, tốc, các hương liệu ở nước An Tức nộp thay tô thuế. Người Lê châu Quỳnh ở Quảng Đông, người Dao Triệu Khánh nội phụ, nộp thuế hơn cả nội địa. Lương thuế trong thiên hạ hơn 3.000 vạn thạch, tơ sao hơn 2.000 vạn. Tính lúc này, trong nước giàu có, thuế nộp đầy ắp, ngoài lương thực chở về kinh sư mấy trăm vạn thạch, còn chứa lại ở kho lương các phủ huyện đầy ắp, đến nỗi hỏng hóc không thể ăn được nữa." (Nguyên văn:永樂中，既得交阯，以絹、漆、蘇木，翠羽、紙扇、沉、速、安息諸香代租賦。廣東瓊州黎人、肇慶瑤人內附，輸賦比內地。天下本色稅糧三千餘萬石，絲鈔等二千餘萬。計是時，宇內富庶，賦入盈羨，米粟自輸京師數百萬石外，府縣倉廩蓄積甚豐，至紅腐不可食。) Đoạn tư liệu này chỉ rất rõ khoảng thời gian ấy là tình huống "trong đời Vĩnh Lạc, đã chiếm được Giao Chỉ" trở về sau, chứ không phải là tình huống trước khi xuất binh đánh An Nam vào tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 4. Trong bài viết *Luận 1408 niên Minh triều dữ An Nam chiến tranh đích nguyên nhân* 論1408 年明朝與安南戰爭的原因, cũng xảy ra tình trạng hiểu lầm tương tự. Bài viết này được đăng trong *Indochina* 印度支那 của Sở nghiên cứu Indochina thuộc Viện Khoa học xã hội Quảng Tây, 1988, kỳ 1.

1. Tiêu Hoành 焦竑, *Quốc triều hiến trưng lục* 國朝獻徵錄, *Trung Quốc sử học tùng thư* 中國史學叢書, Đài Loan học sinh thư cục, 1965, quyển 28, tr. 1171. Nguyên văn: 靖難之師方息，府庫空虛，無有蓄積。一時賜予功臣，賞給士卒，大封親藩，增置武衛，添設百司，而又召集天下儒生數百人於館閣，編輯大典。未幾遣二十五將軍，大興安南之役，遣內官造巨艦航西南大洋海，以通西南諸番。財用之費，以億萬計，皆取給於戶部。公（夏原吉）晝夜焦勞，經營綴葺，惟恐拂上意，而殫民財。

kinh tế lúc bấy giờ vẫn rất căng thẳng. Tuy là "quốc dụng không thiếu sức", nhưng đây không phải là kết quả của một sự giàu có, mà là thành quả tài chính qua sự "tận tâm suy tính ứng phó" và "ngày đêm nhọc lòng" của Hạ Nguyên Cát.[1] Nếu như kinh tế lúc bấy giờ đã phục hồi và kho trong nước đầy ắp, thì năng lực của Hạ Nguyên Cát sẽ không được người đời sau xưng tụng như vậy. Trên thực tế, tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405), khi Minh Thành Tổ ủy nhiệm cho Hạ Nguyên Cát nắm giữ bộ Hộ, Hạ Nguyên Cát đã đề xuất với Minh Thành Tổ rằng "tiết chế thức ăn thừa để giảm phí không cần thiết, đo lường việc có hay không để cân bằng xuất nhập, cân bằng thuế má và phục dịch để giảm bớt sự khốn khổ của dân."[2] Có thể thấy, "sự khốn khổ của dân" vẫn chưa được giải thoát. Nói cách khác, khi nhà Minh xuất binh đánh An Nam, kinh tế vẫn chưa thể nói là giàu có.

Ngoài ra, ông Jung-Pang Lo còn cho rằng, khi nhà Minh xuất binh đánh An Nam thì biên cương phía Bắc cảnh báo vì kế hoạch Đông chinh của Thiếp Mộc Nhi 帖木兒 chưa thể thực hiện được mà giải tán. Do đó, nhà Minh mới đem toàn bộ chủ lực của mình hướng về phương Nam và các nước ở Nam hải.[3] Tuy nhiên, Thiếp Mộc Nhi mất vào ngày 18 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405),[4] nhưng cảnh giác ở biên cương phía Bắc vẫn không được nới lỏng. Ngày 15 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), Minh Thành Tổ

1. *Minh sử, Hạ Nguyên Cát truyện*, sđd, tr. 4151.
2. Tiêu Hoành, *Quốc triều hiến trưng lục*, sđd, tr. 112.
3. Jung-Pang Lo, *Intervention in Vietnam: A Case Study Of The Foreign Policy Of The Early Ming Government*, tr. 171. The threat of encroachment by the Western Mongols kept Chinese Troops on the alert along the northern and north-western frontier but by spring of 1405 the alarms quieted. The dreaded invasion by Timur did not materialize. China now was fress to turn der attention to the south and to the maritime states of Asia. (Dịch: Mối đe dọa xâm lấn của người Mông Cổ ở phía Tây đã khiến quân đội Trung Quốc phải cảnh giác dọc biên giới phía Bắc và Tây Bắc, nhưng đến mùa xuân năm 1405, các cảnh báo đã chìm xuống. Mối lo ngại bị xâm lược bởi Timur (Thiếp Mộc Nhi) đã không trở thành sự thực. Giờ đây Trung Quốc rất muốn chuyển sự chú ý xuống phía Nam và các quốc gia hàng hải ở Châu Á).
4. L.Bouvat, Phùng Thừa Quân dịch, *Thiếp Mộc Nhi đế quốc* 帖木兒帝國, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1969, tr. 58.

hạ lệnh cho Cao Toại 高燧 đóng giữ Tây Bắc phải chú ý hành tung của Quỷ Lực Xích 鬼力赤 và A Lỗ Đài 阿魯台. Đồng thời ra lệnh cho Vũ An hầu 武安侯 Trịnh Hanh 鄭亨 ở Hưng Hoà Nội Mông đắp thành kiên cố và phát cây cối nơi hoang dã,[1] và sắc lệnh cho Cam Túc 甘肅 Tổng binh quan 總兵官 Tây Ninh hầu 西寧侯 Tống Thịnh 宋晟 phòng bị chế ngự...[2] Việc đó cho thấy, sự cảnh giác phòng bị biên cương phía Bắc không thể trừ hết chỉ vì Thiếp Mộc Nhi qua đời. Minh Thái Tổ từng nói: "Rợ Hồ Nhung Tây Bắc, đời đời là mối hoạ cho Trung Quốc, không thể không cẩn thận phòng bị được."[3] Vào đời Hồng Vũ khi Minh Thành Tổ trấn thủ Bắc Kinh, hiểu biết rất rõ về tình thế ở phía Bắc. Huống hồ hai bộ Thát Đát 韃靼 và Ngoã Lạt 瓦剌, nhân lúc nhà Minh đang thực hiện chiến dịch Tĩnh Nan, thế lực phát triển nhanh chóng, có ý đồ muốn xuống phương Nam tranh hùng.[4] Do đó, khi Minh Thành Tổ quyết định xuất binh đánh An Nam, phía Bắc vẫn đang nằm trong tư thế khẩn trương, nếu không thì rất khó để hiểu được là sau đó Minh Thành Tổ phát động 5 lần chiến tranh với Mông Cổ ở quy mô lớn.

Nói cách khác, trong tình hình lòng người chưa phục, kinh tế chưa thấy giàu mạnh và cảnh giác mối đe doạ từ phương Bắc, Minh Thành Tổ đột nhiên phát động 80 vạn đại quân hô hào đi chinh phạt nước khác, đương nhiên điều này không phải là một chuyện tầm thường. Có thể nói, đây là một ván cờ đánh cược chính trị, từ đó cũng có thể thấy được điểm hơn người của Minh Thành Tổ. Lý do có thể xuất binh đánh An Nam, đã viết rất rõ ràng trong bài *Thảo Quý Ly hịch văn* 討季犛檄文. Nhưng chúng ta cũng không nên loại trừ một động cơ đằng sau đó của ngài, chính là để xoay chuyển tình hình quân dân thời kỳ đầu đời Vĩnh

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên nhị nguyệt Bính Tý*, quyển 51, tr. 764.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên nhị nguyệt Bính Tý*, quyển 51, tr. 765.
3. *Minh Thái Tổ bảo huấn*, quyển 6, tr. 486.
4. Hứa Chấn Hưng 許振興, *Luận Minh Thành Tổ đối Bắc biên Mông Cổ dân tộc đích bị ngự chính sách* 論明成祖對北邊蒙古民族的備御政策, *Minh Thanh sử* 明清史, Trung tâm tư liệu thư báo, K24, Đại học Nhân dân Trung Quốc, 1986, kỳ 8.

Lạc còn đang tưởng nhớ Huệ Đế; đồng thời muốn mượn cơ hội của lần động viên này để khảo sát vệ sở quân ở các nơi, đặc biệt là mức độ trung thành của quân kinh ở Nam Kinh đối với triều đình như thế nào; cũng có thể thông qua sự điều khiển và chỉnh đốn của quân đội mà hiểu được mức độ tăng trưởng về tình hình bất mãn của vệ sở binh phương Nam đối với việc soán ngôi của ngài. Khi đề cập đến việc xuất binh đánh An Nam vào năm Vĩnh Lạc thứ 4 ở phần trước, Minh Thành Tổ đã từng chỉ trích việc dư đảng của Tề Thái và Hoàng Tử Trừng đã đưa lời phỉ báng, mê hoặc làm loạn lòng quân. Đó chính là sự phản ánh cho tình hình bất ổn và bất mãn của quân kinh ở Nam Kinh.

Đương nhiên, tin chắc rằng điều mà Minh Thành Tổ tiếc nuối nhất đó là tội danh "lấy việc soán đạt để được thiên hạ", và điều khiến ngài lo lắng nhất là việc Huệ Đế còn sống hay đã chết vẫn chưa biết rõ được.(1) Do Minh Thành Tổ có khúc mắc này, cho nên vào năm Vĩnh Lạc thứ 5, ngài từng sai Cấp sự trung 給事中 Hồ Oanh 胡濙 đi khắp châu quân hương ấp trong thiên hạ, âm thầm tra xét nơi ẩn thân của Huệ Đế. Sau thời gian 16 năm âm thầm điều tra cho rõ, Hồ Oanh mới quay về báo cáo tin tức Huệ Đế thực sự không còn tồn tại nữa, hầu như đến lúc này Minh Thành Tổ mới yên tâm mà vứt tảng đá to trong lòng ra.(2) Lúc bấy giờ, chuyện Huệ Đế mất tích đã được 22 năm. Có thể thấy, đầu đời Vĩnh Lạc, chắc chắn Minh Thành Tổ cực kỳ quan tâm đến các loại tin tức của Huệ Đế. Đặc biệt là một tin đồn về sự xuất hiện của Huệ Đế ở Vân Nam.(3) Về tin đồn có liên quan đến việc Huệ

1. Mạnh Sâm 孟森, *Minh sử* 明史, Nxb Hoa Thế, 1977, tr. 117.
2. Mạnh Sâm, *Minh sử*, sđd, tr. 117.
3. *Quốc triều điển vựng*, quyển 2, *Tĩnh Nan*, sđd, tr. 109, chép về việc này rằng: Sau khi Văn hoàng đế lên ngôi, phục chức (Nghiêm Chấn Trực) làm Công bộ thượng thơ, đi sứ An Nam, dặn dò bí mật là hỏi thăm về Kiến Văn đế, vua (chỉ Huệ Đế) gặp ở trên đường đi Vân Nam, nhìn nhau mà khóc. Vua nói: "Ngươi sẽ xử trí ta như thế nào?", đáp rằng: "Bệ hạ cứ tuỳ tiện mà đi đi, thần tự khắc có cách xử trí của mình." Đêm đến treo cổ ở trong đình trạm dịch mà chết. 文皇帝即位後，復（嚴震直）爲工部尚書，使安南，密囑訪建文，帝（指惠帝）遇於雲南道中，相對而哭。帝曰：「何以處我？」對曰：「帝從便，臣自有處。」夜縊郵亭而死。

Đế ẩn cư ở Vân Nam dựa vào thế của Tây Bình hầu Mộc Thạnh, trong địa phương chí Điên Thục[1] cũng có chép.[2]

Tin đồn này đối với Minh Thành Tổ mà nói nó chính là một chuyện lớn hàng đầu. Để tìm ra chân tướng, ngài từng phái mật sứ đến Vân Nam để âm thầm thám thính sự việc.[3] Minh Thành Tổ tỏ ra vô cùng quan tâm đến việc phải chăng Huệ Đế trốn lánh ở Vân Nam và liên kết với gia tộc họ Mộc. Nguyên nhân là, Mộc Anh 沐英 cha của Mộc Thạnh là khai quốc công thần của nhà Minh, có công trong việc bình định Vân Nam và ổn định Tây Nam, vả lại còn là dưỡng tử của Minh Thái Tổ, rất được Minh Thái Tổ coi trọng. Do họ Mộc đời đời truyền tập phong tước, lưu trấn Vân Nam, nắm được đại quyền quân chính ở khu vực Vân Nam, trở thành thế lực địa phương không thể nào bỏ qua được. Năm Hồng Vũ thứ 25 (1392) Mộc Anh qua đời, con trai ông là Mộc Xuân kế tập tước vị. Hồng Vũ năm thứ 31 (1398), Mộc Xuân bị bệnh mất, em trai ông là Mộc Thạnh nối tước vị vào năm Kiến Văn nguyên niên (1399).[4] Do đó, Mộc Thạnh nắm giữ đại quyền quân chính ở Vân Nam vào năm Huệ Đế lên ngôi. Lúc này, vừa đúng lúc Yến Vương Chu Đệ phát động cuộc chính biến, chiến tranh nổ ra khắp trời Đông Nam. Đối với một vị "niên thiếu có khí chất, ít nói cười, yêu thích đọc sách, Thái Tổ rất yêu",[5] và Tây Bình hầu Mộc Thạnh được sắc phong trấn thủ vào triều Kiến Văn, chắc chắn là sẽ có một lòng dạ gì đó đặc biệt!

---

1. Điên 滇: Vân Nam; Thục 蜀: Tứ Xuyên. (NPA)
2. Tân Pháp Xuân 辛法春, *Minh Mộc thị dữ Trung Quốc Vân Nam chi khai phát* 明沐氏與中國雲南之開發, Đài Bắc, Nxb Văn Sử Triết, 1985, tr. 98.
3. Vương Tùng 王松, *Vân Nam bị trưng chí* 雲南備徵志, *Trung Quốc phương chí tùng thư* 中國方志聰書, số 45, Nxb Thành Văn, 1967, quyển 20, tr. 1394, dẫn *Kiềm Ninh Mộc thị thế tập sự lược* 黔甯沐氏世襲事略 chép rằng: "Đầu đời Vĩnh Lạc, Thái Tông nghi là Kiến Văn đế trốn ở nơi của Thạnh, khiến sứ đi điều tra không có việc đó, mới thôi." (永樂初，太宗疑建文匿晟所，使使詗察無狀，乃止。), xem thêm Lý Trập 李贄, *Tục tàng thư* 續藏書, *Khai quốc công thần Mộc công truyện* 開國功臣沐公傳, Trung Hoa thư cục, 1974, tr. 54.
4. *Minh sử,* quyển 126, sđd, tr. 3760.
5. *Minh sử,* quyển 126, sđd, tr. 3760.

Đương nhiên là Minh Thành Tổ sẽ đặc biệt chú ý đến vị tướng ở Tây biên thuỳ có đủ sức nắm giữ binh quyền tự coi mình quan trọng, và lời đồn rằng Huệ Đế đang ẩn cư nơi ấy. Tháng 8 năm Hồng Vũ thứ 35 (1402), Dân Vương 岷王 Chu Tiện 朱楩 và Mộc Thạnh ghét nhau, Minh Thành Tổ nói khéo với Chu Tiện rằng: "Thạnh tuy có tội, đặt nó ở ngoài độ là được."(1) Rồi vào năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), Hình bộ Hữu Thị lang 刑部右侍郎 Kim Thuần 金純 chỉ trích "Tây Bình hầu Mộc Thạnh không bẩm mệnh với triều đình", chuyên chế tự coi mình làm trọng, nên sửa để nghiêm quốc pháp. Minh Thành Tổ trả lời rằng, "chuyện ở miền biên viễn xa xôi, trẫm thường dặn Thạnh, được phép không cần hỏi."(2) Từ đó có thể thấy, sự cảnh giác của Minh Thành Tổ đối với Mộc Thạnh là đặc biệt mẫn cảm, chứ không muốn vì một vài chuyện nhỏ mà kích phát sự phản loạn binh biến của Mộc Thạnh. Lúc này, vừa đúng lúc gặp phải tình hình bức bách họ Hồ ở An Nam giết Trần Thiên Bình, ngay sau đó Minh Thành Tổ bèn khích lệ Mộc Thạnh rằng: "Nếu cẩu thả bước đến phía trước mắt, tất sẽ không được cái kế xa xôi rộng lớn; suy xét chu đáo ra cả bên ngoài sự việc, tất sẽ dựng được công kỳ vĩ."(3) Đương nhiên, dụng binh đến An Nam tức là phương hướng lớn về chính sách đối ngoại của Minh Thành Tổ, nhưng mượn việc này để quan sát mức độ trung thành của Mộc Thạnh là điều rất có thể.

Nhớ lại khi Tổng binh quan Chu Năng bệnh mất, Minh Thành Tổ bèn lấy Trương Phụ thay chức Tổng binh quan. Trương Phụ là tướng lãnh trong hệ thống của Thành Tổ, còn là công thần của trận Tĩnh Nan, đương nhiên đó là chuyện vốn dĩ phải thế. Nhưng nhìn từ trong mắt Mộc Thạnh, thực sự là không có nghĩa lý gì. Do đó, trong thời gian xuất chinh An Nam, hai người không thể hợp tác

1. *Minh Thái Tông thực lục, Hồng Vũ tam thập ngũ niên, bát nguyệt Nhâm Tuất,* quyển 11, sđd, tr. 180.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Giáp Tuất,* quyển 53, sđd, tr. 792.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Giáp Thân,* quyển 53, sđd, tr. 797. Nguyên văn: 如苟足於 目前，必無遠大之計；周慮於事外，必建奇偉之功。

một cách hoà mục. Minh Thành Tổ nói với Mộc Thạnh rõ ràng mồn một: "Trẫm lấy Tân thành hầu Trương Phụ và các ngươi đều là thân thích của quốc gia, lệnh cho cùng nhau chinh phạt giặc Lê. Tân thành hầu tuổi còn non kém, có thể phấn đấu anh dũng chiến tranh, vỗ yên sĩ tốt, đích thân cáng đáng việc chiến, dốc sức cần lao. Ngươi đã không an ủi được, lại bất hoà trong việc mưu tính."(1) Tâm tình thành thật đối xử với người khác như thế này của Minh Thành Tổ, thiết nghĩ Mộc Thạnh có lẽ cảm nhận được. Có thực sự là như lời đồn rằng Huệ Đế "trốn ở nơi của Thạnh", ít nhiều cũng có thể phản ánh được qua tâm thái trung thành của Mộc Thạnh.

Không thể nói bừa, Minh Thành Tổ thực sự có ý đồ muốn nâng cấp địa vị quốc tế của nhà Minh. Lần đầu tiên Trịnh Hoà 鄭和 xuống Tây Dương là vào tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 3 (1405), nhà Minh quyết định xuất binh đánh An Nam là vào tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), thời gian giãn cách rất gần. Do đó, bất luận là nguyên nhân bối cảnh xuất binh đánh An Nam như thế nào, đều không thể phủ nhận là kể từ khi Minh Thành Tổ bắt đầu lên ngôi, bèn có dã tâm "khua binh đến những thành trì khác". Đây đương nhiên là có liên quan đến lý tưởng "theo gương Đường Thái Tông, còn chí ở tại quân vương tam đại đời Đường Ngu".(2) Triệu Linh Dương nói: "Lúc bấy giờ Thành Tổ đã tập trung sức lực mở rộng trên biển, cho nên hành động chinh phạt An Nam, còn hơn là một điều dĩ nhiên."(3) Cũng có người cho rằng, nhà Minh xâm chiếm An Nam là vì lợi ích kinh tế; nếu khống chế trực tiếp tài nguyên An Nam và tăng cường tác dụng mậu dịch

1. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sdd, tr. 30. Nguyên văn: 朕以新城侯張輔與爾等皆國家之親，命同征討黎賊。新城侯年少，能奮勇戰鬥，撫士卒，親當矢石，克盡勤勞。爾乃不能撫慰之，遂謀事不和。
2. *Minh Thành Tổ dữ Vĩnh Lạc chính trị*, sdd, tr. 128.
3. Triệu Linh Dương 趙令揚, *Hạ khải: Minh đại chi Trung Quốc chính phủ* 賀凱：明代之中國政府, *Trung văn đại học Trung Quốc văn hoá nghiên cứu sở học báo* 中文大學中國文化研究所學報, 1971, kỳ 9.

triều cống đối với khu vực Tây Nam.[1] Nhưng đây rõ ràng không phải là mục tiêu ban đầu để nhà Minh quyết định đánh An Nam. Nguyên nhân là An Nam cũng không phải là một quốc gia đặc biệt giàu có, những cống phẩm mà An Nam triều cống thì ở các nước khác cũng có.[2] Nếu xuất phát từ bàn đạp mậu dịch triều cống, thì điều kiện của An Nam không bì kịp Chiêm Thành, nhưng nhà Minh vốn không có dã tâm xâm lược Chiêm Thành.[3]

Có thể nói, Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam là để nâng cao uy vọng, và là một trong những hành động giúp cởi bỏ tội ác "nhờ soán đoạt mà được thiên hạ". Như trong bài viết *Minh đế quốc dữ Nam hải chính lược*, Trương Dịch Thiện đã có suy nghĩ về tác phong của Minh Thành Tổ như sau: "Chỉ cần là hành động đó có thể xoay chuyển hướng hình của nhân dân Trung Quốc hoặc tiêu trừ được ký ức về một giai đoạn thảm khốc đau

1. A.B.Woodside, *Early Ming Expansionism: (1406-1427): China's Abortive Conquest of Vietnam*, tldd, tr. 24-25. The Ming invasion of Vietnam in 1406 may be seen as an attempt to increase Chinese leverage over other "tributary" states of the southwest, by creating a base, an actual Chinese province in Indo-China. It may also be seen as an attempt to gain direct control of Vietnamese resources, the benefits of which had previously only trickled fitfully into China through the medium of the annual tribute missions. (Dịch: Cuộc xâm lược của nhà Minh vào Việt Nam năm 1406 có thể được coi như là một nỗ lực nhằm tăng cường đòn bẩy của Trung Quốc đối với các quốc gia triều cống khác ở phía Tây Nam, bằng cách tạo ra một căn cứ, một tỉnh thực sự ở Indochina. Đây cũng có thể được coi là một nỗ lực để giành quyền khống chế trực tiếp các nguồn lực của Việt Nam, những lợi ích mà trước đây chỉ được đưa vào Trung Quốc thông qua các việc triều cống hàng năm).
2. Tham khảo Hiroshi Hyaku 百瀨弘, Quách Hữu Nghĩa 郭有義 dịch, *Minh đại Trung Quốc chi ngoại quốc tư dịch* 明代中國之外國資易, *Thực hoá* 食貨 bán nguyệt san, quyển 4, kỳ 1.
3. Theo: Năm Vĩnh Lạc thứ 13 (1415), vua Chiêm Thành đem lụa dệt bằng vàng (kim bạch), voi chiến giúp cho Trần Quý Khoáng chống Minh và xâm lược địa hạt Thăng Hoa, Thượng thư Trần Hợp cho rằng: "Nên khiển binh đến đánh." Thành Tổ cho rằng "Giao Chỉ vừa mới bình xong, không muốn làm nhọc quân binh tướng lĩnh, nhưng ban sát để trách, buộc trả đất xâm lược." (永樂十三年，占城王以金帛、戰象資助陳季擴抗明又侵升華轄地，尚書陳洽謂「宜遣兵致討。」成祖以「交阯初平，不欲勞師，但賜敕切責，俾還侵地。) (*Minh sử, Chiêm Thành truyện*, sdd, tr. 8386).

đớn trong quá khứ, thậm chí là đi ngược lại với lời tổ huấn, thì tiếc gì mà không thử?"[1] Đoạn viết này mở được gút mắc trong lòng của Minh Thành Tổ.

5. Về vấn đề đặt An Nam làm quận huyện

Mùng 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), nhà Minh chính thức xuống lệnh đổi An Nam thành quận Giao Chỉ, đặt ba ty cai trị, coi như là nội địa.[2] Chúng ta biết rằng, kể từ năm Thiên Phúc 天福 đời Hậu Tấn 後晉 (939), An Nam đã thoát ly Trung Quốc để độc lập, đến năm nhà Minh Vĩnh Lạc thứ 5 lại một lần nữa trở thành đất quận huyện của Trung Quốc, khoảng cách thời gian ấy là 468 năm. Vào hai triều đại nhà Tống và nhà Nguyên đã nhiều lần dụng binh đối với An Nam, nhưng không được một tấc đất nào. Minh Thành Tổ thành công trong lần đầu cử binh, bắt sống được quốc vương An Nam, võ công của nhà Minh được vun đắp từ đó. Nhưng quân Minh hô khẩu hiệu là "điếu dân phạt tội, dữ diệt kế tuyệt" để thảo phạt cha con Quý Ly, phải chăng là đang chấp hành một hành động mang tính nghĩa vụ tông phiên? Ở đây, người viết không có ý định lấy cái đại nghĩa Xuân Thu "dữ diệt kế tuyệt" để thảo luận về mặt luân lý, mà thông qua tình hình thực tế xã hội Đông Á lúc bấy giờ để làm rõ ý nghĩa vốn dĩ của mối quan hệ tông phiên.

Trên thực tế, triều đình nhà Minh xuất binh đánh An Nam là do lời khẩn cầu của cố thần nhà Trần Bùi Bá Kỳ và người tự xưng mình con cháu họ Trần là Trần Thiên Bình, có thể nói là "cử binh có danh nghĩa". Sau khi quân Minh đánh vào An Nam, bèn truyền hịch kể hai mươi tội danh của cha con Quý Ly để thanh minh việc thảo phạt, "Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà

1. *Đông Nam Á sử nghiên cứu luận tập*, sđd, tr. 48.
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên lục nguyệt Quý Mùi*, quyển 68, sđd, tr. 944. (Xin xem phụ lục 2 của người dịch bổ sung ở cuối sách).

khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa."[1] Đây là ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, có thể nói là phản ánh khách quan thái độ của người An Nam lúc bấy giờ. "Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng" và "không còn bụng dạ chiến đấu nữa", rõ ràng vẫn tiếp nhận lý do "điếu dân phạt tội" khi quân Minh vào An Nam đã tuyên xưng. Về thất bại của Quý Ly thì sử thần nhà Lê là Ngô Sĩ Liên, từng nói: "Người trong nước giết chúng không được thì người nước láng giềng có thể giết, người nước láng giềng giết không được thì người Di người Địch có thể giết. Vì thế người Minh mới có thể giết được chúng."[2] Tuy Ngô Sĩ Liên đã lẩn tránh sự thật của mối quan hệ tông phiên, nhưng cũng cho rằng "người Minh có thể giết được chúng" chính là hợp với đạo trời.

Lúc bấy giờ, Triều Tiên cùng là nước phiên thuộc, thái độ về việc nhà Minh xuất binh đánh An Nam, là sự phản ánh điển hình cho mối quan hệ tông phiên. Hiển nhiên, trong mắt của quốc vương Triều Tiên Lý Thái Tông李太宗, việc Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam là điều hợp lễ pháp. Ngài nói "hành động này của đế, không thể không như vậy". Ngài còn chỉ ra rằng "như nước ta có chút thất lễ phụng sự đại quốc, tất sẽ khởi binh hỏi tội."[3] Đây chính là nội dung thực chất của mối quan hệ tông phiên lúc bấy giờ, cũng phản ánh được việc nước tông chủ có quyền "khởi binh hỏi tội". Nếu như thuần tuý xem bằng quan điểm này, hành động của nhà Minh phù hợp với tinh thần "hưng diệt kế tuyệt". Nhưng điều khiến nhà Minh bị người đời chỉ trích nhất đó là đổi An Nam làm quận huyện của Trung Quốc. Rốt cuộc thì

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 8, sdd, tr. 489. Bản dịch Ngô Đức Thọ... sdd, tr. 336.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 9, sdd, tr. 497. Bản dịch Ngô Đức Thọ... sdd, tr. 340. Nguyên văn: 國人誅之不克，鄰國人誅之可也；鄰國人誅之不克，夷狄誅之可也。故夫明人得以誅之也。
3. Ngô Hàm, *Triều Tiên Lý triều thực lục trung đích Trung Quốc sử liệu* 朝鮮李朝實錄中的中國史料, thượng biên, quyển 3, *Thái Tông Cung Định Đại vương thực lục nhị* 太宗恭定大王實錄二, Trung Hoa thư cục, 1980, tr. 223. Nguyên văn: 如我國少失事大之禮，必興師問罪。

quyết định đặt An Nam làm quận huyện được đưa ra từ lúc nào? Có thực chất đúng với những gì mà *Minh Thái Tông thực lục* chép, sau khi bình định được An Nam và theo ý người dân An Nam xin quay trở lại làm quận huyện như xưa? Hay là vốn dĩ đã có dã tâm xâm lấn rồi thôn tính ngay từ ban đầu? Do đó, biết rõ được khoảng thời gian mà Minh Thành Tổ quyết định đặt An Nam làm quận huyện sẽ có lợi cho việc hiểu rõ ý nghĩa thực chất của cuộc chiến tranh Trung-Việt lần này.

Theo *Minh Thái Tông thực lục* chép, trước khi quân Minh chưa bắt được cha con Lê Quý Ly, bèn phái người An Nam đầu hàng nhà Minh là Mạc Thuý đi khắp nơi tìm người dòng dõi họ Trần, để khôi phục lại tước Vương của họ Trần.(1) Mùng 10 tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), Mạc Thuý dẫn kỳ lão đồng phủ huyện là Doãn Bái 尹沛 cùng với 1.120 người về báo rằng: "Con cháu nhà Trần trước đây bị giặc họ Lê tru diệt tận hết, không còn sót ai, không thể kế thừa. An Nam vốn là đất của Trung Quốc thời xưa... nguyện trở lại làm quận huyện như xưa."(2) Trương Phụ lập tức sai người đem tin tức "nguyện trở lại làm quận huyện như xưa" tấu nhanh về triều. Ngày 30 tháng 3, quân Minh đánh bại họ Hồ ở Hàm Tử Quan, cha con Quý Ly lẻ loi trốn về Thanh Hoá. Lúc bấy giờ, Trương Phụ đã cầm chắc thắng lợi, do đó vào ngày 19 tháng 4 lại kiến nghị Minh Thành Tổ khôi phục sự thống trị của Trung Quốc ở An Nam, các đại thần trong triều cũng có cùng chung một ý kiến. Nhưng, Minh Thành Tổ đã trả lời cẩn thận rằng: "Đợi bắt được cha con giặc Lê rồi sau sẽ xử trí."(3) Ngày 11 tháng 5, quân Minh bắt được Quý Ly, hôm sau lại bắt được quốc vương Hồ Hán Thương, họ Hồ của An Nam mất nước. Ngày 29 tháng 5,

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên nhị nguyệt Bính Tuất*, quyển 64, sdd, tr. 909.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên tam nguyệt Giáp Tý*, quyển 65, sdd, tr. 917. Nguyên văn: 陳氏子孫，向被黎賊殲夷已盡，無有遺類，莫可繼承。安南本古中國之地……願復古郡縣。
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên tứ nguyệt Quý Mão*, quyển 66, tr. 932.

tin tức Trương Phụ bình định An Nam báo gấp về triều đình, triều đình nghị quyết đặt tam ty[1] ở An Nam và đặt An Nam làm quận huyện.[2] Mùng 1 tháng 6, chính thức công bố ra bên ngoài.[3]

---

1. Phạm Hoàng Quân chú thích rằng: Tam ty gồm: Ty Đô Chỉ huy sứ 都指揮使司, Ty Bố chính sứ 布政使司 và Ty Án sát 按察司. Theo quan chế nhà Minh, Ty Đô Chỉ huy sứ được thiết lập ở các tỉnh, gọi tắt là ty Đô, đứng đầu là Đô Chỉ huy sứ, nắm quyền tối cao về quân sự ở địa phương, trực thuộc Ngũ quân Đô đốc phủ ở Trung ương. Ty Bố chính sứ còn có biệt danh là "ty Phiên" hoặc "Phương bá" nắm việc hành chánh, tài chánh, thuế khoá của một tỉnh. Năm Hồng Vũ thứ 9 (1376) lập Ty Bố chính sứ Thừa tuyên (đổi gọi từ Hành Trung thư sảnh) quan đứng đầu là Bố chính sứ. Ty Án sát còn có biệt danh là "ty Niết" nắm việc hình pháp của một khu vực. Năm Hồng Vũ thứ 14 (1381) lập phân ty Án sát trên 29 đạo trong toàn quốc. Niên hiệu Kiến Văn (1399-1402), lập Ty Án sát ứng với 13 tỉnh, đứng đầu là Án sát sứ. (*Minh thực lục - quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, sđd, quyển 1, tr. 207).
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên ngũ nguyệt Nhâm Ngọ,* quyển 67, tr. 942. (Xin xem phụ lục 2 của người dịch bổ sung ở cuối sách).
3. *Minh sử, An Nam truyện* chép: Ngày sóc tháng 6, ban chiếu bố cáo cho thiên hạ, đổi An Nam làm Giao Chỉ, đặt ba ty, lấy Đô đốc Thiêm sự Lữ nghị chưởng Đô ty sự, Hoàng Trung làm phó, nguyên Thị lang bộ Công Trương Hiển Tông, Tả Tham chính Bố chính sứ ty Phúc Kiến Vương Bình làm Tả Hữu Bố chính sứ, nguyên Án sát sứ Hà Nam Nguyễn Hữu Chương làm Án sát sứ, Bùi Bá Kỳ làm Hữu Tham nghị, lại sai Thượng thư Hoàng Phúc kiêm coi việc hai ty Bố Án. Đặt 15 phủ Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Sơn, Tam Giang, Kiến Bình, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hoá, Thanh Hoá, Trấn Man, Lạng Sơn, Tân Bình, Diễn Châu, Nghệ An, Thuận Hoá, chia hạt 36 châu, 171 huyện. Lại đặt 5 châu Thái Nguyên, Tuyên Hoá, Gia Hưng, Qui Hoá, Quảng Oai trực thuộc Ty Bố chính, chia hạt 29 huyện. Những hạt trọng yếu khác đặt vệ sở để khống chế. Lại sắc cho hữu ty đối với các vương họ Trần bị giết thì ban tên thuỵ, dựng đền xây mộ, đều đặt hai mươi hộ lo việc quét dọn cúng tế. Những người trong tông tộc bị hại thì phong tặng quan chức, thi hài quân dân chết bị bộc lộ thì chôn cất. Những người làm quan vẫn giữ chức cũ, cùng với quan mới dự việc cai trị. Chính sách hà khắc của họ Lê đều nhất loạt phế bỏ, những người bị hình phạt đều nhất loạt tha tội miễn tội. Dùng lễ đối đãi với người tuổi cao đức lớn. Với những người quan quả cô độc không có ai nương tựa thì đặt viện Dưỡng tế. Những người tài giỏi kính cẩn có đủ tài đức thì sai vào kinh. Lại ban chiếu tìm hỏi những người ẩn dật ở núi rừng, Minh kinh bác học, Hiền lương phương chính, hiếu đễ làm ruộng, thông minh chính trực, tài năng lão luyện, thông thạo việc quan, tinh thông thư toán, hiểu rõ binh pháp và những người mặt mũi khôi ngô, ăn nói lanh lợi, khoẻ mạnh dũng cảm, biết âm dương thuật số, thông y dược mạch lý đều lấy lễ kính mời, đưa về kinh lục dụng. (Nguyên văn: 六月朔，詔告天下，改安南爲交阯，設三司：以都督僉事呂毅掌都司事，黃中副之，前工部侍郎張顯宗、福建布政司左參政王平爲左、右布政使，前河南按察使阮友彰爲按察使，裴伯耆授右參議，又命尚書黃福兼掌布、按二司事。設交州、北江、諒江、三江、建平、新安、建昌、奉化、清化、鎮蠻、諒山、新平、演州、乂安、順化十五府，分轄三十六州，一百八十一縣。又設太原、宣化、嘉興、歸化、廣威五州，直隸布政司，分轄二十九縣。其他要

Nếu theo lập luận kể trên, con cháu họ Trần đã bị Lê Quý Ly giết chết hết, và quan viên kỳ lão An Nam cùng hơn một ngàn người xin nội phụ, vậy thì việc đặt An Nam làm quận huyện sẽ không mang vác trên lưng mình tội danh bất nghĩa của "kẻ xâm lược". Nhưng, người An Nam không cho rằng như vậy đối với cách làm của người Minh.[1] Họ chỉ trích Trương Phụ xuống chiếu cầu con cháu họ Trần, chỉ là lời giả tạo, hành vi của bọn Mạc Thuý là "do người Minh xúi giục nói ra mà thôi! Quay trở lại làm quận huyện như xưa chính là ý muốn vốn dĩ của người Minh."[2] Sự phẫn uất của họ (chỉ người Việt - NPA) có thể hiểu được. Nếu theo sự ghi chép của *Minh Thái Tổ thực lục*, nhà Minh vốn không có lòng đặt An Nam làm quận huyện, lý do xuất binh hoàn toàn là trên danh nghĩa "điếu dân phạt tội, hưng diệt kế tuyệt", còn việc đặt quận huyện sau đó là do thỉnh cầu của họ mà thôi. Những nhà viết sử sau này thường chiết xuất lời từ trong *Minh Thái Tông thực lục* ra, "họ Trần đã tuyệt, không còn người kế tục, xin đặt đất ấy làm quận huyện."[3] mà không hề khảo sát lại tính thực giả của sự kiện lần này, thực sự khiến cho người ta cảm thấy uổng tiếc.

害，咸設衛所控制之。乃敕有司，陳氏諸王被弒者咸予贈謚，建祠治塚，各置灑掃二十戶。宗族被害者贈官，軍民死亡暴露者瘞埋之。居官者仍其舊，與新除者參治。黎氏苛政一切蠲除，遭刑者悉放免。禮待高年碩德。鰥寡孤獨無告者設養濟院。懷才抱德之彥敦遣赴京。又詔訪求山林隱逸、明經博學、賢良方正、孝弟力田、聰明正直、廉能幹濟、練達吏事、精通書算、明習兵法及容貌魁岸、詔言便利、膂力勇敢、陰陽術數、醫藥方脈諸人，悉以禮敦致，送京錄用。) Tham khảo bản dịch của Cao Tự Thanh, *Lịch sử Việt Nam qua chính sử Trung Hoa*, Nxb Văn hoá - Văn nghệ, 2020, tr. 174.

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Hậu Trần kỷ Giản Định Đế*, quyển 10. Sử thần nhà Lê của An Nam là Ngô Thì Sĩ nói: "Minh Thành Tổ đã từ lâu nuôi chí nuốt nước Nam, há lại có lòng giữ nhà Trần? Ban chiếu tìm khắp người nối dõi nhà Trần chỉ là để che tai mắt dân trong nước. Người trong nước cũng biết điều đó chẳng thà một mực tuân theo dòng nước xoáy đẩy thôi, chứ dân tình thì vui thú gì mà muốn đặt quận huyện." (明成祖久蓄南吞之志，豈有心於存陳者。其遍求陳後之詔，姑以塗塞國人之耳目。國人亦知其然，寧一向順溜耳！郡縣其地，豈人情所樂而願之哉。) Bản dịch tiếng Việt tham khảo bản dịch của Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 525.
2. Hoàng Đạo Thành 黃道成, *Việt sử tân ước toàn biên* 越史新約全編, Bản sao, Thành Thái Bính Ngọ Niên, tr. 44.
3. Vương Thế Trinh, *An Nam truyện* (1), sđd, tr. 16.

Trên thực tế, việc Trương Phụ xuống chiếu tìm dòng dõi họ Trần và việc Mạc Thuý cùng hơn ngàn người đến xin ở cửa quân đặt quận huyện, chính là một màn diễn chiêu bài chính trị do Trương Phụ thông đồng với Mạc Thuý để đạo diễn ra, để phối hợp với kế hoạch chiếm lĩnh An Nam trường kỳ của nhà Minh. Anh em Mạc Thuý, Mạc Viễn là cháu của văn gia đời Trần của An Nam là Mạc Đĩnh Chi 莫挺之.[1] Cha Mạc Khản Trực 莫侃直 làm quan đến chức Viên ngoại lang, anh em đều là người có tài sức. Sau khi họ Hồ soán ngôi nước, anh em Mạc Thuý vì tổ tiên mình thờ họ Trần, nên cố sức phản đối vương triều họ Hồ, bèn quy phụ quân Minh vào ngày mùng 5, tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406).[2] Quân Minh có thể dễ dàng qua sông Phú Lương, và hiểu rõ được tình hình và sắp đặt quân sự của họ Hồ, thậm chí bắt được cha con Quý Ly... đều là nhờ Mạc Thuý làm hướng đạo. Còn chuyện Trương Phụ đặt An Nam làm quận huyện, tất nhiên là được sự ủng hộ toàn lực của Mạc Thuý, mới có được một diễn cảnh "1.120 người đến cửa quân nguyện trở lại làm quận huyện như xưa". Nhưng, Trương Phụ cũng chỉ là chấp hành chính sách đã định này của Minh Thành Tổ mà thôi.

Ngày 11 tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), Minh Thành Tổ biết được sự kiện Trần Thiên Bình bị giết, lập tức quyết định xuất binh. Ngày 23 tháng 4, vạch ra kế hoạch tác chiến tiến công An Nam. Mùng 4 tháng 7 năm ấy, ra huấn thị cho Tổng binh quan Chu Năng "không được làm loạn, không được cướp bóc, không được phá huỷ nhà cửa lăng mộ, không được phá hoại mùa màng, không được tự tiện lấy đồ vật, không được cướp vợ người, không được giết người đầu hàng... bắt được tội nhân, lựa lấy người hiền trong con cháu họ Trần lập lên, khiến cho được vỗ về yên trị một

1. Về sự tích Mạc Đĩnh Chi có thể tham khảo ở sách đồng tác giả *Hán văn văn học tại An Nam dịch hưng thế* 漢文文學在安南的興替, sđd, tr. 110.
2. Khuyết danh, *Nhân vật chí* 人物志, Trần Khánh Hạo biên tập, *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san*, sđd, quyển 7, tr. 149.

phương, rồi rút quân."[1] Mùng 2 tháng 7 nhuận, lại sách dụ Chu Năng rằng: "Quân vào đến An Nam, hạ các quận ấp, phàm bắt được văn tịch bản đồ gì, đều không được huỷ."[2] Những ghi chép trên, đều chép rõ trong *Minh Thái Tổng thực lục.*

Nhưng mà, đó đều là những lời nguỵ tạo che đậy. Không những không tự biết rằng mình là kẻ xâm lược đội lốt rằng đang hô hào 80 vạn đại quân chinh phạt phương Nam, hơn thế nữa, còn buông lời phán xuống như thế này: "Văn Hoàng[3] ra sức tìm dòng dõi họ Trần, chấn hưng triều đại đã bị diệt vong cho kế tục, đức ý rất thịnh. Còn Mạc Thuý thì hèn hạ nói rằng dòng dõi kế thừa đã bị giết tận hết, quả nhiên thói ác muốn can dự vào nước di đến cùng cực, hoặc là dợm ngó ý vua, muốn thể hiện sự bề thế vậy."[4] Đùn đẩy trách nhiệm của việc đặt An Nam làm quận huyện lên người của bọn Mạc Thuý là không công bằng, vì toàn bộ kế hoạch xâm chiếm An Nam, đã do Minh Thành Tổ ra quyết định kể từ khi quân Minh chưa ra khỏi biên giới. Chúng ta có thể quan sát được thực tình lúc bấy giờ trong mật dụ mà Minh Thành Tổ đã sắc cho Chu Năng. Trong văn kiện *Tục nhất kiện* 續一件 ngày 29 tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406) đề cập: "Sau khi bình định mọi chuyện rồi, càng phải cẩn thận cân nhắc, không được sao nhãng, không được coi thường."[5]

---

1. Cốc Ứng Thái 谷應泰, *Minh sử kỷ sự bản mạt* 明史紀事本末, *An Nam bạn phục* 安南叛服, quyển 22. Nguyên văn: 毋養亂，毋玩寇，毋毀廬墓，毋害稼穡，毋恣取貨物，毋掠人妻女，毋殺戮降附……罪人既得，即擇陳氏子孫之賢者立之，使撫治一方，然後還師。(NPA bổ chú)
2. *Minh Thái Tổng thực lục,* quyển 57, tr. 853. Nguyên văn: 師入安南，下郡邑，凡得文籍圖志，皆勿毀。
3. Chỉ Thành Tổ, sau khi ngài băng, thuỵ hiệu là Thể Thiên Hoằng Đạo Cao Minh Quảng Vận Thánh Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế 體天弘道高明廣運聖武神功純仁至孝文皇帝, sau Minh Thế Tông 明世宗 đổi làm Khải Thiên Hoằng Đạo Cao Minh Triệu Vận Thánh Võ Thần Công Thuần Nhân Chí Hiếu Văn Hoàng Đế 啟天弘道高明肇運聖武神功純仁至孝文皇帝. (NPA)
4. Đàm Thiên 談遷, *Quốc các* 國榷, quyển 14, Nxb Cổ Tịch, 1958, tr. 991. Nguyên văn: 文皇力求陳氏後，興滅繼絕，德意甚盛。而莫邃等猥云血胤漸盡，果凶德參夷之極，或抑窺風旨，欲以示漢大也。
5. *Việt kiệu thư,* quyển 2, sđd, tr. 15. Nguyên văn: 事平後，更須用心，無怠無忽。

Rốt cuộc thì sau khi bình định An Nam xong phải cẩn thận cân nhắc như thế nào? Trong *Quân trung sự nghi - kế sự thập kiện* 軍中事宜・計事十件 mà Minh Thành Tổ sắc dụ Chu Năng vào ngày mùng 4 tháng 7 nhuận, có bảy chỉ thị đề cập đến công việc sau khi bình định An Nam xong. Trong đó có các điều như là: thiêu huỷ tất cả văn tự mà An Nam có, đưa người có tài có đức và các thợ thủ công về kinh đô, đồng thời ra lệnh cho các quan lại vốn đã nhậm chức lần lượt đến kinh triều kiến...[1] Những việc này đương nhiên không thể nói là hành vi của một đoàn quân nhân nghĩa được, mà là một sự quét dọn cho sạch sẽ mọi chướng ngại nhằm thống trị lâu dài. Minh Thành Tổ sợ rằng trong quân phòng có người phản đối hành động lần này, do đó đã đặc biệt hạ lệnh "nếu như có lời phỉ báng đặt điều hoặc loạn lòng quân, không cần biết là bao nhiêu người cứ trảm cả." Do Minh Thành Tổ đã có dã tâm xâm chiếm ngay từ ban đầu, do đó trong *Kế sự thập kiện* không hề có một việc nào đề cập đến việc lập dòng dõi họ Trần, có thể thấy rằng lời trong *Minh Thái Tông thực lục* nói hoàn toàn là những lời giả nhân giả nghĩa nhằm che đậy một hành động xâm lược.

Để chiếm lĩnh An Nam một cách lâu dài, mùng 8 tháng 7 nhuận, Minh Thành Tổ ra chỉ thị cho Chu Năng sau khi bình định An Nam xong phải xây dựng Vệ sở quân trấn thủ.[2] Từ đó cho thấy, dã tâm lập An Nam làm quận huyện của Thành Tổ đã có từ trước tháng 7 rồi, và chính thức dùng chữ "quận huyện" An Nam, được phát hiện trong *Kế sự thập kiện* sắc dụ Chu Năng ngày 27 tháng 8. Mật dụ này đề cập "Trước là sắc dụ các ngươi đốt nhà cửa ở đấy, nay lập quận huyện, phàm nhà cửa không được thiêu huỷ, sau khi bình định, bèn dùng để ở và giữ thủ, nên răn ngừa quân sĩ."[3] Rồi vào ngày 20 tháng 9 cùng năm ấy sai Trung quan 中官 Miêu

1. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 17.
2. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 18.
3. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 21-22. Nguyên văn: 前者諭爾等焚其廬舍。今立郡縣，凡一應室廬不可焚燬，平定之後，即用居守，宜戒戰軍士。

Thanh 苗青 xuống phương Nam, dự bị trấn thủ An Nam.[1] Lúc bấy giờ, cách ngày quân Minh công đánh vào biên giới nước An Nam còn có 20 ngày, Thành Tổ đã trù hoạch xong xuôi mọi việc đặt tam ty, rõ ràng dự tính rằng sẽ đạt được thắng lợi một cách nhanh chóng.

Nào ngờ, ngày mùng 2 tháng 10 Chu Năng bệnh qua đời ở Long Châu tỉnh Quảng Tây, Trương Phụ thay thế nắm đại quân, đồng thời mùng 9 tháng 10 tiến đánh An Nam trong thời gian đã hoạch định ban đầu. Ngày 22 tháng 10, Minh Thành Tổ mới hạ lệnh cho Trương Phụ lãnh chức Tổng binh quan đeo ấn Chinh di Tướng quân, rồi lại chỉ thị cho Binh bộ thượng thư theo quân là Lưu Tuấn 劉雋 báo cáo với Trương Phụ toàn bộ kế hoạch luôn cả việc thôn tính An Nam: "Trước đây ngươi và Quốc công (Chu Năng) lần lượt tận mặt nghe lời Trẫm ban ra, hãy truyền đạt chi tiết cặn kẽ từng điều một cho Tân Thành hầu (Trương Phụ), Vân Dương bá (Trần Húc), để cho họ biết. Những văn thư mà ngươi cần dùng theo, buộc phải cất giữ nghiêm ngặt và bí mật, cho dù là một mảnh giấy vụn hay là một con chữ lẻ, cũng không được làm thất lạc. Các sự vụ lớn nhỏ, đều buộc phải cẩn thận."[2] Từ chi tiết "lần lượt tận mặt nghe lời Trẫm ban ra" có thể thấy rõ ràng rằng khi Chu Năng dẫn đại quân rời khỏi Nam Kinh vào ngày 16 tháng 7, Minh Thành Tổ đã ra quyết sách đặt An Nam làm quận huyện.

Vậy thì, phải chăng là triều đình đã từng mở hội nghị bàn luận về việc đặt An Nam làm quận huyện? Có học giả nói rằng: "Việc lớn như thế này, không thể không cùng bàn luận với quần thần, rõ ràng là các sử quan sau này đã che đậy việc ấy đi."[3] Kỳ thực, sau khi Minh Thành Tổ biết tin Trần Thiên Bình bị giết

1. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 22.
2. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 23. Nguyên văn: 爾前與國公（朱能）節次面聽朕所授之言，可一一詳細與新城侯（張輔）、雲陽伯（陳旭）談說，使其知之。與爾一應等策文書，務要嚴密收儲，雖片紙隻字，不可失落。大小事務，皆須謹慎。
3. Thương Truyền 商傳, *Giải Tấn truyện luận* 解縉傳論, bài tiểu luận, Hội thảo khoa học quốc tế lịch sử nhà Minh Trung Quốc, 1989.

ngày 11 tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406) xong, ngay lập tức thảo luận với Chu Năng và các đại thần trong triều đình về vấn đề xuất binh đánh An Nam, lần thảo luận này được chép rõ ràng trong *Minh Thái Tông thực lục*,[1] còn *Bình An Nam tụng* 平安南頌 của Dương Vinh 楊榮 cũng chép cuộc nghị luận triều đình lần này.[2] Nhưng mà, trong ghi chép chỉ nói đến việc xuất binh, chứ không đề cập đến vấn đề đặt An Nam làm quận huyện, cũng không thấy có lời phản đối.

Trên thực tế, lúc bấy giờ từng có một cuộc tranh luận kịch liệt. Trong quyển *Quốc sử khảo dị* 國史考異 của người nhà Minh là Phan Sanh Chương 潘檉章 có dẫn trong *Thiên thuận nhật lục* 天順日錄: "Văn hoàng đế muốn chinh phạt Giao Chỉ, (Giải) Tấn nói rằng: từ xưa nước ràng buộc, thông chính sóc, đến lúc thì sai sứ đến cống mà thôi, nếu được đất ấy, không thể đặt làm quận huyện. Không nghe."[3] Trong phụ lục *Minh các học ký* 明閣學記 quyển *Văn nghị tập* 文毅集 của Giải Tấn có nói: "Lúc ấy lại khi được Giao Chỉ bèn nghị luận lập quận huyện, Tấn bàn rằng: từ xưa dân hoá ngoại, phản loạn thất thường, nhưng lệnh cho theo chính sóc, hiệu lực về trách nhiệm triều cống, ràng buộc chúng

---

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Tân Mùi*, quyển 53, sđd, tr. 791. Trấn thủ Đô đốc Thiêm sự bọn Hoàng Trung tâu về việc Hồ Đê nước An Nam giết Trần Thiên Bình. Hoàng thượng giận dữ bảo Thành Quốc công Chu Năng rằng: "Tên tiểu xú nước nhỏ bé kia tội ác đầy trời, dám ngầm mai phục, mưu gian kế độc; Trẫm lấy lòng thành dung nạp, lại bị lừa dối; đến vậy mà không diệt đi thì binh dùng để làm gì?" Bọn Năng đều xưng: "Nghịch tặc tội lớn, trời đất không dung; bọn thần nhờ thiên uy, xin đánh dẹp chúng." Thiên tử bèn quyết ý hưng binh. Nguyên văn: 鎮守都督僉事王[黃]中等奏安南胡奎殺陳天平事。 上大怒謂成國公朱能等曰：「蕞爾小醜，罪惡滔天，猶敢潛伏奸謀，肆毒如此。朕推誠容納，乃爲所欺，此如不誅，兵則奚用？」能等皆曰：「逆賊罪大，天地不容，臣等請仗 天威一舉殄滅之。」上遂決意興師。 Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 168, nguyên văn tr. 524. (NPA)

2. Dương Vinh, *Văn mẫn tập* 文敏集, ảnh ấn *Văn Uyên Các tứ khố toàn thư*, sđd, quyển 1240, tr. 501.

3. Phan Sanh Chương, *Quốc sử dị khảo, Tùng thư tập thành sơ biên* 叢書集成初編, Thương vụ ấn thư quán, 1936, tr. 150. Nguyên văn:文皇欲征交阯， (解）縉謂曰：自古羈縻之國，通正朔，時賓貢而已，若得其地，不可以爲郡縣。不聽。

mà thôi, không thể lập làm quận ấp. Vì vậy mà nghịch chỉ."[1] Có thể thấy rằng bầu không khí nghị bàn của triều đình lúc bấy giờ cực kỳ không vui vẻ. Giải Tấn không phản đối việc xuất binh đánh An Nam, nhưng ông không tán thành việc xâm chiếm thôn tính An Nam. Rõ ràng Giải Tấn đang ra sức tranh luận theo lý dựa trên vấn đề đại nghĩa Xuân Thu "hưng diệt kế tuyệt". Lúc bấy giờ, Minh Thành Tổ đang mong muốn có thể chuyển dịch tầm mắt của người trong nước thông qua việc xuất binh đánh An Nam, đồng thời muốn thông qua việc đặt An Nam làm quận huyện để nâng cao tham vọng của mình, Giải Tấn lại ra sức phản đối, có thể nói là một người có học mà không thức thời vậy.[2]

Ý kiến phản đối việc đặt An Nam làm quận huyện của Giải Tấn, chắc chắn là không được các đại thần triều đình khác bè theo, vì ai cũng đều hiểu được tâm trạng vô cùng nghi kỵ của Minh Thành Tổ sau khi ông soán ngôi được nước, nếu lỡ có một sự bất cẩn nào, hoạ hoạn cũng theo đó mà đến. Và trong triều đình phần đông đều là cựu thần của Huệ Đế, ai ai cũng đều bị ép dưới chân tường nguy khốn, không ai dám làm trái ý hướng của Minh Thành Tổ. Huống chi, bản tính của Minh Thành Tổ vốn là một người thích

---

1. Giải Tấn, *Văn nghị tập, Văn Uyên Các tứ khố toàn thư*, sđd, quyển 1236, tr. *phụ lục*. Nguyên văn: 時又以所得交趾議建郡縣，縉議曰：自古化外之民，反覆不常，但令奉正朔，效貢職，羈縻之而已，不可以爲郡邑。因是忤旨。

2. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* của ta chép vì việc đó mà "nhà Minh bắt giam viên Tham nghị Giải Tấn rồi giết đi (Tấn là người Cát An, tỉnh Giang Tây). Tấn đỗ tiến sĩ cập đệ, bổ Hàn lâm học sĩ, vì nói việc trái ý vua, bị đuổi ra làm Tham nghị ở Giao Chỉ. Khi đến ty, lại nói rằng: 'Giao Chỉ chia đặt quận huyện không bằng để nguyên như cũ, phong tước chia đất cho các thổ hào để họ cai quản lẫn nhau. [Chia đặt quận huyện] dẫu có cái được cũng không bù được những cái mất, cái lợi không chữa được cái hại'. Vua Minh xem tờ tâu nổi giận, cho là Giải Tấn có ý tư vị họ Trần, bất lợi cho nước, xuống chiếu bắt giam ở Cẩm y vệ, rồi ốm chết. Đến năm Minh Nhân Tông lên ngôi, mới được đưa về chôn, gia thuộc mới được về quê hương." (Nguyên văn: 明捕參議解縉，因殺之（縉江西吉安人）。縉進士及第，除翰林學士，言事忤旨，出爲交趾參議，到司又言交趾分置郡縣，不如因舊封建土豪，以相管攝，縱有所得，不償所失，所利不藥所傷。明帝覽奏大怒，以爲私於陳氏，不利於國，詔捕下錦衣衛囚之，病卒。至明仁宗即位之歲，始得歸葬，家屬還鄉。) Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 345. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 447-448. (NPA)

tranh luận, "trong khi bàn luận sự việc với đại thần chưa đến hồi quyết định, hoặc giả đã đến mức nổi giận."[1] Do đó, ý kiến phản đối đặt An Nam làm quận huyện, không hề làm lay chuyển được ý nguyện của Minh Thành Tổ. Cũng vì chuyện này mà Giải Tấn đã chọc giận Minh Thành Tổ, làm gãy mất con đường chính trị trước mắt mình.[2]

Có thể thấy, quyết định "Thiên tử bèn quyết ý hưng binh" mà *Minh Thái Tông thực lục* chép vào ngày 11 tháng 4, có lẽ là kết quả của việc sau khi Giải Tấn can gián. Vì từ ngày ấy đến hết ngày 22 tháng 4, *Minh Thái Tông thực lục* cũng không có chép thảo luận gì về An Nam, chắc chắn là đang trong lúc ra kế hoạch chiến lược và quân nhu. Ngày 23 tháng 4, Thành Tổ hỏi Chu Năng và Trương Phụ về việc có liên quan đến số lượng đại quân, ngày hôm sau, ngay lập tức bắt đầu hạ chiếu trưng tập vệ sở quân ở các nơi.[3] Từ những tư liệu và phân tích nêu trên, khi Thành Tổ quyết định

---

1. *Minh sử, Dương Vinh truyện* 楊榮傳, sđd, tr. 4138.
2. Lý Trập, *Tục tảng thư, Tả xuân phòng đại học sĩ Giải công truyện* 左春坊大學士解公傳 chép: "Sau cuộc chiến Tĩnh Nan, Thành Tổ triệu Tấn và Hoàng Hoài đến làm cố vấn, theo đó vào Các biện sự... Nội các dự cơ vụ, bắt đầu từ Tấn. Khi ấy ngôi thái tử chưa định được, triệu Tấn bàn mật. Tấn nói lập đích làm trưởng, lại nói tốt cho thánh tôn... Hán Vương nhân đó mà ghét Tấn. Chưa bao lâu dụng binh ở Giao Chỉ. Tấn lại ra sức nói Giao Chỉ xưa là nước ràng buộc, lại cho rằng không nên quá cưng chiều sủng ái Hán Vương. Vua giận, điếu Tấn làm Tham nghị Quảng Tây. Lý Chí Cang tấu rằng Tấn oán vọng, đổi đi Giao Chỉ. Năm thứ 8 vua bắc chinh, Tấn vào tấu sự, không gặp vua, gặp Đông cung rồi về. Hán Vương thừa cơ ấy sàm tấu Tấn, kế đó bị giải xuống nhà lao, ba năm sau chết ở trong ngục, năm ấy 47 tuổi." (靖難後，成祖召縉及黃淮備顧問，遂入閣辦事……內閣預機務，自縉始也。時儲位未定，召縉密議。縉言立嫡以長，又言好聖孫……漢王由是怨縉。未幾用兵交趾，縉力言交趾古羈縻國，又謂不宜過寵漢王。上怒，乃出縉廣西參議。李至剛奏縉怨望，改交趾。八年上北征，縉入奏事，不見上，見東宮而還。漢王乘隙譖縉，遂徵下獄，三年死獄中，死年四十七。) Từ đó cho thấy, sau khi Thành Tổ lên ngôi, ngài rất trọng dụng Giải Tấn. Sau đó, vì hai chuyện can gián ngăn chặn đặt An Nam làm quận huyện và khuyên không nên sủng ái Hán Vương mà Giải Tấn gặp phải sự ghét bỏ lạnh nhạt của Minh Thành Tổ. Kết quả "ân lễ dần suy giảm, bốn năm, ban cho Hoàng Hoài và năm người khác áo nhị phẩm sa la, riêng một mình Tấn là không có." (恩禮寖衰，四年，賜黃淮等五人二品紗羅衣，獨不及縉。) Xem *Minh thông giám*, quyển 15, sđd, tr. 661.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc tứ niên tứ nguyệt Quý Mùi*, quyển 53, sđd, tr. 796.

xuất binh đánh An Nam, thì đã có dã tâm muốn đặt An Nam làm quận huyện. Do đó, các nhà làm sử bất tất phải kiêng dè không dám nói đây là một cuộc chiến tranh xâm lược vậy.

6. Lời kết

Chỉ định tính chất mà Minh Thành Tổ xuất binh đánh An Nam là tính chất xâm lược, người viết cảm thấy lo sợ bất an. Nhưng, sự thật như những khảo chứng của bài viết trên, cũng nên trả lại cho lịch sử một sự thanh bạch. Chẳng qua, coi hành động xuất binh An Nam của Minh Thành Tổ là một hành vi của chủ nghĩa khuếch trương, người viết có những lý giải khác biệt. Chúng ta biết, sau khi quân Minh đánh vào An Nam, Thành Tổ bèn nhiều lần ra huấn lệnh cho Trương Phụ phải nhanh chóng rút quân về nước. Điều này, ngoài việc lo phòng trong nước có biến ra, điều chủ yếu nhất là Minh Thành Tổ không có ý đồ muốn mượn An Nam để làm bàn đạp xâm lược, tiến hành chính sách khuếch trương ra Chiêm Thành và Lão Qua (Lào)... Thế thì việc thôn tính An Nam phải được lý giải như thế nào đây? Chẳng cần phải kiêng dè không dám bảo rằng dã tâm xâm chiếm An Nam của Minh Thành Tổ đã được quyết định từ trước khi điểm binh duyệt tướng. Nhưng mà, ý nghĩa chính trị của việc Minh Thành Tổ đặt An Nam làm quận huyện lớn hơn mục đích quân sự. Ngài có được nước nhờ soán ngôi, làm thế nào để khiến cho thần dân tín phục? Làm thế nào để giải quyết vấn đề lịch sử? Ngài phải kịp thời nhanh chóng có hành động gì đó để chứng minh rằng sự nối ngôi của ngài chính là sự lựa chọn theo ý trời. May mắn vừa đúng lúc gặp phải sự kiện An Nam giết Trần Thiên Bình, bèn mượn thế đó mà xua quân xuống An Nam.

Lần hành động này, không những có thể xoay chuyển tầm nhìn của nhân dân, mà còn có thể xem xét mức độ trung thành của quân đội cựu trào. Nếu như có thể chiếm lấy lại được quyền cai trị An Nam đã mất trong thời kỳ Ngũ Đại, thì cực kỳ có lợi

cho việc củng cố ngôi đế của Minh Thành Tổ và nâng cao uy vọng của ngài. Huống hồ, Minh Thành Tổ thôn tính An Nam, cơ hồ như mô phỏng việc Minh Thái Tổ lấy Vân Nam làm chiến công lập nghiệp. Như vậy, sự soán ngôi của ngài mới có chỗ đứng vững, mới có thể giải quyết được vấn đề lịch sử. Ngài nắm được thời cơ có lợi trong khoảng thời gian này, phát động kêu gọi 80 vạn đại quân, đánh vào An Nam bằng cái thế lôi đình, quyết tâm và sự quả đoán của ngài, hơn cả hai triều nhà Tống và nhà Nguyên. Lý tưởng và nguyện vọng của Minh Thành Tổ là đạt được thành tựu đại nghiệp của Hán - Đường, lấy lại quyền thống trị An Nam đã mất từ 468 năm trời, như vậy, ngài mới có thể sánh ngang hàng đẹp đẽ với thành tựu mở rộng Vân Nam của Minh Thái Tổ.

Từ thời Ngũ Đại, An Nam thoát ly sự thống trị của Trung Quốc, đương nhiên đây không phải là sự thật vui vẻ gì đối với vương triều Trung Quốc. Do đó, nhà cai trị vương triều Trung Quốc, có một cái "gút mắc An Nam" không thể nào phủi sạch. Quân Nam Hán đời Ngũ Đại và hai triều Tống - Nguyên đã dụng binh xuống tới An Nam, mục đích và tâm thế đều là muốn thu trở về quyền thống trị An Nam. Minh Thái Tổ liệt An Nam vào "bất chinh chư di" (các nước không chinh phạt), đã hoá giải đi gút mắc này. Nhưng, Minh Thành Tổ vì được ngôi bất chính, rất mong đợi dịp để xây dựng nghiệp vương giả, để khẳng định được ý nghĩa lịch sử của việc ngài soán ngôi vị; Trịnh Hoà xuống Tây Dương, xuất binh đánh An Nam và năm lần thân chinh vùng Mạc Bắc, đều có thể nói là sự nghiệp được tiến hành trong tâm thái này.

Chương IV

AN NAM DƯỚI SỰ THỐNG TRỊ CỦA TRUNG QUỐC ĐỜI MINH VĨNH LẠC (1407-1424)

1. Lời đầu

Tháng 2 năm nhà Minh Kiến Văn thứ 2 (1400), họ Trần ở An Nam bị ngoại thích Lê Quý Ly soán đoạt, đổi quốc hiệu là Đại Ngu, Lê Quý Ly khôi phục họ Hồ, sử Việt gọi là nhà Hồ. Không đầy nửa năm, Lê Quý Ly nhường ngôi cho con trai thứ là Hán Thương (sử nhà Minh gọi là Hồ Đê), tự xưng là Thái thượng hoàng. Trong thời gian đó trong nước Trung Quốc nội loạn, Chu Đệ khởi binh ở Tĩnh Nan. Tháng 7 năm Kiến Văn thứ 4 (1402), Chu Đệ đã làm hoàng đế một cách thuận lợi, tức là Minh Thành Tổ.

Nhà Minh năm Vĩnh Lạc nguyên niên (1403), sứ giả nhà Minh đến An Nam, tuyên cáo Minh Thành Tổ lên ngôi đổi niên hiệu, Hồ Hán Thương thừa cơ dâng biểu cầu phong trên danh nghĩa "cháu ngoại họ Trần". Tuy nhiên việc Lê Quý Ly khống chế triều chính An Nam, vào đời Hồng Vũ đã được triều đình biết đến. Nhưng, bản thân Minh Thành Tổ cũng là một người đi soán ngôi, làm sao có thể đi minh chính cho tội trạng này chứ? Do đó, Minh Thành Tổ không đi truy cứu chuyện họ Hồ soán ngôi, đồng thời vào ngày 24 tháng 11 năm ấy, phái sứ giả đến phong cho Hồ Hán Thương làm An Nam Quốc Vương.

Nhưng, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc lại trở nên ngày càng tệ vì cuộc chiến tranh giữa An Nam với Chiêm Thành, cùng với việc tri phủ Hoàng Quảng Thành của phủ Tư Minh thuộc Quảng Tây tố cáo An Nam xâm chiếm các châu Lộc, châu Tây Bình, trại Vĩnh Bình thuộc phủ Tư Minh. Rồi đến ngày mùng 6 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 2 (1404), cựu thần nhà Trần của An Nam lại trốn sang biên giới vào được Trung Quốc, thỉnh cầu nhà Minh xuất binh "điếu dân phạt tội", khôi phục sự thống trị của họ Trần ở An Nam. Sau 22 ngày, Lão Qua Quân dân Tuyên uý sứ là Đao Tuyến Ngạt lại hộ tống một người tự xưng là cháu của quốc vương An Nam đời trước tên Trần Thiên Bình đến Trung Quốc, xin nhà Minh ra quân "hưng diệt kế tuyệt", hiệp trợ hắn ta phục quốc. Tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), nhà Minh dùng

5.000 binh đưa Trần Thiên Bình về nước. Khi quân Minh hộ tống Thiên Bình đến huyện Khưu Ôn thuộc biên giới An Nam, gặp phải phục binh của họ Hồ tập kích, Trần Thiên Bình bị bắt và giết chết, quân Minh đại bại, quay về trong biên giới Trung Quốc. Sau khi Minh Thành Tổ biết tin Quý Ly giết Trần Thiên Bình, bèn quyết định xuất binh đánh An Nam.

Tháng 10 năm ấy, quân Minh do Tổng binh quan Tân Thành hầu Trương Phụ, và Tả Phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh thống lĩnh, hô hào 80 vạn đại quân, lần lượt tiến công An Nam từ Quảng Tây và Vân Nam. Trung tuần[1] tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), quân Minh lần lượt bắt được Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương và các đại thần của chúng, nhà Hồ An Nam bị diệt vong. Ngày 29 tháng 5, tin tức Trương Phụ bình định An Nam được tấu về triều đình, đình thần theo ý hướng Minh Thành Tổ đã định, cùng nhau xin đổi nước An Nam làm quận huyện của Trung Quốc. Kỳ thực, trước lúc quân Minh tấn công An Nam, Minh Thành Tổ đã quyết định khôi phục quyền thống trị của Trung Quốc lên An Nam. Do đó, cuộc chiến tranh này, là có phần xâm lược.[2]

Ngày 1 tháng 6, Minh Thành Tổ chính thức xuống chiếu công cáo thiên hạ, lập tam ty cai trị An Nam.[3] Nhưng người An Nam đã thoát ly sự thống trị của Trung Quốc kể từ đời Hậu Tấn, đến đời nhà Minh, đã độc lập hơn 460 năm. Rồi nay lại bị Trung Quốc thống trị, sao mà lại vui vẻ chịu cho được? Minh Thành Tổ làm gì không hiểu được, "quan lại kỳ lão 1.120 người đến cửa quân nguyện trở lại làm quận huyện như xưa" mà Mạc Thuý người An Nam nói đó, chính là hành sự theo tâm ý của Trương Phụ, chứ không phải là theo nguyện vọng của toàn bộ người dân An Nam. Do đó, sau khi chiếu thư đổi An Nam làm quận huyện đến nơi, các khu vực ở An Nam lại dấy lên những cuộc nổi loạn kháng

1. Ngày xưa cách tính lịch, một tháng chia làm 3 tuần, mỗi tuần 10 ngày, vị chi một tháng chia làm: thượng tuần, trung tuần, hạ tuần. (NPA)
2. Xem lại phần khảo thuật ở tiết thứ 5 chương thứ 3 sách này.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên lục nguyệt Quý Mùi*, quyển 68, sđd, tr. 945.

Minh kịch liệt. Đời Vĩnh Lạc, vùng An Nam nổi dậy khắp nơi, liên miên không ngừng. Quân Minh chinh tiễu khắp tứ phía, cũng không thể hoàn toàn dập tắt, trên dưới trong triều đình rất lo lắng. Đặc biệt là những năm đầu mới thống trị, nguyện vọng ủng hộ lập dòng dõi họ Trần của người An Nam vẫn chưa nguôi. Do đó, một khi có người vung cán nổi dậy, nhân dân sẽ hợp lại mà đi theo ứng nghĩa. Nhà Minh từng phái Trương Phụ hai lần Nam chinh, mới có thể dập tắt được những cuộc nổi dậy ở vùng An Nam. Trong thời gian này, quân thủ của nhà Minh bị cô lập không có viện trợ, khu vực rộng lớn về phía Nam thành Đông Quan (Hà Nội), nhiều lần bị dòng dõi họ Trần khống chế. Ở chương này chủ yếu khảo thuật trong niên gián Vĩnh Lạc nhà Minh, những công cuộc trải qua và nguyên do những cuộc nổi dậy của An Nam chống nhà Minh, để thấy được những khó khăn mà khi nhà Minh thống trị An Nam phải đối mặt.

2. Nổi dậy và bình định Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng

Sự kiện Trần Giản Định 陳簡定 khởi nghĩa kháng nhà Minh, sớm nhất được chép trong *Minh Thái Tổ thực lục* là vào ngày 10 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 6 (1408). Lúc bấy giờ, Trần Giản Định được Đặng Tất鄧悉, Trần Hy Cát 陳希葛, Nguyễn Suý 阮帥 giúp sức, tự lập lên làm hoàng đế. Trần Giản Định nhân lúc sau khi Trương Phụ, Mộc Thạnh khải hoàn về Bắc, ngay lập tức đánh chiếm Bàn Than của thành Đông Quan, Hàm Tử Quan của Thành Nam, và chống giữ phủ Tam Giang của Thành Bắc. Còn "Từ Liêm, Oai Man, Thượng Hồng, Đại Đường, Ứng Bình, Thạch Thất, các châu huyện đều ứng theo giặc, uy thế ngày càng mạnh."[1] Nói một cách khác, tức là các nơi gần thành Đông Quan đều đã rơi vào tay của họ Trần, điều này cho thấy rõ người An Nam ủng hộ Trần Giản Định, từ đó phản ánh được địa vị đặc

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc lục niên bát nguyệt Ất Dậu,* quyển 82, sdd, tr. 1101. Nguyên văn: 慈廉、威蠻、上洪、大堂、應平、石室，諸州縣皆應賊，其勢日盛。

biệt của Trần Giản Định. *Minh Thái Tổ thực lục* lại nói tránh về thân phận của Trần Giản Định rằng là "quan cũ của họ Trần", còn Khưu Tuấn nói trong *Bình định Giao Nam lục* rằng: "Dư nghiệt của An Nam là Giản Định làm loạn. Định, tự xưng họ Trần, vốn là cựu quan nhà Trần... nguỵ xưng là Nhật Nam Vương, và rồi tiếm hiệu Đại Việt, xưng niên hiệu là Hưng Khánh."[1] Trên thực tế, Giản Định là con thứ của An Nam quốc vương Trần Nghệ Tông, họ Hồ đổi phong làm Nhật Nam quận vương 日南郡王.[2] Do nhà Minh "rất không muốn khôi phục dòng dõi họ Trần",[3] Trần Giản Định ngay từ ban đầu năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), bắt đầu tổ chức hoạt động chống quân Minh ở châu Trường An phủ Kiến Bình rồi.[4]

Do Trần Giản Định lấy danh nghĩa phục quốc để kêu gọi, tập hợp quần chúng dấy lên, Tổng binh quan Tân Thành hầu Trương Phụ biết rõ sức ảnh hưởng của mình rất sâu và rộng, mong muốn sẽ dập tắt được cuộc động loạn Trần Giản Định rồi mới về Bắc. Nhưng mà, Minh Thành Tổ không hề biết sự hiểm trở của địa hình An Nam, ngày mùng 4 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 6 (1408), kiên trì sắc dụ cho Trương Phụ "kịp thời lui binh".[5] Lúc ấy, lực lượng ủng hộ sự nổi dậy của Trần Giản Định đang lan rộng đến các châu huyện. Điều này có thể biết được qua dụ văn của Giao Chỉ Bố chính sứ Hoàng Phúc là *Hịch dụ Hạ Hồng châu Đồng Lợi huyện đầu mục Nguyễn Nhật Tân* 檄諭下洪州同利縣頭目阮日新. Ông nói: "Trước tiên là, bọn giặc Trần Nguyên Tổn bội nghĩa làm ác, nhũng nhiễu lương dân, không trồng trọt canh cửi gì được, người người đều oán ghét. Nhật Tân ngươi thương bọn tiểu dân bị hại, ghét bọn quan ác làm trái đạo luân thường,

1. Khưu Tuấn, *Bình định Giao Nam lục*, sđd, tr. 9-10. Nguyên văn: 安南餘孽簡定作亂。定，自稱陳姓，本前陳舊官……僞稱日南王，既而僭號大越，稱興慶年號。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, tr. 493.
3. Vương Thế Trinh, *An Nam truyện*, sđd, tr. 9-10. Nguyên văn: 雅不欲復陳氏後。
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, tr. 497.
5. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc lục niên chính nguyệt Quý Sửu*, quyển 75, sđd, tr. 1029.

bỏ đường hung ác mà quay về đường nghĩa."[1] Châu Hạ Hồng nằm ở giáp ranh phủ Tân An, phía Nam phủ Lạng Giang. Trần Nguyên Tổn là người ủng hộ Trần Giản Định, đang chiêu tập binh mã ở khu vực châu Hạ Hồng. Ban đầu Nguyễn Nhật Tân bị quân khởi nghĩa của họ Trần làm cho cảm động, sau đó mới "bỏ đường hung ác" quy phụ quân Minh. Từ đó cho thấy, lòng dân An Nam có ý khác, mong muốn khôi phục nhà Trần, không chịu sự cai trị của nhà Minh. Ngày 13 tháng Giêng, Trương Phụ phái quân đội đến châu Diễn bắt đám người Trần Giản Định.[2] Lần hành động này của quân Minh rất thành công, đánh tan lực lượng phía Nam phủ Kiến Bình của Trần Giản Định, Trương Phụ tưởng là kể từ đó Trần Giản Định không còn sức để cử binh, bèn quyết định rút quân về kinh. Ngày 22 tháng 3, Minh Thành Tổ tiếp được tin tức xin phép ban sư hồi kinh của Trương Phụ tấu lên.[3]

Nhưng, trong khi Trương Phụ ban sư hồi kinh, trong tháng 4 ấy Trần Giản Định quay trở lại Nghệ An để tổ chức lại lực lượng chống nhà Minh. Ngày 16 tháng 6, quân Trần Giản Định tấn công phủ Tân Bình, đánh bại tri phủ Phạm Thế Căng 范世矜.[4] Có thể thấy, sức lực quân đội của Trần Giản Định đã khôi phục chỉnh đốn trở lại, ngài lên kế hoạch đánh lên phương Bắc vào thành Đông Quan là căn cứ của người Minh.[5] Khi quân đội của ngài tiến vào châu huyện khu vực lân cận thành Đông Quan, nhận được sự ủng hộ của nhân dân "hưởng ứng đốc suất lẫn nhau", khiến cho thế cục càng trở nên hỗn loạn.[6] Lúc ấy, tình thế mà

1. Hoàng Phúc, *Hoàng Trung Tuyên công văn tập* 黃忠宣公文集, *Phó Hạ Hồng châu Đồng Lợi huyện dẫu mục Nguyễn Nhật Tân*, bản khắc đời Minh Gia Tĩnh, lưu giữ tại Sở nghiên cứu Tân Á, bản phim R.979. tr. 2. Nguyên văn: 先是，賊人陳元撙背義爲惡，攪擾良民，不得耕織，眾所憎惡。爾日新傷小民之罹害，疾臣惡之逆常，棄彼凶途，來趨義路。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 498.
3. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc lục niên tam nguyệt Tân Mùi,* quyển 77, sđd, tr. 1049.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 498.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 499.
6. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc lục niên bát nguyệt Ất Dậu,* quyển 82, sđd, tr. 1101.

người An Nam ủng hộ họ Trần đối kháng quân Minh không hề giảm sút, ngược lại, còn kịch liệt hơn nhiều.

Ngày 10 tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh về đến Nam Kinh, về chuyện Trần Giản Định sửa đổi niên hiệu, Minh Thành Tổ biết rõ là không hay chút nào. Ngày 10 tháng 8, lập tức ra lệnh cho Mộc Thạnh thống lãnh quân binh 4 vạn từ Vân Nam đến An Nam để tăng cường sức mạnh chinh tiễu của quân Minh.[1] Lại ra lệnh cho Đô đốc Thiêm sự Lữ Nghị, Hoàng Trung chỉnh đốn binh sĩ và thuỷ quân, tu sửa chuẩn bị tàu thuyền khí giới nhằm phối hợp hành động của Mộc Thạnh.[2] Nhưng, Minh Thành Tổ vẫn mong muốn giải quyết việc dấy loạn của Trần Giản Định bằng phương pháp hoà bình. Do đó, ngày 19 tháng 8, ngài phái sứ giả đến đàm phán với Trần Giản Định, cho biết rõ "lẽ nghịch thuận", và đồng ý ban cho quan tước, "con cháu được đời đời truyền nối".[3]

---

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc lục niên bát nguyệt Ất Dậu,* quyển 82, sđd, tr. 1102.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc lục niên bát nguyệt Ất Dậu,* quyển 82, sđd, tr. 1102.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc lục niên bát nguyệt Giáp Ngọ,* quyển 82, sđd, tr. 1104. Ngày Giáp Ngọ, sai sứ ban sắc dụ cho bọn nổi loạn Giản Định rằng: "Mới đây cha con giặc họ Lê gây việc soán đoạt, buông tuồng bạo loạn, độc hại người trong nước, chiếm đoạt biên cảnh; bèn mệnh xuất binh điếu phạt, bọn ác đầu sỏ bị bắt, dư đảng bị tiêu diệt; rồi thiết lập quận huyện, vỗ về thiện lương, một phương nhân dân đều được yên nghiệp. Chỉ riêng các ngươi ương ngạnh, không chịu thuận theo mà lập đảng chống cự triều mệnh, cướp bóc dân chúng. Quần thần xin phát binh tiêu diệt, Trẫm nghĩ dưới làn tên mũi đạn, sợ liên luỵ đến dân vô tội; mà muốn những kẻ bất thiện như các ngươi cũng còn được cơ hội để có thể sửa đổi, nên ban sắc dụ này, nói chung cử sự cần phải hợp đạo trời, cha con giặc họ Lê tội ác đầy rẫy, trời đã phế thì không thể giữ được; các ngươi là đám tàn dư, làm trái đạo, nghịch mệnh trời, thì có thể chờ lúc bị diệt. Song, thích sống, ghét chết là cái muốn chung của con người. Nếu trước đây các ngươi chưa nghĩ kỹ nên làm việc bội nghịch trái đạo, hoặc do bọn quan lại hà khắc phải liều lĩnh mưu đồ tự tồn, lòng muốn hối cải nhưng còn nghi ngờ chưa dám quyết! Phàm con người ai mà không sai, sai mà biết sửa, còn gì tốt bằng. Bọn các ngươi hãy nhân lúc này, minh định lẽ nghịch thuận, xem xét cơ duyên hoạ phúc, tạo cho mình sự thuận lợi, yên ổn, bảo toàn gia tộc được truyền nối lâu dài. Hãy dốc lòng thành quy phụ, sự sai lầm trong quá khứ được tha hết không hỏi đến, còn được giao chức quan, trả lại đất để cai trị, con cháu đời đời được thế tập. Lời Trẫm phát xuất từ tấm lòng, thông với trời đất; nếu các ngươi chấp mê không theo, họa sẽ đến với bản thân và gia đình, lúc đó hối cũng không kịp. (Nguyên văn: 甲午，遣使賫勅諭交阯叛寇簡定等曰：「比黎賊父子篡僭竊，肆行暴亂，荼毒國人，寇奪邊境；遂命偏師弔伐，元惡就擒，餘黨破滅；設立郡縣，撫綏善良，方一之人皆已安業。獨爾等梗化，弗順撝黨拒命，

Tuy nhiên, ý chí phục quốc của Trần Giản Định rất kiên quyết, từ chối quy phụ nhà Minh. Ngày 24 tháng 12, đại quân của Mộc Thạnh bị quân của Trần Giản Định đánh bại ở Bô Cô 逋姑.[1] (Xem phụ lục bản đồ 2). Tình cảnh của người An Nam phản kháng sự thống trị của người Minh, càng lúc càng dâng cao.[2]

Lúc bấy giờ, thổ quan và dân chúng người An Nam lũ lượt tụ lại quy phụ Trần Giản Định. Lòng người nhớ họ Trần, khiến cho Bố chính ty Hoàng Phúc cực kỳ bất an. Trong dụ văn *Hịch dụ Tam Giang phủ Tri phủ Đỗ Duy Trung* 檄諭三江府知府杜維忠

刼害生民。羣臣咸請興師剪滅，朕以鋒鏑之下，延累無辜；且人有不善或能遷革是遣勅諭大。凡舉事造端須順天道，黎賊父子罪惡滔天，天之所廢，不可支也。爾以餘孽違天逆命摧滅可以立待，然樂生惡死人之同情原，爾之心或一時冒昧不能深計倒行逆施失道至此，或由有司刻害苟圖自存，心欲改悔懼未決。夫人孰無過，過而能改善，莫大焉。爾等宜及此時，明逆順之理，察禍福之機，圖安利。其身保其家族爲永久之計。誠能革心來歸，既往之愆悉赦不問，仍各授官俾，還本土統治。其眾子孫世襲。朕言出於心，通於天地。爾若執迷不悛，禍及身家，悔將無及。」Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 262-263, nguyên văn tr. 724-725. (NPA)

1. Bô Cô là tên một bến đò ở xã Bô Cô, sau đổi là xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc đất huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. (Theo chú thích bản dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd). (NPA)
   Tháng 12, ngày 14, Quốc công Đặng Tất cả phá quân Minh ở Bô Cô hãn. Bấy giờ nhà Minh sai Tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiểm quốc công, đeo ấn Chinh Di tướng quân, đem 5 vạn quân từ Vân Nam đến Bô Cô, vừa khi vua cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, sai các quân đóng cọc giữ, và lên hai bên bờ đắp luỹ. Thạnh cũng chia quân thuỷ, quân bộ cùng cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh, các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ Tỵ đến giờ Thân, quân Minh thua chạy, chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ty Lữ Nghị, cùng quân mới, quân cũ đến hơn 10 vạn tên. Chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát trốn về thành Cổ Lộng. (Thành do người Minh đắp thuộc xã Bình Cách, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, tục gọi là thành Cách). (Nguyên văn: 十二月十四日，國公鄧悉大破明師於逋姑桿。時明遣總兵沐晟以黔國公掛征夷將軍印，領兵五萬侵，自雲南至逋姑。會帝亦自乂安至，軍容整肅，方潮强風勁，令諸軍守椿及登兩岸築壘，晟亦分水步相持。帝援桴鼓之，令諸軍乘機縱擊，自巳至申，明人敗北。斬兵步尚書劉樞、都司吕毅及新舊軍十萬餘眾，獨沐晟走脱，奔古弄城。) Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 341. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 442. (NPA)
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc lục niên thập nhị nguyệt Đinh Dậu*, quyển 82, tr. 1144.

ngày 10 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), chỉ trích "trong đó không biết thổ quan, nghe theo hắn (Trần Giản Định) mà hiệp tùng theo." Rồi ngày 24 tháng 3 bảo với tri huyện Quách Thần 郭臣 của huyện Kê Lăng 雞陵 phủ Lạng Sơn 諒山 rằng: "Gần đây tên giặc Giản Định lúc ẩn lúc hiện, ép lương dân phải theo hiệp trợ, trong đó thổ quan bất tài, không biết đâu là nghịch thuận, theo chúng mà làm điều ác, không thể kể hết."[1] Có thể thấy rằng, nhân dân ở các châu huyện lân cận thành Đông Quan, đều hưởng ứng theo lời kêu gọi của Trần Giản Định, hình thành một lực lượng chống quân Minh lớn mạnh, uy hiếp cả lực lượng thống trị của nhà Minh ở An Nam.

Ngày 27 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), việc bại trận của Mộc Thạnh ở Bô Cô được tấu đến triều đình, lập tức Minh Thành Tổ ra lệnh cho "bộ Binh tăng thêm binh" và sai "Anh quốc công Trương Phụ tổng lãnh binh tiễu phạt."[2] Sự phản ứng nhanh chóng của Minh Thành Tổ cho thấy rõ tình thế nguy cấp ở An Nam. Nhưng, đại nghiệp phục quốc của Trần Giản Định không thuận buồm xuôi gió. Chính vào năm này, trong quân họ Trần xảy ra nội loạn xung đột.[3] Trần Giản Định nghe lời sàm tấu, giết chết Quốc công Đặng Tất và Đồng tri khu mật viện sự 同知樞密院事 Nguyễn Cảnh Chân 阮景真, làm phân hoá lực lượng kháng Minh mới vừa nổi lên. Con của Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị 景異 cùng con trai Đặng Tất là Đặng Dung 鄧容, giận việc cha mình chết oan vô cớ, tự dẫn quân về Thuận Hoá, ủng hộ cháu Trần Giản Định là Trần Quý Khoáng 陳季擴 ở huyện Chi La 支羅 phủ Nghệ An, đổi hiệu là Trùng Quang. Trần Quý Khoáng đặt Nguyễn Suý làm Thái phó 太傅, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo 太保, Đặng Dung làm Đồng bình chương sự 同平章事, tôn Trần

1. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập*, quyển 7, sđd, tr. 4. Nguyên văn: 近者賊人簡定出沒，逼脅良民，中間不才土官，罔知逆順，從而爲惡者，不可枚舉。
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên chính nguyệt Canh Ngọ*, quyển 87, tr. 1158.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 500.

Giản Định làm Thượng hoàng.[1] Từ đó về sau, thế lực của Trần Giản Định không còn lớn như trước nữa, còn quân của Trần Quý Khoáng lại dần trở thành quân đội chủ lực cho công cuộc chống nhà Minh.

Ngày 22 tháng 5, quân Trương Phụ đã đến An Nam, và đóng quân trại ở gần huyện Tiên Du, phủ Bắc Giang nằm phía Đông Bắc thành Đông Quan.[2] Hạ tuần tháng 6, Trương Phụ triển khai hành động thanh tiễu. Quân Trương Phụ đánh bại quân họ Trần ở các nơi Từ Liêm, Quảng Oai phía Tây Đông Quan.[3] Họ Trần chuyển hướng xuống phía Đông Nam; Trần Giản Định tiến quân xuống Hạ Châu,[4] Trần Quý Khoáng giao chiến với quân nhà Minh ở Bình Than (Bàn Than).[5] Một chiến trường khác ở phía Nam Đông Quan, triển khai ở Hàm Tử Quan thuộc trung du sông Phú Lương, tình trạng chiến tranh hết sức kịch liệt.[6] Cuối cùng, quân họ Trần bị quân Minh đánh tan, lui về Hàm Tử Quan. Lúc này "các phủ Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Tân An, Kiến Xương, Trấn Man; các vệ sở Trấn Di, Xương Giang, Thị Kiều, đều được chiêu tập yên ổn."[7] Nói một cách khác, qua sự trấn áp bằng quân sự của Trương Phụ, cục diện chính trị của An Nam mới có thể khống chế được. Sau đó quân họ Trần mới lui về vùng phía Nam của Thanh Hoá, đóng ở duyên hải chờ cơ hội mà hành động. Ngày 1 tháng 9, Trương Phụ tiến binh về phía Nam, đánh bại Nguyễn Cảnh Dị ở cửa biển Thái Bình.[8] Từ sau

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 500.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên ngũ nguyệt Quý Tỵ,* quyển 92, sđd, tr. 1224.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên lục nguyệt Mậu Thìn,* quyển 93, sđd, tr. 1240.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 501.
5. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên bát nguyệt Tân Sửu,* quyển 95, sđd, tr. 1255.
6. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên bát nguyệt Canh Thân,* quyển 95, sđd, tr. 1263.
7. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên bát nguyệt Giáp Tý,* quyển 95, sđd, tr. 1264.
8. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên cửu nguyệt Canh Ngọ,* quyển 95, sđd, tr. 1268.

chiến dịch này, uy thế quân đội họ Trần dần trở nên suy thoái, thế lực càng lúc càng rút về phía Nam, quân Minh ngày một lấn ép.

Ngày mùng 3 tháng 10, Trần Quý Khoáng trông thấy hình thế nguy hiểm, bèn phái sứ giả là Đoàn Tự Thuỷ 段自始 đến cầu phong, nhưng lại bị Trương Phụ từ chối, giết cả sứ giả Đoàn Tự Thuỷ.[1] Trương Phụ là người chấp hành việc chiếm lĩnh An Nam, làm gì mà chấp nhận việc Trần Quý Khoáng cầu phong.[2] Giết Đoàn Tự Thuỷ, cho thấy quyết tâm tiễu trừ sạch sẽ thế lực tàn dư của họ Trần.[3] Khi đại quân của Trương Phụ tiến đóng Thanh Hoá,

1. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thất niên thập nguyệt Tân Sửu,* quyển 95, sđd, tr. 1281. "Ngày hôm nay, quan Tổng binh Giao Chỉ An Quốc công Trương Phụ trú binh tại Thanh Hoá. Lúc này tên cầm đầu giặc Trần Quý Khoáng xưng càn là cháu Vương trước, sai nguỵ quan Đoàn Tự Thuỷ mang thư đến quan Tổng binh xin phong tước. Phụ nói rằng con cháu nhà Trần trước đây đã bị giặc họ Lê giết hết rồi, đã cho tìm hỏi khắp nhưng không còn ai. Nay chỉ phụng mệnh dẹp giặc, không biết điều gì khác; bèn đem Đoàn Tự Thuỷ giết, rồi xua binh tiến thẳng. Sai Đô đốc Chu Vinh, Thái Phúc mang bộ binh và kỵ binh đi trước, Phụ mang quân đi thuyền tiếp tục. Trước đây tại các cửa sông, cửa biển giặc đều đóng cọc ngăn, lại dùng đất đá làm chướng ngại. Do đó Phụ điều quân từ sông Hoàng Giang, A Giang, cửa bể Đại An đến Phúc Thành rồi từ sông đến cửa biển Thần Đầu, di chuyển đến đâu đều phá chướng ngại vật tắc nghẽn, phải mất trên 10 ngày mới đến Thanh Hoá. Quân bộ và thuỷ họp lại, bọn Giản Định phải chạy về Diễn Châu, Trần Quý Khoáng đến Nghệ An; bọn giặc như Nguyễn Suý, Hồ Cụ, Đặng [Nguyễn] Cảnh Dị đều chạy trốn; bèn đóng quân tại Thanh Hoá để diệt hết tay chân đảng giặc. (Nguyên văn: 是日，交趾總兵官英國公張輔駐兵清化。時賊首陳季擴妄稱安南前王孫遣僞官段自始致書總兵官求封爵，輔曰：陳氏子孫往者爲黎賊所戮，嘗僞求國中無有存，今奉命討賊不知其他。遂殺段自始，麾兵前進。遣都督朱榮、蔡福以步騎先行，輔率舟師繼之。初賊於各處江海口多樹樁，以土石填塞舟楫不通。至是輔由黃江、阿江大安海口，至福成，轉江入神投海口皆決其壅塞，而後行十餘日至清化。水陸之師畢會，而簡定已逃入演州，陳季擴往乂安；賊黨阮帥、胡具、鄧景異俱逃走。於是駐兵清化悉殲其支黨。) Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 282, nguyên văn tr. 778. (NPA)
2. Tham khảo phần thứ 5, chương thứ III của quyển sách này.
3. Việt sử ta không chép đến việc sai Đoàn Tự Thuỷ, trong khi biên tập bộ sách *Minh thực lục - Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII*, người hiệu đính và bổ chú là Phạm Hoàng Quân tưởng nhầm sự việc sang Nguyễn Biểu, nên ông đã chú thích như sau: "*Toàn thư* chép khác: người mang thư là Nguyễn Biểu. Trương Phụ không đồng ý việc cầu phong của Vua Trùng Quang, Nguyễn Biểu mắng Trương Phụ và bị giết (tập 2, tr. 246) Tuy nhiên, thời điểm trong *Toàn thư* chép là vào tháng 4 năm 1413, cách biệt quá xa so với văn bản này." (tr. 283). Nhưng thực chất việc Đoàn Tự Thuỷ và Nguyễn

Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng đã không còn sức để kháng cự, chỉ còn cách tự trốn chạy. Ngày 10 tháng 11 năm ấy, rồi rốt cuộc Trần Giản Định cũng bị quân Minh bắt được.[1] Ngày 30 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 8 (1410), Trần Giản Định bị áp giải đến Trung Quốc, phán tội phản loạn, bị xử quyết.[2]

Sau khi Trần Giản Định bị bắt, toàn bộ sứ mệnh kháng Minh phục Trần đều đặt lên vai của Trần Quý Khoáng. Lúc này, thanh uy của quân chấn chỉnh trở lại, Trần Quý Khoáng và những người ủng hộ ông chỉ còn biết mai phục ở phía Nam Nghệ An, đợi thời cơ. Ngày 28 tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 7, có thể nói là bước ngoặt của Trần Quý Khoáng. Hôm ấy, Minh Thành Tổ đột nhiên gọi Trương Phụ và những quan quân vốn điều đến quay về Bắc Kinh.[3] Thì ra, điều quan tâm lúc bấy giờ của Minh Thành Tổ đã chuyển hướng ra nhiệm vụ biên cương phía Bắc. Vào ngày mùng 9 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 7, từng thể hiện cho Hoàng thái tử Chu Cao Xí 朱高熾 biết rằng sẽ chinh phạt Mông Cổ vào mùa xuân năm tới,[4] Minh Thành Tổ vội vã gọi Trương Phụ về kinh, hiển nhiên là có liên quan đến việc Bắc chinh Mông Cổ.[5] Lúc bấy giờ, thế lực họ Trần của An Nam vẫn chưa hoàn toàn được dọn sạch, đại quân Trương Phụ đang toàn lực đuổi bắt Trần Quý Khoáng và đồng đảng của ông.

Ngày 9 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 8 (1410), đại quân của Trương Phụ và người ủng hộ Giản Định là Nguyễn Sư Cối

---

Biểu cầu phong Trương Phụ là hai sự việc ở hai thời điểm khác nhau, *Đại Việt sử ký toàn thư* không chép sự kiện Đoàn Tự Thuỷ mà thôi. (NPA)

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên thập nhất nguyệt Mậu Dần,* quyển 98, sđd, tr. 1290.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc bát niên chính nguyệt Đinh Dậu,* quyển 98, sđd, tr. 1310.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên thập nhị nguyệt Ất Sửu,* quyển 98, sđd, tr. 1300.
4. Tham khảo Hứa Chấn Hưng, *Luận Minh Thành Tổ đối Bắc biên Mông Cổ dân tộc đích bị ngự chính sách*, tlđd, tr. 27.
5. *Việt kiệu thư, Thư chiếu chế sắc* 書詔制敕, sđd, tr. 41.

阮師檜[1] giao tranh kịch liệt ở xã Nghi Dương châu Đông Triều.[2] Qua chiến dịch này, thế lực tồn dư của Giản Định mới hoàn toàn bị đánh tan, nhưng đám Trần Quý Khoáng vẫn chiếm giữ ở vùng châu Diễn, Nghệ An. Trương Phụ chưa kịp bình định được động loạn Trần Quý Khoáng thì phải phụng mệnh về nước, vì Minh Thành Tổ đang đòi ông về kinh.[3] Còn về thế cuộc của An Nam, Trương Phụ không hề yên tâm. Trong bụng ông biết người An Nam phản phục bất thường, e là sau khi toàn bộ quân quan vốn dĩ được điều đến đây về kinh hết, An Nam sẽ lại rơi vào trong tình trạng nổi loạn. Do đó, ông tấu xin để một phần quan quân ở lại An Nam, để hiệp trợ Mộc Thạnh truy bắt bọn Trần Quý Khoáng.[4] Minh Thành Tổ quan sát thấy tình hình dấy động ở An Nam vẫn chưa được dập tắt, nên cũng chấp nhận thỉnh cầu của Trương Phụ.

Trên thực tế, sự sắp đặt của Trương Phụ chẳng phải là lo âu thái quá những điều không có thực, mà là một sự hiểu biết rành mạch sâu sắc đối với thế cuộc An Nam. Không lâu sau khi Trương Phụ rời khỏi An Nam, quân của Trần Quý Khoáng lại từng bước từng bước một tiến tới ép quân thủ của Mộc Thạnh. Ngày 11 tháng 5 năm ấy, quân Minh chém hơn 3.000 thủ cấp quân họ Trần tại cửa biển Linh Trường, đồng thời bắt sống Chủng long Tướng quân Lê Lộng 種龍將軍黎弄. Hôm sau, trong một cuộc chiến ở bến La châu Hạ Hồng phủ Tân An, quân Minh gặp thất bại.[5] Nói cách khác, quân họ Trần quay trở lại phía Đông thành Đông Quan từ

1. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Đỗ Cối. (NPA)
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc bát niên chính nguyệt Bính Tý,* quyển 100, sdd, tr. 1304.
3. *Việt kiệu thư, Thư chiếu chế sắc*, quyển 2, tr. 41, chép ngày 17 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 8 Hoàng thái tử Cao Xí dụ Trương Phụ rằng: "Lễ bộ thượng thư Lã Chấn từ Bắc Kinh về, nói phụ hoàng trông ngóng khanh về, để cho khanh biết, nên ra dụ này." Nguyên văn: 禮部尚書呂震自北京回，言父皇屬望卿至，卿其知之，故諭。
4. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc bát niên chính nguyệt Ất Mùi,* quyển 100, sdd, tr. 1308.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sdd, tr. 502.

đường biển, khống chế khu vực về phía Nam Bình Than, tạo sự uy hiếp một lần nữa đối với thành Đông Quan.[1]

Có thể thấy, từ tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 8 trở về sau, thế cuộc ở An Nam đã quay trở lại sự bất ổn định của hạ tuần năm Vĩnh Lạc thứ 6. Trần Quý Khoáng trông tình thế có lợi, bèn âm thầm sai sứ giả là Hồ Ngạn Thần đến Trung Quốc cầu phong.[2] Nhưng nhà Minh lại bẻ cong việc "cầu phong" của Trần Quý Khoáng thành "xin hàng" để giải quyết, cho thấy rõ ràng rằng không hề có lòng phục lập dòng dõi người nhà Trần. Nhà Minh chỉ hy vọng thông qua sự mê hoặc của bổng lộc quan chức hoặc là sự uy

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 502.
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc bát niên thập nhị nguyệt Mậu Ngọ,* quyển 111, sđd, tr. 1425. Đầu đảng giặc là Trần Quý Khoáng sai bọn Hồ Ngạn Thần dâng biểu xin hàng. Thiên tử cho rằng có thể chuyển biến chúng sang con đường thiện nên chấp thuận, ban chức Bố chính sứ Giao Chỉ. Lại ban cho Trần Nguyên Tôn chức Tham chính; Nguyễn Suý, Hồ Cụ, Đặng [Nguyễn] Cảnh Dị, Đặng Dung chức Đô Chỉ huy; Phan Quý Hựu chức Phó sứ ty Án sát. Sai bọn Hữu Thông chính Phương Tố Dị mang sắc đến dụ rằng: "Bọn các ngươi dâng biểu xin hàng, nay chấp nhận lời xin, mỗi người được nhận chức quan, nếu quả thành thực thì một phương hưởng phúc, vĩnh viễn thái bình. Nếu ôm lòng man trá không có lòng thành, đại quân tiến đánh thì chính các ngươi để hoạ lại cho dân chúng, hối cũng không kịp". (Nguyên văn: 交址賊首陳季擴遣胡彥臣等上表請降。　上以其能遷善許之，以爲交址布政使。又以陳原樽爲參政，阮帥、胡具、鄧景異、鄧鎔爲都指揮，潘季佑爲按察司副使。遣右通政方素易等齎敕諭曰：「爾等上表請降，今從所請，各授以官。果能輸誠則一方受福永享太平，若懷詐不誠，大軍必進是爾貽禍於眾，悔將無及。」) Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 1, tr. 295, nguyên văn tr. 810. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* thì lại chép: Sai Hành khiển Hồ Ngạn Thần làm sứ giả cầu phong, Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình. Trước đó, vua đã sai Hành khiển Nguyễn Nhật Tư là Thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận bắt giam rồi giết cả. Đến đây lại sai bọn Ngạn Thần đi. Đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ Trừng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi thăm quốc chủ khỏe hay yếu, tình hình trong nước thế nào, Ngạn Thần nói hết cả với Trừng, Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An. (Nguyên văn: 帝遣行遣阮日孜及審刑黎銀求封。明帝怒，囚殺之。至是，再命彥臣等行至燕京。明帝遣胡澄，托以恩意，問國主强弱，事情虛實。彥臣爲盡言之，訥言不屈。明假授帝爲交趾布政使，彥臣父安知府。) Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 345. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 447. Việt sử ta cho rằng nhà Minh giả vờ chứ không có chuyện chấp nhận cầu phong. (NPA)

hiếp của "đại quân tiến đánh", để tóm được cục diện yên ổn "một phương hưởng phúc". Đây đương nhiên không phải là kết quả mà Trần Quý Khoáng mong muốn. Do đó, sau khi Hồ Ngạn Thần về đến An Nam, do làm nhục sứ mệnh mà bị Trần Quý Khoáng xử trị tội chết.[1] Điều này rõ ràng phản ánh được là, lòng phục quốc của Trần Quý Khoáng rất kiên định.

Trần Quý Khoáng hiểu rất rõ, nếu muốn khôi phục chính quyền nhà Trần ở An Nam, buộc phải được sự chấp nhận của nhà Minh mới thành sự được, do đó "cầu phong" là con đường duy nhất có thể làm. Suy cho đến căn cơ gốc rễ, người An Nam không đủ sức để đuổi quân Minh đi. Do đó, kháng chiến, cầu phong trở thành sách lược của quân họ Trần. Trước Hồ Ngạn Thần, Trần Quý Khoáng cũng đã từng phái sứ giả Nguyễn Nhật Tư 阮日孜 và Lê Ngân 黎銀 đến phương Bắc cầu phong, kết quả là sứ giả bị nhà Minh giết đi. Sự kiện này không hề chép trong *Minh Thái Tông thực lục*, mà sử Việt chép việc này vào năm Trần Trùng Quang thứ 2 trong *Nam Thiên trung nghĩa lục*, tức là vào năm Vĩnh Lạc thứ 8.[2] Đây là sự đột phá trọng đại về quan hệ giữa nhà Minh với Trần Quý Khoáng, vì vào ngày mùng 3 tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 7, Trần Quý Khoáng từng sai sứ giả là Đoàn Tự Thuỷ đến quân doanh của Trương Phụ cầu phong, kết quả là Trương Phụ dùng lời "con cháu nhà Trần trước đây đã bị giặc họ Lê giết hết rồi, đã cho tìm hỏi khắp nhưng không còn ai. Nay chỉ phụng mệnh dẹp giặc, không biết điều gì khác" bèn bắt sứ giả giết đi.[3] Trần Quý Khoáng biết rõ rằng mình phải giao thiệp trực tiếp với nhà Minh, mới có thể giải quyết được vấn đề An Nam, do đó bèn sai Nguyễn Nhật Tư đến Trung Quốc cầu phong. Nguyễn Nhật Tư bị giết, bèn phái Hồ Ngạn Thần đến Trung Quốc, Minh Thành

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sdd, tr. 503.
2. *Nam Thiên trung nghĩa lục*, sdd, tr. 49. (Đồng thời sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép, xem chú thích ở trên - NPA)
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thất niên thập nguyệt Tân Sửu*, quyển 97, sdd, tr. 1281.

Tổ đối mặt với thế chủ động ngoại giao của Trần Quý Khoáng, không thể không giải quyết mâu thuẫn giữa hai bên bằng cách cho rằng "xin hàng và phong cho quan tước". Minh Thành Tổ cũng e là Trần Quý Khoáng không cam chịu nhận quan tước bổng lộc của nhà Minh, do đó hơn mười ngày sau, vào ngày 20 tháng 2 năm Minh Vĩnh Lạc thứ 9 (1411), lại một lần nữa ra lệnh cho Trương Phụ và Mộc Thạnh thống lĩnh đại quân xuống phương Nam, để bình định những cuộc nổi dậy ở An Nam.[1]

Đương nhiên Minh Thành Tổ mong muốn Trần Quý Khoáng thực sự có thể "chí thành quy thuận", nhận quan tước của nhà Minh, tránh phải tiếp tục dấy động can qua.[2] Vì từ tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 4 quân Minh vào An Nam đến nay đã hơn 5 năm trời, mà những cuộc nổi dậy chống nhà Minh vẫn tiếp tục diễn ra không ngừng, chính quyền quận Giao Chỉ không thể cai trị An Nam một cách hiệu quả, đây là điều mà Minh Thành Tổ không thể ngờ từ lúc đầu. Ngài coi thường lòng kháng ngoại của người An Nam, cũng không hiểu được tính cách dân tộc của người An Nam. Trần Quý Khoáng phái sứ giả đến Trung Quốc là hy vọng cầu phong phục quốc, không hề chấp nhận quan tước bổng lộc của nhà Minh. Giao Chỉ Bố chính ty Hoàng Phúc gửi thư cho Trần Hợp 陳洽 ngày mùng 2 tháng 5, đề cập đến mục đích cốt lõi của Trần Quý Khoáng rằng: "Thư mà bọn giặc (chỉ đám người Trần Quý Khoáng) dâng lên, cùng với ý thư lần trước, có chút ý dùng lời hưng khởi kế tục, lại còn dùng hành động đúc người vàng đời Bắc Nguỵ[3] để tiến cống".[4] Tâm thái "có chút ý dùng lời

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên chính nguyệt Kỷ Mão,* quyển 112, sđd, tr. 1432.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên chính nguyệt Kỷ Mão,* quyển 112, sđd, tr. 1432.
3. Đời Bắc Nguỵ, hoàng đế đổi họ Hán làm Nguyên, ngài muốn sách phong hoàng hậu, phải làm một người vàng hậu phi đặt ở một nơi nào đó, nếu như người vàng không xảy ra chuyện gì hết thì mới sách lập được. (NPA)
4. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Phục phụng Trần Nhị Khanh* 復奉陳貳卿, quyển 3, sđd, tr. 31-32.

hưng khởi kế tục" của Trần Quý Khoáng, thì Hoàng Phúc hiểu rất rõ. Ông từng nói một cách cảm khái trong *Phụng Hoàng Đô đốc Trung công* 奉黃都督中公: "Nay về phía Tây Thanh Hoá, châu Diễn, Nghệ An, Thuận Hoá đều do giặc nắm. Giặc giữ Bô Cô, sông Gianh, đắc thắng kiêu hãnh, càng lúc càng ngang ngược phóng túng, từ sau khi Anh quốc công về nước, quân ta chưa từng làm theo chí hướng ấy. Tuy bọn Hồ Ngạn Thần đến cống, nhưng vờ là hàng phụ, và bên trong thì có ý đồ khôi phục."[1] "Ý đồ khôi phục" nhà Trần của Trần Quý Khoáng chính là mục đích cốt lõi, cũng là nguyện vọng của hầu hết người dân An Nam. Do đó, quân họ Trần đi đến đâu đều được người dân An Nam ủng hộ và giúp sức đến đấy. Khưu Tuấn từng nói như thế này trong *Bình định Giao Nam lục*: "Người Giao Chỉ từ lâu đã ở ngoài thanh uy giáo hoá, thích lạc quan phóng túng, không chịu sự phiền nhiễu của quan lại tướng tốt, luôn luôn nhớ về tục cũ. Một khi nghe thấy giặc nổi lên, thì như quạt đã phất. Đầu sỏ giặc đến đâu, thì được họ cùng nhau che giấu ẩn chứa, do đó mà giặc đã tan rồi lại tụ."[2] Bởi vì lòng người An Nam như vậy, ý nguyện của nhà Minh và của Trần Quý Khoáng từ đầu đến cuối không thể nhất trí với nhau được. Do đó, chiến tranh trở thành con đường duy nhất dùng để giải quyết mâu thuẫn đôi bên.

Trương Phụ dự liệu rằng Trần Quý Khoáng sẽ không chịu nhận quan tước và bổng lộc của nhà Minh, do đó khi đại quân của ông đến Nam Ninh của Quảng Tây, bèn thỉnh cầu dùng hành động quân sự để giải quyết vấn đề Trần Quý Khoáng.[3] Tháng 5 năm ấy, quân của Trương Phụ tiến đóng ở thành Đông Quan,

1. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Phụng Hoàng Đô đốc Trung công*, quyển 3, sđd, tr. 26. Nguyên văn: 今而清化以西，演（州）、乂安、順（化）皆爲賊有。賊持勃姑爭江，僥倖之勝，益肆猖獗，而我軍自英國公回後，未嘗一行其志向。雖遣胡彥臣等入貢，不過佯爲降附，而陰圖復。
2. *Bình định Giao Nam lục*, sđd, tr. 11. Nguyên văn: 交人久外聲教，樂寬縱，不堪官吏將卒之擾，往往思其舊俗。一聞賊起，相扇以動。賊酋所至，輒爲之供億隱蔽，以故賊潰而復聚。
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên tứ nguyệt Đinh Tỵ*, quyển 115, sđd, tr. 1469.

còn Trần Quý Khoáng thì cứ thủ ở nơi yếu tái[1] chiến lược, lấy đá lớn đắp cửa biển các nơi, ngăn chặn quân Minh tấn công bằng đường biển.[2] Ngày 17 tháng 7, Trương Phụ và Mộc Thạnh triển khai hành động thanh tiễu quân họ Trần, quân Minh đánh bại Nguyễn Suý ở sông Nguyệt Thường.[3] Trận này, quân họ Trần bại vong thảm hại, quân Trần chiếm giữ ở Thanh Hoá phải lui về phía Nam. Ngày mùng 4 tháng 8, thuỷ quân lục quân của quân Minh ở sông Tây Xước 西綽 châu Diễn, lại đánh bại quân họ Trần, bắt được hơn 160 chiến thuyền.[4] Lúc bấy giờ, quân đội của Trần Quý Khoáng bại như núi lở, đã không còn sức lực để đối kháng với quân Minh, phần nhiều họ đều chạy trốn từ đường biển. Trương Phụ lần lượt phái quan quân trấn giữ các nơi như Nghệ An, Tân Bình... tiếp tục lùng bắt đồng đảng họ Trần.[5]

Vào lúc này, Trần Quý Khoáng chuyển từ đường bộ sang đường biển để tập kết và bổ sung, họ nhanh chóng quay trở lại vùng cửa sông Phú Lương, kêu gọi nhân dân khởi nghĩa chống quân Minh. Lúc này "người Giao Châu, nghe tiếng gió mà đổ theo, tụ tập như bầy ong bầy kiến."[6] khiến cho thành Đông Quan đang bình thường lại rơi vào tình trạng đình đốn, tình thế ngày càng nguy cấp. Còn đại quân của Trương Phụ vẫn đang thanh tiễu dư đảng của Trần Quý Khoáng ở khu vực châu Diễn và Nghệ An. Sau khi tiếp nhận được văn thư báo cấp từ thành Đông Quan, mới quay lại tăng viện. Đánh bại quân họ Trần ở huyện Thạch Thất phía Tây thành Đông Quan, giải cứu được các châu huyện thuộc

1. Yếu tái 要塞: thành trì quan trọng. (NPA)
2. *Việt kiệu thư, Anh Quốc công Trương Phụ tái bình An Nam Trần Quý Khoáng sự tích* 英國公張輔再平安南陳季擴事蹟, quyển 10, sdd.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên thất nguyệt Bính Tý,* quyển 117, sdd, tr. 1488.
4. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Dữ Mạc đại tham huân trai* 與莫大參勳齋, quyển 4, sdd, tr. 3.
5. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Phó Thái Nguyên phủ đồng tri Dương Thần Lãm* 付太原府同知楊臣覽, quyển 7, sdd, tr. 32.
6. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Phụng tống nhung Kiểm quốc công đại nhân* 奉總戎黔國公大人, quyển 4, sdd, tr. 4.

Từ Liêm, Phúc An... đang bị vây khốn.[1] Nhưng Trần Quý Khoáng lại quay về hoạt động ở khu vực giữa châu Diễn và Nghệ An, quân Minh mệt mỏi vì phải chạy riết, nên rơi vào trạng thái bị động.[2]

Do tính đặc thù của điều kiện địa lý An Nam, sông ngòi đan xen chằng chịt toàn cõi, thuyền bè thông suốt khắp mọi nơi; đồng thời động núi trại rừng đặc biệt nhiều, có thể làm nơi ẩn náu; đường bờ biển hết sức rộng lớn, cửa sông cửa biển phân bố khắp nơi, tàu thuyền ra vào dễ dàng. Do đó, Trần Quý Khoáng sử dụng chiến thuật du kích để đối phó với quân Minh, làm tiêu hao sức chiến đấu của chúng. Đúng như Hoàng Phúc nói: "Ta ra chúng vào, ta Đông chúng Tây. Khiến ta bôn ba không ngừng, đảm bảo không hết được. Quân ta ngày một mệt, dân ta ngày một khốn khó, điều này kéo dài mãi."[3] Do quân Minh mệt mỏi bởi rượt Đông đuổi Tây, kết quả đưa đến vấn đề lương thực cung ứng không đủ.[4] Bố chính sứ Hoàng Phúc cho rằng "kế hiện nay, chi bằng đem quân chinh thủ, triệu tập tất cả lại kiểm duyệt số lượng, căn cứ vào tình hình yếu tái ở các nơi mà cấp phát quân đội, hoặc thành trì hoặc rào chắn, đều là kế phòng thủ." Lại chỉ ra rằng "nếu kế ấy không ngoài điều này, duy phải nhanh chóng thành công. Muốn bắt toàn bộ chúng trong một lượt; đất Giao Chỉ, một trận chiến mà ổn định mãi mãi. Hãy dùng kế ban sư lui binh, không mệt nhọc nữa thì lại đánh, kẻ hạ thần ngu muội không mẫn tiệp, không dám hứa vậy."[5] Tuy nhiên, Trương Phụ không tiếp thu ý

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên thập nhất nguyệt Quý Hợi,* quyển 121, sdd, tr. 1523.
2. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Tái phụng tống nhung Kiểm đại nhân* 再奉總戎黔大人, quyển 4, sdd, tr. 5.
3. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Dĩ chiến thủ chi nghị phụng Trần Nhị Khanh* 以戰守之議奉陳貳卿, quyển 4, sdd, tr. 10. Nguyên văn:我出彼入，我東彼西。使我奔赴之不暇，保障之不遍。我軍日疲，我民日弊，此其長也。
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên thập nhất nguyệt Kỷ Tỵ, Nhâm Thân,* quyển 121, tr. 1528-1530.
5. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Dĩ chiến thủ chi nghị phụng Trần Nhị Khanh,* quyển 4, sdd, tr. 10-11. Nguyên văn: 「今之計，莫若將征守之軍，通取見數，相地衝要，量撥軍兵，或城或柵，俱爲守計。」;「若計不出此，惟務速成。欲渠魁之眾，一鼓而成擒；交阯之地，一戰而永定。即用班師，不勞再舉，愚雖不敏，未敢許也。」

kiến trấn thủ quan quân của Hoàng Phúc, ngược lại ông chinh tiễu khắp bốn phương, ý muốn một lần diệt sạch Trần Quý Khoáng.

Tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 10 (1412), Trương Phụ xua binh truy đuổi quân họ Trần đến Hoàng Sơn huyện Nông Cống phủ Thanh Hoá.[1] Sau khi quân Minh đạt được một thắng lợi nhỏ ở đây, tiếp được điệp báo, biết rằng quân của Trần Quý Khoáng đang thoắt ẩn thoắt hiện ở cửa biển Thần Đầu, bèn quay về từ Hoàng Sơn, khi tiến quân đến huyện Yên Mô gặp bọn Nguyễn Suý và đánh nhau.[2] Sau đó, quân họ Trần lui về tập kết trên biển, chiến sự từ đất liền chuyển sang trên biển. Chiến trận trên biển hết sức kịch liệt, bảo rằng "ta với giặc (quân Trần) thuyền liền thuyền, gươm giáo công kích, binh khí tấn công."[3] Ở đây, quân Trần và quân Minh cầm cự lẫn nhau hơn một tháng trời, có thể thấy rằng họ đã được cung cấp vật tư và bổ sung quân lực không dứt tuyệt. Nhưng, chiến dịch cửa biển Thần Đầu, quân của Trần Quý Khoáng bị thương vong cực lớn. Quân Minh thừa thắng tiến xuống phía Nam, đuổi đến vùng phủ Nghệ An.[4] Tháng 9, quân Minh toàn thắng ở cửa biển Hà Hoa 荷花, bắt và chém giết được hơn vạn quân họ Trần, từ đó cho thấy, đây là một cuộc chiến tranh với quy mô lớn.[5]

Sau chiến dịch này, sức quân của Trần Quý Khoáng suy thoái không vực dậy được, đã mất sức kháng cự quân Minh. Hành tung của quân Trần, chỉ có thể chắt lọc và biết được sơ lược từ trong thư của Hoàng Phúc gửi cho Trần Hợp vào tháng 12. Ông nói:

---

1. *Việt kiệu thư, Anh Quốc công Trương Phụ tái bình An Nam Trần Quý Khoáng sự tích,* quyển 10, sđd, tr. 20.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 505. (Mô Độ: bến Yên Mô, ở xã Yên Mô, huyện Yên Mô, nay thuộc huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (chú thích của *Đại Việt sử ký toàn thư,* tr. 340) (NPA)
3. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập niên bát nguyệt Quý Sửu,* quyển 131, sđd, tr. 1615.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 505.
5. *Việt kiệu thư, Anh Quốc công Trương Phụ tái bình An Nam Trần Quý Khoáng sự tích,* quyển 10, sđd, tr. 21.

"Quách chỉ huy phá be đá của họ Trần ở Tân Hoá, bắt được 20 thuyền lớn... phủ Trấn Man thân phúc Trần Khánh Toàn hành tung ẩn hiện, chưa thấy ra binh. Thanh Hoá cũng báo Trần Quý Khoáng lại muốn đi xuống."[1] Kỳ thực thì Trần Quý Khoáng và những người ủng hộ ông đã tan tác không thành quân đội nữa rồi, chỉ có thể lưu động ở khu vực duyên hải. Tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 11 (1413), *Đại Việt sử ký toàn thư* tiết lộ cho chúng ta biết một điều là Trần Quý Khoáng, Nguyễn Suý, Nguyễn Cảnh Dị... thống lĩnh binh sĩ đến các bãi biển Vân Đồn, Hải Đông để trộm lấy lương thực, đồng thời đánh quân Minh ở các đồn thú những bãi biển. Mãi đến ngày mùng 4 tháng 3, Trần Quý Khoáng lại quay về Nghệ An, lúc bấy giờ quân số của ngài "chỉ còn ba bốn phần mười".[2] Từ đó có thể suy luận mà biết, khoảng giữa tháng Giêng đến tháng 3, đôi bên từng xảy ra chiến tranh với nhau, quân họ Trần bị quân Minh đánh bại, Việt sử né tránh không chép. *Minh Thái Tông thực lục* chép ngày 17 tháng Giêng, Giao Chỉ Đô đốc Thiêm sự Giang Hạo bắt được Trần Quý Khoáng và cháu là Trần Nguyên, Thượng thư Giảng Bá Cô, Kim ngô Tướng quân Nguyễn Quyên, Dực Vệ Tướng quân Trần Khoái và Lại bộ Lang trung Lương Duyệt tất cả gồm 54 người.[3] Và trong *Anh Quốc công Trương Phụ tái bình An Nam Trần Quý Khoáng sự tích* chép mùa xuân năm này, bắt được Tướng quân Nguyễn Tông Trừ và hơn 10 người, Trần Quý Khoáng bị đánh bại chạy về Hoá Châu.[4] Nói một cách khác, mùa xuân năm Vĩnh Lạc thứ 11, quân Minh có ít nhất hai lần đánh thắng quân họ Trần, Trương Phụ thừa thế tiến đóng Nghệ An, đồng thời chuẩn bị công kích Trần Quý Khoáng đang thoái thủ thành Hoá Châu.

---

1. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Phụng nhung mộ Trần Nhị Khanh*, quyển 4, sđd, tr. 20.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 506.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhất niên chính nguyệt Đinh Dậu*, quyển 136, tr. 1657.
4. *Việt kiệu thư, Anh Quốc công Trương Phụ tái bình An Nam Trần Quý Khoáng sự tích*, quyển 10, sđd, tr. 21.

Lúc này, Trần Quý Khoáng tự biết rằng mình đã đi đến bước đường cùng, do đó một lần nữa sai Đài quan là Nguyễn Biểu đến cầu phong ở Trương Phụ, nhưng bị Trương Phụ cự tuyệt. Nguyễn Biểu giận mắng Trương Phụ: "Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ." Kết quả, Trương Phụ giết Nguyễn Biểu.[1] Việc này sử nhà Minh không hề chép. Nhưng ngày 19 tháng 11 Minh Thành Tổ từng sắc dụ Trương Phụ và Mộc Thạnh rằng: "Trong số Đầu mục tại Giao Chỉ có những kẻ đã hàng rồi phản, phản rồi xin hàng. Hãy chọn trong số đó một, hai người, tuyên bố ân mệnh của Trẫm tha hết tội, lượng tài cao thấp giao trước chức quan, ngõ hầu yên lòng dân chúng."[2] Lúc này, Minh Thành Tổ hy vọng có thể dẹp bỏ dấy loạn bằng việc ban quan tước bổng lộc. Tháng 6 năm ấy, quân Minh tiến công thành Hoá Châu. Tháng 9, hai bên đụng độ ở Sái Già (sông Ái Tử). Ngày 11 tháng 9, chiến cuộc trở thành thế giằng co. Nhưng đến tháng 12, lòng quân do Nguyễn Suý và Đặng Dung đang nắm trở nên dao động, không còn có thể hợp sức để đối kháng với sức công phá mãnh liệt của quân Minh. Kết quả, quân họ Trần lần lượt bại lui, các tướng chạy

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 506. Tháng 3 (Trùng Quang năm thứ 5 [1413], Minh Vĩnh Lạc năm thứ 11) vua [Trùng Quang Đế] ngự đến Hoá Châu, sai đài quan Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong, mang phương vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Biểu lại, Biểu tức giận mắng Phụ rằng: "Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, lại đặt thành quận huyện, không chỉ cướp bóc của cải châu báu, lại còn tàn hại sinh dân, thực là loài giặc dữ." Phụ nổi giận giết chết. (Nguyên văn: 帝幸化州，命臺官阮表充求封使，貢方物至义安，張輔留之，表怒罵輔曰：「內圖改取之計，外揚仁義之師，既許立陳氏子孫，又設置郡縣，不惟掠取貨寶，抑且残害生民，真虐賊也。」輔大怒，殺之。) Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 346-347. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 451. (NPA)

2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập nhất niên thập nhất nguyệt Ất Mùi,* quyển 145, sđd, tr. 1716. Nguyên văn: 交阯頭目中，有既降復叛，叛而復歸者，可揀拔一二人，宣布朕命，悉宥其罪，量材高下，先授以官，庶幾以安眾心。 Tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo, quyển 2, tr. 8.

trốn tứ tán, sự nghiệp phục quốc của Trần Quý Khoáng không còn hy vọng nữa.[1]

Ngày 17 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), quân Minh truy bắt đám người Trần Quý Khoáng đến tận phía Bắc phủ Tân Bình. Sau đó được biết Nguyễn Cảnh Dị trốn vào trong nước Tiêm Man[2] phía Tây, bèn xua quân về phía Tây, bắt được Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung.[3] Ngày 19 tháng ấy, Nguyễn Suý bị quân Minh bắt ở châu Nam Linh 南靈.[4] Như vậy, các tướng soái chủ yếu của quân họ Trần đã không còn một ai lọt lưới, chỉ có mỗi Trần Quý Khoáng trốn thoát đến Lão Qua. Mùng 10 tháng 3, Trần Quý Khoáng bị quân Minh bắt được.[5] Ngày mùng 2 tháng 8, Trần Quý Khoáng, Nguyễn Suý bị xử tử ở kinh sư.[6] Về cái chết của Trần Quý Khoáng, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng "giữa đường nhảy xuống nước chết",[7] cách nói khác nhau, có thể là sử Việt muốn bảo toàn danh tiết cho Trần Quý Khoáng nên nói vậy.

Nói chung, dòng dõi nhà Trần ở An Nam là Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng, từ tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) trở đi triển khai cuộc đấu tranh phục quốc chống quân Minh, đến tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414) chấm dứt, tổng cộng sáu năm rưỡi. Trong thời gian này, các chiến dịch trọng yếu có khoảng hơn mười lần, dấy loạn trên toàn cõi An Nam, thành Đông Quan

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 507.
2. Hồ Bạch Thảo nghi ngờ: có lẽ đây là một tiểu quốc người Thái giáp nước ta và Lão Qua. (quyển 2, tr. 10) (NPA)
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhị niên chính nguyệt Nhâm Thìn*, quyển 147, sđd, tr. 1727-1728.
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhị niên chính nguyệt Giáp Ngọ*, quyển 147, sđd, tr. 1728.
5. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhị niên tam nguyệt Quý Mùi*, quyển 149, sđd, tr. 1738; xem thêm Chu Mục Khiết 朱睦㮮, *Anh quốc công tặng Định vương Trương Phụ truyện* 英國公贈定王張輔傳 (Tiêu Hoành, *Quốc triều hiến trưng lục*) quyển 5, sđd, tr. 168-175.
6. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhị niên bát nguyệt Tân Sửu*, quyển 154, sđd, tr. 1775.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 508.

(Hà Nội) nhiều lần bị uy hiếp. Trương Phụ phải hai lần thống lĩnh quan quân tinh nhuệ để tăng viện, mới có thể bình định được những cuộc dấy loạn của họ Trần. Từ đó có thể thấy, những cuộc bạo loạn của Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng mang tính uy hiếp nhiều hơn, khó ứng phó hơn cả Lê Quý Ly. Không gì khác hơn cái điều là lòng người nhớ họ Trần, không cam chịu sự thống trị của Trung Quốc.

Phụ lục bản đồ 2:

Bản đồ vị trí chiến tranh kháng Minh của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng

STT	Thời gian		Sự kiện	Địa điểm
	Tây lịch	*Vĩnh Lạc*		
1	2/10/1407	Thứ 5	Trần Giản Định tự lập	Phủ Kiến Bình
2	24/12/1408	Thứ 6	Trận Bô Cô	Phủ Kiến Bình
3	17/3/1409	Thứ 7	Trần Quý Khoáng tự lập	Phủ Nghệ An
4	2/8/1409	Thứ 7	Trận Bàn Than	Phủ Lạng Giang
5	21/8/1409	Thứ 7	Trận Hàm Tử Quan	Phủ Giao Châu
6	1/9/1409	Thứ 7	Trận cửa biển Thái Bình	Phủ Tân An
7	10/11/1409	Thứ 7	Trần Giản Định bị bắt	Châu Quảng Oai
8	9/1/1410	Thứ 8	Trận xã Nghi Dương	Phủ Tân An

9	11/5/1410	Thứ 8	Trận cửa biển Linh Trường	Phủ Thanh Hoá
10	12/5/1410	Thứ 8	Trận La Tân	Phủ Tân An
11	17/7/1411	Thứ 9	Trận sông Nguyệt Thường	Phủ Thanh Hoá
12	4/8/1411	Thứ 9	Trận sông Tây Xước	Châu Diễn
13	6/11/1411	Thứ 9	Trận Thạch Thất	Phủ Giao Châu
14	?/5/1412	Thứ 10	Trận Hoàng Sơn	Phủ Thanh Hoá
15	?/6/1412	Thứ 10	Trận Mô Độ	Phủ Kiến Bình
16	1/8/1412	Thứ 10	Trận cửa biển Thần Đầu	Phủ Kiến Bình
17	?/9/1412	Thứ 10	Trận cửa biển Hà Hoa	Phủ Nghệ An
18	?/7/1413	Thứ 11	Trận Hoá Châu	Phủ Thanh Hoá
19	7/12/1413	Thứ 11	Trận sông Ái Tử	Phủ Thanh Hoá
20	17/1/1414	Thứ 12	Bọn Nguyễn Cảnh Dị bị bắt	La Man Côn Bồ Sách
21	19/1/1414	Thứ 12	Nguyễn Suý bị bắt	Phủ Tân Bình
22	10/3/1414	Thứ 12	Trần Quý Khoáng bị bắt	Lão Qua và Mông Sách
Hình nền lấy từ Bản đồ phụ lục sách *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*				

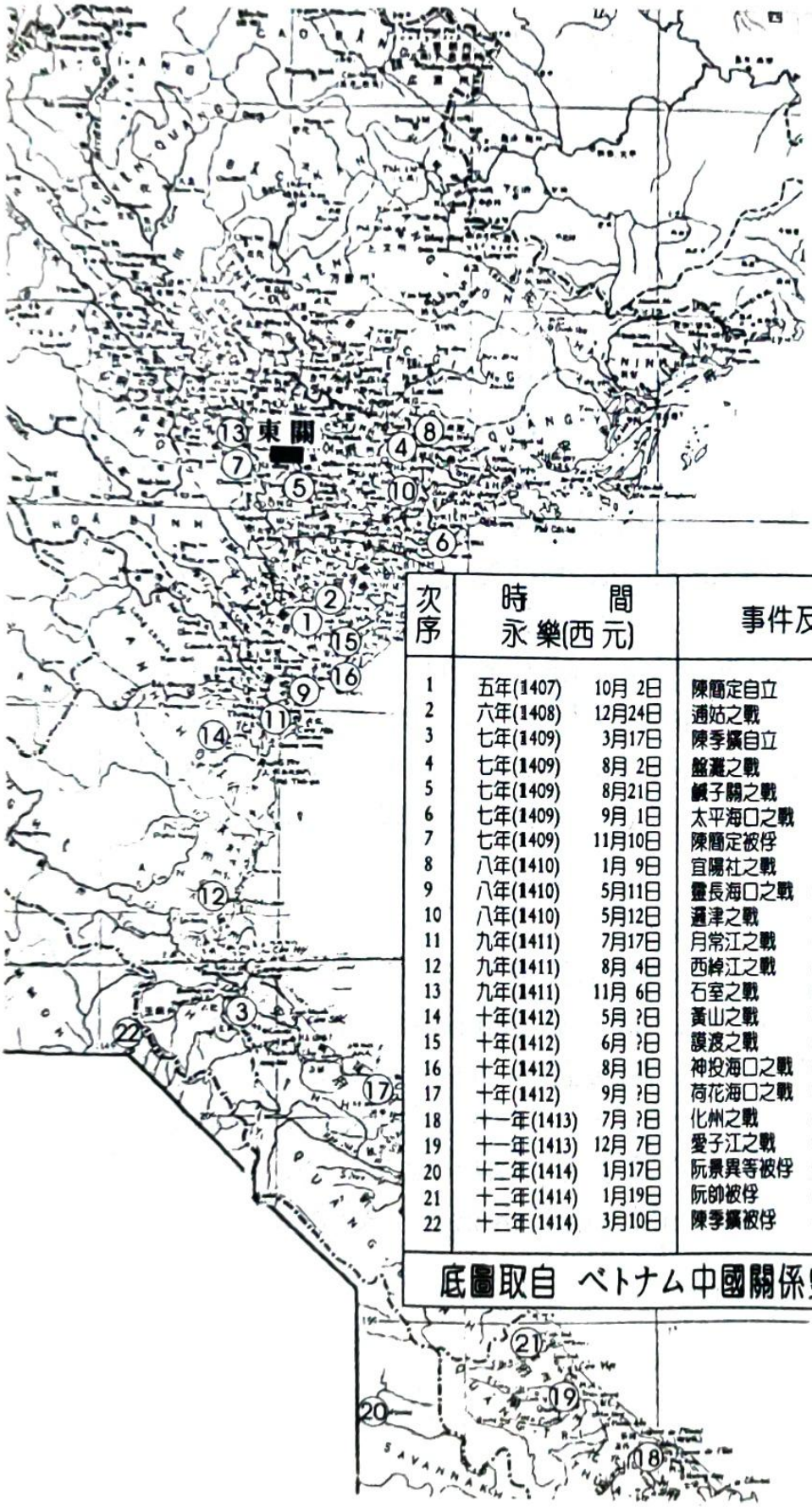

次序	時間 永樂(西元)		事件及地點	
1	五年(1407)	10月 2日	陳簡定自立	(建平府)
2	六年(1408)	12月24日	通姑之戰	(建平府)
3	七年(1409)	3月17日	陳季擴自立	(乂安府)
4	七年(1409)	8月 2日	盤灘之戰	(諒江府)
5	七年(1409)	8月21日	艚子關之戰	(交州府)
6	七年(1409)	9月 1日	太平海口之戰	(新安府)
7	七年(1409)	11月10日	陳簡定被俘	(廣威州)
8	八年(1410)	1月 9日	宜陽社之戰	(新安府)
9	八年(1410)	5月11日	靈長海口之戰	(清化府)
10	八年(1410)	5月12日	邇津之戰	(新安府)
11	九年(1411)	7月17日	月常江之戰	(清化府)
12	九年(1411)	8月 4日	西綽江之戰	(演州府)
13	九年(1411)	11月 6日	石室之戰	(交州府)
14	十年(1412)	5月 ?日	黃山之戰	(清化府)
15	十年(1412)	6月 ?日	謨渡之戰	(建平府)
16	十年(1412)	8月 1日	神投海口之戰	(建平府)
17	十年(1412)	9月 ?日	荷花海口之戰	(乂安府)
18	十一年(1413)	7月 ?日	化州之戰	(順化府)
19	十一年(1413)	12月 7日	愛子江之戰	(順化府)
20	十二年(1414)	1月17日	阮景異等被俘	(灑蠻昆蒲冊)
21	十二年(1414)	1月19日	阮帥被俘	(新平府)
22	十二年(1414)	3月10日	陳季擴被俘	(老撾及蒙冊)

底圖取自 ベトナム中國關係史附圖

3. Những cuộc nổi dậy trên toàn cõi An Nam

Từ tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), sau khi nhà Minh xuống chiếu đổi An Nam làm quận huyện của Trung Quốc, An Nam bắt đầu dấy lên những cuộn sóng chống nhà Minh, nổi dậy liên tục khắp nơi không ngừng. Trong đó, những cuộc nổi dậy quy mô lớn nhất, có thể nói là làm lung lay quyền thống trị của nhà Minh ở An Nam phải tính đến các thế lực phục quốc của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng. Quân Minh phải trải qua 6 năm trời chiến đấu gian khổ, mới có thể đánh tan triệt để lực lượng chống quân Minh của dòng dõi họ Trần. Trên thực tế, trong khi quân Minh chiến đấu với quân của họ Trần, những người bình dân, hào kiệt anh hùng và quan lại ở khắp nơi trên toàn cõi An Nam, hoặc hưởng ứng lời kêu gọi của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng, hoặc là tự mình làm vương, chống quân Minh một cách độc lập. Trong đời Vĩnh Lạc, điều mà quân Minh phải đối mặt đó là những cuộc nổi dậy liên tiếp kéo đến. Trong tình huống này, quân Minh phải bôn ba chạy khắp cõi An Nam. Trong thời gian thống trị của nhà Minh, An Nam rơi vào trong cục diện dấy động bất an.

Căn cứ theo những ghi chép của Việt Nam và Trung Quốc có tổng cộng 64 vị đồng đảng hoặc cầm đầu ở khu vực An Nam trong đời Vĩnh Lạc mà có sử liệu làm chứng cứ. Nay xin làm *"Phụ lục bảng 2: Nổi dậy ở An Nam trong thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)"* và *"Phụ lục bảng 3: Bản đồ cho thấy khu vực nổi loạn ở An Nam thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)"*, để quan sát được cục diện kháng cự khi nhà Minh thống trị An Nam phải đối mặt.

Phụ lục bảng 2:

Nổi dậy ở An Nam trong thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)

STT	Năm Vĩnh Lạc (Tây lịch)	Người lãnh đạo tập đoàn	Địa điểm nổi dậy	Tình hình nổi dậy	Nguồn tư liệu
1	Thứ 5 (1407)	Dư đảng họ Hồ	Châu Thất Nguyên phủ Lạng Sơn	Dư đảng họ Hồ, tụ tập làm giặc cướp. 29/8 Trương Phụ sai Đô đốc Thiêm sự Cao Sĩ Văn 高士文 đi bắt. Sĩ Văn dẫn binh đến châu Quảng Nguyên 廣源, đánh nhau với dư đảng, Sĩ Văn trúng pháo bay chết. Phụ lại sai Đô chỉ huy Trình Đăng 程瑒 dẫn binh đi đánh, sau cùng cũng bình định được.	*Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên bát nguyệt Canh Tuất,* quyển 70, tr. 894. (Trong bảng này sau gọi là *Thực lục*)
2	Thứ 5 (1407)	Trần Giản Định	Huyện An Mô phủ Kiến Bình	Giản Định, dòng dõi họ Trần, thấy quân Minh sau khi bình định được họ Hồ nhưng không ý lập họ Trần, lẻn đến Mô Độ châu Trường Yên phủ Kiến Bình, được Trần Triệu Cơ 陳肇基 người Thiên Trường dẫn dân chúng đến lập làm vua, để kế tục ngôi vua họ Trần, đổi niên hiệu là Hưng Khánh. Đến ngày 10 tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 7 bị quân Minh bắt.	*Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển 9, tr. 497. (Trong bảng này sau gọi là *Toàn thư*)

3	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Thôi 陳元淮	Châu Tam Đới phủ Giao Châu	Trần Nguyên Khoáng 陳元擴 và Nguyễn Đa Bí 阮多秘 tụ tập quần chúng làm loạn, cướp bóc lương dân, cầm đầu đảng ấy là Trần Nguyên Thôi bị bắt xử tử.	*Hoàng Trung Tuyên công văn tập*, quyển 7, tr. 2-3. (Trong bảng này sau gọi là *Hoàng văn tập*)
4	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Tốn 陳元撙	Châu Hạ Hồng phủ Tân An	Trần Nguyên Tốn bội nghĩa làm ác, sách nhiễu lương dân, không thể canh cửi.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 2-3.
5	Thứ 6 (1408)	Trần Nguyên Lộc 陳元祿	Huyện Tuyên Hoá phủ Thái Nguyên	Trần Nguyên Lộc dấy loạn, năm này bị quân Minh bắt sống.	*Hoàng văn tập*, quyển 3, tr. 15.

6	Thứ 6 (1408)	Bạch Sư Nhiễm 白師染	Huyện Ma Lung châu Quảng Oai	Trần Sư Nhiễm làm loạn ở Ma Luân 麻輪 (tức Ma Lung 麻籠) bị quân Minh giết, nhưng vẫn chưa hoàn toàn bình ổn.	*Hoàng văn tập*, quyển 3, tr. 15.
7	Thứ 6 (1408)	Phạm Thế Căng	Phủ Thanh Hoá	Phạm Thế Căng từng quy hàng quân Minh, Trương Phụ giao làm tri phủ phủ Tân Bình, nhưng sau khi Thế Căng nhận quan chức của nhà Minh xong thì lại tiếm xưng là Duệ Vũ Đại Vương 睿武大王, đóng ở núi An Đại安代 làm loạn. Vì có xích mích với Trần Giản Định, kết quả là bị Giản Định giết chết.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 498.
8	Thứ 7 (1409)	Trần Quý Khoáng	Phủ Nghệ An	Trần Quý Khoáng là cháu gọi Giản Định bằng chú. Giản Định mắc mưu sàm tấu giết chết Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất. Con họ là Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung ủng lập Trần Quý Khoáng lên ngôi ở Chi La phủ Nghệ An, đổi niên hiệu là Trùng Quang. Tôn Giản Định làm Thượng hoàng, tổ chức vận động kháng quân Minh. Đến năm Vĩnh Lạc thứ 12 mới bị quân Minh bắt.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 500.

9	Thứ 7 (1409)	Nguyễn Công Trà 阮公茶	Huyện Tuyên Hoá phủ Thái Nguyên	Nguyễn Công Trà kêu gọi các thổ quan các huyện Thái Nguyên dấy loạn chống nhà Minh.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 4.
10	Thứ 8 (1410)	Trần Quán 陳貫	Phủ Trấn Man	Trần Quán làm loạn, bị thổ quan là Nguyễn Hy Cấp 阮希伋 bắt.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 10.
11	Thứ 8 (1410)	Nguyễn Đa Cấu 阮多構	Phủ Kiến Bình	Nguyễn Đa Cấu làm loạn ở phủ Kiến Bình, nhưng không bị quân Minh bắt, chỉ là nghe thế lớn mạnh ở đằng xa thì chạy, hiển nhiên cái loạn ấy không thôi được.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 10.
12	Thứ 8 (1410)	Ông Lão 翁老	Huyện Động Hỷ phủ Thái Nguyên	Vốn dĩ Ông Lão làm loạn ở huyện Động Hỷ, ngày 10 tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 8 bị thổ quan phủ Thái Nguyên của quân Minh là Ma Bạch Hổ lãnh quân đánh giết, tan vỡ. Sau đó, ông tụ tập dân chúng lại ngày cướp huyện Ty Nông, đêm tập kích huyện Động Hỷ, hơn nữa còn cấu kết với giặc áo đỏ cướp bóc lương dân. Nhà Minh đưa quan quân đi thanh tiễu, sau 2 năm mới bình định được việc loạn này.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 3 & 8; quyển 7, tr. 12 & 26.

13	*Thứ 8 (1410)*	*Vi Quảng Liêu* 韋廣僚	*Huyện Đồng phủ Lạng Sơn*	*Vi Quảng Liêu* từng nhận lệnh làm thổ quan. Nhưng vì ngoài mặt Vi tuân mệnh làm quan, nhưng bên trong lại theo nghịch tặc, đoạt của lương dân và mưu sát quan lại.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 13
14	Thứ 8 (1410)	Hoàng Thiêm Hựu 黃添祐	Châu Hạ Văn phủ Lạng Sơn	Châu Hạ Văn giáp ranh huyện Đồng, chắc chắn là Hoàng Thiêm Hựu có cấu kết với Vi Quảng Liêu làm loạn.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 13.
15	Thứ 8 (1410)	Nguyễn Nguyên Hách 阮元赫	Huyện Thoát phủ Lạng Sơn	Huyện Thoát nằm ở biên giới phía Bắc Khưu Ôn, Nguyễn Nguyên Hách từng làm thổ quan, nhưng đến lúc ấy thì phản.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 13.
16	Thứ 8 (1410)	Ma Tông Kế 麻宗繼	Phủ Tuyên Hoá	Ma Tông Kế vốn dĩ làm loạn ở huyện Thoát, gặp quan quân chinh tiễu, nghe thế mạnh xa xa bèn bỏ trốn, làm loạn ở khắp nơi, quân Minh khổ cực không có đối sách.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 17.

17	Thứ 8 (1410)	Giặc áo đỏ (Hồng y tặc 紅衣賊)	Phủ Thái Nguyên	Giặc áo đỏ dấy từ năm Vĩnh Lạc thứ 8, rất sôi động ở biên giới phủ Thái Nguyên, tấn công cướp các hương huyện, lại cấu kết với Ông Lão làm loạn. Tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 9, Mộc Thanh dẫn binh tinh nhuệ liên kết với thổ quan Thái Nguyên đi chinh tiễu, loạn giặc áo đỏ vừa hơi tắt. Sau năm Vĩnh Lạc thứ 10, giặc áo đỏ chuyển hướng phát triển xuống phương Nam, đồng thời cấu kết với thổ quan Phan Liêu潘僚, Trần Trực Thành 陳直誠 làm loạn.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 14; quyển 7, tr. 18 & 32-33. *Thực lục*, quyển 218, *Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu*, tr. 2165; *Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Bính Ngọ*, tr. 2167.
				Năm Vĩnh Lạc thứ 17, cầm đầu giặc áo đỏ Nữu Môn 扭門 và Diệp Để 葉底 bị quân Minh bắt sống, sự loạn này mới bắt đầu tắt, trải 9 năm.	
18	Thứ 9 (1411)	Lê Mão 黎卯	Châu Lợi Nhân phủ Giao Châu	Lê Mão làm loạn ở châu Lợi Nhân, bị thổ quan bắt chém.	*Hoàng văn tập*, quyển 3, tr. 28.

19	*Thứ 9 (1411)*	*Đinh Bổ 丁蒲*	*Châu Khoái phủ Kiến Xương*	*Đinh Bổ đợi cơ hội làm loạn, Bố chính ty Hoàng Phúc kêu gọi vỗ yên không chịu ra.*	*Hoàng văn tập*, quyển 3, tr. 28.
20	Thứ 9 (1411)	Dương Cao Thiên 楊高天	Châu Vạn Nhai phủ Lạng Sơn	Dương Cao Thiên đóng cứ ở Quán Vọng, và sau đó quy phụ quân Minh.	*Hoàng văn tập*, quyển 3, tr. 28; quyển 7, tr. 34.
21	Thứ 9 (1411)	Bạch Sư Điểm 白師點	Huyện Ma Lung châu Quảng Oai	Nhân cơ hội quân Minh đến phủ Thái Nguyên tiễu trừ giặc áo đỏ, Bạc Sư Điểm thừa sơ hở làm loạn, năm Vĩnh Lạc thứ 10 quy phụ thổ quan Minh.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 5 & 14.

22	Thứ 9 (1411)	Trần Tôn Nhân 陳存仁	Châu Hạ Hồng phủ Tân An	Trần Tôn Nhân thừa sơ hở làm loạn, chưa được bao lâu thì quy phụ, hiển nhiên là sau đó làm giặc với quân Minh.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 5.
23	Thứ 10 (1412)	Nguyễn Nhuế 阮芮	Huyện Đại Từ phủ Thái Nguyên	Thái Nguyên Đại Từ phụ đạo Nguyễn Nhuế khởi binh, qua lại giữa ba sơn đảo, bị Trương Phụ bắt.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 504.
24	Thứ 10 (1412)	Nông Văn Lịch 農文歷	Phủ Lạng Sơn	Năm này, Nông Văn Lịch tụ binh đóng cứ ở phủ Lạng Sơn, chặn đứng đường bộ vào An Nam, quấy nhiễu thổ quan tới lui, đến năm Vĩnh Lạc thứ 18, việc loạn ấy vẫn chưa bình định.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 504; *Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu*, quyển 218, tr.2165; *Vĩnh Lạc thập bát niên ngũ nguyệt Đinh Sửu*, quyển 225, tr. 2211.

25	Thứ 10 (1412)	Nguyễn Liễu 阮了	Huyện Lục Na phủ Lạng Sơn	Nguyễn Liễu kêu gọi dân huyện Lục Na, Vũ Lễ... đánh cướp người Minh hơn 4 năm. Sau đó bị thổ quan Mô Huân Trai khuyến dụ động lòng, quy hàng nhà Minh.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 506; *Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 9.
26	Thứ 10 (1412)	Lưu Phụng 劉奉	Châu Quảng Oai	Lưu Phụng cướp bóc ở châu Quảng Oai, quân Minh tăng cường chinh tiễu, nhưng chưa thể dẹp sạch loạn ấy.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 14.
27	Thứ 10 (1412)	Giáp Giang 甲江	Phủ Lạng Giang	Giáp Giang làm loạn ở phủ Lạng Giang, không muốn hàng phụ.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 34.
28	Thứ 10 (1412)	Phạm Khang 范康	Huyện Phù Lưu phủ Giao Châu	Phạm Khang làm loạn ở Phù Lưu, không hàng.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 34.

29	Thứ 10 (1412)	Trần Nguyên Hiến 陳原憲	Châu Tam Đái phủ Giao Châu	Trần Nguyên Hiến làm loạn ở Tam Đới, không hàng.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 34.
30	Thứ 10 (1412)	Lê Nhuỵ 黎蘂	Huyện Thanh Oai phủ Giao Châu	Lê Nhuỵ từng giết cha con Đô ty Lư Vượng 盧旺, đóng ở huyện Từ Liêm làm loạn, không hàng.	*Hoàng văn tập*, quyển 7, tr. 34; *Toàn thư*, quyển 9, tr. 502.
31	Thứ 11 (1413)	Trần Lỗi 陳磊	Phủ Trấn Man	Trần Lỗi cứ ở phủ Trấn Man đón giết những quan lại tới lui, để đánh bại sự thống trị của nhà Minh ở An Nam.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 22.
32	Thứ 12 (1414)	Nguyễn Tông Biệt 阮宗別	Châu Hạ Hồng phủ Tân An	Nguyễn Tông Biệt triệu tập hơn ngàn người khởi sự ở châu Hạ Hồng, cầm đầu dấy loạn, Trần Lỗi lấy Tông Biệt làm phương hướng.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 31.

33	Thứ 12 (1414)	Trần Nguyên *陳元	Châu Tĩnh An phủ Tân An	Trần Nguyên* tức là em trai của Trần Quý Khoáng, sau khi Quý Khoáng thất bại, chạy đến châu Tĩnh An làm loạn. Bố chính ty Hoàng Phúc rất lo lắng về hoạt ông của ông ta.	*Hoàng văn tập*, quyển 4, tr. 54.
34	Thứ 13 (1415)	Trần Nguyệt Hồ	Huyện Lỗi Giang phủ Thanh Hoá	Trần Nguyệt Hồ tự xưng là Nguyệt Hồ Vương, kêu gọi người man Lỗi Giang làm loạn, bị quân Minh tiễu bình, giải về kinh sư giết.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập tam niên thập nguyệt Ất Sửu*, quyển 169, tr. 1881.
35	Thứ 14 (1416)	Tân An Binh	Huyện Tân An phủ Tân An	Binh huyện Tân An làm loạn, bị Trương Phụ bình định.	*Toàn thư*, quyển 9, tr. 510.
36	Thứ 15 (1417)	Nguyễn Trinh 阮貞	Huyện Lục Na phủ Lạng Giang	Nguyễn Trinh kêu gọi quân chúng làm loạn ở huyện Lục Na, giết cướp người và súc vật, bị quân Minh bắt, thị chúng để cảnh cáo người Giao Chỉ.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập ngũ niên ngũ nguyệt Bính Dần*, quyển 189, tr. 2008.

37	Thứ 15 (1417)	Lê Hạch 黎核	Châu Thuận phủ Thuận Hoá	Năm này hai phủ Thuận Hoá và Tân Bình bỗng nhiên nổi loạn, thổ quan hào hùng lũ lượt phản biến chống Minh. Người Thuận Châu Giao Chỉ là Lê Hạch, Phan Cường cùng với Thổ quan đồng tri Trần Khả Luận 陳可論, Phán quan Nguyễn Chiêu 阮昭, Chủ bạ Phạm Khả Hoãn 范馬緩, Thiên hộ Trần Não 陳惱, Bá hộ Trần Ngô Sài 陳吾儕, Nam Linh châu Phán quan Nguyễn Nghĩ 阮擬, Tả Bình huyện Tri huyện Phạm Bá Cao, Huyện thừa Võ Vạn 武萬, Bá hộ Trần Ba Luật 陳巴律 làm loạn. Đốt thành rào, dinh xá hai châu, giết quan lại, tiếm xưng danh hiệu, đông hơn ngàn người. Quân Minh chinh tiễu, giết Lê Hạch tại trận và nghịch đảng của hắn hơn 500 người. Bắt sống Phan Cường, Trần Khả Luận, Nguyễn Chiêu, Phạm Mã Hoãn, Phạm Bá Cao, Vũ Vạn đều theo pháp mà giết đi. Đây là một lần bạo động thổ quan với quy mô lớn, nhưng nhanh chóng bị quân Minh bình định.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập ngũ niên lục nguyệt Đinh Dậu,* quyển 190, tr. 2011.

38	*Thứ 15 (1417)*	*Trần Ba Luật*	Châu Nam Linh phủ Tân Bình	*Trần Ba Luật tuy chưa bị quân Minh bắt, hai năm sau dư đảng chúng cũng bị quân Minh đánh tan.*	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Quý Dậu*, quyển 219, tr. 2171.
39	Thứ 15 (1417)	Dương Tiến Giang 楊進江	Bắc Trú Trại	Chu Quảng 朱廣 nhà Minh công phá Bắc Trú Trại, bắt Tiến Giang, chém thị chúng, dư đảng tan tác. Chu Quảng lúc này vẫn đang ở giữa Thuận Hoá và Nam Linh thảo phạt Trần Ba Luật, Bắc Trú Trại có lẽ là trong khu vực này.	*Thực Lục, Vĩnh Lạc thập ngũ niên thập nguyệt Quý Mùi,* quyển 193, tr. 2035.
40	Thứ 16 (1418)	Lê Lợi 黎利	Huyện Nga Lạc phủ Thanh Hoá	Lê Lợi xưng Bình Định Vương, khởi binh ở Lam Sơn. Theo niên gián Vĩnh Lạc phạm vi hoạt động của Lê Lợi chủ yếu là ở giữa vùng núi Lam Sơn và núi Chí Linh biên giới phía Tây Thanh Hoá.	*Toàn thư*, quyển 10, tr. 516.
41	Thứ 16 (1418)	Xa Miên Tử 車綿子	Huyện Tứ Mang châu Gia Hưng	Thổ quan tri huyện Xa Miên, Xa Tam làm phản giết lưu quan Tri huyện Âu Dương Trí 歐陽智, quân Minh chinh tiễu, bọn Gia Tam trốn, vào núi rừng hiểm trở, chướng ngại trùng trùng, quan quân tìm không được, đành sai người gọi phủ dụ để cho yên lòng.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập lục niên nhị nguyệt Tân Sửu,* quyển 197, tr. 2063.

42	Thứ 17 (1419)	Phan Liêu 潘僚	Huyện Vệ Nghĩa phủ Nghệ An	Thổ quan Phan Liêu bị Trung quan Mã Kỳ 馬騏 lăng nhục ngược đãi, cấu kết với Thổ quan Thiên hộ Trần Đài 陳苔 đốt cướp châu huyện, giết quan lại. Lý Bân thống lĩnh quân chinh phạt. Liêu và Lộ Văn Luật 路文律, Cầm Quý 琴貴 liên kết chống quân Minh, đồng thời dẫn cho giặc áo đỏ kháng quan quân, kết quả bị quân Minh đánh bại. Liêu trốn ở Lão Qua không dám ra.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên bát nguyệt Quý Mùi,* quyển 215, tr. 2152; *Thập nhất nguyệt Bính Ngọ*, quyển 218, tr. 2167; *Vĩnh Lạc thập cửu niên chính nguyệt Kỷ Tỵ*, quyển 233, tr. 2248.
43	Thứ 17 (1419)	Lộ Văn Luật	Phủ Nghệ An	Thổ quan chỉ huy Lộ Văn Luật theo Phan Liêu khởi sự. Sau đó thế lực suy thoái, trốn ở Lão Qua.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên bát nguyệt Quý Mùi,* quyển 215, tr.2152.
44	Thứ 17 (1419)	Phạm Nhuyễn 范軟	Huyện Nga Lạc phủ Thanh Hoá	Phạm Nhuyễn tụ tập quần chúng chiếm lĩnh Cự Lạc sách huyện Nga Lạc, Đô chỉ huy Từ Nguyên 徐源 dẫn quan quân chém thị chúng.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nguyệt Nhâm Thân,* quyển 217, tr. 2161.

45	Thứ 17 (1419)	Trần Trực Thành 陳直誠	Huyện Kệ Giang phủ Nghệ An	Trần Trực Thành và em trai nguỵ xưng là Kim Ngô Tướng quân làm loạn với giặc áo đỏ, giết Tuần kiểm Trương Tú. Sau bị quân Minh bình định.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu, Bính Ngọ,* quyển 218, tr. 2165 & 2168.
46	Thứ 17 (1419)	Vũ Cống 武貢	Huyện Phù Lưu phủ Diễn Châu	Vũ Cống hộ Đào Kim của huyện Kệ Giang cùng với kỳ lão Hoàng Nhữ Điển tụ tập quần chúng đốt huyện Phù Lưu.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu,* quyển 218, tr. 2165.
47	Thứ 17 (1419)	Trần Đại Quả 陳大果	Châu Vũ Ninh phủ Bắc Giang	Trần Đại Quả làm loạn, giết và làm bị thương quan binh, bị quân Minh bình định.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu,* quyển 218, tr. 2165.

48	Thứ 17 (1419)	Nguyễn Đặc 阮特	Khoái Châu phủ Kiến Xương	Nguyễn Đặc làm loạn ở Khoái Châu, bị quân Minh bình định	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu,* quyển 218, tr. 2165.
49	Thứ 17 (1419)	Ngô Cự Lai 吳巨來	Huyện Thiện Đảm phủ Bắc Giang	Ngô Cự Lai tiếp nối làm loạn, giết và làm bị thương quan binh, sau đó bị quân Minh bình định.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu,* quyển 218, tr. 2165.
50	Thứ 17 (1419)	Trần Thuận Khánh 陳順慶	Châu Nam Linh phủ Tân Bình	Thiên hộ Trần Thuận Khánh làm loạn, bị quân Minh bắt chém.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Bính Ngọ,* quyển 218, tr. 2168.
51	Thứ 17 (1419)	Trịnh Công Chứng 鄭公證	Huyện Đồng Lợi phủ Tân An	Trịnh Công Chứng hộ Đào Kim tụ tập quần chúng hơn ngàn người, đốt các huyện Đồng Lợi, Đa Dị, giết quan lại, bị quân Minh giết.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Tân Sửu,* quyển 218, tr. 2165.

52	Thứ 17 (1419)	Đào Cường 陶強	Huyện Thiện Tài phủ Bắc Giang	Đào Cường khởi binh ở huyện Thiện Tài, từng đánh bại quan quân, muốn qua sông Phú Lương để đánh thành Đông Quan, bị quan quân chặn đứng, sau đó theo Phạm Ngọc làm loạn.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhất nguyệt Mậu Thìn,* quyển 218, tr. 2169.
53	Thứ 17 (1419)	Lê Điệt 黎姪	Huyện Kiến Xương phủ Kiến Xương	Lê Điệt vốn là đồng đảng của Trịnh Công Chứng, Công Chứng chết, Điệt trốn đi, thế lực lớn. Giao Chỉ Đô chỉ huy Trần Trung đánh bại giặc đảng Lê Điệt ở sông Tiểu Hoàng huyện Kiến Xương. Bắt sống hơn 350 người, đốt hơn 160 thuyền giặc, đuổi đến xã Cổ Lôi huyện Tây Chân phủ Phụng Hoá. Rồi đánh một trận ác chiến với Lê Điệt. Đến năm Vĩnh Lạc thứ 18, quân Minh mới đánh bại quân Điệt ở huyện Đình Hà phủ Trấn Man, giết và bắt được hơn 600 người. Áp giải Lê Điệt về kinh. Tuy không có tư liệu nào chép Lê Điệt xưng đế, nhưng đồng đảng đều có tướng quân xưng hiệu, Điệt là đầu đảng, đương nhiên từng tự lập xưng đế.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Quý Dậu, Tân Tỵ,* quyển 219, tr. 2169 & 2173; *Vĩnh Lạc thập bát niên thập tứ nguyệt Nhâm Dần,* quyển 224, tr. 2205.

54	Thứ 17 (1419)	Đinh Tông Lão 丁宗老	Huyện Đại Loan phủ Kiến Bình	Ngày 8/12, Đinh Tông Lão tạo phản ở biên giới phủ Kiến Bình, bị chính quyền địa phương thảo phạt bình loạn. Quân Minh chém hơn 400 người, và bêu đầu thị chúng.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Mậu Dần, Tân Tỵ,* quyển 219, tr. 2173.
55	Thứ 17 (1419)	Phạm Thiện	Châu Đông Triều phủ Tân An	Ngày 15/12, Phạm Thiện bị Lý Bân bắt ở châu Đông Triều. Ban đầu Phạm Thiện và Đào Thừa khởi loạn. Sau đó theo Phạm Ngọc làm loạn, đến năm này thì bị bắt.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Mậu Dần, Ất Dậu,* quyển 219, tr. 2174.
56	Thứ 17 (1419)	Phạm Ngọc 范玉	Huyện An Lão phủ Tân An	Sư chùa Đồ Sơn là Phạm Ngọc tự xưng là La Bình Vương, lấy niên hiệu là Vĩnh Ninh, tụ tập quần chúng đông đảo làm loạn, được người ủng hộ làm phản là Đào Cương và Phạm Thiện ủng hộ, thế lực ngày một lớn, đến năm Vĩnh Lạc thứ 18 bị quân Minh bắt, áp giải về kinh sư.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Ất Dậu, Bính Thân, Mậu Tuất,* quyển 219, tr.2174, 2180, 2181; và *Vĩnh Lạc thập bát niên tứ nguyệt Mậu Ngọ,* quyển 224, tr. 2206

57	Thứ 17 (1419)	Vũ Liên 武連	Châu Hạ Hồng phủ Lạng Giang	Vũ Liên, Vũ Lợi tụ tập quần chúng làm loạn, chẳng sợ quân Minh.	*Hoàng văn tập,* quyển 4 tr. 46.
58	Thứ 17 (1419)	Dương Cung 楊恭	Huyện Phụng Sơn phủ Lạng Giang	Dương Cung, Nguyễn Đa đều tự xưng vương, tụ tập quần chúng làm loạn, bị quân Minh thảo phạt bình định, áp giải về kinh sư.	*Minh sử, An Nam truyện*, quyển 321, tr. 8320. *Thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên ngũ nguyệt Nhâm Ngọ*, quyển 225, tr. 2212; *Vĩnh Lạc thập cửu niên Kỷ Mão*, quyển 242, tr. 2290.

59	Thứ 17 (1419)	Trần Nhuế	Hoàng Giang phủ Trần Xương	Trần Nhuế thấy quân thủ nhà Minh ở thành Đông Quan chỉ còn những quân suy yếu, nên khởi binh làm phản.	*Toàn thư,* quyển 10, tr. 517.
60	Thứ 18 (1420)	Cấn Sư Lỗ 艮師魯	Huyện Thạch Thất phủ Giao Châu	Cấn Sư Lỗ tụ tập quần chúng làm loạn, bị quân Minh đánh bại chạy trốn.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên chính nguyệt Quý Mão,* quyển 220, tr. 2185.
61	Thứ 18 (1420)	Phạm Công Trịch 范公擲	Châu Oai Man	Phạm Công Trịch tụ tập quần chúng làm loạn, nghe quân Minh đuổi đến, bèn chạy về Khoái Châu.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên chính nguyệt Quý Mão,* quyển 220, tr. 2185.

62	Thứ 18 (1420)	Lê Ngã 黎俄 (Dương Cung 楊龔)	Thành Xương Giang phủ Lạng Giang	Lê Ngã tự xưng Thiên Thượng Hoàng đế, đổi hiệu là Vĩnh Thiên, có hơn vạn người theo, đốt thành Xương Giang, cướp Bình Than. Quân Minh chinh tiễu, Ngã trốn đi.	*Toàn thư,* quyển 10, tr. 518.
63	Thứ 18 (1420)	Nguyễn Thuật 阮述	Hoàng Giang phủ Kiến Xương	Nguyễn Thuật tụ tập quần chúng nhiễu loạn cướp bóc châu huyện, giết Tả tham chính Hầu Bảo.	*Thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên ngũ nguyệt Canh Dần,* quyển 225, tr. 2213.
64	Thứ 22 (1424)	Đinh Sĩ Nghiệm 丁仕驗	Huyện Lục Na phủ Lạng Giang	Đinh Sĩ Nghiệm tụ tập dân chúng cướp huyện Lục Na, bị Thiêm sự Trần Lân dẫn quân đi bắt.	*Thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên nhị nguyệt Quý Mão,* quyển 286, tr. 2429.

Phụ lục bản đồ 3:

Bản đồ cho thấy khu vực nổi loạn
ở An Nam thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)

Chú thích bản đồ

■ Đông Quan
● Địa điểm dấy loạn

Chữ số là thứ tự của những cuộc dấy loạn nổ ra, đối chiếu "phụ lục bảng 2".

Hình nền lấy từ Bản đồ phụ lục
sách *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*

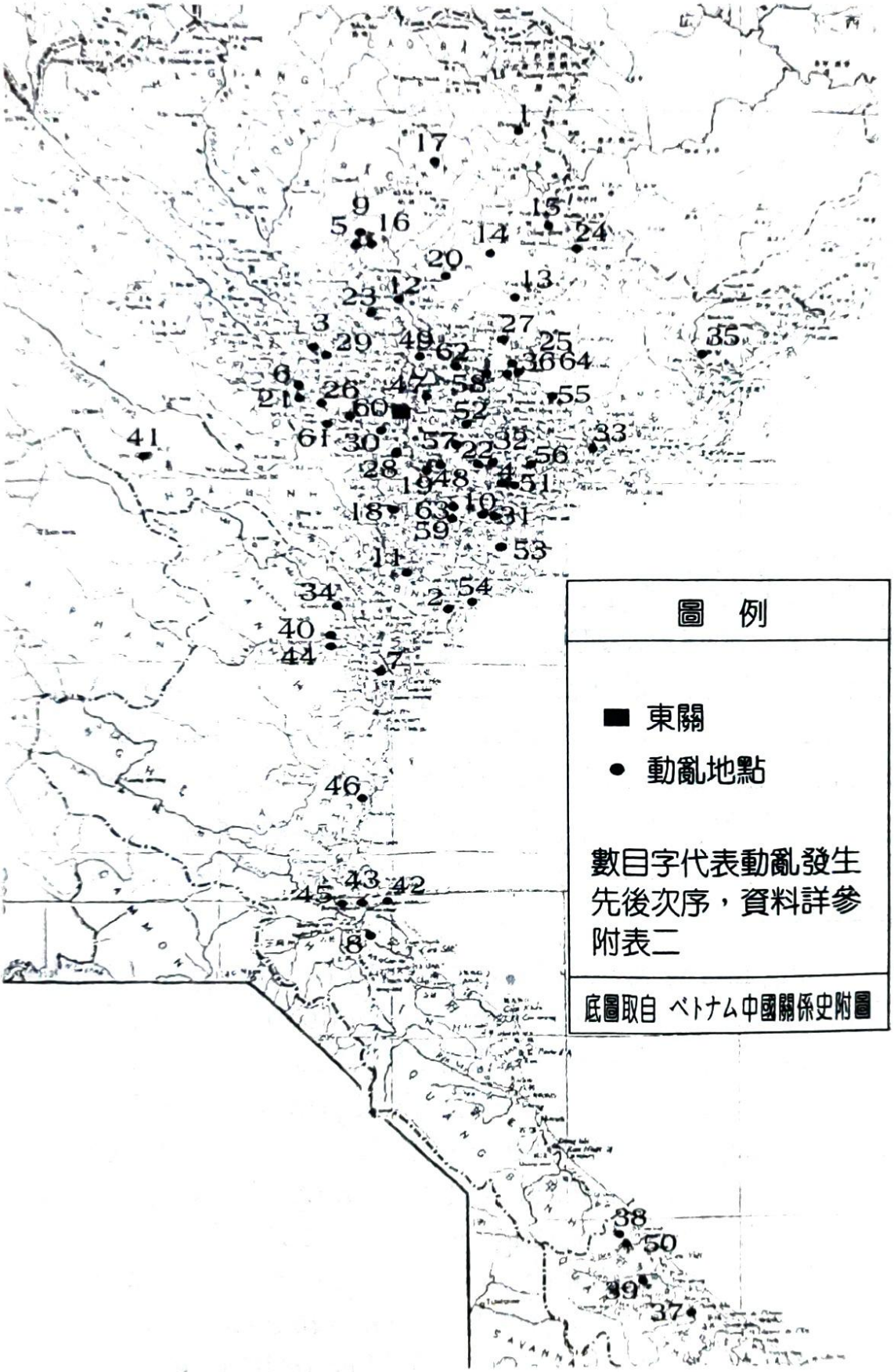
圖 例
東關
動亂地點
數目字代表動亂發生先後次序，資料詳參附表二
底圖取自 ベトナム中國關係史附圖

Từ những tư liệu được thể hiện trong bảng biểu trên, tuy rằng lực lượng chống quân Minh lớn nhất đó là Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng đã bị đánh tan vào năm Vĩnh Lạc thứ 12, nhưng sự nổi dậy vẫn cứ chỗ nổi chỗ chìm trên toàn cõi. Từ năm Vĩnh Lạc thứ 13 đến 22 (1415-1424), có 31 vị lãnh đạo chống nhà Minh mới nổi. Có thể thấy rằng, tình hình người An Nam phản kháng nhà Minh lúc bấy giờ hết sức phổ biến. Căn cứ vào sử liệu cho thấy, lai lịch của những lãnh đạo chống nhà Minh, bình dân chiếm 39 người, thổ quan và thổ binh chiếm 11 người, số còn lại là biên dân, Đào Kim hộ, tăng lữ... Nói cách khác, nhân dân ở tất cả các giai tầng đều không chịu sự thống trị của nhà Minh. Trong đó, các đoàn thể chống nhà Minh có quy mô và tổ chức hơn, có thế lực mạnh hơn, đủ để tạo nên uy hiếp với quân Minh, gồm có: Ông Lão, giặc áo đỏ, Nông Văn Lịch, Trần Nguyệt Hồ, Trần Ba Luật, Lê Lợi, Lộ Văn Luật, Trịnh Công Chứng, Lê Điệt, Phạm Ngọc, Nguyễn Đa, Dương Cung, Lê Ngã... Họ đều xưng hùng ở nơi cứ địa, làm tướng làm quan, hoặc tự phong làm vương làm đế, chỉnh tề như một chính quyền nhỏ. Đối với những sự dấy loạn này, đầu tiên nhà Minh sẽ lấy quan tước để khuyến dụ họ quy phụ, cuối cùng là dùng quân sự để trấn áp ngăn chặn sự nâng cấp của dấy loạn. Nhưng, dấy loạn chống quân Minh không vì thế mà giảm yếu.

Trong những người chống nhà Minh này, ngoài Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng có lời kêu gọi quần tụ kháng Minh ra, thì những người khác phần lớn đều là những lớp người bình thường, thiếu lý tưởng. Chính là những thổ quan phản loạn, do chức vụ thấp bé, sức ảnh hưởng chỉ đến một hương một huyện. Do đó, những người dấy loạn không thống nhất được với nhau, từng cá nhân làm loạn riêng biệt. Mục tiêu của họ là cướp bóc châu huyện, rù quến hương dân, đánh quân Minh và quan lại của chúng, những hành động này khiến cho công việc chinh tiễu của quân Minh trở nên rất là khốn đốn. Theo tư liệu hiển thị, những khu vực động loạn nhiều nhất là các phủ Lạng Giang, Tân An,

Giao Châu, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kiến Xương... và những nơi này đều là những châu huyện mà trọng binh của quân Minh đóng thủ, nhưng vẫn không thể ngăn chặn được tinh thần kháng Minh của người An Nam.

Thống kê theo tư liệu ghi chép, trong đời Vĩnh Lạc, trong nội bộ An Nam có 15 phủ và hai châu trực thuộc từng nổ ra những sự kiện động loạn. Giả dụ như mỗi một nhóm kháng Minh chỉ cần dấy động một lần, vậy mỗi năm quân Minh cũng phải xuất binh trấn áp những kẻ chống đối mình tới 3,8 lần. Trên thực tế thì như những chiến dịch Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng với quân Minh đã có đến 16 lần. Còn những lực lượng kháng Minh khác như: Ông Lão, giặc áo đỏ, Nông Văn Lịch, Lê Lợi... có thời gian hoạt động hơi dài. Quân Minh phải thường xuyên trấn áp khắp nơi mới có thể ngăn chặn được sự lan rộng của động loạn.

Nói chung, thời kỳ đầu nhà Minh thống trị An Nam, do lời kêu gọi kháng Minh phục quốc của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng, lòng dân thừa thế dấy loạn, do đó mà những người khởi sự vô cùng nhiều. Lúc bấy giờ, quân Minh chỉ có thể toàn sức đối phó với quân của họ Trần, không rảnh rang để quan tâm đến những kẻ kháng nhà Minh khác. Cho đến khi Trần Quý Khoáng bị bắt, quân Minh mới có dư sức để trấn áp những kẻ dấy động khác. Còn người An Nam sợ nhất đó là quân kinh tinh huệ của Trương Phụ. Do đó, mỗi lần mà Trương Phụ tiễu loạn hay trấn áp ở An Nam, thì những cuộc dấy loạn cũng giảm xuống tương ứng. Năm Vĩnh Lạc thứ 14 (1416), đột nhiên Minh Thành Tổ gọi gấp Trương Phụ về kinh, lòng người An Nam dấy lên, lại một lần nữa bùng nổ động loạn với quy mô lớn, chỉ riêng năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419) đã có 18 người khởi sự chống quân Minh. Người viết chỉ có thể dùng một chữ "loạn" để hình dung được sự thống trị của Trung Quốc ở An Nam trong thời gian Vĩnh Lạc. Do đó có thể thấy, trong khoảng thời gian 17 năm thống trị này, Trung Quốc đã phải trả một cái giá hết sức trầm trọng.

4. Luận bàn về căn nguyên nổi dậy ở An Nam

Sau khi nhà Minh Trung Quốc chiếm lĩnh An Nam, ngay lập tức tiến hành chính sách nội địa hoá. Ngoài việc lập tam ty ở An Nam là Giao Chỉ Đô chỉ huy ty, Giao Chỉ Bố chính ty, Giao Chỉ Án sát ty và chế định các phủ châu huyện lệ thuộc hạt ra,[1] lại lục tục thiết lập các loại nha môn ở các nơi để quản lý nhân dân, bao gồm:

- Vĩnh doanh khố 永盈庫 : 1 sở;
- Diêm khoá đề cử ty[2] 鹽課提舉司 : 1 sở;
- Diêm khoá ty[3] 鹽課司 : 9 sở;
- Diêm thương[4] 鹽倉 : 6 sở;
- Thị bạc đề cử ty[5] 市舶提舉司 : 3 sở;
- Trù phân trường[6] 抽分場 : 3 sở;
- Tuần kiểm ty 巡檢司 : 187 sở;
- Khoá thuế ty 課稅司 : 10 sở;
- Thuế khoá cục 稅課局 : 9 sở;
- Thuỷ mã dịch[7] 水馬驛 : 37 sở;

---

1. Sau khi nhà Minh đổi An Nam làm quận Giao Chỉ, các hạt lệ thuộc phủ châu huyện cũng có lúc thay đổi, từng thêm hoặc giảm bớt. Đại lược có thể chia làm 3 kỳ: một kỳ vào tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 thay đổi thời kỳ đầu sau khi chiếm lĩnh; kỳ hai là vào tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 13, sau khi Trần Quý Khoáng bị bắt, quân Minh lại một lần nữa khống chế về phía Nam của châu Nam Tĩnh và đặt thêm phủ huyện Thăng Hoa; kỳ thứ ba là vào tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 17, để tinh giản hành chính, lại tiến hành một cuộc thay đổi với quy mô lớn. Tham khảo *Minh Thái Tông thực lục* đã chép và Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, chương 6 đã khảo (明の設置した府州縣).
2. Ty để cử trông coi thuế muối. (NPA)
3. Ty trông coi thuế muối. (NPA)
4. Kho muối. (NPA)
5. Ty để cử để trông coi về chợ búa thị trường và thuyền mành. (NPA)
6. Sở đánh giá thuế thương mại tuỳ theo mặt hàng. (NPA)
7. Trạm dịch đường thuỷ và đường bộ (chạy bằng ngựa). (NPA)

- Đệ vận sở[1] 遞運所 : 8 sở;
- Thương khố 倉庫 : 26 sở;
- Hà bạc sở[2] 河泊所 : 3 sở;
- Kim trường cục[3] 金場局 : 6 sở;
- Phê nghiệm sở[4] 批驗所 : 6 sở;
- Y học 醫學 : 78 sở;
- Âm dương học[5] 陰陽學 : 68 sở;
- Tăng cương ty[6] 僧綱司 : 11 sở;
- Đạo kỷ ty[7] 道紀司 : 12 sở;
- Tăng chính ty 僧正司 : 24 sở;
- Đạo chính ty 道正司 : 24 sở;
- Tăng hội ty 僧會司 : 63 sở;
- Đạo hội ty 道會司 : 50 sở.[8]

Còn thiết lập 15 sở doãn ở các nơi như: Giao Châu, Xương Giang, Trấn Man, Tân An, Tam Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thị Kiều, Tân Bình, Diễn Châu để ổn định

1. Sở trông coi các việc vận chuyển. (NPA)
2. Sở quản lý thuế muối. (NPA)
3. Cục trông coi về việc khai thác kim loại. (NPA)
4. Sở phê chuẩn và khám nghiệm các mặt hàng đã qua đánh thuế. (NPA)
5. Sở nghiên cứu về các thuật số. (NPA)
6. Ty quản lý những gương mẫu về Phật giáo. (NPA)
7. Nơi quản lý những kỷ luật về đạo Phật. Bản gốc tác giả chép nhầm kỷ thành ký 記, nhân đây hiệu đính. (NPA)
8. *An Nam chí nguyên* 安南志原, Viện Viễn Đông bác cổ Pháp tu đính, Hà Nội, 1931 phát hành, Đông Dương Văn Khố Tàng, quyển 2, tr. 125-129, "Dinh thự" chép, đây là năm Vĩnh Lạc thứ 15, "Các nha môn lớn nhỏ ở các phủ, châu, huyện, trên đây là con số hiện tại nắm được. Ngoài ra, phủ Thanh Hoa có các nha môn của huyện Khai Bình, các phủ có nơi Trừu Phân của trường sở vàng, có các nha môn của Âm dương học và đạo hội, cộng 52 (bản dịch 92, đính chính là 52). Tại những chỗ đó, tuy đã thiết lập, nhưng chưa có dinh thự, ấn tín và quan lại, nên không liệt kê ở đây. Tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hoa Bằng, bản gốc (ảnh ấn) *An Nam chí nguyên*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2017, tr. 223-228 & 506-509.

chính cục.[1] Còn thiết lập tổng cộng 161 trường học ở các phủ châu huyện, thống kê có 14 trường phủ lập, 34 trường châu lập và 113 trường huyện lập.[2] Đồng thời xây dựng nhà trạm chuyển phát gấp ở 374 nơi, dùng để chạy văn thư, lưu thông việc hành chính. Và theo từng chế độ ở các quận huyện khắp nơi trong nước, thiết lập đàn tràng ở 444 nơi trên các phủ châu huyện, định kỳ để tế Xuân Thu, còn thiết lập miếu Thành Hoàng 城隍廟, miếu thờ "cờ vũ bảo" 旗纛廟.[3] Từ đó có thể thấy, thể chế chính trị của quận Giao Chỉ đời Minh và các quận huyện trong nước không có điểm gì không giống cả, và trong chiếu thư "Khai thiết Giao Chỉ tam ty cập quân dân doãn môn" mà Minh Thành Tổ ban bố, trong lòng cũng có chính sách ân xót và vỗ về.[4] Đối với người dân đã chịu đủ mọi chính sách bạo ngược của họ Hồ mà nói, thì có lẽ nên vui vẻ chấp nhận, nhưng sự thực thì không như thế.

Chính trong khoảng thời gian mà Trần Giản Định dấy binh, *Thân minh giáo hoá bảng văn* 申明教化榜文 (Bảng văn bày tỏ rõ ràng việc giáo hoá) mà Bố chính sứ Hoàng Phúc ban bố, vẫn với nội dung chủ yếu là phủ dụ vỗ về. Ông nói một cách rõ ràng ngay từ đầu: "Muốn chăn dân và làm cho phong tục đến được thịnh trị, trước phải mở rộng ân đức; muốn thay đổi phong tục, đầu tiên phải chú trọng vào việc mở rộng giáo hoá. Vì rằng đức trạch có rẩy khắp xung quanh thì dân mới được thấm nhuần ơn huệ cụ thể, pháp lệnh có ban bố rõ rệt thì dân mới giữ được phép tắc đã quy định sẵn. Đó là mưu đồ lớn lao của việc vỗ về tập họp nhân dân và cũng là đạo cốt yếu của việc trị nước yên dân vậy."[5]

---

1. *An Nam chí nguyên*, sđd, tr. 108.
2. *An Nam chí nguyên*, sđd, tr. 107.
3. Kỳ đạo 旗纛 là cờ tiết mao, Hoa Bằng dịch là "cờ vũ bão". (NPA). *An Nam chí nguyên*, sđd, tr. 130-133.
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên lục nguyệt Quý Mùi*, quyển 68, sđd, tr. 945; *An Nam chí nguyên*, quyển 3, sđd, tr. 242.
5. *An Nam chí nguyên*, quyển 3, tr. 244. Bản dịch tiếng Việt của Hoa Bằng, sđd, tr. 373-374. Nguyên văn: 養民致治先在覃恩，易俗移風首重敷教。蓋德澤旁加則民霑實惠，法令昭布則民守成規。此綏集之弘圖，治安之要道也。

Do đó, sự việc hợp hành được nói trong bảng văn, cũng lấy việc huệ ái làm chủ. Bảng văn này có thể nói là chủ ý thi hành chính trị của Hoàng Phúc, trong đó nội dung đại ý là:

1. Khuyến đốc tang nông, khiến cho ai yên nghiệp người nấy và trừng trị những kẻ biếng nhác ưa du nhàn.

2. Quan lại kỳ lão phải giữ phép nước và chăm lo việc công, hễ kẻ nào dám làm càn bậy sinh sự, tiêu phí tài vật, thi hành hình pháp nghiêm khắc dữ dội, bạo ngược đối với dân ta, thì người bị hại được phép tố cáo, để quan trên căn cứ theo đó mà trừng trị.

3. Đô ty nay đã nghiêm sức tướng sĩ, binh không dám làm càn bậy. Hữu ty quan lại và nhân viên phải hết sức vỗ về, kẻ nào dám tự tiện dùng một người dân, dùng một món tài sản gì của họ, khiến cho các lương dân không được sống yên ổn, sẽ bị truy cứu định tội như luật hoặc phạt tội như phản nghịch.

4. Nhân dân chớ nên yên phận theo tục cũ, phải noi theo Trung Hoa. Dám theo phong tục tệ hại và cắt tóc, đeo vòng, đi chân đất, trần truồng, nam nữ hỗn tạp chung cha, cha con chia lìa, trái lễ vi phạm đạo đức, làm hại phong tục thì sẽ nghiêm khắc trừng trị.

5. Người giàu, thổ hào, thổ quan không được ỷ quyền cậy thế, không được bắt người bình dân chiếm làm nô lệ, không được tuỳ tiện chiếm đoạt ruộng đất ao vườn của quan dân; tiểu dân cũng không được dựa dẫm vào thế lực của quyền quý hào bá, trốn tránh sai dịch.

6. Nhân dân ở các nơi do gần đây có binh biến, phần nhiều thiếu cái ăn cái mặc, dẫn đến việc có những kẻ vô lại vì vậy mà làm trộm đạo, các ty quan lại gần tuần ty quan binh phải để tâm tuần sát.

7. Vì Giản Định làm loạn, có kẻ bị ép theo, cho phép ra mặt cả, coi như là dân lương thiện, không xét tội. Nếu dám kết bè phái, nhiễu loạn dân chúng và cản trở giáo hoá, đầu đảng giặc ấy sẽ bị tru diệt.

8. Cấm chế riêng chiến thuyền và binh khí chiến đấu, và tụ tập nuôi bừa riêng gia nô cho mình, để thù địch và chém giết lẫn nhau.

9. Cho phép buôn bán tự do, cấm ỷ thế mà bán buôn ép uổng, kẻ vi phạm bất kể là quân dân, đều hợp lại mà bắt truy vấn.

10. Hữu ty phải tu bổ cho Dưỡng tế viện được kiên cố hoàn bị, khiến cho những kẻ lưu lạc không còn phải lâm vào tình trạng không nơi nương tựa, kẻ nào vi phạm sẽ bị trị tội.

11. Hữu ty phải chăm chỉ thăm hỏi những con thảo cháu hiền, nghĩa phu tiết phụ, trung thần liệt sĩ để theo đó mà ban cờ biểu khuyến khích.

12. Hữu ty nên xây trường học, cẩn thận lựa chọn những người minh Nho, đưa con em trong dân gian để làm học trò, chuẩn cho được miễn sai dịch.

13. Hữu ty nên tìm hỏi người có thực tài thực học, lễ độ đưa đến ty để quan trên dựa vào thực tế tuyển chọn đưa đến kinh nhận chức, vẫn được quay về bản địa để vỗ về dân chúng.

14. Nếu dân quả có oan khuất, cho phép nói rõ ràng cụ thể sự thực cho quan trên nghe, từ dưới lên trên mà tố cáo rõ ràng. Nếu thân làm quan mà có bụng riêng không xử lý, hoặc phán việc không thích đáng, thì cho phép tố cáo lên quan trên nữa để đối lý.

15. Nhân dân các nơi đã ra hơn mười dặm ra, phải báo rõ ràng với quan ty sở tại, xin cấp cho bằng chứng có kỳ hạn, kẻ nào dám không báo cáo, tự tiện lén lút đi xa mà không có tờ "dẫn văn"[1], hoặc xin "văn bằng"[2] mà ty không cấp cho, đều bị trị tội cả.[3]

Trong bảng văn này, ngoài điều thứ 4 và điều thứ 15 là nghiêm khắc ra, còn lại đều lấy việc an dân làm đầu, không thấy có sự hà

1. Một dạng của giấy thông hành. (NPA)
2. Một loại giấy tờ chứng thực của chính quyền thời kỳ thuộc nhà Minh. (NPA)
3. *An Nam chí nguyên,* quyển 3, tr. 244-251. Nguyên văn toàn bộ *Thân minh giáo hoá bảng văn* trích vào phần phụ lục 3 của người dịch.

khắc phiền toái. Huống hồ, Minh Thành Tổ đã suy xét đến tình huống thực tế những người An Nam quy phụ gần đây, hạ lệnh tất cả đều được giảm nhẹ lao dịch cho giặc làm chủ yếu.[1] Lại hạ lệnh cho quan viên An Nam "tất cả những sự vụ gì không gấp, đều cho đình bãi."[2] Từ đó cho thấy, nhà Minh không thi hành chính sách vơ vét bạo ngược, ngược lại, vì tình hình rắc rối của thế cuộc An Nam, buộc Minh Thành Tổ phải áp dụng chính sách rộng rãi hơn nữa. Ngài ra chiếu dụ quan viên Giao Chỉ rằng: "Kể từ ngày 24 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 9 trở về trước, những người Giao Chỉ tụ tập trong núi rừng đều được xá tội, quân cho trở lại nguyên đơn vị, dân trở lại với nghề cũ, quan lại quân dân phạm tội chưa bị phát giác cũng được tha. Ngoài thuế lương thực, các loại thuế vàng, bạc, muối, sắt, cá, hoa quả được miễn trưng thu trong vòng ba năm."[3]

Năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), sau khi Trần Quý Khoáng bị bắt, chính sách cai trị của nhà Minh vẫn tiếp tục áp dụng chính sách khoan nhu vỗ về để mua chuộc lòng người An Nam.[4] *Tuyên minh giáo hoá bảng văn* 宣明教化榜文 mà Hoàng Phúc ban bố, vẫn là khoan hậu.[5] Nhưng điều thứ 4 trong bảng văn "không được phép noi theo phong tục Man Di, ở trần, ở truồng, đi chân đất, tiếm dùng các màu huyền, màu vàng và màu tía", khiến cho người ta phản cảm chỉ trích nhất. Người ta cho rằng "mục đích của việc đó là để tiêu diệt dân tộc Việt Nam".[6] Trên thực tế,

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên tam nguyệt Canh Thân*, quyển 77, sđd, tr. 1043.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc lục niên ngũ nguyệt Quý Hợi*, quyển 79, sđd, tr. 1063.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc cửu niên nhị nguyệt Bính Thìn*, quyển 113, sđd, tr. 1443. Nguyên văn: 自永樂九年（西元1411年）二月二十四日以前，交阯但有嘯聚山林者，咸赦其罪。軍復原伍，民復原業。其官員軍民有犯，已未發覺，咸赦。除稅糧之外，金銀、鹽錢、魚課等項，停徵三年。
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập nhất niên thất nguyệt Nhâm Thìn*, quyển 141, sđd, tr. 1693.
5. *An Nam chí nguyên*, quyển 3, tr. 251-255. Nguyên văn toàn bộ *Thân minh giáo hoá bảng văn* trích vào phần phụ lục 3 của người dịch.
6. Tham khảo *Cổ đại Trung Việt quan hệ sử tư liệu tuyển biên*, sđd, tr. 737-744. Tuyển dịch những bài viết về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đời Minh của học giả Việt Nam.

trong mắt của Minh Thành Tổ, ngài cho rằng sở dĩ người An Nam cắt tóc, đi chân đất, trần truồng là kết quả bởi "một thời gian dài rơi vào trong những tập tục Man Di".[1] Với thái độ ưu việt của một nước lớn thiên triều lúc bấy giờ của người Trung Quốc, sự phân biệt về di về hạ[2] vô cùng mãnh liệt, An Nam ngày xưa từng là đất quận huyện của Trung Quốc, người An Nam đương nhiên là con dân của thiên triều, lúc bấy giờ quay trở lại làm quận huyện của Trung Quốc, nên được coi là ngang hàng với nhau, khôi phục lại phong tục tập quán và chế độ của thiên triều. Nhà Minh không coi An Nam là ngoại di, nên không có động cơ "diệt tộc", có một điều không thể phủ nhận được là kiến giải của Minh Thành Tổ bị giới hạn bởi thời đại, không thể nhìn nhận được sự thật là người An Nam đã độc lập hơn bốn trăm năm rồi, người viết chỉ có thể cảm khái tiếc cho việc không hiểu biết về lịch sử của nhà Minh.

So sánh từ góc độ khách quan, chính sách của nhà Minh trên thực tế ôn hoà hợp lý hơn nhiều so với thời đại họ Hồ. Vì chính quyền nhà Minh hết sức mong mỏi khu vực An Nam có thể nhanh chóng ổn định lại, để khỏi phải nhọc binh tướng chinh chiến xa xôi. Nhưng mà, người An Nam một lòng cho rằng sự thống trị của nhà Minh thuế khoá nặng nề,[3] mới dẫn đến sự dấy loạn "rối ren" của người dân.[4] Kỳ thực, việc trưng thu thuế khoá ở khu vực An Nam không cho thấy sự phức tạp và nặng nhọc. Năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), chế độ thuế má quy định là "một mẫu ruộng trưng thu 5 thăng thóc, mỗi mẫu đất bãi trưng thu một cân tơ, mỗi một cân tơ thu một tấm lụa."[5] Sau đó, vì khuyến khích nông tang, mỗi hộ tăng thêm 10 mẫu ruộng. Dù vậy, *Đại Việt sử ký toàn thư* lại phê bình rằng: "Mỗi hộ 1 mẫu thì bắt

1. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên lục nguyệt Quý Mùi,* quyển 68, sđd, tr. 943-946.
2. Di 夷: man di, mọi rợ, dân tộc cấp thấp; Hạ 夏: Hoa Hạ, cao quý, dân tộc tiến bộ. Đây là quan niệm di hạ của người Trung Quốc cổ đại. (NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 509-517.
4. Phan Thanh Giản, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tr. 1549.
5. Phan Thanh Giản, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tr. 1534.

khai thành 3 mẫu" và chú rằng: "10 mẫu thực ra chỉ có 3 mẫu."[1] Lập luận của sử Việt có lẽ là có liên quan đến việc vào tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419), Công bộ Thị lang 工部侍郎 Lưu Trọng Liêm 劉仲廉, Hứa Quách 許郭 phụng mệnh "đến Giao Chỉ xét thực trạng hộ khẩu, thuế ruộng."[2] Trong năm này, nổi loạn ở An Nam là kịch liệt nhất, chắc chắn là hai người họ Lưu và họ Hứa không dám thực hiện việc thuế khoá nặng nề để kích thích lòng dân nổi loạn. Thuế má nhà Minh các nơi đều không giống nhau, thuế mẫu ruộng quan là 5 thăng 3 cáp 5 chước[3], thuế mẫu ruộng dân là 3 thăng 3 cáp 5 chước.[4] Theo tư liệu thể hiện việc cống thuế của Giao Chỉ trong *An Nam chí nguyên* chép năm Vĩnh Lạc thứ 15 (1417),[5] việc thu thuế ở vùng An Nam, chủ yếu đến từ các hạng mục thuế lương thực mùa hạ thu, thuế muối, thuế thương nghiệp... Trong đó thuế lương thực hạ thu,[6] bình quân mỗi hộ ước nộp 44 thăng, con số này có thể nói là ôn hoà. Tham khảo *"Phụ lục bảng 3: Bảng tổng kết cống phú năm của quận Giao Chỉ năm Minh Vĩnh Lạc thứ 15 (1417)".*

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 9, sđd, tr. 509.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên thập nhị nguyệt Ất Mùi*, quyển 219, sđd, tr. 2180. Dương Vinh, *Cố tư thiện đại phu Binh bộ Thượng thư Hứa Công thần đạo bi minh* 故資善大夫兵部尚書許公神道碑銘 nói: "Kỷ Hợi (Vĩnh Lạc thứ 17) vì các hộ dân và thuế ruộng của người Giao Chỉ chưa có định quy, lệnh cho Công đi xử lý. Công đến quan sát lòng dân, bàn luận với Tổng nhung Phong Thành hầu Lý Bân, Chưởng Giao Chỉ Bố chính ty sự Thượng thư Hoàng Phúc xem việc ấy có được không, rồi về triều điều tấu các việc lợi hại, hoàng thượng đều gia nạp." (Xem *Văn mãn tập*, sđd, cuốn 1240, quyển 18, tr. 280). Nguyên văn: 己亥（永樂十七年）以交阯人戶田賦未有定規，命公往理之。公至察人心事，宜與總戎豐城侯李彬，掌交阯布政司事尚書黃福等其可否，遂還朝條奏其利害數事，上皆嘉納。
3. 1 thăng 升 = 10 cáp 合 = 100 chước 勺. (NPA)
4. Tôn Dực Cương 孫翊剛, *Trung Quốc phú thuế sử* 中國賦稅史, Nxb Kinh tế tài chính Trung Quốc, 1987, tr. 215.
5. *An Nam chí nguyên,* quyển 2, "Cống phú", chỉ chép tổng thu cống phú của năm trong năm Vĩnh Lạc thứ 15, ngoài ra những năm khác thì không chép. Người viết cho rằng trong thời gian những năm Vĩnh Lạc chỉ có năm này là phú thuế được hoàn chỉnh hơn hết, còn những năm khác thì do nhiễu loạn nên chưa thể hoàn thành việc trưng thu thuế phú một cách toàn diện. Chính trong năm này, phủ Thăng Hoa cũng vì nhân dân chưa phục nghiệp mà chưa thể thực hiện việc trưng thu thuế.
6. Thuế thóc gạo vụ chiêm, vụ mùa. (NPA)

Phụ lục bảng 3:

Bảng tổng kết cống phú năm của quận Giao Chỉ năm Minh Vĩnh Lạc thứ 15 (1417)

Hạng mục thuế khoá		Da chim trả	Quạt giấy	Sơn sống	Phèn đất	Thóc gạo vụ chiêm, Mùa	Thuế muối	Thuế vàng	Thuế bạc	Tơ	Tổng số nộp thóc mùa	Thuế voi	Thuế thương mại	Tô thuế nhà quan	Thuế lò gốm, lò đúc	Thuế đánh cá
Tổng thu cống phú năm[1]		2000 tấm	10000 chiếc	3315 cân	500 cân	73549 thạch	40400 cân[2]	573 lượng	1072 lượng	1229 cân	3001 thạch[3]	4 con	34461 quan	512 quan	68 quan	(thiếu) quan
16 phủ 5 châu nộp thuế công ngạch: (theo phủ Thăng Hoa người dân chưa phục nghiệp nên không tính)	Phủ Giao Châu	50	1500	1695		16526				383			13987	132		6160
	Phủ Bắc Giang	300	1500			8267				100			5054		28	985
	Phủ Lạng Giang	250	1000			4468				88			5072	10		1064
	Phủ Lạng Sơn					2654		29	145				117			
	Phủ Tân An	300	2000			9844	26775			1	31		6102	33	40	608
	Phủ Kiến Xương	200	500		300	2172	1940			41				102		2414
	Phủ Trấn Man				200	2187	4658			8			582	4		66

	Phủ Phụng Hoá	100				3303	441						224	144		60
	Phủ Kiến Bình	100				3974	2452			7			95	13		151
	Phủ Tam Giang	225	2500	300		8686				378			471	50		80
	Phủ Tuyên Hoá			340		2474			859	18[4]			824			
	Phủ Thái Nguyên					591		65	144				211			
	Phủ Thanh Hoá					4088	1739[5]	180		85			1505			950
	Phủ Nghệ An					483	3308	220		9		3		80		
	Phủ Tân Bình					133				9				10		
	Phủ Thuận Hoá					213										
	Châu Quảng Oai					778				34			43			31
	Châu Gia Hưng					115				34			670			

	Châu Quy Hoá					115				34		670				
	Châu Ninh Hoá					336				14						
	Châu Diên					78	580									
	Ngạch thực nộp thuế của các phủ châu	1525 (-475)	9000 (-1000)	2335 (-980)	500 (-0)	71485 (-2064)	41893 (+1493)	494 (-79)	1148 (+76)	1243 (+14)	31 (-0)	3 (-1)	35627 (+1166)	578 (+66)	68 (-0)	12569 (?)
	Bình quân mỗi hộ gánh (số hộ: 162558)[6]	0.009 tấm	0.055 chiếc	0.014 cân	0.003 cân	0.439 thạch	0.257 cân	0,003 lượng	0.007 lượng	0.007 cân	-	-	0.219 quan	0.003 quan	-	0.077 quan

Ghi chú: "Nguồn từ *An Nam chí nguyên, Công phú.* 1. Để tiện tính toán, mục này không chép những số liệu nhỏ trở xuống. 2. *An Nam chí nguyên*, tr.83 nói: "thuế muối 4 vạn 4 trăm đấu 40 thăng." Nhưng phủ châu cống, bình quân lấy "cân" làm đơn vị. 3. Tổng nộp thóc vụ 3 thiên 1 thạch 8 đấu." Theo: mục thuế này chỉ có phủ Tân An có ghi chép nộp lên. Có lẽ chữ "thiên"千là chữ "thập"十. 4. "Phủ Tuyên Hoá", tr.95 nói: "Tơ 1 thiên 8 cân 9 lạng". Có lẽ chữ "thiên"千viết nhầm từ chữ "thập"十. 5. "Phủ Thanh Hoá", tr.97 nói: "Thuế muối 1739 thăng 40 cân. Đơn vị có sai sót, nay lấy thăng làm cân mà tính. 6. Tr.104: "Lấy 'tu tri sách' năm Vĩnh Lạc thứ 15 làm chuẩn, 162558 hộ."

Nhưng, nhà sử học Việt Nam Minh Tranh lại chỉ ra trong tác phẩm *Sơ thảo Lịch sử Việt Nam* rằng: "Lúc bấy giờ, thương nhân Trung Quốc đưa rất nhiều tàu thuyền tới, vơ vét rất nhiều lúa thóc của nước ta (An Nam) chở về nước."[1] Kỳ thực, hoàn toàn ngược lại, thương nhân Trung Quốc chở từ nội địa một lượng lớn thóc lúa đến, phần trên từng đề cập năm Vĩnh Lạc thứ 9 (1411), do quân Minh đang truy đuổi Trần Quý Khoáng, dẫn đến kết quả là lương hướng không đủ. Vốn dĩ, kể từ giữa đời Vĩnh Lạc về sau, tình trạng thiếu lương thực ở An Nam ngày càng nghiêm trọng. Tháng 12 năm Vĩnh Lạc thứ 19 (1421), Hoàng Phúc tấu lên rằng: "Lương thực dự trữ không đủ, xin chuẩn cho quan phụ trách kho muối Hoài Chiết triệu thương gia đến Giao Chỉ nạp."[2] Rồi đến ngày 13 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422), Giao Chỉ Tham tướng Vinh Xương bá Trần Trí cũng tâu rằng: "Lương tháng của quan quân lớn nhỏ tại ty Đô Giao Chỉ, cùng bổng của các quan ty mỗi tháng gồm 57.700 thạch gạo; mỗi năm tính ra hơn 692.400 thạch. Nay các phủ tại Giao Châu tồn kho không đủ; mà lượng trữ tại châu Khâm, Quảng Đông có đến hơn 100.940 thạch, xin lệnh chuyển vận cấp cho."[3] Có thể thấy rằng, lúc bấy giờ lương thực dự trữ ở An Nam không đủ, biện pháp giải quyết của triều đình nhà Minh không phải là "vơ vét", mà là vận chuyển lương thực từ nội địa Trung Quốc đến để tiếp tế, việc này phản ánh được thái độ vỗ yên của nhà Minh đối với An Nam. Ngày 15 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422), khi Hộ bộ thượng thư Quách Bảo 郭寶 nói về tình hình dự trữ lương thực trên toàn quốc, đề cập đến việc chuyển thóc lúa đến An Nam

1. Minh Tranh, *Sơ thảo Lịch sử Việt Nam*, sđd, tr. 136. Trong tình hình không tìm thấy sách gốc bằng tiếng Việt, nên người dịch tạm thời dịch lại từ trích dẫn bản dịch bằng tiếng Trung Quốc của tác phẩm *Sơ thảo lịch sử Việt Nam* nói trên. (NPA)
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập cửu niên thập nhị nguyệt Nhâm Dần*, quyển 244, sđd, tr. 2299.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập niên bát nguyệt Đinh Dậu*, quyển 250, sđd, tr. 2340. Nguyên văn: 交阯都司所屬大小軍官日糧及諸司官俸給，計月支稻穀五萬七千七百石，歲支六十九萬二千四百石有奇。今交州等府，餽餘不給，而廣東欽、廉見儲糧十萬九百四十餘石，乞令轉運給之爲便。

rằng: "Các quận huyện trong thiên hạ dâng lên, từ năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419) đến 19 (1421) số lượng trưng thu thực sự, chia thành các cấp khác nhau, giữ lại các kho trong hữu ty quân vệ nơi này, thóc 9.762.353 thạch có lẻ, vận chuyển đến các kho ở hai kinh Nam-Bắc và Giao Chỉ, thóc 12.771.420 thạch có dư."[1] Từ đó cho thấy, sau khi nhà Minh chiếm lĩnh An Nam, chẳng hề đem lại được lợi lộc gì hơn, ngược lại, do vấn đề dấy loạn mà gánh nặng ngày càng gia tăng.

Từ những quan sát nêu trên, ít nhất cho thấy triều đình nhà Minh không có thực hành chính sách trưng thu thuế nặng đối với An Nam. Trong mắt của Minh Thành Tổ, việc xuất binh đánh An Nam ngoài mục đích giải trừ cục diện khốn khó mà sau khi ngài đoạt ngôi gặp phải, cũng có ý muốn khôi phục quyền cai trị từ thời Hán - Đường của Trung Quốc đối với An Nam. Minh Thành Tổ chỉ hy vọng họ "an cư lạc nghiệp, mãi là con dân thiên triều vô sự, cùng vui hưởng đời thịnh trị thái bình" mà thôi.[2]

Nhà Minh đã có chính sách an ủi vỗ về khoan dung như vậy, nhưng tại sao lại liên tục xảy ra động loạn? Người nhà Minh phần lớn đều đẩy trách nhiệm này lên người của trung quan Mã Kỳ 馬騏. *Ngự giao ký* của Trương Kính Tâm viết rằng hắn "tham lam tàn bạo vô độ, mất lòng dân chúng, thổ quan các châu huyện, không chịu nổi sự độc địa của hắn, nên người làm phản ở khắp mọi nơi."[3] Trong *An Nam chí* 安南志 của Tô Tuấn 蘇濬 cũng phê bình Mã Kỳ rằng: "rất hay làm điều trái phép, thổ quan các châu huyện không chịu nổi sự độc địa của hắn, nên người làm phản

1. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập niên bát nguyệt Kỷ Hợi*, quyển 250, sdd, tr. 2341. Nguyên văn: 天下郡縣所上，永樂十七年（西元1419年）至十九年（西元1421年）實徵之數，分豁本色折色，內存留本處軍衛有司等倉，米九百七十六萬二千三百五十三石有奇，其輸運南北二京及交阯等處倉，米一千二百七十七萬一千四百二十石有奇。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản ký*, quyển 9, sdd, tr. 505.
3. Trương Kính Tâm, *Ngự giao ký*, sdd, quyển 5, tr. 74. Nguyên văn: 益貪暴，失眾心，土官州縣，不勝其毒，反者四起。

ở khắp mọi nơi."[1] Sau khi Minh Nhân Tông 明仁宗 lên ngôi, cũng từng nói với các đại thần triều đình rằng: "Các khanh không nghe, hắn (chỉ Mã Kỳ) trước đây ở Giao Chỉ, làm hại quân dân sao! Từ đó dân Giao Chỉ quy về một hướng, như để giải bỏ sự khốn khổ như treo ngược."[2] Sự tham lam vô phép của Mã Kỳ, đương nhiên sẽ góp phần làm tăng thêm sự phẫn nộ của người An Nam, làm gia tăng kịch tính cho tâm thế kháng Minh của người An Nam. Vì những hà khắc hạch sách này, đều là những món hàng hoá kỳ lạ trân quý ngoài những thuế phú thông thường. Nhưng *An Nam chí nguyên* từng đề cập, "về vàng bạc và hương vật, đều có trường sở xuất sản và người coi giữ. Hằng năm cứ đến thời kỳ nhất định thì nội quan và quan trong ba ty đốc thúc các hộ quân dân cùng đi khai thác và thu lượm, nhưng không đề ra số ngạch nhất định; khi làm xong, các quan cùng nhau hội đồng kiểm điểm niêm phong, sai người đi tiến cống. Lệ ngạch đó không phải do các châu, các huyện hàng năm đứng làm."[3] Do những vật quý này được tam ty hội đồng chia lấy, do đó Mã Kỳ cũng không thể tự tiện mà không kiêng dè, làm bậy ẩu tả được, vì họ chịu sự câu thúc và chế tài của trưởng quan hành chánh tối cao An Nam ở khắp nơi và Giao Chỉ Bố chính ty kiêm Án sát ty Hoàng Phúc.

Về sự tranh chấp giữa Hoàng Phúc và Mã Kỳ, Dương Sĩ Kỳ 楊士奇 có nói trong *Quang lộc Đại phu Thiếu bảo Hộ bộ thượng thư Hoàng công thần đạo minh* 光祿大夫少保戶部尚書黃公神道銘 rằng: "Trung quan Mã Kỳ, cậy ân mà bạo ngược, từ tam ty

1. Uông Sâm 汪森, *Việt Tây văn tải* 粵西文載, (*Văn Uyên Các tứ khố toàn thư*, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1986, quyển 1465), quyển 18, *Chí* 志, tr. 770. Nguyên văn: 尤爲不法，土官州縣不勝其毒，反者四起。
2. Trương Phụ, *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên thập nhất nguyệt Canh Thìn*, quyển 4, Thượng, sđd, tr. 139. Nguyên văn: 卿等不聞，渠（指馬騏）前在交阯，荼毒軍民乎！交阯自此人歸，一方如解倒懸。
3. *An Nam chí nguyên*, quyển 2, tr. 82. Nguyên văn: 其金銀香物，各有出產場所，亦各有典守之人。每歲採取之時，內官與三司提督軍民等戶，眼同採取，俱無定數，工畢之日，仍會同檢封，差人進貢，非州縣歲辦之額。(Bản dịch tiếng Việt của Hoa Bằng, sđd, tr. 185).

trở xuống đều rút đầu né tránh, duy có công (chỉ Hoàng Phúc) nhiều lần ép chế y. Kỳ vu tấu công có chí khác. Chúa thượng (chỉ Minh Thành Tổ) biết rõ sự xằng bậy của y nên bảo: quân tử này không dung ở tiểu nhân. Nhấn chìm lời tâu."[1] Việc Mã Kỳ vu tấu Hoàng Phúc có ý đồ không tuân theo phép tắc, vào khoảng giữa tháng 7 và tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 17 (1419). Hoàng Phúc từng biện bạch việc này tấu lên cùng Thành Tổ, đồng thời chỉ trích Mã Kỳ làm "nhiều việc không theo phép luật, mỗi lần thần chấp pháp thì hắn không chịu theo, thủ hạ phạm pháp, thường nhiều lần bắt hỏi."[2] Có thể thấy rằng, thực sự thì Mã Kỳ không thể nào muốn làm gì thì làm. Năm Vĩnh Lạc thứ 17, kẻ làm phản nổi lên khắp nơi, Mã Kỳ chỉ là một ngòi nổ mà thôi, cục diện của rối loạn sớm muộn gì cũng sẽ xảy ra, nguyên nhân là do Trương Phụ trấn thủ An Nam và đại quân tinh nhuệ của ông, đã bị Thành Tổ triệu hồi gấp rút về kinh vào tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 14 (1416), đổi lại cho Lý Bân trấn thủ.[3] Người An Nam sợ nhất là quân kinh của Trương Phụ, do đó, sau khi Trương Phụ trở về phương Bắc, dấy loạn lại liên miên nổ ra.

Huống hồ, sau khi Trần Quý Khoáng bị bắt năm Vĩnh Lạc thứ 12 (1414), Giao Chỉ Bố chính ty Hoàng Phúc gấp rút tiến hành chính sách nội địa hoá, hy vọng trong một thời gian ngắn có thể khiến cho chế độ, văn hoá và phong tục của khu vực An Nam cũng giống như những quận huyện trong nước Trung Quốc. Ông đã coi thường nền văn hoá và phong tục vốn có của người An Nam, từ rất lâu đã tồn tại thâm căn cố đế trong lòng của mỗi người dân An Nam. Do đó, chính sách nội địa hoá mà Hoàng Phúc thực thi, tất nhiên là chọc vào sự phản cảm cực đại.

---

1. Dương Sĩ Kỳ, *Đông lý tục tập* 東里續集 (*Văn Uyên Các tứ khố toàn thư*, sdd, quyển 1238), quyển 27, *Quang lộc đại phu thiếu bảo Hộ bộ thượng thư Hoàng công thần đạo minh*, tr. 15.
2. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Tấu cảo* 奏稿, quyển 8, sdd, tr. 17. Nguyên văn: 不律事多，臣每執法不肯阿縱，手下犯法，屢常拿問。
3. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập ngũ niên nhị nguyệt Đinh Mão*, quyển 185, sdd, tr. 1983.

Sử thần nhà Lê An Nam là Ngô Thì Sĩ khi bình luận về chính sách của Hoàng Phúc đã nói: "Bấy giờ Nho thần nhà Minh chức Bố chính sang ta, chỉ có Hoàng Phúc là tiêu biểu của bậc văn lại cũng chỉ săn đón cho hợp với ý vua không có mảy may lòng thương xót nhân dân, mệnh lệnh thì dày đặc như lông bò. Chính sự thì hà khắc như hùm mọc cánh."[1] Do đó, khi Mã Kỳ làm ác, bọn người Phan Liêu bèn thừa cơ hội làm loạn, đơn cử là vào năm Vĩnh Lạc thứ 17, đã có đến 18 nhân vật dựng cán nổi dậy.

Lúc này, sức ảnh hưởng vốn có của họ Trần đã hoàn toàn bị tan rã, thiếu đi sức ngưng tụ mới. Các nhà lãnh đạo nổi loạn ở các nơi, mỗi người tập kết quần chúng, đánh thành giết quan lại, tự lập làm vương làm đế. Chính trong thời khắc rồng rắn hỗn chiến này, năm Vĩnh Lạc thứ 16 (1418), Lê Lợi 黎利 đã khởi binh, và ngài đã nổi lên một cách kỳ vĩ, trở thành một lực lượng mới nổi chống đối nhà Minh. Người An Nam dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi, đã thành công đánh đuổi quân Minh rút lui hoàn toàn ra khỏi An Nam vào năm Tuyên Đức 宣德 thứ 3 (1428), khôi phục lại cục diện độc lập. Sau thắng lợi của Lê Lợi, trong áng văn *Bình Ngô đại cáo* 平吳大告 mà văn thần của ngài là Nguyễn Trãi 阮廌 viết, bộc lộ ý thức độc lập của dân tộc một cách mãnh liệt.[2] Có thể thấy rằng, người An Nam tuy bị người Minh thống trị 20 năm, nhưng họ không hề quên nguyện vọng dân tộc tự chủ lập quốc của mình. Đây là vấn đề mà triều đình nhà Minh không chịu thừa nhận một cách chính trực, cũng là nguyên nhân vốn dĩ mà Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng nhiều lần cầu phong nhưng đều bị triều đình nhà Minh từ chối. Cũng chính là vị cựu thần nhà Trần là Bùi Bá Kỳ đã học theo thói của Thân Bao Tư thỉnh cầu nhà Minh "hưng điếu phạt chi sư, long kế tuyệt chi nghĩa", cũng vì

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Bản kỷ,* sđd, quyển 10, tr. 55. Bản dịch tiếng Việt của Viện nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 565-566. Nguyên văn: 明之儒臣以布政來者惟黃福，乃文吏之表表，亦徒合主意，毫無顧恤百姓之心，令密於牛毛，政苛於虎翼。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 546.

vấn đề muốn khôi phục lập dòng dõi họ Trần, mà khiến cho nhà Minh cấm cố.[1]

Chính sách nhà Minh đối với An Nam, không hề có sự phản tỉnh hay thay đổi bởi sự dấy loạn của người họ Trần, mà vẫn cứ kiên trì chính sách quận huyện trên đất ấy. Kết quả, sự thống trị của 20 năm trời trở thành 20 năm đối kháng. Đây là điều mà ngay từ đầu Minh Thành Tổ không dự liệu được. Chính quyền nhà Minh áp dụng chính sách thuế phú khoan dung hơn, cộng thêm chính sách nội địa hoá, trong tình hình An Nam có thể quay trở lại như thời Hán - Đường lúc trước, đây hiển nhiên là một cách nghĩ theo kiểu tình nguyện. Trong mắt người An Nam, bất cứ chính sách nào cũng làm tăng thêm sự áp bức với họ, người Minh chính là kẻ xâm lược. Huống gì thời kỳ đầu quân Minh vào An Nam, thực sự là họ có làm những chuyện khiến người ta hết sức hối tiếc. Đầu tiên, vào tháng 7 nhuận năm Vĩnh Lạc thứ 4 (1406), sau khi Minh Thành Tổ hạ lệnh cho Chu Năng đánh vào An Nam, "ngoài các kinh văn hay bản khắc kinh văn đạo Phật không thiêu huỷ ra, tất cả các văn tự bản khắc sách vở cho đến các sách lễ nghĩa phong tục cho trẻ con học tập, cho đến Thượng đại nhân, Khưu ất kỷ của người lớn học, giấy vụ có chữ đều thiêu huỷ hết. Trong nước ấy, phàm có những bia khắc mà ngày xưa Trung Quốc dựng lên thì giữ lại, còn những gì của An Nam lập ra thì đều phá huỷ cả, một chữ cũng không lưu lại."[2] Sau đó vì quân Minh chưa toàn sức chấp hành nhiệm vụ thiêu huỷ, ngày 21 tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407) Minh Thành Tổ lại ra trách lệnh Trương Phụ "thấy một văn tự nào có ở nơi ấy, thì thiêu huỷ, không được lưu giữ."[3] Hành động phá huỷ văn hoá của người khác này của quân Minh, rõ ràng sẽ khiến cho người An Nam cảm thấy vô cùng phản cảm.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sdd, tr. 497.
2. *Việt kiệu thư, Quân trung sự nghi - Kế sự thập kiện*, quyển 2, sdd, tr. 17. Theo: Thành quốc công Chu Năng vốn dĩ là Tổng binh quan chinh An Nam, nhưng ông bệnh qua đời ở Long Châu thuộc Quảng Tây vào ngày 16 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 4, Tổng binh quan đổi cho Trương Phụ thay ông.
3. *Việt kiệu thư, Quân trung sự nghi - Kế sự thập kiện*, quyển 2, sdd, tr. 33.

Thứ hai, vào trước lúc quân Minh tiến vào đánh An Nam, Minh Thành Tổ đã lên kế hoạch kêu gọi những người An Nam có học thức, có kỹ năng đến Trung Quốc. Ngài ra lệnh cho Chu Năng "sau khi bình định An Nam, các quan lại, tăng đạo, y thuật, bói toán, âm dương, thuật số, điểm hết số lượng sai đưa về triều, đây là điều tối trọng yếu. Những nghệ nhân, tìm cho hết cả, đưa hết cả nhà vợ con cùng đến kinh."[1] Rồi vào ngày mùng 9 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), sắc dụ Trương Phụ đưa những thợ làm hương, thợ làm gạch và những người có kỹ nghệ, cùng gia đình vợ con đưa trước đến kinh sư.[2] Ngày mùng 8 tháng 2 năm ấy, lại sắc lệnh cho Trương Phụ "đưa những người có tài có đức, hiền năng trí mưu trong nước An Nam, và những người có thể coi là thiện, những người có nghề dùng được, bèn hỏi khắp các nơi, rồi lễ phép mời tất cả đến kinh, để dùng."[3] Kết quả là ngày 23 tháng 9 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), đợt đầu tiên người An Nam "7.700 người thợ thủ công đến kinh".[4] Rồi ngày 7 tháng 10 năm ấy, Trương Phụ lại đưa những người An Nam được coi là "có tài có đức, hiểu kinh sách có khả năng văn chương, bác học có tài, thông minh chính trực, hiếu đễ có sức lực làm ruộng, hiền lương phương chính, thông thạo việc quan, hiểu rõ binh pháp và các loại vũ khí" tổng cộng 9.000 người, đưa đến Trung Quốc.[5] Nói một cách khác là trước sau có hơn một vạn người được đưa đến Trung Quốc, chắc chắn là số lượng người trên thực tế còn cao hơn. Phần lớn những người này đều ở lại Trung Quốc, không còn quay về An Nam nữa. Còn những người An Nam không muốn bị gọi đi, có một biện pháp duy nhất đó là trốn tránh, hoặc là tham gia vào hàng ngũ kháng nhà Minh.

---

1. *Việt kiệu thư, Quân trung sự nghi - Kế sự thập kiện*, quyển 2, sđd, tr. 21, Vĩnh Lạc tứ niên bát nguyệt sơ nhất nhật sắc Chu Năng "Kế sự thập bát kiện".
2. *Việt kiệu thư, Quân trung sự nghi - Kế sự thập kiện*, quyển 2, sđd, tr. 26.
3. *Việt kiệu thư, Quân trung sự nghi - Kế sự thập kiện*, quyển 2, sđd, tr. 27.
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên thập nguyệt Đinh Hợi*, quyển 72, sđd, tr. 1001.
5. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc ngũ niên cửu nguyệt Quý Dậu*, quyển 71, sđd, tr. 997.

Thứ ba, hành động của quan quân Trương Phụ, khiến cho người An Nam vô cùng oán hận. Ngày mùng 1 tháng 8 năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1407), Minh Thành Tổ từng cảnh cáo Trương Phụ "không nên lạm bừa đến những người vô tội". Vốn dĩ là Trương Phụ bắt một số "người vô tội, tất cả đều đem đi thiến."[1] Ngày 16 tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ 5, trách bọn Trương Phụ "chỉ chăm chú vào việc rượu chè mê đắm và háo sắc, tham lam hối lộ tài vật."[2] Có thể thấy rằng, những việc mà bọn người Trương Phụ làm phần lớn là không giữ lấy phép tắc, người An Nam căm ghét nhất là bọn Trương Phụ. Năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), trong lúc Trương Phụ một lần nữa dẫn quân địa phương xuống phương Nam, chinh tiễu việc dấy loạn của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng, *Đại Việt sử ký toàn thư* miêu tả hành động bạo ngược của quân Minh rằng: "Phụ đi đến đâu, giết chóc rất nhiều, có nơi thây chất thành núi, có chỗ moi ruột quấn vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ, hoặc nướng đốt làm trò, thậm chí có đứa mổ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp theo lệnh. Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng. Những dân còn sót lại bắt hết làm nô tì và bị đem bán, tan tác khắp bốn phương cả."[3] Những điều miêu tả này có phải là sự thật, rất khó để có thể tra cứu. Nhưng chí ít cũng nói lên được thái độ đau buồn tuyệt vọng đến cùng cực của người dân An Nam. Hành vi bất chấp phép tắc của quan quân, cũng có thể thấy qua sắc dụ của Minh Thành Tổ trách cứ Giao Chỉ Tổng binh quan Lý Bân dung túng cho bộ hạ của mình vào ngày 26 tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 7 (1409), "bắt con gái dân chứa trong nhà".[4] Cuối cùng điều đang phải nhắc đến đó là trong khi quân Minh đánh

1. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 37.
2. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 39.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 9, sđd, tr. 501. Nguyên văn: 輔所至多行殺戮，或積尸爲山，或抽腸繫樹，或煎肉取膏或炮烙爲戲，至有剖胎爲二鼓以應令者。京路以次受降，其遺民盡掠爲奴婢，及轉賣四散矣。(Bản dịch tiếng Việt tham khảo bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 343).
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên nhị nguyệt Tân Sửu*, quyển 209, sđd, tr. 2125.

vào An Nam, từng phá huỷ thành trì ở các nơi, để phòng tránh ngăn ngừa người An Nam làm phản.[1] Hành động này, tuy có lợi cho sự sắp đặt trong chiến lược của quân Minh, nhưng tất nhiên là khiến cho người ta cảm thấy vô cùng phản cảm.

Những hành vi của quân Minh, trong mắt của người An Nam, chỉ làm sâu thêm lòng thù hận của họ đối với người Minh mà thôi. Nguyễn Trãi đã hình dung hành động bạo ngược của quân Minh trong *Bình Ngô đại cáo* rằng: "Tát cạn nước Đông Hải không đủ rửa tanh nhơ, chặt hết trúc Nam Sơn không đủ ghi tội ác. Thần người đều căm giận, trời đất chẳng dung tha."[2] Tuy đây là những lời ước lệ khoa trương, nhưng cũng phản ánh được lòng phẫn giận oán hờn của người An Nam đối với nhà Minh. Sử thần nhà Lê An Nam là Ngô Sĩ Liên khi bình luận về sự cai trị của nhà Minh nói rằng: "Người Minh thì gian giảo bạo ngược, muốn thay đổi bờ cõi, giả nhân nghĩa để diệt nước người ta, thả tay chém giết dân ta, con thơ cháu nhỏ mắc vào thảm hoạ đâm giáo ngang thây..."[3] Sự phẫn nộ của người An Nam hoàn toàn có thể hiểu được. Đối với họ mà nói, sự xâm nhập của người Minh chính là giai đoạn tồn vong của dân tộc, chính là một cảnh nguy kịch mà kể từ khi An Nam độc lập trở lại đây chưa từng gặp phải, tình cảm dân tộc mãnh liệt này, nhanh chóng chuyển thành một sự đối kháng kịch liệt. Trong đời Vĩnh Lạc, nguyên nhân của việc dấy loạn không ngừng ở An Nam, cũng xuất phát từ nguyên nhân này mà ra.

Nhà Minh lấy danh nghĩa "điếu dân phạt tội, hưng diệt kế tuyệt" xuất binh đánh An Nam, sau đó lại chiếm lĩnh nước này,

---

1. *Việt kiệu thư*, quyển 2, sđd, tr. 26.
2. Trích từ *Hán văn văn học tại An Nam đích hưng thế* cùng một tác giả, sđd, tr. 77-78. Nguyên văn: 決東海之水，不足以濯其污；罄南山之竹，不足以書其惡。神人之所共憤，天地之所不容。(Bản dịch tiếng Việt tham khảo bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 343).
3. *Đại Việt sử ký tiền biên, Bản kỷ*, sđd, quyển 10, tr. 53. Bản dịch tiếng Việt của Viện nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 565-566. Nguyên văn: 明人狡虐，思改封土，假人滅國，殺戮恣行。我越人民，肝腦塗地，幼子童孫，罹刺槊橫屍之慘……。

điều đó tất nhiên là sẽ kích phát lòng phẫn giận nghĩa khí của chung một giặc thù của người An Nam. Tuy người Minh có chí lập lại cơ nghiệp Hán - Đường, nhưng lại coi thường sự thật lịch sử là người An Nam đã thực sự thoát ly sự thống trị của Trung Quốc hơn 400 năm rồi; coi thường việc họ đã xây dựng nên một tổ chức quốc gia độc lập hữu hiệu và có bản sắc dân tộc.[1] Huống hồ, từ xưa đến nay người An Nam tự coi mình là một nước man kiêu ngoài Trung Quốc, có tính cách dân tộc truyền thống phản kháng vương triều trung ương. Tuy An Nam từng là quận huyện của nhà Minh, nhưng dân tình thường phản kháng, thường xảy ra tình trạng dấy loạn. Ví dụ như chị em nhà Trưng Trắc - Trưng Nhị đời Hán, Lý Trường Nhân đời Tống, Lý Bí đời Lương, Lý Phật Tử đời Trần, và Lý Tự Tiên, Đinh Kiến, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Dương Thanh... đời Đường, đều là những nhân vật tiêu biểu cho thế lực phản kháng với chính quyền trung ương. Tính cách phản kháng truyền thống này, thừa cơ hội thế lực thời Ngũ đại thập quốc trung ương đang suy thoái, chuyển hoá thành một tính cách mạng chủ nghĩa dân tộc tìm cho mình một con đường độc lập tự chủ xây dựng quốc gia.

Thời Ngũ đại thập quốc, hào kiệt anh hùng An Nam cát cứ tự lập, Trung Quốc đã không có đủ sức để ngăn chặn áp chế. Mãi đến đời Tống, tuy đã có hai lần xua quân chinh phạt An Nam, nhưng đều không thể thay đổi được sự thực là An Nam đã thoát ly Trung Quốc. Kết quả, hai lần dụng binh của nhà Tống, không những đã cổ vũ cho sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc An Nam, mà còn làm tăng cường thêm cho tâm trạng và lòng tin đối kháng Trung Quốc của họ. Sau khi câu thơ mà danh tướng đánh bại quân nhà Tống là Lý Thường kiệt được xướng lên "Nam quốc sơn hà Nam đế cư", càng cổ vũ hơn cho tinh thần độc lập dân tộc của người An Nam. Tuy rằng quân Mông Nguyên ba lần công đánh An

1. Thomas Hodgkin, *Vietnam: The Revolutionary Path*, Macmillan press, 1981, tr. 65.

Nam, nhưng cuối cùng cũng không thể không buông bỏ. Điều này đều phản ánh được tinh thần của chủ nghĩa dân tộc kiên cường bất khuất của người An Nam. Như áng văn *Hịch tướng sĩ văn* 檄將士文 của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn hai lần đánh bại quân Nguyên, đã cổ vũ được tinh thần vị quốc vong thân của người An Nam. Trong hịch văn có câu rằng: "Bởi giặc Nguyên cùng ta là kẻ thù không đội trời chung, thế mà ngươi cứ điềm nhiên không nghĩ đến việc báo thù, lại không biết dạy quân sĩ, khác nào như quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay không mà chịu thua quân giặc, khiến cho sau trận Bình Lỗ mà ta phải chịu tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa."[1] Có thể thấy, sự xâm lược An Nam của quân Nguyên, càng kích thích ý thức dân tộc của người dân An Nam thêm sâu sắc hơn.[2] Nói một cách khác, mỗi lần Trung Quốc phát động chiến tranh với An Nam, có nghĩa là làm tăng cường thêm ý thức dân tộc của người dân An Nam. Thái độ của họ đối với kẻ chinh phục Trung Quốc, chính là dùng "đối kháng" để giành lại quyền độc lập dân tộc.[3]

Việt Nam đã có kinh nghiệm từng trải qua hai lần uy hiếp quân sự của Trung Quốc vào đời nhà Tống và nhà Nguyên, thì làm sao có thể chịu để cho nhà Minh khống chế? Vị thủ lĩnh quân nổi loạn đã phò lập Trần Quý Khoáng là Đặng Dung, bị Trương Phụ bắt và trên đường áp giải đến Trung Quốc, đã để lại một bài *Cảm hoài thi* 感懷詩 rằng:

---

1. Trích từ *Hán văn văn học tại An Nam dịch hưng thế* cùng một tác giả, sdd, tr. 121. Nguyên văn: 蒙韃乃不共戴天之仇，汝等怡然不以雪恥爲念，除凶爲心，而又不教士卒。是倒戈迎降，空拳受敵，使平虜之後，萬世遺羞，尚何面目立於天地覆載之間哉。Bản dịch của Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn học, Nhã Nam, 2015, tr. 130.
2. Chu Vân Ảnh 朱雲影, *Trung Quốc chính thống luận đối Nhật Hàn Việt dịch ảnh hưởng* 中國正統論對日韓越的影響, Đài Loan *Sư đại học báo*, kỳ thứ 11, quyển thượng, tr. 335.
3. Hương Giang, *Defense and illustration of Vietnamese Civilization*, Văn hoá số 68, 164,1962.

Nguyên văn:	**Phiên âm:**
世事悠悠奈老何？	Thế sự du du nại lão hà?
無窮天地入酣歌。	Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
時來屠釣成功易，	Thời lai đồ điếu thành công dị,
運去英雄飲恨多。	Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
致主有懷扶地軸，	Chí chủ hữu hoài phù địa trục,
洗兵無路挽天河。	Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
國仇未復頭先白，	Quốc cừu vị phục đầu tiên bạch,
幾度龍泉帶月磨。	Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Dịch Nôm:

Việc đời bối rối tuổi già vay?
Trời đất vô cùng, một cuộc say.
Bần tiện gặp thời, lên cũng dễ,
Anh hùng lỡ bước ngẫm càng cay.
Vai khiêng trái đất mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.
Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày!

(Phan Kế Bính dịch - *Đông Dương tạp chí*, lớp mới, số 116)[1]

Tinh thần đối kháng chiến tranh kiểu "thù trả chưa xong" này, không hề bị tiêu diệt bởi sự thất bại trong công cuộc phục quốc của họ Trần, cũng không bị dập tắt bởi sự trấn áp bằng thế lực lớn mạnh của quân Minh. Mà ngược lại, sự dấy động kháng cự sự thống trị của người Minh đang lan tràn ở khắp nơi trên đất An Nam. Đây là những điều mà chương này đã khảo thuật, những sự

1. *Hán văn văn học tại An Nam dích hưng thế,* sđd, tr. 130. Phiên âm và bản dịch Nôm của Phan Kế Bính trích trong Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu,* Trung tâm học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1973, tr. 244-245.

kiện nổi loạn mà có thể tìm kiếm qua tư liệu, chúng ta có lý do để tin rằng, còn có nhiều hơn những sự kiện chống quân Minh, mà vốn dĩ không cách nào có thể tìm thấy và khảo chứng được.

5. Lời kết

Nói chung, An Nam dưới sự cai trị của Trung Quốc trong niên gián Vĩnh Lạc nhà Minh chính là một cục diện "loạn". Do chính quyền Giao Chỉ nhà Minh vẫn chưa hoàn toàn có thể khống chế được toàn bộ khu vực An Nam, nên tất cả nền chính trị và hoạt động văn hoá vẫn chưa thể đẩy mạnh phát triển một cách hữu hiệu trên vùng đất An Nam. Hoàng Phúc là Giao Chỉ Bố chính ty sứ đóng thủ tại An Nam, những văn thư mà ông viết về khu vực An Nam, đều là những lời than thở bùi ngùi nhưng có thể tưởng tượng ra được. Những cuộc nổi dậy ở vùng An Nam, rõ ràng đã phản ánh được tinh thần giành lấy nền độc lập dân tộc của người An Nam. Do đó, chính sách cai trị của chính quyền Giao Chỉ nhà Minh, bất luận là có thích đáng hay không, đều không phải là nguyên nhân chủ chốt của sự nổi loạn, kháng chiến chính là biện pháp duy nhất mà dân An Nam có thể làm để thoát khỏi sự thống trị của Trung Quốc. Vì vậy, khi tin dữ về việc Minh Thành Tổ băng hà được truyền đến An Nam, đã kích thích lòng phản kháng của người dân An Nam trỗi dậy, lúc bấy giờ, thế cục ở An Nam đang ngưng đọng lại làm một lực lượng chống nhà Minh mới nổi. Minh Nhân Tông và Minh Tuyên Tông phải đối mặt với mớ rắc rối mà Minh Thành Tổ để lại, cuối cùng cũng không thể nào không bỏ An Nam, để đổi lại sự hoà bình cho Trung Quốc.

Minh Nhân Tông qua nét vẽ của Dao Văn Hàn 姚文翰
vẽ vào năm Thanh Càn Long thứ 53 theo lệnh vua Càn Long

Minh Tuyên Tông Tuyên Đức Hoàng Đế

Chương V

MINH TUYÊN TÔNG TỪ BỎ AN NAM

1. Lời đầu

Năm Vĩnh Lạc nhà Minh thứ 4 (1406), Thành Tổ hoàng đế viện cớ rằng Lê Quý Ly An Nam soán ngôi nhà Trần, hô hào 80 vạn đại quân, cử binh xâm lược An Nam, sau đó lập tức đặt quận huyện đất ấy, đặt tam ty: Giao Chỉ Bố chính, Án sát, Đô chỉ huy, tiến hành cai trị trực tiếp. Nhưng đất An Nam đã thoát ly Trung Quốc và độc lập kể từ đời Hậu Tấn năm Thiên Phúc thứ 4 (939), đã được hơn 400 năm, làm thế nào mà lại dễ dàng chịu sự khống chế của Trung Quốc. Kết quả, sự cai trị An Nam trong niên gián Vĩnh Lạc nhà Minh rốt cuộc đã trở thành một cơn ác mộng của Trung Quốc. Những cuộc chiến tranh và động loạn phản kháng Trung Quốc, liên tục hơn 10 năm trời, Minh Thành Tổ nhiều lần điều phái đại quân xuống phương Nam trấn áp, mới có thể duy trì được sự thống trị ở An Nam.[1] Kể từ sau năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420), việc dấy loạn ở An Nam về cơ bản đã bình ổn trở lại. Nhưng tin dữ Thành Tổ hoàng đế băng hà, lại một lần nữa vén lên đợt sóng phản kháng. Ba năm sau, quân Minh rút lui khỏi An Nam, Lê Lợi 黎利 trở thành vị anh hùng dân tộc trong lịch sử Việt Nam, còn ngược lại thì Minh Tuyên Tông 明宣宗 lại gánh trách nhiệm đã từ bỏ An Nam. Công trạng hay tội trạng trong lịch sử, có lúc cần phải thông qua bản thân sự kiện lịch sử để tiến hành phân tích sâu và rộng, mới có thể nhìn thấy được rõ ràng hơn.

2. Sự nổi dậy và mở rộng của Lê Lợi

Vốn dĩ Lê Lợi chỉ là một trong những lãnh tụ của những cuộc nổi dậy. Sự khởi binh kháng Minh của ngài, được ghi chép sớm nhất là vào ngày mùng 3 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 16 (1418).[2] Trên thực tế, kể từ sau khi quân Minh chiếm lĩnh An Nam, Lê Lợi đã từng theo hậu duệ họ Trần là Trần Quý

1. Xem nội dung của Chương IV trong sách này.
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập lục niên chính nguyệt Giáp Dần,* quyển 196, sđd, tr. 2054.

Khoáng để nổi dậy. Cho đến sau khi Trần Quý Khoáng thất bại, ngài mới quy hàng nhà Minh trong một dạo, và được giao cho chức Thổ quan Tuần kiểm 土官巡檢. Nhưng, trong lòng Lê Lợi ôm một nỗi niềm cố quốc, u uất bất đắc chí. Vì thế nên "xướng suất các bật hào kiệt giương cao cờ nghĩa ở Lam Sơn, tự lập làm Vương."[1] Lam Sơn 藍山 nằm ở giáp ranh huyện Lương Giang 梁江 phủ Thanh Hoá.[2] Thời kỳ đầu Lê Lợi khởi binh có vẻ không được thuận lợi, ngài bị quân Minh trấn áp và công kích mãnh liệt, quân đội kháng Minh khi mới bắt đầu tổ chức gặp phải thử thách hết sức nghiêm trọng và nguy khốn. Trong chiến tranh, ái nữ của Lê Lợi đã bị Minh Giám quân Thái giám Mã Kỳ bắt đi,[3] thế là, càng khiến cho ngài trở nên tâm huyết hơn trong việc phản kháng quân Minh.

Năm Vĩnh Lạc thứ 16 (1418), quân Minh đang sử dụng đội quân 45.000 binh, phối hợp với hơn trăm voi và ngựa để tiến hành chinh tiễu Lê Lợi.[4] Trong lúc Lê Lợi không cách nào có thể thoát thân được, bèn kêu gọi tráng sĩ mạo danh, dùng kế dẫn lui quân Minh.[5] Ngài lẳng lặng quay trở về căn cứ địa Lam Sơn, xây dựng thành luỹ để phòng ngự.[6] Ngài bèn làm giả một điệp văn để lừa quân nhu yếu phẩm hỗ trợ của Lão Qua (sử Việt gọi là Ai Lao).[7] Chính nhờ vào trợ cấp của Lão Qua, trong một chiến

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ*, "Vĩnh Lạc thứ 16", quyển 10, sđd, tr. 10. Nguyên văn: 率豪傑舉義旗於藍山，自立爲王。
2. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 13, sđd, tr. 1547.
3. Về chuyện ái nữ của Lê Lợi bị Mã Kỳ bắt, ngài cảm thấy hết sức đau buồn và phẫn hận, sau khi quân Minh rút lui khỏi An Nam, ngài từng tấu xin Minh Tuyên Tông tìm giúp người con gái ấy. Minh Tuyên Tông trả lời rằng: "Tấu đứa con gái 9 tuổi, Mã Kỳ nhận nuôi, đem về kinh sư... nay hỏi tin tức, do thuỷ thổ không thích hợp, bệnh mất đã lâu." (Xem Trương Kính Tâm, *Ngụ giao ký*, quyển 7, sđd, tr. 100).
4. Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, tr. 621.
5. Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, tr. 620. Việc này sử Việt chép vào tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 17.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 516.
7. Yamamoto Tatsuro, *An Nam sử nghiên cứu* [1], sđd, tr. 622.

dịch ở Mường Một[1] (phía Tây Nam của Lam Sơn), quân Minh "chết và bị thương quá nửa".[2] Chiến dịch Mường Một xây đắp cơ ngơi đại bản doanh cho cuộc vận động kháng Minh của Lê Lợi ở Lam Sơn. Trên thực tế, Lê Lợi đã hoạt động ở khu vực Lam Sơn trong một thời gian. (Xem phụ lục bản đồ 4) Kể từ năm Vĩnh Lạc thứ 14 (1416), Lê Lợi cùng với 18 vị chiến hữu thân mật nhất của mình cử hành một nghi thức tuyên thệ ở Lam Sơn, nguyện phấn đấu đến cuối cuộc đời vì sự nghiệp kháng địch cứu quốc.[3]

Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh, chắc chắn là được cổ động bởi sự việc Trương Phụ bị triệu về kinh năm Vĩnh Lạc thứ 14.[4] Nhân dân An Nam nhân tình thế này muốn dấy loạn, cũng chính là tình trạng bình thường kể từ khi nhà Minh thống trị trở đi, Trương Phụ về phương Bắc, là đúng lúc cho những người phản kháng cơ hội tuyệt hảo. Theo nhà nghiên cứu người Nhật là Yao Takao 八尾隆生 cho hay, ngày mùng 2 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 16 (1418), những tướng lĩnh theo Lê Lợi khởi nghĩa đông đến 70 người.[5] Có thể thấy rằng trước lúc Lê Lợi khởi binh, vùng đất Lam Sơn đã do tập đoàn Lê Lợi chiếm cứ. Lê Lợi vốn là một tuần kiểm cửa núi Nghiêu Sơn 嶢山 huyện Nga Lạc,[6] đương nhiên có thể giương cao cờ nghĩa, kêu gọi trung nghĩa, khiến cho lòng người An Nam quay lưng lại, có thể nói là hết sức rõ ràng. Sự chiến đấu vào năm Vĩnh Lạc thứ 16, củng cố địa vị phía Tây Lam Sơn của Lê Lợi, thế lực bắt đầu chuyển hướng mở rộng ra bên ngoài.

---

1. Mường Một 忙沒: hay Mường Mọt, sau là xã Bất Một, thuộc huyện Thường Xuân ngày nay. (Chú của sách *Đại Việt sử ký toàn thư* bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 352.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 516.
3. *Việt Nam lịch sử*, (tập 1), sđd, tr. 272.
4. Xem Chương IV, phần 3 của quyển sách này.
5. Yao Takao, *Về tập đoàn Thanh Hoá thời kỳ đầu nhà Lê Việt Nam* ヴェトナム黎朝初期の清化集団について (*Đông dương văn khố*, quyển 46, số 4, tháng 3 năm Chiêu Hoà 63), chú thích thứ 15.
6. Hoàng Phúc, *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, Tạp trứ - chiêu phũ Giao nhân bản văn* 雜著、招撫交人榜文, quyển 8, sđd, tr. 1.

Chân dung Minh Tuyên Tông Tuyên Đức Hoàng Đế

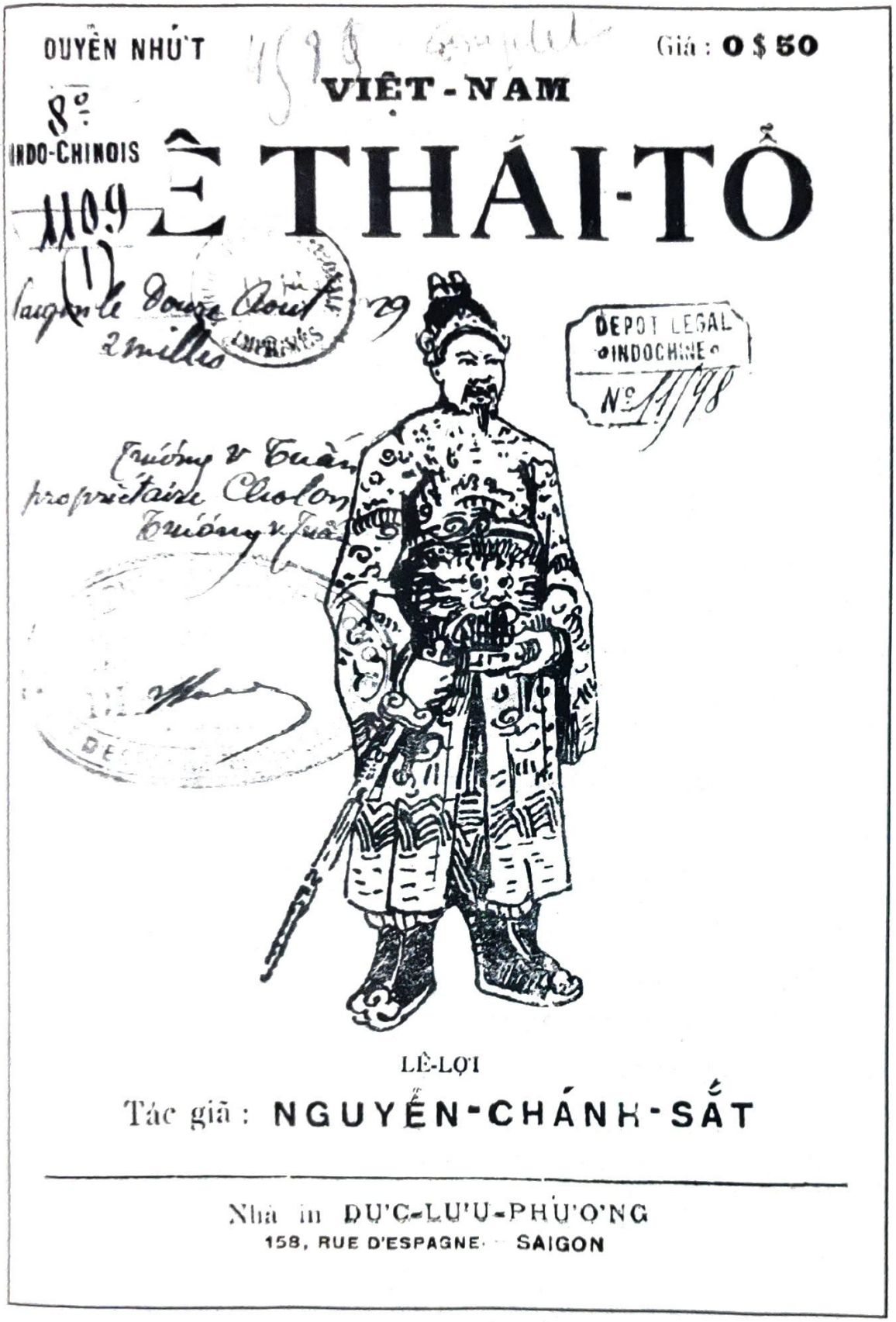

Hình vẽ vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) trên trang bìa của một quyển sách do Nguyễn Chánh Sắt viết

Tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 17, Lê Lợi thống lĩnh nghĩa quân tiến đánh quân Minh ở khu đồn bảo Nga Lạc phía Đông Lam Sơn.[1] Rồi hướng lên phía Bắc đánh vào biên giới huyện Lỗi Giang, mục tiêu là đoạt được Tây Đô. Trong hịch văn cho Quách Nguyên Bàng 郭元滂 là đầu mục sách Mường Mông huyện Lỗi Giang Gia Tưởng, Giao Chỉ Bố chính ty Hoàng Phúc đã thổ lộ được sự thực là Lê Lợi "đầu độc bừa bãi ở trong ấp".[2] Có thể thấy vùng Tây Nam biên giới huyện Lỗi Giang, đang chịu sự quấy nhiễu của Lê Lợi, nhưng khu vực Lô Sách còn gặp phải sự phá hoại lớn hơn nữa.[3] Đối với việc gây hấn của Lê Lợi, Tổng binh quan nhà Minh là Lý Bân không dám lơ là nhẹ dạ, ngay lập tức tăng thêm binh lực để chinh tiễu.[4] Bởi sự trấn áp của quân Minh, giải tán được ý đồ tiến quân đến Tây Đô của Lê Lợi, đồng thời xoay sở đến đồn tập ở sách Lư Sơn phía Tây Quan Du (ở biên giới Lão Qua gần phía Tây Bắc huyện Lỗi Giang). Lúc này, Lê Lợi có vẻ như đã liên kết thành đồng minh với Lão Qua, đồng thời được chi viện quân sự từ Lão Qua.[5] Tháng 8 năm này, Lê Lợi lại một lần nữa tiến công Lỗi Giang, kết quả là bị quân Minh đánh bại, lui về Lão Qua.[6]

Năm này, do sự tham lam bạo tàn của Thái giám Mã Kỳ, càng kích thích lòng phản kháng sự thống trị bởi nhà Minh của người dân An Nam, tất cả những lãnh tụ quan trọng dựng cờ nổi dậy có 18 người, động loạn bùng cháy khắp nơi, phủ Nghệ An hầu như rơi vào trong tay của những người dấy loạn.[7] Bố chính ty Hoàng

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 517.
2. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập,* quyển 7, sđd, tr. 38.
3. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập,* quyển 7, sđd, tr. 37.
4. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên ngũ nguyệt Bính Ngọ,* quyển 212, sđd, tr. 2137.
5. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lê Bình Định Vương nhị niên,* sđd, tr. 1561.
6. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập thất niên bát nguyệt Nhâm Ngọ,* quyển 215, sđd, tr. 2151.
7. Tham khảo Chương IV, phần 3 của sách này; tham khảo thêm *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 517.

Phúc lo lắng nặng nề chỉ ra rằng: "Đất căn bản của Đông Quan (Hà Nội), nắm giữ binh quyền để chế ngự chính quyền, không thể một ngày không phòng bị. Nay dự bị đất căn bản của ta; chia quân toàn thắng của ta, một đóng ở Thanh Hoá; một đóng ở Nghệ An, còn giặc Lợi (Lê Lợi) đã lâu không đầu hàng; giặc Liêu (Phan Liêu) rốt cục vẫn chưa bắt được... cái ý đóng binh, chuyện là vì giặc Lợi. Nay giặc Lợi không có tiếng ra cướp, đồn của ta có những người dự bị phòng thủ, e là đang ngầm thông với giặc Liêu, siết chặt quân ta."[1] Có thể thấy được rằng lúc bấy giờ Giao Chỉ đang rơi vào trong một cuộc thử thách nghiêm ngặt nguy khốn. Phần lớn quân thủ Đông Quan đã điều đi phủ Nghệ An để trấn áp động loạn, sự uy hiếp của Lê Lợi cũng theo tình thế như ong vỡ tổ của cuộc dấy động mà ngày một khuếch trương, vả lại dần dần trở thành tai hoạ lớn cho quân Minh.

Ngày mùng 4 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420), Lê Lợi khống chế một phần của huyện Lỗi Giang.[2] Đối với việc dấy loạn ở khu vực Giao Chỉ, Minh Thành Tổ rất không hài lòng, ngày 10 tháng 5 ngài khiển trách Tổng binh quan Lý Bân xử sự không có hiệu quả rằng: "Bọn phản loạn Phan Liêu, Lê Lợi, Xa Tam, Nông Văn Lịch đến nay vẫn chưa bắt được, không biết việc binh đến khi nào mới hết? Dân đến lúc nào mới được yên?"[3] Lý Bân lại một lần nữa tập kết quân binh, ngày 25 tháng 10 phát động thế tấn công Lê Lợi.[4] Cuộc chiến hết sức kịch liệt, đôi bên

1. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập*, quyển 4, sđd, tr. 42. Nguyên văn: 東關（河內）根本之地，居重馭輕，不可一日無備。今而虛我根本之地；分我全勝之軍，一駐於清化；一駐於乂安，而賊利（黎利）久不授首；賊寨（潘僚）卒未能擒……駐兵之意，專爲賊利也。今賊利無出劫之聲，我堡有虛守之眾，深恐潛通賊寨，掣住我軍。
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên chính nguyệt Quý Mão*, quyển 220, sđd, tr. 2185.
3. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên ngũ nguyệt Đinh Sửu*, quyển 225, sđd, tr. 2211. Nguyên văn: 叛寇潘遼（僚）、黎利、車三、農文歷等迄今未獲，未審兵何時得息？民何時得安？
4. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập bát niên thập nguyệt Canh Thân*, quyển 230, sđd, tr. 2231.

lúc thắng lúc bại, nhưng hành động của quân Minh không hề thành công. Cuối cùng, quân Minh chỉ có thể bảo vệ được Tây Đô, còn Lê Lợi thì chiếm cứ các nơi đồn Nga Lạc, sách Ba Lẫm 波凜 thuộc huyện Lỗi Giang.[1]

Nửa năm đầu Vĩnh Lạc thứ 19 (1412), có vẻ như Lê Lợi đang tu dưỡng sức lực, đợi thời cơ để hành động. Quân Minh thì tập trung binh lực để thanh tiễu những người dấy loạn Phan Liêu, Cầm Quý, Dương Cung...[2] Lúc này, nổi loạn ở khắp nơi trên đất Giao Chỉ, dưới sự trấn áp toàn lực của quân Minh, đại khái là đã bình ổn xuống. Chính sách của Tổng binh quan Lý Bân là phát động một thế công đánh Lê Lợi. Ngày 11 tháng 9, Lý Bân tấu với Minh Thành Tổ: "Phản tặc Lê Lợi chạy trốn vào Lão Qua, lệnh cho lãnh quân truy bắt, mà Lão Qua sai Đầu mục Lãm Kỳ Lang Cốc[3] xin quan quân đừng vào biên cảnh."[4] Dụng ý của Lý Bân là ép Lão Qua liên kết với mình đối phó Lê Lợi. Minh Thành Tổ cũng nghi ngờ về sự cấu kết của Lão Qua và Lê Lợi, ra lệnh cho Lý Bân "đưa bọn Lãm Kỳ Lang Cốc đến Bắc Kinh để cật vấn."[5] Như vậy, dưới áp lực của triều đình nhà Minh, Lão Qua không thể không điều chỉnh lại mối quan hệ với Lê Lợi.

Tháng 11, quân Minh cử hành một cuộc tiến công lớn vào cứ điểm của Lê Lợi, đoạt được sách Ba Lẫm thuộc huyện Lỗi Giang. Toàn quân Lê Lợi thất lợi, lục tục bại lui, quân Minh phải "mở thông đường núi" để truy đuổi.[6] Có thể thấy, chiến dịch này cực kỳ gian khổ và nguy hiểm. Cũng trong lúc này, Lão Qua xua

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 519.
2. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập cửu niên chính nguyệt Kỷ Tỵ,* quyển 233, sđd, tr. 2248.
3. Bản dịch của Hồ Bạch Thảo dịch là "Lãm Kỳ Tức Cốc" 覽耆即谷, ông nhìn nhầm chữ Lang 郎 thành chữ tức 即, vốn dĩ là "Lãm Kỳ Lang Cốc" 覽耆郎谷, nhân đây xin đính chính lại. (NPA)
4. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc Thập cửu niên cửu nguyệt Tân Mùi,* quyển 241, sđd, tr. 2289.
5. *Minh Thái Tổng thực lục, Vĩnh Lạc thập cửu niên cửu nguyệt Tân Mùi,* quyển 241, sđd, tr. 2290.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 520.

quân tiến vào biên giới Việt Nam, xảy ra một cuộc chiến đấu kịch liệt với Lê Lợi.[1] Việc Lão Qua lén xuất binh tập kích Lê Lợi, *Đại Việt sử ký toàn thư* cho rằng là "nguỵ quan Lộ Văn Luật trốn giặc (chỉ quân Minh) sang Ai Lao, sợ uy danh vua, thêu dệt gây nên hiềm khích, nên mới đến nỗi thế."[2] Kỳ thực là Lão Qua bị ép bởi áp lực của triều đình nhà Minh, liên hợp với quân Minh để đối phó Lê Lợi.

Ngày 14 tháng Giêng năm Vĩnh Lạc thứ 20 (1422), Tổng binh quan Lý Bân bệnh chết, triều đình nhà Minh lấy Tham tướng Trần Trí thay chức Tổng binh quan. Nửa đầu năm này, quân Minh tiếp binh bất động, Lê Lợi cũng án binh không ra mặt. Đối với cục diện đôi bên kình chống này, Minh Thành Tổ cũng có chút sốt ruột. Ngày mùng 8 tháng 12, về việc giặc phản Lê Lợi đã lâu rồi mà không bắt được, ngài đã trách cứ Trần Trí, đồng thời hạ lệnh cho quan quân đang đóng ở Giao Chỉ phải lập tức có hành động gì đó.[3] Ngày 24 tháng 12, quân Minh một lần nữa giao ước với Lão Qua công kích nghĩa quân Lê Lợi đóng đồn ở khu vực Quan Du[4]. Liên quân Minh-Lào lần lượt kẹp đánh, khiến Lê Lợi rơi vào trong tình trạng bốn bề kêu than khổ sở. Cuộc chiến đấu kịch liệt lạ thường, Tả tham tướng quân Minh là Phùng Quý 馮貴 tử trận.[5] Nhưng trận chiến này lại không giống như những gì Việt sử nói rằng Mã Kỳ, Trần Trí bại lui, chạy về thành Đông Quan.[6]

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 520.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 520. Nguyên văn: 僞官路文律逃賊（指明軍）入哀牢，畏帝（黎利）威名，構成嫌隙，故至此。Bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 355.
3. *Minh Thái Tổ thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập niên thập nhị nguyệt Tân Mão,* quyển 254, sđd, tr. 2359.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Quan Da 關耶. (NPA)
5. *Minh Thái Tổ thực lục,* quyển 225, sđd, tr. 2213. *Minh thực lục* chép nhầm cái chết của tướng Phùng Quý vào "ngày Canh Dần tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 18".
6. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 521. Bọn Lê Lĩnh, Lê Vấn, Lê Hào, Lê Triện xông lên trước phá trận, chém được tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn thủ cấp giặc, bắt được trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chỉ thoát được thân mình chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng bỏ trốn. Nguyên văn: 黎領、黎問、黎豪、黎篆等身先陷陣，斬獲明參將馮貴及其眾千餘級，獲馬百匹。馬騏、

Mà ngược lại, cuộc chiến còn kéo dài mãi cho đến tháng Giêng năm sau, cuối cùng Lê Lợi cũng bị quân Minh đánh bại.[1]

Sau khi nghĩa quân Lê Lợi trải qua chiến dịch này, đang phải đối mặt với nguy cơ tan rã. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép sau khi Lê Lợi thất bại "quân lính hết lương, hơn hai tháng, chỉ ăn rau củ và măng tre mà thôi. Vua giết 4 con voi và cả ngựa của mình cưỡi để nuôi quân sĩ. Song thỉnh thoảng vẫn có kẻ bỏ trốn."[2] Có thể thấy được, lòng quân lúc bấy giờ đã bắt đầu dao động, giữa lúc vô cùng nguy khốn và bức bách, tả hữu của Lê Lợi lại đề nghị "hoà thân" với nhà Minh.[3] Nói một cách khác thì đầu hàng nhà Minh là con đường thoát duy nhất. Lê Lợi bất đắc dĩ phái người thân tín là Lê Vận 黎運 đến giao thiệp với quân Minh. Thái giám Mã Kỳ, Tổng binh quan thay thế Trần Trí thấy "nhiều cuộc chiến bất lợi, bèn chấp nhận."[4] Đây là lần tiếp xúc ngoại giao đầu tiên trong 5 năm kể từ khi Lê Lợi khởi binh ở Lam Sơn.

Ngày 14 tháng 4 năm Vĩnh Lạc thứ 21 (1423), quân đội tàn dư của Lê Lợi lui về căn cứ địa Lam Sơn, quân Minh cũng nhân thế ấy mà dẫn lợi, dụ Lê Lợi hàng phục. *Đại Việt sử ký toàn thư* nói "Bọn tham tướng Trần Trí, nội quan Sơn Thọ nhà Minh đưa biếu vua nhiều trâu ngựa, cá muối cùng thóc giống và nông cụ để

陳智僅以身免，奔走東関，哀牢亦遁。Bản dịch tiếng Việt của Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu, sđd, tr. 356. 孫曉主編，《大越史記全書》，頁 464. (NPA)

1. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhất niên chính nguyệt Quý Mão,* quyển 255, sđd, tr. 2366. Ngày Quý Mão, Tham tướng Giao Chỉ Vinh Xương bá Trần Trí đánh phản tặc Lê Lợi tại huyện Đông [bản gốc viết Xa 車] Lai, châu Ninh Hoá. Lợi thua bỏ trốn. Nguyên văn: 癸卯，交趾參將榮昌伯陳智進擊叛賊黎利於寧化州車來縣。利敗遁去。Bản dịch tiếng Việt của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 2, tr. 95, tr. 428
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 521. Nguyên văn: 軍士絕糧二月餘，惟食菜根蔬笋而已。帝殺象四隻及所乘馬以饗軍士，然往往猶有逃亡者。Bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 356.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 521; Tham khảo thêm *Thỉnh hàng thư* 請降書 của Nguyễn Trãi. (*Ức Trai di tập* 抑齋遺集, Phúc Khê nguyên bản, Đông Dương văn khố tàng), quyển 4, tr. 1.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Thuộc Minh kỷ,* quyển 10, sđd, "Vĩnh Lạc thứ 20".

dụ dỗ."[1] Ngày mùng 6 tháng 5, Lê Lợi lại sai Lê Vận đem 5 chiếc ngà voi và cùng với Nguyễn Trãi viết cho Lê Lợi bức *Thỉnh hàng thư*, đến doanh trại của quân Minh cầu hoà. Trong thư hàng tuy rằng thỉnh cầu quân Minh "cho phép được tự có con đường mới", nhưng trong bụng vẫn chỉ trích sự cấu kết của quan quân từ trên xuống dưới, áp bức tàn hại người lương thiện, đến nỗi quan ép dân tạo phản.[2] Tổng binh quan thay thế là Trần Trí biết Lê Lợi sẽ không thành tâm quy phụ, do đó bèn bắt giam sứ giả cầu hoà. Lê Lợi thấy thái độ của Trần Trí ngang ngược, bèn chấm dứt tiếp xúc và đàm phán với quân Minh. Và thế là, nghĩa quân lại một lần nữa nổi dậy một cách phấn chấn, tuyên thệ sẽ kháng chiến với quân Minh.[3]

Một loạt những tiếp xúc ngoại giao này, tuy chưa đạt được bất cứ kết quả nào, nhưng sau năm này, đôi bên đều án binh bất động, không có ghi chép gì về chiến tranh, hoạt động ngoại giao có vẻ như vẫn đang được tiến hành. Lê Lợi lợi dụng khoảng thời gian đình chiến "ngoài mặt hoà thân", tiến hành những hoạt động "rèn chế quân giới, quyên tiền, mộ binh", chuẩn bị cho những hoạt động kháng chiến chống Minh trong tương lai.[4] Trong lúc này, việc dấy loạn ở khắp nơi trên đất An Nam, trên cơ bản là đã bình ổn trở lại, duy chỉ một mình Lê Lợi là tử thủ làm căng ở Lam Sơn mà thôi. Trần Trí, Mã Kỳ, Sơn Thọ... hầu như đều thiếu trí tuệ và lòng dũng cảm, không thừa thắng để bao vây chinh tiễu Lam Sơn, quét sạch tàn dư của Lê Lợi, ngược lại còn xướng nghị hoà giải, dụ dỗ bằng quan chức. Đây chính là điều mà người Minh không hiểu được ý nguyện phục quốc của người An Nam, cũng không chịu nhìn nhận chính thức về tính nghiêm trọng của vấn đề này.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 521. Nguyên văn: 明參將陳智、內官山壽等多遺牛馬魚鹽，及穀種農器以誘之。Bản dịch của Ngô Đức Thọ..., sđd, tr. 356.
2. *Ức Trai di tập, Thỉnh hàng thư*, quyển 4, sđd, tr. 1-2.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 521.
4. *Việt Nam lịch sử*, tập 1, chương 6, sđd, tr. 277.

Tháng 7 năm Vĩnh Lạc thứ 22 (1424), Minh Thành Tổ băng hà, Minh Nhân Tông nối ngôi, lịch sử lại bước vào một thời đại mới. Trong chiếu duy tân mà Minh Nhân Tông ban xuống, có một mục đặc biệt nhắm vào An Nam, đó là "Các loại vàng, châu ngọc, hương liệu mà Giao Chỉ dâng cống, tất cả đều dừng lại. Tất cả những người thu mua vật liệu ở Giao Chỉ, những người liệt kê chưa hết trong chiếu thư, cũng đều phải dừng lại. Tất cả những quan viên giám đốc trong và ngoài được sai đi, hạn trong 10 ngày đều phải quay trở lại kinh, và không được phép viện cớ lưu lại, ngược đãi làm hại quân dân."(1) Minh Nhân Tông hy vọng có thể thông qua chính sách khoan hậu vỗ về này mà an ủi dân chúng, để ổn định thế cục ở An Nam. Nhưng Lê Lợi chiếm cứ ở đất Lam Sơn, thừa dịp thay triều đổi ngôi của nhà Minh, một lần nữa muốn dấy động, uy hiếp và khôi phục trở lại.

Lúc này, Trần Trí trông tình thế có biến, cũng muốn lập công lao trước vua mới, do đó ngày mùng 1 tháng 9, ông bèn tấu xin tiến binh tiễu trừ.(2) Nằm ngoài dự liệu, Minh Nhân Tông không tán thành việc tiến quân, đồng thời ra chỉ thị: "Nay nếu quan quân chưa tiến, thì mang thư đến chiêu dụ, sẽ không hỏi đến lỗi xưa, lệnh cho về đất cũ an cư lạc nghiệp. Nếu bọn này cố chấp ngu muội không chịu ra, vẫn tiếp tục hành động như trước, thì hãy tâu đầy đủ sự thực, để có cách xử lý khác."(3) Do chính sách ôn nhu của Minh Nhân Tông đối với An Nam, đã cản trở nghiêm trọng công việc thanh tiễu của quân Minh ở An Nam. Đặc biệt là sau khi Thái giám Sơn Thọ về đến kinh sư, ra sức nói về danh dự của Lê Lợi. Minh Nhân Tông cho là thật, bèn một lần nữa phái Sơn

1. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên thất nguyệt Đinh Tỵ*, quyển 1 thượng, sđd, tr. 17.
2. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên cửu nguyệt Quý Dậu*, quyển 2 thượng, sđd, tr. 40.
3. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên cửu nguyệt Quý Dậu*, quyển 2 thượng, sđd, tr. 40. Nguyên văn: 交阯採辦金珠香貨之類，悉皆停止。交阯一應買辦採取物料，詔書內開載未盡者，亦皆停止。所差去內外監督官員，限十日內即起程赴京，并不許託故稽留，虐害軍民。

Thọ xuống phương Nam, phụ trách đàm phán với Lê Lợi về việc quy phụ, đồng thời ban cho Lê Lợi làm "Tri phủ của phủ Thanh Hoá, cai trị dân một quận."[1] Từ đó có thể thấy, Minh Nhân Tông đã thay đổi chính sách cứng nhắc và mạnh bạo thời Minh Thành Tổ, rõ ràng có chút tiêu cực.

Thái độ tiêu cực này, rõ ràng là có ý lôi kéo những tướng lĩnh An Nam đang chấp hành những hành động quân sự, điều càng khiến cho người ta hoài nghi đó là ngày mùng 3 tháng 9, đột nhiên Minh Nhân Tông triệu hồi Giao Chỉ Bố chính kiêm Án sát nhị ty sứ Hoàng Phúc đã cầm đầu ở An Nam 17 năm trời, và lấy Giao Chỉ Quân vụ Binh bộ thượng thư Trần Hiệp thay nắm giữ hai ty.[2] Minh Nhân Tông gấp rút muốn triệu kiến Hoàng Phúc, để làm chuyện gì? Đây là một câu đố. Chắc chắn là Minh Nhân Tông muốn tìm hiểu tình hình thực tế ở An Nam một cách triệt để, để có thể đưa ra sách lược đối với An Nam. Nhưng việc triệu hồi Hoàng Phúc thực sự là gây bất lợi cho việc ổn định chính cuộc ở An Nam. Thực sự giống như tác giả Nghiêm Tòng Giản đời Minh đã viết trong tác phẩm *Thù vực châu tư lục* rằng: "Lúc này, người Giao Chỉ chỉ sợ có hai người. Trương Phụ giỏi dụng binh, uy chấn khắp nơi phong tục khác nhau, đất Giao Châu vì sợ mà tịnh; Hoàng Phúc giỏi việc vỗ về yên ủi, ân huệ chảy khắp nơi xa xôi, người Giao Châu sợ mà yên. Nay đã không lấy Trương Phụ trấn thủ, lại còn triệu Hoàng Phúc về triều, thất bại lắm thay! Đất Giao Châu từ đó ngày càng trở nên loạn lạc nguy khốn."[3]

---

1. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên cửu nguyệt Ất Dậu,* quyển 2 trung, sđd, tr. 58.
2. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên cửu nguyệt Ất Hợi,* quyển 2 thượng, sđd, tr. 43.
3. Nghiêm Tùng Giản 嚴從簡, *Thù vực châu tư lục* 殊域周咨錄, quyển 5, *An Nam*, Cố Cung bác vật viện đồ thư quán ấn hành, 1930, tr. 20. Nguyên văn: 是時，交阯所恃者二人。張輔善用兵，威震殊俗，交土所恃以靖；黃福善撫字，惠流遐裔，交人所恃以安。今既不以張輔鎮守，復召黃福還朝，愈失之矣！交土自茲益[危臬][危元]矣！

Vốn dĩ, cục diện chính trị động loạn ở An Nam, dưới sự trấn áp nghiêm ngặt cuối đời Vĩnh Lạc, về cơ bản đã yên ổn lại, chỉ có Lê Lợi và một số ít người chiếm cứ ở Lam Sơn kháng chiến, kỳ thực cũng không dấy lên được tác dụng gì quá lớn. Nhưng Minh Thành Tổ đột nhiên qua đời, tin tức truyền tới An Nam, cục diện chính trị lại một lần nữa gặp phải sự xung đột. Chính sách ôn nhu vỗ về của Minh Nhân Tông, có vẻ như chỉ làm tăng thêm tâm trạng của những người phản kháng. Như lúc này Hoàng Phúc đột nhiên bị triệu hồi về kinh, bỗng chốc nhân dân cảm thấy không có gì để dựa dẫm. Điều này có thể thấy qua cảnh tượng người An Nam dìu già dắt trẻ tiễn đưa. Trong khi Hoàng Phúc rời khỏi Hà Nội (tức thành Đông Quan - NPA), "nam phụ lão ấu theo đưa tiễn có đến ngàn vạn người, đi hơn trăm dặm không nỡ, Công (Hoàng Phúc) nhiều lần an ủi khuyến dụ, từ ban đầu đã rơi lệ mà bái biệt."[1] Thế cục thay đổi liên tục, lời đồn nhảm rằng nhà Minh từ bỏ Giao Chỉ không chân nhưng đi khắp nơi nơi,[2] việc động loạn ở An Nam cũng vì thái độ khinh suất của triều đình mà một lần nữa dấy lên rộn ràng.

Trên thực tế, sau khi Lê Lợi trải qua hơn một năm trời tu bổ bồi dưỡng thế lực, sức chiến đấu từng bước khôi phục trở lại. Để phòng tránh sự tiến đánh của quân Minh ngài đã cho chế tác một lượng lớn binh khí, khiến cho sức chiến đấu của Lê Lợi càng tăng cường gấp nhiều lần trước. Lê Lợi từ lúc khởi binh trở đi, phạm vi hoạt động chỉ giới hạn ở khu vực Tây Bắc Lam Sơn, chiến lược ban đầu của ngài là chính sách tiến lên phía Bắc lấy Tây Đô, lui thì về giữ Lam Sơn. Nhưng đến trung tuần tháng 9 năm này, chiến lược chống nhà Minh của Lê Lợi có một sự thay đổi tích cực. Lúc bấy giờ, quân khởi nghĩa tập kết ở Lô Sơn (phía Tây Quan Du) tiến hành hội họp quân sự, Thiếu uý Lê Chích 黎隻 đề xuất một chính sách công thủ mới. Ông nói: "Nghệ An là nơi hiểm yếu: đất rộng, người đông, thần đã từng qua lại đất ấy, nên rất thông thuộc.

---

1. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, [Biệt tập]*, quyển 2, sđd, tr. 6. Nguyên văn: 男婦耆倪追送者千萬人，行百餘里不忍去，公（黃福）再三慰諭，始皆泣拜而別。
2. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên*, quyển 10.

Nay trước tiên ta nên đánh lấy Trà Long, chiếm giữ bình định cho được đất ấy để làm chỗ đứng, rồi dựa vào tài vật sức lực của đất ấy, sau sẽ quay cờ trẩy ra Đông Đô thì việc thiên hạ có thể tính xong được."[1] Trà Long còn gọi là Trà Lân 茶麟 tức là châu Trà Lung 茶籠[2], ở phía Tây Bắc phủ Nghệ An. Chiến lược "trước Nam sau Bắc" của Lê Chính được thông qua, nghĩa quân di chuyển xuống phía Nam. (Xem Phụ lục bản đồ).

Ngày 20 tháng 9, Lê Lợi bắt đầu phát động tấn công, thành công trong việc lén tập kích đồn Đa Căng 多矜 giáp biên Quan Du, Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt 梁汝笏, Chỉ huy Nguyễn Suất Anh 阮率英 chiến bại, lui về Tây Đô. Lê Lợi không tiến ép Tây Đô, mà quay về căn cứ địa Lam Sơn "chọn nạp đinh tráng biên sổ bộ, sửa sang khí giới, nghiêm quân ngũ, chuẩn bị lương khô, tiến thẳng vào Nghệ An."[3] Điều này có nghĩa là Lê Lợi sẽ kết thúc chiến lược đánh du kích ở Lam Sơn, bắt đầu triển khai có kế hoạch phạm vi thế lực ở phương Nam. Trải qua sáu bảy năm rèn luyện quân sự gian khổ, sự cổ vũ tinh thần dân tộc cùng một mối thù, quân đội của Lê Lợi đã trở thành một đội quân tinh nhuệ "phụ tử chi binh, thân đồng cam khổ; hùng hùng chi sĩ, thiết luyện tâm can",[4] dưới sự cai trị bằng chính sách do dự của nhà Minh, họ đầy ắp lòng tin và tràn đầy hy vọng.

Trong lúc Lê Lợi tiến quân đến Trà Long, khi đi qua châu Quỳ[5] thuộc Thanh Hoá, đã xảy ra một trận chiến kịch liệt với

1. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lê Bình Định Vương thất niên,* sđd, tr. 1577. Nguyên văn: 义安險要，地大人眾，臣嘗身履其地，頗熟之。今宜先取茶隆，略定义安以爲立腳之地，資其財力，然後返旆東都，天下可圖也。
2. Châu Trà Lân: hay Trà Long, là đất huyện Con Cuông, Tương Dương, tỉnh Nghệ An ngày nay, đời Trần là đất Mật Châu, đời Nguyễn gọi là phủ Tương Dương. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 358). (NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 523.
4. Bùi Huy Bích 裴輝璧, *Hoàng Việt văn tuyển* 皇越文選, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản, 1971, quyển 1, Nguyễn Mộng Tuân 阮夢荀, *Chí Linh sơn phú* 至靈山賦, tr. 8a.
5. Huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư,* sđd, tr. 357. (NPA)

quân thủ nhà Minh.[1] Chắc chắn là chiến dịch này nổ ra vào khoảng hạ tuần tháng 10. Về việc Lê Lợi đột nhiên xuống phương Nam, quân Minh hình như chưa có đủ phòng ngự, lần lượt bị Lê Lợi đánh bại, Đô chỉ huy Đồng tri Trần Trung và Xương Giang vệ chỉ huy Ngũ Vân tử trận trong chiến dịch châu Quỳ.[2] Uy thế của quân Lê Lợi đại chấn, tháng 11, đại quân bao vây tấn công thành Trà Long. Thổ quan Tri phủ Cầm Bành 琴彭 tử thủ không chịu hàng, đợi quân Minh đến giải vây. Lúc đó, Tổng binh quan thay thế Trần Trí xem xét và biết được tình thế bất lợi, vào ngày mùng 4 tháng 11 bèn tấu báo với triều đình về hành tung của Lê Lợi. Minh Nhân Tông hời hợt ra chỉ thị: "Đã ban sắc xá tội cho Lê Lợi, mệnh cho làm Tri phủ phủ Thanh Hoá, lệnh Nội quan Sơn Thọ đến nơi hiểu dụ. Ý ta muốn đợi Sơn Thọ đến đó, bọn ngươi xem tình hình tại chỗ như thế nào, cùng Sơn Thọ bàn bạc chu tất rồi tâu về."[3] Bản tính Trần Trí vốn dĩ nhu nhược, kể từ sau khi lên thay nắm quyền Giao Chỉ Tổng binh, thì việc gì cũng tấu xin, kinh sư và An Nam cách xa ngàn vạn dặm, việc lưu thông tin tức cần phải mất nhiều thời gian, do đó quân Minh vẫn chưa kịp thời tiến hành thanh tiễu. Như vậy, Lê Lợi không những có được sơ hở để thừa dịp, càng cho rằng quân Minh khiếp sợ co rút không dám tiến, thế là khí thế càng bay cao hơn.

Tháng 12 năm này, Thái giám Sơn Thọ đến Nghệ An, ngay lập tức phái người đến đàm phán với Lê Lợi về việc quy phụ. Tiếc là, một mặt Lê Lợi kéo dài đàm phán, một mặt tăng cường thắt chặt tiến công Trà Long.[4] Bởi chính sách ôn nhu vỗ về của Minh

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 523.
2. Theo: *Minh thực lục*, việc tướng Trần Trung tử trận chép nhầm ngày 15 tháng 9. (Xem *Minh Nhân Tông thực lục,* quyển 2 hạ, tr. 67) còn cái chết của Ngũ Vân thì chép nhầm vào ngày mùng 1 tháng 9 (Xem *Minh Nhân Tông thực lục,* quyển 2 thượng, tr. 41); Tham khảo *An Nam sử nghiên cứu*, [1], sđd, tr. 677.
3. *Minh Nhân Tông thực lục, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên thập nhất nguyệt Ất Hợi,* quyển 4 thượng, sđd, tr. 134. Nguyên văn: 已有敕赦黎利罪，命爲清化府知府，令內官山壽賫往諭。意待山壽至彼，爾等察其近情何如？與山壽計議傳當奏來。Bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 2, tr. 107.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 524; Theo *Minh sử, An Nam truyện*, tr. 8322 chép rằng: "Trà Long bị vây hãm, Tri châu Cầm Bành chết." Nhưng Việt sử

Nhân Tông, khiến cho quân Minh thiếu tinh thần tiến thủ tích cực. Đây chính là điều mà Lê Lợi nói "tất có ý sợ". Ngược lại, ý chí chiến đấu của quân khởi nghĩa thì phừng phực cháy, trong tình thế bên tiến bên lùi, Trà Long bị vây hãm như vậy. Lê Lợi vào thành Trà Long "vỗ về an ủi các bộ lạc, khao thưởng các tù trưởng. Tuyển chọn đinh tráng bổ sung quân ngũ được 5 nghìn người, thế quân càng mạnh."(1) Sau khi Trần Trí nhìn thấy Trà Long rơi vào tay địch, mới phát binh tiến đến chinh tiễu, đại quân đến Khả Lưu quan 可留關 (ở biên giới Tây Bắc huyện Thạch Đường phủ Nghệ An) lại bị Lê Lợi đánh bại.(2) Quân Minh thất bại hết lần này đến lần khác, sĩ khí bèn thui chột không còn phất lên được nữa.

Tháng Giêng Hồng Hi 洪熙(3) nguyên niên (1425), Lê Lợi phát động cuộc tấn công Nghệ An theo chiến lược đã định, khi nghĩa quân tiến đến hương Đa Lôi 多雷 huyện Thổ Du 土油, Tri phủ châu Ngọc Ma 玉麻 là Cầm Quý thấy Trà Long thất thủ, quân Minh thì không có ý chiến đấu, bèn dẫn hơn 8.000 thổ binh quy phụ Lê Lợi, thế là binh lực của nghĩa quân tăng mạnh hơn. Lê Lợi bắt đầu "chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Đến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An".(4) Tổng binh quan thay thế là Trần Trí lui về thủ thành Nghệ An, còn phía Tây thành đã bị Lê Lợi khống chế, do đó, sự bổ sung cho quân khởi nghĩa đã được đảm bảo. Ở đấy,

---

lại quyết cho rằng Cầm Bành hiến đất xin hàng, sau đó mưu mai phục mà giết. (Xem *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lê Bình Vương thất niên thập nhị nguyệt*, sdd, tr. 1579-1584).

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sdd, tr. 524. Nguyên văn: 慰撫部落，勞賞酋長，選丁壯部伍得五千人，軍勢益振。Bản dịch của Ngô Đức Thọ, sdd, tr. 358.
2. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Vĩnh Lạc nhị thập nhị niên*, quyển 10, sdd; xem thêm *Lam Sơn thực lục* 藍山實錄 có chép chi tiết sự việc (xem *An Nam sử nghiên cứu*, [1], sdd, tr. 671).
3. Hồng Hi là niên hiệu của vua Minh Nhân Tông Chu Cao Xí 朱高熾 (1378-1425), lên ngôi vào ngày 12 tháng 8 năm 1424. (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sdd, tr. 525.

Lê Lợi "huấn luyện tướng sĩ, tu bổ sửa chữa vũ khí", sắc quân cũng ngày một cường tráng lớn mạnh hơn, "sĩ khí tăng cường, thưởng phạt được thi hành, anh dũng tiến đánh quyết chiến."[1] Trong lúc này, nghĩa quân đã phát triển thành một đội quân chính quy có ý tưởng chí hướng, có kỷ luật, có trang bị, huấn luyện có chất, sức chiến đấu của họ lớn mạnh hơn trước rất nhiều, càng có thêm sức công phá. Sự thống trị của nhà Minh ở An Nam, một lần nữa gặp phải một thử thách.

Tuy rằng Minh Nhân Tông chưa chắc đã hiểu rõ được sự hiểm trở của địa hình thế cục An Nam, nhưng đối với sự kiêu ngạo của Lê Lợi, rõ ràng là ngài cho thấy lòng cảnh giác. Ngày 18 tháng Giêng, ngài hạ chỉ trách móc bọn người Trần Trí, Phương Chính về "tội đánh chậm dưỡng giặc, lệnh cho sửa chữa sai lầm và tự phấn đấu lập công."[2] Rồi ngày 21 tháng 3 lại "mệnh cho An Bình bá Lý An làm Tham tướng, đến Giao Chỉ cùng nắm giữ quân vụ với Vinh Xương bá Trần Trí."[3] Mệnh lệnh này rõ ràng cho thấy cần phải tăng cường năng lực lãnh đạo của quân Minh ở An Nam. Trung tuần tháng 4, sau khi Lý An đến An Nam, ngay lập tức điều phái quân đội hải chiến từ Đông Quan xuống phía Nam, chi viện cho Trần Trí đang tử thủ ở thành Nghệ An. Ngày 17 tháng 4, Trần Trí dẫn quân xuất chinh, khi đi đến huyện Đỗ Gia thì gặp phục binh, "quân Minh chết rất nhiều, Trần Trí chạy về Đông Quan, Lý An vào tử thủ ở thành Nghệ An."[4] Đất một phủ Nghệ An, ngoài thành phủ ra, vùng khác đều rơi vào tay của nghĩa quân.

Lúc này, thanh thế của Lê Lợi càng lừng lẫy, sự chi viện về vật chất và sức người càng đầy đủ và sung mãn, điều này cực kỳ quan trọng đến sự phát triển về sau của nghĩa quân. Huống hồ,

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 525.
2. *Minh Nhân Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên chính nguyệt Kỷ Sửu,* quyển 6 hạ, sđd, tr. 221.
3. *Minh Nhân Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên tam nguyệt Kỷ Mão,* quyển 8 hạ, sđd, tr. 262.
4. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Hồng Hi nguyên niên,* quyển 10.

đã khống chế được Nghệ An, và hai phủ Tân Bình, Thuận Hoá ở phía Nam thì bị cô lập không trợ giúp, muốn đoạt lấy đất ấy, thật sự là dễ như trở bàn tay. Tháng 5, Lê Lợi bắt đầu chia quân về phía Bắc, tiến đánh các nơi Châu Diễn, Tây Đô. "Thế là, người Thanh Hoá, tranh nhau đến cửa quân xin liều chết đánh giặc, bèn bao vây thành ấy."(1) Có thể thấy rằng, ba nơi phủ Thanh Hoá, Châu Diễn, Nghệ An ở phía Nam Tây Đô, ngoài thành phủ có quân Minh tử thủ ra, những đất khác đều bị vây hãm. Tin tức giữa Đông Quan và các phủ huyện phía Nam đều bị cắt đứt, hai phủ Tân Bình và Thuận Hoá rơi vào cảnh đường cùng.

Ngày 12 tháng 5, Minh Nhân Tông băng hà, Minh Tuyên Tông 明宣宗 kế vị, tin tức lan truyền đến An Nam, một lần nữa lại tăng cường lòng tin và hành động chống quân Minh của Lê Lợi. Tháng 7, Lê Lợi phát binh công đánh hai phủ Tân Bình và Thuận Hoá.(2) Vào năm này, các nơi từ Tây Đô cho đến Tân Bình và Thuận Hoá, người Minh ra hiệu lệnh không thi hành. Lê Lợi bèn dùng bốn chữ "đại thiên hành hoá" 大天行化, xưng vương xưng đế, tổ chức một chính phủ lâm thời.(3) Một nửa đất Giao Chỉ, thực sự đã quay trở lại lòng người An Nam. Tình thế nguy ngập như vậy, triều đình hầu như vẫn mơ hồ không biết được. Chúng ta có thể quan sát và biết được thông qua sự kiện kể dưới đây.

Ngày 16 tháng 7 năm Hồng Hi nguyên niên (1425), Minh Tuyên Tông sắc dụ Trần Trí rằng: "Lê Lợi quả không có lòng quy phụ, thì hãy phát binh đến chi viện Cầm Bành."(4) Có thể thấy, triều đình nhà Minh vẫn không biết được sự việc thất thủ tháng 12 năm vừa rồi ở châu Trà Long, đương nhiên là càng không hiểu được rằng khu vực phía Nam An Nam đã bị khống chế trong

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 526.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 526.
3. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Hồng Hi nguyên niên,* quyển 10.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi Nguyên niên nhuận thất nguyệt Quý Sửu,* quyển 6, sđd, tr. 148.

tay Lê Lợi. Thì ra, từ sau khi Trần Trí bị Lê Lợi đánh bại ở huyện Đỗ Gia 杜家, ý chí trở nên cực kỳ tiêu cực và yên ắng, hoàn toàn mất đi ý niệm chiến đấu, mọi việc đều giấu giếm và tự giữ gìn lấy. Hai ty Giao Chỉ Bố chính, Án sát sứ Trần Hiệp vô cùng bất mãn với chính sách co đầu rút cổ của Trần Trí, ngày 26 tháng 11, ông tấu lên vạch trần việc Trần Trí không ra sức cho việc chinh tiễu phản tặc.(1) Lúc bấy giờ, Minh Tuyên Tông mới biết được tình hình nguy ngập trong thế cuộc ở An Nam. Ngài trách mắng bọn người Trần Trí, Lý An và Phương Chính rằng: "Phản tặc Lê Lợi manh tâm gây hoạ không phải chỉ mới một sớm, nếu chỉ khởi đầu bắt nó thì dễ như nhặt một cọng cỏ. Nhưng vì nghe lời người ngu, chỉ lo việc chiêu phủ kéo dài đến nay đã 8 năm trời. Cuối cùng chúng không tuân mệnh, dưỡng thành cái thế độc dữ; khiến trung thần và dân lương thiện bị hại, mối hoạ triền miên. Khi sắc tới bọn Trần Trí, Phương Chính chuyên trách tiến binh, cốt ở hoà hợp để thành công, không cho phép trì hoãn để lỡ việc. Nếu mùa xuân tới không có tin chiến thắng báo về, sẽ bị quy tội."(2) Nói một cách công bằng, "chỉ lo việc chiêu phủ" vốn là chính sách An Nam của Minh Nhân Tông, hoàn toàn trách tội ở một mình Trần Trí là không công bằng. Diễn biến thế cục An Nam đến nước này, Minh Nhân Tông phải lãnh lấy trách nhiệm rất lớn.

Lúc này, Minh Tuyên Tông bắt đầu quan tâm đến sự phát triển thế cục ở An Nam, có một cách nhìn mới về cục diện trước của An Nam. Ngày 27 tháng 11, Minh Tuyên Tông triệu kiến Nội các Đại học sĩ Dương Sĩ Kỳ 楊士奇, Dương Vinh 楊榮 ở điện Văn Hoa 文華, nói về lúc Minh Nhân Tông còn là Hoàng thái tử, trông

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên thập nhất nguyệt Tân Dậu,* quyển 11, sdd, tr. 313.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên thập nhất nguyệt Tân Dậu,* quyển 11, sdd, tr. 313. Nguyên văn: 反賊黎利包藏禍心已非一日，始若取之，易如拾芥。乃信庸人之言，惟事招撫，延今八年，終不聽命。養成猖獗之勢，使忠臣無辜而罹害，良民被毒而未厭，其誰之過？敕至，陳智、方政專督進兵，務在協和成功，不許緩機誤事。若來春捷報不至，責有所歸。Bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sdd, tr. 128-129.

thấy những kẻ phản loạn An Nam bị áp giải đến Nam Kinh thụ hình, đã thốt lên lời cảm khái rằng: "Nếu quả họ Trần nay vẫn còn hậu duệ, thì chọn lấy mà lập nên, cũng chính là lòng của Thái Tổ, mà một phương lại được yên tĩnh". Minh Tuyên Tông tiếp tục để lộ cách nghĩ của mình rằng: "Trẫm thường suy nghĩ rằng nếu quả họ Trần còn con cháu, tuyển lựa lấy một người rồi lập nên, khiến cho chúng trở thành phiên thần, ba năm một lần cống như chế độ đời Hồng Vũ, thì dân được yên ổn thanh bình, mà Trung Quốc cũng giảm được cái nhọc về binh nhung, đâu phải là không thể? Như vậy khó tránh có kẻ trách rằng trẫm vứt bỏ cơ nghiệp của tổ tông, nhưng kế tuyệt hưng diệt, quả thực là cái ý chí của đức Hoàng Tổ (Thành Tổ)... hai khanh biết được ý của trẫm nhưng đừng tiết lộ ra, nội trong hai ba năm nữa, trẫm tất sẽ thi hành."[1]

Đây là lần đầu tiên nhà Minh đề cập đến ý từ bỏ An Nam, vả lại do một nhà chấp chính tối cao nói ra, đồng thời khẳng định rằng sẽ thực hiện trong hai ba năm nữa. Có thể thấy rằng, kể từ sau khi Minh Thành Tổ qua đời, nhà Minh có một sự chuyển biến cực lớn về chính sách đối với An Nam. Minh Tuyên Tông đề cập đến ý nguyện của Nhân Tông hoàng đế là muốn khôi phục lại nước An Nam, cho rằng điều này phù hợp với lời Tổ huấn, gọi là "lòng của Thái Tổ" vậy. Nói một cách khác, Minh Tuyên Tông và Minh Nhân Tông không tán đồng chính sách đặt An Nam làm quận huyện của Minh Thành Tổ. Điều này cũng nói lên việc kể từ khi Minh Nhân Tông lên ngôi, bèn có chính sách mới đối với An Nam. Minh Tuyên Tông trình bày cách nghĩ của ngài với hai người họ Dương, mục đích cũng là muốn mượn việc này để dò ý hướng và thái độ của các đại thần trong Nội các. Về việc từ bỏ An Nam, hai người họ Dương, tỏ ra hoàn toàn ủng hộ, và thanh minh

1. 5. Nguyên văn:「果若陳氏今尚有後，選擇立之，是猶太祖之心，而一方亦得安靜。」；「朕今思之，若陳氏果有後，選一人立之，使共蕃臣之職，三年一貢如洪武之制，用寧其民，而中國亦省兵戍之勞，豈不可乎？如此不免論者謂朕委棄祖宗之業，然繼絕興滅，實我皇祖（成祖）之志……卿二人但識朕意勿言，三二年內，朕必行之。」

rằng đây cũng là thánh ý "hưng diệt kế tuyệt" của Minh Thành Tổ. Qua việc thảo luận thành khẩn rõ ràng này, về cơ bản thì chính sách từ bỏ An Nam của Minh Tuyên Tông đã được quyết định, hiện tại chỉ là việc phải tiến hành nó bằng con đường nào mà thôi.

Nhưng mà, Minh Tuyên Tông không thể ngờ được rằng, cục diện chính trị ở An Nam lúc này đã rơi vào tình trạng không thể khống chế được, phía Nam Tây Đô đã bị Lê Lợi chiếm cứ, quân Minh đang nằm trong thế yếu. Thế lực đã nghịch chuyển đến tình cảnh như thế này, đương nhiên là có liên quan đến việc nhà Minh trong hai năm ngắn ngủi mà đã xảy ra việc thay đổi hai vua. Lúc bấy giờ, việc triều chính của triều đình vẫn chưa ổn định được, làm thế nào mà có đủ sức để tâm đến những sự vụ ở miền biên cương xa xôi. Huống hồ, đất biên giới không tiện thông tin liên lạc, tin tức chưa thể nào kịp thời đến nơi, chưa thể kịp thời phản ứng với tình hình quân sự. Cộng thêm chính sách ôn nhu vỗ về của triều đình, và cả việc Tổng binh quan che giấu tình hình quân sự, Lê Lợi nhân cơ hội đan xen phức tạp này thừa cơ kiêu ngạnh, tổ chức thành một đội quân dân tộc hùng mạnh hiệu quả, triều đình nhà Minh sẽ đối mặt với một lựa chọn cực lớn: *Từ bỏ An Nam.*

3. Sự bại lui và rút khỏi An Nam của quân Minh

Giữa mùa xuân hạ năm Tuyên Đức nguyên niên (1426), Lê Lợi vẫn chưa có hành động quân sự với quy mô lớn nào. Lúc này, khu vực Tây Bắc thành Đông Quan liên tục xảy ra những sự kiện động loạn.[1] Những người dấy loạn này hầu như không có liên hệ gì với Lê Lợi, có thể là họ thấy Lê Lợi đang kìm giữ quân tinh nhuệ của nhà Minh ở Thanh Hoá, do đó, thừa cơ làm loạn mà thôi. Minh Tuyên Tông trông thấy tình hình nghiêm trọng, bèn hạ lệnh cho Trần Trí phát binh tiến đánh.[2] Lúc này, những tin

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 15, sđd, tr. 393.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 15, sđd, tr. 393.

tức có liên quan đến thành tích chiến bại của Trần Trí ở châu Trà Lung và tin tức Sơn Thọ nắm binh ở thành Nghệ An không cứu Cầm Bành lục tục tấu đến triều đình, tuy nhiên đã là những tin tức muộn mằn, nhưng dù sao thì cũng đủ khiến cho Minh Tuyên Tông nhận thức được tình hình đang nguy ngập ở An Nam. Một mặt ngài trách Trần Trí, Phương Chính và Sơn Thọ không hết sức tiễu giặc, một mặt lại cổ vũ cho Bố chính sứ Trần Hiệp hết sức hỗ trợ Trần Trí, đồng tâm hiệp sức bình loạn.[1] Minh Tuyên Tông bắt đầu dốc toàn sức để giải quyết những vướng mắc trong cục diện chính trị An Nam trong 20 năm vẫn chưa rõ ràng.

Ngày mùng 8 tháng 3, Minh Tuyên Tông đột nhiên gấp rút triệu hồi Hoàng Phúc đi ngựa trạm dịch về kinh, lúc bấy giờ Hoàng Phúc đang xin phép về tế tổ tiên ở Lai Châu 萊州.[2] Không cần nói là Minh Tuyên Tông muốn hỏi ý kiến của Hoàng Phúc về vấn đề An Nam. Vào ngày 13 tháng 3, Minh Tuyên Tông bắt đầu điều động quan quân ở các nơi đến An Nam để dẹp loạn.[3] Phàm những võ quan có tội đều phải tiến đến Giao Chỉ để lấy công chuộc tội.[4] Mùng 2 tháng 4, tước bỏ quan tước của bọn

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên tam nguyệt Kỷ Hợi,* quyển 15, sđd, tr. 396.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên tam nguyệt Nhâm Dần,* quyển 16, tr. 401. Theo *Hoàng Trung Tuyên công văn tập*, [Biệt tập], quyển 1, *Sắc loại*, tr. 3, trong đó có một sắc văn triệu Hoàng Phúc về kinh, ngày tháng là "ngày 4 tháng 2 năm Tuyên Đức Nguyên niên" Ngày này có sai sót. Vì ngày 23 tháng 2 Hoàng Phúc và Vương Thông vừa hoàn thành công việc xây dựng lăng hiến của Minh Nhân Tông, sau đó về quê để cúng bái tảo mộ. (Xem *Minh Tuyên Tông thực lục,* quyển 14, tr. 387). Người viết cho rằng đây là sắc văn của "ngày 4 tháng 3 năm Tuyên Đức Nguyên niên". Đoạn văn ấy như sau: "Khanh ở Giao Chỉ 20 năm, đốc suất hiệu quả và cần lao già dặn, thành tích rất được huệ ái, lòng người vui vẻ thuần phục... sắc đến, khanh hãy nhanh chóng về kinh. Dọc đường thay đổi quân vệ, hữu ty, ngựa dịch cần phải ứng phó với quân phu, chèo thuyền, khiêng kiệu tức tốc về đây." (Nguyên văn: 卿在交阯垂二十年，篤效老勤，積有惠愛，人心悅服……敕至，爾即星馳來京。沿途更過軍衛、有司、驛所應付軍夫、拽船、抬轎急速前來。) Có thể thấy rằng, là do Minh Tuyên Tông nóng lòng về thế cục An Nam mà phải vội vã triệu hồi Hoàng Phúc về kinh.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tam nguyệt Đinh Mùi,* quyển 16, tr. 406.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tam nguyệt Đinh Mùi,* quyển 16, tr. 406.

người Trần Trí, mệnh cho Thành Sơn hầu Vương Thông nhận chức Tổng binh quan thống lĩnh đại quân chinh phạt An Nam.[1] Lại mệnh cho Thần cơ doanh Đô chỉ huy Tạ Vinh cùng 510 người, theo Vương Thông xuất phát.[2] Từ đó có thể thấy, đây là một hành động quân sự với quy mô lớn.

Do Minh Tuyên Tông triệu Hoàng Phúc gấp rút về kinh, mãi cho đến lúc ra lệnh cho Vương Thông xuất chinh An Nam, trước sau cách nhau khoảng một tháng. Trong khoảng thời gian đó, rốt cuộc họ đã thảo luận những việc gì? Ngoài việc thảo luận đến vấn đề làm thế nào để dập tắt rối loạn ra, người viết tin chắc rằng họ cũng nói đến vấn đề mà ngay từ đầu Minh Tuyên Tông đã nói đến rằng nội trong hai ba năm nữa sẽ để cho An Nam khôi phục địa vị phiên quốc. Do đó, ngay ngày hôm sau khi Vương Thông rời kinh xuất chinh, Minh Tuyên Tông đã thảo luận về vấn đề từ bỏ An Nam với bốn đại thần Lại bộ thượng thư Kiển Nghĩa 蹇義, Hộ bộ thượng thư Hạ Nguyên Cát, Nội các đại học sĩ Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh ở điện Văn Hoa. Mục đích của Minh Tuyên Tông rõ ràng là phải tìm ra căn cứ lịch sử để từ bỏ An Nam, đồng thời tranh thủ lấy sự ủng hộ của hai vị đại thần triều đình quan trọng là Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát. Tiếc thay, Minh Tuyên Tông vấp phải sự phản đối khó chịu. Giản Nghĩa và Hạ Nguyên Cát không những phản đối việc từ bỏ An Nam, mà còn nhấn mạnh rằng đây là thành quả "20 năm cần lao nỗ lực" của Minh Thành Tổ, và chủ trương rằng nên dùng vũ lực để trấn áp rối loạn. Tuy nhiên, hai người họ Dương lại lấy tích vua Hán - Nguyên từ bỏ Chu Nhai 珠崖 rằng "sử ngày trước gọi vậy" để làm chứng cứ cho việc từ bỏ An Nam. Nhưng thái độ phản đối của Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát vẫn rất cứng nhắc và mãnh liệt. Minh Tuyên Tông nói trong sự bối rối: "Ý Trẫm vốn như vậy, không kể đến hậu quả việc dụng binh ra sao!" Lời này cũng phản

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tứ nguyệt Ất Sửu,* quyển 16, tr. 419.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tứ nguyệt Bính Dần,* quyển 16, tr. 420.

ánh được quyết tâm của Minh Tuyên Tông, uyển chuyển thể hiện ra như vậy sẽ không nhận được ý kiến phản đối của tả hữu.[1]

Có lý do để tin rằng, đêm hôm trước khi Vương Thông xuất chinh có lẽ đã biết được Minh Tuyên Tông có ý nghĩ từ bỏ An Nam, đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho Hoàng Phúc bị triệu về kinh gấp. Do Minh Tuyên Tông chưa thể nhận được sự ủng hộ của đại thần triều đình, do đó tạm thời không tiện công khai cách làm của mình. Ngài từng cẩn thận nói với Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh rằng: "Ngày hôm qua bàn về việc Giao Chỉ, ý của Trẫm có nói, ý của hai khanh hợp với ý Trẫm, không còn gì phải nói thêm nữa."[2] Những lời này rõ ràng là đã ám chỉ việc từ bỏ An Nam đang trong giai đoạn tiến hành, đợi cho đến khi thời cơ chín muồi thì sẽ công khai thảo luận.

Tháng 8 năm này, sau khi địa vị của Lê Lợi ở phía Nam được củng cố, bèn bắt đầu tiến quân lên phía Bắc. Lê Lợi chia đại quân ra hai đường bao vây, trong lúc bao vây tấn công thành Đông Quan, phái binh chặn đường lưu thông Vân Nam và Quảng Tây.[3] Ngày 12 tháng 8, nghĩa quân tấn công phía Nam thành Đông Quan, đánh nhau với quân Minh ở khoảng giữa Ninh Kiều và Ứng Thiên.[4] Ngày 17 tháng 9, Lý An, Phương Chính dẫn đội quân tinh nhuệ đi bằng đường biển từ Nghệ An về bảo vệ thành Đông Quan. Lê Lợi cũng đích thân thống lĩnh quân tiến lên phía Bắc. Ngày 20, Vân Nam Đô ty Vương An Lão 王安老 dẫn hơn vạn quân xuống phía Nam, đánh với quân khởi nghĩa ở cầu Xa Lộc 車轆[5] thuộc biên giới phủ Tam Giang.

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tứ nguyệt Bính Dần,* quyển 16, sđd, tr. 420-422.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên tứ nguyệt Bính Dần,* quyển 16, sđd, tr. 420-422. Nguyên văn: 昨日所論交阯事，朕意有在矣。卿兩人意與朕同，第未可以遽言耳。
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 528.
4. Chuyển dẫn từ *An Nam sử nghiên cứu*, [1], tr. 692. (Xem thêm *Đại Việt sử ký toàn thư*, cùng chú trên cũng có chép - NPA)
5. Cầu Xa Lộc: tục gọi là cầu Ròng Rọc ở gần làng Tứ Xã, huyện Lâm Thao, nay thuộc tỉnh Phú Thọ. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 361). (NPA)

Quân Minh bị nghĩa quân đánh bại, lui về giữ thành Tam Giang. Lúc này khu vực cầu Nhân Mục 仁睦[1] huyện Thanh Đàm 清潭[2] phía Nam Đông Quan đã bị nghĩa quân khống chế, Đô ty Vi Lượng[3] của quân Minh bị bắt.[4] Quan sát từ tình hình chiến đấu đã nêu trên, trung tuần tháng 9, quân Minh chỉ có thể giữ được tuyến phòng ngự Đông Quan và khu vực phía Đông.

Ngày 28 tháng 9, quân chi viện của Vương Thông tiến vào An Nam.[5] Thượng tuần tháng 10, quân Minh muốn phản công, kết quả lại thất bại ở châu Quảng Oai, Đô chỉ huy Viên [Vi] Lượng bị bắt.[6] Đây là lần đầu tiên tấu báo về tình hình chiến tranh kể từ sau khi Vương Thông dẫn quân đến An Nam, về Viên [Vi] Lượng do không nghe theo lời viên Thổ quan Hà Gia Kháng 何加伉 dẫn đến thất bại, lời lẽ có sự trách móc. Nhưng bản thân Vương Thông cũng phạm phải sai lầm như vậy trong cuộc chiến kế tiếp. Ngày 6 tháng 11, Vương Thông thống lĩnh hơn mười vạn quân cả mới lẫn cũ, chia ra ba đường tiến đánh nghĩa quân. *Đại Việt sử ký toàn thư* miêu tả đội hình chiến đấu của quân Minh lúc bấy giờ là: "Quân giặc dàn doanh trại liền nhau đến vài mươi dặm, cờ xí rợp đồng, giáo mác rực trời, tự cho là đánh một trận là bắt hết được quân ta."[7] Cuộc chiến chuyển từ cầu

1. Cầu Nhân Mục: tức là Cống Mọc ở xã Nhân Chính, huyện Từ Liêm, Hà Nội, cầu bắc qua sông Tô Lịch, trên đường từ Đông Quan đến Ninh Kiều. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 361). (NPA)
2. Thanh Đàm: tức là Thanh Trì, trị sở huyện này xưa ở phía Đông Nam Văn Điển, Hà Nội ngày nay. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 362). (NPA)
3. *Minh sử* và *Minh thực lục* chép Viên Lượng 袁亮, có lẽ chép nhầm hai chữ Vi 韋 và Viên 袁. Bản dịch của Hồ Bạch Thảo nhìn nhầm chữ Viên thành chữ Tố 素, nên dịch là Tố Lượng, nhân đây đính chính. (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 528.
5. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức Nguyên niên cửu nguyệt Đinh Tỵ*, quyển 21, sđd, tr. 568.
6. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức Nguyên niên thập nguyệt Quý Dậu*, quyển 22, sđd, tr. 579.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 528-529. Nguyên văn: 列營連互數十里，旌旗蔽野，鎧仗輝空，自謂一舉可擒。Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* chép việc này vào "tháng 10", nhưng Yamamoto Tatsuro đã khảo cứu trong *An Nam sử nghiên cứu* của mình là tháng 11, tham khảo sách này tr. 702.

Tam La[1] huyện Từ Liêm đến cầu Nhân Mục huyện Thanh Đàm, quân Minh đại bại. Nghĩa quân chém hơn ngàn thủ cấp, bắt hơn 500 tên, Phương Chính lui chạy.[2]

Ngày 7 tháng 11, toàn bộ đội quân chủ lực của Vương Thông đều tan tác trong chiến dịch Tốt Động[3] và Chúc Động[4] huyện Mỹ Lương 美良, quân Minh tổn thất thảm hại và trầm trọng. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép thành quả chiến tranh lúc bấy giờ là: "Chém được Thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc. Giặc chết đuối rất nhiều, nước sông ở Ninh Kiều do vậy mà tắc nghẽn. Bắt sống hơn 1 vạn tên giặc, thu được ngựa, quân tư, khí giới, xe cộ nhiều không kể xiết. Phương Chính theo đường bến Cổ Sở trốn về. Bọn Vương Thông, Mã Kỳ chỉ thoát được thân, chạy về thành Đông Quan."[5] Vương Thông thất bại, chính là vì quá khinh địch, lỗi là không nghe lời trung của Bố chính sứ Trần Hợp.[6] Nhưng, sự tuẫn vì nước của Trần Hợp và sự hi sinh của quân Minh, có thể nói là kết quả xấu do chính sách không rõ ràng minh bạch của Minh Tuyên Tông. Kể từ sau chiến

1. Cầu Tam La: tức Ba La, còn gọi là Ba La Bông Đỏ, sát thị xã Hà Đông, trên đường đi Thanh Oai, Hà Nội. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 362). (NPA)
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 529.
3. Tốt Động 窣洞: tên Nôm gọi là làng Rét. Đây là vùng đất thấp, lầy lội. Cánh đồng Tốt Động là đồng chiêm trũng, rất lầy lội. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 362). (NPA)
4. Chúc Động 祝洞: cách Tốt Động 6km về phía Đông Bắc và ở ngay phía tây Ninh Kiều. Cả hai con đường từ Ninh Kiều đến Cao Bộ đều phải đi qua vùng Chúc Động. Chúc Động nay là Chúc Sơn, xã Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 362). (NPA)
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 529. Nguyên văn: 斬尚書陳洽、內官李亮及士卒五萬人，溺死者甚眾，寧橋之水爲之不流。生擒萬餘人，獲馬匹、軍資、器械、輜重、簿書不可勝計。方政從古所渡遁歸，王通、馬騏等僅以身免，走還東關城。(Bản dịch của Ngô Đức Thọ... sđd, tr. 362). Xem thêm *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhất nguyệt Ất Mùi*, quyển 22, sđd, tr. 593-594.
6. Tiêu Hoành, *Quốc triều hiến trưng lục, Tư Đức đại phu chính trị thượng khanh Binh bộ thượng thư tặng Thiếu Bảo thụy tiết mẫn Trần công Hợp mộ chí* 資德大夫正治上卿兵部尚書贈少保謚節愍陳公洽墓志, quyển 38, sđd, tr. 1534.

dịch này, sĩ khí của Vương Thông sụp đổ không phất lên nổi, tử thủ trong thành Đông Quan không ra nữa.

Lúc bấy giờ, khả năng cai trị của nhà Minh ở An Nam hầu như là đã tan rã hoàn toàn, đường sá tắc nghẽn, thông tin liên lạc bị cắt đứt. Ngoài thành trì quan trọng vẫn có quân Minh cố thủ ra, khu vực ngoài hương thôn đồng nội đã hoàn toàn bị khống chế bởi tay nghĩa quân. Ví dụ như *Đại Việt sử ký toàn thư* có nói: "từ lúc này thì chính sóc nhà Minh, không được thực hành ở quận huyện ta nữa."(1) Và mục tiêu tiếp theo của Lê Lợi chính là tấn công thành Đông Quan. Ngày 22 tháng 11, ngài bắt đầu cắt đặt chiến lược tấn công thành Đông Quan.(2) Còn thành Đông Quan đã bị nghĩa quân vây khốn trùng trùng, Vương Thông chỉ có thể gia cố tường thành, đợi viện binh đến cứu. Nhân dân An Nam chính quyền Giao Chỉ của nhà Minh không cách nào vận hành, bèn lũ lượt theo Lê Lợi.(3) Lê Lợi thừa thế xây dựng cơ cấu thống trị, "Vua chia các lộ trấn ở Đông Đô thành bốn đạo(4). Đặt quan lại văn võ trong ngoài và tuần kiểm."(5) Như vậy, chính quyền của Lê Lợi cũng chính thức được xác lập.

Tháng 12 năm ấy, Lê Lợi đích thân thống lĩnh nghĩa quân ngày đêm công kích thành Đông Quan. Nhưng nhiều lần đánh vẫn không hạ được thành Đông Quan, cuộc nghị hoà cũng từ đó mà khởi lên. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép Vương Thông và Sơn

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 529. Nguyên văn: 自此明之正朔，不行於我郡縣。
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 530. Theo: Tin tức mà Lê Lợi đích thân bao vây đánh thành Đông Quan, *Minh Tuyên Tông thực lục* cũng hé lộ cho ta biết. (Xem quyển 22, tr. 594).
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 530.
4. Bốn đạo: 1. Tây Đạo gồm các trấn Tam Giang, Hưng Hoá, Tuyên Quang và Gia Hưng; 2. Đông Đạo gồm các lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách Thượng, Nam Sách Hạ và trấn An Bang; 3. Bắc Đạo gồm các lộ trấn Bắc Giang, Thái Nguyên; 4. Nam Đạo gồm các lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương và Thiên Trường. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 363). (NPA)
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 530. Nguyên văn: 分東都諸路鎮四道，置內外文武僚屬，及海門各處巡檢。(Bản dịch của Ngô Đức Thọ... sđd, tr. 363).

Thọ "bèn sai người đưa thư xin hoà, mong được toàn quân trở về nước... [vua] bèn bằng lòng cho giảng hoà, hẹn ngày kíp gọi quân sĩ ở các thành cùng một lúc về tập hợp ở thành Đông Quan để cho về nước cả. Sai cận thần với quân Minh cùng đi đến các thành ở Nghệ An, khiến cho được giải vây ra hàng."[1] Lần đầu tiên tư liệu lịch sử Việt Nam hé lộ về việc Vương Thông đã đề cập với Lê Lợi về vấn đề quân Minh rút lui khỏi An Nam, đôi bên đã có những sắp xếp cụ thể.

Sự thành công trong việc nghị hoà lần này, hoàn toàn là do Lê Lợi chấp nhận điều kiện của Vương Thông: "Dò tìm con cháu họ Trần lập lên."[2] Hiển niên Vương Thông thấy được trong khi binh khốn nguy thành, không còn kế nào nữa để thực hiện, bèn đem ý nguyện "lập dòng dõi họ Trần" của Minh Tuyên Tông để làm căn cứ mà đàm phán giảng hoà. Nếu như Vương Thông chưa được sự cho phép của Minh Tuyên Tông, thì chắc chắn là ông ta không làm hành động này. Nhưng có lẽ Minh Tuyên Tông đã dặn dò ông là sau khi bình định cuộc bạo loạn của Lê Lợi xong, mới tiến hành nhiệm vụ bí mật này. Nào ngờ, Vương Thông thất bại một lần mà gan lược sa sút, suốt ngày giam mình trong thành

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 531. Nguyên văn: 遣人齎書乞和，願得全眾歸國……乃許之。約日速調諸城人兵，一時俱會東關城，盡許歸國。遣近臣與明人俱往义安等城，使之解圍出降。(Chỗ này bản Nội các quan thiếu một đoạn, xin xem thêm bản Trần Kinh Hoà. - NPA) Xem thêm *Ức Trai di tập, Đáp Tổng binh Vương Thông Thái giám Sơn Thọ đẳng thư* 答總兵王通太監山壽等書, quyển 4, sđd, tr. 6.

2. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nguyên niên,* quyển 10, sđd. Theo: về việc Vương Thông phải chăng đã được Minh Tuyên Tông giao quyền trong việc rút quân khỏi An Nam, *Minh sử* không đề cập. Còn như trong *Lược quận Tuyên Đức - Cao Hú chi loạn dữ An Nam khí thủ* 略論宣德一高煦之亂與安南棄守 của Dương Vĩnh An 楊永安 chỉ ra rằng: "Tuy rằng tôi không có chứng cứ để chứng minh là Vương Thông được Tuyên Tông ra ám hiệu hoàn thành việc rút quân, duy chỉ việc Tuyên Tông không giết Vương Thông, đã ngầm cho phép Vương Thông tự quyết định lòng từ bỏ." (*Minh sử quản khuy tạp cảo* 明史管窺雜稿, Nxb Hương Cảng Tiên Phong, 1987, tr. 15, chú thích 42). Nhưng mà, về phía sử Việt, khoảng thời gian đàm phán giữa Vương Thông và Lê Lợi đề cập là: "Ngày phụng mệnh, được tiện nghi hành sự, và không đợi lệnh mà về trước." (*Ức Trai di tập, Tái dữ Vương Thông thư* 再與王通書, quyển 4, sđd, tr. 20).

Đông Quan, rốt cuộc "khuyên Bình Định Vương tìm con cháu họ Trần lập lên" để đổi lấy cái cớ cho quân Minh rút khỏi An Nam. Đương nhiên Lê Lợi biết dụng ý của Vương Thông, ngay lập tức đưa ra một cái tên Trần Cảo 陳暠 cháu ba đời của An Nam quốc vương Trần Nghệ Tông làm quốc chủ, để đáp lại điều kiện của Vương Thông. "Từ đấy gửi thư cho người Minh đều lấy Trần Cảo làm thống quốc. Vương Thông cũng muốn mượn cớ ấy để chóng thành hoà nghị."(1)

Vị Trần Cảo được cho là An Nam quốc vương này, có thể nói là một bù nhìn được hai người Lê Lợi và Vương Thông thông đồng dựng nên. Cũng nhờ Vương Thông có cái cớ chấp hành việc rút khỏi An Nam của Minh Tuyên Tông, cho nên mới mạnh dạn giảng hoà với Lê Lợi, hoàn thành nhiệm vụ bí mật của Minh Tuyên Tông. Lúc bấy giờ, Vương Thông đích thân ra văn bản cho quan quân ở các thành châu Diễn, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá... nhanh chóng tập trung về thành Đông Quan, định ngày về nước.(2) Có thể thấy rằng, lần nghị hoà thứ nhất, không những đã có ngay kết quả mà còn đang trong sự tiến hành. Nhưng kế hoạch "toàn quân về nước" của Vương Thông lại không được tiến hành thuận lợi, vì một số quân thủ ở một số phủ thành đại loại như phủ Thanh Hoá, lại thề chết không lui về Đông Quan.(3) Cũng có những người ra hàng hưởng ứng hiệu triệu của Vương Thông, như trấn thủ thành Nghệ An là Đô đốc Thái Phúc là một trong số đó. Thái Phúc là người "đi thuyết dụ những người ở các thành ra đầu hàng."(4)

---

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nguyên niên,* quyển 10, sđd. Nguyên văn: 自是，致書明人以陳暠統國，王通亦欲假此急成和議。Bản dịch của Viện nghiên cứu Hán Nôm, sđd, tr. 559.
2. *An Nam sử nghiên cứu,* [1], sđd, tr. 706.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhị nguyệt Giáp Tý,* quyển 23, sđd, tr. 606-607.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên ngũ nguyệt Tân Tỵ,* quyển 43, tr. 1076; xem thêm *Quốc triều hiến trưng lục, Đô Ngự La công thông truyện* 都御羅公通傳, quyển 54, sđd, tr. 2285.

Tuy rằng Lê Lợi có hoà nghị với Vương Thông, nhưng ngài vẫn chưa thả lỏng việc tiến tới bức bách thành Đông Quan, đồng thời nghĩa quân đang tạo ra sự uy hiếp nghiêm trọng ở mặt Đông. Vương Thông cũng không dám tuỳ tiện rút lui ra khỏi thành Đông Quan, do đó một mặt tăng cường phòng ngự, mặt khác phái người lẳng lặng trốn về Trung Quốc thỉnh cầu viện binh. Nhưng những mật sứ này đều bị nghĩa quân bắt được. Lê Lợi chỉ trích Vương Thông "phá vật cổ để đúc súng ống, sửa chiến cụ... ngoài mặt thì nói là hợp tác tốt, bên trong thì mang lòng khác lạ", phong toả các ngõ ra vào của thành Đông Quan, cắt đứt mọi qua lại của sứ giả, quyết định đánh chiếm thành trì Đông Quan.[1] Như vậy, sự nghị hoà lần thứ nhất tuyên bố thất bại.

Đầu tháng 12, Lê Lợi tổ chức đánh thành Điêu Hào[2] huyện Gia Lâm 嘉林, thành Thị Cầu[3] huyện Vũ Ninh 武寧, thành Tam Giang[4] thuộc huyện Sơn Vi 山圍, thành Xương Giang[5] thuộc huyện Bảo Lộc 保祿 và thành Khâu Ôn[6] thuộc khu vực Lạng Sơn.[7] Chiến lược lần này, lần đầu tiên đây cuộc chiến đến khu vực biên giới Trung-Việt, Lê Lợi hy vọng sớm khống chế được các nơi trọng địa và thành trì chiến lược yếu ải hiểm hóc nơi biên giới Trung-Việt, để ngăn chặn viện quân nhà Minh lại xuống phương

1. *Ức Trai di tập, Tái dữ Vương Thông Sơn Thọ thư,* quyển 4, sđd, tr. 10.
2. Bản gốc tác giả viết là Điêu Ngạc 刁鶚, xem lại *Đại Việt sử ký toàn thư* thì thấy tác giả nhìn nhầm chữ Hào 鶚 thành chữ Ngạc 鶚, người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư* dịch âm Diêu và chú rằng "Thành Điêu Diêu: ở huyện Gia Lâm, Hà Nội" (tr. 364), Tra *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu thì 鶚 chỉ có âm Hào, Từ điển Nguyễn Quốc Hùng lại có âm Hiêu. (NPA)
3. Thành Thị Cầu 市橋: nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 364). (NPA)
4. Thành Tam Giang 三江: ở huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 364). (NPA)
5. Thành Xương Giang 昌江: nay là thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 364). (NPA)
6. Thành Khâu Ôn: là tỉnh lỵ Lạng Sơn ngày nay. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 364). (NPA)
7. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 531.

Nam chi viện cho Vương Thông. Ngày 8 tháng 12, Ải Lưu Quan 隘留關 nằm phía Nam Khưu Ôn bị "hơn vạn người man tặc Giao Chỉ" tấn công, Bách hộ Hoàng Bưu 黃彪 giữ thành của quân Minh bị hại.[1] Tại huyện Thanh Ba 清波 châu Đào Giang 洮江, nghĩa quân đại chiến với dân binh của Đồng tri phủ Tuyên Hoá là Đào Lý Dung 陶季容.[2] Có thể thấy rằng, Lê Lợi đã bắt đầu phát động một cuộc công kích toàn diện. Cũng trong lúc này, đã hoàn toàn cô lập thành Đông Quan, ép Vương Thông phải tuân theo.

Ngày 26 tháng 12, báo cáo chiến tranh mà Vương Thông tấu xưng là "phản khấu Giao Chỉ trở nên hung hãn" truyền đến triều đình. Do tin chiến bại của quân Minh liên tục truyền về, Minh Tuyên Tông đã cảm thấy được sự nguy cấp của tình thế, do đó quyết định một lần nữa tăng binh đến An Nam để bình loạn. Ngài hạ lệnh cho An Viễn hầu 安遠侯 Liễu Thăng 柳升, Kiểm Quốc công Mộc Thạnh sung Tổng binh quan, chia ra thống lĩnh quan quân từ Quảng Tây, Vân Nam xuống phía Nam hội hợp tiễu bắt Lê Lợi, lại ra lệnh cho Hoàng Phúc về An Nam nắm giữ các việc của hai ty Bố chánh và Án sát.[3] Ngài điều động "các vệ ở hai kinh Nam Bắc... tổng cộng bảy vạn người xuất chinh Giao Chỉ", và hạ lệnh cho Vương Thông "củng cố thành trì, thao luyện quân mã, đợi Thăng đến ngày tiến binh."[4]

Tuy rằng Minh Tuyên Tông có ý đồ muốn từ bỏ An Nam, mà nay lại phát đại quân xuống phương Nam, đồng thời ra lệnh cho

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhị nguyệt Đinh Sửu,* quyển 23, sđd, tr. 617.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhị nguyệt Quý Mùi,* quyển 23, sđd, tr. 619.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhị nguyệt Ất Dậu,* quyển 23, sđd, tr. 620. Theo: Sau khi Trần Hiệp mất, Minh Tuyên Tông có ý tái khiển Hoàng Phúc đến An Nam. Ngày mùng 2 tháng 12, khi ngài triệu Hoàng Phúc ở Nam Kinh rằng: "sắc đến, lập tức nhanh chóng về cung khuyết, ta muốn bàn luận với khanh." (xem *Minh Tuyên Tông thực lục,* quyển 23, tr. 605)
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nguyên niên thập nhị nguyệt Ất Dậu,* quyển 23, sđd, tr. 621.

Hoàng Phúc nắm lại việc hai ty Bố chánh và Án sát, điều này hiển nhiên là rất mâu thuẫn. Vốn dĩ, ngài muốn tìm một con đường rút khỏi An Nam quang vinh. Ngày 16 tháng 1 năm Tuyên Đức thứ 2 (1427), trong khi ngài thảo luận với Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh về việc từ bỏ An Nam, hé lộ cách nghĩ của ngài, ngài nói: "Ý Trẫm đã quyết, không còn nghi ngại gì nữa. Nhưng trong buổi can qua, chưa rảnh để tìm [con cháu họ Trần] ra được. Đợi đến khi tạm yên, lệnh Hoàng Phúc chuyên tâm lo việc này, cũng không muộn."(1) Từ đó chúng ta có thể suy ra rằng, Hoàng Phúc trở lại An Nam ngoài việc vỗ yên lòng dân ra, còn phụ trách nhiệm vụ đặc biệt là tìm "con cháu họ Trần mà lập". Minh Tuyên Tông quyết tâm từ bỏ An Nam, thật là "không còn nghi ngại gì nữa", chỉ là một sớm một chiều mà thôi.

Thượng tuần tháng Giêng năm Tuyên Đức thứ 2 (1427), Lê Lợi xây lầu cao tầng trong doanh Bồ Đề đối diện với bờ Bắc sông Phú Lương, có thể leo lên lầu cao mà quan sát được động tĩnh trong thành Đông Quan. Đồng thời lấy trọng binh phong toả các cửa thành Đông Quan, ép Vương Thông phải nghị hoà, thế là sứ giả đôi bên lại qua lại với nhau. Cuộc nghị hoà lần thứ hai lại tuyên bố bắt đầu. Cũng trong lúc này, nghĩa quân đang dốc toàn sức đánh thành trì và các cứ điểm chiến lược của quân Minh. Ngày 20 tháng ấy, nghĩa quân đánh vào thành Khưu Ôn, thành Điếu Hạo cũng thất thủ. Lúc này, các thành Nghệ An, châu Diễn ở phía Nam đã ra hàng, chỉ có thành Cổ Lộng 古弄 huyện Ý An 懿安 phủ Kiến Bình và phủ thành Thanh Hoá vẫn còn quân Minh tử thủ không chịu hàng, quân khởi nghĩa cũng đánh lâu rồi mà không hạ được.(2)

---

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên chính nguyệt Ất Tỵ,* quyển 24, sdd, tr. 635. Nguyên Văn: 朕志已定，無復疑者。但干戈之際使令訪求，恐未暇及。俟稍寧靜，當令黃福導意求之，未晚也。Bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sdd, tr. 162.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sdd, tr. 532-533.

Thế cuộc ở An Nam đi đến mức như thế này, người không thể yên lòng nhất đương nhiên chính là bản thân Minh Tuyên Tông, vì trên vấn đề "từ bỏ An Nam" ngày lại không nhận được sự ủng hộ nhất trí của các đại thần triều đình. Ngày 16 tháng Giêng, trong khi tiếp kiến Dương Sĩ Kỳ và Dương Vinh ở điện Văn Hoa, ngài đã phê bình một cách không nể mặt Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát là "bị câu thúc ràng buộc bởi thành kiến thường tình", khi thì lấy câu chuyện "Sở Tử phong đất cho Trần" trong Xuân Thu ra để biện hộ.[1] Có thể thấy rằng, ngài liên tục tìm kiếm những chứng cứ trong lịch sử ra để củng cố cho cách nghĩ "từ bỏ An Nam" của mình. Ở An Nam, lần nghị hoà thứ hai lại không có kết quả, Lê Lợi từng có lần trách móc Vương Thông rằng: "quyền hành không quy về một mối, chính trị thì ra nhiều cửa, lời nói và hành động không hợp nhau, mỗi một lòng đều khác cả."[2] Vốn dĩ là do Phương Chính, Mã Kỳ chủ trương chiến đấu đến cùng. Vì vậy mà cuộc đàm phán bị cắt đứt, chiến sự lại dấy lên.

Ngày mùng 7 tháng 2, Phương Chính dẫn quân đột phá vòng vây mà ra, công kích nghĩa quân đang chiếm cứ ở huyện Từ Liêm, Vương Thông cũng thống lĩnh quân tinh nhuệ ra cửa giết địch. Hành động quân sự lần này, là lần chiến thắng đầu tiên kể từ khi Vương Thông dẫn quân xuất chinh An Nam trở đi. Nhưng ngay sau khi quân Minh vừa suýt chiếm thế thượng phong, đại quân lại lui về thủ thành Đông Quan. Tướng lĩnh quân Minh khuyên Vương Thông thừa thắng tiến công quân doanh của Lê Lợi, nhưng Vương Thông lại "do dự ba ngày chưa ra."[3] Từ đó có thể biết được, Vương Thông đã không có lòng tham chiến.

---

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên chính nguyệt Ất Tỵ,* quyển 24, sđd, tr. 634.
2. *Ức Trai di tập, Tái dữ Vương Thông thư,* quyển 4, sđd, tr. 11; xem thêm *An Nam sử nghiên cứu,* [1], sđd, tr. 727.
3. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nhị niên*, quyển 10, sđd; còn *Đại Việt sử ký toàn thư* chép chiến dịch này vào ngày 8 tháng 3 (xem phần *Bản kỷ* sách này, quyển 10, sđd, tr. 534).

Lúc này, các tướng lãnh chủ chiến trong thành Đông Quan không ít. Vương Thông vì "hèn" mà do dự không ra đảm đương sự thực.[1] Nhưng thực ra là đang tiến hành một nhiệm vụ gian nan khổ cực và hết sức bí mật - "từ bỏ An Nam". Do đó, cuộc nghị hoà lần thứ ba với Lê Lợi một lần nữa được triển khai, Vương Thông khuyên Lê Lợi cầu phong cho Trần Cảo.[2] Trong việc rút lui khỏi An Nam, nội bộ quân Minh không có được một sự hiểu biết chung, trên thực tế, phái chủ hoà và phái chủ chiến trong thành Đông Quan từng xảy ra những cuộc tranh luận quyết liệt. Án sát sứ Dương Thời Tập kịch liệt phê bình việc rút quân của Vương Thông rằng: "Phụng mệnh đánh giặc lại chịu hoà với giặc. Tự tiện bỏ đất mang quân về, làm sao mà tránh được tội, việc này quyết không thể nào làm được." Vương Thông thì đáp lại một cách to tiếng rằng: "Việc phi thường chỉ có người phi thường mới làm được, ngươi làm sao mà biết được?" Như vậy, cũng không còn ai dám ngăn chặn cuộc đàm phán.[3] Lời này của Vương Thông rõ ràng không phải là buông ra một cách tuỳ tiện, vấn đề để ông ta dám bỏ đất mà đàm phán chuyện rút quân với Lê Lợi, cho thấy rằng ông đang chấp hành nhiệm vụ bí mật "từ bỏ An Nam" mà Minh Tuyên Tông phó thác. Đây chính là cái ý mà ông đã nói "Việc phi thường chỉ có người phi thường mới làm được". Ngày 11 tháng 4, cuộc nghị hoà lần thứ ba đạt thành, Vương Thông đồng ý sai người theo sứ giả của Lê Lợi đến Trung Quốc để cầu phong cho Trần Cảo,[4] và đáp ứng với Lê Lợi là "sau khi dâng biểu, lập tức lui quân." Lúc bấy giờ, Đô đốc thành Nghệ An ra hàng trước tiên là Thái Phúc dẫn quan quân rút lui khoảng sáu bảy ngàn người, đã lục tục đến bên ngoài thành Đông Quan, đợi được

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên nhị nguyệt Ất Sửu*, quyển 25, sđd, tr. 654-655; xem thêm Lữ Sĩ Bằng, *Minh đại tiền kỳ chi Trung Việt quan hệ, Đồ thư quan học báo,* Đài Loan tư lập Đông Hải đại học, 1971, tr. 36.
2. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nhị niên*, quyển 10, sđd.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên tứ nguyệt Ất Tỵ,* quyển 27, sđd, tr. 713-714.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên tứ nguyệt Ất Tỵ,* quyển 27, sđd, tr. 713-714.

về nước. Lê Lợi lại thông thư với Vương Thông, hối thúc ông ta ban sư[1] về kinh, nhưng Vương Thông lại chần chừ chưa có hành động gì. Ông ta vẫn đang tính toán rằng một khi viện binh của triều đình đến, thì nhiệm vụ rút quân khỏi An Nam trong quang vinh chắc chắn có thể hoàn thành.[2]

Trong thời gian đàm phán giảng hoà, Lê Lợi không hề đình chỉ hành động quân sự tấn công các thành. Trung tuần tháng 3, thành Thị Cầu và thành Tam Giang đều đã thất thủ. Ngày 11 tháng 3, nghĩa quân tấn công toàn diện Khưu Ôn, ý muốn cắt đứt tuyến đường viện binh của quân Minh.[3] Quân thủ thành Khưu Ôn nhanh chóng bị đánh bại, nghĩa quân thuận lợi tiến vào chiếm lấy khu vực cửa Pha Luỹ là nơi trọng yếu biên giới Việt-Trung.[4] Do đó, khi đội quân vận lương của Chinh man tướng quân đóng ở Quảng Tây là Cố Hưng Tổ hễ vào đến An Nam, thì lập tức sẽ bị nghĩa quân đánh lui.[5] Lúc bấy giờ, tám chín phần mười lãnh thổ An Nam đã rơi vào tay của quân khởi nghĩa, chỉ có các thành Đông Quan, Xương Giang, Chí Linh, Thanh Hoá, Cổ Lộng là có quân Minh đóng giữ mà thôi. Tháng 4 năm này, một mặt thì Lê Lợi phái người đốc thúc tu sửa ải Lê Hoa[6] để ngăn chặn quân đội của Mộc Thạnh tấn công từ Vân Nam, một mặt dốc toàn sức đánh chiếm thành Xương Giang. Ngài phải chuẩn bị thật tốt, đợi quyết chiến một trận với viện binh của nhà Minh.

Bắt đầu từ tháng 4, thành Xương Giang đã bị nghĩa quân tập kích.[7] Ngày 8 tháng 9, nghĩa quân tấn công toàn diện thành

1. Ban sư 班師: dẫn quân về kinh. (NPA)
2. *Ức Trai di tập, Dữ Vương Thông thư,* quyển 4, tr. 17 và *Tái dữ Vương Thông thư*, sdd, tr. 22-23.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sdd, tr. 535; Và *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên tam nguyệt Kỷ Hợi,* quyển 26, tr. 678.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sdd, tr. 538.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sdd, tr. 538.
6. Ải Lê Hoa 梨花關: là một địa điểm ở ven sông Lô chảy qua vùng biên giới tỉnh Hà Giang và tỉnh Vân Nam Trung Quốc bây giờ. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr. 367). (NPA)
7. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên lục nguyệt Quý Hợi,* quyển 27, sdd, tr. 742.

Xương Giang.[1] Đây là một cuộc chiến công thành vô cùng quyết liệt và hùng mạnh, nghĩa quân phải đào đường hầm, leo thang, trải qua một cuộc chiến khoảng gần nửa năm, mới có thể chiếm lĩnh thành công thành Xương Giang. Ngày phá được thành, "quan giữ thành là Phùng Trí khóc to, hướng mặt về phía bắc mà lạy, thề không theo giặc, rồi cùng với Chỉ huy Lưu Thuận, Tri phủ Lưu Tử Phụ đều thắt cổ tự tử, quan quân trong thành cùng trai gái cùng lúc chết rất đông."[2] Nhưng Tri phủ Lưu Tử Phụ hình như không chết trong thành Xương Giang, ông đã là Tri phủ phủ Lạng Giang, đương thủ ở thành Lạng Giang, thành này hoặc là thành Chí Linh.[3] Lúc này, thành trì, cửa ải ở phía Đông của Đông Quan đã hoàn toàn rơi vào tay của quân khởi nghĩa, Lê Lợi đang tăng cường phòng bị, nghiêm quân trận để đợi viện binh của nhà Minh.[4]

Ngày 18 tháng 9, đại quân do Liễu Thăng thống lĩnh tiến công từ cửa Bằng Tường thuộc tỉnh Quảng Tây, thế như chẻ tre của quân Minh băng qua cửa ải Pha Luỹ[5], trực chỉ về hướng ải Chi Lăng[6]. Lê Lợi phái sứ giả đến cửa quân thỉnh cầu "theo ý ban sơ tiếp nối dòng đã tuyệt của Thành Tổ xưa kia, lập Trần Cảo lên làm chủ nước này, bãi binh cho dân nghỉ." Sau khi Liễu Thăng nhận thư, đưa cho trạm dịch tức tốc tấu về triều đình, nhưng không

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 541.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên tứ nguyệt Canh Thân,* quyển 27, sđd, tr. 701-702. Nguyên văn: 守城中官馮智大哭，北向再拜，誓不從賊，與指揮劉順、知府劉子輔等俱自縊死，城中軍校及男女同時死者甚眾。
3. Trong bài *Giao Chỉ Lạng Giang phủ Tri phủ tặng Bố chánh ty Tham chánh Lưu Tử Phụ truyện* 交趾諒江府知府贈布政司參政劉子輔傳 của Dương Sĩ Kỳ, có miêu tả chi tiết về sự thất thủ của thành Lạng Giang. (Xem *Quốc triều hiến trưng lục*, quyển 103, sđd, tr. 4668).
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 541.
5. Ải Pha Luỹ: tức là cửa Nam Quan sau này, ngày nay là Hữu Nghị Quan. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 371). (NPA)
6. Chi Lăng: là ải hiểm trở nhất trên con đường từ Pha Luỹ đến Đông Quan, cách Pha Luỹ khoảng 60km, thuộc xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 371). (NPA)

dừng hành động quân sự.[1] Nhưng mà, Liễu Thăng lại quá khinh địch, ông ta dẫn quân đến núi Mã Yên 馬鞍[2] gần ải Chi Lăng, không may chết trận.[3] Núi Mã Yên cũng chính là dốc Đảo Mã 倒馬 mà *Minh sử* nói đến. Sau khi Liễu Thăng chiến bại vong mạng, quân hình của nhà Minh tán loạn, Tả Tham tướng Thôi Tụ chỉnh đốn đội ngũ, miễn cưỡng tiến đến thành Xương Giang.[4] Tiếc rằng, thành Xương Giang lúc này đã thất thủ, thành Đông Quan thì tự mình lo thân mình còn chưa xong, do đó chưa thể trong ứng ngoài hợp được. Kết quả, chỉ một gậy đập xuống thì toàn bộ viện binh của nhà Minh đã tàn lụi, Thôi Tụ, Hoàng Phúc cùng hơn 3 vạn quân bị bắt.[5]

Mộc Thạnh từ Vân Nam xuống phương Nam, ngày 26 tháng 10 cũng tiến vào đến trại Cao 高寨 thuộc huyện Thuỷ Vĩ 水尾 An Nam.[6] Trại Cao thuộc huyện Thuỷ Vĩ hay Việt sử còn nói là cửa ải Lê Hoa. Sau khi đại quân của Mộc Thạnh dễ dàng đánh bại Phòng ngự sứ Trần Ban ở cửa ải Lê Hoa,[7] liền thẳng đến Lãnh Thuỷ Câu[8]. Lúc này, Mộc Thạnh có lẽ đã nghe tin tức Liễu Thăng bại vong, nên ông ta vội vã thống lĩnh đại quân lui về Vân Nam.[9] Thế là, viện binh ở hai đường đã đứt tuyệt, Đông Quan càng thêm nguy cấp. Lê Lợi còn lợi dụng sức người ép bức Vương Thông ra hoà ước khuất phục.[10] Còn cho phép Hoàng Phúc và Vương

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nhị niên*, quyển 10, sđd.
2. Mã Yên tên Nôm là núi Yên Ngựa, một hòn núi đá cao khoảng 40m so với mặt đất, chu vi 300m, nằm ở phía Nam cánh đồng lầy lội, muốn qua phải bắc cầu mới đi được. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 371). (NPA)
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 542.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên cửu nguyệt Ất Mùi*, quyển 31, sđd, tr. 798.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 542.
6. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nguyệt Canh Thìn*, quyển 32, sđd, tr. 830; xem thêm *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 542-543.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 536.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là Lãnh Câu, tức là "ngòi Nước Lạnh". (NPA)
9. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 543.
10. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 543.

Thông thương lượng với nhau về việc bãi binh.[1] Chuyện Hoàng Phúc và Vương Thông hội kiến với nhau, Minh sử không đề cập. Nhưng *Hoàng Trung Tuyên công văn tập* chép sau khi Hoàng Phúc bị bắt, từng đề cập với Lê Lợi rằng: "Bọn ngươi chớ cậy may mắn, nhân mã của ta làm thế nào về được triều đình? Đưa cống vật sang dâng biểu tạ tội."[2] Đoạn trên từng luận đến việc Hoàng Phúc tái xuất An Nam, là nhận sứ mệnh tìm con cháu họ Trần. Sau đó Hoàng Phúc bị bắt, trông thấy ý nguyện dập tắt được những rối loạn rồi mới rút khỏi An Nam trong quang vinh không thể thực hiện được, do đó bèn hiểu dụ Lê Lợi "đưa cống vật sang dâng biểu tạ tội". Chắc chắn là việc này sau khi trải qua cuộc đàm phán, đồng ý sắp đặt một sự rút lui khỏi An Nam. Điều này có thể minh chứng lẫn nhau với điều Hoàng Phúc nói là "xin được hội kiến Vương Thông, điều đình chuyện giảng hoà bãi binh" mà *Đại Việt sử ký tiền biên* nói đến.

Trước khi Vương Thông và Lê Lợi cử hành đàm phán giảng hoà, từng thương thảo với quan tướng trong thành Đông Quan, đồng thời tranh thủ nhận được một sự hiểu biết chung nhất trí. *Việt kiệu thư* chép Vương Thông nói với các tướng lãnh rằng: "Giao Man cố chấp, phản phục thất thường, mỗi lần nhọc các vương sư, lãng phí vô vàn, không nên dùng số đạn dược này ở nơi vô ích, đến nỗi mệt nhọc căn bản hư không, lỡ như Trung Nguyên có biến cố, thì phải ứng biến làm sao? Trộm cho rằng nơi này như là có thể bỏ mà không thể giữ gậy."[3] Người viết tin chắc rằng lời này của

1. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nhị niên*, quyển 10, sđd, tr. 50 nói: "Vì (Hoàng) Phúc xin được hội kiến Vương Thông, điều đình chuyện giảng hoà bãi binh."
2. *Hoàng Trung Tuyên công văn tập, [Biệt tập]*, quyển 2, sđd, tr. 3.
3. *Việt kiệu thư*, quyển 6, sđd, tr. 13. Theo: *Đại Việt sử ký toàn thư* từng chép rằng đã bắt được thư bọc sáp của Vương Thông, trong thư nói: "Chớ vì một góc đất đai nhỏ nhoi mà bao phen làm nhọc quân đi muôn dặm. Giả sử dùng tới số quân như lần đánh ban đầu, có được 6, 7, 8 viên đại tướng... như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được. Nhưng dẫu có đánh được cũng không thể nào giữ được." (quyển 10, tr. 544). Nguyên văn: 勿以一隅之地，頻勞萬里之師，使用兵如原征之數，得六七八大將如張輔等，方可圖之。縱得之，不可守之。

Vương Thông nói ra sau khi đã hội kiến Hoàng Phúc, tất nhiên Hoàng Phúc đã truyền đạt lại cách nhìn mới nhất về việc từ bỏ An Nam của Minh Tuyên Tông. Do đó, những người chủ chiến như Mã Kỳ, Dương Thời Tập cũng chỉ có thể thuận theo tình thế "theo đó mà thông qua hoà nghị, liên hoà với Lê Lợi."

Trung tuần tháng 11, cuộc nghị hoà lần thứ tư lại một lần nữa được triển khai.[4] Ngày 22 tháng 11, đôi bên đi đến thoả hiệp thương nghị, thương lượng định ngày 12 tháng 12 là ban sư về kinh, đồng thời đổi người cho nhau đặng làm tin.[5] *Minh thực lục* chép Vương Thông và Lê Lợi thề thốt rằng: "Vương Thông tập hợp đông quân dân quan lại tại sông Hạ Sáo, lập đàn minh thệ lui quân với Lê Lợi. Và tặng cho Lê Lợi hàng dệt kim lụa hoa văn, Lê Lợi cũng dâng bảo vật để cảm tạ."[6] Có thể nói Hoàng Phúc là nhân vật quan trọng trong lần hoà nghị này, sau khi hoàn thành cuộc hoà nghị, Lê Lợi bèn ưu tiên "sai Đầu mục Nguyễn Phu lễ phép tiễn ra biên cảnh", còn Hoàng Phúc thì về đến Long Châu của Quảng Tây vào ngày 29 tháng 11.[7] Điều này ngoài việc phản ánh rằng Hoàng Phúc được người An Nam tôn kính ra, còn cho thấy thành ý của Lê Lợi. Ngày 29 tháng 11, Lê Lợi lại một lần nữa phái sứ giả đến Trung Quốc cầu phong, và đưa trả Hổ phù ấn tín của Liễu Thăng, trình bày danh sách có liên quan đến số nhân mã quan quân rút về...

Ngày 12 tháng 12, quân Minh chia ra hai đường thuỷ và bộ rút lui khỏi thành Đông Quan. Quân Minh ở ba thành Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh cũng lục tục rút lui.[8] Sự rút lui của quân Minh, có nghĩa là An Nam quay trở lại cục diện độc lập. Đối với dân tộc An Nam mà nói, đây là một thắng lợi vĩ đại, cảm giác tự hào của

---

4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 543.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 544.
6. *Minh Tuyên Tông thực lục,* quyển 32, sđd, tr. 828. Theo *Minh thực lục* chép chuyện này nhằm vào ngày "Mậu Dần tháng 10" (ngày 24).
7. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nhất nguyệt Quý Dậu,* quyển 33, sđd, tr. 856.
8. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 546.

chủ nghĩa dân tộc mãnh liệt thể hiện ra trong áng văn *Bình Ngô đại cáo* 平吳大告[1] của Nguyễn Trãi soạn đã không thể nghi ngờ gì nữa.[2] Còn đối với nhà Minh mà nói, đây là một cơn ác mộng, tất cả quan lại quân dân an toàn rút lui về được có "86.640 người, và cũng còn có một số bị Lê Lợi giữ lại không cho đi."[3] Theo *Đại Việt sử ký tiền biên* nói: "Người Minh tính số tổn thương còn sống và trở về, thì chỉ còn hai phần mười."[4] Có thể thấy, nhà Minh từ bỏ An Nam thực sự là một trải nghiệp thảm thương đau khổ.

4. Lựa chọn từ bỏ An Nam của Minh Tuyên Tông cùng với việc khôi phục quan hệ Việt Nam - Trung Quốc

Trong khi Vương Thông và Lê Lợi ở An Nam âm thầm cùng nhau đi đến quyết định hiệp nghị rút quân, thì ở ngay triều đình nhà Minh cũng vẫn chưa có ý kiến nhất trí về việc phải chăng nên từ bỏ An Nam. Ngày 28 tháng 10, tấu lên bức biểu văn cầu phong mà Lê Lợi đưa qua Liễu Thăng.[5] Sau khi Minh Tuyên Tông thẩm duyệt, tâm tình chắc chắn là đã khảng khái rộng mở, rốt cuộc thì An Nam đã có dòng dõi họ Trần, việc rút khỏi đã có cớ. Ngày hôm sau, tức là 29 tháng 10, sau khi cuộc hoà nghị lần thứ ba, Vương Thông phái người cùng theo sứ giả An Nam đến kinh sư.[6] Khi biểu văn cầu phong của An Nam liên tiếp tấu đến triều đình, thì những tin tức như Liễu Thăng tử trận và viện binh bị đánh tan vẫn trễ nải chưa tới, Minh Tuyên Tông tưởng rằng tất cả mọi sự an bài đều nằm trong kế hoạch của ngài, lập tức lấy biểu văn cầu phong của An Nam để trưng cầu ý kiến từ bỏ An Nam của các đại

1. Toàn văn áng văn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi được đưa vào phần phụ lục 4 ở cuối sách của người dịch.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 10, sđd, tr. 547-548.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nhị nguyệt Canh Ngọ*, quyển 34, sđd, tr. 867.
4. *Đại Việt sử ký tiền biên, Thuộc Minh kỷ, Tuyên Đức nhị niên*, quyển 10, sđd.
5. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nguyệt Nhâm Ngọ*, quyển 32, sđd, tr. 831.
6. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nguyệt Quý Mùi*, quyển 32, sđd, tr. 832-833.

thần trong triều. *Minh thực lục* chép quần thần đều nói: "Chấp nhận cho họ."[1] Trên thực tế, tình hình lại không như thế.

Ba người Trương Phụ, Kiển Nghĩa, Hạ Nguyên Cát đều đã từng cực lực phản đối chính sách từ bỏ An Nam. Anh quốc công Trương Phụ cho rằng "việc này không thể theo được, tướng sĩ lao khổ ngần ấy năm, rồi sau mới được thế. Biểu này ra từ sự quỷ quyệt của Lê Lợi, nên tăng thêm binh để giết tên giặc này thôi." Hai người Kiển Nghĩa, Hạ Nguyên Cát thì cho rằng "lập người mà chúng muốn là không có lý do danh nghĩa, chỉ cho thấy chúng ta yếu đuối trong thiên hạ mà thôi."[2] Có thể thấy rằng, Minh Tuyên Tông ra quyết định từ bỏ An Nam dưới sự phản đối kịch liệt của các vị lão thần trong triều là Trương Phụ, Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát. Ngày mùng 1 tháng 11, Minh Tuyên Tông mệnh cho Lễ bộ Tả thị lang Lý Kỳ đi sứ An Nam, tuyên bố việc rút quân khỏi An Nam.[3] Lại mệnh cho Vương Thông "lập tức thống lĩnh quan quân, toàn bộ quay về."[4] Làm thế nào mà Minh Tuyên Tông có thể hiểu được lúc này Vương Thông đang đàm phán các vấn đề rút quân với Lê Lợi.

Ngày mùng 7 tháng 11, tin tức do trạm dịch báo Liễu Thăng tử trận truyền về, Minh Tuyên Tông ngạc nhiên nhưng nói một cách bình tĩnh rằng: "Chắc Thăng không nghe lời Trẫm, đến nỗi thất bại như vậy. Đó là Thăng đã phụ lòng của Trẫm vậy."[5] Đương nhiên là Liễu Thăng đã phụ lòng phó thác của Tuyên Tông hoàng đế, vậy tại sao Vương Thông lại không phụ lòng ngài? Minh Tuyên

---

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nguyệt Quý Mùi,* quyển 32, sđd, tr. 832-833.
2. *Ngự giao ký*, quyển 7, sđd, tr. 94. Nguyên văn:「此不可從，將士勞苦數年，然後得之。此表出黎利之譎，當益發兵誅此賊耳。」；「舉以與之無名，徒示弱于天下。」
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nhất nguyệt Ất Dậu,* quyển 33, sđd, tr. 836-837.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nhất nguyệt Ất Dậu,* quyển 33, sđd, tr. 838.
5. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên thập nhất nguyệt Tân Mão,* quyển 33, sđd, tr. 839-840. Nguyên văn: 必升不用朕言，致有此失。此升負朕也。

Tông không thể nào ngờ được rốt cuộc thì Vương Thông đã tự ý rút lui khỏi An Nam trong khi chưa tiếp được lệnh lui quân. Ước muốn vốn dĩ mà ngài nghĩ rằng sau khi dẹp được động loạn, mới rút khỏi An Nam trong quang vinh đến đây đã hoàn toàn thất bại. Ở An Nam, bắt đầu kể từ ngày 12 tháng 12, quân Minh lục tục rút lui về nước.

Thượng tuần tháng 2 năm Tuyên Đức thứ 3 (1428), quân Minh đã về đến Nam Ninh thuộc Quảng Tây. Vương Thông gặp sứ giả đi An Nam là Lý Kỳ ở đó, ông ta muốn ngăn chặn Lý Kỳ xuống phía Nam, để ông ta tấu rõ việc rút quân trước đã, nhưng bị Lý Kỳ từ chối. Ngày 12 tháng 2, việc Vương Thông rút quân được tấu lên, Minh Tuyên Tông nói với lời lẽ bình tĩnh ôn hoà rằng: "Tổng binh quan ở ngoài tự tiện liên lạc với giặc, không đợi lệnh của triều đình, mà bỏ thành rút về, không còn kể gì đến cái lễ bề tôi nữa."[1] Quan sát phản ứng của Minh Tuyên Tông về việc tự ý rút quân của Vương Thông, hiển nhiên là ngài chấp nhận sự thực này. Từ bỏ An Nam vốn là chính sách đã định của ngài, chỉ là Vương Thông thực hiện không được chu đáo hiểm hách mà thôi. Do đó, ngài không hề có ý nghĩ sẽ lại xuất binh lần nữa, ngay lập tức hạ lệnh cho quan quân ai về lại vệ sở ban đầu, rồi mệnh cho Sơn Thọ, Mã Kỳ, Vương Thông lập tức về kinh sư, đồng thời chuẩn cho phép sứ giả An Nam đến kinh.[2] Có thể thấy rằng Minh Tuyên Tông không có ý truy cứu sự việc này nữa.

Nhưng khi sứ giả An Nam trình bày cầu phong cho Trần Cảo và Lê Lợi vào ngày 15 tháng 3[3] lại khiến cho các đại thần triều đình dấy lên một cuộc tranh luận về vấn đề từ bỏ An Nam. Văn võ đại thần ùn ùn họp lại chỉ trích bọn Vương Thông không nên

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên nhị nguyệt Canh Thân, Nhâm Tuất,* quyển 36, sđd, tr. 899. Nguyên văn: 總兵官在外，擅與賊通，不候朝命，輒棄城歸，無復人臣之禮矣。
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên nhị nguyệt Quý Hợi,* quyển 36, sđd, tr. 900.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 40, sđd, tr. 977.

tự ý nghị hoà với Lê Lợi và bỏ thành rút quân, và sai người bắt đến kinh sư, để làm rõ tội trạng; còn về Lê Lợi, cũng nên phát binh chinh phạt thảo tội. Minh Tuyên Tông đáp rằng "Bọn người Vương Thông sẽ đến đây ngay trong một sớm một chiều, không cần phải sai người đi bắt. Trẫm cũng không có ý tha tội cho Lê Lợi, nhưng thương cho sinh linh một chốn, do đó cũng khoan dung mà thôi."(1) Những người chủ chiến kiên trì cho việc xuất binh đánh An Nam, đương nhiên là người ba lần xuống An Nam Anh quốc công Trương Phụ. Việc đặt An Nam làm quận huyện của Trung Quốc có thể nói là công nghiệp một đời của Trương Phụ, một khi đã từ bỏ, đương nhiên là ông ta không vui phải nhìn thấy. Do đó, trong khi Minh Tuyên Tông một lần nữa hỏi về việc có liên quan đến An Nam, không những ông ta chủ trương phát binh, mà còn tình nguyện một lần nữa dẫn quân Nam chinh.(2) Đối với sự cố chấp theo ý riêng trong vấn đề An Nam của Trương Phụ, hiển nhiên là Minh Tuyên Tông không vui vẻ gì. Ngài chỉ ra rõ rằng "tha hay thắng, sau khi dẹp yên Lê Lợi rồi thì cũng không phải là cái ta có". Ngài đã hạ quyết tâm từ bỏ việc cai trị ở An Nam.

Do thái độ kiên quyết của Minh Tuyên Tông, Kiển Nghĩa và Hạ Nguyên Cát bắt đầu mềm mỏng hơn, từ bỏ ý nghĩ xuất binh An Nam. Hạ Nguyên Cát bèn nói với vẻ đau lòng đứt ruột rằng: "Binh nhọc, tài sản kiệt quệ, không thể cử binh nữa... nếu không chịu nhẫn nhịn việc nhỏ để duy trì thế công mạnh độc, thâm nhập không thôi, trong lòng dạ hư tổn, e là sống lại ở nơi khác, không thể không dự liệu."(3) Lời này của Hạ Nguyên Cát đã phản ánh

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 40, sđd, tr. 981.
2. Vương Thế Trinh, *An Nam truyện,* [2], sđd, tr. 5-6.
3. Hạ Nguyên Cát, *Trung Tĩnh tập* 忠靖集 (*Văn Uyên Các tứ khố toàn thư,* ảnh ấn, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1986, quyển 1240), phụ lục, *Hạ Trung Tĩnh công di sự*; xem thêm Vương Ngao 王鏊, *Hạ Nguyên Cát truyện lục* 夏原吉傳錄 (*Quốc triều hiến trưng lục,* quyển 28, tr. 1177). Theo: lời này của Hạ Nguyên Cát là lần đầu tiên ông ta tán thành từ bỏ quyền cai trị ở An Nam. Nhưng *Hạ Trung Tĩnh công di sự* lại chép nhầm lời này vào "tháng 10 năm Tuyên Đức thứ 2", đây có lẽ phải là thái độ sau "ngày 15 tháng 3 năm Tuyên Đức thứ 3". Vì trong hội nghị triều đình tháng 10 năm Tuyên Đức

một cách trung thực về cục diện chính trị không ổn định kể từ khi Minh Tuyên Tông lên ngôi trở đi phải đối mặt. Phải biết rằng những cái chết liên tiếp của Minh Thành Tổ, Minh Nhân Tông, thần khí quốc gia đã nằm trong thế vạn biến. Tháng 8 năm Tuyên Đức nguyên niên (1426), bèn có sự kiện Cao Hú 高煦 tạo phản. Tuy là phản loạn được dẹp yên, nhưng những kẻ có dã tâm phải chăng vẫn sẽ tiếp tục nổi lên, đây chính là mối lo lắng lớn nhất của Minh Tuyên Tông. Huống hồ, Minh Thành Tổ đã có được thiên hạ bằng cách soán ngôi, thế lực cũ phải chăng sẽ thừa cơ hội mà cuộn đất dấy lên trở lại, đây cũng là điều không thể không đề phòng. Minh Tuyên Tông từng nói rằng "tính về binh lực không thể được như Thái Tông vậy." Vậy thì, trong tình hình chính trị và điều kiện này, nếu muốn điều động đại quân công đánh An Nam, hiển nhiên là một ý nghĩ không thực tế.

Điều quan trọng nhất đó là trong đời Vĩnh Lạc, Minh Thành Tổ đã hao tốn quốc khố ngàn vạn ức cho việc nhọc binh động chúng xuất binh đánh An Nam, viễn chinh Mông Cổ, và xuống Tây Dương, lập doanh ở Bắc Kinh, tu sửa Trường Lăng, khai thông kênh rạch... Đến cuối đời Vĩnh Lạc, kinh tế của nước nhà đã rơi vào mấp mé của sự băng hoại. Ví dụ như năm Vĩnh Lạc thứ 19 (1421) Minh Thành Tổ một lần nữa xuất chinh Sa Mạc, Hạ Nguyên Cát đã mạo phạm can gián thẳng thắn rằng: "Những năm gần đây binh xuất chinh mà không có công trạng, quân mã dự trữ mười phần đã mất tám chín, tai vạ liên tiếp xảy ra, trong ngoài đều mệt nhọc cả."[1] Còn chỉ ra rằng sức nước lúc bấy giờ "chỉ cấp đồ dùng cho tướng sĩ trang bị phòng ngự, không đủ để cấp cho đại quân."[2] Có thể thấy, kinh tế quốc gia lúc bấy giờ đã cho thấy một hiện tượng không phấn khởi. Nhưng Minh Thành

---

thứ 2, Hạ Nguyên Cát và Kiển Nghĩa vẫn còn ủng hộ ý kiến chủ chiến của Trương Phụ. Hạ Nguyên Cát từng nói "lập người mà chúng muốn là không có lý do danh nghĩa, chỉ cho thấy chúng ta yếu đuối trong thiên hạ mà thôi." (xem *Ngự giao ký*, quyển 7, tr. 94).

1. *Minh sử, Hạ Nguyên Cát truyện*, sđd, tr. 4153.
2. *Minh Thái Tông thực lục, Vĩnh Lạc thập cửu niên thập nhất nguyệt Bính Tý*, quyển 243, sđd, tr. 2296.

Tổ lại bỏ qua thực tế, lạm dụng binh mã vũ lực, giam Hạ Nguyên Cát lại, ra lệnh cho tướng xuất chinh. Kết quả, kinh tế quốc gia càng trở nên tồi tệ.

Đến khi Minh Nhân Tông lên ngôi, phép tiền tệ đã tệ. Do tình hình gia tăng ùn ứ việc lưu thông hàng hoá, người dân phần đông đều dùng vàng bạc bọc vải để làm phương tiện trung gian giao dịch.[1] Đại Minh Bảo Sao tương ứng với giấy vụn, mất giá trị mua bán vốn có. Minh Tuyên Tông tiếp ngôi vị hoàng đế trong thời gian mà nền kinh tế quốc gia đang suy thoái, lại từng có hai lần phái binh xuống phía Nam để dẹp loạn. Nếu như một lần nữa sử dụng hành động quân sự với quy mô lớn đối với An Nam, số phí tổn chi ra sẽ là một gánh nặng hết sức nặng nề. Về sức nước lúc bấy giờ mà nói, hiển nhiên là không đủ sức để chi ra. Đúng như Hạ Nguyên Cát nói "binh nhọc tài sản kiệt quệ, không thể cử binh nữa". Dưới sự hạn chế về điều kiện khách quan này, Minh Tuyên Tông không có ý định lại xuất binh đánh An Nam.

Huống hồ, khu vực Lan Thương 瀾滄 của Vân Nam dấy động chưa yên.[2] Việc điều động cho quân thủ An Nam chắc chắn có sự khó khăn, Mộc Thạnh cũng vì vậy mà không có lòng tham chiến ở An Nam. Điều này cũng gián tiếp nói lên lý do tại sao Mộc Thạnh không đánh mà lại lui ở An Nam. Một điều nữa, do hằng năm đều phải chinh tiễu An Nam, đã sinh ra một vấn đề hoạ hoạn liên tiếp. Ở Vân Nam, vì phải vận lương cho An Nam mà xảy ra hiện tượng lương thực dự trữ thiếu thốn,[3] thợ khai thác quặng mỏ bị trưng thu điều động, dẫn đến việc khai thác mỏ bạc ở Tân Hưng hoàn toàn bị đình đốn;[4] ở Tứ Xuyên, vệ Tùng Phan liên tục dấy

1. *Minh sử, Thực hoá ngũ*, sđd, tr. 1964.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên nhị nguyệt Canh Thìn*, quyển 25, sđd, tr. 662.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Hồng Hi nguyên niên bát nguyệt Bính Tý*, quyển 7, sđd, tr. 197.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên lục nguyệt Nhâm Tuất*, quyển 28, sđd, tr. 741.

loạn mãi vì triều đình điều phát quan quân xuất chinh An Nam;[1] ở Quảng Tây, vì quân thủ tiến chinh An Nam nhiều, dẫn đến sức phòng thủ ở địa phương trở nên suy yếu, sơn tặc đã thừa cơ hội này mà cấu kết với các dân tộc Dao, Tráng dấy loạn.[2] Những hiện tượng nêu trên, đều do vấn đề của An Nam mà gây ra "trong lòng dạ hư tổn". Nếu không kịp thời ngăn chặn, thì sự thống trị của Minh Tuyên Tông, sẽ cấu thành rất nhiều những nhân tố bất ổn.

Không cần phải né tránh, Minh Tuyên Tông không hề ủng hộ cách làm của Minh Thành Tổ là đặt An Nam làm quận huyện, do đó khi ngài mới bắt đầu kế vị bèn có ý khôi phục địa vị độc lập của An Nam. Do đó, tuy là bọn Vương Thông đã làm nhục sứ mệnh, khiến nước nhà lu mờ ô uế, đồng thời bị quần thần đàn hặc luận tội chết, ngược lại Minh Tuyên Tông chỉ hạ lệnh giam ở ngục cẩm y vệ chứ không xử tội chết. Trong toàn bộ sự kiện từ bỏ An Nam, chỉ có 5 người Hoàng Phúc, Thôi Tụ, Vu Tán, Lỗ Quý, Lý Trung trong việc hàng phụ Lê Lợi và liên thông các thành chiêu dụ hàng là bị phán cực hình "bỏ thành".[3] Từ đó có thể thấy, việc từ bỏ An Nam là phụng theo ý chỉ của Minh Tuyên Tông để hành sự mà thôi.

Minh Tuyên Tông quyết định từ bỏ An Nam trong tình thế không quang vinh, khôi phục địa vị độc lập của An Nam. Mùng 1 tháng 4 năm Tuyên Đức thứ ba (1428), sứ giả An Nam là Lê Thiếu Dĩnh 黎少穎 về nước, Minh Tuyên Tông thệ cáo Lê Lợi rằng: "Sau khi lập nên thì sự việc trọng đại, cần phải hợp với lòng dân trong nước, không phải do ngươi tự chuyên quyền độc đoán. Sắc đến, phải cùng với kỳ lão Giao Chỉ trình bày sự thực về cháu đích tôn của họ Trần, đợi tấu lên, để căn cứ vào đó mà ban

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên ngũ nguyệt Bính Thân,* quyển 28, sđd, tr. 727.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức nhị niên ngũ nguyệt Mậu Thân,* quyển 28, sđd, tr. 736.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên ngũ nguyệt Tân Tỵ,* quyển 43, sđd, tr. 1076.

chiếu sách phong. Ngươi phải để những người bị lưu giữ cùng với binh khí đưa về kinh."[1] Lúc này, điều mà Minh Tuyên Tông quan tâm nhất đó là ba việc: sách phong cho dòng dõi họ Trần, và đưa những người Trung Quốc cùng binh khí trở về. Đương nhiên là ngài không hiểu rõ, An Nam đã không còn dòng dõi họ Trần, uy vọng của Lê Lợi không có người nào có thể thay thế được.

Ngày mùng 1 tháng 5 năm này, người xuất sứ An Nam là Lý Kỳ về đến kinh sư, sứ giả của Lê Lợi cùng đi theo tấu báo với triều đình sự việc quốc chủ Trần Cảo không may qua đời vào ngày mùng 10 tháng Giêng, dòng dõi con cháu họ Trần đã tiệt không còn người kế tục, người trong nước cùng đồng lòng ủng hộ Lê Lợi giữ nước và đợi mệnh triều đình.[2] Về cái chết của Trần Cảo, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép làm 4 thuyết.[3] Bất luận cho dù Trần Cảo chết

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên tử nguyệt Quý Sửu,* quyển 41, sđd, tr. 993-994.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên ngũ nguyệt Nhâm Tý,* quyển 43, sđd, tr. 1043.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 551.
   Mậu Thân, [Thuận Thiên] năm thứ 1, 1428] (Minh Tuyên Đức năm thứ 3)... Ngày mồng 10, Trần Cảo uống thuốc độc chết. Bấy giờ các quan đều dâng sớ nói Trần Cảo không có công gì với dân, sao lại ở trên mọi người, nên sớm trừ đi. Vua [Lê Lợi] cũng biết là như vậy, nhưng trong lòng không nỡ, đối xử càng hậu. Cảo biết người trong nước không phục mình, bèn ngầm đi thuyền vượt biển trốn vào châu Ngọc Ma. Đến Ma Cảng (đất Nghệ An) quan quân đuổi bắt được, đem về Đông Quan, bắt uống thuốc độc chết. (Có thuyết nói rằng: Trước đây, sau khi lập Cảo, vua cho Cảo đóng dinh ở núi Không Lộ, sau dời sang Ninh Giang. Đến năm này, chuyển về thành Cổ Lộng. Cảo tự nghĩ là trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, mình không có công gì với thiên hạ mà ở ngôi tôn, nếu không sớm liệu, sợ nỗi hối hận sau này. Rồi ngầm đi thuyền ra biển mà chết.
   Có thuyết nói rằng: Cảo tự biết người trong nước không phục, bèn cùng với bọn Văn Nhuệ ngầm đi thuyền biển trốn đến ải Cổ Lộng, vua sai người đuổi bắt giết đi, vứt xác vào bụi gai. Lúc Cảo chết, có cầu khấn trời, ai nghe cũng phải thương xót, thiên hạ cho là oan. Sau này, thời Lê mạt, Trần Cảo làm loạn, tương truyền đó là kiếp sau của Trần Cảo này.
   Lại có thuyết nói: Trần Cảo tên là Địch, trong nạn giặc Minh, Địch ẩn náu trong dân, đến khi Thái Tổ dấy quân, thấy lòng người vẫn nhớ nhà Trần, cho nên lập lên để theo nguyện vọng mọi người. Đến đây, giặc Minh đã dẹp mà Địch vẫn giữ ngôi, Thái Tổ nói kín rằng: "Ta trải trăm trận mới lấy được thiên hạ, mà hắn lại giữ ngôi sao". Cảo sợ hãi, chạy đến ải Cổ Lộng, Thái Tổ sai người đuổi theo giết đi, ném xác vào bụi gai). Bản dịch của Ngô Đức Thọ... sđd, tr. 379-380. Nguyên văn: 戊申順天元年明宣德三年

vì nguyên nhân gì, đều có liên quan đến việc sách phong của triều đình nhà Minh. Nhà Minh từ bỏ An Nam, mượn cớ là họ Trần còn dòng dõi, có ý nghĩa hưng diệt kế tuyệt. Vấn đề là, nếu như Trần Cảo thành công nhận được sách phong của nhà Minh làm An Nam quốc vương, điều này sẽ cực kỳ bất lợi cho việc thống trị của Lê Lợi ở An Nam. Đương nhiên là Lê Lợi biết được sức ảnh hưởng của quyền lực Trung Quốc trên khu vực Đông Á, nếu không nhận được sự thừa nhận (sách phong) của Trung Quốc, thì sự thống trị của ngài sẽ đối mặt với rất nhiều uy hiếp bất ổn trong và ngoài nước. Do đó, khi quân Minh rút lui khỏi An Nam, trong tình hình đại cuộc vừa mới định mà sứ giả nhà Minh vẫn chưa đến, bèn tìm cách trừ khử chướng ngại vật có thể cản trở con đường trở thành người thống trị An Nam của ngài, cái chết của Trần Cảo hoàn toàn có thể hiểu được. Trong lòng Lê Lợi hiểu rất rõ, Minh Tuyên Tông quyết không vì cái chết của Trần Cảo mà lại một lần nữa phát động chiến tranh. Ngày 15 tháng 4, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thuận Thiên 順天, đặt quốc hiệu là Đại Việt 大越.[1]

Nhưng "lập dòng dõi họ Trần" là cái cớ để nhà Minh rút khỏi An Nam, việc này có liên quan đến vấn đề chế độ tông phiên của đế quốc Minh và thể diện của một vị đại hoàng đế. Cái chết của Trần Cảo rõ ràng là một sự khiêu chiến với Minh Tuyên Tông. Đương nhiên Minh Tuyên Tông biết được dã tâm của Lê Lợi,

---

春正月。十日，陳暠飲毒卒。時群臣皆上疏，言陳暠無功於民，何以居人上，宜早除之。帝自知其然，而心有不忍，遇之益厚。暠知國人不服，乃潛駕海船，逆入玉麻州，至麻港乂安地，官軍追及獲之，回至東關城，飲毒卒一云，先是帝既立暠，暠駐營空路山，徒寧江。是歲遷古弄城，自謂天無二日，國無二王，我無功於天下，而居尊位，若不早圖，恐有後悔。乃潛駕海船而卒。一云，暠自知國人不服，乃陰與文銳等潛駕海船逆至古弄隘，帝令人追殺之，投屍入叢棘中。暠死時有祝天而言，聞者莫不悲慟，天下冤之。後黎末陳暠作亂，傳以爲陳暠後身也。一云陳暠名頓，明人之難，頓隱迹民間。及太祖起兵，以人心思陳，暠故立之，以從人望。至是 平，猶居位。太祖密言曰：「我以百戰得天下，而暠居大位。」暠畏懼，走至古隘，太祖令人追殺之，投屍入叢棘中。

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 10, sđd, tr. 553.

do đó ngày 18 tháng 5, ngài lại mệnh cho La Nhữ Kính 羅汝敬 xuất sứ An Nam, thệ cáo Lê Lợi và quân dân kỳ lão phải tìm cho được con cháu họ Trần, "dụng ban mệnh kế tuyệt", và đưa những người Trung Quốc bị giữ lại cùng quân khí về nước.(1) Tuy là Trần Cảo chết rồi, nhưng ý nguyện lập dòng dõi họ Trần của Minh Tuyên Tông vẫn chưa thôi. Do đó ba việc: lập dòng dõi họ Trần, thúc đưa người Trung Quốc và quân khí về nước là tiêu điểm tranh luận về mặt ngoại giao lúc bấy giờ của hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Như vậy, sứ giả nhà Minh cầm sắc cật tra ba chuyện; sứ giả An Nam dâng biểu nói "con cháu họ Trần không còn sót lại", "tất cả những quân nhân quan lại và gia quyến cùng khí giới đang giữ lại đều đưa trả về."(2) Tuy rằng sứ giả đôi bên qua lại trong đạo, nhưng mà mối quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc vẫn nằm trong trạng thái bất bình thường.

Tuyên Đức năm thứ 4 (1429), Minh Tuyên Tông có ý phá vỡ cục diện đang đóng băng. Ngày 28 tháng 3, ngài phái bọn Lý Kỳ dụ Lê Lợi và các kỳ lão rằng: "Như còn con cháu họ Trần, thì lập tức báo tên đưa đến, nếu tìm kiếm thực sự không có nữa, triều đình đương nhiên sẽ có cách xử trí."(3) Lê Lợi thấy tình thế có lợi bèn sai sứ giả là Đào Công Soạn陶公僎đi sứ Trung Quốc, đồng thời đáp lại một cách thực tình về những điều mà Minh Tuyên Tông quan tâm: "Số khí giới quan quân mới đưa đến, hoặc bị bỏ sót trong rừng, hoặc tự ý đốt huỷ đều không còn nữa... Còn những người bệnh tật không thể đi được thì giao cho thầy thuốc trị liệu, cung cấp y phục lương thực, chờ lúc thuyên giảm, hộ tống xuất cảnh, để tự về quê."(4) Rồi lại đưa thư của các đầu mục

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tam niên ngũ nguyệt Kỷ Tỵ,* quyển 43, sđd, tr. 1053.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tứ niên nhị nguyệt Ất Dậu,* quyển 51, sđd, tr. 1218.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức tứ niên tam nguyệt Giáp Tuất,* quyển 52, sđd, tr. 1260.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức ngũ niên tam nguyệt Tân Hợi,* quyển 64, sđd, tr. 1506. Bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, quyển 2, tr. 217-218.

kỳ lão ở An Nam, tấu rằng họ Trần đã tuyệt, tìm khắp "song không thấy còn", "Đầu mục của bản quốc là Lê Lợi là người cẩn thận có hậu, biết cách yên ủi vỗ về, rất được lòng dân, có thể kham được việc nhiếp chính."(1) Về lời cầu phong của Lê Lợi, Minh Tuyên Tông phản ứng kịp thời là "bọn Man Di nguỵ trá, chưa thể tin được, cần phải xét tra thêm."(2)

Nhưng mà, sự tình lúc nào cũng cần có một khoảng thời gian để giải quyết, lập trường của Minh Tuyên Tông bắt đầu mềm mỏng dần. Điều mà ngài quan tâm nhất đó là quân dân và quan lại đang bị giữ trong nước An Nam phải chăng được về nước đủ số, còn vấn đề khác như là lập con cháu họ Trần, quân khí có thể không cần phải hỏi.(3) Nhưng thành ý của Minh Tuyên Tông không cảm động được Lê Lợi. Ngày mùng 3 tháng 5 năm Tuyên Đức thứ 6 (1431), sứ giả của Lê Lợi là Hà Lật 何栗 đến Trung Quốc trần tình, nói rằng người của Trung Quốc "không thấy toàn đủ", ngược lại bảo rằng: "người trong nước bị quan quân bắt, ngày rút quân đều bị mang về."(4) Trên thực tế, sử thần nhà Lê An Nam là Ngô Thì Sĩ từng chỉ ra rằng "Những quan quân sang nước Nam không trở về vẫn còn vài chục vạn người, đời đời làm dân nước ta."(5)

Sau khi từ bỏ An Nam, Minh Tuyên Tông đã đưa ra cho Lê Lợi ba việc, và cứ thế mà bị Lê Lợi từ chối từng cái một. Minh Tuyên Tông đã cảm thấy bối rối không biết phải làm sao, để bình thường hoá quan hệ của hai nước, ngày mùng 7 tháng 6 năm Tuyên Đức thứ 6 (1431), ngài chính thức thừa nhận Lê Lợi "quyền trông coi

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức ngũ niên tam nguyệt Tân Hợi,* quyển 64, sđd, tr. 1508.
2. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức ngũ niên tam nguyệt Tân Hợi,* quyển 64, sđd, tr. 1508.
3. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức ngũ niên tứ nguyệt Ất Dậu,* quyển 65, sđd, tr. 1539-1540.
4. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức lục niên ngũ nguyệt Bính Dần,* quyển 70, sđd, tr. 1824.
5. *Đại Việt sử ký tiền biên, Bản kỷ, Tuyên Đức nhị niên,* quyển 10, sđd.

quốc sự An Nam".[1] Lúc bấy giờ Lê Lợi không những thống trị An Nam trên thực tế, mà còn nhận được địa vị hợp pháp do Trung Quốc ban cho, điều này có nghĩa là hai nước Việt Nam và Trung Quốc đã quay trở lại mối quan hệ tông phiên như đời Hồng Vũ. Điều mà Lê Lợi tiếc nuối nhất đương nhiên là việc không được Trung Quốc sách phong tôn hiệu "An Nam quốc vương", còn điều mà Minh Tuyên Tông canh cánh trong lòng đó chính là chưa thể hoàn thành được ý nguyện "hưng diệt kế tuyệt", đây cũng chính là nguyên nhân khiến cho Lê Lợi không được sách phong làm "An Nam quốc vương". Mãi cho đến tháng 6 năm Chính Thống 正統 nguyên niên (1436), nhà Minh mới chính thức sách phong cho con trai thứ của Lê Lợi là Lê Lân 黎麟 làm An Nam quốc vương.[2] Lúc này, Minh Tuyên Tông và cả Lê Lợi cũng đều đã rời khỏi vũ đài lịch sử trên cõi dương gian này rồi.

5. Lời kết

Minh Tuyên Tông từ bỏ An Nam, đương nhiên khiến cho người đời sau phê bình không ít. Cũng như người đời nhà Minh cũng có những cách nhìn khác nhau. Tác giả *Việt kiệu thư* là Lý Văn Phụng nói một cách cảm khái rằng: "Bỏ đi công nghiệp đã thành, vứt đi nhiều vạn sinh mệnh, là cái mà Thái Tông [Thành Tổ] lấy được bằng trăm vạn, người mưu tính quốc gia bỏ đi vì những lời hời hợt nhỏ nhặt. Khiến cho mối thù của người chết không trả được, sĩ diện quốc gia không được sạch sẽ. Chẳng không phải là mối di hận ngàn năm sao!"[3] Cũng có người hiểu được dụng tâm của Minh Tuyên Tông đã nghĩ, như tác giả *Quốc chuy* 國榷 là Đàm Thiên 談遷 cho rằng: "Giao Chỉ quyết phải bỏ, không chút gì quyến luyến, không sợ sệt. Đau người dân

1. *Minh Tuyên Tông thực lục, Tuyên Đức lục niên lục nguyệt Kỷ Hợi,* quyển 80, sđd, tr. 1848.
2. *Ngự giao ký,* quyển 8, sđd, tr. 105.
3. *Việt kiệu thư,* quyển 6, sđd, tr. 14-15. Nguyên văn: 捐已成之業，棄數萬之命，是太宗以百萬而取之，謀國者以片言而棄之。遂使死者之讎不復，國恥不雪。豈非千載之遺恨哉！

Nam phục, chạm vào mũi tên nhọn, phạm vào sương mù độc hại, thân bón cho đồng cỏ, không biết là mấy mươi vạn chúng sinh."[1] Chu Quốc Trinh 朱國楨 là người có kiến thức nhất, ông chỉ ra: "hình thế bất lợi" về mặt điều kiện địa lý, "sức làm việc có phần không cung cấp đủ" trên mặt tài chính quốc gia, và "không thể thuần hoá làm lương dân" trên mặt khác biệt về dân tộc, đó chính là nguyên nhân chủ yếu "chung quy là từ bỏ" An Nam.[2]

Trên thực tế, vùng đất An Nam đã thoát ly Trung Quốc để độc lập từ năm Thiên Phúc thứ 4 (939) đời Ngũ Đại, đây đã là một sự thực lịch sử từ lâu. Nhưng các vương triều Trung Quốc vẫn canh cánh bên lòng về quận huyện đã từng có hơn một ngàn năm cai trị bởi Trung Quốc này. Do đó, vào hai đời nhà Tống và Nguyên không ngừng dụng binh đánh An Nam, mục đích không cần nói thêm cũng rõ. Minh Thái Tổ liệt An Nam vào danh sách các nước không chinh phạt, thực chất là cho An Nam một địa vị lịch sử mới, chấm dứt cái mối mắc mứu mà Trung Quốc muốn thu phục đất xưa An Nam. Nhưng mà, Minh Thành Tổ được nước bằng việc soán ngôi, hình thế ép buộc ngài phải đi vào con đường cũ của nhà Tống và Nguyên, cuối cùng đem lại một sự thống trị hai mươi năm đau khổ.[3]

Sau khi Minh Tuyên Tông nối ngôi bèn tích cực tiến hành chính sách từ bỏ việc chiếm giữ An Nam. Đối mặt với sự phản đối của các đại thần triều đình, kể cả việc làm suy binh nhục quốc của bọn Liễu Thăng và Vương Thông, đều không hề lay động được quyết tâm của ngài. Điều này ngoài nhân tố trong nước ra, điều quan trọng vẫn là hai mươi năm trở lại thống trị An Nam của nhà Minh, vẫn tìm không ra một phương pháp quản lý cai trị nào hữu hiệu cả. Trừ phi phải thi hành một chính sách cai trị quân pháp mạnh như thép, và đuổi thực dân quy mô lớn người Trung Quốc, không thì rối loạn sẽ cứ tiếp tục không ngừng, nhưng đây hiển

1. Đàm Thiên, *Quốc chuy*, Nxb Cổ Tịch, 1958, quyển 20, tr. 1334.
2. *Quốc chuy*, sđd, tr. 1335.
3. Xem chi tiết ở Chương III sách này.

nhiên không phải kết quả mà nhà Minh mong muốn đạt được. Ngược lại, nếu từ bỏ chiếm cứ An Nam, tất cả những vấn đề nan giải liền được cởi bỏ. Chính sách vụ thực của Minh Tuyên Tông, khiến cho dân tộc An Nam gian khổ kháng chiến được độc lập trở lại, còn Lê Lợi lại trở thành một vị anh hùng dân tộc của Việt Nam trong tình thế này. Dưới sự phản đối kịch liệt của các đại thần triều đình, Minh Tuyên Tông vẫn kiên trì ý niệm của mình, không ngại mang tiếng xấu là "vứt bỏ công nghiệp của tổ tông", sự quả đoán và lựa chọn của ngài đã tạo điều kiện có lợi cho sự phát triển của lịch sử Việt Nam, cũng là để cho Trung Quốc đời Minh sáng tạo ra một thời kỳ hoàng kim.[1]

Phụ lục bản đồ 4:

Bản đồ tuyến đường kháng Minh
của nghĩa quân Lê Lợi (năm Minh Vĩnh Lạc thứ 16 (1418)
năm Tuyên Đức thứ 2 (1427))

Chú thích bản đồ

■ Phạm vi hoạt động của Lê Lợi (Vĩnh Lạc 16-21)
⟶ Tuyến đường tiến binh của nghĩa quân
⇢ Tuyến đường viện binh của nhà Minh

Hình nền lấy từ Bản đồ phụ lục
sách *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc*

1. Mậu Phục Lễ 牟復禮, *Kiếm kiều Trung Quốc Minh đại sử* 劍橋中國明代史, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, 1992, tr. 336.

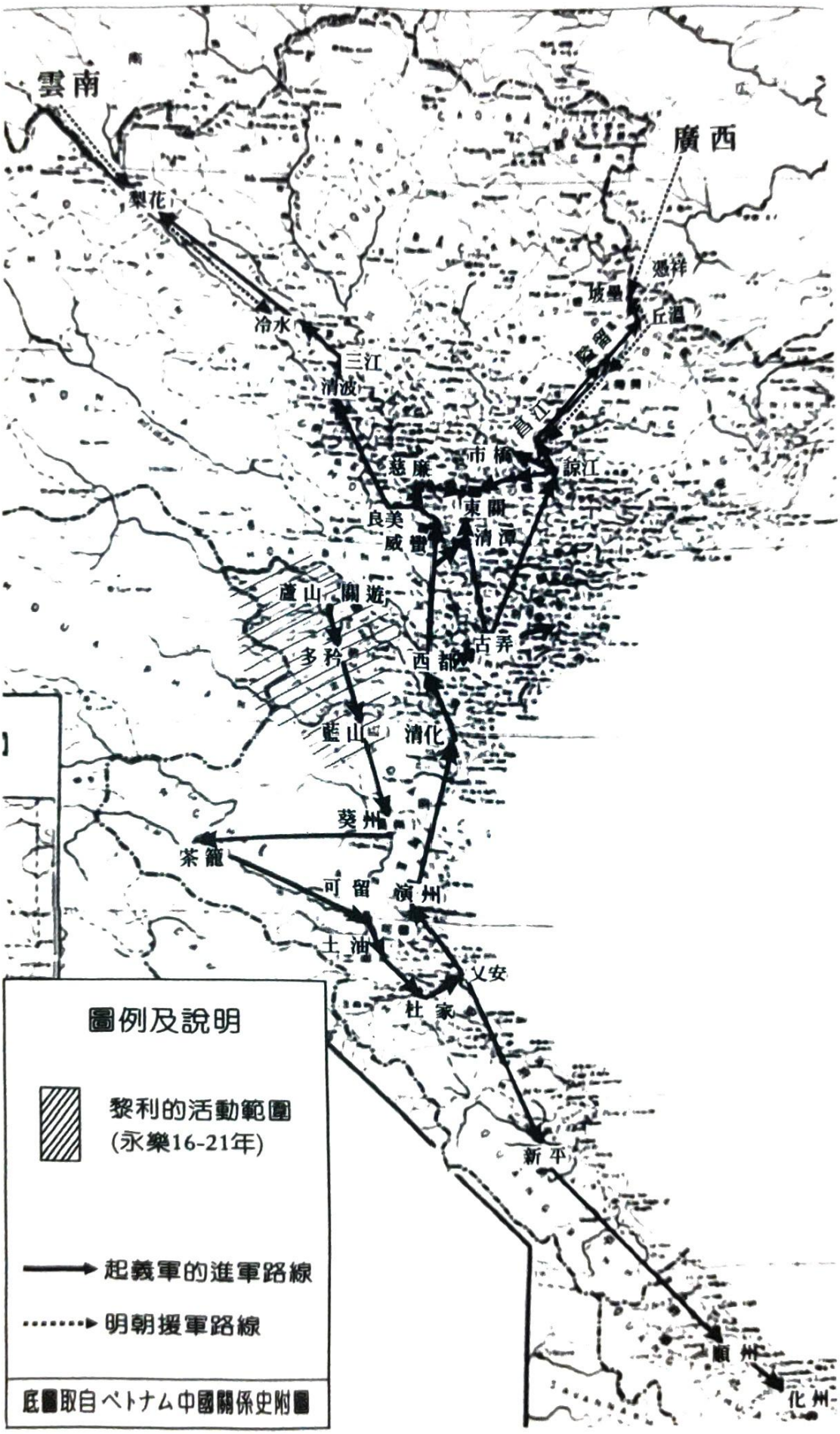
雲南
廣西
梨花
冷水
三江
清波
慈廉
市橋
涼江
良美
威蠻
東關
清潭
盧山
關遊
多矜
西都
古弄
藍山
清化
葵州
茶籠
可留
演州
土酋
乂安
杜家
新平
順州
化州
圖例及說明
黎利的活動範圍
(永樂16-21年)
起義軍的進軍路線
明朝援軍路線
底圖取自ベトナム中國關係史附圖

Chương VI

CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN HỌ MẠC Ở AN NAM ĐỜI MINH GIA TĨNH (1522-1542)

1. Lời đầu

Mối quan hệ giữa Việt Nam (An Nam) và Trung Quốc hơn hai ngàn năm nay cứ mắc mứu không thôi, quan hệ biến đổi nhiều lần. Từ đời Tần - Hán cho đến đời Tuỳ - Đường, khu vực miền Bắc Việt Nam nội thuộc Trung Quốc, đây là một sự thực không cần phải tranh cãi. Nhưng kể từ sau đời Ngũ Đại, Việt Nam là một quốc gia độc lập, Việt Nam và Trung Quốc duy trì một mối quan hệ được gọi là tông phiên, nhưng thực chất chỉ là một sự thừa nhận lẫn nhau về mặt ngoại giao. Nhưng mà, Trung Quốc qua các vương triều ít nhiều vẫn còn cái tình quyến luyến hoặc là một tâm thái chủ tớ đối với Việt Nam đã từng là quận huyện nội thuộc này. Do vậy mà bốn triều đại Tống, Nguyên, Minh và Thanh, Trung Quốc đều dụng binh với Việt Nam, bất luận lý do xuất binh là gì, thì cái ý niệm "cắt không đứt, gỡ thêm rối, đích thị là nỗi buồn ly hương, có một mùi vị riêng"[1] ở trong lòng, lúc nào cũng trói chặt Trung Quốc.

Đặc biệt là trong 276 năm đời nhà Minh (1368-1644), chính sách của Trung Quốc đối với An Nam thay đổi cực lớn, không dễ dàng khiến người ta hiểu được. Sau khi Minh Thái Tổ (ở ngôi từ năm 1368 đến năm 1398) lên ngôi, công việc đầu tiên là phải ứng phó với người Mông Cổ ở phương Bắc, ngài đã liệt Việt Nam vào danh sách những nước không chinh phạt, để chặn đứng việc dụng binh không ngừng ở An Nam của Trung Quốc qua các đời Tống và đời Nguyên, đây là một chính sách ngoại giao vụ thực.[2] Nhưng mà, chính sách lý tưởng của Minh Thái Tổ, nhanh chóng bị người kế nhiệm phía sau của ngài là Minh Thành Tổ (1403-1424) phá vỡ. Minh Thành Tổ mượn cái cớ Lê Quý Ly soán ngôi

1. Nguyên văn: "Tiễn bất đoạn, lý hoàn loạn, thị ly sầu, biệt thị phan ban tư vị" 剪不斷，理還亂，是離愁，別有一番滋味, vốn dĩ xuất thân từ bài thơ *Tương kiến hoan* 相見歡 của Lý Dục 李煜 đời Ngũ Đại. (NPA)
2. Lữ Bản, *Minh Thái Tổ bảo huấn*, sđd, quyển 6, tr. 487; Mao Thoại Trưng, *Hoàng Minh tượng tư lục, Tứ bộ tùng san quảng biên*, sđd, Mục lục.

họ Trần tự lập làm vua ở An Nam, hô hào 80 vạn đại quân tiến vào đánh An Nam, đồng thời thừa cơ hội ấy lấy lại quyền thống trị An Nam của Trung Quốc vào đời Hán - Đường, chính thức cắt đặt quan viên cai trị vùng đất này. Nhưng mà, người An Nam không hề cam tâm một lần nữa chịu sự cai trị của Trung Quốc, sự kiện chống nhà Minh không ngừng nổ ra, triều đình nhà Minh phải năm lần bảy lượt điều quân xuống phương Nam mới có thể bình định được những cuộc chiến tranh phục quốc của Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng là hậu duệ họ Trần ở An Nam, và sự trấn áp của quân Minh vẫn không hề đè bẹp hoàn toàn được những người phản kháng. Những cuộc dấy loạn ở khu vực An Nam trong đời Vĩnh Lạc vẫn cứ liên tục xảy ra, mãi cho đến khi Minh Tuyên Tông (1426-1435) lên ngôi, trong tình huống sau khi đã ổn định suy nghĩ đau lòng đứt ruột, không thể không từ bỏ việc cai trị An Nam, để đảm bảo cho cục diện yên ổn hoà bình của Trung Quốc.[1]

Đây là một cơn ác mộng trong mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thời kỳ đầu đời nhà Minh; từ chính sách bất chinh của Minh Thái Tổ, đến việc xua binh chiếm lĩnh của Minh Thành Tổ, cho đến chính sách từ bỏ việc chiếm giữ An Nam của Minh Tuyên Tông, mang một ý nghĩa cho thấy rằng Trung Quốc mang một niềm uất ức không thể giải toả được đối với An Nam. Niềm uất ức này cơ hồ như đã dẫn đến một cơn ác mộng khác vào triều Gia Tĩnh 嘉靖 giữa đời Minh. Vốn dĩ là đầu đời Gia Tĩnh, chính quyền nhà Lê ở An Nam bị quyền thần Mạc Đăng Dung 莫登庸 soán đoạt ngôi vị, đột nhiên Minh Thế Tông lại nảy ra ý đồ "hưng diệt kế tuyệt" mà xuất binh An Nam. Nhưng cuối cùng thì đôi bên Việt Nam và Trung Quốc không những không xảy ra xung đột vũ trang, mà ngược lại, Trung Quốc còn thừa nhận địa vị thống trị của chính quyền Mạc Đăng Dung ở An Nam.

1. Xem chi tiết ở Chương V của quyển sách này.

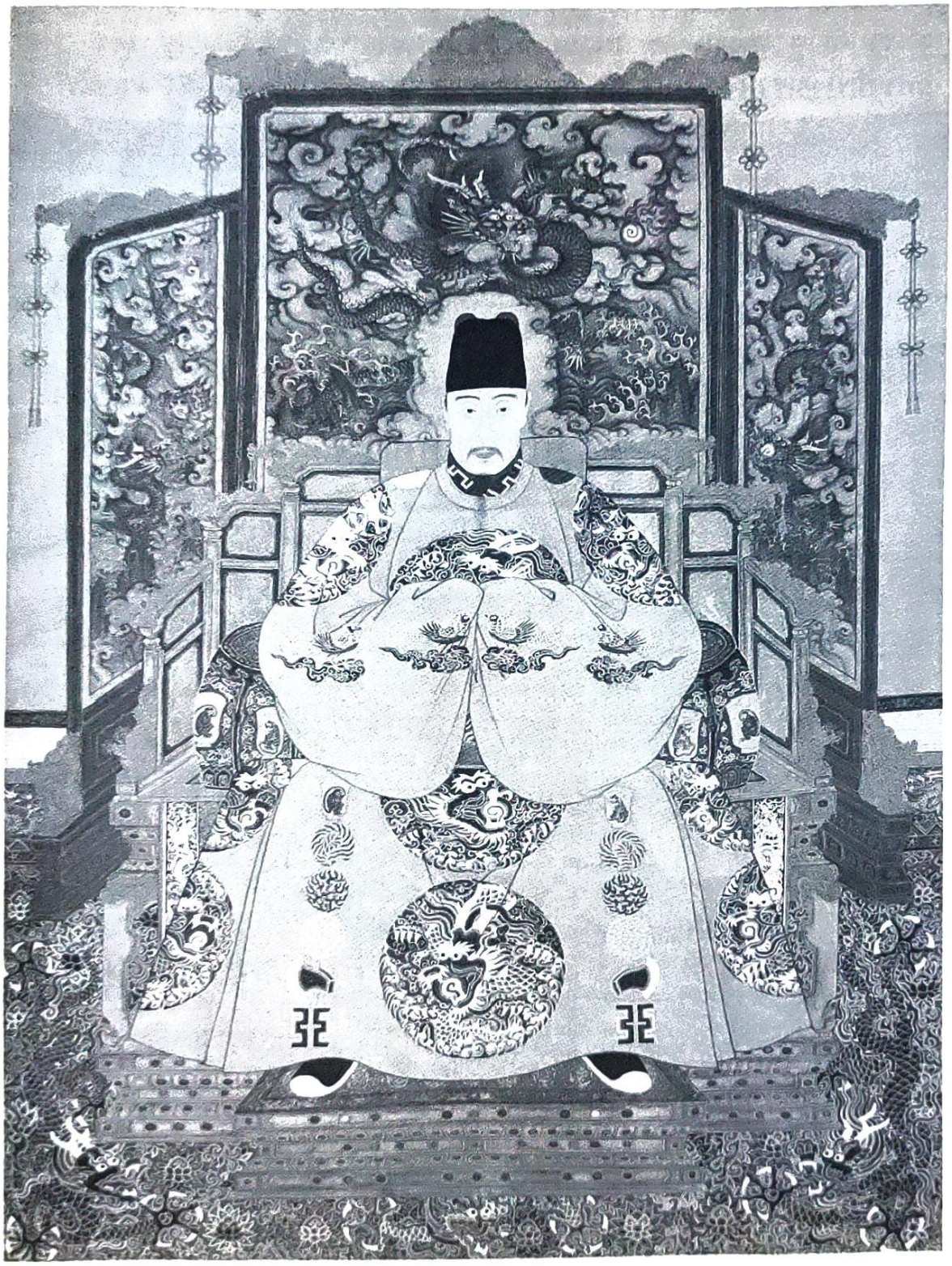

Minh Gia Tĩnh Thế Tông Túc Hoàng Đế
(giữ tại viện bảo tàng Cố Cung Quốc Lập)

Minh Gia Tĩnh Thế Tông Túc Hoàng Đế

Đây là một cơn sóng gió ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc, học giả người Nhật là Kazuo Osawa 大澤一雄 đã viết trong bài viết *Nghiên cứu lịch sử quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ 16-17*,[1] có thảo luận chi tiết, nhưng mà Kazuo Osawa hình như không coi trọng một cách đầy đủ về tác dụng của sự kiện giao thiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc lần này do các quan viên của chính quyền quân sự địa phương đã tạo ra. Do đó, không thể trình bày một cách toàn diện và rõ ràng về sự chuyển biến chính sách của Trung Quốc đối với An Nam trong đời Gia Tĩnh; tức là nguyên do bên trong từ việc xuất binh "hưng diệt kế tuyệt" cho đến việc thừa nhận một kẻ soán ngôi. Mục đích của bài viết này muốn khảo sát thông qua thái độ mà quan viên địa phương cùng trung ương trong việc giải quyết sự kiện ở An Nam, để thấy được quá trình mà chính sách của Gia Tĩnh hoàng đế đối với An Nam dần dần chuyển đổi.

2. Diễn biến cục diện chính trị ở An Nam trước đời Minh Gia Tĩnh và quá trình quật khởi của Mạc Đăng Dung

Người lập quốc nhà Lê An Nam chính là vị anh dùng dân tộc nổi tiếng Lê Thái Tổ Lê Lợi (1428-1433), ngài đã ép buộc thành công khiến quân Minh phải rút lui khỏi An Nam vào năm Tuyên Đức thứ 3 (Lê Thuận Thiên 順天 nguyên niên, 1428), đồng thời được Trung Quốc thừa nhận "quyền trông coi quốc sự An Nam" vào năm Tuyên Đức thứ 6 (Lê Thuận Thiên 順天 thứ 4, 1431). Mãi cho đến khi Lê Lợi qua đời, con trai thứ của ngài là Lê Thái Tông 黎太宗 Lê Lân 黎麟 (1433-1442) nối ngôi, Trung Quốc chính thức sách phong cho Lê Lân làm "An Nam quốc vương" vào năm Minh Chính Thống Nguyên niên (Lê năm Thiệu Bình

1. Kazuo Osawa, *Nghiên cứu lịch sử quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ 16-17* 十六・七世紀たおける中國・ヴェトナム交涉史に關する研究, Nhật Bản *Sử học,* quyển 38, số 2, 1965; và quyển 39, số 2, 1966; sau đó đã viết lại thành *Quan hệ đời Minh-Thanh trong giữa đời nhà Lê (1527-1682)*黎朝中期の明・清との關係（1527-1682）đăng trong *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc* ベトナム中國關係史 của Yamamoto Tatsuro, sđd.

紹平 thứ 3, 1436), mối quan hệ ngoại giao giữa hai nước mới hoàn toàn khôi phục lại trạng thái bình thường.[1] Từ đấy, hai nước Việt Nam và Trung Quốc không còn những xung đột với quy mô lớn. Chỉ có điều là vào năm Minh Thành Hoá 成化 thứ 16 (Lê Hồng Đức 洪德 thứ 11, 1480) Chiêm Thành tấu báo An Nam xâm nhiễu hằng năm, xin nhà Minh xuất binh chinh thảo. Khi ấy, Thái giám Uông Trực 汪直 lo việc, tấu với Minh Hiến Tông (1465-1487) "chính sách lấy An Nam" và truyền chỉ lấy số quân điều động trong đời Vĩnh Lạc, sau đó được Thượng thư Dư Tử Tuấn 余子俊 và Chức phương viên ngoại lang Lưu Đại Hạ 劉大夏 ra sức trình bày lợi hại, nên việc xuất binh mới phải ngưng lại.[2]

Lúc này, An Nam đang trong sự trị vì của Lê Thánh Tông 黎聖宗 (1460-1497), xây dựng nên một thời đại toàn thịnh cho nhà Lê ở An Nam. *Đại Việt sử ký toàn thư* hình dung ngài "sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được."[3] Lê Thánh Tông mà Minh sử gọi là Lê Hạo 黎灝 ở ngôi xuyên suốt ba đời vua nhà Minh là Anh Tông 英宗, Hiến Tông 憲宗 và Hiếu Tông 孝宗, tổng cộng 37 năm. Không những ngài xuống phía Nam xâm nhiễu Chiêm Thành, mà còn đánh các nước Ai Lao, Lão Qua, Bá Bách ở phía Tây, đồng thời xâm phạm biên cương Vân Nam của Trung Quốc. Nhưng nhà Minh chỉ mệnh cho viên thủ thần Lưỡng Quảng là Di Văn "trách chúng không thể dè chừng sự thuận nghịch của đạo lân bang", khuyên An Nam "dốc lòng hoà mục với láng giềng". Người phụng mệnh đến các nơi Quảng Tây khám xét tình hình An Nam là Hành nhân Vương Miễn 王勉, sau khi về kinh thì tấu lên rằng Lê Hạo (Lê Thánh Tông) từ lâu

1. Chi tiết xin xem Chương V, phần 4 của sách này.
2. *Ngự giao ký*, quyển 8, sđd, tr. 109.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 12, sđd, tr. 639. Nguyên văn: 創制立度，文物可觀，拓土開疆，昄章孔厚，真英雄才略之主，雖漢之武帝，唐之太宗，莫能過矣。Bản dịch của Ngô Đức Thọ... sđd, tr. 436.

đã có lòng không thần phục, xin cho xuất binh sang hỏi tội, kết quả là bị định tội dẫn lối gây hấn biên cương, nhốt vào ngục Cẩm Y Vệ.[1] Có thể thấy là, triều nhà Minh từ sau đời Tuyên Tông, đã giữ chặt lời tổ huấn "bất chinh kỳ quốc" trong chính sách đối với An Nam. Về việc Chiêm Thành khổ ải van cầu Trung Quốc phái khiển đại thần điều giải cuộc chiến tranh với An Nam, cũng bị từ chối, chỉ là sắc dụ Chiêm Thành quốc vương tu sửa võ bị, chống sự xâm nhập của An Nam để bảo toàn sự độc lập của nước nhà.[2]

Nhưng kể từ sau khi Lê Thánh Tông băng hà, sức nước An Nam bắt đầu suy thoái. Truyền đến đời Uy Mục Đế 威穆帝, sử nhà Minh gọi là Lê Nghị 黎誼 (1505-1509), bởi ham rượu chè và hiếu sát, dung túng cho ngoại thích, bá tánh kêu oán phẫn nộ, nội loạn cũng theo đó mà nổi lên.[3] Và Mạc Đăng Dung cũng lên được vũ đài lịch sử trong thời kỳ này. Nhà Minh năm Chính Đức 正德 thứ 3 (Lê Đoan Khánh 端慶 thứ 4, 1508), Uy Mục Đế lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên Vũ vệ Đô chỉ huy sứ ty Đô chỉ huy sứ 天武衛都指揮使司都指揮使.[4] Mạc Đăng Dung, vốn người xã Cổ Trai 古齋 thuộc Nghi Dương 宜陽, lúc nhỏ theo nghiệp chài, lớn lên thi đậu vào hàng lực sĩ mà xuất thân, vào túc vệ nhờ võ cử, đến lúc này thì được thăng làm Đô chỉ huy sứ.[5] Lúc này Uy Mục Đế đã có lòng nghi kỵ, tàn hại tông thất đại thần, thế là ai ai cũng tự cảm thấy nguy hiểm. Tông thất Giản Tu Công Lê Dinh 簡脩公黎濛 và Lê Quảng Độ 黎廣度, Nguyễn Văn Lang 阮文郎 cùng con là Nguyễn Hoằng Dụ 阮弘裕, Trịnh Duy Đại 鄭惟岱 và em trai là Trịnh Duy Sản 鄭惟鏟 tạo phản, giết Uy Mục Đế tự

1. *Ngự giao ký*, quyển 8, sđd, tr. 109-110.
2. *Ngự giao ký*, quyển 8, sđd, tr. 110.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 14, sđd, tr. 780.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 14, sđd, tr. 784.
5. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 15, sđd, tr. 735. Tổ tiên của Mạc Đăng Dung là Mạc Đĩnh Chi 莫挺之 là trạng nguyên nhà Trần, làm quan đến Tả bộc xạ. Thái tổ phụ sinh ra Mạc Thuý hàng phục quân Minh vào đời Vĩnh Lạc, làm hướng đạo cho Trương Phụ, trợ giúp lùng bắt cha con Lê Quý Ly, cha của Dung lưu lạc đến cư ngụ ở xã Cổ Trai huyện Nghi Dương lộ Hải Dương An Nam. (Xem Lý Văn Phụng, *Việt kiệu thư*, bản chép tay, quyển 7, sđd, tr. 12)

lập làm vua, Việt sử gọi là Tương Dực Đế 襄翼帝, sử nhà Minh gọi là Lê Chu 黎啁 (1509-1515).

Vài tháng sau, Tương Dực Đế hạ chiếu, đặt "hai vệ Thiên Vũ, Thánh Uy trên Cẩm Y và Kim Ngô."[1] Mạc Đăng Dung vốn là Chỉ huy sứ vệ Thiên Vũ, sự thay đổi của Tương Dực Đế hiển nhiên là coi Đăng Dung làm thân quân vệ của mình, do đó tháng 4 sang năm, Mạc Đăng Dung thuận lợi được phong làm Vũ Xuyên Bá 武川伯. Lúc này, về mặt thực lực quân sự, Mạc Đăng Dung hiển nhiên không thể nào bì được với cha con Nguyễn Văn Lang, cũng không thể nào sánh kịp với anh em Trịnh Duy Đại. Nhờ bình định mối loạn Trần Tuân 陳珣 nên được tiến phong làm Nguyên quận công 源郡公, sau đó lại bình định các cuộc loạn Lê Hy 黎熙, Trịnh Hưng 鄭興 và Lê Minh Triệt 黎明徹.[2] Từ đó, quyền quân của họ Trịnh ngày càng nặng. Tháng 3 năm nhà Minh Chính Đức thứ 11 (Lê Hồng Thuận 洪順 thứ 8, 1516), Trần Cảo người Thuỷ Đường[3] tự xưng là Đế Thích giáng sinh, khởi binh ở chùa Quỳnh Lâm 瓊林 thuộc Đông Triều 東潮, tiến đến xâm phạm doanh Bồ Đề ở phía Tây Đông Kinh 東京 (Hà Nội), Tương Dực Đế mệnh cho Nguyễn Hoằng Dụ đến trừ. Trịnh Duy Sản thừa cơ giết Tương Dực Đế đổi lập Cẩm Giang vương tử Lê Y 錦江王子黎椅,[4] làm Lê Chiêu Tông 黎昭宗 (1516-1522), sử nhà Minh gọi là Lê Huệ 黎謚.

Trong khi chinh thảo Trần Cảo, Trịnh Duy Sản bị bắt và bị giết chết, cục diện chính trị ở An Nam càng hỗn loạn. Lúc này, con nuôi của Trịnh Duy Sản là Trần Chân 陳真, Trịnh Tuy 鄭綏 và Nguyễn Hoàng Dụ có thù với nhau rất lớn, mỗi người tự đồn binh cự nhau, thậm chí là đánh nhau. Trong tình hình nghêu cò đánh nhau, Mạc Đăng Dung điềm tĩnh ngồi vào vị trí ngư ông đắc

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 15, sđd, tr. 794.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 15, sđd, tr. 800-803.
3. Thuỷ Đường 水棠: là tên huyện, nay là vùng Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. (Chú thích của người dịch *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 553) (NPA)
4. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, quyển 15, sđd, tr. 809-813.

lợi, bắt đầu phát huy sức ảnh hưởng về mặt triều chính. Dung tấu xin giết Trần Công Vụ 陳公務 đã mượn chùa chiền kinh phật để mê hoặc ngu dân, và đàn hặc quan Thừa hiến là Lê Toản 黎簒 và Đỗ Thao 杜韜 mê tín theo tà thuyết, lại tấu xin giết Thiệu quốc công 紹國公 Lê Quảng Độ 黎廣度 đã đầu hàng Trần Cảo, chỉ trích rằng ông ta "không hề nghĩ tới ơn hậu của vua cha, nghĩa lớn của cương thường."(1) Năm nhà Minh Chính Đức thứ 13 (Lê Quang Thiệu thứ 3, 1518) Mạc Đăng Dung được tiến phong làm Vũ Xuyên Hầu 武川侯.

Tháng 7 năm ấy, có thể nói là thời điểm chuyển đổi về cuộc đời chính trị của Mạc Đăng Dung. Bởi quyền lực của Trần Chân quá lớn, Lê Chiêu Tông đã tiên hạ thủ vi cường, giết Trần Chân. Kết quả, khiến cho đồ đảng của Chân là Nguyễn Kính 阮敬 và Nguyễn Áng 阮盎 cử binh phạm đến kinh sư, Lê Chiêu Tông trốn khỏi Gia Lâm, triệu Nguyễn Hoằng Dụ cần vương, nhưng họ Nguyễn do dự không ra, đổi triệu Mạc Đăng Dung ở Hải Dương, Đăng Dung thừa cơ dựa vào thiên tử mà lệnh chư hầu, dời Lê Chiêu Tông đến ở Bảo Châu thuộc Từ Liêm. Trịnh Tuy thấy tình hình bất lợi, tuỳ cơ ủng lập Tĩnh Tư công tử Lê Bảng 黎榜 làm vua, rồi lại phế, đổi lập em trai cùng mẹ của Bảng là Lê Do 黎檃. Lê Chiêu Tông mệnh cho Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thuỷ và bộ, toàn lực chinh tiễu bọn Trịnh Tuy.(2) Nhà Minh năm Chính Đức thứ 14 (Lê Quang Thiệu 光紹 thứ 4, 1519), Mạc Đăng Dung bao vây Từ Liêm, giết Lê Do, Trịnh Tuy trốn thoát. Lê Chiêu Tông về kinh, Đăng Dung tiến phong tước Minh Quận Công 明郡公, tiết chế các doanh thuỷ và bộ ở các nơi. Sang năm lại tiến phong làm Nhân Quốc Công 仁國公 đồng thời gia phong Thái phó, tiết chế các doanh trại thuỷ bộ 13 đạo, đến lúc này, quân quyền của họ Lê hoàn toàn bị khống chế bởi tay họ Mạc.

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 15, sđd, tr. 815-816.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 15, sđd, tr. 821.

Nhà Minh năm Gia Tĩnh nguyên niên (Lê Quang Thiệu thứ 7, 1522), quyền uy của Mạc Đăng Dung ngày một lớn, đưa con gái nuôi vào hầu Lê Chiêu Tông, thực tế là muốn giám sát nhất cử nhất động của vua Lê, lại mệnh cho con trưởng là Đăng Doanh 登瀛 (sử nhà Minh gọi là Phương Doanh 方瀛) làm Dục Mỹ Hầu 毓美侯, cai quản Kim Quang Điện 金光殿. Nói một cách khác, trong ngoài triều đình đều đã bị Mạc Đăng Dung khống chế. "Đăng Dung đi bộ thì lọng phượng dát vàng, đi thuỷ thì thuyền rồng dây kéo, ra vào cung cấm, không kiêng sợ gì."(1) Có thể thấy được thanh uy của Đăng Dung hơn cả vua, Chiêu Tông thấy được trước mắt mình, biết là đại nạn sắp đến, âm thầm sai người thông báo cho Trinh Tuy ủng binh ở Tây Kinh nghênh đón viện trợ, thừa cơ đêm hôm trốn khỏi kinh sư. Mạc Đăng Dung thừa cơ ấy ủng lập em trai ngài là Lê Xuân 黎椿 làm hoàng đế, tức là Lê Cung Đế 黎恭帝 (1522-1527), sử nhà Minh gọi là Lê Khoáng 黎廣. Từ đó, Trịnh Tuy ủng hộ Lê Chiêu Tông ở Tây Kinh mưu đồ phục nghiệp, thỉnh thoảng Mạc Đăng Dung phái đại quân công đánh. Năm nhà Minh Gia Tĩnh thứ 3 (Lê Thống Nguyên 統元 thứ 3, 1524), Mạc Đăng Dung tiến phong làm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự 平章軍國重事, Thái phó, Nhân Quốc Công. Sang năm, Đăng Dung tìm được Lê Chiêu Tông, một năm sau sai người lén giết chết ngài. Lúc này, thần dân trong nước phần lớn đều quy về họ Mạc, Chiêu Tông vừa chết, không còn ai có thể ngăn chặn được dã tâm của ông ta, việc soán ngôi chỉ còn đợi đến thời cơ thích hợp mà thôi. Tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 6 (Lê Thống Nguyên thứ 6, 1527), Lê Cung Đế tiến phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương 安興王. Tháng 6 cùng năm, Mạc Đăng Dung ép Lê Cung Đế nhường ngôi, tự xưng là Hoàng đế, đổi niên hiệu là Minh Đức 明德. Tháng 12 năm Gia Tĩnh thứ 8 (Mạc Minh Đức thứ 3, 1529), truyền ngôi cho con trưởng là Mạc Phương [Đăng] Doanh, đổi niên hiệu là Đại Chính 大正.

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 15, sdd, tr. 826.

Tháng 12 năm Gia Tĩnh thứ 11 (Mạc Đại Chính thứ 3, 1532), cựu thần nhà Lê là An Thanh Hầu 安清侯 Nguyễn Kim 阮淦 nghênh đón và lập con trai của Lê Chiêu Tông là Lê Ninh 黎寧 làm vua ở Ai Lao, tức là Lê Trang Tông 黎莊宗 (1533-1566), đổi niên hiệu là Nguyên Hoà 元和, lấy Thanh Hoá làm địa bàn trung hưng, triển khai chiến tranh với họ Mạc.[1]

3. Thái độ của Minh Thế Tông đối với cục diện chính trị ở An Nam: từ thờ ơ đến dụng binh

Tháng Giêng năm nhà Minh Gia Tĩnh nguyên niên (1522), Thế Tông mệnh Biên tu Tôn Thừa Ân 孫承恩, Cấp sự trung Du Đôn 俞敦 đi sứ An Nam, chiếu dụ chuyện lên ngôi đổi niên hiệu. Sứ giả đi đến Long Châu thuộc Quảng Tây, gặp đại loạn trong nước An Nam, đường sá không thông suốt. Sứ giả ở lại phủ Thái Bình đợi cho đến tháng 2 sang năm, thấy việc nội loạn ấy vẫn chưa yên dứt, mới chấm dứt sứ mệnh và về triều. Du Đôn bệnh mất trên đường về kinh.[2] Lúc này, khu vực Thái Nguyên và Lạng Sơn tiếp giáp biên giới Trung Quốc, bị con trai của Trần Cảo là Trần Thăng 陳昇 chiếm cứ, lúc đó Trần Cảo đã trốn lánh hoặc đã chết, bọn còn sót lại do con trai là Thăng thống lãnh, Mạc Đăng Dung đang xuất binh chinh tiễu. Sau đó, lại có những người là Bảo Xuyên hầu 寶川侯 Lê Khắc Cương 黎克綱, Lương Phú hầu 良富侯 Lê Bá Hiếu 黎伯孝 làm loạn ở đất Gia Lâm.[3] Những vụ làm loạn này nhanh chóng bị Đăng Dung bình định, việc giao thông giữa Việt Nam và Trung Quốc về cơ bản đã không còn trở ngại gì, chiến loạn ở nội bộ An Nam phần đông tập trung ở khu vực phía Nam. Nhưng mà, triều đình nhà Minh vẫn lấy thái độ thờ ơ về việc phân tranh trong nội bộ An Nam, triều đình không những không sai sứ xuống phía Nam nữa, quan viên biên cảnh

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 15, sđd, tr. 834-835, 838, 841.
2. *Minh sử,* quyển 321, sđd, tr. 8330; *Ngự giao ký*, quyển 9, sđd, tr. 117.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ,* quyển 15, sđd, tr. 825-826.

cũng từ chối tiếp nhận tiến cống của phái đoàn sứ giả Mạc Đăng Dung hay là sự cầu viện của phái đoàn sứ giả Lê Chiêu Tông.[1]

Hiển nhiên, triều đình biết tình thế cục diện trong nước An Nam. Tháng 12 năm nhà Minh Gia Tĩnh thứ 3 (1524), Tuần Án Quảng Tây Giám sát Ngự sử 巡按廣西監察御使 Uông Uyên 汪淵, từng báo cáo với triều đình về tình hình trong nước An Nam.[2] Chắc chắn rằng lúc bấy giờ giữa trung ương và địa phương đều có một sự hiểu biết chung, chính là áp dụng chính sách không tham gia can thiệp. Do đó, năm Gia Tĩnh thứ 5 (1526) Mạc Đăng Dung đã hối lộ cho Phán quan châu Khâm là Đường Thanh 唐清 "ngàn lượng vàng và các loại trầm hương, ngà voi, sừng tê" để cầu phong cho Lê Xuân, Đường Thanh ký ấn châu, thay mặt thân báo cho Đề đốc phủ Lưỡng Quảng, kết quả bị Đô ngự sử Trương Đỉnh 張嵿 phát giác. Vì việc này mà Đường Thanh bị giam vào ngục Án sát ty Quảng Đông, sau đó Đường Thanh chết ở trong ngục.[3] Sự kiện của Đường Thanh cho thấy quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc rơi vào trong tình trạng đình đốn. Tuy nhiên, Mạc Đăng Dung sai Lễ bộ thượng thư Nguyễn Văn Thái 阮文泰 đến tấu sự và tiến cống vào năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528), lúc bấy giờ Đăng Dung đã soán ngôi tự lập làm vua, đương nhiên cực kỳ hy vọng rằng sẽ nhận được sách

1. *Ngự giao ký*, quyển 9, tr. 117 chép: "Mùa xuân, tháng 4 năm thứ ba (1524) Đăng Dung giả danh của Huệ, sai Nguyễn Quang Luận đến cống, đồng thời cầu phong. Đến Trấn Nam Quan, bị Tả giang đạo Khiếm sự Dương Phụng ngăn lại." (三年（1524），春四月，登庸假謚名，差阮光論來貢，并求封。抵鎮南關，左江道僉事楊鳳阻之。). Lúc này, Đăng Dung có lẽ là đang cầu phong bằng danh nghĩa của Lê Xuân, Xuân là Lê Cung Đế do Đăng Dung lập. (Tham khảo *Việt kiệu thư* của Lý Văn Phụng, quyển 6, tr. 21-22) và "tháng 8 năm thứ 4 (1524), Huệ (Lê Chiêu Tông) sai Đầu mục kỳ nhân Nguyễn Bạt Tuỵ đến tấu, xin binh cứu viện, Tả giang đạo lại cản, nên quay về." (四年（1524）八月，謚（黎昭宗）遣頭目耆人阮拔萃等來奏，請兵救援，左江道復阻，還。) (*Ngự giao ký*, quyển 9, tr. 117)
2. Nghiêm Tùng Giản, *Thù vực châu tư lục, An Nam*, quyển 6, sđd, tr. 2-3; đồng thời xem thêm Đàm Thiên, *Quốc chuy*, quyển 53, *Thế Tông Gia Tĩnh tam niên* 世宗嘉靖三年, sđd, tr. 3315.
3. *Việt kiệu thư*, quyển 6, sđd, tr. 22; *Ngự giao ký*, quyển 9, sđd, tr. 117; *Minh sử, An Nam truyện*, quyển 321, sđd, tr. 8330.

phong của Trung Quốc, nhưng phái đoàn sứ giả của Dung trong khi đi ngang qua Lạng Sơn, bị đám người phản đối họ Mạc công kích phải quay trở về Hà Nội, do đó đoàn sứ giả vẫn không đến được Trung Quốc.[1] 7 năm sau, tức là vào năm Gia Tĩnh thứ 14 (1535), lúc này Mạc Đăng Dung đã truyền ngôi cho con trai mình là Phương [Đăng] Doanh, tự xưng là Thái Thượng Hoàng, ông ta đã thành công trong việc sai sứ giả đến Trung Quốc, lúc bấy giờ Quảng Tây Tả giang phân thủ Tham nghị quan là Hà Ái 何瑷 tiếp nhận biểu văn cầu phong, kết quả là Hà Ái cũng vì việc này mà bị cắt chức quan.[2]

Tháng 10 năm ấy, người An Nam là Vũ Nghiêm Uy 武嚴威, Vũ Tử Lăng 武子陵 vì chạy trốn sự truy bắt của Mạc Đăng Dung, di cư đến sống ở châu Thuỷ Vĩ, âm thầm liên lạc với Vân Nam Bát trại ty phó trưởng quan Lung Triệt 瓏徹 và Giáo hoá tam bộ ty Thổ xá Trương Trạch 張澤. Sau đó, họ Mạc gửi văn thư cho biết là Bát trại ty phải tập nã bọn người Vũ Nghiêm Uy, Uy tưởng rằng mình bị bán đứng, bèn uy hiếp Lung Triệt. Trấn thủ Vân Nam là Kiểm quốc công Mộc Thiệu Huân 沐紹勛 cho là "quan chức Trung Quốc bị khốn trong tay giặc, không thể để yên mà không hỏi" bèn thỉnh thị triều đình, Binh bộ ra lệnh nghiêm binh giữ ải, phòng ngừa người ngoài vượt biên cảnh, sai người hạch sách về Lung Triệt, nhưng không được tuỳ tiện hưng binh gây hấn ở biên cương.[3] Có thể thấy rằng, chính sách của An Nam lúc bấy giờ của Trung Quốc, vẫn là áp dụng thái độ thờ ơ, không tiếp xúc, không can thiệp.

Nhưng mà, biên giới Trung Quốc và Việt Nam yên ổn, theo sự quan tâm của Thế Tông hoàng đế, đột nhiên mây đen bổ khắp chẳng chịt, bỗng chốc chiến tranh bao trùm lên hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Năm nhà Minh Gia Tĩnh thứ 15 (1536)

1. *Việt kiệu thư,* quyển 6, sđd, tr. 23.
2. *Việt kiệu thư,* quyển 6, sđd, tr. 23.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập tứ niên thập nguyệt Ất Mùi,* quyển 180, sđd, tr. 3853.

cho thấy rõ sự vô cùng bất bình thường. Ngày mùng 6 tháng 10 năm ấy, con trai thứ hai của Thế Tông ra đời, bèn ban chiếu đại cáo thiên hạ, Thế Tông cho rằng "Hoa Di" cũng nên được biết một thể. Do đó, mệnh Lễ bộ sai sứ giả chánh và phó đem chiếu thư đến dụ hai nước Triều Tiên, An Nam.(1) Việc vô tình lần này, đã vén lên một niềm hứng thú đối với tiểu quốc ngoài biên tái hoang vu của Thế Tông hoàng đế. Ngày mùng 3 tháng 11, Lễ bộ thượng thư Hạ Ngôn 夏言 tấu rằng hai mươi năm nay An Nam không làm tròn chức cống, trong nước thì soán đoạt loạn lạc, đường sá không thông suốt, lúc này không hề sai sứ chiếu dụ, để bảo toàn quốc thể, chỉ sai sứ khám xét hỏi han, để thi hành việc chinh thảo. Theo đó thì Minh Thế Tông hạ lệnh cho hai bộ Lễ và Binh thương nghị việc chinh thảo.(2) Ngày 13 tháng 11, hai bộ Lễ và Binh hội nghị xong thì tấu xin; lệnh cho Quảng Tây chọn những người hiểu sâu về tình hình nước di, biết rõ về đường sá, cùng theo sứ giả vào khám xét An Nam; sắc cho Tổng binh quan trấn thủ Lưỡng Quảng và Vân Nam phải chỉnh tu quan quân đất Hán, điều động tiền và lương thực nghiêm khắc chuẩn bị; mệnh cho người mật dụ cho Vũ Nghiêm Uy người An Nam xâm phạm biên cương và uy hiếp quan viên Vân Nam quy phụ, tiến đến chinh thảo phản nghịch ở An Nam.(3) Ngày 22 tháng 11, sứ đoàn khám xét do Đào Phụng Nghi 陶鳳儀, Vương Đồng 王桐, Trịnh Tỷ 鄭壐, Nạp Triều Ân 納朝恩 hợp thành, lần lượt tiến đến điều tra ở Quảng Tây và Vân Nam. Đồng thời Binh bộ cũng hoàn tất hội nghị cắt đặt quân sự chinh thảo An Nam.(4)

---

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập ngũ niên thập nguyệt Nhâm Tý,* quyển 192, sđd, tr. 4066.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập ngũ niên thập nhất nguyệt Ất Mão,* quyển 193, sđd, tr. 4071.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập ngũ niên thập nhất nguyệt Ất Sửu,* quyển 193, sđd, tr. 4080-4081; *Việt kiệu thư,* quyển 12, sđd, tr. 4-5.
4. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập ngũ niên thập nhất nguyệt Bính Tý,* quyển 193, sđd, tr. 4083-4084; *Việt kiệu thư,* quyển 12, sđd, tr. 6-8.

Lúc bấy giờ, nguyên nhân chủ yếu của việc chinh thảo An Nam, là trách việc hai mươi năm không đến triều cống, thiếu mất trách nhiệm lớn của nước di viễn xa xôi. Vương triều Trung Quốc truyền thống, đối với việc một nước bên ngoài được Trung Quốc sách phong phải đến triều cống theo kỳ hạn, được coi là biểu hiện của sự thần phục. Đầu đời Gia Tĩnh, vì phải đối mặt với tình hình tranh đấu quyền lực của quan lại nội các mà Minh Thế Tông không có dư thì giờ để quan tâm đến vấn đề An Nam. Nhưng đến năm Gia Tĩnh thứ 15, ngài đã xây dựng một cách chắc chắn quyền uy của một vị hoàng đế. Lúc này, Lễ bộ thượng thư Hạ Ngôn rất được Thế Tông trọng dụng, tháng 12 năm này, ông ta bắt đầu vào nội các tham dự cơ vụ, đương nhiên hy vọng rằng sẽ làm nên một điều gì đó, ông và Binh bộ thượng thư Trương Toản không hề đưa ra một ý kiến phản đối nào về việc dụng binh An Nam. Trong tấu nghị của họ, thường đề cập đến những điều đường hoàng oan uổng như An Nam vốn là lãnh thổ của Trung Quốc, từ đời nhà Tống bắt đầu xưng quốc; Minh Thành Tổ đã làm cách nào để bình định và thiết lập quận huyện ở đất này; và nước này từ lâu đã không đến triều cống, phế bỏ chính sóc, cát cứ soán nghịch, cũng không đến báo cáo biến cố, đồng thời nói thế nào là quân chủ hoa di, nên chinh thảo theo mệnh trời, để chính vương pháp... rõ ràng là cổ vũ tinh thần hoàng đế của Minh Thế Tông.

Nhưng mà, điều đáng phải lưu ý đó là, cảm giác gấp rút chinh phạt An Nam của Minh Thế Tông, hình như là chịu sự ảnh hưởng của vị tự xưng là "bình sinh có chí An Nam" Nguyên đại lý tự Hữu thừa 原大理寺右丞 Lâm Hi Nguyên 林希原.[1] Lâm Hi Nguyên từng được điều từ Nam Kinh đến Quảng Đông nhậm chức Án sát thiêm sự vào năm Gia Tĩnh thứ 6 (1527) đến năm

1. Lâm Hi Nguyên, *Lâm Thứ Nhai tập* 林次崖集 (Đài Bắc, Quốc Liên đồ thư xuất bản xã, *Hoàng triều kinh thế văn biên* 皇朝經世文編, ảnh ấn, quyển 11, 1964), quyển 4, *An Nam thành công khí tra bổ tội dĩ toàn thần tiết yết thiệp* 安南成功乞查補罪以全臣節揭帖, tr. 11.

Gia Tĩnh thứ 9 (1530).[1] Bất luận là việc điều phối chức vụ của Lâm Hi Nguyên đến Quảng Đông phải chăng là có liên quan đến sự chuyển biến cục diện chính trị của An Nam? Còn việc soán ngôi của Mạc Đăng Dung, đã dẫn đến sự quan tâm đến thế cục An Nam của Lâm Hi Nguyên. Ông từng đề cập đến việc từng đến An Nam để điều tra tình thế họ Lê trong một áng văn, ông nói rằng: "Thần thăm hỏi nơi ấy, tuy chỉ có 4 phủ, nhưng mà đất rộng và binh cường, nước giàu dân chúng giúp đỡ lẫn nhau, vẫn đủ để chống cự họ Mạc."[2] Còn *Đại Việt sử ký toàn thư* chép vào năm nhà Mạc tiếm ngôi Minh Đức thứ 2, tức là năm Gia Tĩnh thứ 7 (1258), nhà Minh "mật sai người đến dò xét tin tức trong nước, cật vấn nguyên do, muốn tìm con cháu nhà Lê để lập nên."[3] Trên thực tế, sau khi Lê Huệ (Lê Chiêu Tông) bị Mạc Đăng Dung ám sát vào năm Gia Tĩnh thứ 4, họ Lê đã tìm không ra người kế thừa, còn những người ủng hộ họ Lê thì cát cứ ở Thanh Hoá để chống cự với họ Mạc. Những người ủng hộ họ Lê là Nguyễn Kim cũng đã được ám thị và cổ vũ của Lâm Hi Nguyên. Thái độ tích cực của Lâm Hi Nguyên đối với An Nam có thể thấy rõ trong áng văn *Ứng chiếu trần ngôn biên hoạn sớ* 應詔陳言邊患疏 của ông, ông thành thật nói với Minh Thế Tông: "Thần từng giở địa đồ của tổ tông, đi đi về về nơi Liêm Khâm, thăm hỏi sự việc phong tục đất đai sơn xuyên ở An Nam, chưa từng không giận về thất sách của tam Dương, và biết được Giao Chỉ có thể phục lại. Và nay với cái hoạ hoàn gần ở tam biên mà chưa thể trừ, sao lại dám nói đến Giao Chỉ. Bệ hạ có thành ý dùng lời của thần, lo liệu việc tam biên, chẳng đặc biệt gì hoạ hoạn nơi biên giới có thể trừ, sẽ xem việc Giao Chỉ cũng có thể lo liệu được vậy."[4]

---

1. Goodrich and Fang, *Dictionary of Ming Biography 1368-1644*. Volume 1, Columbia University Press, 1976, pp.919-922.
2. *Lâm Thứ Nhai tập, Trần ngu kiến tán miễu mô dĩ thảo An Nam sớ* 陳愚見贊廟謨以討安南疏, quyển 3, sđd, tr. 312.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ*, sđd, quyển 15, tr. 837.
4. *Lâm Thứ Nhai tập*, quyển 2, sđd, tr. 261.

Có lý do để tin rằng thái độ của Lâm Hi Nguyên đối với An Nam và lời bàn luận đã dẫn đến sự quan tâm của Minh Thế Tông. Tháng 6 năm Gia Tĩnh thứ 14 (1535), ông ta đã dâng sớ ra sức tranh luận binh biến ở Liêu Đông đáng thảo phạt, vì việc này mà ông bị giáng chức làm Tri châu châu Khâm ở Quảng Đông.[5] Nếu như Minh Thế Tông không đồng quan điểm với Lâm Hi Nguyên về việc An Nam, chắc chắn không có lý do gì để ngài đặt một quan viên có dã tâm đối với An Nam quản trị khu vực nằm ở biên cảnh Việt Nam và Trung Quốc, điều này là vô cùng nguy hiểm. Một năm sau, Minh Thế Tông quyết tâm xuất binh An Nam, như vậy, việc Lâm Hi Nguyên bị giáng chức và điều đến châu Khâm, bèn trở thành một con cờ sống của Minh Thế Tông, có thể thấy rằng phía sau lưng của sự kiện này thực chất có một kế hoạch và hành động. Minh Thế Tông là một vị hoàng đế từ Phiên vương thế tử vào kế ngôi đại thống, ngoài việc tranh quyền của các trọng thần trong nội các ra, có lẽ còn có ý nguyện trở thành một vị chúa tể anh hùng. Sự kiện Mạc Đăng Dung chính là trải nghiệm thử sức của ngài.

4. Tranh luận về việc dụng binh An Nam của các quan viên từ trung ương đến địa phương

Đương nhiên là quyết định dụng binh ở An Nam của Minh Thế Tông nhanh chóng được các quan viên trung ương biết hết, kéo theo sau đó là một cuộc tranh luận lớn rằng phải chăng có nên dụng binh ở An Nam. Những nhân vật vén lên cuộc tranh luận này trước tiên đó là Nam Kinh Hộ bộ tả thị lang Đường Trụ 唐胄, ngày mùng 1 tháng 12 năm Gia Tĩnh thứ 15 (1536), ông dâng sớ chỉ ra rằng vì An Nam không đến triều cống mà phải dụng binh với họ, chẳng không những không được, chính là "có quá lắm trong chuyện này, cũng chưa thể khinh cử". Ông đưa ra ý kiến về "bảy điều không thể chinh phạt", ý nghĩa đại khái là:

5. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập tứ niên lục nguyệt Kỷ Hợi,* quyển 176, sđd, tr. 3804-3805.

1. Không chinh phạt An Nam nằm trong điều tổ huấn;

2. Thái Tông (Thành Tổ) đặt đất ấy làm quận huyện, cái được chẳng bù cái mất, do đó mà Tuyên Tông đã từ bỏ việc ấy;

3. Di địch chia rẽ loạn lạc, cái phúc của Trung Quốc, không nên xem xét hỏi tội;

4. Nếu chinh phạt không được, hao binh mà tổn hại uy danh, nhà Tống và Nguyên là một ví dụ;

5. An Nam muốn cống mà không được, lấy việc này mà làm tội họ, thì lời nói ra không hợp lẽ;

6. Nay còn việc binh ở Khải Khẩu thuộc Quý Châu, Lưỡng Quảng lương thực dự trữ thiếu thốn, việc lớn lần lượt phải làm, công khoản quốc gia giữ ở các tỉnh cũng thiếu thốn, tài lực không đủ để cử binh;

7. Giặc phương Bắc ngày càng mạnh, lính tốt ở biên thuỳ nhiều lần tạo phản, nỗi lo lắng phương Bắc mới vừa thịnh, lại dấy lên nghị luận chinh Nam, e sẽ xảy ra điều không ngờ.

Hơn thế nữa, ông chỉ ra "Nay nghiêm binh đợi xuất phát, lệnh mới ban ra mà sự nhiễu loạn đã xảy ra bốn phương; mối lo không tại tứ Di mà tại trong nội bộ vậy!" Do đó, ông kiến nghị dựng lại việc sai Cẩm y vệ khám quan, và bãi bỏ tất cả lệnh tu sửa chỉnh đốn binh lương.[1] Binh bộ cho rằng ý kiến của Đường Trụ là "mưu tính trung thành", Minh Thế Tông thì phải đợi đến sau khi khám tra rõ ràng rồi mới lại thương nghị. Có thể thấy, Thế Tông không hề màng đến lời can gián ngăn chặn của Đường Trụ, ngài tiếp tục tiến hành phương án đã định, mệnh lên cho Đề đốc Lưỡng Quảng Thị lang Phan Đán 潘旦 họp cùng Tuần Án ngự sử, đốc thúc các tướng lĩnh thổ quan chỉnh đốn binh mã,

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập ngũ niên nhuận thập nhị nguyệt Nhâm Tý*, quyển 195, sdd, tr. 4115-4117, chi tiết xin xem bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sdd, quyển 3, tr. 192-195; *Việt kiệu thư*, quyển 12, sdd, tr. 17-21.

rèn mài vũ khí, đợi Tổng binh quan tiến binh điều dụng.[1] Và tháng 1 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), hạ lệnh cho Tả đô ngự sử đang ở nhà giữ tang là Mao Bá Ôn 毛伯溫 lập tức đến kinh, tham tán việc quân chinh phạt An Nam.[2]

Tháng 2 năm này, An Nam Lê Trang Tông (Lê Ninh) phái sứ giả Trịnh Duy Liêu 鄭惟憭 đáp thương thuyền của Quảng Đông đi bằng đường biển đến Trung Quốc, và lén lút đi đến Bắc Kinh, thỉnh cầu Trung Quốc hưng binh hỏi tội, chinh thảo Mạc Đăng Dung.[3] Bởi lời tố cáo của Trịnh Duy Liêu, đã làm tăng thêm quyết tâm của Minh Thế Tổ dụng binh ở An Nam. Tháng 4 cùng năm, hai bộ Lễ và Binh hội nghị với đại thần triều đình, chỉ ra mười tội lớn của Mạc Đăng Dung, không thể không thảo phạt. Tội trạng ấy như sau:

- Tội thứ nhất: Đuổi Lê Huệ [Chiêu Tông], chiếm đô thành của nước.

- Tội thứ hai: Cưỡng bách lấy mẹ của vua.

- Tội thứ ba: Đầu độc Lê Lự [Cung Hoàng], đem con y lên làm vua ngụy.

- Tội thứ tư: Bức Lê Ninh [Trang Tông] phải bỏ trốn.

- Tội thứ năm: Tiếm xưng Thái thượng Hoàng đế.

- Tội thứ sáu: Cải nguyên Minh Đức, Đại Chính.

- Tội thứ bảy: Đặt binh tại quan ải, ngăn trở chống cự sứ thần.

---

1. *Ngụ giao ký*, quyển 9, sđd, tr. 118-119.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên nhất nguyệt Quý Mão*, quyển 196, sđd, tr. 4149.
3. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép sự kiện này có khác: Quý Tị, [Nguyên Hoà] năm thứ 1 [1533], (Mạc Đại Chính năm thứ 4, Minh Gia Tĩnh năm thứ 12)... Vua (Trang Tông) sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh tâu rằng vì Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường đi nên bỏ lâu việc tiến cống. Nguyên văn: 癸巳，元和元年（莫大正四年，明嘉靖十二年）[1533]帝遣鄭惟僚如明，奏稱，莫登庸潛亂，竊據國城，阻絕道路，以致久廢職貢。(*Bản kỷ*, quyển 16, sđd, tr. 577) (NPA)

- Tội thứ tám: Bạo ngược vô đạo, độc hại sinh linh.

- Tội thứ chín: Ngăn dứt đường đi cống.

- Tội thứ mười: Đặt quan lại nguỵ.

Điều này rõ ràng là căn cứ theo lời tố cáo của Trịnh Duy Liêu mà phán định.[4] Nói một cách khác, việc Trịnh Duy Liêu đến Trung Quốc, khiến cho lý do xuất binh của Thế Tông càng trở nên đầy đủ. Nhưng, nguyên nhân xuất binh từ việc trách họ không đến triều cống, chuyển sang quan niệm "hưng diệt kế tuyệt" phò Lê mà thảo Mạc. Ngài cho rằng tội ác của Mạc Đăng Dung đã rõ, do đó lòng xuất binh An Nam càng trở nên kiên định. Ngay sau đó Minh Thế Tông hạ lệnh cất dụng Hồ Liễn 胡璉, Cao Công Thiều 高公韶 làm tổng đốc lương hướng; Quản Quan 管官, Giang Hoàn 江桓, Ngưu Hoàn 牛桓 làm Phó tổng binh; Dương Đỉnh 楊鼎, Điền Mậu 田茂, Tôn Duy 孫維, Vũ Cao Nghị 武高誼 xung Tham tướng; Phàn Thái 樊泰, Tiêu Mịch 蕭冪, Thang Khánh 湯慶,[5] Trần Vĩ 陳偉 xung Du kích tướng quân, đồng thời mệnh cho Hộ bộ tính toán lương hướng điều độ và lệnh cho Binh bộ vạch kế hoạch tiến quân. Rồi lệnh cho Đào Phụng Nghi là sứ giả đến khám xét An Nam từ lâu không đến triều cống về kinh, mệnh Hàm Ninh hầu Cừu Loan 仇鸞 làm Tổng binh quan, Mao Bá Ôn Tham tán quân vụ.[6] Sự điều động các tướng lĩnh cao cấp chính là bắt đầu cho sự chuẩn bị trong tháng này thoả đáng.

Sự việc sứ giả An Nam thuận lợi lẻn đến được Bắc Kinh, phải chăng nhận được chỉ thị và trợ giúp của Lâm Hi Nguyên? Tuy nhiên, không có cứ gì có thể chứng minh, nhưng sự trùng hợp về mặt thời gian đã nói lên mối quan hệ trong đó. Nhưng

---

4. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên nhị nguyệt Nhâm Tý,* quyển 197, sđd, tr. 4156; *Gia Tĩnh thập lục niên tứ nguyệt Canh Thân,* quyển 199, tr. 4177-4178; *Việt kiệu thư,* quyển 12, sđd, tr. 8-17.
5. Bản dịch Hồ Bạch Thảo nhìn nhầm chữ Khánh 慶 thành chữ Đình 庭, nên dịch là Thang Đình, nhân đây đính chính. (NPA)
6. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên tứ nguyệt Canh Thân; Tân Dậu,* quyển 199, sđd, tr. 4179-4182; *Ngự giao ký*, quyển 9, sđd, tr. 119.

mà, vị quan viên Lâm Hi Nguyên bị biếm truất đến châu Khâm này đã xem An Nam như là một món thịt ở trong miệng, thực sự phải triển khai cái chí bình sinh của ông. Trong một tấu sớ với nhan đề là *Trần ngu kiến tán miễu mô dĩ thảo An Nam sớ* của ông, chủ trương mạnh bạo phải dụng binh đối với An Nam, đề ra thuyết "có ba điều đáng thảo phạt An Nam, hai điều đáng lấy, bốn điều có thể lấy". Ông cho rằng như ngày nay An Nam đang trong cái thế nghêu cò tranh nhau, là có lợi cho Trung Quốc, đó là cơ hội ngàn năm có một, thời khắc tốt không đến hai lần.(1) Có thể thấy, cái ý với An Nam đã từng là quận huyện của Trung Quốc của Lâm Hi Nguyên đậm đà khó thể nào phai được. Về ý đồ dụng binh ở An Nam của Minh Thế Tông và Lâm Hi Nguyên cùng trên một trận tuyến, toàn bộ sự kiện cũng do họ chỉ đạo.

Tuy nhiên, không phải tất cả các đại thần triều đình đều ủng hộ Minh Thế Tông dụng binh An Nam, những tiếng nói phản đối nối nhau mà đến. Tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), Binh bộ Tả thị lang Phan Trân 潘珍 dâng sớ chỉ ra, hiện nay người Mông Cổ ở phương Bắc "dàn trướng liên tục vạn dặm, lửa cảnh báo nhiều lần đốt cho hay, từ mùa xuân đến mùa đông, chẳng ngày tháng nào ngơi ngớt, còn đội ngũ quân sĩ của ta không sung mãn, lương thực thiếu hao, mối lo ngấp nghé chất đầy hoạ hoạn, các nơi đều như vậy. Mà lại bỏ sự phòng bị cửa đình, coi thường cái hại ngay trước mắt, cạn kiệt sức lực của Trung Quốc, lấy việc ở xa và đảo chướng khí, không phải là kế dụng được." Ông kiến nghị dừng lại việc điều binh và vận lương, chỉ cần phái hai đại thần văn võ có tài vọng, trú phòng ở nơi biên cương Trung - Việt, thao luyện binh mã, để tô điểm thêm cho thanh uy của Lê Ninh, không cần phải dụng binh cũng có thể thành công được.(2)

1. *Lâm Thứ Nhai tập*, quyển 3, sđd, tr. 15-22.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên tứ nguyệt Tân Dậu*, quyển 199, sđd, tr. 4182. Nguyên văn: 聯帳萬里，烽警屢報，自春迄冬，月無虛日，而我士伍不充，芻糧耗匱，隱憂積患，各邊同然。顧乃釋門庭之防，忽眉睫之害，殫竭中國之力，以遠事瘴島，非計之得也。

Lúc này, ý chí dụng binh An Nam của Thế Tông hoàng đế vô cùng kiên định, nhớ lại tháng 12 nhuận năm ngoái, Hộ bộ Tả thị lang Đường Trụ dâng sớ phản đối dụng binh, Thế Tông cũng không có áp dụng hành động gì với ông ta. Nhưng lời nói thẳng thắn của Phan Chân lần này, lại bị Thế Tông trách là không am tường sự thể, hoặc loạn lòng người mà bị cách chức quan. Tộc tử[1] của ông là Đề đốc Lưỡng Quảng quân vụ Binh bộ Tả thị lang Phan Đán cũng dâng tấu chỉ ra, chuyện của An Nam "dùng pháp độ của Trung Quốc, đều không thích hợp được" nên giới nghiêm để xem xét sự biến của họ, đợi thế cục ở An Nam yên định rồi thì dụ chúng đến triều cống. Nhưng Lễ bộ thượng thư Nghiêm Tung 嚴嵩, Binh bộ thượng thư Trương Toản lại cho rằng ý kiến của Phan Đán mất đi chủ trương kế tục "điều nhân hưng diệt kế tuyệt, điều nghĩa của việc giết bạo trừ tàn" mà áp dụng hành động quân sự.[2] Có thể thấy, ứng xử hai bộ Lễ và Binh đều phù hợp với cách nghĩ của Thế Tông lúc bấy giờ. Kết quả, không đến thời gian một tháng, Phan Đán bị điều về Nam Kinh, đổi cho Sơn Đông Tuần phủ sát làm Đề đốc quân vụ Lưỡng Quảng.[3]

Ngày mùng 9 tháng 5 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), Mao Bá Ôn đến Bắc Kinh, đợi xuất chinh An Nam. Ông ta điều trần "sáu việc nghị xử An Nam" rằng: Sáu nguyên tắc lớn là chính danh, dụng binh, dùng người, chỉnh lý tài chính, thưởng phạt minh bạch, đồng nhất sự việc. Kiến nghị của ông được Minh Thế Tông

1. Tộc tử 族子: cháu tằng của anh/em của ông nội. (NPA)
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên tứ nguyệt Đinh Mão,* quyển 199, sđd, tr. 4186-4188.
3. Sự điều động chức quan của Phan Đán, có liên quan đến việc không hợp với Hữu đô ngự sử Mao Bá Ôn nắm giữ quân vụ chinh An Nam. Tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 15 (1536), ông nhận mệnh làm Binh bộ Tả thị lang, kiêm Hữu phó đô ngự sử để đốc quân vụ Lưỡng Quảng, khi ông xuống phương Nam đi ngang qua cố lý Mao Bá Ôn ở Quảng Đông, từng cảnh cáo Mao Bá Ôn rằng: "An Nam không phải là giặc môn đình, ông nên lấy việc tang mà từ chối. Thời gian đi lại, ít hoãn binh kỳ. Đợi chúng nghe lệnh cầu khoản nhân đó vỗ về chúng, có thể an toàn trăm bề." (安南非門庭寇，公宜以終喪辭。往來之間，少緩師期。俟其聞命求款因撫之，可百全也。) Do đó, sau khi đến kinh vào tháng 5 năm Gia Tĩnh thứ 16, Mao Bá Ôn bèn đề nghị triệt đổi Phan Đán. (Xem *Minh sử*, quyển 203, tr. 5360-5361).

tán đồng, cho rằng "đều thấy rõ sự kinh lược từng trải". Và Binh bộ cũng ủng hộ ý kiến của Mao Bá Ôn: "Dùng binh ngoài quan ải, tiến hoặc dừng theo tiện nghi. Trừ Tổng binh, Tổng đốc Lưỡng Quảng, Vân Nam khi có việc cùng bàn bạc mà thi hành; ngoài ra Phó, Tham trở xuống, cùng Phủ Trấn tam ty đều theo sự tiết chử." Rõ ràng, lúc bấy giờ bộ Binh và Thế Tông hoàng đế không có ý dừng lại cuộc chinh thảo An Nam, nhưng mà *Minh Thế Tông thực lục* lại chép phê thị mà Thế Tông dừng chinh thảo An Nam: "Gần đây nghe Lê Ninh tâu rằng Mạc Đăng Dung ngăn chặn đường tiến cống, chưa thẩm tra được chân ngụy; hãy lệnh cho quan địa phương xem thêm chiêu phủ, hay đánh." Rồi lệnh cho Mao Bá Ôn "tại viện lo quản lý công việc. Các quan đôn đốc lương hướng, ghi công đều tạm đình chỉ".(1)

Việc cử hành đột ngột này, khiến cho người ta không hiểu được nguồn cơn sự việc, *Minh sử* dùng lời "ý vua đột nhiên đổi ý giữa chừng" để hình dung ý nghĩa không rõ ràng trong đó.(2) Học giả người Nhật là Kazuo Ohsakwa cho rằng sự "đổi ý giữa chừng" của Thế Tông hoàng đế, là vì Mao Bá Ôn đề cập trong "sáu việc nghị xử An Nam", nếu Mạc Đăng Dung đầu hàng, bèn đãi bằng luận điệu không chết để xúc tiến thành công.(3) Trên thực tế, "ý vua đột nhiên đổi ý giữa chừng" không phải là sự thay đổi đột nhiên, mà là đã trải qua một hồi suy nghĩ thận trọng rồi mới đưa ra quyết định. Người biên tập bộ *Minh Thế Tông thực lục*, đặt đoạn phê thị dừng cuộc chinh thảo An Nam này của Minh Thế Tông vào ngày Đinh Hợi (mùng 9) tháng 5, khiến cho toàn bộ ý của đoạn văn trở nên mâu thuẫn và nhảy vọt, *Việt kiệu thư* thì đặt phê thị của Thế Tông vào sau khi tấu sớ của Vũ Định hầu 武定侯 Quách Huân 郭勛. Tấu sớ này *Minh Thế Tông thực lục* không chép, nhưng đây lại là

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên ngũ nguyệt Đinh Hợi,* quyển 200, sđd, tr. 4194-4197. Tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo, sđd, tr. 205-206.
2. *Minh sử,* quyển 321, sđd, tr. 8332.
3. Kazuo Ohsakwa, *Nghiên cứu lịch sử quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ 16-17, Nhật Bản Sử học,* quyển 39, số 2, 1966, tr. 60-63.

một đoạn văn hết sức quan trọng. Trong đoạn văn này, Quách Huân thay đổi thái độ ủng hộ xuất binh An Nam trước đây, dùng một ngữ khí hết sức uyển chuyển và thận trọng nói: "Binh nhung là chức vụ của thần, ít có tri thức, đâu phải nhẫn mà ngậm miệng làm thinh." Sau đó chỉ ra quan binh vệ sở ở Lưỡng Quảng và Vân Nam chỉ đủ để phòng thủ, buộc phải điều động lang binh, thổ binh, câu đao thủ ở bốn tỉnh Quảng Tây, Tứ Xuyên, Hồ Quảng, Vân Quý thì mới có thực lực công đánh An Nam, nhưng bốn tỉnh ấy cách nhau ngàn dặm, không thể kịp thời trưng tập đủ số binh. Còn về mặt tài dụng, được người, thời khắc tâu luận về những khó khăn khi chinh phạt An Nam, xin Thế Tông sắc dụ hai bộ Lễ và Binh cơ nghị chi tiết với đình thần. Nói cách khác, Quách Huân mong mỏi Thế Tông suy nghĩ lại quyết định chinh phạt An Nam. Kết quả, Minh Thế Tông đột nhiên chấm dứt hành động chinh thảo An Nam, chỉ ra lệnh cho quan viên địa phương tiến hành việc chiêu phủ thích đáng.[1]

Sở dĩ Quách Huân thay đổi thái độ ủng hộ xuất binh, là vì ông ta đã hiểu sâu hơn về khó khăn sẽ phải đối mặt khi đem binh đánh An Nam. Luận cứ của ông ta, về cơ bản đến từ *Luận chinh An Nam sớ* 論征安南疏 mà tri phủ phủ Liêm Châu Trương Nhạc tấu lên. Chắc chắn là tấu sớ của Trương Nhạc đã được các đại thần của ba bộ Lễ, Binh và Hộ tham duyệt vào đầu tháng 6. Ông ta thể hiện rõ mục đích dâng sớ lên là lo phòng một số "đại thần sinh sự vui hoạ", "nghinh hợp phụ hội, mưu động binh qua." Đây là chỉ thẳng dã tâm của Tri châu châu Khâm Lâm Hi Nguyên đối với An Nam. Về việc dụng binh An Nam ông ta đề ra sáu lý do "không thể". Ông cho rằng: 1, nhọc binh vạn lý, định vị cho di địch không phải là chính sách lâu dài; 2, thừa cơ nguy của người, lấy nước người, người nghĩa không làm vậy; 3, lỡ chiến bại, ai sẽ là người nhận lãnh trách nhiệm mất quyền nhục quốc thể đây? 4, hiện thời Lưỡng Quảng khốn tắt, dân Dao, Đồng [Tráng] tập kết,

1. *Việt kiệu thư*, quyển 12, sdd, tr. 23-25.

quan quân chỉ đủ để phòng thủ, còn lang binh, thổ quan, câu đao thủ phải điều phối chinh tiễu liên miên, trong lòng có thù oán. Mặt khác, khí hậu An Nam nóng ẩm, dễ sinh bệnh tật, lỡ binh già tài kiệt, dân Dao, Đồng thừa cơ đang yếu mà dấy loạn, Lưỡng Quảng tức thì sẽ dấy loạn bốn bên; 5, quân binh lương hướng Ngô châu, tích trữ không nhiều, nếu như 40 vạn đại quân đồn thực ở Lưỡng Quảng, lương hướng sẽ phải trù bị thực thi như thế nào? 6, như ngày nay thiên hạ thái bình đã lâu, người dân không quen binh đao, binh lính không tập dượt chiến sự, tướng soái đều là những tử đệ cao lương, lại thiếu kinh nghiệm chiến đấu, những người nói về việc dụng binh đều là những người nhặt tàn vụn của cổ nhân, không có thực học thực tài, lấy họ để cử đại sự, chắc chắn sẽ thất bại.(1)

Tấu sớ này của Trương Nhạc được Quách Huân ủng hộ, có tác dụng tích cực với Thế Tông trong việc chinh phạt An Nam. Ngày 21 tháng 6 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), sứ giả của Lê Ninh là Trịnh Duy Liêu vốn dĩ là phải theo quân xuất chinh, để cho Tổng binh quan hỏi han, được sai đưa về nước.(2) Có lẽ đây là sự an bài sau khi quyết định chấm dứt chinh phạt An Nam, vì tác dụng mà Trị Duy Liêu ở lại Trung Quốc đã không còn lớn nữa. Có thể thấy, Thế Tông lúc này không có lòng dụng binh nữa. Quyết định chấm dứt chinh phạt An Nam của Thế Tông trên nhất được đưa ra vào tháng 6,(3) nhưng vào tháng 5, ngài vẫn chưa từ bỏ ý nghĩ dụng binh. Ngày 27 tháng 5, Hồ Quảng đạo Giám sát ngự sử Từ Cửu Cao 徐九皋 theo chiếu mà bày tỏ rằng, sự

1. Trương Nhạc, *Tiểu sơn loại cảo*, quyển 1, sđd, tr. 290-292; *Ngự giao ký*, quyển 9, sđd, tr. 120-121.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên lục nguyệt Mậu Thìn*, quyển 201, sđd, tr. 4221; *Gia Tĩnh thập lục niên tứ nguyệt Canh Thân*, quyển 199, sđd, tr. 4178.
3. Ngày 28 tháng 6 năm này, Chiết Giang đạo Ngự sử Hà Duy Bá 何維柏 cho rằng: "An Nam hối lỗi, chinh thảo bãi dịch, sinh linh sáu tỉnh đã được an cư theo ý nguyện, riêng một mình Bá Ôn chưa tròn tình hiếu tử, thần thỉnh bệ hạ giữ gìn lòng tiết nghĩa của Ôn, vun đắp đạo hiếu, cho được trần tình làm tròn lễ." (*Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên lục nguyệt Ất Hợi*, quyển 201, sđd, tr. 4223).

thiếu hụt lương thảo của Vân Quý, Lưỡng Quảng, khu vực phía Đông Nam lại gặp hạn hán và lũ lụt, xin tạm hoãn chinh phạt An Nam; Cấp sự trung Tạ Đình Cự 謝廷㮮 cũng có luận điệu xin tạm hoãn xuất chinh An Nam, kết quả hai người đều vì trong bản sớ có chữ sai sót, nên bị đoạt bổng hai tháng.(1) Trong thời gian này, Ngự sử Dư Quang 余光 dâng sớ cho rằng, việc dụng binh An Nam lần này quá đường đột vội vàng, e là "binh yếu mà già, lương tận không tiếp được, cái hại ấy không nói hết được." lại nói "đặt đất ấy làm quận huyện, lấy Hoa trị Di, cuối cùng rồi cũng khó giữ."(2) Những lời bàn này lúc bấy giờ vẫn chưa lay động được dã tâm dụng binh An Nam của Thế Tông, nhưng ý kiến phản đối lại nhiều đến vậy, khiến cho ngài không thể không cẩn thận mà suy nghĩ thêm. Do đó, lúc Trương Nhạc, Quách Huân vừa dâng tấu sớ lên, Thế Tông liền đưa ra quyết định dừng chinh thảo An Nam.

Tiếc là, hai tháng sau, tức là vào ngày 8 tháng 8 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), Minh Thế Tông lại hạ lệnh trở lại xuất chinh thảo phạt An Nam theo kế hoạch đã định. Nguyên do là Vân Nam Tuần phủ Đô ngự sử Uông Văn Thịnh 汪文盛 bắt được gián điệp của Mạc Đăng Dung và bài *Đại cáo* 大誥 đã viết, Thế Tông cho rằng Mạc Đăng Dung "tiếm nghịch định bội phản, tội đó không thể xá miễn được."(3) Lúc này, Uông Văn Thịnh rất có dã tâm tiến đánh An Nam. Ông ta liên kết với cựu thần họ Lê là Vũ Văn Uyên, hiến lên cho triều đình bức địa đồ tiến binh, nói rằng Vũ Văn Uyên có vạn binh lính, nguyện làm hướng đạo tiên phong, dẫn binh tiến đến chinh tiễu, đồng thời nhấn mạnh chắc chắn sẽ đánh bại được Mạc Đăng Dung.(4) Lúc bấy giờ, sự chuẩn bị tác chiến của Uông Văn Thịnh rất là tích cực. Ông ta sắp đặt phòng

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên ngũ nguyệt Ất Tỵ,* quyển 200, sđd, tr. 4209-4210.
2. *Việt kiệu thư,* quyển 12, sđd, tr. 21-23.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên bát nguyệt Giáp Dần,* quyển 203, sđd, tr. 4250.
4. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên cửu nguyệt Nhâm Ngọ,* quyển 204, sđd, tr. 4262; *Minh sử,* quyển 321, sđd, tr. 8332; *Việt kiệu thư,* quyển 12, sđd, tr. 26.

ngự ở Liên Hoa là đường chủ yếu của thuỷ bộ giữa Vân Nam và An Nam; tăng thêm thiết bị, vận chuyển gạo lương, chế tạo tàu thuyền, chỉnh đốn khí giới, đào chiến hào làm đại bản doanh tiến công. Không những ông ta liên kết với người An Nam là bọn Vũ Văn Uyên, mà còn trưng điều thêm Tuyên úy ty của Lão Qua, Xa Lý, Bát Bách và voi ngựa, di binh quen chiến đấu ở thổ xá các nơi Mạnh Lương, liên quân đánh vào An Nam.[1] Do thái độ tích cực của quan viên địa phương Vân Nam, nên đã một lần nữa thắp cháy lên lòng chinh thảo An Nam của Thế Tông. Nhưng mà, Thế Tông hạ lệnh chinh phạt An Nam theo kế hoạch đã định sẵn, có lẽ là có liên quan đến xướng nghị có sức mạnh lớn của Tri châu châu Khâm ở Quảng Đông là Lâm Hi Nguyên.

Lúc này, Lâm Hi Nguyên từng sai người đến kinh, tấu trần "chính sách lấy Giao (An Nam)".[2] Kỳ thực, kể từ đời Tống và đời Nguyên trở đi, tự nhận là một hoàng đế Trung Quốc hùng tài đại lược, cũng không thể nào giũ bỏ được cái mắc mứu là An Nam đã thoát ly Trung Quốc và độc lập. Khi Thế Tông hoàng đế thấy tấu sớ của Lâm Hi Nguyên, bèn nói với vẻ cảm khái rằng: "Ta tưởng là trong nước không còn hào kiệt, nay vẫn còn đây chứ đâu!" Ngay lập tức thể hiện quyết tâm xuất binh của mình cho Nội các Đại học sĩ Hạ Ngôn. Các đại thần trong nội các thấy ý chí của Thế Tông kiên quyết, chỉ biết ngoan ngoãn nghe theo. Quách Huân lặng lẽ lén thả một lời lạnh nhạt rằng: "Miếng đất ấy, cho dù có được nó, thì có xài được gì chứ?" Trương Toản từng nói với tên tiểu lại đem gửi bản tấu rằng: "Việc lão gia của các ngươi thành rồi đấy, Khâm châu của ngươi có bao nhiêu tiền bạc và cơm rượu quan lại."[3] Có thể thấy rằng, họ rất không hài lòng với việc Lâm Hi Nguyên tích cực xướng nghị việc dụng binh An Nam.

1. *Việt kiệu thư,* quyển 13, sđd, tr. 25-26.
2. *Tiểu sơn loại cảo, Dữ Lâm Thứ Nhai luận chinh Giao sự* 與林次崖論征交事, quyển 8, sđd, tr. 378.
3. *Tiểu sơn loại cảo, An Nam sự thuỷ mạt ký* 安南事始末記, quyển 4, sđd, tr. 24.

Lúc này, ý niệm dụng binh An Nam, đã chuyển từ sự "hưng diệt kế tuyệt" sang chiếm lấy đất ấy.

Trên thực tế, không những các đại thần nội các của triều đình bất mãn với Lâm Hi Nguyên, các quan viên địa phương cũng cảm thấy rất phản cảm với lời xướng nghị của ông ta. Tri phủ châu Liêm là Trương Nhạc cũng từng viết thư cho Lâm Hi Nguyên, thẳng thắn chỉ ra cái sai ấy rằng: "Việc này có liên quan đến lợi hại của thiên hạ, việc hành động hay chặn đứng, không phải do một mình ta hay huynh." Lại nói: "Châu Khâm không phải là đất dụng võ, tôn tướng không có cốt cách phong hầu."(1) Trương Nhạc từng khuyên ông ta "trong sách vở cũ *Mạnh Tử, Luận Ngữ*, tìm một nơi yên thân lập mệnh", đừng lấy sự nghiệp Mã Phục Ba làm chí nguyện.(2) Ông ta dâng tấu chỉ trích Lâm Hi Nguyên bị công danh ràng buộc, không hiểu được sự chuyển biến của tình thế khách quan, "chuyên nói về chính sách lấy Giao", đưa nước nhà vào con đường sai lầm. Đồng thời thể hiện cho Thế Tông biết rằng việc dụng binh An Nam không nắm chắc được sự thắng lợi.(3) Còn Tuần án Quảng Đông Ngự sử Dư Quang cũng chỉ ra rõ ràng, Mạc Đăng Dung hoàn toàn khống chế An Nam, đồng thời chi bằng khi ở kinh thế tranh giành chia ba đã nghe nói, hình thành thế nghêu cò, có thể chiếm được tình thế ngư ông đắc lợi. Do đó, ông ta cho rằng không nên xuất binh. Nhưng mà Minh Thế Tông cũng như Lâm Hi Nguyên đều có chí lấy An Nam thì làm sao mà nghe lọt tai những ý kiến này chứ? Kết quả là, Dư Quang vì vậy mà "coi như bất luân" bị phạt tước bổng một năm.(4) Lúc này, quyết định thảo phạt An Nam đã mang một ý đồ xâm lược rõ ràng.

---

1. *Tiểu sơn loại cảo, An Nam sự thuỷ mạt ký*, quyển 4, sđd, tr. 24.
2. *Tiểu sơn loại cảo, Đáp Lâm Thứ Nhai Khâm châu* 答林次崖欽州, quyển 8, sđd, tr. 376.
3. *Tiểu sơn loại cảo, Luận chinh Giao lợi hại dữ miếu đường* 論征交利害與廟堂, quyển 8, sđd, tr. 378-379.
4. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập lục niên thập nguyệt Nhâm Tý*, quyển 205, sđd, tr. 4277-4279; *Việt kiệu thư*, quyển 13, sđd, tr. 5-7.

Trễ nhất là vào ngày mùng 8 tháng 8 năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), Thế Tông bèn mới lại hạ lệnh chinh phạt An Nam. Nửa cuối năm này, hình như là thời khắc vạch kế hoạch sách lược điều binh vận lương chinh thảo An Nam.[1] Đến năm Gia Tĩnh thứ 17 (1538), Vân Nam có sự thay đổi rất lớn về thái độ trong việc xuất binh An Nam. Ngày 24 tháng 3, Kiểm quốc công Mộc Triều Phụ 沐朝輔 và Tuần phủ Vân Nam Đô ngự sử Uông Văn Thịnh, tấu xin khoan miễn cho Mạc Phương [Đăng] Doanh, thừa nhận địa vị phiên thần của họ Mạc, đồng thời xin rút quan quân từ bãi Liên Hoa về trú phòng.[2] Uông Văn Thịnh vốn chủ trương dụng binh đối với An Nam, thế thì tại sao lại chịu nhận sự đầu hàng của họ Mạc? Lâm Hi Nguyên từng chỉ trích ông ta "vừa mới được ý chỉ của hoàng thượng, và thế là lại lui binh" không dám nói đến việc dụng binh nữa.[3] Thì ra, kể từ sau khi có tin xuất binh và được truyền đến An Nam, Mạc Đăng Dung bèn tích cực cắt đặt để ứng phó với sự can thiệp quân sự của Trung Quốc. Trước tiên Dung xuất binh đánh bại Vũ Văn Uyên người An Nam liên minh với Vân Nam, sau đó có ba vạn đại quân công đánh Lê Ninh, ép Lê Ninh đến gần biên giới Lão Qua. Uông Văn Thịnh sợ Mạc Đăng Dung đột nhập Vân Nam, ngay sau đó điều động 75.000 thổ binh, 500 con voi chiến ở các nơi Lão Qua, Xa Lý, Nguyên Giang phủ để phòng ngự.[4] Vân Nam không những chịu áp lực của An Nam về mặt biên phòng, mà trong nội cảnh cũng vì chuyện vận chuyển lương hướng chinh phạt An Nam, dẫn đến việc quần chúng nhân dân náo loạn thị uy ở bên ngoài quân môn.[5] Mộc Triều Phụ,

1. *Tiểu sơn loại cảo, Đáp Liêm châu Chu Nhi Thủ* 答廉州朱二守, quyển 8, sđd, tr. 383.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập thất niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 210, sđd, tr. 4342.
3. Lâm Hi Nguyên, *Lâm Thứ Nhai tập,* Microfilm giữ tại Viện nghiên cứu Tân Á Hong Kong, R1000, quyển 4, *Tốc định đại kế dĩ phá phù nghĩa dĩ thảo An Nam dĩ giải đảo huyền dĩ huyền dân vọng sớ* 速定大計以破浮議以討安南以解倒懸以慰民望疏, tr. 30-34.
4. *Việt kiệu thư,* quyển 6, sđd, tr. 24; *Lâm Thứ Nhai tập,* quyển 3, sđd, tr. 23.
5. *Quốc triều hiến trưng lục, Vân Nam Tả Bố chính sứ Vương công Tuấn Dân mộ chí minh* 雲南左布政使王公俊民墓志銘, quyển 102, sđd, tr. 4566.

Uông Văn Thịnh chịu áp lực từ bên trong lẫn bên ngoài, thay đổi lập trường chinh tiễu An Nam, thừa nhận sự thật tồn tại của chính quyền họ Mạc.

Nhưng dưới ý muốn mãnh liệt của Minh Thế Tông, kiến nghị của Mộc Triều Phụ bị triều đình từ chối, cho rằng đó là kế hoãn binh của Mạc Đăng Dung. Ngày 28 tháng 3, Binh bộ tuân theo ý muốn của Thế Tông, tiến cử Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm Tổng binh quan, Mao Bá Ôn làm Tham tán quân vụ, tiến đến Lưỡng Quảng thống lĩnh địa quân chinh phạt An Nam.(1) Ngày mùng 4 tháng 4 năm này, tình hình thảo phạt An Nam có một thay đổi lớn, Đề đốc Lưỡng Quảng Quân vụ Binh bộ Tả thị lang Thái Kinh 蔡經, tấu lên một bản báo cáo hết sức chi tiết và vụ thực về việc chinh thảo An Nam. Ông ta chỉ ra, nếu tính bằng số quân 30 vạn, trong kỳ hạn một năm, phải dùng hết thảy lương hướng 162 vạn thạch; ngân lượng dùng cho việc đóng tàu thuyền mua ngựa hơn 73 vạn lượng, hiện nay vét hết dự trữ của Lưỡng Quảng vẫn còn thiếu 17 vạn quân, 120 vạn thạch gạo, 341.000 lượng bạc. Nếu như không chinh phục được An Nam trong vòng một năm, thế thì sự chi viện của nguồn binh và lương hướng sẽ trở thành một vấn đề lớn. Ông cho rằng, trong tình huống này tiến binh An Nam rõ ràng là hết sức khinh suất, cũng không hợp thời cơ. Ông kiến nghị, trước tiên nên tiến hành việc thừa nhận địa vị quốc vương An Nam của Lê Ninh, mới có thể kích động lòng người "hưng diệt kế tuyệt", như vậy mới có thể ứng hợp từ trong ra ngoài, đánh bại Mạc Đăng Dung.(2)

Hiển nhiên là Thái Kinh nhận thức được, nếu vì muốn đưa An Nam trở lại bản đồ Trung Quốc một lần nữa mà xuất binh, cái giá phải trả vô cùng trầm trọng. Lúc bấy giờ, quyết tâm dụng binh ở

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập thất niên tam nguyệt Đinh Dậu,* quyển 210, sđd, tr. 4342-4343.
2. *Hoàng Minh tư văn bị sử* 皇明脩文備史, *Bắc Kinh đồ thư quán cổ tịch trân bản tùng san* 北京圖書館古籍珍本叢刊, Nxb Văn hiến tư mục Bắc Kinh, quyển thứ 8, 1987, *An Nam tấu nghị* 安南奏議, tr. 831-836.

An Nam cơ hồ như không thể nghịch chuyển được nữa, để giảm nhẹ trách nhiệm gánh vác của vùng Lưỡng Quảng, do đó mới kiến nghị chính danh cho Lê Ninh, khiến cho nội bộ Mạc Đăng Dung nhanh chóng phân hoá, đợi cho đến sau khi chuẩn bị đầy đủ binh lương rồi mới tiến đánh An Nam với danh nghĩa là binh "hưng diệt kế tuyệt". Có thể thấy, cách nhìn nhận của quan viên quân sự cao cấp của Lưỡng Quảng lúc bấy giờ trong việc dụng binh An Nam, rất khác biệt với phía Vân Nam. Tuy vậy, cho dù là Mộc Triều Phụ hay là Thái Kinh, đều không thể hoà nhập được với tâm ý của Thế Tông, chỉ có Lâm Hi Nguyên mới đủ sức tương thông nhất với ngài. Lâm Hi Nguyên giữ ở châu Khâm, đương nhiên hiểu rõ quan điểm của Thái Kinh. Ông ta chỉ ra trong một áng văn nhan đề là *Tấu báo Di tình cấp xử binh dĩ thảo An Nam sớ* 走報夷情急處兵以討安南疏, lúc này họ Lê và họ Mạc đang giết nhau, là thời cơ tốt để tiến công An Nam. Ông ta bác bỏ những người nghi ngờ rằng tài lực Trung Quốc không đủ, cho rằng tiến đánh An Nam chẳng qua chỉ là 20 vạn quân, quân phí trong hai năm; 160 vạn lượng bạc, 400 vạn thạch lương. Ông ta thẳng thắn nói với Thế Tông: "Miếng đất An Nam ấy, rốt cuộc cũng chẳng có lý do gì để độc lập, thế lực ấy buộc phải quay trở vào Trung Quốc."[1] Mục tiêu của Lâm Hi Nguyên vô cùng rõ ràng, nhất trí với lập trường của Thế Tông, tiếc là ông ta chỉ là một vị quan địa phương.

Về hiện tượng không hợp tác của các quan viên địa phương nơi biên cương, chắc chắn là Minh Thế Tông phải cảm thấy hết sức khổ não. Đương nhiên là ngài rất hy vọng các quan vùng biên giới đều có thể hiểu được tâm ý dụng binh An Nam của ngài, điều quan trọng hơn nữa là phải được sự ủng hộ toàn lực của bộ Binh. Ngày mùng 6 tháng 4, ngài đưa ý kiến của ba phương diện giao về cho Vũ Định hầu Quách Huân, Binh bộ thượng thư Trương Toản để mở cuộc thảo luận. Kết quả, bộ Binh chỉ liệt ra một loạt những sự việc cần phải chú ý khi tiến quân, còn đối với mục đích

1. *Hoàng Minh tư văn bị sử, An Nam tấu nghị*, sđd, tr. 836-838; *Lâm Thứ Nhai tập*, sđd, quyển 3, tr. 22-29.

cuối cùng trong việc dụng binh An Nam, thì không hề cho thấy sự ủng hộ. Có thể thấy rằng, bộ Binh áp dụng phương pháp tiêu cực hơn, phản đối xuất binh An Nam. Ngày 15 tháng 4, Thế Tông chỉ trích bộ Binh không thể đưa ra được một quyết định rõ ràng bằng một thái độ hết sức bất mãn, lại tuyên bố huỷ bỏ kế hoạch xuất binh chinh phạt An Nam. Ngài nói: "Việc An Nam này, cần phải có người biết đường chỉ lối, hiểu rõ vấn đề. Trẫm nghe các sĩ đại phu khanh bàn luận riêng với nhau, cho rằng không cần phải đánh chúng (An Nam), hai ba lần hội nghị trong bộ các ngươi, cũng không thấy chủ lực xử lý như thế nào là chính đáng. Tức là đều không hiệp lòng coi quốc sự, và bãi Cừu Loan, Mao (Bá Ôn), ở lại kinh dùng vào việc khác."[1] Quyết định "thôi chinh An Nam" của Thế Tông, cho thấy rõ ràng là ngài hết sức bất mãn và giận dữ. Từ năm Gia Tĩnh thứ 15 đến nay, thời gian tròn cả một năm, ngài chưa từng biểu hiện cho đại thần triều đình thấy rõ ràng ý hướng phải thôn tính An Nam. Ngài hy vọng là lợi dụng lời xướng nghị của Lâm Hi Nguyên, khiến cho đại thần triều đình hiểu rõ được tâm ý của ngài, từ đó thể hiện điều ủng hộ ngài trong việc xuất binh An Nam. Nhưng các đại thần trung ương của triều đình không hề muốn phát động chiến tranh đối với An Nam. Kết quả, ý đồ thôn tính An Nam của Minh Thế Tông lại một lần nữa gặp phải trúc trắc.

5. Mạc Đăng Dung đến hàng và ngoại giao bí mật

Sau khi Minh Thế Tông "thôi chinh An Nam", ngay sau đó bèn ra lệnh cho Mao Bá Ôn hiệp quản Đô sát viện, và làm Tuần phủ phủ Thuận Thiên. Cơ hồ như ngài đã từ bỏ ý dụng binh An Nam. Dẫu vậy, vào ngày mùng 2 tháng 2 năm Gia Tĩnh thứ 17 (1539), đột nhiên Thế Tông cất dùng Lễ bộ thượng thư Hoàng

1. *Hoàng Minh tư văn bị sử, An Nam tấu nghị*, sđd, tr. 840-841; *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập thất niên tứ nguyệt Mậu Ngọ*, quyển 211, sđd, tr. 4352. Nguyên văn: 安南此事，識體達道者則見得分曉。朕聞卿士大夫私相作論，謂不必整理他（安南），你部裏二三次會議，也不見力主何處爲正。既都不協心國事，且罷仇鸞、毛（伯溫），著在京別用。

Oản 黃綰, Học sĩ Trương Trị 張治 đi sứ An Nam, tuyên dụ việc sách lập Hoàng thái tử.[1] Mục đích của việc sai sứ giả đi lần này, rõ ràng là muốn trinh thám xem xét thực tình của An Nam.[2] Lúc bấy giờ, chắc chắn là Minh Thế Tông đã nhận được tin tức xin hàng một lần nữa của cha con Mạc Đăng Dung. Ngày 14 tháng 2, biểu xin hàng của Mạc Phương [Đăng] Doanh An Nam vượt qua Trấn Nam Quan đưa đến triều đình. Trong biểu hàng kê rõ dân số thực của đất nước An Nam, đồng thời "mong vọng thiên triều phân xử".[3] Từ nội dung và ngữ khí trong biểu xin hàng mà xem, thái độ của Mạc Phương [Đăng] Doanh có thay đổi rất lớn so với năm ngoái.

Trong biểu xin hàng của Mạc Phương Doanh đưa cho Vân Nam hồi năm ngoái, khi đề cập hộ tịch địa đồ, Doanh đã nói "địa lý thuộc bản quốc, đã có trong *Đại Minh nhất thống chí*, bất tất dâng hiến địa đồ."[4] Có thể thấy, thái độ của cha con Mạc Đăng Dung lúc bấy giờ là hết sức khuất phục. Vũ Định hầu Quách Huân đã từng phê bình Mạc Phương Doanh "có lòng bất thiện, ý muốn cầu phong."[5] Như vậy thì tại sao lúc này lại chịu nghe theo "xử phân" của nhà Minh? Thì ra phía sau sự việc này, có một hoạt động ngoại giao liên thông xuyên suốt. Những sự việc tiếp xúc ngoại giao với họ Mạc này, hiển nhiên không phải là được triều đình giao chỉ ý, mà là những sự việc được tiến hành riêng lẻ. Những nhân vật chủ yếu ngoại giao bí mật, chính là Đề đốc Lưỡng Quảng Quân vụ Thái Kinh và Liêm châu phủ Tri phủ Trương Nhạc.

---

1. *Minh sử,* quyển 17, sđd, tr. 229.
2. *Minh sử,* quyển 197, sđd, tr. 5221.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập bát niên nhị nguyệt Quý Sửu*, quyển 221, sđd, tr. 4595. Lúc này, An Nam có 53 phủ, 171 huyện, 49 châu, 31 hương, 36 phường, 8.509 xã, 182 thôn, 595 trang, 45 châu, 437 sách, 365 động, 7 nguyên, 21 trường, tổng cộng dân số có: 305.271 hộ; 1.759.800 nhân khẩu. (*Việt kiệu thư,* quyển 13, sđd, tr. 13).
4. *Việt kiệu thư,* quyển 13, sđd, tr. 13. Nguyên văn: 本國所屬地理，具在《大明一統志》內，不必圖獻。
5. *Việt kiệu thư,* quyển 14, sđd, tr. 1.

Do Thái Kinh và Trương Nhạc đều không tán thành việc dụng binh ở An Nam, cho nên hai người đã thương lượng ngay từ đầu là làm thế nào để điều giải xung đột giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Trên thực tế, trong năm Gia Tĩnh thứ 16, khi Thái Kinh bị điều đi nhậm Lưỡng Quảng Đề đốc quân vụ, Trương Nhạc đã trình bày với ông ta về "cái hại của việc dụng binh". Thái Kinh hỏi ngược lại Trương Nhạc phải chăng có chắc chắn rằng không dụng binh mà có thể khiến cho Mạc Đăng Dung đầu hàng, nếu không thì khó "làm tắc nghẽn Minh chiếu". Lúc bấy giờ Trương Nhạc từng bảo đảm: "Muốn chúng đầu hàng, buộc phải khiến nạp đất, lệnh biển hiệu xuống, và lệnh cho chúng bò phục xuống nơi cung khuyết hiến cho Trung Quốc địa đồ và hộ tịch, nghe lệnh Hoàng thượng xử phân." Bắt đầu kể từ đó, Thái Kinh bèn giao trọng trách này cho Trương Nhạc, còn Trương Nhạc cũng triển khai tiếp xúc ngoại giao bí mật với họ Mạc.(1)

Ngày 30 tháng 3 năm Gia Tĩnh thứ 17 (1538), sau khi Trương Nhạc nhận được bản tấu của Mạc Phương Doanh, bèn viết thư thảo luận với Thái Kinh. Ông ta chỉ trích Mạc Phương Doanh tuy là trong tấu văn có thêm "lời nói rằng cha con thần đã cam có tội", nhưng ngữ khí "như vẫn khuất cường, chưa thực sự thua phục." Ông ta cho rằng, nhất định phải khiến cho cha con Mạc Đăng Doanh "tự biết rõ hối lỗi, nói là họ Lê không còn ai, tạm làm người giữ ấn tín thiên triều, không dám chuyên quyền có đất đai, cầm lấy đồ tịch trong nước, hiến cho triều đình. Và xin ân nguyện làm phiên thần đời đời, vào triều cống không thôi."(2) Như vậy mới có thể khiến cho Minh Thế Tổ nguôi giận hoà bình, không kiên trì dụng binh, thừa nhận một cách có thể diện về sự thực của

1. *Ngự giao ký,* quyển 9, sđd, tr. 121; Uông Sâm, *Việt Tây văn tải* 粵西文載 (Đài Loan thương vụ ấn thư quán, theo *Văn Uyên Các tứ khố toàn thư*, ảnh ấn, quyển thứ 1465, 1986) quyển 18, tr. 773; Phương Du, *Nam Ninh phủ chí* 南寧府志, Nxb Văn hiến thư mục Bắc Kinh, *Nhật Bản tàng Trung Quốc hãn kiến địa phương chí tùng san* 日本藏中國罕見地方志叢刊, 1990, quyển 11, tr. 544.
2. *Tiểu sơn loại cảo, Dữ Đốc phủ Thái bán châu luận phủ dụ Giao Di* 與督府蔡洲論撫諭交夷, quyển 8, sđd, tr. 383-384.

chính quyền họ Mạc. Thảo luận của Trương Nhạc và Thái Kinh, thực chất cũng chính là nội dung đàm phán bí mật của Trương Nhạc và Mạc Đăng Dung. Ông ta ám chỉ cho cha con Mạc Đăng Dung nên biết đối phó như thế nào sự "hưng binh hỏi tội" của triều đình, khuyên Dung nên làm đôi điều ngoại giao, làm vui lòng Minh Thái Tổ và các quan viên ở trung ương. Lúc bấy giờ, thái độ của Trương và Nhạc cùng nhất trí với cách nhìn của Mộc Triều Phụ ở Vân Nam; chính là đá bỏ Lê Ninh ra ngoài, thừa nhận chính quyền họ Mạc, mới có thể tránh được cuộc chiến tranh này. Nhưng mà Trương Nhạc thì nhìn thấu hơn, cho rằng nếu như cha con Mạc Đăng Dung không thành tâm thỉnh tội nơi Minh Thế Tông, thì sẽ không cách nào có thể thay đổi được tâm thái dụng binh An Nam của ngài.[1]

Trương Nhạc e là Mạc Đăng Dung ngạo mạn bất kính, do đó mới cho Lâm Hi Nguyên biết, nếu trong khi thao luyện binh mã ở châu Khâm, đầu tiên là phải "lớn tiếng khuếch dương thanh thế ra ngoài, để cho giặc (Mạc Đăng Dung) nghe ta dụng binh mà lúng túng."[2] Mục đích là để uy hiếp Mạc Đăng Dung, ép hắn thành tâm thành ý đầu hàng Trung Quốc. Trương Nhạc từng ra dụ lệnh Mạc Phương Doanh phải đưa "yết thiệp" tấu bản trình cho ông ta xem qua, coi thử là phải chăng là "tỏ lòng phục tội, ai thiết xin mệnh", rồi mới giúp Doanh đưa bản tấu cho triều đình.[3] Thông thường là, bản tấu của ngoại di đều đã "niêm phong có ấn", biên thần không có quyền mở ra xem, cách làm của Trương Nhạc rõ ràng là không theo quy tắc thông thường. Lúc bấy giờ, cha con Mạc Đăng Dung trong lòng cảnh giác, cũng không hoàn toàn tin vào lời của Trương Nhạc. Do đó, triển khai ngoại giao bí mật không hề lý tưởng.

---

1. *Tiểu sơn loại cảo, Luận phủ dụ sự tình*, quyển 8, sđd, tr. 386, Trương Nhạc cho rằng ngữ khí bản tấu của cha con Mạc Đăng Dung, nhất định phải "cực kỳ thống thiết, không được qua loa như khi đưa cho phía Vân Nam, thì mới được."
2. *Tiểu sơn loại cảo, Luận phủ dụ sự tình*, quyển 8, sđd, tr. 384.
3. *Tiểu sơn loại cảo, Luận phủ dụ sự tình*, quyển 8, sđd, tr. 386.

Mãi cho đến ngày 15 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 17, triều đình ban lệnh "bãi chinh An Nam", sự phản ứng của Trương Nhạc là Thế Tông hoàng đế "quyết không chịu bãi binh như thế", cho rằng chiến tranh vẫn sẽ nổ ra nếu va chạm. Do đó, ông ta vẫn duy trì việc tiếp xúc ngoại giao bí mật với Mạc Đăng Dung. Ông ta từng kiến nghị với Thái Kinh: chỉ rút về các đả thủ, sát thủ, thổ binh ở biên giới, còn quan quân vẫn giữ lại đấy, thỉnh thoảng lại phải một hai quan quân tăng viện, để uy hiếp cha con họ Mạc, ép ông ta theo khuôn khổ. Trương Nhạc cũng từng cảnh cáo Mạc Phương Doanh về vấn đề "bãi chinh" của triều đình, chỉ trích Doanh "yết thiệp lần rồi, vẫn chưa thấy có ý nạp đất xin tội, theo lý thì không đáng để thu nhận. Người có thể về suy nghĩ dừng lại, tuân theo quy định cũ, đợi ở Bằng Tường, như vậy mới là đúng nghĩa thuận lý." nếu không Lưỡng Quảng không thể hợp lý mà trả lời triều đình, chỉ có kiến nghị chỉnh tu binh mã, ủng hộ triều đình chinh phạt An Nam.[1] Trải qua hơn nửa năm bí mật đàm phán ngoại giao, cuối cùng cha con họ Mạc chấp nhận kiến nghị của Trương Nhạc, ngày 14 tháng 2 năm Gia Tĩnh thứ 18 (1539) chính thức đệ trình hàng biểu cho Trung Quốc, liệt kê thực số hộ tịch đất đai, xin Trung Quốc xử phân. Trương Nhạc có lẽ cũng vì phá vỡ được cục diện đóng băng ngoại giao giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc mà được Minh Thế Tông khen thưởng, từ tháng 8 năm Gia Tĩnh thứ 17 được thăng làm Án sát ty phó sứ Chiết Giang.

Ở phần trước đề cập đến việc Minh Thế Tông ra lệnh cho Hoàng Oản xuất sứ An Nam vào ngày mùng 2 tháng 2 năm Gia Tĩnh thứ 18. Nhìn từ việc Minh Thế Tông chấp nhận thỉnh cầu của Hoàng Oản, giao quyền cho ông ta tiết chế các quan viên lớn nhỏ ở hai nơi Lưỡng Quảng, Vân Nam có thể thấy, lần đi này của ông ta rõ ràng là mang nặng trọng trách. Ông ta còn thỉnh cầu nội các chép lại các năm nhận phong của An Nam, viết thành một thiếp để đề phòng ứng phó; đồng thời xin chọn hai quan

1. *Tiểu sơn loại cảo, Luận từ Di sứ vãng Bằng Tường nạp khoản* 論辭夷使往憑祥納款, quyển 8, sđd, tr. 386.

viên có tài và tri thức mà không bè nhóm a dua cùng đi theo ông. Những thỉnh cầu này đều được Minh Thế Tông chấp nhận cho.[1] Có thể thấy, Hoàng Oản đi sứ An Nam lần này, ngoài việc khám xét xem cha con Mạc Đăng Dung phải chăng là thành thật đầu hàng, mà có lẽ là còn để chuẩn bị tốt cho việc thừa nhận chính quyền họ Mạc. Nhưng mà Hoàng Oản cẩn thận quá mức, một lần nữa đề ra vấn đề chân nguỵ giữa Lê Ninh và Mạc Đăng Dung.[2]

Vốn dĩ, Minh Thái Tổ đã không còn hứng thú trong việc dụng binh An Nam, sự sắp đặt của Trương Nhạc cơ hồ như là một phương pháp có thể diện nhất. Hoàng Oản rốt cuộc lại đề cập đến vấn đề khó này, do đó vào tháng 7 năm ấy, khi Hoàng Oản xin phong tặng cho cha mẹ của mình, Minh Thế Tông bèn chỉ trích ông rằng "đa đoan xin từ chối, nhút nhát hèn hạ", bèn bãi quan ông. Thế Tông từng trách các đại thần một trận về sự kiện An Nam, ra lệnh cho bộ Binh ngay lập tức mở cuộc họp để quyết định phải xử lý như thế nào.[3] Tháng 8, cuộc họp của triều đình có kết luận; cho rằng cha con Mạc Đăng Dung "nguyện lấy đất đai nhân dân, hoàn toàn nghe theo thiên triều xử phân", có lẽ cũng đáng để đồng tình. Đồng thời đề ra thuyết "trị dĩ bất trị, vương giả chi sư". Nhưng e là cha con họ Mạc không thành tâm đầu hàng, có ý lừa dối triều đình, do đó mà kiến nghị một lần nữa sai Cừu Loan, Mao Bá Ôn nam chinh. Tuy nhiên, triều đình nghị bàn chỉ rõ ra: Lần xuất binh này, chỉ là ép cha con họ Mạc "trói thân" đầu hàng, "tất cả những việc khác thì không hỏi tới."[4] Nói cách khác, không nói đến vấn đề "hưng diệt kế tuyệt" của Lê Ninh, cũng không thảo luận

---

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập bát niên ngũ nguyệt Canh Ngọ,* quyển 224, sđd, tr. 4647-4649. Theo: Mạc Phương Doanh cũng từng đề cập đến việc Hoàng Oản đi sứ An Nam, ông ta nói: "May nhờ thánh ý minh xét, ban lòng thương xót, đặc biệt giáng chỉ bãi binh, và thương nghị do thượng thư Hoàng đi sứ." (幸蒙聖察，曲賜矜憐，特降明旨罷兵，及議簡尚書黃充使。) (Xem *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 36).
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập bát niên ngũ nguyệt Canh Ngọ,* quyển 224, sđd, tr. 4647-4649.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập bát niên thất nguyệt Tân Dậu,* quyển 227, sđd, tr. 4720.
4. *Việt kiệu thư,* quyển 14, sđd, tr. 17-19.

về cách nghĩ "đặt đất ấy làm quận huyện" của Lâm Hi Nguyên. Trên thực tế, sai khiến Cừu Loan và Mao Bá Ôn xuất binh xuống phương Nam lần này, rất có thể là để làm hài lòng nguyện vọng xuất binh An Nam của Minh Thế Tông trong mấy năm trở lại đây.

Lần tái chinh An Nam này, cũng gây ra sự phản hồi bất đồng của đại thần triều đình. Nam Kịnh Binh bộ thượng thư Trạm Nhược Thuỷ 湛若水 là người đã từng đi sứ An Nam vào đời Chính Đức cho rằng, nếu như thực sự họ Mạc "hối lỗi", thì phải chấp nhận việc họ Lê khôi phục ngôi cũ, triều đình không nên vì những "lời hạ thấp" xin tội của họ Mạc, mà thừa nhận địa vị hợp pháp cho hắn.(1) Còn một người rất hiểu biết về dân Di Tây Nam là Điền Nhữ Thành 田汝成 nói: "Chinh phạt chúng, chi bằng vứt bỏ chúng". Tiếp theo ông chỉ ra, thuế phú của An Nam không vào kho Trung Quốc, thì sự hành chính dùng người ấy không chịu chuyên chế Trung Quốc. Do đó, hoạ phúc hưng phế của An Nam, không phải là việc mà Trung Quốc có thể truy cứu.(2) Có thể thấy, căn bản thì ông ta phản đối việc Trung Quốc can thiệp vào nội chính An Nam. Nhưng người lúc nào cũng cho rằng An Nam không có lý do gì để độc lập là Lâm Hi Nguyên, vẫn kiên trì quan điểm dụng binh. Trong *Điều thượng chinh Nam phương lược sớ* 條上征南方略疏 của ông ta nhấn mạnh, nếu lấy được An Nam không hề khó giữ, chỉ cần đặt một quan trấn phủ ở Long Biên 龍編 (Hà Nội), Lưỡng Quảng kiêm cả việc khống chế Lạng Sơn, Hải Dương, Vân Nam kiêm cả việc khống chế Quang Minh (Tuyên Giang); An Nam sẽ "như một con dê ở trong trạch nước, theo sau đó là bị bắt."(3)

Lúc bấy giờ, Minh Thế Tông biết việc dụng binh An Nam sẽ không được các đại thần triều đình ủng hộ toàn sức, do đó ngài chỉ hy vọng là có thể hoá giải được mâu thuẫn với chính quyền họ Mạc trong thể diện. Nhưng Lâm Hi Nguyên không nản lòng.

1. *Việt kiệu thư, Trị quyền luận* 治權論, quyển 14, sđd, tr. 9-17.
2. *Việt kiệu thư, An Nam luận, An Nam phát nạn,* quyển 14, sđd, tr. 25-30.
3. *Lâm Thứ Nhai tập, Điều thượng chinh Nam phương lược sớ,* quyển 4, sđd, tr. 33.

Ông chỉ ra việc đến hàng của Mạc Phương Doanh, chẳng qua chỉ là "hoãn việc binh của ta, muốn ta phong tước, để xác định địa vị của hắn." Ông ta vạch rõ ra khi tháng 6 năm Gia Tĩnh thứ 17, Mạc Phương Doanh phục binh khu vực Ô Lôi, giết 6 quan viên của Trung Quốc, cướp đi một chiếc thuyền chiến, hơn nữa là "gạt bỏ Trung Quốc ta ra khỏi hoá ngoại". Ông ta cho rằng việc Cừu Loan và Mao Bá Ôn xuống phía Nam khám xét, cũng không thể biết được thực tình, vì các biên thần Lưỡng Quảng và Vân Nam đều xin hàng giúp họ Mạc. Dù vậy, Lâm Hi Nguyễn cũng nhận thức được, dụng binh An Nam đã là chuyện không thể được. Do đó, ông ta lùi bước xin kiến nghị một điều, nếu như họ Mạc thật lòng xin hàng, thì nên chấp nhận với bốn điều xử phân:

1. Trả lại cho chúng ta bốn động (Tư Lẫm 澌凜, Cổ Sâm 古森, Liễu Cát 了葛, Kim Lặc 金勒) đã xâm lấn;

2. Khiến cho Lê Ninh không mất ngôi vị;

3. Khiến cho các cựu thần họ Lê như Trịnh Duy Liêu, Vũ Văn Uyên đều có đất tước;

4. Theo chính sóc, lột bỏ niên hiệu.[1]

Hiển nhiên, Lâm Hi Nguyên muốn thừa cơ hội họ Mạc đầu hàng, "muốn chia làm 9 nước ấy", để phòng An Nam lại tác oai một lần nữa, uy hiếp sự an toàn của biên cương phía Nam Trung Quốc. Tuy thế kiến nghị của Lâm Hi Nguyên căn bản không thực tế, phải khiến cho "Lê Ninh không mất ngôi vị", trừ phi áp dụng hành động quân sự với họ Mạc. Nhưng Minh Thế Tông lúc này đã không muốn khổ não về chuyện của Lê Ninh nữa. Sau khi ngài xem xong tấu sớ của Lâm Hi Nguyên bèn phê rằng: "Chuyện An Nam đã giản mệnh cho văn võ trọng thần thảo nghị, các thần chớ nói lại những lời xằng."[2]

---

1. *Lâm Thứ Nhai tập, Định địa kế dĩ ngự viễn Di sớ* 定大計以御遠夷疏, quyển 4, sdd, tr. 18-25.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập cửu niên tứ nguyệt Đinh Mão,* quyển 236, sdd, tr. 4817.

Tháng 9 năm Gia Tĩnh thứ 18 (1539), Mạc Phương Doanh thân chinh đánh kẻ phản nghịch Nguyễn Nhân Liên 阮仁連, trên đường mắc bệnh lui về Hà Nội, cuối tháng 11 Mạc Phương Doanh bệnh mất, con trưởng Doanh là Phúc Hải 福海 kế vị. Tháng 11 năm này, phía Vân Nam đã báo cho Mạc Phương Doanh biết về chuyện triều đình sai khiến đại thần xuống phương Nam khám xét, đồng thời hối thúc Doanh chuẩn bị biểu xin hàng, cùng các số liệu thực về đất đai nhân dân và kết trạng đầu mục, đích thân đến doanh biên cảnh Trung Quốc để đưa trình.(1) Mùa hè năm Gia Tĩnh thứ 19 (1540), sau khi Mao Bá Ôn và Cừu Loan đến Quảng Châu, hội cùng với các viên quan Lưỡng Quảng mà thương nghị việc điều động tập kết binh lương. Ngay sau đó truyền hịch dụ người dân An Nam, nói rằng Trung Quốc xuất binh lần này là để "hưng diệt kế tuyệt", nếu như có người nào "có thể bắt hay chém được cha con Mạc Đăng Dung và Mạc Phương Doanh, sẽ thưởng hai vạn lượng bạc... tình nguyện đem một châu một phủ quy phụ, thì sẽ được châu phủ đó, vẫn thưởng 1.000 lượng bạc."(2) Cơ hồ như Mao Bá Ôn muốn làm nhiễu loạn lòng quân của họ Mạc, lúc này, nguyên Quảng Tây Phó sứ Ông Vạn Đạt 翁萬達 điều động thăng làm Chiết Giang Hữu tham chính, Thái Kinh cho rằng Vạn Đạt biết rõ tình hình trong nước An Nam, tấu xin giữ ông ta ở lại Quảng Tây, xử lý chuyện An Nam.(3) Trên thực tế, Ông Vạn Đạt và Thái Kinh, Trương Nhạc đã có một sự thông đồng từ sớm, chính là chấp nhận sự đầu hàng của họ Mạc. Ông ta ở lại, sẽ có sức ảnh hưởng mạnh hơn với chính sách xử lý An Nam của Mao Bá Ôn.

Nửa năm đầu Gia Tĩnh thứ 19 (1540), quan hệ Việt Nam và Trung Quốc vẫn nằm trong trạng thái căng thẳng khẩn trương. Do thái độ của triều đình nhà Minh dao động không ổn định; lúc thì bãi binh, lúc thì sai sứ phủ dụ, lúc thì lại sai các đại thần

1. *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 36-37.
2. *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 31 & 35.
3. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập cửu niên nhị nguyệt Đinh Mão*, quyển 234, sđd, tr. 4790.

trung ương tề tựu binh mã áp tới biên cương khám xét hỏi han, khiến cho Mạc Đăng Dung hết sức khủng hoảng bất an.[1] Dung phải ứng phó sự hạch vấn từ ba nơi Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông, nhưng lại không biết ai là chủ lực. Ông ta lo sợ kẻ háo chiến là Lâm Hi Nguyên đột kích ông, còn quan viên Trung Quốc mà ông ta tin tưởng nhất là Trương Nhạc đã bị điều đi khỏi Quảng Đông. Dung không biết là hiệp nghị của Trương Nhạc phải chăng vẫn còn hiệu lực, càng không biết được Trung Quốc phải chăng đang muốn phò lập Lê Ninh, đương nhiên điều khiến cho ông ta cảm thấy đau khổ nhất đó chính là cái chết của Mạc Phương Doanh. Ngoài áp lực phải đối phó đến từ Trung Quốc ra, Mạc Đăng Dung còn phải đối mặt với thế lực phục quốc của Lê Ninh. Dung phải đối mặt với các tình thế vừa phức tạp đan xen vừa không rõ ràng ở ngay trước mắt, cũng không biết phải xử lý như thế nào. Đây chính là lý do tại sao khiến cho Mạc Đăng Dung "ngập ngừng không dám quyết",[2] không lập tức "trói người đợi tội" mà đầu hàng Trung Quốc.

Để ép buộc Mạc Đăng Dung phải nhanh chóng đầu hàng, Mao Bá Ôn bắt đầu điều chỉnh sách lược đối phó Mạc Đăng Dung. Ngày 28 tháng 6 năm Gia Tĩnh thứ 19, một mặt ông ta tấu xin trưng tập quan quân và thổ binh Lưỡng Quảng tổng cộng có 111.000 người, đồng thời xin trưng điều thổ binh và hải binh ở các nơi Hồ Quảng, Phúc Kiến... mục đích là tăng cường áp lực về mặt quân sự, ép Mạc Đăng Dung phải làm theo; mặt khác, tấu xin điều Trương Nhạc về Quảng Đông. Mục đích là mượn thanh vọng của Trương Nhạc, khuyên Mạc Đăng Dung sớm hàng

1. Ông Vạn Đạt, *Ông Đông Nhai tập* 翁東崖集, (Nxb Văn hiến thư mục Bắc Kinh, *Bắc Kinh đồ thư quán cổ tịch trân bản tùng san*, quyển thứ 106, 1987), quyển 15, tr. 660. Ông Vạn Đạt viết thư cho Mao Bá Ôn kỳ nhất, nói rằng: "Gián điệp báo rằng: Mạc Đăng Dung gần đây nắm năm sáu vạn tinh binh, đi lại giữ vùng núi và vùng biển. Lại nói rằng: Mạc Đăng Dung rất kinh sợ."
2. *Nam Ninh phủ chí*, quyển 11, sđd, tr. 545.

phục.[1] Nói cách khác, về vấn đề xử lý An Nam của ông và Thái Kinh, Ông Vạn Đạt, Trương Nhạc, đều có được một cách nhìn nhất trí. Lúc ấy, Ông Vạn Đạt đề ra ba sách lược lớn đối phó An Nam: 1. Vái nhường mà cáo thành công, thượng sách; 2. Sợ hãi mà không dám không theo, trung sách; 3. Từ dân Di tuyệt diệt, cuối cùng là hạ sách.[2] Mặc dù họ đều không tán thành việc dụng binh đối với An Nam, hạ sách rõ ràng là không thích nghi; thượng sách cũng vì Mạc Đăng Dung ôm lòng hồ nghi mà chưa thể thành công; trung sách là con đường duy nhất.

Để thành công trong việc chiêu dụ Mạc Đăng Dung đến đầu hàng, giảm bớt sự ưu tư nghi ngờ của hắn, Mao Bá Ôn thực sự đã làm rất nhiều công việc thoả hiệp. Đầu tiên, ông ta hạ lệnh cho Trấn Nam Quan ở Bằng Tường Quảng Tây toàn quyền xử lý tất cả các văn thư qua lại với họ Mạc, các phái viên Vân Nam và Quảng Tây đóng ở Bằng Tường, hai nơi không được tự ý hịch vấn.[3] Ông ta điều vị quan kiên trì công đánh An Nam là Lâm Hi Nguyên đến các nơi như Phúc Kiến để chiêu mộ binh, một mặt có thể giảm bớt sự nghi ngờ về mặt tâm lý của Mạc Đăng Dung; một mặt có thể tránh được việc Lâm Hi Nguyên cản trở công tác nạp khoản.[4] Ông Vạn Đạt kiến nghị với Mao Bá Ôn

1. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập cửu niên lục nguyệt Mậu Tý*, quyển 238, sđd, tr. 4849.
2. *Minh sử,* quyển 198, sđd, tr. 5245; *Ông Đông Nhai tập,* quyển 15, sđd, tr. 663. Theo: Trương Nhạc rất được Mạc Đăng Dung tín nhiệm. Mạc từng sai người bí mật gặp: "Liêm châu phủ yên không?" Nhạc đến, Đăng Dung nói rằng: "Trương Thái thú ở đấy, ta không sợ." (*Nam Ninh phủ chí,* quyển 11, sđd, tr. 545)
3. *Ông Đông Nhai tập,* quyển 15, sđd, tr. 651-652.
4. *Lâm Thứ Nhai tập An Nam thành công khất tra công bổ tội dĩ toàn thần tiết yết thiệp* 安南成功乞查功補最以全臣節揭帖, sđd, quyển 4, tr. 15-16, chép Lâm Hi Nguyên bị điều đến Phúc Kiến chiêu mộ binh, trong lòng rất không vui. Ông ta nói với Ông Vạn Đạt: "Để tôi nói Bán Châu (Thái Kinh) công, tôi xem ý các ngài, chỉ là muốn nạp khoản xin hàng, e là tôi ở lại đây làm nhiễu, cho nên mới lệnh cho tôi đi xa, để tiện mà hành sự. Nếu như nạp khoản xin hàng cũng phải đình lại, chắc chắn không được hời hợt cho xong chuyện, nắm thời cơ tốt này." Ông nói với Bán Châu, theo ý của Bán Châu mà hỏi rằng: "Nếu như Đăng Dung đầu hàng, thì sẽ xử lý như thế nào? Nay đã thoả thuận xong rồi sau đó tiến hành, ngày sau đừng nói là ta bán đứng tiên sinh." Nguyên nói rằng: "Nay Phương Doanh đã chết, Đăng Dung thế cô, người trong nước rời bỏ,

"việc nay đừng vì một mình Lê Ninh mà từ chối"[1], nếu không thì khó mà lấy được lòng tin của họ Mạc. Lúc ấy, hai người Ông Vạn Đạt và Trương Nhạc đang tích cực triển khai tiếp xúc bí mật với Mạc Đăng Dung. Đồng thời, tổng binh quan theo Mao Bá Ôn xuống phương Nam là Hàm Ninh hầu Cừu Loan, vào ngày 21 tháng 9 năm Gia Tĩnh thứ 19 bất hoà với trấn thủ An Viễn hầu Liễu Tuân, đột nhiên Loan bị Minh Thế Tông ra sắc lệnh về kinh. Chỗ khuyết của Loan được Liễu Tuân thay thế.[2] Thì ra là vào tháng 8, Mạc Đăng Dung lên kế hoạch đến Trấn Nam Quan đầu hàng, nhưng mà Cừu Loan lại ra lệnh cho bộ hạ là Vương Chính 王政, Hoàng Hạo 黃浩 lẻn vào An Nam từ Khâm châu, sách dụ phải hối lộ 2.000 lạng vàng, mới chuẩn cho đến hàng. Ông Vạn Đạt phát hiện được hành vi phạm pháp của Cừu Loan, Minh Thế

việc của Đăng Dung, quá nửa là không thành. Nếu như trước đây nạp khoản đầu hàng xin phong, việc này quyết không thể chuẩn cho được, nghĩ là việc đó cũng không dám trông mong. Nếu không phí của chúng ta lương đấu hay là mũi tên mà đến hàng, công trạng cũng khá khen. Trước đây ta tấu xin muốn cửu phân đất ấy, việc này buộc phải dụng binh rồi mới được, đã không dụng binh, mà nó tự đến hàng, cũng khó chấp hành theo kiến nghị trước. Quả nhiên đến hàng, làm thế nào để biết được chúng thực sự đầu hàng? Buộc phải sai con vào chất vấn, như Nam Việt An Tế thì được. Quả như vậy thì ban cho chức Tuyên uý ty cũng được." Ông nói rằng: "Tuyên uý ty, phẩm cấp nhỏ quá." Nguyên nói rằng: "Đời nhà Đường đặt An Nam làm Đô hộ phủ, đời Ngũ Đại có các Tổn quản phủ, được tiện nghi hành sự. Nay không ban làm Tổng quản, mà là Đô hộ cũng được. Đất của bốn động, quyết phải trả cho ta, nếu như không trả đất bốn động, cho dù bảo là nạp khoản xin hàng, việc ấy quyết cũng cũng không thể được." Ông nói: "Quyết làm như vậy." (「爲我語半洲（蔡經）公，我看諸公之意，只是欲納降，恐我在此打攪，故令我遠去，以便行事。若果納降，亦要停當，切莫將就了事，負此良時。」翁以告半洲，隨以半洲之意來問曰：「登庸如果投降，將何以處之？如今講定了然後行，它日勿謂我輩賣先生也。」元曰：「今方瀛已死，登庸勢孤，國人離畔，登庸之事，大半是不成矣。若又如前日納降請封，此決難准，想彼亦不敢望。若不費吾斗糧一矢而來降，功亦可嘉。吾前奏欲九分其地，此必用兵然後得，既不用兵，它自來降，亦難執前議。果然來降，何以見是真實投降？必遣子入質，如南越嬰齊乃可。果爾，與做宣慰司可也。」翁曰：「宣慰司，品級小。」元曰：「唐以安南爲都護府，五代時有諸總管府，得便宜行事。今不與爲總管，則與爲都護可也。四峒之地，決要還我，如不還四峒之地，雖云納降，其事決不可了。」翁曰：「決是如此行。」)

1. *Ông Đông Nhai tập*, quyển 15, sđd, tr. 661.
2. *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh thập cửu niên cửu nguyệt Kỷ Dậu*, quyển 241, sđd, tr. 4880.

Tông cũng mượn ý mà điều Cừu Loan đi, để phòng tránh việc làm trở ngại chính sách nạp khoản xin hàng của Mao Bá Ôn.(1)

Tháng 9 năm ấy, để tăng cường xúc tác đàm phán, Ông Vạn Đạt thúc Mao Bá Ôn dùng đại quân ép sát biên cảnh, ép Mạc Đăng Dung chấp nhận điều kiện đã kê ra của Trung Quốc.(2) Mao Bá Ôn cũng đích thân đến Nam Ninh đốc quân, đại quân chia làm ba đường ép sát biên cảnh. 1. Chính binh tiến vào từ Bằng Tường, Long Châu, Tư Ninh thuộc Quảng Tây, tổng cộng có 68.000 người; 2. Kỳ binh tiến vào từ Quy Thuận thuộc Quảng Tây, Khâm Châu và Ô Lôi (Hải Sáo) thuộc Quảng Đông, tổng cộng 42.000 người, rồi trung quân doanh vụ dẫn tổng cộng 5.127 người; 3. Binh Vân Nam tiến vào từ bãi Liên Hoa, tổng cộng 40.020 người, và sĩ binh của Vũ Văn Uyên tổng cộng 60.030 người. Tổng binh số của ba đường đại quân tổng cộng có 215.000 người. Kỳ thực, ba đường đại quân lúc bấy giờ vẫn không tề tập, Mao Bá Ôn chỉ tạo ra thế lực "tất chinh", để uy hiếp Mạc Đăng Dung.(3) Lúc này, An Nam cũng bước vào trạng thái cảnh giác và phòng bị, còn binh lực của Mạc Đăng Dung lúc ấy cũng khoảng 20 vạn, Dung lại tuyên bố là sẽ đánh vào Quảng Đông bằng đường biển.(4) Nhưng không phải Dung muốn đối

1. Phùng Thời Dị 馮史暘, *An Nam lai uy đồ sách* 安南來威圖冊 (Nxb Văn hiến thư mục Bắc Kinh, *Bắc Kinh đồ thư quán cổ tịch trân bản tùng san*, quyển thứ 10, 1987), quyển trung, tr. 452; xem thêm *Quốc triều hiến trưng lục, Tư Thiện đại phu Binh bộ thượng thư Đông Nhai Ông công Vạn Đạt hành trạng* 資膳大夫兵部尚書東崖翁公萬達行狀, quyển 39, tr. 1612.
2. *Ông Đông Nhai tập*, quyển 15, sđd, tr. 653.
3. *An Nam lai uy đồ sách*, quyển trung, sđd, tr. 443; *Thù vực Chu tư lục, An Nam,* quyển 6, sđd, tr. 14. Do số quân binh vẫn chưa hoàn toàn tề tập, Ông Vạn Đạt cảm thấy hết sức kinh sợ. Ông nói: "Nay chỉnh sóc ba vạn có dư, nói chung kiêm báo số có hiệu quả như vậy thôi. Gần đây di văn thôi đốc, tuy lấy dùng hết, kỳ thực, tương lai chỉ có thể được hơn 2 vạn. Mục binh ở Hữu giang, lại khó triệu tập, ý là rất khó." (今所整撫者三萬有奇，蓋兼報效之數耳。近日移文催督，雖盡取用，其實，將來止可得二萬餘。右江目兵，又難猝集，意甚難之。) (*Ông Đông Nhai tập,* quyển 15, sđd, tr. 653).
4. *Thù vực châu tư lục, An Nam,* quyển 6, sđd, tr. 14; *Ông Đông Nhai tập,* quyển 15, sđd, tr. 654.

kháng với sự can thiệp của Trung Quốc, ông ta biết đây là việc không thể nào làm được. Ông ta chỉ muốn khoe khoang thanh thế để tăng cường hiệp thương với Ông Vạn Đạt, mong tìm được một hoà nghị mà đôi bên đều có thể chấp nhận.

Ngày 13 tháng 10 năm ấy, về cơ bản thì Mạc Đăng Dung chấp nhận điều kiện Ông Vạn Đạt đề ra, tức là "không cầu phong, không cầu cống, trói thân xin tội, trả đất nạp ấn, bỏ tiếm hiệu, phụng theo chính sóc."(1) Đồng thời đồng ý đích thân đến biên giới Trung Quốc đầu hàng, nhưng mà về việc "mục cắt đất cho Lê Ninh, ý kiến rất kiên định, khó mà dụ được."(2) Tuy rằng Mao Bá Ôn đồng ý với Thái Kinh là thừa nhận sự thực rằng Mạc Đăng Dung thống trị phần lớn các khu vực của An Nam, nhưng mà ông ta hy vọng có thể nhanh chóng làm nghĩa vụ nước tông chủ cho họ Lê; chính là cắt phần đất từ Thanh Hoá xuống phía Nam cho Lê Ninh quản trị, khiến cho họ Lê như là Lâm Hi Nguyên nói "không mất ngôi vị", đó có thể nói là lưỡng toàn kỳ mỹ. Nhưng Mạc Đăng Dung không một chút gì nhân nhượng cho việc có liên quan đến Lê Ninh. Ông Vạn Đạt cho rằng bất tất phải làm lỡ việc có được hiệp nghị với Mạc Đăng Dung vì việc của Lê Ninh, kết quả là Mao Bá Ôn vứt bỏ Lê Ninh, chấp nhận sự an bài này.

Trung tuần tháng 10, Mạc Đăng Dung rời khỏi quốc đô để đi Trung Quốc. Nhưng Dung không đi thẳng bằng đường Trấn Nam Quan của Quảng Tây, mà đến đầu hàng ở phòng thành châu Khâm trước. Kỳ thực, mục đích của Mạc Đăng Dung là muốn tăng cường sự sắp đặt ở châu Vĩnh An, để đề phòng Lâm Hi Nguyên đột nhiên phát quân tập kích căn cứ địa của ông ta ở Đô Trai Hải Dương. Trên thực tế, Lâm Hi Nguyên từng có cách nghĩ này. Chuyện Mạc Đăng Dung đến châu Khâm trước, dẫn đến việc Mao Bá Ôn và Thái Kinh đang ở Trấn Nam Quan chuẩn bị nhận đầu hàng của họ Mạc cảm thấy bất mãn, cho rằng Lâm Hi Nguyên

1. *Ngự giao ký*, quyển 10, sđd, tr. 127.
2. *Ông Đông Nhai tập*, quyển 15, sđd, tr. 655.

có ý cản trở quấy nhiễu họ Mạc đầu hàng, kết quả, vì việc này mà Lâm Hi Nguyên bị đàn hặc bãi quan.[1]

Ngày mùng 3 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 19 (1540), Mạc Đăng Dung "trắng áo trói dây" dẫn cháu là Mạc Văn Minh 莫文明 cùng đầu mục, kỳ lão đích thân đến đầu hàng tại Trấn Nam Quan. Mao Bá Ôn tấu với Minh Thế Tông: "(Mạc Đăng Dung) nguyện bỏ tiếm hiệu, phụng theo chính sóc, trả đất bốn động ở châu Khâm." Và xin "nội thuộc xưng phiên, hằng năm lãnh lịch thư nhất thống của đại Minh báo Trung Quốc."[2] Có thể thấy rằng, Mao Bá Ôn đã chạy giúp cho Mạc Đăng Dung tội soán đoạt. Ông cho rằng, đời Vĩnh Lạc Lê Lợi phản loạn, còn có thể được khoan hồng, tội của Mạc Đăng Dung cũng nên giảm nhẹ. Còn về thân phận của Lê Ninh, ông nói: "Theo như các ty điều tra tung tích, thực là khó rõ."[3] Hết sức rõ ràng, Mao Bá Ôn muốn ra ám thị cho Minh Thế Tông, không cần phải truy cứu thêm vấn đề của Lê Ninh nữa. Vì ông ta hiểu rất rõ vấn đề của Lê Ninh, Mạc Đăng Dung có hơi không hề muốn nhân nhượng, nếu Minh Thế Tông hạ lệnh tra xét đến cùng, thì việc hiệp nghị bí mật qua bao lần gian khổ với họ Mạc vừa đạt được, bỗng chốc bị huỷ trong chốc lát.[4]

---

1. *Lâm Thứ Nhai tập, An Nam thành công khất tra công bổ tội dĩ toàn thần tiết yết thiệp*, quyển 4, sđd, tr. 10 & 13; *Lâm Thứ Nhai tập, Mạc Đăng Dung chí Khâm châu đầu hàng kỷ sự yết thiệp* 莫登庸至欽州投降紀事揭帖, (Microfilm giữ tại Sở nghiên cứu Tân Á Hong Kong, R1000), quyển 6, tr. 1-2. Theo: sắc lệnh bãi quan của Lâm Hi Nguyên được giáng xuống vào này 24 tháng Giêng năm Gia Tĩnh thứ 20 (Xem *Minh Thế Tông thực lục*, quyển 245, tr. 4928), ông ta cảm thấy hết sức đau buồn vì quyết định của Thế Tông. Ông ta cho rằng việc Mạc Đăng Dung "trói mình đến hàng" toàn là kết quả của ông ta "hò hét" ở châu Khâm, do đó "tuy không có công đầu, nhưng mà thực chất là công đầu, không thể che giấu được." Đồng thời cho rằng "việc xử phân An Nam ngày nay, nguyên thực chất là dự nghị, còn việc ấy kết thúc không hợp lý. Thì lòng ấy có thể tha thứ, công ấy có thể ghi chép, tội ấy có thể không luận đến." (xem *An Nam thành công khất tra công bổ tội dĩ toàn thần tiết yết thiệp*) có lẽ Thế Tông bãi truất Lâm Hi Nguyên là vì không muốn còn có người nào khơi dậy mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc.
2. *An Nam lai uy đồ sách*, quyển trung, sđd, tr. 439-440.
3. *An Nam lai uy đồ sách*, quyển trung, sđd, tr. 445.
4. Mạc Đăng Dung kiên trì hết mực về chuyện của Lê Ninh, vì việc này liên quan đến vấn đề ông ta có thể thống trị hiệu quả An Nam. Cho nên, chuyện có liên quan đến

Ngày mùng 4 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 20 (1541), Minh Thế Tông chính thức chấp nhận sự đầu hàng của Mạc Đăng Dung, đổi An Nam làm Đô thống sứ ty, lấy Mạc Đăng Dung làm đô thống sứ, cho phép con cháu họ Mạc đời đời thế tập. Kỳ thực, An Nam vẫn là một nước độc lập, không bị Trung Quốc quản lý. Còn về việc Lê Ninh, Thế Tông cũng không truy cứu gì thêm nữa.[1] Ngày mùng 9 tháng 8 cùng năm, Mạc Đăng Dung vẫn chưa được nhận chức Đô thống, thì mắc "cảm mạo lan chướng" mà qua đời. Đích tôn là Mạc Phúc Hải mãi cho đến ngày 15 tháng 12 năm Gia Tĩnh thứ 21 (1542) mới chính thức thừa tập chức Đô thống sứ.[2] Từ đây, Trung Quốc và họ Mạc duy trì mối quan hệ thân hữu, Trung Quốc cũng không can thiệp vào sự phân tranh của hai họ Lê và Mạc nữa. Cho đến đời Vạn Lịch 萬曆, An Nam Đô thống sứ Mạc Mậu Hợp 莫茂洽 bị dòng dõi họ Lê là Duy Đàm 維潭 đánh giết, họ Mạc cầu Trung Quốc xuất binh, và sau khi Lê Duy Đàm khống chế An Nam cũng xin Trung Quốc "khấu quan xin thông cống". Triều Minh chế định ra một chính sách

---

Lê Ninh trong hàng biểu của ông ta, hoàn toàn không thoả hiệp, nói rằng: "Cho đến việc Duy Liêu xưng Lê Ninh, người trong nước tương truyền đều cho rằng là con trai của Nguyễn Kim. Họ Lê quả đã không còn ai, thần đã đặt hương hoả cúng tế họ Lê ở quốc đô. Nay Vân Nam lại cho rằng Lê Ninh là hậu duệ của họ Lê, thấy ở Lão Qua, đã đạt được thánh đức, thần đâu dám biện bạch. Chỉ nguyện lấy bảy châu ở Quảng Lăng, các trại ở Hồng Y và đất phụ cận ở nơi nào nơi nào đó, cắt ban cho quản hạt thuộc Vân Nam. Chỉ ngưỡng mong lòng thương xót ân huệ của hoàng thượng, đặc sai sứ thần một hai viên đến bản quốc hỏi khắp trong dân cũ, nếu như còn con cháu họ Lê, thần sẽ dẫn chúng dân đến đón về, giao trả toàn bộ đất đai, đâu trực tiếp quản lý những nơi ở mục trước mà thôi. Nếu quả như người trong nước đã nói, cũng xin thương xót sinh linh, cho được thống trị." (至於惟憭所稱黎寧者，國人相傳皆以爲阮淦之子。黎氏委果無人，臣已於國都爲設香火以存黎氏之祀。今雲南又以黎寧爲黎氏之後，見在老撾，已達聖聽，臣何敢辯。惟願以廣陵等七州、紅衣等寨及某處某處附近之地，割與管轄徑屬雲南。惟仰蒙聖恩，特遣使臣一二員直抵本國遍訪舊民，如有黎氏子孫，臣當率眾迎歸，全以土地奉還，豈直割與前項地方而已。若果如國人所云，亦乞憫念生靈，俾有統攝。) (xem *An Nam lai uy đồ sách*, quyển trung, sdd, tr. 436).

1. Về chuyện của Lê Ninh, Thế Tông ra mệnh lệnh "thủ thần khám hỏi", nhưng mà các quan viên Vân Nam và Lưỡng Quảng từ sớm đã từ bỏ việc ủng hộ Lê Ninh, điều này tất nhiên sẽ không được kết quả gì. (Xem *Minh Thế Tông thực lục, Gia Tĩnh nhị thập niên tứ nguyệt Canh Thân,* quyển 248, sdd, tr. 4971).
2. *An Nam lai uy đồ sách*, quyển trung, sdd, tr. 461-463.

"không từ Lê, không chối Mạc", đưa dòng dõi họ Mạc lần lượt đặt tại các nơi Cao Bằng, Hải Đông, An Lạc; đồng thời năm Vạn Lịch 25 (1597), chính thức nhận Lê Duy Đàm làm An Nam Đô thống sứ.[1] Nhưng sự chiến tranh của hai họ Lê - Mạc vẫn kéo dài mãi cho tới cuối đời Minh đầu đời Thanh vẫn chưa chấm dứt được.

6. Lời kết

Vào đời Gia Tĩnh nhà Minh, sở dĩ sự kiện soán ngôi của Mạc Đăng Dung ở An Nam lại khiến cho Minh Thế Tông để tâm, hiển nhiên là ngài chịu ảnh hưởng bởi Lâm Hi Nguyên. Vì có chủ trương dụng binh An Nam này, cũng không hề thực sự muốn chấp hành nhiệm vụ của một nước tông chủ đối với việc hưng diệt kế tuyệt, mà là lợi dụng sự nội loạn của An Nam để mưu đồ khôi phục quyền thống trị An Nam. Không thể phủ nhận cái nỗi mắc mứu đối với An Nam này vẫn cứ sót lại trong tâm khảm của một số người, hễ gặp cơ hội là ngay lập tức có ngay hành động gì đó, trong cái mối mắc mứu này, rất khó để Trung Quốc xử lý vấn đề An Nam một cách có nguyên tắc. Lần xuất binh An Nam này là có ý đồ; từ việc trách An Nam không đến triều cống đến vấn đề hưng diệt kế tuyệt, cho đến việc lấy lại miếng đất này mà cuối cùng là thừa nhận chính quyền của kẻ soán ngôi, cho thấy rõ việc Trung Quốc thiếu hẳn một chính sách đối với An Nam hoàn chỉnh vào đời Minh Thế Tông, nếu như các quan viên địa phương không phát huy hữu hiệu tác dụng chế ngự xung đột, kết quả khó mà tưởng tượng nổi.

Khi ý đồ của nhà Minh không thể thực hiện được, bèn phải đối mặt với vấn đề xử lý mối quan hệ cùng Mạc Đăng Dung trên thực tế, để tìm cho được sự thoả hiệp với Mạc Đăng Dung, và không ngại vứt bỏ trách nhiệm tông chủ với Lê Ninh, điều này rõ ràng là không hợp đạo lý; để biểu hiện uy tín của thiên triều, cố chấp đổi danh hiệu An Nam quốc vương thành Đô thống sứ,

1. *Ngự giao ký*, quyển 11, sdd, tr. 141-146.

điều này cũng thể hiện mặt văn hoá suy đồi của nhà Minh. Đúng như khi Hoàng Nhân Vũ 黃仁宇 đề cập đến chính sách quan liêu của nhà Minh có nói: "Có khi tự biết là sự thật chí thiện chí mỹ không thể nào, thà là giảm bớt trên thực tế, trên mặt văn chương tuyệt nhiên không từ bỏ, thậm chí lấy nghi lễ thay thế hành chính."[1] Nhưng mà, nhìn tổng thể toàn bộ sự kiện, hệ thống quan liêu giữa đời Minh đã trở nên rất hiện thực, ý chí của quyền hạn hoàng đế không chắc có thể chấp hành triệt để, sự kiện Mạc Đăng Dung thúc đẩy nhà Minh phải chế định lại một chính sách mới đối với An Nam, chính sách "không từ họ Lê, không chối họ Mạc" sau đó có thể nói là kết quả của lần giáo huấn này.

1. Hoàng Nhân Vũ, *Phóng khoan lịch sử đích thị giới* 放寬歷史的視界 (Đài Loan Doãn Thẩn văn hoá sự nghiệp cổ phần hữu hạn công ty, Doãn Thẩn tùng san 19, bản thứ 13, 1991, *Trung Quốc lịch sử dữ Tây Dương văn hoá đích hội hợp* 中國歷史與西洋文化的匯合, tr. 182.

Mạc Đăng Dung đến đầu hàng
(Trích trong An Nam lai uy đồ sách*)*

Chương VII

KẾT LUẬN

Tổng kết mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc vào đời nhà Minh, điều đáng cho chúng ta chú ý đó là, sau khi An Nam thoát ly Trung Quốc và độc lập từ đời Ngũ Đại, không ngừng bị áp lực của Trung Quốc. Vào đời nhà Tống và nhà Nguyên từng nhiều lần phát động chiến tranh, mục đích cũng chỉ là muốn khôi phục quyền thống trị đối với An Nam của thời kỳ Hán và Đường. Mặc dù là đầu đời nhà Minh, Thái Tổ đã liệt An Nam vào trong danh sách "bất chinh chư Di", đồng thời đưa chính sách này vào trong tổ huấn thuộc đại pháp của quốc gia, nhưng mà Minh Thành Tổ đương chính không lâu bèn xuất binh chiếm lĩnh An Nam. Đương nhiên, chúng ta cũng không nên bỏ qua việc cha con Lê Quý Ly khiêu khích gây hấn vương triều nhà Minh, kết quả như thế này phản ánh ra hai việc, một là về căn bản An Nam không chấp nhận chịu sự can thiệp vào nội chính với thân phận là nước tông chủ; hai là vương triều Trung Quốc có một mối mắc mứu không thể phủi sạch đối với An Nam, cũng chính là nói rằng, người An Nam phản kháng sự thống trị của nhà Minh là điều tất nhiên. Sự bạo loạn vào đời Vĩnh Lạc khiến cho nhân dân Việt Nam và Trung Quốc trải qua những năm tháng đau khổ, Minh Tuyên Tông đối mặt với cục diện chính trị An Nam dấy động bất an, chẳng màng đến sự phản đối của các đại thần triều đình đưa ra một quyết định lui ra khỏi An Nam, điều này hiển nhiên là một quyết định đau khổ. Những ân oán giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc trải qua hơn 400 năm cuối cùng có một cách hiểu mới, vương triều Trung Quốc mới quyết tâm từ bỏ ý định với mảnh đất này, dũng khí của Minh Tuyên Tông đáng để cho chúng ta tôn kính, đương nhiên chúng ta không nên phủ nhận tinh thần độc lập kiên cường của dân tộc An Nam buộc vương triều Trung Quốc phải suy nghĩ lại về sự định vị của đôi bên.

Trong đời Gia Tĩnh nhà Minh, vì sự kiện Mạc Đăng Dung dẫn đến sự khẩn trương giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc, chính là thử nghiệm xem Trung Quốc đời Minh xử lý vấn đề nội chính của thuộc quốc như thế nào. Từ trong sự kiện này, có thể thấy mối mắc mứu của Trung Quốc đối với An Nam đã nhạt dần, như một người theo chủ nghĩa kích tiến là Lâm Hi Nguyên cũng không được một sự ủng hộ hữu hiệu nào. Tuy nhà tư tưởng lớn từng đi sứ An Nam là Trạm Nhược Thuỷ có nói: "Trời sinh ra thánh nhân, là để thay trời cai trị vạn quốc... nay hai nước đã thông nhau triều cống phong chiếu đủ lễ, đã nghe An Nam có phản loạn, lại nghe nước ấy có sự soán đoạt mà lại không sửa chính họ, có thể chăng?" Nhưng ông ta đã hiểu đến thực tế khó xử, tiếp theo ông chỉ ra là: "Cách nói nay không nhất định phải thảo phạt chúng, nhưng mà chúng ta đã thảo phạt chúng, sửa trị chúng, khiến cho chúng không tự yên được, không thể một ngày tự lập ở Hoa Di, cũng khiến cho nước ấy, ai ai cũng có thể giết chúng vậy." Tuy nhiên, đây chỉ là sự ủng hộ trên mặt đạo nghĩa mà thôi, không có tác dụng gì cả. Ông cho rằng kế lâu dài chính là áp dụng chính sách "lập nhiều quân trưởng, để chia rẽ sức ấy".[1] Nhưng đây cũng không hợp với thực tế. Bài *Trị quyền luận* của Trạm Nhược Thuỷ bị Binh bộ phê bình là quá hủ bại.[2] Trên thực tế, từ trong việc đàm phán bí mật giữa Việt Nam và Trung Quốc sau đó, Mạc Đăng Dung kiên quyết cự tuyệt việc cắt đất cho Lê Ninh, tức có thể chứng minh là Trung Quốc không thể can thiệp vào nội chính của thuộc quốc, trừ phi phải dùng đến vũ lực.

Người rất hiểu biết về khu vực dân tộc Tây Nam là Điền Nhữ Thành cho rằng: "Thánh nhân trị di địch, có thể dụ chúng bằng nghĩa mà không thể tề chúng bằng lễ, làm thế nào chứ? Sinh vật trong trời cũng không phải chỉ một mình tộc ấy, cho nên thánh nhân mới lập ra giáo hoá, không thi hành một mình chúng... như nay nếu có kẻ không theo chủ chúng, trách nhượng chúng vậy,

1. Trạm Nhược Thuỷ, *Trị quyền luận*, trong *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 11-14.
2. Đàm Thiên, *Quốc chuy*, sđd, quyển 57, tr. 3586.

không cần dùng binh với chúng để sao nhiễu nơi xa. Hiểu điều thuận nghịch, sợ điều hoạ phúc, thương chúng vô tri mà đợi cho chúng tự yên định, như vậy mà có người không theo, bỏ tuyệt chúng mà thôi."[1] Ông ta hiểu rất rõ và chỉ ra "An Nam sổ sách, không nộp Thiên phủ, thuế phú không vào tư đồ, thiên triều hành chính dùng người ấy chưa từng chuyên chế vào trong đó, hoạ phúc hưng phế của nó tự làm nên và tự nhận lãnh, cũng không phải việc mà thiên triều có thể truy cứu và ban bố. Huống hồ phía Nam vùng biển, những nước gánh nhận tước vị ưng phù đạt danh nạp cống như An Nam có thể liệt kê ra, và trở thành người soán ngôi nhường vị nối theo chúng, thiên triều đều đã nhất trí cật vấn, sao sợ một mình An Nam chứ?"[2] Kiến giải của ông ta là vụ thực nhất, cũng rõ ràng là quan hệ thực chất giữa Trung Quốc và An Nam. Kiến giải vụ thực này của ông ta, khiến cho Lâm Hi Nguyên kích tiến và Trạm Nhược Thuỷ bảo thủ mất đi sự ủng hộ.

Mạc Đăng Dung quyết định đích thân đến Trung Quốc "đầu hàng", là muốn tránh cho Trung Quốc tìm cớ phát động chiến tranh, điều này đủ để chứng minh đế quốc đại Minh lúc bấy giờ có một sức ảnh hưởng nhất định, đương nhiên Mạc Đăng Dung đã đến Trung Quốc để đảm bảo rằng quyền thống trị trong nước của ông ta không bị giảm bớt đi. Nói một cách khác, Trung Quốc đổi phong hiệu "An Nam quốc vương" thành "Đô thống sứ" cũng không mang một ý nghĩa gì, ngược lại, việc Mạc Đăng Dung đích thân đến cho thấy cái trí tuệ to lớn của ông ta, từ đó mà nhận được sự thừa nhận của nhà Minh, miễn trừ lo lắng về sau, có thể toàn sức đối phó với kẻ phản kháng. Sự kiện này cũng có thể phản ánh trong mối quan hệ quốc tế, nước nhỏ phải có sự kiên trì và đồng thời càng phải có tài thoả hiệp mới có đường sinh tồn. Trung Quốc đời nhà Minh sau chiến dịch này, càng hiểu rõ được là mảnh đất An Nam này đã thực sự thoát ly Trung Quốc, bất cứ sự can thiệp nào cũng đều sẽ dẫn đến chiến tranh. Sự kiện lần này

1. Điền Nhữ Thành, *An Nam luận,* trong *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 25.
2. Điền Nhữ Thành, *An Nam phát nạn,* trong *Việt kiệu thư*, quyển 14, sđd, tr. 29.

có ích cho vương triều Trung Quốc kiểm tra lại chính sách đối với An Nam. Trong đời Vạn Lịch, cuộc chiến giữa họ Lê và họ Mạc trong nước An Nam, nhà Minh áp dụng chính sách "không từ họ Lê, không chối họ Mạc", cho thấy rõ ràng nhà Minh không đồng ý can thiệp vào nội chính của An Nam nữa. Nói một cách khác, niềm mắc mứu của Trung Quốc đối với An Nam từ đời Ngũ Đại trở đi, đến đây cũng tan tành theo mây khói, mối quan hệ của hai nước cũng được xác định, thế là nhân dân của hai nước cũng đã trả một cái giá đánh đổi hết sức trầm trọng.

PHỤ LỤC

- **PHỤ LỤC BẢNG BIỂU:**

1. Bảng nhật chí tiến quân của nhà Minh trong việc thảo phạt cha con Lê (Hồ) Quý Ly
2. Bảng nổi dậy ở An Nam trong thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)
3. Bảng tổng kết cống phú năm của quận Giao Chỉ năm Minh Vĩnh Lạc thứ 15 (1417)

- **PHỤ LỤC BẢN ĐỒ:**

1. Bản đồ tuyến đường tiến quân An Nam năm Minh Vĩnh Lạc thứ 4 (1406)
2. Bản đồ vị trí chiến tranh kháng Minh của Trần Giản Định và Trần Quý Khoáng
3. Bản đồ cho thấy khu vực nổi loạn ở An Nam thời Minh Vĩnh Lạc (1407-1424)
4. Bản đồ tuyến đường kháng Minh của nghĩa quân Lê Lợi (năm Minh Vĩnh Lạc thứ 16 (1418) - năm Tuyên Đức thứ 2 (1427))

Phụ lục 2:
Chiếu lệnh của Minh Thành Tổ đổi An Nam thành quận Giao Chỉ

(Trích từ bản dịch của Hồ Bạch Thảo, Minh thực lục - Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV-XVII, tập 1, Nxb Hà Nội, Omega Việt Nam phát hành, 2019, tr.206-223)

Ngày 29 tháng 5 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [4/7/1407]

Ngày Nhâm Tý, bọn quan Tổng binh Chinh thảo An Nam Tân Thành hầu Trương Phụ báo tin chiến thắng, đã bình định xong An Nam. Quần thần vào triều chúc mừng rằng cha con giặc họ Lê nghịch mệnh trái lòng trời, nay tất cả đều bị bắt; do đức của nhà vua hợp với lòng trời, được thần nhân trợ thuận.

Thiên tử phán rằng đó là do trời đất tổ tiên linh ứng, tướng sĩ liều mình mới được như vậy, Trẫm chẳng có công đức gì!

Quần thần lại xin lập tam ty cùng quận huyện. Thiên tử ra lệnh xuống chiếu thi hành.

(*Minh thực lục*, v.11, tr.942; Thái Tông, q.67.tr.4b)

Ngày 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [5/7/1407]

Nhân An Nam được bình định, nay ban chiếu thiên hạ biết:

Trẫm phụng lãnh cơ đồ hoàng triều, cung kính tuân theo hiến chế; hoằng dương giáo hoá để bốn biển an vui, vĩnh viễn thái hoà, vạn vật đều được hàm dưỡng; nên sớm tối lo công việc, không dám lười nhàn.

Ngưỡng trông Hoàng khảo Thái Tổ Cao Hoàng đế thống nhất thiên hạ, mềm dẻo vỗ về các nước xa xôi, Trần Nhật Khuê nước An Nam, hâm mộ nghĩa khí phong hoá, đầu tiên [cho người] đến

triều cống, nên được phong làm Quốc vương An Nam, đời đời giữ đất. Rồi tặc thần Lê Quý Ly cùng con là Thương, soán thí quốc chúa, giết hết cả nhà [chúa], làm khổ hại sinh linh, tiếng oan dậy đất; nguỵ cải họ tên là Hồ Nhất Nguyên, con đổi tên là Hồ Đê. Chúng che đậy sự thực, xưng là cháu ngoại họ Trần; nói xằng rằng nhà Trần nay đã tuyệt tự, cầu xin được phong tước. Trẫm nghĩ rằng dân trong nước phải được coi sóc, nên đành nghe theo, rồi mưu gian chúng lộ ra rõ ràng, lăng loàn không kiêng kỵ. Tự cho ưu việt như Tam hoàng, đức cao bằng Ngũ đế; chê Văn Vũ không cần theo, Chu Khổng không đủ học; tiếm xưng hiệu là Đại Ngu, đặt niên hiệu Thánh Nguyên, xưng Lưỡng cung Hoàng đế. Chúng mạo lập triều đình, thiết lễ nghi; chiêu nạp dân bôn đào; làm ra vẻ chịu quy thuận, phụng thừa lịch Chính sóc, nhưng dã tâm muốn giành giật đất Nam Chiếu, dòm ngó tỉnh Quảng Tây, chiếm mấy châu phủ Tư Minh, xâm lấn 7 trại thuộc châu Ninh Viễn, cướp bóc con trai con gái, đánh đập dân chúng. Khinh Chiêm Thành yếu đuối bèn chiếm đoạt đất đai, ép nhận chương phục, bắt làm bầy tôi để đòi hỏi tiến cống.

Triều đình mấy lần sai sứ đến hiểu dụ, vẫn dựa vào điều ác không chừa. Nhân cháu Quốc vương An Nam xưa trốn sang tố cáo, bèn làm bộ dốc lòng thành xin đón về để tôn lên làm vua, rồi phục binh giết trên đường, lại chống cự làm nhục sứ giả của triều đình. Trẫm sai người ban lễ vật cho Chiêm Thành, bèn cho người cướp lấy. Hung tàn xuẩn động, ác chất như núi; bốn biển không chỗ nào dung được, thần và người đều phẫn nộ.

Thực bất đắc dĩ phải phát binh phạt tội, bèn dấy quân điếu phạt để làm sống lại nước bị tiêu diệt, nối dòng bị đứt; ra lệnh bọn Chinh Di Tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ mang quân 80 vạn chinh thảo. Thần tốc vượt sông Phú Lương, thâm nhập vào đất địch, quân uy như cọp dữ, sấm sét rền vang, dẹp hung đồ như bẻ cành khô củi mục. Bảy trăm vạn bọn chúng phút chốc quét sạch, đất nước hai ngàn dặm lần lượt tiễu trừ, bắt nghịch tặc

Lê Quý Ly, con là Lê Thương, Lê Trừng, cùng gia thuộc và quan liêu tướng nguỵ như bọn Lê Quý Mạo, Hồ Đỗ; cùng chiêu phủ kẻ hàng, an dân lương thiện.

Lại tìm tòi con cháu họ Trần khắp nơi để lập lên trông coi nước. Nhưng các quan lại kỳ lão nhân dân đều xưng rằng tất cả đều bị giặc họ Lê giết hết không còn ai kế thừa; lại xưng rằng An Nam vốn là đất cũ Giao Châu đã được đặt làm quận huyện của Trung Quốc, một thời bị luân lạc vào tập tục Man Di; nay gặp dịp đáng được quét sạch ô uế, lập lại quận huyện để dân được canh tân. Trẫm xét lòng dân, chấp nhận lời thỉnh cầu cho đặt ty Đô sứ Giao Chỉ, các ty Bố chính sứ Thừa tuyên Giao Chỉ, ty Án sát sứ Đề hình Giao Chỉ, cùng các nha lại quân dân. Đặt quan chức cai trị để mở mang, làm sạch yêu khí, biến đổi phong tục nước man dã, điều đáng làm được liệt kê như sau:

Vương họ Trần đất An Nam bị giặc họ Lê giết uổng mệnh, nên được truy tặng để được an ủi chốn u minh. Các con cháu họ hàng bị hại, được quan sở tại lập danh sách trình lên; nơi thờ tự dòng họ bị phá hủy, quan sở tại cho lập nhà thờ; phần mộ hoang phế được tu bổ, mỗi nhà thờ phần mộ được cấp 30 hộ để lo việc tế cúng.

Quân dân bị giặc họ Lê thúc bách đến nỗi tử vong, thi thể bộc lộ nơi công chúng cũng đáng thương, hãy cho chôn cất ngay. Quan lại tại quận huyện An Nam đều là người cũ của họ Trần, bị giặc họ Lê uy hiếp phải hợp tác vốn là điều bất đắc dĩ; khi chiếu thư đến nơi nếu còn làm việc, vẫn được lưu giữ; nhưng chúng đã nhiễm tục Man Di, phải có quan Chỉ huy để dạy lễ pháp Trung Quốc. Giặc họ Lê mấy năm nay thi hành chính sách hà khắc bạo ngược với nhân dân, nay hoàn toàn bãi bỏ; tuyên bố triều đình chính lệnh để an lòng dân chúng. Những dân An Nam còn đóng tại các doanh trại nơi quan ải, cùng bôn đào nơi hải đảo; chiếu thư đến nơi phải giải tán. Giặc họ Lê làm khốn đã lâu, quan sở tại nên khéo chiêu phủ, để dân được an cư lạc nghiệp, khỏi lâm vào cảnh

không nơi nương dựa. Các quan lại quân dân bị giặc họ Lê hãm vào tội, hoặc cả nhà bị lưu đày, hoặc một người bị hại; chiếu thư đến nơi được phóng thích về nguyên quán để trở lại nghề cũ. Các quan sở tại phải bắt tay vào việc, không được đình trệ, những kẻ bị tù ngục được phóng thích. Trong nước An Nam, đối với kẻ cao tuổi đức lớn, quan chức phải theo lễ ưu đãi; đối với những người quan, quả, cô, độc không nơi nương dựa, thì lập viện cứu tế chẩn cấp. Những kẻ sĩ tài đức có thể dùng được, quan sở tại hãy dùng lễ khiến họ đến kinh đô, lượng tài mà sử dụng. An Nam tiếp giáp với Chiêm Thành, cùng các dân Di Địch; hãy chiếu theo cương giới, không được xâm vượt các quân dân không được phép tư thống với nước ngoài; vi phạm việc trao đổi buôn bán hàng hoá tại biên giới, cửa biển, đều chiếu theo luật trị tội.

Ô hô! Dương uy vũ không phải lòng ta mong muốn, diệt kẻ đứng đầu tội ác là do quần chúng đồng tình; thi hành rộng rãi cư xử cùng một lòng nhân, để vĩnh viễn vui cảnh thái bình.

Bố cáo các nơi, trong ngoài đều hay biết.

(*Minh thực lục,* v.11, tr.943-946; Thái Tông, q.68, tr.1a-2b)

Ngày 1 tháng 6 năm Vĩnh Lạc thứ 5 [5/7/1407]

Sắc dụ quan Tổng binh Chinh Di Tướng quân Tân Thành hầu Trương Phụ, Tả Phó tướng quân Tây Bình hầu Mộc Thạnh, Tả Tham tướng Phong Thành hầu Lý Bân, Hữu Tham tướng Vân Dương bá Trần Húc, cùng các tướng cấp dưới rằng các tiểu tướng hiệu:

"Giặc họ Lê giết vua cướp nước, tiếp hiệu xưng kỷ nguyên, tàn bạo bất nhân, làm đau khổ cả một nước; lại xâm phạm lân bang, kháng cự triều mệnh, không làm tròn chức cống. Trẫm bất đắc dĩ sai các ngươi mang quân phạt tội. Nhờ trời đất tổ tông phù hộ, tướng sĩ hết sức liều mình, uy lực tới mọi nơi đều được tiễu trừ; bắt sống cha con nghịch tặc Lê Quý Ly cùng bọn nguỵ quan;

chiêu tập dân lương thiện dung nạp kẻ hàng; không mảy may xâm phạm của dân, chợ búa vẫn bình yên hội họp. Tin chiến thắng đưa về, hết sức mừng vui khen thưởng. Trước đây dưới thời Tống, Nguyên; An Nam nghịch mệnh, mang quân đi đánh đều không lập được thành tích. Việc làm hôm nay thực hơn hẳn người xưa, danh thơm vĩ đại truyền mãi trăm đời. Nay đặc sai sứ mang sắc văn uỷ lạo, nhân trời viêm nhiệt hãy chọn nơi cao ráo thoáng mát đóng quân để dưỡng người và ngựa, đợi lúc thời tiết trong mát sẽ cho ban sư trở về nước".

Lại ban sắc dụ bọn Phụ:

"Ngươi trước đây đã gửi trình biểu văn của bọn kỳ lão Mạc Thuý. Biểu văn xưng rằng con cháu nhà Trần bị giặc họ Lê sát hại, không còn người kế thừa; xin theo chế độ xưa, lập quận huyện để cai trị. Bèn ra lệnh các ngươi lưu ý tìm thêm, lại nhận được lời tâu họ Trần quả đã tuyệt tự, quận huyện không thể không lập, vậy xin thiết lập tam ty để cai trị quân dân.

Nay chấp nhận theo lời xin cho lập ty Đô Chỉ huy sứ Giao Chỉ, sai Đô đốc Thiêm sự Lữ Nghị cai quản, Hoàng Trung giữ chức Phó, tuyển thêm hai Đô Chỉ huy có năng lực cùng lãnh chức phó. Cử Thượng thư Hoàng Phúc kiêm nhiệm chức ty Bố chính và ty Án sát. Nguyên Thị Lang bộ Công Trương Hiển Tông, Tả Tham chính ty Bố chính Phúc Kiến Vương Bình lãnh chức Tả, Hữu Bố chính sứ. Nguyên Tả Tham chính ty Bố chính Hà Nam Lưu Bản, Hữu Tham chính Lưu Dục giữ chức Tả, Hữu Tham chính. Nguyên Án sát sứ Giang Tây Chu Quan Chính, người An Nam quy phụ tên Bùi Bá Kỳ giữ chức Tả, Hữu Tham chính. Nguyên Án sát sứ Hà Nam Nguyễn Hữu Chương, Án sát Phó sứ Dương Tực giữ chức Án sát Phó sứ. Nguyên Tri phủ Thái Bình Lưu Hữu Niên giữ chức Án sát Thiêm sự. Lại riêng tuyển các quan cho điều đi, lãnh nguyên chức vụ tại các phủ, châu, huyện; nếu danh sách không đủ số sẽ ra lệnh bộ Lại thuyên chuyển đến. Nay gửi ấn tín ban cấp cho các ngươi.

Đổi tên các địa danh sau đây của Giao Chỉ:

- Đổi phủ Long Hưng thành phủ Trấn Man.
- Đổi phủ Kiến Hưng thành phủ Kiến Bình.
- Đổi phủ Thiên Trường thành phủ Phụng Hoá.
- Đổi phủ Tân Hưng thành phủ Tân An.
- Đổi châu Quốc Oai thành châu Oai Man.
- Đổi châu Tuyên Quang thành châu Tuyên Hoá.
- Đổi châu Thượng Phúc thành châu Phúc Yên [An].
- Đổi châu An Bang thành châu Tĩnh An.
- Đổi châu Nhật Nam thành châu Nam Tĩnh.
- Đổi châu Bố Chính thành châu Chính Bình.
- Đổi châu Minh Linh thành châu Nam Linh.
- Đổi huyện Long Nhãn thành huyện Thanh Viễn.
- Đổi huyện Yên Thế thành huyện Thanh An.
- Đổi huyện Ứng Thiên thành huyện Ứng Bình
- Đổi huyện Sơn Minh thành huyện Sơn Định.
- Đổi huyện Thượng Phúc thành huyện Bảo Phúc.
- Đổi huyện Long Đàm thành huyện Thanh Đàm.
- Đổi huyện Đan Dương thành huyện Đan Sơn.
- Đổi huyện Long Bạt thành huyện Lũng Bạt.
- Đổi huyện Thiên Thi thành huyện Thi Hoá.
- Đổi huyện Cổ Chiến thành huyện Cổ Bình.
- Đổi huyện Thống Binh thành huyện Thống Ninh.
- Đổi huyện Phật Thệ thành huyện Thiện Thệ.
- Đổi huyện Thiên Bản thành huyện An Bản.

- Đổi huyện Độc Lập thành huyện Bình Lập.
- Đổi huyện Lê Gia thành huyện Lê Bình.
- Đổi huyện Ngự Thiên thành huyện Tân Hoá.
- Đổi huyện Phí Gia thành huyện Cổ Phí.
- Đổi huyện An Bang thành huyện Đồng An.
- Đổi huyện An Hưng thành huyện An Hoà.
- Đổi huyện Trà Long thành huyện Trà Thanh.
- Đổi huyện Đỗ Gia thành huyện Cổ Đỗ.
- Đổi huyện Thượng Lộ thành huyện Lộ Bình.
- Đổi huyện Thượng Phúc thành huyện Phúc Khang.
- Đổi huyện Bố Chính thành huyện Chính Hoà.
- Đổi huyện Đặng Gia thành huyện Cổ Đặng.
- Đổi huyện Tả Bố thành huyện Tả Bình.
- Đổi huyện Thế Vinh thành huyện Sĩ Vinh.

Những địa danh còn lại được giữ y như cũ.

Đặt các phủ, châu, huyện thuộc Giao Chỉ.

Tất cả gồm 15 phủ: Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Tam Giang, Kiến Bình, Tân An, Kiến Bình, Tân An, Kiến Xương, Phụng Hoá, Thanh Hoa, Trấn Man, Lạng Sơn, Tân Bình, Diễn Châu, Nghệ An, Thuận Hoá.

1. **Phủ Giao Châu** gồm năm châu: Oai Man, Phúc An, Tam Đái, Từ Liêm, Lợi Nhân. Bản phủ trực tiếp lĩnh hai huyện: Đông Quan, và Từ Quảng. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:

   Châu Oai Man lĩnh bốn huyện: Sơn Định, Thanh Oai, Ứng Bình, Đại Đường.

Châu Phúc An lĩnh ba huyện: Phù Long, Yên Lãng, Phù Ninh, Yên Lạc, Lập Thạch, Nguyên Long.

Châu Từ Liêm lĩnh hai huyện: Đan Sơn, Thạch Thất.

Châu Lợi Nhân lĩnh sáu huyện: Thanh Liêm, Bình Lục, Cổ Bảng, Cổ Lễ, Lợi Nhân, Cổ Giả.

2. **Phủ Bắc Giang** gồm ba châu: Gia Lâm, Vũ Ninh, Bắc Giang. Bản phủ trực tiếp lĩnh hai huyện: Siêu Loại, và Gia Lâm. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:

   Châu Gia Lâm lĩnh ba huyện: An Định, Tế Giang, Thiện Tài.

   Châu Vũ Ninh lĩnh năm huyện: Tiên Du, Vũ Ninh, Đông Ngàn, Từ Sơn, Yên Phong.

3. **Châu Bắc Giang** lĩnh Tân Phúc, Thiện Thệ, Yên Việt.

   Phủ Lạng Giang gồm ba châu: Lạng Giang, Nam Sách, Thượng Hồng. Bản phủ trực tiếp lĩnh năm huyện: Thanh Viễn, Cổ Dõng, Phượng Sơn, Na Ngạn, Lục Na. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:

   Châu Lạng Giang lĩnh bốn huyện: Thanh An, Yên Ninh, Cổ Lũng, Bảo Lộc.

   Châu Nam Sách lĩnh ba huyện: Thanh Lâm, Chí Linh, Bình Hà.

   Châu Thượng Hồng lĩnh ba huyện: Đường Hào, Đường An, Đa Cẩm.

4. **Phủ Tam Giang** gồm ba châu: Thao Giang, Tuyên Giang, Thi Giang [Đà Giang].

   Châu Thao Giang lĩnh bốn huyện: Sơn Vi, Ma Khê, Thanh Ba, Hạ Hoa.

Châu Tuyên Giang lĩnh ba huyện: Đông Lan, Tây Lan, Hồ Nham.

Châu Đà Giang lĩnh hai huyện: Lũng Bản, Cổ Nông.

5. **Phủ Kiến Bình** gồm một châu: Trường Yên. Bản phủ trực tiếp lĩnh năm huyện: Ý Yên, Yên Bản, Bình Lập, Đại Loan, Vong Doanh.

   Châu Trường Yên lĩnh bốn huyện: Uy Viễn, Yên Mô, Yên Ninh, Lê Bình.

6. **Phủ Tân An** gồm ba châu: Đông Triều, Tĩnh An, Hạ Hồng. Bản phủ trực tiếp lĩnh năm huyện: Giáp Sơn, Thái Bình, Đa Dực, A Khôi, Tây Quan. Các châu dưới quyền gồm các huyện liệt kê như sau:

   Châu Đông Triều [lĩnh] bốn huyện: [Đông Triều], An Lão, Cố Phí, Thuỷ Đường.

   Châu Tĩnh An lĩnh tám huyện: Đông An, Chi Phong, An Lập, An Hoà, An Đại, Độc, Vạn Ninh, Vân Đồn.

   Châu Hạ Hồng lĩnh bốn huyện: Trường Tân, Tứ Kỳ, Đồng Lợi, Thanh Miện.

7. **Phủ Kiến Xương** gồm châu Khoái. Bản phủ trực tiếp lĩnh bốn huyện: Bổng Điền, Kiến Xương, Bố, Chân Lợi.

   Châu Khoái lĩnh năm huyện: Tiên Lữ, Thi Hoá, Đông Kết, Phù Dung, Vĩnh Hạc.

8. **Phủ Phụng Hoá** gồm bốn huyện: Mỹ Lộc, Giao Thuỷ, Tây Chân, Thuận Vi.

9. **Phủ Thanh Hoá** gồm ba châu: Thanh Hoá, Ái, Cửu Chân. Bản phủ lĩnh bảy huyện: Cổ Đằng, Cổ Hoàng, Đông Sơn, Cổ Lôi, Vĩnh Ninh, An Định, Lương Giang.

   Châu Thanh Hoá lĩnh bốn huyện: Nga Lạc, Tế Giang, An Lạc, Lỗi Giang.

Châu Ái lĩnh bốn huyện: Hà Trung, Thống Ninh, Tống Giang, Chi Nga.

Châu Cửu Chân lĩnh bốn huyện: Cổ Bình, Kết Duyên, Duyên Giác, Nông Cống.

10. **Phủ Trấn Man** gồm bốn huyện: Tân Hoá, Đình Hà, Cổ Lan, Thần Khê.

11. **Phủ Lạng Sơn** gồm bảy châu: Thất Nguyên, Thượng Văn, Hạ Văn, Van Nhai, Quảng Nguyên, Thượng Tư, Hạ Tư Lang. Bản phủ trực tiếp lĩnh bảy huyện: Tân An, Như Ngao, Đan Ba, Khâu Ôn, Trấn Di, Uyên, Đổng.

    Châu Thất Nguyên gồm sáu huyện: Thuỷ Lãng, Cầm, Thoát, Dung, Pha, Bình.

    Thượng Văn lĩnh ba huyện: Bôi Lan, Khánh Viễn, Khố.

12. **Phủ Tân Bình** gồm hai châu: Chính Bình, Nam Linh. Bản phủ trực tiếp lĩnh ba huyện: Phúc Khang, Nha Nghi, Tri Kiến.

    Châu Chính Bình lĩnh ba huyện: Chính Hoà, Cổ Đặng, Tòng Chất.

    Châu Nam Linh lĩnh ba huyện: Đan Duê, Tả Bình, Dạ Độ.

13. **Phủ Diễn Châu** gồm một châu: Diễn Châu. Bản phủ trực tiếp lĩnh bốn huyện: Thiên Đông, Phù Dung, Phù Lưu, Quỳnh Lâm.

14. **Phủ Nghệ An** gồm hai châu: Nam Tĩnh, Hoan. Bản phủ lĩnh tám huyện: Nha Nghị, Phi Lộc, Cổ Đỗ, Chi La, Chân Phúc, Thô Du, Kệ Giang, Thổ Hoàng.

    Châu Nâm Tĩnh lĩnh bốn huyện: Hà Hàng, Nham Thạch, Hà Hoa, Kỳ La.

Châu Hoan lĩnh bốn huyện: Thạch Đường, Đông Ngạn, Lộ Bình, Sa Nam.

15. **Phủ Thuận Hoá** gồm hai châu: Thuận, Hoá.

Châu Thuận lĩnh ba huyện: Ba Lãng, Lợi Điều, An Nhân.

Châu Hoá lĩnh bảy huyện: Lợi Bồng, Sĩ Vinh, Sạ Lệnh, Trà Kệ, Tư Dung, Bồ Đài Bồ Lãng.

[Đổi năm trấn thành năm châu]

Riêng năm trấn cũ như Thái Nguyên v.v... được đổi thành năm châu: Thái Nguyên, Tuyên Hoá, Gia Hưng, Quy Hoá, Quảng Oai; tất cả trực thuộc vào ty Bố chính.

Châu Thái Nguyên lĩnh 11 huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỷ, Vĩnh Thông, Tuyên Hoá, Lộng Thạch, Đại Từ, Yên Định, Cảm Hoá, Thái Nguyên.

Châu Tuyên Hoá lĩnh chín huyện: Khoáng, Đương Đạo, Văn Yên, Bình Nguyên, Để Giang, Thu Vật, Đại Man, Dương, Ất.

Châu Gia Hưng lĩnh ba huyện: Lung, Mông, Tứ Mang.

Châu Quy Hoá lĩnh bốn huyện: Yên Lạp, Văn Bàn, Văn Chấn, Thuỷ Vĩ.

Châu Quảng Oai lĩnh hai huyện: Ma Lung, Mỹ Lương.

[Lập các kho tàng; ty, cục Thuế khoá]

Lập kho Vĩnh Doanh tại ty Bố chính Giao Chỉ.

Lập hai ty là ty Y học và ty Tăng cương tại phủ Giao Châu.

Xây trị nuôi ngựa trạm Phong Doanh và kho lúa Vĩnh Phong tại sông Lô.

Lập kho Vĩnh Doanh, cùng kho lúa Thường Phong tại phủ Kiến Bình.

Lập kho lúa Phong Tế tại phủ Tam Giang.

Xây trường Nho học tại châu Gia Lâm.

Lập ty thuế khoá tại bốn phủ: Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Kiến Bình.

Lập cục thuế khoá tại tám châu: Phúc Yên, Tam Đái, Từ Liêm, Lợi Nhân, Gia Lâm, Vũ Ninh, Bắc Giang, Tuyên Hoá.

Lập Cục thuế khoá tại 20 huyện: Ứng Bình, Đại Đường, Sơn Định, Thanh Oai, Ninh, Tế Giang, Thiện Tài, Vũ Ninh, Đông Ngàn, Thanh Lâm, Chí Linh, Bình Hà, Cổ Dũng, Thanh An, Thái Bình, Đa Dực, A Côi, Tây Quan, Trường Tân, Đồng Lợi.

Lập cục thuế khoá tại năm địa phương: xứ Ma Lãng huyện Đa Cẩm, xứ Hạ Xương huyện Bảo Lộc, xứ Kim Lũ huyện Đường Hào, xứ Tư Vương huyện Đường An, xứ Giáp Sơn huyện Giáp Sơn.

Bến thuyền bè đậu tại 21 nơi:

1. Dọc trường giang từ phủ Bắc Giang cho đến châu Tam Đái.

2. Thượng Cổ, châu Từ Liêm.

3, 4. Dưỡng Ngoạn, châu Lợi Nhân.

5. Vùng trường giang thuộc châu Tuyên Hoá.

6. Binh Thần, huyện Từ Liêm.

7. Giang Đàm thuộc huyện Đại Đường.

8. Sơn Định, huyện Sơn Định.

9. Thanh Oai, huyện Thai Oai.

10. Kinh Thai, huyện Đường An.

11. Ông La, huyện Thanh Viễn.

12. Cửa biển Yên Mô, huyện Yên Mô.

13. Xa Lật, huyện Đông Kết.

14. Viên Quang, huyện Giao Thuỷ.

15. Phần Trì, huyện Cổ Dũng.

16. Đống Mỹ, huyện Bình Hà.

17. Cổ Trai Trường, huyện An Lão.

18. Xã A Niếp, huyện Chi Phong.

19, 20, 21. Xã Tứ Kỳ, xã Vực Cá Lũ, xã An Định thuộc huyện Tứ Kỳ.

Đặt 67 ty Tuần kiểm:

1. Bà Già, thuộc huyện Từ Liêm.

2. Sông Tam Nghị, huyện Ứng Bình.

3, 4. Cửa sông Tam Giang, cầu Trường Tân, thuộc huyện Đại Đường.

5, 6. Cửa sông Hà Lỗ, cầu Đường Giang, thuộc huyện Phù Dung.

7. Trấn tại cửa sông, huyện Phù Long.

8. Trấn Viên Sơn, huyện Phù Ninh.

9. Trấn Xa Lang, huyện Lập Trạch.

10. Cửa sông Hát Giang, huyện Đan Sơn.

11. Kinh Thừ, huyện Thanh Liêm.

12. Sông Ninh Giang, huyện Bình Lục.

13, 14. Cầu Pháo, cửa sông Vĩnh Giang, thuộc huyện Cổ Bảng.

15, 16, 17. Cửa sông Tam Giang, Xá Thượng, Cứu Lan, thuộc huyện Gia Lâm.

18. Cửa sông Bình Than, huyện Thanh Lâm.

19. Bến đò Cổ Pháp, huyện Chí Linh.

20, 21, 22. Cửa biển Đa Ngư, cửa Đôi, cửa sông An Phố, thuộc huyện Bình Hà.

23. Cửa sông A Lao, huyện Đa Cẩm.

24. Trần Xá, huyện Sơn Vi.

25. Núi Hoa Nguyên, huyện Ma Khê.

26. Đăng Hôi, huyện Hạ Hoa.

27. Cửa sông Cổ Lưu, huyện Đông Lan.

28. Hiên Quan, huyện Tây Lan.

29. Cửa sông Tam Kỳ, huyện Hổ Nham.

30. Phí Xá, huyện Lũng Bản.

31. Sái Xá, huyện Cổ Nông.

32. Sông Lộ Bái, huyện Ý Yên.

33. Cửa bể Đại An, huyện Đại Loan.

34. Sông Sơn Thuỷ, huyện An Ninh.

35. Sông Sinh Dược Sơn, huyện Lê Bình.

36. Cửa biển Thần Đầu, huyện Yên Mô.

37, 38. Sông Liêu, cửa kênh Đa Các, thuộc huyện Thái Bình.

39. Lật Giang, huyện Đa Dực.

40. Bến Chi Long, huyện Hà Khôi.

41. Trang Chi Lai, huyện Tây Quan.

42. Sông Thiên Liêu, Đồn Sơn thuộc châu Đông Triều.

43. Cửa biển xã Phù Đái, huyện Cổ Phí.

44. Cửa biển Lão, cửa biển Đa Hỗn, thuộc huyện An Lão.

45. Cửa biển Đồng An, huyện Đồng An.

46. Cửa biển xã Đa Lý, huyện Chi Phong.

47. Cửa biển Tiểu Bạch Đằng, huyện An Hoà.

48. Xã Ba Liễu, huyện Trường Tân.

49. Đội Vực Cá Lâu, đội Du Giang, đội Chúc Thuỷ, huyện Tứ Kỳ.

50. Ba Dặc, huyện Đồng Lợi.

51. Bỗng Điền, huyện Bỗng Điền.

52. Cửa sông Hoàng Giang, huyện Kiến Xương.

53. Cửa Hải Môn, huyện Chân Lợi.

54. Cửa khẩu Xa Lật, huyện Đông Kết.

55. Cửa khẩu sông Ninh Giang, huyện Mỹ Lộc.

56. Cửa khẩu Đái Giang, huyện Tây Chân.

57, 58. Cửa sông A Giang, Hội Giang, thuộc huyện Thuận Vi.

59, 60. Cửa biển Thiêm Phúc, cửa Giao, thuộc huyện Giao Thuỷ.

61. Hương Thạch Tư, thuộc huyện Thu Vật.

62. Cầu Bắc Quả, huyện Đại Man.

63. Xã Chi Lan, huyện Đương Đạo.

64, 65. Cửa sông Vị Long, huyện Văn An.

66. Bắc Cù, huyện Bình Nguyên.

67. Trấn Tích Sơn, huyện Để Giang.

Lập bảy trạm dịch dùng ngựa, gồm:

1. Trạm Khương Kiều, huyện Thanh Liêm.

2. Trạm Bảo Phúc, huyện Bảo Phúc.

3. Trạm Gia Lâm, huyện Gia Lâm.

4. Trạm Thị Cầu, huyện Vũ Ninh.

5. Trạm Vĩnh An, huyện Bình Lục.

6. Trạm Sinh Dược, huyện Lê Bình.

7. Trạm Cần Trạm, huyện Bảo Lộc.

Lập năm sở Chuyển vận, gồm:

1. Sông Lô, tại phủ Giao Châu.

2. Thị Cầu, tại huyện Vũ Ninh.

3. Cần Trạm, tại huyện Bảo Lộc.

4. Kê Lăng.

5. Khâu Ôn.

Thiết lập ty Tăng hội tại huyện Thạch Thất, ty Đề cử Diêm khoá[1] Giao Chỉ, hai trường Diêm khoá Quảng Từ và Đại Hoàng. Đổi Kê Lăng quan thành Trấn Di quan.

(*Minh thực lục*, v.11, tr.946-955; *Thái Tổng* q.68, tr.2b-7a)

1. Ty quản lý muối. (NPA)

Phụ lục 3:
Thân minh giáo hoá bảng văn.

Trích từ Cao Hùng Trưng - Khuyết danh; Hoa Bằng dịch chú và giới thiệu, Émile Gaspardone, Trương Tú Dân khảo cứu, Lộc Nguyên hiệu chú, *An Nam chí nguyên*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2017, trang 373-380.

LOẠI VĂN NIÊM YẾT Ở BẢNG

{BẢNG VĂN}

Bảng văn giãi tỏ về việc giáo hoá

{Thân minh giáo hoá bảng văn}

Ti Thừa tuyên Bố chính ở các xứ trong Giao Chỉ có lời giãi tỏ về việc giáo hoá như sau đây:

Người ta có nói: Muốn chăn dân và làm cho phong tục đến được thịnh trị, trước phải mở rộng ân đức; muốn thay đổi phong tục, đầu tiên phải chú trọng vào việc mở rộng giáo hoá. Vì rằng đức trạch có rẩy khắp xung quanh thì dân mới được thấm nhuần ơn huệ cụ thể, pháp lệnh có ban bố rõ rệt thì dân mới giữ được phép tắc đã quy định sẵn. Đó là mưu đồ lớn lao của việc vỗ về tập hợp nhân dân và cũng là đạo cố yếu của việc trị nước yên dân vậy.

Nay xét:

Giao Chỉ từ đời Hán, Tấn, Tuỳ, Đường trở đi, đều là quận huyện của Trung Quốc; thảy đều do mệnh lệnh triều đình bổ người sang làm quan để cai trị. Kịp đến đời Ngũ Quý (907-959) suy yếu, các thổ hào nổi lên chiếm cứ địa phương, làm cho văn thanh và giáo hoá bị cách trở, chìm vào trong phong tục Man Di, không được thấy phong tục của Trung Hoa. Từ đó đến nay đã lâu rồi!

Gần đây, nhân có cha con họ Lê làm việc thoán nghịch, xâm phạm đến đất đai tiếp giáp ở biên giới, Hoàng thượng ta bèn sai tướng ra quân, làm việc đánh kẻ có tội để cứu dân chúng.

Giết được kẻ đầu sỏ bạc ác vỗ yên được dân lương thiện, khôi phục lại bờ cõi ngày xưa, ban bố chính trị mới mẻ, thiết lập Giao Chỉ Đô ti, thống suất quân túc vệ để trấn áp bọn gian tà hung ác. Lại sai bố chính ti khống chế chặn giữ các châu huyện để dẹp giặc giã cho yên dân trong sổ hộ nhà vua hết cả. Núi sông ở ngoài Ngũ Lĩnh đều thuộc trong nội địa Trung Quốc; không cứ gần xa đều được coi chung trong một lòng nhân hậu yêu thương. Chia đặt quan lại để vỗ về nhân dân. Thiết lập kỉ cương để thi hành chính sự.

Nghĩ rằng: Nhân dân mới quy phụ, trong lòng hãy còn tiêm nhiễm thói tục cũ, chưa tẩy sạch được ngay đâu. Quan lại mới sang hoặc giả hãy còn rông rỡ tham lam, không làm được hết chức trách. Phàm điều lời gì nên làm, đều hại gì nên bỏ, điều thiện nào nên khuyến khích, điều ác nào nên răn chừa, đều chưa làm được tất cả.

Bản quan giữ chức ở một địa phương, sớm hôm vuốt bụng, run rẩy sợ hãi, chỉ chăm lo cho việc trị an. Nay đặc biệt yết bảng hiểu dụ cho dân xã sở tại các người đều biết.

Trên nhờ có mĩ ý của triều đình cất dùng quan lại để vỗ yên dân chúng, mọi người đều nên lấy lòng, rửa ruột, tránh xa tội ác, làm theo điều thiện, mong được ngôi vị và tước lộc, cùng hưởng cảnh thăng bình. Trong bọn quan lại, hễ kẻ nào dám tham tàn, phá hoại, hại nước, mọt dân; trong đám bách tính hễ kẻ nào dám cố phạm lỗi, làm điều quấy, nổi loạn và cản trở giáo hoá thì nhà nước đã có hình phạt nghiêm ngặt, bản thân và gia đình nó sẽ bị giết. Bấy giờ dù có ăn năn nhưng sự đã rồi!

Nay có những sự việc nên làm, xin bày tỏ ra sau đây, hết thảy đều phải tuân theo như lời trong bảng văn này.

1) Canh nông và tằm tang là việc căn bản để có cơm ăn áo mặc. Nếu không chăm lo làm ruộng và chăn tằm thì việc dân sinh lấy đâu cho được phong hậu? Gần đây, vì việc binh biến, nhân dân đều thất nghiệp. Các hữu tư quan lại, kì lão, xã chính, giám nhân,

thủ lãnh, quan lang và nhân viên đầu tiên để tâm khuyến khích việc nông tang, khiến cho cư dân nam nữ trong các hương xã đều yên nghiệp làm ăn, hết sức cày ruộng dệt vải, cốt sao cho ruộng không bỏ hoang, từng người và từng nhà được no đủ. Hễ kẻ nào dám chơi bời biếng nhác, không chăm làm ăn, nếu là tội nhẹ thì quan sở tại được phép tự tiện trừng trị; nếu là tội nặng thì phải nộp quan trên xét xử.

2) Dân Giao Chỉ trước đây gặp phải giặc Lê hà khắc tàn ngược, lại mắc vào vòng binh đao, vết thương chưa lành, mỏi mệt cũng chưa hồi tỉnh, cơ nghiệp tiêu hao, cơm áo không đủ. Các quan lại, kì lão và nhân viên sở tại đều nên chăm lo việc công, giữ gìn phép nước, hết lòng thành khẩn, đến nơi đến chốn, để tâm vỗ về cho êm ấm hơn nữa, khiến cho ai nấy ở yên nơi làng xóm quê hương. Hễ kẻ nào dám càn bậy sinh sự, tiêu phí tài lực và vật lực, thi hành hình pháp và phép luật một cách nghiêm khắc, dữ dội, bạo ngược đối với dân ta, thì cho phép người dân bị hại được cáo tố theo sự thực để quan trên căn cứ vào đó mà trừng trị.

3) Trước đây, nhân dân các xứ vì gặp việc binh cách phải lìa nhà cửa, bỏ nghề nghiệp, trốn lánh lưu li, không được ở yên, thực đáng thương xót! Đô ti nay đã nghiêm sức tướng sĩ rèn luyện binh mã một cách tinh thục. Nếu dân mà yên nghiệp làm ăn thì không đem quân đến đánh một cách càn bậy đâu. Các ngươi là hữu tư, quan lại và nhân viên cần phải vỗ về, chăn nuôi dân một cách đầy đủ, tha lao dịch cho dân, khiến họ được yên làm nghề cày ruộng và dệt vải. Hễ có kẻ nào dám tự tiện dùng sức một người dân và tiêu sai một đồng khiến cho những dân lương thiện kia không được sống yên, nếu bị phát giác thì nhất định sẽ đem những người quan lại và nhân viên không xứng đáng {với} chức vụ ấy ra xét xử theo như pháp luật; hoặc giả nếu bị người ta cáo tố thì sẽ khép vào tội phản nghịch theo như bảng văn của Tổng binh quan đã định.

4) Đất Giao Chỉ tuy ở nơi xa xôi, hoang vu, nhưng tính người vốn thiện thì đâu cũng có. Nay, nhân dân sở tại chớ nên yên phận

noi theo tục cũ, phải nên bắt chước Trung Quốc. Cố sao cho cha thì hiền từ, con thì hiếu thảo, anh thì thương yêu, em thì cung kính, chồng thì vui hoà, vợ thì mềm mỏng, kính người già, thương kẻ khó, để tâm giúp đỡ những người cô quả. Như vậy, ngõ hầu lễ nhượng mới dấy lên được và phong tục mới được thuần hậu và tốt đẹp. Hễ kẻ nào dám cứ giữ theo phong tục tệ hại và còn cứ cắt tóc, đeo vòng cổ, đi đất, ở truồng, trai gái chung chạ, cha con chia lìa, trái lẽ ngược đạo, làm bại hoại phong tục thì quan sở tại sẽ trừng trị nghiêm ngặt.

5) Tục cũ Giao Chỉ: kẻ mạnh hay lấn người yếu, số đông làm dữ số ít. Người giàu thì sai khiến nô tì, bát ngát những ruộng liền bờ, yên hưởng vinh hoa sung sướng. Người nghèo thì chạy vạy như trâu ngựa, hầu hạ phục dịch, ngày làm không đủ ăn. Vì thế, kẻ giàu lại càng giàu, lấn dần như tằm ăn dâu, như lưới vét cá, chẳng còn chừa một thứ gì là không làm. Người nghèo thì càng nghèo, phải lột đến da, bóc đến xương để đóng góp dâng nộp cũng không đủ! Trước đây, có những kẻ thổ hào, dân thổ trước và những thổ quan mới cũ cũng hay cậy sức mạnh, dựa thần thế, uy hiếp kẻ tiểu dân, quấy nhiễu và độc hại những người nghèo khổ yếu thế. Nay trở về sau, ai nấy đều yên nghiệp làm ăn, giữ gìn nhà mình, không được chiếm bình dân làm nô bộc, được tự tiện bá chiếm ruộng đất, hồ ao của công hay của tư, xâm chiếm và cướp đoạt lợi của dân chúng. Nay về sau, hễ kẻ nào vi phạm, thì cho phép những người bị hại cứ theo sự thực mà trình báo để quan trên dựa vào bằng cớ mà hỏi tội. Còn các tiêu dân thì cũng nên yên phận cày ruộng dệt vải cho đủ ăn đủ mặc, chứ không được dựa dẫm nhờ vả vào thế lực những nhà quyền quý hào trưởng, trốn tránh sai dịch để tự mình chuốc lấy tai vạ và nguy hại về thân.

6) Nhân dân các xứ gần đây vì việc binh biến, phần nhiều thiếu ăn thiếu mặc, đến nỗi có những kẻ vô lại đó nổi lên làm trộm cướp. Vậy, hữu tư và quan lại ở nơi tuần ti cần phải để tâm vào việc tuần sát, tìm cách lùng bắt trừ khử để cho dân lương thiện của ta

được yên. Phàm người bản thổ nào có công bắt giặc sẽ được liệu tuỳ từng việc mà thưởng cho. Còn ai dám cố ý trái lệnh, ngồi nhìn kẻ làm hại dân thì nhất định phải bắt để xét hỏi, trị tội không tha.

7) Trước đây, vì tên giặc Giản Định làm loạn, trong đám quan dân đầu mục có người bị hiếp tòng, quan Tổng binh đã từng yết bảng hiểu dụ: Quan thì vẫn cho nguyên chức như cũ, dân thì lại về yên nghiệp làm ăn. Nay các nơi giặc đã dẹp yên, e rằng có người hãy còn chưa biết, còn đem lòng sợ hãi. Vậy, sau khi bảng văn này đã yết ra, hết thảy quan dân đầu mục và nhân sĩ đã bị cưỡng ép bắt theo mà nay hãy còn tụ họp, lẩn tránh đều cho phép được ra mắt tất cả, sẽ được coi ngay như hạng người lương thiện, không bị khép tội. Hễ kẻ nào dám cứ như cũ, kết đảng tụ tập ở rừng núi, quấy nhiễu nhân dân, cản trở giáo hoá thì cho phép quan lại, xã chính và giám nhân mã bắt lấy những tên giặc trước đã ra thú đó đem giải lên quan, thì bản thân phạm nhân sẽ bị giết và cả họ sẽ bị tru diệt. Người nào có công trong việc bắt giặc, sẽ được ban thưởng đúng thể lệ.

8) Theo tục cũ của Giao Chỉ, những người hào hiệp và nhân dân vẫn đóng riêng chiến thuyền, sắm riêng chiến cụ, và nuôi bừa gia nô, làm việc báo thù giết hại lẫn nhau, khuấy nhiễu những người lương thiện. Như vậy rất là có hại đến dân. Từ nay về sau, hễ kẻ nào dám lén lút đóng thuyền chiến, sắm chiến cụ và những kẻ nào trước đây đã có mà vẫn giấu giếm không đưa nộp quan ngay, một khi việc bị lộ, phát giác đến quan, hay là bị ai cáo tố thì nhất định phải khép và tội phản nghịch theo như bảng văn của quan Tổng binh đã định.

9) Các phố phường và các chợ búa ở các xứ, hễ quân và dân mua bán hàng hoá, đồ vật, giá cả cao hay hạ, là tuỳ theo hai bên tự nguyện thoả thuận giao dịch với nhau. Hễ kẻ nào dám cậy thần thế, mà ức hiếp do đó xảy ra tranh chấp đánh nhau, làm ngăn trở đến việc buôn bán, khi đã bị bắt nộp quan thì không cứ là quân hay dân đều phải đưa ra xét hỏi cả.

10) Đối với những người quan, quả, cô, độc, bại liệt, điếc lác và tàn tật, triều đình đã lập viện Dưỡng tế để thu nuôi rồi. Nhưng e quan lại thừa hành không đến nơi đến chốn. Nay trở đi, quan lại có trách nhiệm về viện Dưỡng tế phải đến tận viện mà lo sửa sang tu bổ cho được kiên cố, hoàn bị, thu nhặt các nơi mà nuôi ngay vào đó những người lưu lạc, bơ vơ, không biết kêu đâu, chứ đừng để họ đến nỗi không được yên sở. Kẻ nào trái lệnh, sẽ bị trị tội.

11) Ở Giao Châu, dân đông, người nhiều, tình hình trải qua một cuộc binh lửa, nhưng há lại không có con hiếu, cháu hiền, chồng nghĩa, vợ trinh, trung thần, liệt sĩ hay sao? Quan sở tại không được ẩn giấu, nên để tâm xét hỏi, căn cứ vào sự thực rồi báo lên để bằng cứ vào đó mà biểu dương, khuyến khích, cổ võ phong tục.

12) Trường học là gốc gây nên phong hoá, là đất phát sinh lễ nhạc, luân lí nhờ đó mà sáng tỏ, nhân tài do đó mà nảy ra. Huống chi, Giao Chỉ vẫn có tiếng gọi là đất văn hiến, người ta thích đọc sách và ưa làm điều lành. Vậy nay, các quan lại sở tại nên thiết lập trường học, cẩn thận lựa chọn lấy những người nho giả sáng suốt để làm thầy dạy, rồi kén lựa con em dân gian sung làm sinh viên {người học}, cho miễn sai dịch. Thêm vào đó, dạy dỗ một cách nghiêm ngặt, gây nuôi cho thành tài để cung vào việc bổ dùng làm quan. Đối với việc này, đừng nên coi thường là chuyện phiếm mà không để ý làm theo. Kẻ nào vi phạm sẽ bị trị tội.

13) Đời nào chẳng có những người hiền tài. Quan lại có trách nhiệm ở sở tại nên để theo mĩ ý của Hoàng thượng là dùng người hiền tài không hạn chế theo xứ sở, nên thăm hỏi cho rộng, tìm lấy những người có chân tài, thực học đáng sung vào việc tiến cống để dùng. Hễ thấy người ta vui thích ra làm quan thì nên vời lễ độ, đưa ngay đến dinh sứ ti, để quan trên căn cứ vào thực tế xếp theo thứ tự, tuyển lựa đưa sang kinh đô, trao cho quan chức, rồi lại cho về bản quốc để vỗ về nhân dân. Nếu quan lại nào có chức trách về việc này mà biếng nhác tìm kiếm, thăm hỏi hoặc che giấu

người hiền mà không đề cử hoặc đề cử mà không xứng đáng đều bị trị tội.

14) Nhân dân trong các xứ tiêm nhiễm phong tục tệ hại ở nơi xa xôi hoang dại đã từ lâu, không biết phép tắc chế độ của triều đình. Pháp luật đã có điều khoản rõ ràng cấm việc tố tụng vượt bậc và trị tội kẻ nào vu cáo. Gần đây, trong quan và dân có kẻ viết ra những lời bịa đặt, vu khống, vượt qua quan phủ hạt mình thưa lên cấp trên, vu cáo hạng người lương thiện. Kịp khi bắt bị cáo đến để đối chất thì kẻ tố cáo ấy lại sợ tội, trốn về; trong đó có kẻ vì mắc vào sự "vu vơ, không đâu" mà phải mang tội. Giảo trá như vậy, chẳng những làm phiền, làm bận chốn công đường mà bản thân người ấy lại tự chuốc lấy vạ vào mình nữa. Từ nay về sau, trong dân chúng các ngươi, nếu ai quả thật có nhiệm vụ xử vụ ấy mà ngả theo tư tình không xét, hay là xét xử không công bằng chính đáng, thì mới cho kêu lên quan trên xét xử. Kẻ nào trái lệnh, sẽ bị trị tội.

15) Phàm các cửa ải và bến đò ở các xứ đều có quan quân các nha, các sở và ti tuần hành canh giữ. Đối với những kẻ lén lút vượt ải, qua bến, pháp luật đã có định tội sẵn rồi. Từ nay về sau, nhân dân các xứ khi muốn ra khỏi nơi mình ở ngoài trăm dặm để buôn bán các thứ lương thực, thì phải trình bày rõ ràng với quan sở tại, xin cấp cho tờ bằng chứng và ghi rõ kì hạn đã định; khi đi và điểm lại, khi về thì sẽ thu hồi giấy phép. Hễ người dân nào không khai báo để lấy tờ "văn dẫn" mà tự lén lút đi xa, hay là có xin tờ "văn bằng" mà quan lại sở tại không cấp cho ngay thì cả hai đều bị trị tội.

Phụ lục 4:
Áng văn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

Trích từ *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr.375-378.

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Xét như nước Đại Việt ta,
Thực là một nước văn hiến.
Cõi bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc, Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều đủ một phương.
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau.
Song hào kiệt không bao giờ thiếu.
Cho nên:
Lưu Cung tham công mà đại bại.
Triệu Tiết thích lớn phải tan tành.
Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ rành rành.
Vừa rồi:
Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để đến nỗi lòng người oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ,
Bọn gian tà lại bán nước cầu vinh.

Nướng dân đen trên lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống hầm tai vạ.
Dối trời lừa người, kế quỷ quyệt đủ muôn ngàn khoé.
Gây binh kết oán, tội chồng chất ngót hai mươi năm.
Tan nghĩa nát nhân, trời đất tưởng chừng muốn sập,
Sưu cao thuế nặng, núi chầm hết thảy sạch không.
Kẻ tìm vàng phá núi đãi bùn, lặn lội nơi lam chướng,
Người mò ngọc giòng dây quăng biển, làm mồi lũ giao long.
Nhiễu dân, đặt cạm bẫy hươu đen,
Hại vật, chăng lưới bắt chim trả.
Đến cỏ cây sâu bọ cũng chẳng được trọn đời,
Người goá bụa khốn cùng không một ai yên ổn.
Hút máu mủ sinh dân, quân gian ác miệng răng nhờn béo,
Dựng công trình thổ mộc, nhà công tư dinh thự nguy nga.
Chốn châu huyện, bao tầng sưu dịch,
Nơi xóm làng lặng lẽ cửi canh.
Tát cạn nước Đông Hải không đủ rửa tanh nhơ,
Chặt hết trúc Nam Sơn không đủ ghi tội ác.
Thần người đều căm giận, trời đất chẳng dung tha.
Ta:
Phát tích chốn Lam Sơn,
Nương mình nơi hoang dã.
Ngẫm thế thù há đội trời chung,
Thề nghịch tặc khó cùng tồn tại.
Đau lòng nhức óc, đã trải mười năm,

Nếm mật nằm gai phải đâu một buổi.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Lấy xưa nghiệm nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ,

Chí phục thù đã quyết,

Dẫu thức ngủ không quên.

Vừa khi cờ khởi nghĩa mới dấy lên,

Chính lúc thế giặc đương rất mạnh.

Thế mà:

Nhân tài như lá mùa thu,

Tuấn kiệt tựa sao buổi sớm.

Bôn tẩu trước sau đã ít kẻ đỡ đần,

Vạch mưu dưới trướng lại ít người bàn bạc.

Chỉ vì: Chí muốn cứu dân, nhưng đăm đăm muốn tiến về đông,

Nên: cỗ xe đãi hiền, vẫn canh cánh để dành phía tả.

Nhưng: được người đâu dễ, mù mịt xa vời,

Mong tự đáy lòng, gấp hơn cứu đuối.

Phẫn giận quân thù chưa bị diệt,

Phẫn lo vận nước còn lao đao.

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi huyện quân không một lữ.

Bởi trời muốn thử thách ta, để trao mệnh lớn,

Nên ta càng mài ý chí, quyết vượt gian nguy

Dựng gậy làm cờ, tụ hội bốn phương manh lê,

Hoà rượu mời lính, dưới trên một dạ cha con.

Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ,
Lấy ít địch nhiều, hay dùng mai phục.
Rốt cuộc: lấy đại nghĩa thắng hung tàn,
Lấy chí nhân thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật.
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.
Sĩ khí do đó càng tăng,
Quân thanh từ đây càng dậy.
Bọn Trần Trí, Sơn Thọ, nghe hơi mà mất vía.
Lũ Lý An, Phương Chính, nín thở mong thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, trôi tanh muôn dặm,
Tốt Động thây phơi đầy nội, để thối ngàn năm.
Tâm phúc giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Mọt gian giặc, Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ rối, đám cháy lại càng bùng,
Mã Anh cứu nguy, lửa thù càng thêm bốc.
Nó trí cùng lực kiệt, chờ chết bó tay,
Ta mưu phạt tâm công, không chiến cũng thắng.
Tưởng chúng phải đổi nết thay lòng,
Ngờ đâu vẫn làm càn chuốc tội.
Khăng khăng cố chấp, gieo vạ cho bao người,
Thiển cận tham công, mưu cười khắp thiên hạ,
Thế rồi thằng nhãi ranh Tuyên Đức hiếu chiến hung hăng.

Lại sai lũ hèn nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy.

Tháng 9 năm Đinh Mùi, Liễu Thăng bèn đem quân từ Khâu Ôn tiến sang,

Tháng 10 cùng năm ấy, Mộc Thạnh cũng chia đường từ Vân Nam kéo đến.

Ta trước đã chọn quân chẹn hiểm, bẻ mũi tiên phong,

Rồi sau lại điều binh chặn đường cắt nguồn lương giặc.

Ngày 18 tháng ấy, Liễu Thăng bị quân ta tiến công, rừng Chi Lăng mưu đồ đổ sụp.

Ngày 20, Liễu Thăng bị quân ta đánh bại, núi Mã Yên tử trận phơi thây,

Ngày 25, Bảo Định bá Lương Minh trận hãm phải bỏ mình,

Ngày 28, Thượng thư Lý Khánh kế cùng phải thắt cổ.

Ta thuận đà, đưa dao tung phá,

Giặc bí nước, quay giáo đánh nhau.

Kế đó, lại tăng quân vây bức bốn bên,

Hẹn đến giữa tháng 10 nhất tề diệt giặc.

Kén quân tỳ hổ, chọn tướng vuốt nanh,

Voi uống cạn sông, gươm mài vẹt núi.

Đánh một trận, sạch sanh kình ngạc,

Đánh hai trận, tan tác chim muông.

Nó như kiến tan đàn dưới bờ đê vỡ,

Ta tựa cơn gió mạnh quét sạch lá khô.

Đô đốc Thôi Tụ lê gối đầu hàng,

Thượng thư Hoàng Phúc trói mình đành chịu bắt.

Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,

Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.

Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,

Ảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.

Binh Vân Nam bị quân ta chẹn ở Lê Hoa, nơm nớp hoảng kinh trước đà vỡ mật.

Bọn Mộc Thạnh nghe quân Thăng bại ở Cần Trạm, xéo nhau tháo chạy, chỉ cố thoát thân!

Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông rền rĩ,

Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đỏ lòm.

Hai cánh viện binh đã gót chẳng kịp quay, thảy đều đại bại,

Mấy thành giặc khốn cũng nối nhau cởi giáp, lũ lượt ra hàng.

Tướng giặc bị tù, nó đã vẫy đuôi xin tha mạng sống,

Oai thần không giết, ta cũng thể lòng trời mở đức hiếu sinh.

Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, được cấp trước năm trăm chiếc thuyền, đã vượt biển, vẫn hồn bay phách lạc,

Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, lại được cho mấy ngàn cỗ ngựa, về nước rồi, còn tim thót chân run.

Nó đã tham sống sợ chết, thực bụng cầu hoà,

Ta coi toàn quân là hơn, để dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,

Mà cũng xưa nay chưa từng nghe thấy.

Xã tắc do đó vững bền,

Non sông từ đây đổi mới.

Trời đất bĩ rồi lại thái.

Nhật nguyệt mờ rồi lại trong.

Để mở nền thái bình muôn thuở,

Để rửa mối sỉ nhục ngàn thu!

Âu cũng nhờ trời đất, tổ tông linh thiêng ngầm giúp mới được như vậy.

Ôi!

Một gươm đại định, nên công oanh liệt vô song,

Bốn biển thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn,

Bố cáo gần xa,

Mọi người đều biết.

Trải qua nhiều lần chiến tranh với hai triều Tống và Nguyên, An Nam vẫn có thể duy trì bảo vệ được vị trí một quốc gia độc lập, ngoài những điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà ra, tính cách dân tộc kiên cường bất khuất của họ, đối diện với sự uy hiếp của Trung Quốc, càng được thể hiện ra bên ngoài. Tinh thần dân tộc của Việt Nam đã trở thành một sức mạnh không thể bỏ qua. Nhưng những nhà thống trị các vương triều Trung Quốc coi trọng lịch sử, tiếc nuối sự thống trị của mình đối với An Nam trong quá khứ, và hơn thế nữa là một bức bối lịch sử không thể nào phủi sạch được. Sự thống trị của hai nhà Đường, Hán ở khu vực An Nam tượng trưng cho một thời đại toàn thịnh của Trung Quốc, bất cứ một nhà cầm quyền nào có lòng tấn công chiếm giữ, đều lấy cớ thu phục vùng đất đã mất làm mục tiêu. Chính bức bối này, khiến cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam tồn tại đầy ắp những mâu thuẫn và đối lập, quan hệ của đôi bên không ổn định. Đến đầu đời nhà Minh, sự xung đột và chiến tranh như thế này càng có xu hướng trở nên kịch liệt hơn, những khốn khổ do chiến tranh gây ra, khiến Trung Quốc phải nhìn lại một lần nữa địa vị của An Nam.

- Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trước đời Minh -

Trung Quốc đời nhà Minh sau chiến dịch này, càng hiểu rõ được là mảnh đất An Nam này đã thực sự thoát ly Trung Quốc, bất cứ sự can thiệp nào cũng đều sẽ dẫn đến chiến tranh. Sự kiện lần này có ích cho vương triều Trung Quốc kiểm tra lại chính sách đối với An Nam. Trong đời Vạn Lịch, cuộc chiến giữa họ Lê và họ Mạc trong nước An Nam, nhà Minh áp dụng chính sách "không từ họ Lê, không chối họ Mạc", cho thấy rõ ràng nhà Minh không đồng ý can thiệp vào nội chính của An Nam nữa. Nói một cách khác, niềm mắc mứu của Trung Quốc đối với An Nam từ đời Ngũ Đại trở đi, đến đây cũng tan tành theo mây khói, mối quan hệ của hai nước cũng được xác định, thế là nhân dân của hai nước cũng đã trả một cái giá đánh đổi hết sức trầm trọng.

- Việt Nam dưới sự thống trị
của Trung Quốc đời Minh Vĩnh Lạc (1407 - 1424) -

CHINH CHIẾN VÀ TỪ BỎ
ISBN: 978 604 335 147 7
165.000 đ
www.sachweb.vn